

me việt nam ỏi, dân ta có tội tình gì?



perre darcourt - midway press 2012

me việt nam ơi,
dân ta có tội tình gì?

Nguyên tác: *Viet Nam, Qu'as tu fait de tes fils*, Nhà xuất bản Albatros
14, Rue l'Armorique - Paris 15ème, Dương Hiếu Nghĩa dịch.

P i e r r e D a r c o u r t
Đ u o n g H i ế u N g h i ấ a d ị c h

mẹ việt nam ơi, dân ta có tội tình gì?

m i d w a y p r e s s 2 0 1 2

Lời giới thiệu
của nhà xuất bản Albatros

Sau 30 năm đấu tranh và chinh chiến, cuộc chiến Việt Nam vừa chấm dứt: Cộng Sản Miền Bắc đã chiếm được Miền Nam Việt Nam.

Sau Pháp, Hoa Kỳ cũng đã rút ra khỏi Miền Nam Việt Nam. Những người sắt máu thuộc Bộ Chánh trị của Hà Nội đã là kẻ chiến thắng.

Pierre Darcourt mở lại hồ sơ về chuyện mất Sài Gòn và Miền Nam Việt Nam. Với quyển sách này Anh thuật lại trận đánh cuối cùng mà anh đã sống ngày này sang ngày khác trên trận địa, và tường thuật lại rất trung thực bầu không khí của những mưu mô, những áp lực, những trò chánh trị muôn hình vạn trạng đã được gây ra để gia tăng tốc độ sụp đổ của Miền Nam.

Anh mô tả những nỗi đau khổ và những sự thiếu thốn của những người tỵ nạn tìm đường chạy ra biển; sự kháng cự cuối cùng của đội quân thiện chiến của Miền Nam Việt Nam trước làn sóng xâm lăng của quân Bắc Việt ở Xuân Lộc... Trảng Bom... Biên Hòa; sự ra đi của người Mỹ; sự xuất hiện của tướng Dương văn Minh với vai trò phù du của ông; cảnh các “bộ đội” của Miền Bắc tiến vào thủ đô Sài Gòn mà họ đổi tên lại là thành phố Hồ chí Minh; hoàn cảnh đau thương khổ sở của dân chúng;

sự xét lại vấn đề tự do của các tôn giáo; và tấn thảm kịch xót xa của những người công giáo luôn gắn bó với niềm tin của họ; và những phản ứng sau cùng của những người lính chiến không bao giờ muốn hạ súng xuống...

Qua tựa đề của quyển sách Mẹ Việt Nam ơi, dân ta có tội tình gì? Anh chỉ nêu lên một câu hỏi duy nhất nhưng rất là chính xác.

Ba triệu người đã chết cho một chiến thắng quân sự, một chiến thắng không giải quyết được gì cả mà nó lại còn đưa đến một thất bại về chính trị lẫn nhân tâm. Khởi xướng và lãnh đạo một cuộc chiến 30 năm dài nói là để thống nhất đất nước, mà cuối cùng chỉ thấy một đất nước rách nát và tan thương hơn bao giờ hết!

Pierre Darcourt là một nhà báo, một phóng viên có tâm vóc, là thông tin viên liên tiếp cho nhiều tờ báo Pháp và ngoại quốc như l'Express, l'Aurore, Sud Ouest, Jiji Press, v.v.

Năm nay Anh 49 tuổi (1975), chào đời tại Sài Gòn, tốt nghiệp cao đẳng Luật Khoa và Lịch Sử ở trường Đại Học Hà Nội. Với những tác phẩm nghiên cứu và phóng sự của mình, anh được xếp vào một trong những chuyên viên giỏi nhất hiện nay về những vấn đề Á Châu. Anh là Tổng thư ký của Viện Nga - Hoa.

Là một người từng chịu trách nhiệm một toán vũ trang kháng chiến, hoạt động phía sau chiến tuyến của Nhật, anh trở thành một Biệt Kích Dù từ năm 1945 đến 1954, trốn khỏi một trại cải tạo Việt Minh, hai lần bị thương, Pierre Darcourt là một trong những nhà báo rất hiếm đã được sống từ lúc khởi đầu cho đến hồi kết cuộc của một cuộc chiến dài nhất thế kỷ, qua tất cả các giai đoạn lịch sử của nó.

Nhà xuất bản Albatros, 14, Rue l'Armorique - Paris 15ème

Thay lời tựa

Vào năm 1994, nhon dịp sang South Adelaide (Úc Châu), tôi mới có cơ hội lên tận thủ đô Canberra, để gặp lại anh Lê Văn Thành, người đã từng là Tùy Viên Quân Sự của Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Úc Châu trước 1975. Anh Thành là người bạn đồng khóa, cùng một Trung Đội, và cùng nằm chung một phòng với tôi ở trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt (tên cũ), khóa 5 Hoàng Diệu 1950-1951. Anh đã trao cho tôi quyển *Viet Nam, Qu'as tu fait de tes fils* và bảo tôi phải dịch cuốn sách này vì theo nhận xét của anh thì “nó hay quá, Sáu Nhỏ ơi”!

Chỉ đơn giản có mấy lời tâm tình của người bạn như thế thôi, mà tôi đã say mê đọc cuốn sách này trong suốt hai tuần lễ và khi trở về đến Hoa Kỳ, tôi quyết định phải dịch ngay nó sang tiếng Việt đúng như anh bạn Thành của tôi đã mong muốn vì quả thật cuốn sách này đã chẳng những “quá hay” mà nó còn “quá quý” nữa.

Quá hay, vì tuy đã từng là sĩ quan tác chiến trong binh chủng Nhảy Dù của quân Đội Liên Hiệp Pháp thời 1945-1954 ở Việt Nam, nhờ đó tác giả có đầy đủ khả năng và kinh nghiệm trong nhiệm vụ phóng viên chiến trường, nhưng không vì thế mà mất đi tánh cách hoàn toàn khách quan trong vai một nhân chứng lịch sử, rất sáng suốt và vô tư đối với tất cả mọi diễn biến ngoại giao, chánh trị, và

quân sự của cộng sản Bắc Việt trong suốt chiều dài của cuộc chiến ở Việt Nam từ trước biến cố 1945 cho đến ngày bộ đội cộng sản Miền Bắc tràn vào thủ đô Sài Gòn trong chiến dịch Hồ chí Minh, hoàn tất kế hoạch xâm chiếm Miền Nam Việt Nam bằng võ lực ngày 30/4/1975, theo lệnh của các quan thầy Liên Xô và Trung Cộng.

Quá hay, vì trong từng chương, từng trang, từng mục, từng đoạn, từng hàng của quyển sách, tác giả đã mô tả và tường thuật thật chính xác thật sống động và thật đầy đủ tất cả những gì đã xảy ra trên từng giai đoạn vận động ngoại giao, cũng như trên từng giai đoạn xâm nhập vào Miền Nam và từng bước đường hành quân xâm lược của bộ đội cộng sản Bắc Việt, theo đúng ý đồ và sách lược của Cộng Sản Quốc Tế mà cộng sản Việt Nam chỉ là một đội quân tiên phong tay sai của họ không hơn không kém..

Quá hay vì tác giả đã phân tích và đánh giá rất đúng đắn và thật vô tư giá trị và tinh thần của Quân Cán Chính Miền Nam Việt Nam, trong nhiệm vụ chống cộng, tự vệ để cứu nước và giữ nước, nhất là đã theo dõi sát sao từng ngày, từng giờ mọi diễn biến trên chiến trường cũng như trên chính trường trong những ngày dầu sôi lửa bỏng của tháng Tư năm 1975.

Quá hay, vì tác giả đã tận mắt thấy được, sờ được, thông cảm được, và nói lên được cho cả thế giới biết hoàn cảnh bi đát và tâm trạng thống khổ của hàng triệu người dân lành vô tội đang trốn chạy quân xâm lược, vô tình làm bia cho bộ đội chánh quy cộng sản đang cố ý tàn sát họ không nương tay bằng đủ mọi loại vũ khí tối tân của Liên Xô, Trung Cộng và khối cộng sản, bất chấp tình “đồng bào ruột thịt” mà họ thường lớn tiếng rêu rao, thẳng tay tàn sát người dân Miền Nam Việt Nam trên khắp mọi nẻo đường của đất nước, từ Đại lộ Kinh Hoàng ở Quảng Trị Thừa Thiên cho đến Tỉnh Lộ 7 của từ

thần từ Kontum, Pleiku (Cao nguyên) đến Qui Nhơn, Nha Trang,...

Rất quý, vì đây là một tài liệu lịch sử rất chính xác và khách quan từ một ký giả ngoại quốc, mà sau này cộng sản Việt Nam không thể bẻ cong lịch sử được để hòng chạy khỏi tội với dân tộc Việt Nam, vì tài liệu này đã nói lên rõ ràng về sự kiện Cộng sản Bắc Việt đã ngang nhiên xé bỏ “Hiệp Định Ba Lê 1973 Về Ngừng Bắn Và Lập Lại Hòa Bình Ở Việt Nam” mà họ vừa ký kết chưa ráo mực, để bình tĩnh xua quân đội chánh quy của họ công khai xâm chiếm Miền Nam Việt Nam theo lệnh của Quốc Tế Đệ Tam Cộng Sản, để tàn sát dã man, không góm tay đồng bào “ruột thịt” của mình.

Rất Quý, vì quyển sách này là một chứng tích lịch sử đã hùng hồn minh xác thật rõ ràng với thế giới (và nhất là đối với 13 quốc gia đã long trọng đặt bút ký vào Hiệp Định Ba Lê 1973) rằng “*Chính Cộng sản Bắc Việt mới thật sự là kẻ xâm lăng. Và Miền Nam Việt Nam chỉ là một nạn nhân phải ở trong thế phải chiến đấu để tự vệ mà thôi.*”

Do vậy, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với đồng bào Việt Nam đang tỵ nạn cộng sản ở hải ngoại: quyển *Mẹ Việt Nam Oi! Dân Ta Có Tội Tình Gì?* được chúng tôi chuyển ngữ từ quyển sách tiếng Pháp: *Việt Nam, Qu’as tu fait de tes fils* của tác giả Pierre Darcourt, để chúng ta cùng nhìn rõ được bộ mặt thật gian manh, tàn ác, và trơ trẽn của bọn cộng sản xâm lược Miền Bắc khi các mặt nạ của họ mang sáo ngữ “giải phóng đất nước”, “giải phóng dân tộc” hay “chống Mỹ cứu nước” hoặc “giải phóng đồng bào “ruột thịt” của chúng ta ở Miền Nam đang sống đói khổ dưới sự bóc lột tàn tệ của Mỹ Ngụy” đều bị rơi xuống hết sau ngày 30 tháng Tư, năm 1975!

Dương Hiếu Nghĩa

Vài dòng cảm nghĩ

Đọc tác phẩm nguyên thủy cuốn sách *Vietnam, qu'as tu fait de tes fils?* của Pierre Darcourt, nhân chứng những ngày cuối cùng của Miền Nam Việt Nam bị bức tử. Là một ký giả, ông không phải viết với khối óc, với mắt thấy tai nghe như những nhà báo ngoại quốc khác, mà ông viết với hơi thở, mạch tim, nước mắt của một Miền Nam Việt Nam bị bỏ quên!

Họ là ai? Ông bạn đồng minh Hoa Kỳ và 12 nước đã ký vào Hiệp Định Ba Lê ngày 27 tháng giêng năm 1973, trong đó có cả Liên Hiệp Quốc. Họ giả đui giả điếc trước một nửa dân tộc chìm trong máu và nước mắt, chết chóc, tù đầy, đói khát triền miên gần 30 năm qua! Ai nhỏ cho một giọt nước mắt đây? Họ về hòa với quân xâm lăng cướp nước cộng sản Bắc Việt, ngậm miệng bang giao và có một chỗ ngồi tại Liên Hiệp Quốc.

Xin cảm ơn ông Pierre Darcourt còn nghĩ đến người dân Miền Nam chúng tôi! Quyền sách của ông chẳng những là cái tát tai lịch sử vào mặt lũ Việt Cộng, mà còn là cái tát tai in dấu hằn lịch sử trên mặt 13 nước đã hạ bút ký vào Hiệp Định Ba Lê mà bọn cộng sản Bắc Việt đã vứt vào thùng rác ngày 30 tháng Tư năm 1975.

Anh Dương Hiếu Nghĩa có nhã ý chuyển ngữ sang tiếng Việt, đó

là điểm đáng khen. Vẫn biết dịch thuật là chuyện khó, người Pháp thường bảo “Traduire c’est trahir” (Dịch tức là phản lại), may thay anh Nghĩa đã không phản lại mà còn dịch một cách mạch lạc, gọn ghẽ, từ rất chuẩn, ý rất trôi:

“Mẹ Việt Nam ơi! dân ta có tội tình gì?” Một tiếng than ngắn mà đau? Phải chăng tiếng than của Quân Cán Chính Miền Nam bị đẩy dọa bỏ xác tại các trại tù cộng sản? Hay tiếng than của các nữ thuyền nhân bị bọn hải tặc hãm hiếp ngoài biển khơi? Tiếng than bất tận gần 30 năm qua và còn kéo dài đến bao giờ?

Bản tiếng Việt này là chứng tích tội ác cộng sản cho những thế hệ trẻ ở quê nhà. Mong có một bản tiếng Anh cho con cháu chúng ta ở hải ngoại, và gửi cho 13 nước đã từng ký kết vào Hiệp Định với câu “Luong Tâm của quý quốc còn hay mất?”

Vài dòng cảm nghĩ xin những ai chạy trước ngày 30/4/75 nên đọc để nhỏ một giọt nước mắt thương cảm. Và những ai đi sau cũng nên đọc để nhớ lại những hình ảnh đau thương phai nhòa trong năm tháng, hãy nhìn lại vết thương còn rịn máu vì mỗi thù cộng sản còn đó, quên là có tội với những người đã nằm xuống vì hai chữ TỰ DO!

Houston, cuối Xuân 2004

DUY XUYỀN

Chương 1

MỘT NĂM SỬU THUẬN LỢI

Một không khí yên lặng hết sức lạ lùng và kinh ngạc đang đè nặng trên cánh đồng rừng này của Miền Nam Việt Nam.

Vào lúc 8 giờ sáng ngày thứ bảy **27 tháng giêng năm 1973**, cuộc chiến dài nhất thế kỷ (từ hai mươi tám năm nay) trên nguyên tắc coi như được chấm dứt.

Tôi đã chứng kiến cuộc chiến này một buổi chiều tháng chạp năm 1946 trên những con đường âm u của Hà Nội, những con đường đầy âm thanh vang dội của những tiếng nổ, của những loạt súng đại liên và những tiếng reo hò của những Tự Vệ Quân (dân quân của Võ nguyên Giáp) đang tấn công vào các khu vực của người Pháp.

Cũng có thể tôi đã nghe thấy được cuộc chiến này chấm dứt ở một nơi nào đó cách Sài Gòn khoảng 2 giờ lái xe, lúc tôi đang ẩn náu trong một lô cốt ở Đèo Chuối, trên đường đi Đà Lạt. Tôi đã cùng uống chung một lon bia với một hạ sĩ quan thuộc Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa còn rất trẻ, có thể anh này chưa chào đời khi cuộc chiến bùng nổ.

Cái tiền đồn nơi tôi đang có mặt bị bắn phá suốt đêm bằng hỏa tiễn và súng cối. Khẩu đại liên nặng ngay trên lô cốt đã bắn suốt mấy giờ liền.. Mùi thuốc súng nồng nặc đưa lên tận cổ họng đến tôi phải bị ho. Những tiếng nổ đã làm cho tôi điếc cả tai. Đạn pháo binh yểm trợ rơi xuống chung quanh đồn với những tiếng nổ gần và kinh hồn làm cho mặt đất phải rung rinh. Đến sáng thì tất cả tiếng súng mới im bật. Ngoài trời ánh nắng ửng hồng đang lên chậm chạp trong làn sương mù. Sương ướt còn đọng trên các tầng cây to và bãi cỏ. Người chết cuối cùng của trận chiến cuối cùng này đang nằm oằn oại không còn nguyên vẹn trong một hố bom, đó là thân của một đặc công Việt Cộng. Những người Thượng mang gùi trên lưng, thân đen đúa gần như trần truồng trong mảnh vải thô sơ, đang đi xuống chợ.

Cuộc chiến ở Đông Dương đã thực sự chấm dứt hay chưa? Dù muốn dù không, trên trận tuyến mà hai bên đang đối diện nhau thì cuộc chiến dai dẳng coi như được chấm dứt mà không giải quyết được gì cả, chỉ để lại cho các chiến binh đang nằm giữ chiến tuyến của mình một hương vị chua chát của một trận chiến mà không có một chút lợi ích nào hết.

Đây là một cuộc chiến duy nhất trong lịch sử mà chưa từng thấy có một chiến thắng quyết định nào, dù rằng cả hai bên của chiến tuyến bên nào cũng không ngớt lớn tiếng rêu rao là mình đã thắng trận.

Trọng lượng số bom đạn được dùng trong cuộc tranh chấp này đã vượt hẳn trọng lượng số bom đạn của tất cả các cuộc chiến tranh trước đây cộng gộp lại. Cuộc chiến này cũng được hai bên áp dụng tất cả các hình thức kỹ thuật tác chiến từ tân tiến đến cổ điển. Và cuộc chiến này cũng là bãi chiến trường điện tử đầu tiên. Các hỏa tiễn đầu tiên có đầu đạn được hướng dẫn đã được sử dụng

trong những điều kiện thật trong tác chiến. Cho tới bây giờ người ta chưa từng thấy có một sự tập trung nào quá nhiều chiến cụ có khả năng hủy diệt trong một thế đất nhỏ hẹp như thế, và ở đó đôi khi những vũ khí thô sơ nhất lại làm cho những trang thiết bị tinh vi hơn phải thất bại.

Một bên thì có những quả bom tinh khôn (laser) tự động điều chỉnh, những hỏa tiễn với đầu đạn biết tìm kiếm mục tiêu và những phi cơ vận tải khổng lồ... Còn bên kia thì có từ những “bẫy cộp” bằng tre vót nhọn và những dòng người khuân vác đẩy xe thô, những thùng quân vật dụng thả trôi theo dòng nước từ thượng nguồn và được vớt lên ở các lưới thép căng ở hạ lưu cách đó cả 50 cây số ngàn... đến những đoàn xe vận tải nặng Molotova, những xe tăng lội nước, và những trạm “tên lửa” giấu kín rải rác trong rừng bụi. Những cuộc tàn sát được bình tĩnh chọn lựa trước và được lạnh lùng lên chương trình trong máy điện toán... và những vụ giết người bằng mìn tẩu kèm theo hành động cắt xẻo tay chân hết sức ghê rợn... nói chung.

Cuộc chiến này cũng có đủ mọi hình thức kỹ thuật về mặt hạn chế tầm sát hại của vũ khí, và những hạn chế này có thể còn gây ra nhiều mất mát về chiến cụ và nhân mạng hơn nữa không chừng. Cuộc tranh chấp này được phát triển ra vừa như một cuộc nội chiến vừa là một cuộc đối đầu quốc tế, ở đó các siêu cường có chỗ để thí nghiệm các loại vũ khí và chiến cụ tối tân nhất cũng như những chiến thuật chiến lược tân tiến nhất của mình.

Tuyên Truyền và Thông Tin đã giữ một vai trò quyết định. Qua truyền hình, chiến sự đã đến được khắp nơi trên thế giới; những hình ảnh đẫm máu và rất bi thảm của cuộc chiến được chiếu đến tận những nơi yên tĩnh nhất và được bảo vệ chặt chẽ nhất, đã làm

rung động cả nước Mỹ, chia rẽ dư luận Mỹ, gây sự chống đối trong giới báo chí, đã gây ra nhiều cuộc biểu tình phản chiến, chống đối đến man rợ, và gây ra một ý niệm xấu cho tất cả các nước văn minh nhất trên thế giới.

Hoa Kỳ đã nhảy vào cuộc chiến mà không có một lời tuyên chiến trước và đã tung ra một lực lượng quân sự khá quan trọng. Đùng một cái, trong lúc các phi hành gia của họ đang tản bộ trên cung trăng, họ mới khám phá ra là đã từ lâu họ bị rơi vào một cái bẫy mả tấu và đang bị sa lầy, nên họ quyết định bằng mọi giá phải cố gắng thoát ra khỏi vũng lầy mà không bị mất uy tín.

Vào năm 1969, trong đợt rút quân đầu tiên, một anh lính còn trẻ thuộc lực lượng Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đã mĩa mai cao giọng đề nghị một cách vô liêm sỉ:

“Tại sao chúng ta không tuyên bố một cách giản dị là chúng ta đã thắng trận rồi, và nước Việt Nam đã hoàn toàn được bình định xong, nên chúng ta đi về nhà!”

Việc đã xảy ra sau đó đã cho thấy chú lính thủy này đã nói một câu gần như tiên tri, bởi vì phần chánh yếu đã được làm y như thế.

Cuộc chiến ở Đông Dương là cuộc chiến đầu tiên mà các trực thăng đã có một vai trò quyết định trong tác chiến. Vào một lúc nào đó người ta đã tung ra đến 5.000 chiếc trực thăng trên không phận Miền Nam Việt Nam, đưa lực lượng Bộ Binh Hoa Kỳ lên hàng thứ ba của Không Lục thế giới, sau Không Lục Hoa Kỳ và Không Lục Liên Xô.

Trong thời gian tám năm rưỡi tham chiến của Hoa Kỳ, cộng sản Việt Nam đã tung ra hai cuộc tấn công lớn mà họ tin tưởng đây là những trận chiến có tính cách quyết định. Đó là cuộc “tổng công kích Tết Mậu Thân (1968) và cuộc xăm lầy chớp nhoáng mùa

xuân 1972.

Lực lượng Hoa Kỳ và QLVNCH đã khởi xướng hai cuộc phản công: tấn công qua biên giới Cam Bốt và hành quân qua lãnh thổ Lào.

Từng được coi là người đã chiến thắng trong trận chiến Điện Biên Phủ, tướng Võ nguyên Giáp cũng chỉ gặp được sự thất bại hoàn toàn trong cả 3 lãnh vực mà ông ta cố gắng muốn thực hiện. Đó là: sự nổi dậy ở dân chúng của các đô thị ở Miền Nam, chiến tranh du kích, và chiến tranh quy ước.

Nhưng với hành động vừa dấu kín số tử thương, vừa rút nhanh đám tàn quân về để kín đào bổ sung cho các đơn vị trong các khu rừng rậm trên đất Lào và trên dãy Trường Sơn, ông ta đã khôn khéo làm cho địch quân tưởng rằng quân cộng sản đã thắng trận.

Cả Hoa Kỳ và VNCH chỉ thu lượm có 50% chiến thắng: vì bị giới hạn trong không gian và thời gian nên các cuộc hành quân không được phép thọc sâu hay mở rộng đúng mức để khai thác tối đa các thành quả chiến thắng được.

Về phía Hoa Kỳ, trong suốt chiều dài của cuộc chiến người binh sĩ của họ chưa bao giờ được thông báo đúng mức mọi sự kiện dù là nhỏ nhất, nhưng lại thường được thông báo hết sức sai lạc về những lý do thật sự của cuộc chiến.

Trái lại, về phía cộng sản, chưa bao giờ cán binh của họ lại không được giải thích cặn kẽ lý do của cuộc chiến hay được thông báo sai lạc về mọi diễn tiến đã xảy ra.

Khi rút quân, người Mỹ vẫn đinh ninh rằng họ đã làm tròn lời cam kết “trong danh dự”. Họ đã phải chi ra hơn hai trăm tỷ mỹ kim cho cuộc chiến và mất đi 58.000 người tử trận (gồm cả khoảng 10.000 chết vì tai nạn linh tinh, từ tai nạn lưu thông đến bất cẩn trong việc xử dụng súng đạn).

Cộng sản Bắc Việt đã tàn phá hết đất nước Việt Nam của họ, đâu đâu cũng thấy nhà tan cửa nát, và họ đã mất đi trên 1 triệu người chết, mà không đạt được mục tiêu mà họ đã đề ra. Những cán binh (Việt Cộng) mà họ gài vào Miền Nam chỉ sống lẩn lút trong rừng thiêng nước độc hay trong bụng biển sinh lầy, sống xa quần chúng.

Quân dân Miền Nam chiến đấu để bảo tồn sự toàn vẹn lãnh thổ của họ. Họ nhìn thấy đất nước của họ bị phân chia, và Chính Phủ của họ được thành lập qua các cuộc bầu cử có sự kiểm soát từ bên ngoài. Họ giữ vững những thành phố hùng mạnh và thịnh vượng, kiểm soát 85% dân chúng, nhưng họ có một tổng kết cũng nặng lắm: 600.000 quân và dân chết trận, và 1 triệu người tỵ nạn chánh trị. Và thật sự không thấy giải quyết được gì hết.

Những ai trong chúng ta người nào đã từng bị “dính liú” vào cuộc chiến này ngay từ đầu cho đến khi tàn cuộc thì sẽ giữ mãi những ấn tượng sâu sắc về những hình ảnh đau thương khủng khiếp mà họ không bao giờ quên:

- Hình ảnh lúc khai những mộ chôn tập thể ở Huế, sau những cuộc tàn sát ghê rợn hồi Tết Mậu Thân (1968);

- Quang cảnh những đường sá hoang vắng dưới làn lửa đạn;

- Những tù binh cộng sản nhón nhác và đang bị đánh bom mặt mũi và đầu óc như nổ tung ra..;

- Những phi công Mỹ ngo ngác tay đưa lên trời bị đưa đi điều hành quanh thành phố Hà Nội dưới ánh đèn chớp của các phóng viên báo chí, mắt cụp xuống dưới những tiếng hò reo và những nắm tay giằng dứ của quần chúng;

- Những xác chết của Việt Cộng sinh lên to tướng vì bị liên thanh điện bắn hạ như những con mồi của thợ săn, nhưng là con người;

- Những con địa chấn tàn phá có tánh cách hủy diệt của các pháo đài bay B.52, những cái nhìn sợ hãi, ngạc nhiên và không thể chịu nổi của những trẻ mồ côi...

Những thị trấn xa xôi hẻo lánh như Pleime, Dak To, Khe Sanh, AnLộc... từng bị bỏ quên trong những cánh rừng đèo heo hút gió nhất, ở giữa những rừng tre hay vườn cao su bạt ngàn, nằm chơi vơi giữa các ngọn đồi đất đỏ hoang vu... đột nhiên đã trở thành nổi tiếng trong một đêm nào đó, và rồi giờ đây lại bị chìm trong quên lãng trong thời điểm mà tất cả hình như đang đến hồi kết thúc.

Đã có rất nhiều kỷ niệm và luận cứ hiện ra trong trí tôi. Tôi thực sự đã sống với quá nhiều biến cố, với khá nhiều trận chiến hay bị vây hãm, từng đi theo quá nhiều vòng cáng trên mảnh đất đầy tang chế và đầy rẫy thầy ma này. Có lẽ tôi phải viết khoảng 20 quyển sách để giải thích những gì tôi đã chứng kiến và đã tìm hiểu. Tôi có thể nói về người Nhật (tôi đã chiến đấu chống Nhật), về các trận chiến ở Hà Nội, Lạng Sơn, hay ở Huế, về những phụ nữ người Pháp bị hãm hiếp, bị nhục hình hay bị chế dẫu và thiêu sống trên vỉa hè của cư xá Jauréguiberry... Để làm gì? Tất cả đều đã thuộc về dĩ vãng xa xôi quá rồi. Trong lúc đang có nhiều người chết và nhiều tấn thảm kịch rất gần đây...

Tôi nghĩ đến 3 người bạn của tôi, ba người chuyên viên quay phim:

- Larry Burrows, một người Anh trầm tính đến lạnh lùng, thẳng tắp và gan lì, thích chạy như bay đến trước các trái bom rồi nằm ngửa ra để được nhìn thấy nó rơi xuống và chụp ảnh khi bom nổ.

- Huer, một người Pháp không bao giờ biết mệt mỏi là gì, bình tĩnh và dũng cảm, từng được giải thưởng Capa.

- Shimamoto, một người Nhật, mềm dẻo nhưng gân guốc, đa nghi và tự hào như một võ sĩ đạo.

Chiếc trục thăng chở họ bị đâm vào núi, cháy ở vài trăm thước cách cánh quân mà tôi đang đi theo, trên đất Lào. Không có một ai đến tìm được họ và xác họ được chôn vùi trong chiếc quan tài bằng sắt bẹp dúm dưới cành lá sum sê của cánh rừng bát ngát thích ăn thịt người!

Tôi nghĩ tới cuộc bắn giết ở Mỹ Lai với những bức ảnh ghê rợn của nó: 40 phụ nữ và trẻ em bị hành quyết, thân xác đầy vết đạn nằm ngổn ngang chết chung với nhau. Hoa Kỳ đã cho thụ lý hồ sơ và truy tố ra tòa án binh trung úy Calley, một sĩ quan xấu xí trắng vỏ và ngoan cố.

Nhưng có ai bị khởi tố về một vụ tàn sát tập thể cả một làng người Thượng ở Dakson đâu? Tôi đã đi xuyên qua làng này, một tiểu đoàn Việt Cộng đã tàn sát và tàn phá cả một ngôi làng bởi vì dân chúng trong làng này không ai chịu theo cộng sản, chân tôi bước đi qua những đồng tro tàn còn ấm, ngập đến tận mắt cá, tro của các nhà tranh mà cộng sản đã đốt sạch bằng súng phun lửa của họ. 250 thi hài của đồng bào Thượng nằm rải rác khắp mọi nơi trên mặt đất, còn âm i cháy nóng, trong đó có 103 trẻ em. Thật là một cảnh tượng ghê rợn, tàn ác, không thể chịu nổi, cảnh các tử thi sinh lên rồi bị nướng phồng lên dưới ánh nắng mặt trời, tương tự như những con heo quay có đầu người.

Có những ai trong chúng ta lúc có mặt ở quanh vĩ tuyến 17 vào mùa xuân năm 1972, mà có thể loại bỏ được khỏi trí nhớ những hình ảnh của cơn ác mộng trên con lộ Quảng Trị? Pháo binh của Cộng sản Bắc Việt đã tập trung hỏa lực vào hàng hàng lớp lớp người dân tỵ nạn đang chạy loạn về Huế: những trái đạn đã cày lên đám đông dân chúng kinh hoàng rất có phương pháp, đánh nát và lật qua lật lại các sọ người và các thi thể đàn bà và trẻ con, như các

cục đất vậy. Đã có đến 20.000 người chết trên một khoảng đường tráng nhựa chỉ dài có 40 cây số ngắn: Mặt đường không còn màu đen của nhựa nữa mà được trét lên một lớp máu đỏ đã đen sạm vì máu đã khô lại... (chú thích của người dịch: đó là đoạn Quốc Lộ 1 được mang tên là Đại lộ kinh hoàng)

Từ Đèo Chuối, tôi đi lần xuống một làng lớn ở Gia Kiệm. Ở đây dân tỵ nạn người Bắc đang rong chơi ngoài đường. Trong một quán cà phê nhỏ, ngồi bên tô phở nóng, những người thợ rừng đang vừa ăn vừa nghe xướng ngôn viên của đài Tiếng Nói Hoa Kỳ ca tụng sự “ngừng bắn” với một niềm vui lây của một bình luận gia trận đấu bóng chày.

Tại Tân Sơn Nhất, các phi công trực thăng và phi cơ săn giặc Phantoms trong bộ đồ bay kỳ lừa, vút cao các mũ lên trời, vui vẻ vỗ lưng nhau, chuyển tay nhau một chai cognac và cứ thế uống cạn hết chai vừa cười vừa hét vang: “Hết rồi, anh em ơi! chúng ta sẽ được về nhà rồi.”

Ngay tại Sài Gòn khi đồng hồ vừa gõ 8 tiếng, tất cả mọi hoạt động đều ngừng lại, lưu thông dừng hẳn lại, mọi người đứng yên lặng trong khi các binh sĩ đứng nghiêm, Miền Nam Việt Nam dành một phút mặc niệm cho một số lớn chiến sĩ đã bỏ mình trong chiến cuộc. Sau phút mặc niệm, các chuông nhà thờ đổ liên hồi trên khắp thủ đô Miền Nam Việt Nam. Cùng một lúc đó có tiếng vọng xa xăm của sự biếu lộ ồn ào này, các thành phố lớn của Hoa Kỳ cũng đã sống trong những phát súng mừng ròn rã, và theo một bản tin của thông tấn xã Tass thì Hà Nội mừng rỡ treo cờ trong một bầu không khí hoan lạc. Và Tổng Thống Nixon trong một thông điệp gởi cho quốc dân đã mở đầu bằng những chữ nói lên dư luận chung của tất cả mọi người có thiện chí: “Một kỷ nguyên hòa bình

mới đang bắt đầu cho nhân loại”

Một người thợ rừng bước đến gần chiếc máy truyền thanh, đặt trên một cái kệ, vừa đưa tay vặn tắt chiếc máy vừa lẩm bẩm khó chịu:

“Ông Nixon cứ đến đây rồi hẳn nói! Con đường từ Sài Gòn lên đây đã bị cắt đứt gần ba chục cây số, và có trên mười xe vận tải đã bị giết mìn.”

Tôi phải chờ 48 tiếng đồng hồ mới về đến được thủ đô Sài Gòn của Miền Nam Việt Nam. Quốc lộ đã được mở lại sau nhiều trận đánh nhau ác liệt, dọc theo đường còn rải rác tử thi và xác xe cháy mà xe ủi đang dọn dẹp.

Ở Sài Gòn hàng trăm phụ nữ trầm lặng và nghiêm trang tay bụng lễ vật như một đám rước đi vào chùa Vĩnh Nghiêm dâng hoa và cò xí ở ngay trung tâm thành phố. Trong nhà thờ Chánh Tòa tường gạch đỏ thắm, hàng ngàn tín đồ công giáo chen chúc nhau quỳ dự thánh lễ lớn.

Các Phật tử và tín đồ Công giáo theo lời kêu gọi của các Sư và các Cha sở của mình, đã tổ chức một ngày cầu nguyện cho hòa bình, mà theo bản văn của lời kêu gọi là một “nền hòa bình không phải của Nga Sô Viết, cũng không phải của Trung Cộng hay của Hoa Kỳ mà là một nền hòa bình của Việt Nam. một nền hòa bình cho những người tự do, công bằng và trong tình anh em, hòa giải giữa dân tộc với nhau, vừa tìm lại được trên đất nước của mình.”

Trước thềm năm mới (âm lịch), một năm Sửu thuận lợi, đó là một lời chúc tốt đẹp nhất... Nhưng than ôi, những lời chúc tụng luôn luôn không bao giờ được thỏa mãn. Các trận đánh xảy ra gần như khắp mọi nơi. Tại Tây Ninh, thánh địa của đạo Cao Đài, sau 30 giờ tấn kích, một trung đoàn quân Bắc Việt đã rút lui để lại 300 xác chết ở vùng ngoại ô của thị xã. Tại Sa Huỳnh, một hải cảng

đánh cá nhỏ dưới chân dãy Trường Sơn, có sự đụng độ ác liệt của hai sư đoàn Miền Nam Việt Nam; tại Đồng bằng sông Cửu Long, ở ven Đồng Tháp Mười và ở rừng U Minh; trên Cao Nguyên Trung Phần, chung quanh đồn Ben Het của Biệt động quân.

Ba trăm ba mươi bốn (334) trận tấn công của cộng sản vào lãnh thổ của Miền Nam Việt Nam được ghi nhận ngay trong hai ngày sau khi Hiệp Định Genève Bản Paris ngày 27/1/1973 được chính thức công bố...

Nền hòa bình ở Việt Nam vẫn chỉ còn là một ảo vọng!

Chương 2

HÀ NỘI ĐÁNH PHÁ UY TÍN CỦA SÀI GÒN

- “Là một người Việt Nam, tôi đã có biết qua cách xử sự của ông Henry Kissinger trước họ rồi, nên tôi nói chuyện đó cho cả người Do Thái và người Ai Cập biết là: “Hãy coi chừng phương pháp của ông ta, nguy hiểm lắm, nó không giải quyết được bài toán nào hết mà nó chỉ có né tránh vấn đề thôi”.

Chúng ta đang ở vào tháng hai năm 1975. Sự cảnh cáo này đáng được lưu ý lắm - vì đó là lời nói của ông Thiệu - một người không thiếu kinh nghiệm chút nào: năm 1972, ông đụng nhẹ với một ông Kissinger đang nóng lòng muốn chấm dứt cuộc chiến ở Đông Dương. Nhận xét của ông Thiệu thấy có vẻ hơi nghiêm khắc, và một phần vì mối hận của một nguyên thủ quốc gia đang bị gài vào quá nhiều khó khăn to lớn.

Nhưng sau hai năm thi hành “Ngừng Bắn” vẫn không còn một ảo tưởng nào nữa! Trên lý thuyết, cuộc chiến lẽ ra phải được chấm dứt sau khi Hiệp Định Paris tháng giêng năm 1973 được ký kết, nhưng chiến cuộc không bao giờ chấm dứt. Nó vẫn được tiếp tục và thường xuyên gây ra hàng trăm người chết mỗi ngày, và trong

hai năm liền như vậy phải có hơn 150.000 nạn nhân. Và chiến cuộc này không nghiêng phần thắng lợi chút nào về phía các đồng minh của Hoa Kỳ. Ở Cam Bốt, Khờ Me Đỏ chặn sông Cừu Long, cắt đứt đường lưu thông không cho các đoàn ghe tàu tiếp tế cho thủ đô Pnom Penh, đang bị bao vây và bị bắn hỏa tiễn vào hằng ngày. Thủ đô này vẫn còn sống được là nhờ một cây cầu Không Vận của Không Lực Hoa Kỳ.

Ở Miền Nam Việt Nam, lần đầu tiên cán cân quân sự nghiêng về phía cộng sản. Một nhà ngoại giao Nam Hàn làm việc tại Sài Gòn đã nói lên một cách tức giận:

“Nền hòa bình trong danh dự của ông Nixon bá? - Nó chỉ là một sự gian lận dị thường của thế kỷ mà thôi!”

Thật vậy, đến ngày nay hình như sau bốn năm và mười tháng thương thuyết hết sức vất vả và chán chường, Hiệp Định Paris chỉ là một sự mua bán hờ, hờ quá lớn mà thôi.

Nhưng ai mới thật sự có trách nhiệm về sự phá sản của Hiệp Định này? Hoa Thanh Đồn hay Hà Nội?

Muốn đánh giá trách nhiệm của Hoa Kỳ và của Bắc Việt, thì phải trở lại một ít về dĩ vãng, và trước hết phải thử tìm hiểu xem tại sao và bằng cách nào mà hai đối thủ đó đi đến chỗ phải ký vào Hiệp Định Paris.

Vào cuối tháng ba năm 1972, Hà Nội tung ra một cuộc tấn công dữ dội vào Miền Nam Việt Nam bằng các sư đoàn thiện chiến của họ với sự yểm trợ của một lực lượng pháo binh phi thường và 700 chiến xa với gần 3.000 bộ đội xe tăng vừa được huấn luyện xong 5 tháng thực tập ở trường Thiết Giáp Odessa bên Liên Xô. Sau vài thất bại liên tiếp ở địa phương lúc bắt đầu cuộc chạm trán, và mặc dầu có những sự tiên đoán bi quan nhất, Quân lực Miền Nam vẫn không

bị sụp đổ. Họ vẫn giữ vững phần lãnh thổ của họ một cách đáng khen. Khả năng tác chiến của họ được củng cố rất vững mạnh. Trong vòng 3 tháng (từ tháng 5 đến tháng 7) 84.000 tân binh đã hoàn tất thời gian thụ huấn và đã kịp thời bổ sung đầy đủ cho các đơn vị bị tổn thất. Sài Gòn thu nhận quá nhiều tân binh tình nguyện cho các đơn vị tinh nhuệ - Hải Quân, Nhảy Dù và Biệt Động Quân - đến nỗi Chánh Phủ phải cho ngưng phần trưng binh. Hoa Kỳ đã cung cấp một hỏa lực yểm trợ rất hùng hậu. Được gọi đến từ Hoa Kỳ để xung vào trận chiến có các đơn vị chuyên viên Mỹ trang bị hỏa tiễn chống tăng TOWS và các trực thăng võ trang "Cobra" sát thủ rất đáng sợ của chiến xa địch. Không Lực Hoa Kỳ sử dụng các loại "bom tinh khôn" được hướng dẫn bằng "laser" hoặc bằng một hệ thống máy ảnh truyền hình được gắn thẳng vào đầu bom, nên đã đem lại một sự can thiệp hết sức chính xác và thật hữu hiệu hơn bao giờ hết.

Ngày 8 tháng 5, TT Nixon đã cho thả mình phong tỏa tất cả các hải cảng Bắc Việt. Từ ngày 18 đến 29 tháng 12, Không Quân Chiến Lược Hoa Kỳ dội bom Hà Nội và Hải Phòng. Đến ngày thứ 9 của chiến dịch không tập ngăn ngừa nhưng rất dữ dội này, tất cả hệ thống phòng không Bắc Việt đều bị sụp đổ. Tất cả các vị trí "ra đa" đều bị triệt tiêu, các sự liên lạc vô tuyến điện thoại hoàn toàn bị rối loạn. Mọi sự cố gắng để bổ sung hay thay thế 1.200 hỏa tiễn SAM được bắn đi trong vòng 8 ngày qua trên thực tế đều được coi như không thể thực hiện được vì số hỏa tiễn dự trữ đã cạn mà các hải cảng thì đã bị khóa chặt. Đến nỗi trong hai ngày chót của cuộc không tập, không có một B.52 nào bị bắn hạ. Và giả sử như cuộc không tập không được chấm dứt ngày 29 tháng 12 thì gần như có thể các pháo đài bay của Hoa Kỳ đã san bằng Miền Bắc và có thể

Bắc Việt bị hành tội thế nào cũng được.

Một chi tiết rất có ý nghĩa: Trong suốt thời gian Hoa Kỳ leo thang trừng phạt Hà Nội, về phía Mạc tư Khoa không nghe thấy có một lời chỉ trích hay một tiếng phản đối nào!

Trên trận địa, sự tấn công của Bắc Việt bị bẻ gãy. Trong 40 tỉnh thị của Miền Nam không có một nơi nào bị cộng sản Bắc Việt chiếm giữ được, trừ tỉnh Quảng Trị, mà các đơn vị nhảy dù của Miền Nam đã tái chiếm lại sau 6 tuần lễ tác chiến đẫm máu.

Vào lúc mà TT Nixon cho ngưng cuộc không tập ở Bắc Việt, không có một ai còn có thể nghi ngờ về thế thượng phong của Hoa Kỳ trên bàn hội nghị.

Nhưng trên thực tế, sự phản đối của dư luận ở Hoa Kỳ càng ngày càng tăng, và áp lực của Quốc Hội Hoa Kỳ đã buộc ông Nixon phải cho ngưng ngay hành động của Không quân chiến lược, và vì thế mà ông Nixon không khai thác được lợi thế của ông ta trên bàn hội nghị. Do đó ông không thể có được một sự nhượng bộ nào của phía Bắc Việt để có thể thực sự chấm dứt được chiến cuộc. Đó là: Bắc Việt phải rút hết quân số các sư đoàn Bắc Việt đã xâm nhập và đang trú đóng ở Miền Nam.

Sự thực là hầu hết người Mỹ bị ảnh hưởng vì các chiến dịch có hệ thống của báo chí; dân chúng Mỹ bị xúc động vì các cuộc biểu tình liên tục của các phong trào phản chiến đòi hòa bình; họ quá mệt mỏi vì chiến cuộc kéo dài quá lâu mà không chấm dứt: họ lo âu vì không thấy được viễn ảnh của hòa bình, một nền hòa bình “công bằng và lâu bền”. Cho nên họ đều mong muốn Hoa Kỳ nhanh chân rút ra khỏi “vùng lầy Việt Nam”, đem các phi công tù binh ở Bắc Việt và tất cả binh sĩ Hoa Kỳ “còn lại ở Miền Nam” về nhà cho họ.

Hà Nội thấy rõ chuyện đó. Không cần đi sâu vào vấn đề, chỉ với một lời “hứa suông” là chấm dứt chiến tranh, và đoán chắc là các tù binh Mỹ sẽ được hồi hương, là bảo đảm Chánh trị Bộ cộng sản Bắc Việt đã nhận được mọi sự nhượng bộ tối đa của Kissenger rồi.

Việc ký kết Hiệp Định Paris đã bảo đảm cho Bắc Việt một loạt lợi thế quan trọng. Thật vậy, Hà Nội đã đạt được:

(1) - một sự nghỉ ngơi tức thời, giúp cho Bắc Việt sửa chữa mọi thiệt hại lớn lao mà Không Lực Hoa Kỳ đã gây ra cho toàn bộ hệ thống giao thông và phân phối trong nội địa.

(2) - mở lại được các hải cảng, vì tất cả các ngõ vào đều đã bị gài mìn từ 8 tháng nay, và do cuộc phong tỏa của Hạm Đội 7 mà mọi tàu bè thuộc khối cộng sản quốc tế đã bị ngăn cản không vào được hải phận Bắc Việt (chú thích của tác giả: Hà Nội nhập cảng mỗi năm 1 triệu tấn ngũ cốc từ các nước thuộc khối cộng sản quốc tế, không kể thực phẩm khô cho cả quân đội nhân dân)

(3) - tất cả các lực lượng Hoa Kỳ đang ở Miền Nam Việt Nam phải rời khỏi nơi đây trong vòng sáu mươi (60) ngày và phải mang theo tất cả mọi chiến cụ.

(4) Ngoài ra, Hà Nội còn tự thấy mình được nhận thêm một phần thưởng, nhờ ở sự công nhận những “lỗ da beo” rất quý báu, những lãnh địa thực sự nằm trong lãnh thổ Miền Nam nhưng không thuộc quyền kiểm soát của Miền Nam Việt Nam, bao nhiêu lỗ là bao nhiêu căn cứ xuất phát cho hành động quân sự của các đơn vị Bắc Việt trong tương lai.

Trong khi đó, Chánh Phủ Sài Gòn (VNCH) không được phép đòi hỏi một điều gì cả. Chánh Phủ này chỉ còn biết có một việc phản kháng trong mỗi cơ hội về sự duy trì bất hợp pháp của một “lực lượng xâm lăng cộng sản 170.000 người ở Miền Nam Việt Nam.”

Hoa Kỳ, thỏa mãn vì cuối cùng được nắm trong tay bản văn Hiệp Định về hòa bình “của mình”, (nguyên văn của tác giả: “son” accord de paix), rất lấy làm thích thú về sự khéo léo của ông Kissinger. Một bản Hiệp Định dù là xấu vẫn còn hơn là không có một bản Hiệp Định nào? (nhưng thật sự là một bản dịch không thiếu một dấu phẩy, từ bản văn tiếng Việt mà tác giả là cộng sản Bắc Việt: chú thích của người dịch)

Cảm giác khoan khoái mang đến do sự ký kết “Hiệp Định Ngừng Bắn” và sự trở về như trong chiến thắng của các phi công tù binh, được hoan hô, được chào mừng vòng hoa và tặng quà..., lên cao đến độ nếu có ai đó liều lĩnh nói lên một sự dè dặt tối thiểu nào, đều sẽ thấy mọi người coi mình như một “thằng chống cộng điên khùng”.

Thế nhưng chỉ cần nhắc lại là *“Hiệp Định năm 1962 về vấn đề trung lập hóa nước Lào”*, đối với Bắc Việt không có một lý do nào khác và không có một kết quả thực dụng nào khác ngoài việc bảo đảm cho họ được xử dụng đường mòn Hồ chí Minh, mà nếu không có con đường này thì Bắc Việt không bao giờ xâm nhập hoàn toàn tự do được các quân binh chủng của họ vào Miền Nam, để hỗ trợ cho các cuộc tấn công của bộ đội chính quy Bắc Việt vào Miền Nam Việt Nam.

Tại Sài Gòn bài toán về quân số của việc ngừng bắn đã được đặt ra. “Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát Ngừng Bắn” được thành lập cho nhiệm vụ này có một quân số là 1.160 người thuộc 4 quốc gia: Hung Gia Lợi, Ba Lan, Gia Nã Đại và Nam Dương. Với một quân số ít ỏi như thế, trên một lãnh thổ rộng bao la với những khó khăn về địa thế mà Ủy Ban phải quan sát, tất cả đều hạn chế tối đa khả năng điều tra của Ủy Ban này rất nhiều.

Vào năm 1954, trong lúc các cuộc thương thuyết dẫn đến sự ký kết Hiệp Định Genève, phái đoàn cộng sản Việt Nam đã đòi hỏi phải giữ lại các đơn vị “du kích quân” được đóng quân ở Miền Nam trong những nơi mà họ gọi là “khu giải phóng”. Một cuộc nghiên cứu trong lúc đó do các chuyên viên quân sự Pháp đã ước tính quân số của Ủy Hội Quốc Tế cần thiết để kiểm soát các khu đó phải lên đến 70.000 (!) dĩ nhiên còn nhỏ hơn vào năm 1973. Lúc bấy giờ đứng trước một sự khó khăn quá phức tạp như thế, ông Mendès France đã khôn khéo chọn giải pháp chia đôi nước Việt Nam. Và quân đội Pháp đã đưa (“tập kết”) hết ra Miền Bắc các cán bộ và những đơn vị cộng sản đã hoạt động trong 9 năm ở Miền Nam.

Vào năm 1973, chẳng những các thành viên quốc tế đã quá ít mà Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát Ngừng Bắn còn phải theo nguyên tắc “đồng thuận” của cộng sản nữa. Do đó, trên thực tế điều này đã làm cho Ủy Ban không làm được việc gì cả. Những sáng kiến của hai phái đoàn Gia Nã Đại và Nam Dương có thể bị phái đoàn Ba Lan và Hung Gia Lợi ngăn cản bất cứ lúc nào. Không có một cuộc điều tra nào được tiến hành riêng lẻ, do những thành viên của một phái đoàn duy nhất nào đó đơn phương tiến hành.. Có một số thành viên thuộc phái đoàn Gia nã Đại đã liêu lĩnh đi vào khu vực cộng sản sau một biến cố nào đó, đã bị bắt ngay lập tức, nhốt, và đối xử như những tù binh thường trong nhiều ngày.

Từ đầu tháng 3, cộng sản đã cho xâm nhập chiến cụ nặng và nhiều chục ngàn người vào các vùng thuộc quyền kiểm soát của họ ở Miền Nam Việt Nam. Đây quả là một sự vi phạm trắng trợn nếu không muốn nói là quá rõ ràng và công khai Hiệp Định Paris về Ngừng Bắn 1973.

Ngày 15 tháng 3, TT Nixon trong một buổi họp báo đã tuyên bố: *“Chúng tôi đã nói cho Bắc Việt biết rằng chúng tôi rất đổi quan tâm về những cuộc xâm nhập quan trọng như vậy, cũng như về các hành động vi phạm lệnh ngừng bắn mà Bắc Việt đã ký kết.. Bắc Việt không nên xem thường loại quan tâm này của chúng tôi.”*

Một tháng sau đó, ông Nixon chuẩn bị tái oanh tạc Miền Bắc nhưng ông cho ngưng ngay lệnh đó đúng vào cái ngày mà John Dean ra làm chứng trước tiểu ban điều tra của Quốc Hội về vụ việc Watergate.

Tại Việt Nam, cộng sản với quyết tâm ngăn cản mọi công tác kiểm soát trong những vùng mà họ đang xâm nhập và chiếm giữ bất hợp pháp, đã không ngần ngại bất chấp nguy hiểm đã tổ chức bắn hạ các trực thăng của Ủy Ban Quốc Tế bay đúng tầm của hòa tiến với lý do là các trực thăng đó đã “vi phạm vùng trời” (danh từ của cộng sản) của họ. (đáng kể nhất là những ngày 1, 7 và 9 tháng 4/73 và ngày 7/5/1973). Sau đó họ còn nã bách kích pháo và bắn róc kết vào các thị trấn nào (trong những vùng yếu điểm của họ) đã có hay có dự trữ cho các toán Kiểm Soát Ngừng Bán trú đóng, như Lao Bảo, Vị Thanh, Đức Cơ, Xa Mát, Ben Hét, Tri Tôn. Các Toán Quốc Tế Kiểm Soát Ngừng Bán đã phải rút đi (hai toán Hung gia Lợi và Ba Lan bỏ đi trước nhất), trực thăng của Ủy Ban Quốc Tế vẫn còn đậu tại bãi đáp. Toán Gia nã Đại ngao ngán quá cũng phải rút đi vô điều kiện. Và Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát Ngừng Bán coi như vô hiệu, chẳng làm được gì!

Lúc bấy giờ Bắc Việt mới áp dụng chánh sách chuyển dân vào ở đây các khu vực vắng người vừa rơi vào sự kiểm soát của họ. Như vậy là Bắc Việt đã theo đúng chiến thuật “Đồn điền” hay là di dân

chiếm đất do những người Bắc đã áp dụng trong thế kỷ XV để xâm chiếm và chế ngự nước Chăm. Chiến thuật này gồm có việc cho xâm nhập vào đất địch từng nhóm dân-quân nhỏ để chiếm đất và làm quen với vùng đó. Nếu người chủ đất có đòi tài sản của họ thì người chiếm đất vừa đánh vừa kêu cứu với bộ đội Bắc Việt. Nếu mọi việc êm xuôi hay các khó khăn được giải quyết xong thì một toán khác lại được đưa tới xa hơn chút nữa. Tất cả các toán xâm chiếm đất đai này được nối kết với nhau thành một cấu trúc tỏa rộng ra bắt rễ từ biên giới. Các toán chiếm đất này tiến dần tới giống như các chân bám của vòi con bạch tuộc khổng lồ. Hà Nội núp sau bình phong chánh trị của cái gọi là Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam (GRP) đã áp dụng đúng phương pháp cũ của tổ tiên họ nhằm xâm chiếm và với mục đích chuyển các vùng đất chiếm được của Miền Nam, của Cam Bốt và của Vương quốc Lào thành đất Bắc Kỳ (nguyên văn của tác giả: Tonkin), cũng như các “lõm da beo” mà họ đã giành được từ sau ngày ngừng bắn.

Hà Nội cứ tiếp tục bành trướng các sào huyệt không ai nhìn nhận đó, để lúc nào cũng hợp thức hóa được sự can thiệp của các đơn vị bộ đội Bắc Việt vì đó là những nơi cung cấp tin tức và yểm trợ tiếp vận rất cần thiết cho sự tiến quân của họ trong tương lai.

Trên phương diện chánh trị, đối với các quan sát viên không được thông báo trước, những cộng đồng vừa mới được tạo dựng này sẽ giúp cho Bắc Việt trình diễn về số dân chúng đối lập “thực sự” của chế độ Sài Gòn. Nếu có bầu cử thì những cộng đồng này sẽ bảo đảm biết bao nhiêu là phiếu đối lập. Được tập trung dính liền với nhau và chặt chẽ bảo vệ dọc theo đường mòn Hồ chí Minh, những “đồn điền” này thật sự là một vùng bàn đạp được cắm sâu vào giữa miền Nam Đông Dương để từ đó các cấu trúc được mở rộng thêm ra.

Lần lần, nhờ các cuộc chuyển dân và đóng các chốt quân sự, các đại đơn vị cộng sản mới trú đóng được khắp các xóm làng. Đường sá và ruộng đồng được mở rộng thêm ra. Nền hành chánh được thiết lập sau đó. Các cán binh của Hà Nội ngụy trang thành dân chúng, được thúc đẩy lập gia đình tại chỗ với các thiếu nữ Miền Nam. Trong hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định, cũng như ở Cam Bốt, thì hình như cộng sản thành công trong kế hoạch này. Trong những vùng ít dân cư thì bộ đội được tái hôn với những thiếu nữ người Bắc được chuyển vào Nam theo kế hoạch này (khoảng 10.000). Đôi lúc thì tự nguyện nhưng thường thì bị ép buộc, (đặc biệt là các nữ y tá, bác sĩ hay giáo viên) những cô gái này gốc người Miền Nam nên chỉ thích lập gia đình với cán binh người Miền Nam hơn. Trên thực tế, những cô gái Miền Bắc thường lập gia đình với các chàng trai Miền Bắc vì những chàng trai này thuộc số đông, và đã có với họ những mối tương quan về ngôn ngữ, phong tục tập quán, và ăn uống. Một vài phần tử gọi là “cách mạng” người Nam còn được ở trong những vùng mới chiếm giữ đều đã quá tuổi 40. Một số người già từng được xử dụng trong bí mật, thường là độc thân, được giao cho trách nhiệm phụ và họ không sống chung đụng với người Miền Bắc. Sự chiếm hữu đất đai của Miền Nam cũng được tiến hành bằng cách chuyển nguyên các làng từ Miền Bắc vào. Những người Việt Nam định cư ở Lào và Cam Bốt từ nhiều thế hệ trước đã bị dời vào Miền Nam hoặc bị tập trung vào ở với những thương binh mà cộng sản Bắc Việt không thể di tản được và những tù binh chiến tranh già yếu được Chánh Phủ Sài Gòn phóng thích, để lập thành những vùng đông dân cư mới, có thể được nâng lên thành “quận lỵ”. Kế hoạch di dân bắt buộc này, sự thành công của hành động xâm chiếm ồ ạt và lạng lẹ này, đã liên hệ trực tiếp đến

sự vô hiệu hóa các cơ cấu kiểm soát ngừng bắn. Điều này giải thích rõ ràng cách thức mà Bắc Việt đã nhanh chóng và tàn bạo xử dụng để làm cho những thành viên quá tò mò của Ủy Ban Quốc Tế phải đứng xa ra khỏi vùng ảnh hưởng của họ.

Để đương đầu với chánh sách tảo bạo và gây hấn này của Bắc Việt, để bảo đảm thi hành Hiệp Định Paris, phản ứng của Hoa Kỳ xét ra cũng không có gì lạ hết. Khi TT Nixon thử xin ngân khoản mới cho Cam Bốt, vào lúc Khò Me Đỏ được 2 sư đoàn Bắc Việt tăng cường đang gây nhiều thiệt hại nặng nề cho phía Chánh Phủ thì Quốc Hội đã trả lời bằng cách bắt buộc Không Lực Hoa Kỳ phải chấm dứt oanh tạc vào các vị trí cộng sản bắt đầu từ ngày 15/8/1973.

Vào tháng 11/1973, cũng Quốc Hội này đã bỏ phiếu chấp thuận Nghị Quyết về Quyền Lực Chiến Tranh, để ngăn cấm Tổng Thống Hoa Kỳ từ nay nếu chưa có sự chấp thuận của Quốc Hội thì không được phép xử dụng quân lực Hoa Kỳ để phòng thủ bất cứ phần đất nào của Đông Dương.

Vào mùa hè năm 1974, Tổng Thống Nixon từ chức vì vụ tai tiếng của Watergate. Lúc đó các dân biểu và nghị sĩ Quốc Hội mới xem xét kỹ các đơn xin viện trợ do Kissinger trình lên. Họ thấy quá cao nên họ cắt bớt viện trợ quân sự cho Việt Nam chỉ còn lại phân nửa.

Nhưng lúc này tình hình quân sự ở Miền Nam rất là trầm trọng. Tướng Cao Văn Viên Tổng Tham Mưu Trường Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH) rất lo ngại. Tướng Nguyễn khắc Bình, Giám đốc Trung Ương Tình Báo đã trình cho ông một bản phúc trình dài về tình hình dàn quân của các đơn vị cộng sản Bắc Việt ở Miền Nam. Phúc trình viết:

“Cuộc đe dọa về quân sự của địch đã hết sức là trầm trọng.

Trong khi Hoa Kỳ giảm đến một nửa ngân khoản viện trợ quân sự cho Miền Nam Việt Nam, thì Liên Xô đã tăng cường gấp đôi phần chiến cụ của họ và phần viện trợ tài chánh cho Miền Bắc (1 tỷ 700 triệu mỹ kim cho năm 1974). Bắc Việt đã tiếp tục cho xâm nhập cán binh và chiến cụ từ Miền Bắc liên tục từ sau ngày ngừng bắn. Chúng tôi ước tính lên đến 80.000 cán binh, 600 chiến xa, 500 khẩu pháo và 200 khẩu phòng không, tất cả đều vượt vĩ tuyến 17 không qua các cửa khẩu do Hiệp Định Ngừng Bắn đã ấn định. Ngoài ra, trong số 30.000 tù binh vừa dân sự vừa quân sự được chúng ta trao trả theo đúng các điều khoản của Hiệp Định, thì hai phần ba (2/3) được bổ sung vào các đại đơn vị của Bắc Việt đồn trú trong Miền Nam. Số lượng chiến cụ và sự phân phối cấp phát được tăng thêm gấp bội: các đơn vị đều có phóng pháo xa 122 ly và hỏa tiễn SA 7, 300 khẩu đại pháo 130 và 100 khẩu pháo 152 để tăng cường cho các đơn vị pháo binh tầm xa, và những đơn vị chiến xa T.54. Quân số cộng sản bây giờ đã vượt quá mức quân số của họ trước cuộc tấn công năm 1972; 310.000 người trong đó có 170.000 cán binh và 60.000 cán bộ chánh trị gốc Miền Bắc. Bản đồ trận liệt của cộng sản được tái tổ chức như sau: 17 sư đoàn bộ binh với quân số đầy đủ đang đóng trong Nam (7 sư đoàn ở Vùng I từ vĩ tuyến 17 đến Đà Nẵng, 5 sư đoàn ở Vùng II, cao nguyên Trung phần, 3 sư đoàn ở Vùng III, giữa vùng Mỏ Vẹt tới Sài Gòn,, và 2 sư đoàn ở Vùng IV trong đồng bằng sông Cửu Long và rừng U Minh. Trừ bị thì có 40.000 cán binh Bắc Việt đóng ở Cam Bốt và 50.000 đóng ở Lào)

Việc ngưng dội bom đã giúp cho Bắc Việt mở rộng và cải thiện tất cả các đường giao thông cũ của họ từ phía Nam vĩ

tuyến 17, đặc biệt là tất cả các tuyến đường dẫn về phía Đông của đường mòn Hồ chí Minh.

Tất cả các tuyến đường và lộ trình xâm nhập đều được củng cố để có thể sử dụng được suốt 4 mùa. Công tác củng cố đã chẳng những đạt được bề dài mà cả khả năng lưu lượng của tuyến đường với 1500 xe cam nhông mỗi tuần, đã vượt mức cao nhất cho tới nay. Các đường liên lạc ngang cũng chưa bao giờ được bỏ qua.

Ông dẫn đầu đặt dọc theo đường mòn Hồ chí Minh được tăng lên gấp đôi và được kéo dài xuyên qua lãnh thổ phía Đông của Cam Bốt đến tận vùng "Mỏ Vẹt", chỉ còn cách Sài Gòn có 80 cây số ngàn.

Cuối cùng 12 phi trường đã được thiết lập ở phía Nam vĩ tuyến 17, từ sau khi có lệnh ngừng bắn: 6 trong số đó có khả năng nhận những phi cơ thường và phi trường Khe Sanh được hỏa tiễn SAM 2 và SAM 3 bảo vệ mạnh mẽ nhất, có thể nhận các phi cơ loại nặng và các Mig 21. Các trục thăng vận tải lớn do Liên Xô chế tạo đã được thấy lên xuống nhiều lần ở các phi trường này. Có nhiều chi dấu chính xác cho thấy một cuộc tấn công quân sự quy mô có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Tất cả những sự chuẩn bị đều xem như đã hoàn tất. Những kho dự trữ và các trạm tiếp vận lương thực đã được đặt xong, các bệnh viện hậu phương đã được bố trí sẵn sàng. Chiến trường cho mỗi sư đoàn cộng sản đã được tổ chức rất cẩn thận. Các vị trí cho cá nhân, cho từng loại vũ khí, các hầm trú ẩn, các trạm cứu cấp đã được đào và nghi trang rất cẩn thận, các mồi tác xạ đã được đặt xong, cự ly xa gần và máy nhắm cũng đã được tính toán xong. Về vấn đề này, chúng tôi xin nói thêm là các đường tiến quân

dẫn đến tất cả các thành phố ở miền Trung và miền Đông của chúng ta có lợi thế cho các đơn vị tấn công Bắc Việt là nằm trong vùng rừng rậm, và dựa vào vô số đường mòn do máy ủi đất của những người làm rừng của chúng ta dọn mở ra từ trước. Tất cả các con đường này thường được dùng cho xe vận tải nặng chuyên chở gỗ súc, là những con đường tiến quân rất thuận lợi cho các chiến xa địch. Hệ thống các con đường mòn chằng chịt này đến một lúc nào đó sẽ giúp cho các chiến xa cộng sản thọc sâu nhiều mi-li dài bất ngờ xuất hiện vào tận hầu hết các vòng đai ngoại ô của mọi thành phố.

Sự kiện Hoa Kỳ cắt viện trợ quân sự của chúng ta đã đưa chúng ta vào một tình thế thua sút rõ rệt. Chúng ta cần phải tiết kiệm đạn dược. Các quân xa và phi cơ của chúng ta chỉ nhận được có 50% cấp số xăng dầu so với lúc trước. Thiếu cả cơ phận thay thế, gần 30% Không Lực chúng ta bị bắt buộc phải nằm ụ tại chỗ.

Bị bắt buộc phải giữ từng tấc đất mà không được dẫm chân vào chiến tuyến ngừng bắn, binh sĩ của chúng ta phân tán quá mỏng, trong khi Bắc Việt là kẻ xâm lăng, lại được tự do tập trung lực lượng bất cứ chỗ nào mà họ muốn mà không lo sợ gì về một cuộc tấn công nào trên lãnh thổ của họ. “

Bắc Việt đe dọa Miền Nam trên phương diện quân sự kèm theo áp lực về kinh tế lẫn chánh trị. Từ sau khi ký xong Hiệp Định Ngừng Bắn, nhà cầm quyền Bắc Việt đã làm đủ mọi cách để bẻ gãy nền kinh tế và tinh thần của dân chúng Miền Nam. Trước hết là họ vận động nhằm làm nản lòng đầu tư của ngoại quốc. Để làm việc này, họ đã mở ra “chiến dịch thảo luận” căn cứ trên 4 đề tài chính:

(1)- một nguyên tắc về pháp lý: Miền Bắc cuối cùng đã thắng

Miền Nam. Sự khẳng định này cứ được lập đi lập lại hoài không mệt mỏi trong hai mươi năm liền cuối cùng thì đạt được ảnh hưởng.

(2) - một bằng chứng sai bét về pháp lý kèm theo một sự đe dọa: “Hiệp Định Paris về Ngừng Bắn đã công nhận cái gọi là Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam (GRP) như là Chánh Phủ hợp pháp duy nhất chính thức của dân tộc Việt Nam, mọi Hiệp Ước ký kết với Chánh Phủ Sài Gòn đều không có giá trị, và có thể còn bị xem là một “xúc phạm” với nhân dân Việt Nam.”

(3) - duy trì thật sự mối đe dọa quân sự và một không khí mất an ninh. An ninh và ổn định chánh trị luôn luôn là những yếu tố tốt nhất để thúc đẩy sự đầu tư. Làm rối loạn trật tự công cộng và an ninh nội địa, cho thấy lúc nào cũng có mối đe dọa về một cuộc xâm lăng quân sự,... tất cả đều ảnh hưởng đến doanh nhân, hơn nữa Âu Châu sống trong thanh bình đã gần 30 năm rồi.

(4) - Sự đầu độc của báo chí Phương Tây theo luận điệu cộng sản, hay có lợi cho luận điệu của Hà Nội lúc nào cũng tiên đoán hay thích thú mô tả “sự sụp đổ hiển nhiên và không thể tránh được” của nền kinh tế Miền Nam Việt Nam.

Lập luận cứ thế được mở rộng ra: kinh tế thì không có giá trị, chánh trị thì bấp bênh, pháp lý thì bất bình thường và theo cái nhìn lịch sử và trong tương lai thì sẽ thất bại.

Sự tuyên truyền thâm hiểm này hướng về thế giới bên ngoài lại được mở rộng gấp đôi ngay trong nước bằng một loạt hành động trực tiếp nhằm gây xáo trộn và làm sụp đổ sự phát triển kinh tế của Miền Nam Việt Nam.

Bắn phá và tấn công đồn bót. Dùng pháo binh bắn phá, phục kích các đoàn xe. Từ một nần nay, trung bình hằng tháng, các vụ ám sát tăng từ 22 lên 48, các vụ bắt cóc từ 50 lên 120, các cuộc

tấn công từ 200 tăng đến 320. Cộng sản cũng tìm cách làm giảm giá trị đồng tiền của Miền Nam Việt Nam, mức tiết kiệm của người dân bị rút xuống vì suu cao thuế nặng của Việt Cộng và tiền chuộc nữa. (Thuế tài sản và thuế lợi tức, thuế chuyên chở, tù binh muốn được thả cũng phải đóng tiền: 100.000 cho một binh nhì.)

Hà Nội nuôi các thành phần xâm nhập bằng cách cho lưu hành tiền giả cùng với chánh sách mua bán phá giá. Cộng sản mua gom gạo ở các chợ của Chánh Phủ VNCH với giá rất cao rồi đưa về tích trữ trong vùng của họ, gây ra một sự thiếu hụt và lạm phát. Đến khi các hợp tác xã dưới quyền kiểm soát của họ bán gạo ra, thì họ bán với một giá rất thấp so với giá bình thường. Có đôi khi số gạo của hợp tác xã là gạo của cộng sản cướp giựt của dân chúng từ Cam Bốt.

Bây giờ thì Chánh Phủ Miền Nam đang trải qua một thời kỳ nguy kịch. Với ngân sách quân sự và kinh tế của thời bình, Chánh Phủ phải đương đầu với những chi phí của thời chiến. Và còn có gần 1 triệu dân tản cư lánh nạn đang chờ được giúp đỡ từ năm 1972.

Hành động giám viện trợ bất thần từ phía Hoa Kỳ đã kềm hãm tức khắc mọi khuếch trương. Vật giá leo thang đến một nhịp độ tăng nhanh không thể nói được. Từ tháng giêng năm 1973, đồng bạc bị phá giá đến 8 lần. Không khí chánh trị và xã hội rất nặng nề. Một cuộc khủng hoảng trầm trọng do các lãnh tụ đối lập gây ra trong mấy tháng nay đã làm lung lay Chánh Phủ trong lúc Chánh Phủ đang cố gắng lo đối đầu với những chỉ trích từ mọi phía.

Mọi việc đã bắt đầu từ tháng 5 1974, với một bản cáo trạng chống tham nhũng của Cha Thanh, một linh mục thuộc dòng Chúa Cứu Thế, đại diện cho một giáo khu nghèo nhất vùng ngoại ô Sài Gòn. Bản cáo trạng sau đó lại được sự ủng hộ của 301 tu sĩ công

giáo, nhằm tố cáo Chánh Phủ trong vấn đề buôn lậu và hối mại quyền thế của một vài tướng lãnh và tỉnh trưởng.

Vấn đề được đưa ra thảo luận ở Quốc Hội. Cả Thượng Viện và Hạ viện bàn cãi rất sôi nổi và rất hứng thú, nhưng cuối cùng thì ngòi nổ cũng được tháo gỡ một cách khéo léo và vẫn có lợi cho Chánh Phủ, để lại cho thính giả của cuộc tranh luận một ấn tượng về sự tự do phát biểu đúng mức.

Tuy nhiên không vì thế mà có thể dập tắt được hành động của những người chống đối. Nó được tái phát trở lại, dữ dội hơn, tai tiếng hơn và có phương pháp hơn, và lần này thì mũi dùi chia ngay vào Tổng Thống Thiệu, gia đình ông, và các cộng sự viên thân cận nhất của ông.

Ngày 8 tháng 9, 1974, “Phong Trào Chống Tham Nhũng, Cứu Quốc và Kiến Tạo Hòa Bình” cho lưu hành một bản “cáo trạng số 1”, cáo trạng đầu tiên của một loạt 3 cáo trạng, phơi bày thực sự ra ánh sáng những sự lạm dụng công quỹ và những lợi tức bất hợp pháp.

Các tác giả của bản cáo trạng cho rằng sự tố cáo này dựa trên những chứng tích không thể chối bỏ được gồm có 6 điểm:

(1) - Tội quá nhiều bất động sản: mua một biệt thự của hãng Shell cho con trai giá là 40 triệu đồng, mua cho vợ một cơ sở thương mại cũ của Công Ty Đất Đỏ, 90 triệu đồng, và một nhà ở Thụy Sĩ.

(2) - Lợi dụng chiếm đất: Tổng Thống Thiệu sẽ làm chủ một miếng đất 3 mẫu ở Đà Lạt, một miếng đất nửa gần Giá Rai, trên Quốc lộ 1, và khai thác ở Long Khánh nhiều trăm mẫu nữa;

(3) - Dùng công quỹ giao cho công ty Hải Long tích trữ phân bón, giám đốc công ty này là ông Nguyễn Xuân Huyền, anh em bạn rể của Tổng Thống Thiệu.

(4) - Vấn đề “Bệnh viện Vì Dân” do bà Thiệu và “Hội Phụ Nữ Việt Nam Phục Vụ Xã hội” đứng ra xây cất. Việc xây cất bệnh viện này, có 100 phòng miễn phí cho người nghèo là nhờ vào tiền lời của quỹ xổ số quốc gia và tiền bán số hàng do quan thuế tịch thu trong bốn năm qua. Bà Thiệu bị cáo buộc là đã “chọn lựa bệnh nhân” và “điều khiển các bác sĩ”.

(5) - Buôn bán ma túy: dựa trên cuốn sách của người Mỹ “*Những Chánh trị gia của bạch phiến ở Đông Nam Á*” mà tác giả là ông M. W. Mac Coy, bản cáo trạng chỉ đích danh tướng Đặng Văn Quang, cố vấn đặc biệt của Tổng Thống Thiệu về an ninh phòng thủ, người đích thân điều hành việc bán ma túy ra nước ngoài với sự đồng lõa của những hệ thống quốc tế dính với băng Tiểu Châu của người Tàu ở Chợ Lớn.

(6) - Việc bán gạo ở miền Trung: Chánh Phủ tài trợ việc chuyên chở gạo trong vùng này nhằm ổn định nhu cầu của dân chúng, và cũng để giữ giá gạo ở đây không cao hơn giá gạo tại Sài Gòn. Việc tài trợ này lên đến 40 triệu đồng mỗi tháng. Công chức của Chánh Phủ mua gạo với giá thật thấp và bán ra cho bọn buôn lậu ở địa phương để chia với họ tiền lời và tiền trợ cấp. Người khai thác việc chuyên chở này là ông Phạm Sanh, giám đốc ngân hàng Nam Việt, và người chịu trách nhiệm phân phối gạo là bà Ngô Thị Huyết, di của Tổng Thống Thiệu.

Đài phát thanh Hà Nội và báo chí của Chánh Phủ Bắc Việt cũng như sách báo thân cộng được Bắc Việt tài trợ ở Ba Lê và Âu Châu đã phổ biến rất rộng rãi bản “cáo trạng số 1” này.

Ở Miền Nam Việt Nam song song với hành động của đối lập, cán bộ cộng sản đã tiến hành phổ biến tràn lan khắp nông thôn dưới hình thức truyền đơn hay các tờ quảng cáo truyền tay.

Chiến dịch đánh phá uy tín này lúc đầu chỉ nhằm vào các thành phố lớn, lần lần được lan rộng xuống các tỉnh, là một đòn rất nặng đối với uy tín của Tổng Thống Thiệu vốn vẫn còn được lòng trong hàng ngũ quân nhân và nông dân.

Một số sự kiện được nêu lên trong bản cáo trạng cần phải được làm sáng tỏ lại. Cần có một sự giải thích thật rõ ràng và chính xác mà chỉ có đích thân Tổng Thống Thiệu mới cung cấp được. Những sự kiện khác được nêu lên không được đầy đủ hoặc không đúng sự thật.

Thí dụ như việc bán gạo. Nhân vật chính chịu trách nhiệm là ông Phạm Sanh, giám đốc ngân hàng. Ông đã bị trừng phạt, đã bị câu lưu từ tháng bảy, tài sản bị tịch thu, các trương mục đều bị phong tỏa, và đang chờ ngày ra Tòa.

Vấn đề độc quyền phân bón cũng vậy. Chánh Phủ đã có phản ứng kịp thời, bằng cách cho lệnh bán hết phân bón và tái phân phối cho nông dân với “giá chánh thức”. Phía đối lập cho rằng đây là một quyết định đáng khen, nhưng đó chỉ là một nhát kiếm chém xuống nước mà thôi. Vì những đại lý bán sỉ người Tàu có mặt khắp mọi giai tầng kinh tế trong nước đã thu xếp để mua lại số lớn phân bón đã bán lại đó, đến lượt họ đem về trữ lại, bảo đảm trước là họ sẽ có một số lời khả quan rồi, vì thị trường hối đoái ngoại tệ cứ tiếp tục đi lên.

Như thế thì Tổng Thống Thiệu sẽ phản ứng ra sao đây? Đối với sự cáo buộc của phe đối lập, trước hết ông đã trả lời bằng một diễn văn dài trên hệ thống truyền hình về tình hình chánh trị của đất nước và cuộc chiến đấu cho sự tự do, có đề cập đến những “lời gièm pha” được tung ra về cá nhân ông cho đó chỉ là một chuyện dàn dựng có ác ý “của cộng sản, và của những kẻ hợp tác

và đồng lõa với họ” mà thôi.

Nhưng đối với những sự kiện quá nghiêm trọng như việc buôn bán ma túy của tướng Quang, vị cố vấn của ông, và chuyện lươn lẹo về đất đai và lợi tức bất chính được gán cho vợ ông, thì ông lại không có nói một tiếng nào. Quân đội, dân chúng, người dân ngoài phố đã chờ đợi ở ông một lời bác bỏ những cáo buộc này. Do đó khi mà ông Thiệu tỏ ra quên hằn và khinh thường không lý tới những chuyện đó thì ông không thuyết phục được ai hết.

- *“Tay của ông đã không được sạch sẽ nữa rồi!”* đó là lời phê bình có chút miệt thị của một số sĩ quan trẻ đau khổ và chán chường.

Vậy ông Thiệu có thể làm được gì để phục hồi uy tín của ông đang bị lung lay trầm trọng? và tháo gỡ được những cáo buộc của phe đối lập? Một hành động giống lạ kỳ những gì đã dẫn đến cuộc đảo chánh tháng 11 năm 1963, và cái chết của Tổng Thống Diệm. Nguyên thủ quốc gia người công giáo này cũng là một người chống cộng tích cực. Nhưng dù là một con người rất thanh liêm và yêu nước trung thực, ông vẫn bị tấn công và đánh gục bằng một chiến dịch gièm pha vu khống, được tổ chức hết sức nhịp nhàng, có sự hỗ trợ của một phe đối lập công giáo, tố cáo sự tham nhũng, lợi dụng quyền thế của anh em ông, của cha mẹ ông và của những người thân cận của ông. Được tiến hành âm thầm bên trong nhưng do bàn tay thiện nghệ của người Mỹ, chiến dịch đó đã đưa nước Việt Nam vào hỗn loạn và làm cho cuộc chiến lại tái diễn.

Đến lượt người kế vị ông, Tổng Thống Thiệu, lại bị cáo buộc lạm dụng quyền thế và không làm tròn chức năng của mình. Vậy ông ta có bị đe dọa về một sự kết thúc tương tự hay không? Một vài nhà phân tích thường hay liên hệ các diễn biến song song như vậy

thì họ sẵn sàng tin. Dù muốn dù không thì tình hình ở Miền Nam đang sôi sục.

Sài Gòn với bốn triệu dân, thủ đô chánh trị, hành chánh, kinh tế và quân sự, là nơi thu gọn tất cả các bài toán của Miền Nam Việt Nam với những mâu thuẫn, những mưu mô, sự phong phú và sự nghèo nàn của nó.

Một mặt, đây là một thành phố với những đường phố rộng thênh thang, ngồn ngáng đủ loại xe hơi và xe gắn máy, với những công viên đẹp, với những công thự luôn được bảo trì rất cẩn thận, với những chợ búa đầy ắp lương thực, với một hải cảng tối tân có đầy đủ trang thiết bị, với một sân bay quốc tế và với những đường liên lạc viễn thông tuyệt hảo.

Mặt khác, với một vòng đai các lầu tôle, lầu cây, lầu ván và giấy bồi, ở đó chen chúc nhau những người tỵ nạn nghèo khổ, không một việc làm, những binh sĩ đào ngũ và hàng ngàn người tàn tật.

Đỉnh liền với thủ đô Sài Gòn là Chợ Lớn, một thành phố của 800.000 người Tàu, những chủ con trời đã mọc rễ trong nước từ 3 thế kỷ nay, được tổ chức để thu lợi, là chủ ngân hàng, là trung gian mậu dịch, buôn bán đủ mọi loại kim khí, gỗ, gạo, tổ chức chuyên chở đường bộ và đường thủy, chuyên đầu cơ tích trữ, cho vay, là nhà tài trợ cho các thú vui và các loại hàng lậu, cho tất cả những gì có thể mua được và tất cả những gì có thể bán được.

Ở ngay chính giữa tập hợp Việt Hoa này, có Dinh Độc Lập được binh sĩ Dù canh gác cẩn thận, có lưỡng viện Quốc Hội Thượng Viện và Hạ Viện, Tối Cao Pháp Viện, đài truyền thanh truyền hình và... một số bao chí phong phú.

Trung tâm điểm của tất cả là con đường Tự Do (Catinat cũ), với các khách sạn đồ sộ của nó, với những tiệm buôn tráng lệ,

những tiệm nữ trang sáng chói, những quán rượu và phòng trà để tất cả những người chạy áp phe, các luật sư, những dân biểu, những người đối lập, những danh kỹ, những mật báo viên và những nhân viên đặc biệt... có nơi hội họp, trò chuyện, bàn mưu tính kế, mua bán đổi chác, trao đổi tin tức hay phao đồn “tin vịt” và những “đường dây tốt”... đến độ có một dạng tin tức song hành, dựa trên những chuyện ngồi lê đôi mách và những chuyện dèm pha có chủ ý, nhằm xuyên tạc hay đi ngược lại với các thông cáo của chánh quyền thường được gọi với một danh xưng không mấy tốt là “radiô Catinat”.

Cái gọi là “radiô Catinat” này, thường mớm cho các bài báo của hàng trăm ký giả suốt trong thời kỳ 8 năm Hoa Kỳ tham chiến ở đây, đã phần nào xuống cấp, không còn thích hợp nữa từ ngày ra đi của các thông tin viên ngoại quốc.

Bây giờ cái radiô này lại sống trở lại những giờ phút huy hoàng của nó.

Phía đối lập, bất ngờ về sự táo bạo và sự tự do trong phát biểu của mình sau khi tung ra chiến dịch đánh phá Tổng Thống Thiệu vừa rồi, đã chuyển động, tự thấy phần khởi và tưởng mình sắp đạt được chánh quyền bởi vì họ đã tố cáo được những yếu điểm và những sự lạm quyền của Tổng Thống mà không bị một trừng phạt nào hết.

Trong những cuộc họp mật và những vận động ngoài hành lang, phe đối lập đã chọn lựa và đưa lên những lý luận, liên kết với nhau, phân phối các chức vụ trong Chánh Phủ.

Các chi trích càng ngày càng nhiều. Báo chí phản ánh “tin tức chính xác” và thật khó mà phân tách được đó là giả hay thật: Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi - cháu của Tổng Thống Thiệu - đang là Tư Lệnh

Vùng IV (Đồng bằng sông Cửu Long) là một người bất tài. Bà vợ của Thủ Tướng Chánh Phủ đã mua một lầu đài lớn bên Pháp với giá một triệu quan. Một vài ông tướng sẽ sẵn sàng giúp phe đối lập với binh sĩ của họ. Các cựu quan chức của cơ quan tình báo trung ương Mỹ (CIA) đã từng dính vào cuộc đảo chánh năm 1963, sẽ quay trở lại. Nhưng đề tài của cuộc nói chuyện trọng đại là chuyện “thất sủng” gần đây, mà theo đó người sẽ rớt đài sẽ là ông Hoàng Đức Nhã, Tổng Trưởng Thông Tin và Chiêu Hồi, người em họ của Tổng Thống Thiệu, người được mệnh danh là “ông Tổng Thống nhỏ”.

Ba mươi hai tuổi, cao 1 thước 83, với một thể lực của một tay “anh chị” (nguyên văn: play-boy), kỹ sư, tốt nghiệp cử nhân chánh trị học, ông Hoàng Đức Nhã là một người thật tiêu biểu cho đẳng cấp mới của giới kỹ thuật trẻ Việt Nam. Là một thể thao gia, người năng nổ, làm việc không biết mệt, có phương pháp và có đủ tài liệu, nói thật trôi chảy cả tiếng Pháp và tiếng Anh, ông đã làm việc năm năm như là thư ký riêng cho Tổng Thống Thiệu trước khi được đề nghị vào chức vụ Bộ Trưởng. Là một kẻ thù cuồng nhiệt của cộng sản, ở cương vị mới ông đã cố gắng vận dụng tất cả phương tiện kỹ thuật mà ông sẵn có để bao che cho dân chúng và tách họ ra khỏi gọng kềm tuyên truyền của Việt Cộng. Và ông ta đã thành công.

Các địch thủ của ông trách ông đã “bịt miệng” báo chí và ông đã vượt qua thực quyền của ông để can thiệp vào quá nhiều lãnh vực. Ông Nguyễn Minh Đăng, một dân biểu trẻ người Bắc đã dùng diễn đàn để tố cáo sự “lạm dụng quyền hành” của ông, qua việc đặt người “thân cận” vào các trung tâm tin tức được mở ra ở ngoại quốc, và xử dụng sai nguyên tắc công quỹ. Ông Nhã đã lạnh lùng phản bác lại bằng cách nhấn mạnh rằng tất cả những người mà ông “che chở” đều tốt nghiệp đại học, có một trình độ học vấn

tuyệt hảo; và bằng cách trung ra đầy đủ chi tiết rất chính xác của sự chi thu ông đã chứng minh rằng những chi phí của ông đã thấp hơn ngân khoản được ấn định.

Là một người quốc gia có tánh đa nghi, ông Nhã cũng là một người cộng tác khó tính và không mấy thích nghi đối với người Mỹ. Trong giai đoạn chót của cuộc thương thuyết tại Ba Lê, ông Nhã đã đương đầu với ông Kissinger, và đã cùng Tổng Thống Thiệu thảo ra bản quyết nghị nổi tiếng “Bốn Không”. Sự giao dịch của ông với Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ cũng giữ được khoảng cách. Các cố vấn Hoa Kỳ làm việc tại Sài Gòn than phiền rằng từ sáu tháng nay ông từ chối không trả lời điện thoại cho họ. Được các nhà báo Anh quốc hỏi về thái độ đối xử “quá cực đoan” của ông, ông Nhã đã trả lời với một giọng khó chịu: “Người Mỹ là đồng minh của chúng tôi, tôi rất thích xem họ như những người anh em, nhưng tôi không muốn gọi họ bằng “Cha”!(nguyên văn: Papa)

Ông đã đệ đơn xin từ chức. Cùng lúc với ba thành viên khác của Chánh Phủ, cả ba đều thanh liêm, rất giỏi và được kính trọng. Đó là các Tổng trưởng Tài Chánh, Kinh Tế, và Nông Nghiệp, họ cũng đã xin từ chức.

Trực diện với nhóm đối lập càng ngày càng lớn mạnh đang tổ chức chống lại ông và bài xích nhóm kỹ thuật gia trẻ đang cương quyết tách ra khỏi hàng ngũ Bộ trưởng, Tổng Thống Thiệu bắt đầu giữ sự im lặng.

Bị chạm mạnh do các sự tố cáo công khai của các đối thủ và “đào tị” của những phần tử ưu tú trong Chánh Phủ, Tổng Thống Thiệu với gương mặt luôn luôn tươi tỉnh, khó đoán được ý nghĩ và rất bí mật, ông không bao giờ hốt hoảng. Là một chánh trị gia giỏi vận dụng, lanh trí, và đáng sợ, ông kiểm điểm lại các lá bài của

ông trước khi có phản ứng. “Ta còn một số con bài chủ” ông vừa cười vừa tâm sự với những cộng sự viên thân cận.

Ông lạnh lùng kiểm lại các lá bài chủ của ông.

Trước hết là vị trí của người Hoa Kỳ. Mặc dầu ông Nixon đã ra đi, và sự chống báng của Quốc Hội Mỹ, thái độ của Tổng Thống Ford vẫn còn nhiệt tình và tốt bụng. Đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, ông Martin, đã tỏ ra là một bạn đồng minh còn vững chắc và cương nghị, điều mà ông Bunker không có dù là ông ta đã giúp ông lên ghế Tổng Thống.

Về phía VNCH, hệ thống quân giai, được thiết lập từ những quân nhân chuyên nghiệp, được lựa chọn cẩn thận, đã nắm chặt quân đội trong tay. Không có một nguy cơ nào về một cuộc đảo chánh. Phe đối lập được dựa phần lớn vào các linh mục và các vị dân cử công giáo, nhưng ít được khối tín đồ đi theo vì họ không thích các tín hữu can dự vào vấn đề chánh trị. Do đó đối lập không mạnh như họ vẫn tưởng. Còn các phật tử (85% dân chúng) thì họ rất dè dặt và không tham gia vào các cuộc “xuống đường”.

Sau khi đánh giá kỹ lưỡng về những khả năng hành động của mình, Tổng Thống Thiệu mới đi đến quyết định “hành động”.

Ông bắt đầu nắm chặt quân đội lại, (vì đó là cột trụ chống đỡ chính của chế độ), bằng cách tái phối trí lại hệ thống chỉ huy và thanh lọc hàng ngũ sĩ quan. Ông vẫn giữ lại tướng Ngô quang Trưởng trong chức vụ Tư lệnh Vùng I Chiến Thuật (Huế và Vùng Phi Quân sự), người đã bẽ gãy cuộc tấn công của cộng sản năm 1972. Ông đề nghị tướng Phạm Văn Phú giữ chức vụ Tư Lệnh Vùng II (Vùng Cao Nguyên Trung Phần), ông này là người hùng Việt Nam trong trận Điện biên Phủ. Ông chỉ định tướng Dư Quốc Đống vào chức vụ Tư Lệnh Vùng III (khu Tam Giác Sắt và Khu Mỏ Vẹt), một

cựu Tư Lệnh Binh Chủng Nhảy Dù, một tay chiến đấu gan lì và sừng sỏ của vùng rừng núi. Ở Vùng IV Chiến Thuật thì ông đã cho tướng Nguyễn Khoa Nam thay thế tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, người cháu của ông. Tướng Nam cũng thuộc binh chủng Nhảy Dù mà là kỹ thuật gia của chiến thuật trực thăng vận. Ba trăm sáu mươi bảy (367) sĩ quan cấp tá xét thấy không đủ khả năng hay tham những được cho về hưu hay xóa tên trong danh sách cán bộ.

Sau phần quân đội là đến phần chánh trị và dư luận. Dự luật giao toàn quyền hành động cho Tổng Thống Thiệu vừa được thông qua và ban hành. Rất nhiều biện pháp được Quốc Hội thông qua, đã mở đường cho các đảng phái chánh trị được hoạt động trở lại. Sự kiểm duyệt đang đè nặng báo chí đã được tháo bỏ. Một Chánh Phủ mới được hình thành. Nhưng sau khi các biện pháp mở rộng vừa được ban hành thì Tổng Thống Thiệu lại có thái độ cứng rắn, mời phe đối lập hãy hành động trong tinh thần xây dựng và trong khuôn khổ luật pháp quốc gia, qua Quốc Hội (Thượng Viện và Hạ Viện) vào dịp bầu cử lập pháp sắp tới, qua các tòa án (bằng đơn tố cáo) và qua báo chí. Chiến dịch trong sạch hóa được tiếp tục, hàng Bộ trưởng và các công chức cao cấp làm không tròn nhiệm vụ sẽ bị điều tra và nếu có đầy đủ bằng cứ chứng minh đúng theo đơn tố cáo thì họ sẽ phải được truy tố và xét xử.

Tất cả đều xong hết, ông còn xác nhận là tất cả những cuộc biểu tình được xem như hành động phá rối trật tự công cộng và sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Nhiệm vụ của các linh mục không phải để tấn công cảnh sát ngoài đường phố hay để lớn tiếng rao giảng bằng loa sự bất phục tùng, mà phải chăm sóc cho giáo khu và các nhà thờ của họ. Tương lai chánh trị của nước Việt Nam được bảo đảm bằng máu ngoài chiến trường chớ không nên bàn cãi trên hè phố.

Bị phản đối, vì không có người cầm đầu thực sự, nên phe đối lập thất bại không kéo dân chúng nổi dậy được. Những cuộc biểu tình lớn dự trù và được thông báo trước không thực hiện được. Linh mục Thanh đã ước muốn động viên tất cả dân chúng trong cuộc chống phá lớn nhưng cho tới giờ này chỉ mới có được vai cuộc quây phá nhỏ. Con khủng khoảng coi như bị bóp nghẹt. Người em ruột của Thủ Tướng, người cầm đầu cơ quan chống buôn lậu, vừa bị bắt giam.

Tổng Thống Thiệu có thể tiếp tục lo cho cái mà ông gọi là “những vấn đề của đất nước”. Và trước hết là chuẩn bị cho cuộc bầu cử Tổng Thống dự trù vào năm 1976. Ông không thay đổi quyết định: ông sẽ ra ứng cử. Bất chấp những phức tạp bị quan đồn dập gởi tới cho ông, Ông Thiệu vẫn tự tin là có khả năng thành công vượt qua khỏi trở ngại của một nhiệm kỳ thứ ba. Mặc dầu có nhiều sự nguy hiểm trước mặt ông, ông vẫn nhất quyết nghĩ rằng ông là “người hoa tiêu có đủ điều kiện nhất để lèo lái con thuyền Việt Nam”.

Vào tháng hai năm 1975, ông viết cho Tổng trưởng tài chánh rằng: *“Viễn ảnh kinh tế đã cho thấy phân bất lợi đã giảm, Bằng mọi giá ta phải thu hút vốn đầu tư ngoại quốc. Tất cả nỗ lực của ông phải được dồn hết vào việc này. Không cần phải quảng cáo. Hồ sơ của chúng ta đã tốt rồi. Thị trường của Miền Nam đã trên hẳn mức trung bình ở Á Châu. Với dân số 20 triệu, mà bớt 9 triệu nhân công chúng ta đã hơn hẳn Úc Châu, Hong Kong, Mã Lai Á, Tân Gia Ba và Đài Loan rồi. Giá thuê nhân công rẻ là một cái lợi thế rất quan trọng cho các cuộc đầu tư ngoại quốc. Và một số lớn nhân công của chúng ta lại có khả năng nói tiếng Pháp và tiếng Anh. Chúng ta có sẵn 100.000 thợ chuyên môn,*

10.000 thợ máy và nhân viên điều hành đã được huấn luyện để coi sóc các dụng cụ máy móc có phần phức tạp hơn là tàu bè và trục thăng nữa. Con số chuyên viên kỹ thuật có giá trị (từ tin học đến máy móc) cần thiết cho kỹ nghệ sẽ rất cao khi cuộc giải ngũ có thể xảy ra. Trang thiết bị cho ngân hàng khá nhiều và nhân viên cũng thành thạo. Đó là những luận cứ mà từ đó ông phải triển khai ra thêm. Tôi đã viết thư cho Tổng Thống Ford để nói với Ông ta rằng một sự viện trợ đúng mức trong ba năm là quá đủ để bảo đảm nền độc lập của chúng tôi. Chỉ ba năm thôi, không quá một ngày nào!”

Vô ý thức? Mong du chánh trị hay lạc quan của lãnh đạo để kích thích các cộng sự viên kém nhiệt thành?

Trên thực tế, sự táo bạo của Tổng Thống Thiệu trong cách tính toán của ông và lòng tin cứng rắn của ông đối với tương lai của đất nước ông đều dựa vào một cuộc khám phá huyền diệu ngoài khơi bờ biển Miền Nam Việt Nam: dầu lửa.

Phải, đã có dầu lửa ở ngoài khơi Vũng Tàu và đảo Poulo Pajang, sáu mũi khoan, mũi nào cũng trúng đích! Như vậy người dân Miền Nam Việt Nam và Tổng Thống của họ có quyền mơ ước: Sáu giếng dầu mà khai thác từ năm 1977 sẽ đem lại lợi tức là một tỷ mỹ kim! Nhưng còn cần phải giữ vững được từ nay cho đến ngày đó. Và lại ba năm cũng không lâu lắm.

Nhưng ở đây thì coi như dài vô tận!

Bởi vì để chống lại cơ may phồn thịnh phi thường của Miền Nam, Hà Nội chỉ có một mong cầu: chiến tranh.

Ngày 6 tháng giêng năm 1975: một hành động gọi là “trùng trị” đã vang dội khắp nơi: lực lượng cộng sản Miền Bắc đã công khai tiến chiếm tỉnh Phước Long giữa đông trống, chỉ cách Sài Gòn

không hơn 65 cây số ngàn về hướng Đông Bắc. Sự thụ động của Hoa Kỳ sau hành động vi phạm nghiêm trọng Hiệp Định Ba Lê về Ngừng Bắn này đã được Hà Nội coi như một trải nghiệm rất có lợi cho một cuộc tấn công mới. Vào lúc đó sự từ khước của Quốc Hội Hoa Kỳ về một ngân khoản 300 triệu mỹ kim viện trợ quân sự cho Miền Nam do Tổng Thống Ford yêu cầu, được coi như một dấu hiệu chắc chắn “Mỹ sẽ không tái can thiệp vào Miền Nam Việt Nam nữa” vậy.

Chương 3

CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Vào đầu tháng giêng năm 1975, một phái đoàn quân sự Liên Xô do tướng V.A. Jukilov Tham mưu trưởng quân đội Liên Xô cầm đầu, đến Hà Nội. Về bài toán Việt Nam Mạc tư Khoa và Bắc Kinh luôn luôn có cái nhìn tương phản với nhau. Từ năm 1954, Liên Xô đã thúc đẩy Hà Nội mở cuộc tấn công quân sự quy mô và quyết định để chiếm Miền Nam. Ngược lại Bắc Kinh thì lại khuyên Hà Nội chỉ nên tăng cường các khu vực đã giải phóng và tiến hành một cuộc chiến tranh gặm nhấm lâu dài (trường kỳ kháng chiến).

Lần này thì đề nghị của Liên Xô có phần thắng. Mạc tư Khoa vì không có ảnh hưởng gì ở Cam Bốt, nên mong muốn nắm trọn nước Việt Nam, một chế độ thân hữu có thể giúp cho mình có những căn cứ Hải Quân và Không Quân ở Á Châu.

Liên Xô đã khẳng định rằng thời cơ quốc tế đang rất thuận lợi nên đã cung cấp cho Hà Nội rất nhiều phương tiện có thể trang bị cho 55 trung đoàn chiến xa biệt lập, và hỏa tiễn, pháo binh phòng không, để tiến tới sự thành công. Các tàu hàng của Nga chờ đầy ắp đạn dược đã chen chúc nhau ở hải cảng Hải Phòng.

Sau khi phái đoàn của tướng Jukilov rời khỏi Bắc Việt lại có một nhân vật cao cấp thuộc Bộ Ngoại Giao Liên Xô đến Hà Nội. Đó là ông Nicolai Firyubin. Cứ mỗi lần mà Mạc Tư Khoa quyết định tiến hành một hoạt động chánh trị quân sự ở một khu vực đặc biệt nóng bỏng nào đó thì y như rằng họ phải gọi ông Firyubin đến đó.

Ngày 28 tháng hai, lại đến lượt tướng Yang Yung dẫn đầu một phái đoàn quân sự Trung Quốc đáp xuống Hà Nội cho một cuộc “viếng thăm dài hạn” Bắc Việt. Một sư đoàn đặc công Bắc Việt được thành lập ở Nam Kinh (miền Nam Trung Quốc) được đưa về đóng ở Thượng Du Bắc Việt. Bắc Kinh đã thỏa thuận cho “một hành động giới hạn nhưng quyết định”, mà mục tiêu đầu tiên là phải cắt đôi Miền Nam Việt Nam ra làm hai đoạn.

Như thế là kế hoạch của Hà Nội sẽ nằm ở giữa sự khuyến cáo của Nga và của Tàu.

Quân đội cộng sản Miền Bắc trước tiên sẽ chiếm vùng Cao Nguyên Trung Phần, sau đó sẽ cố gắng chiếm Huế và Đà Nẵng, nhưng họ sẽ chờ hết mùa mưa mới tấn công Sài Gòn và Đồng bằng sông Cửu Long, tức là vào mùa thu 75.

Lãnh đạo Bắc Việt rất lạc quan: quân đội của họ đã sẵn sàng hành động.

Tờ báo Học Tập cơ quan chánh thức của đảng cộng sản ở Bắc Việt đã phản ánh đúng cái nhìn của đảng, cho thấy Hà Nội hoàn toàn ý thức được điểm rất thảm hại của Miền Nam khi Quốc Hội Hoa Kỳ quyết định từ việc cắt bớt đi đến đình hoãn luôn viện trợ quân sự và kinh tế cho Sài Gòn.

Vài ngày trước khi họ tung ra cuộc tổng tấn công có tên là “chiến dịch Hồ chí Minh” đảng cộng sản rõ ràng đã rất thích thú ghi nhận là “hòa lực và sự khả dụng của các chiến cụ lưu động

thuộc lực lượng Miền Nam đã giảm sút hẳn”. Tình hình này cho thấy là dự trữ đạn dược và bom đạn của “quân đội bù nhìn” đã không còn đầy đủ và họ đang gặp nhiều khó khăn trầm trọng để tái lập các kho dự trữ xăng dầu, để bảo trì và sửa chữa các loại chiến xa, tàu chiến và vũ khí nặng mà họ thường dùng.”

Ngày 10 tháng 3/75, hồi 3 giờ sáng, các đơn vị cộng sản đã mở một mặt trận mới trong vùng Cao Nguyên và tung ra một cuộc tấn công quy mô vào thành phố Ban Mê Thuột, tỉnh lỵ của Darlac, nằm cách Sài Gòn 250 cây số ngàn về hướng Bắc.

Từ Ba Lê, nơi tôi đang ở, rất khó mà đo được tầm rộng lớn và diễn tiến của hành động này. Những tin tức đầu tiên từ Sài Gòn “xác nhận là những trận đánh ở các đường phố đã bắt đầu trong đêm và vẫn còn đang tiếp tục” Theo phát ngôn viên của quân đội Miền Nam thì “lực lượng của Chánh Phủ và địa phương quân đã cố gắng chống lại một lực lượng địch quá đông có chiến xa, pháo binh phòng không và một hỏa lực pháo thật hùng hậu bắn yểm trợ. Cuộc tấn công vào tỉnh lỵ đã được pháo binh hạng nặng và hỏa tiễn bắn dọn đường trước thật dữ dội. Nhiều cuộc chạm súng đã diễn ra chung quanh phi trường cách thành phố 7 cây số ngàn.

Tất cả mọi liên lạc vô tuyến với Bộ chỉ huy tiểu khu đặt ở gần phi trường đều mất hết. “Cũng theo Sài Gòn thì vòng đai phía Nam của thành phố đã bị địch chiếm, nơi đây có gần 15.000 dân sanh sống. Không quân và binh sĩ của Chánh Phủ đã bắn hạ tám chiến xa địch trong thành phố và ở vùng ngoại ô.”

Theo những tin tức đầu tiên nhận được thì chánh quyền Miền Nam ước tính đây là một “cuộc tấn công quy mô nhất mà cộng sản đã tung ra từ sau ngày ký Hiệp Định Ba Lê về Ngày Bản năm 1973”, và cho là tình hình “rất đổi nghiêm trọng”.

Nhưng Hoa Thanh Đồn không có một phản ứng nào hết.

Ngày thứ ba 12 tháng 3, một bản điện tín từ Hoa Kỳ xác nhận rất đơn giản là “Theo kết quả thăm dò của viện Gallup thì có 78 % dân chúng Mỹ chống lại việc Quốc Hội tăng viện trợ cho Cam Bốt và Việt Nam, chỉ có 12% là chấp thuận”.

Ngày thứ tư 13 tháng 3, cũng theo Sài Gòn thì cuộc chiến ở Cao Nguyên vẫn tiếp diễn.

Ký giả Gerard Le Quang đã viết trong báo *France Soir* như sau:

“Trong khi các trận đánh ở Phnom Penh đang tiếp diễn, thì MTGPMN (Việt Cộng) chiếm một phần của thị xã Ban Mê Thuột (160.000 dân), một thị trấn quan trọng trên Cao Nguyên, sau khi chiếm quận lỵ Đức Lập. Tấn chiếm như vậy là kháng chiến quân ở Miền Nam Việt Nam muốn ngăn chặn một sự can thiệp của quân đội Sài Gòn vào Cam Bốt để giải vây cho Phnom Penh. Kế hoạch can thiệp này được sự không trợ từ Không Lực Hoa Kỳ đã được đề nghị cho Tổng Thống Thiệu gần đây. Vị nguyên thủ Miền Nam Việt Nam đã dự trù tiến tới một hành động như vậy. Ông hy vọng là sẽ có hai đường lợi: trên phương diện tài chánh ông sẽ được tăng cường một ngân khoản viện trợ từ phía Hoa Kỳ, trên phương diện chánh trị sẽ tăng cường được vị thế không chối cãi của người nguyên thủ quốc gia.

Sự tấn công của “kháng chiến quân” đặt lại tất cả mọi vấn đề, từ nay quân lực Miền Nam có rất ít khả năng để hành động ở Cam Bốt. Ở đây người ta chỉ nói đến việc gọi 20.000 quân thuộc nhóm Khmer Krom mà thôi (binh sĩ gốc Khmer được huấn luyện ở Miền Nam Việt Nam được gọi là Khmer Krom).

Tôi tự hỏi từ đâu mà ký giả này nắm bắt được tin tức theo đó quân đội Miền Nam Việt Nam sẽ tấn công vào Phnom Penh? và tại

sao giống như những người khác, ông ta nhất quyết cho là “kháng chiến quân” những anh “bộ đội chánh quy” thuộc một quân đội cơ giới chánh quy của Bắc Việt, được trang bị chiến xa, súng Phòng Không, hỏa tiễn và những khẩu pháo binh tầm xa hạng nặng?

Tờ báo Le Figaro còn nuôi dưỡng mãi một chuyện hoang đường tương tự: “14 thành phố, 13 quận lỵ và một tỉnh lỵ đã rơi vào tay của “những người nổi loạn” từ khi Hiệp Định Paris được ký kết. Đó là chỉ do “lực lượng cánh tả ở Miền Nam” đánh bật từng chốt một do quân đội của Chánh Phủ Miền Nam kiểm soát”

Tại miền Trung, dù sao, cuộc tấn công của cộng sản cũng có một tầm rộng lớn không thể ngờ được. Gần như đâu đâu binh sĩ Miền Nam cũng bỏ mất đất. Bốn tỉnh, ba tỉnh lỵ, gần hết vùng Cao nguyên đã bị đổi chủ. Một tỉnh thứ năm, tỉnh Quảng Trị, ở sát biên giới phía Bắc của Việt Nam đang di tản. Và nửa triệu dân chúng đang chạy về hướng Nam trên quốc lộ. Chỉ mới có mấy ngày, mũi dùi tấn công bất thần của cộng sản đã gây ra một sự xáo trộn hết sức lạ thường về những bản đồ quân sự và về vấn đề dân số từng được chánh thức đăng bạ ở Miền Nam Việt Nam từ trên 20 năm qua.

Vậy chuyện gì đã xảy ra ở đó? Đây là những lý do sâu xa và thực sự của sự sụp đổ thành linh của quân lực Miền Nam Việt Nam?

Cho tới giờ này Chánh Phủ của ông Thiệu không có đưa ra một giải thích nào khác ngoài câu chuyện “tái phối trí chiến thuật” lực lượng của mình. Và để cắt ngang mọi câu hỏi gây bối rối được nêu lên, phát ngôn viên Bộ Quốc Phòng đã xác định với báo chí rằng kể từ nay sẽ không có một bình luận nào về diễn tiến của các cuộc hành quân trong tương lai. Sự rút bỏ 4 tỉnh Kontum, Pleiku, Darlac và Quảng Đức nằm dựa lưng vào biên giới Lào và Cam Bốt, đã để mất vào tay cộng sản 4 thành phố quan trọng có phi trường và một

hệ thống đường sá quá tốt, một lãnh thổ có rừng cây rộng lớn, có những vườn trồng trọt sung túc và những đồng ruộng phì nhiêu trải dài trên 250 cây số ngàn bề dài và 150 cây số bề ngang. Đây là một hành lang chiến lược của Miền Nam Việt Nam vừa rơi vào tay của kẻ thù cộng sản mà trên thực tế không có một cuộc chạm súng nào.

Đường như Bộ Chỉ Huy Sài Gòn đã quyết định phải rút tối đa binh sĩ của mình và dân chúng về vùng bờ biển giàu có hơn, trú đóng ở những thị trấn dựa lưng vào biển, khi họ đứng trước một sự đe dọa do sự tập trung quá lớn của lực lượng cộng sản được trang bị quá hùng hậu về chiến xa, hỏa tiễn và pháo binh hạng nặng, để lại cho cộng sản những khu vực tuy rộng lớn nhưng “trống rỗng”, ở đó Miền Nam có thể xử dụng mọi phương tiện hỏa lực của Không Quân mà không sợ đánh nhầm dân chúng bạn lẫn lộn với các binh sĩ của mình.

Dân chúng trong những vùng bị đe dọa không cần phải được kêu gọi hay khuyến khích mới bỏ đi. Các nông dân và những kiều dân đã định cư ở Cao Nguyên từ năm 1960 hầu hết thuộc thành phần di cư người công giáo, đã từng chạy khỏi Miền Bắc ngay ngày hôm sau khi Hiệp ước Genève 1954 vừa được ký kết. Những người từ Quảng Trị và Huế chạy vào đây thì không bao giờ quên cuộc “thanh trừng đẫm máu” có chọn lọc của năm 1968 (Tết Mậu Thân), lúc lực lượng cộng sản chiếm một phần của hai thành phố này. Một cuộc thanh trừng đến 6000 vụ hành quyết với phương tiện thô sơ trong vòng chưa đầy một tháng.

Tuy nhiên, sự rút đi bất thần của tất cả mọi hiện diện quân sự trên nhiều tỉnh yết hầu đã làm thương tổn nặng nề đến uy tín và tinh thần của cả dân chúng, Chánh Phủ Sài Gòn và QLVNCH.

Đường mòn Hồ chí Minh được Cộng Sản Hà Nội bảo vệ toàn diện không một xâm nhập nào đến được từ hai cạnh sườn. Do đó quân đội cộng sản kiểm soát toàn bộ phía Đông và phía Nam của Cam Bốt, tất cả dãy Trường Sơn và cái “sân thượng” ngay trung tâm của nước Việt Nam. Họ có thể đổ ập bất cứ lúc nào xuống Dalat, một vùng trồng rau chính của Miền Nam, mỗi ngày cung cấp cho Sài Gòn 70 % rau tươi. Trú đóng trên các cao điểm và được trang bị cơ giới hùng mạnh, lực lượng cộng sản cũng có thể thọc một mũi dùi tấn công xuống biển để cắt đứt Miền Nam làm hai đoạn, qua hành động đó cụ thể hóa sự hình thành một “nước Việt Nam thứ ba”.

Ngày 21 tháng 3, Đài BBC, trước đây thường hay phát lại những thông cáo của đài Hà Nội, đã loan tin về sự di tản của thành phố An Lộc, ở cách Sài Gòn 100 cây số về hướng Bắc.

Vào năm 1972, An Lộc là nơi mà 5.000 binh sĩ của Miền Nam, trú ẩn trong sự hoàn toàn đổ nát của thành phố vì 70.000 quả đạn pháo đủ loại của cộng sản Bắc Việt, trong ba tháng dài đã chống trả và đánh bật tất cả các cuộc xung phong liên tiếp của ba sư đoàn cộng sản Bắc Việt có sự yểm trợ trực tiếp của hai trung đoàn chiến xa T.54. Bản thân tôi, lợi dụng được các chuyến bay tán thương, đã đáp xuống thành phố này và đã sống ở đó được vài giờ. Vì hỏa lực địch rất dày đặc, các trực thăng chỉ có 30 giây ở dưới đất - thời gian tối thiểu để những người trên trực thăng nhảy xuống, và những người khiêng cáng đưa thương binh lên - sau đó là phải bay lên ngay. Cả thành phố chỉ còn là một đống gạch vụn, ngổn ngang xác chiến xa T.54 bị lực lượng phòng thủ hạ bằng súng không giật, và hàng ngàn xác bộ đội cộng sản sinh to lên trong những quân phục xanh to tẻ. Nhà thờ đã bay mất nóc. Cả trăm thi hài chồng chất lên

nhau, đã thổi rửa, giữa hàng ghế ngồi đã nát vụn và dưới chân bực thờ Chúa. Trước đó hai tuần, một chiếc T.54 của cộng sản đã dùng đại bác bắn trực xạ vào các tín đồ đang cầu nguyện ở đó, trước khi bị pháo xa 105 ly của quân trú phòng bắn hạ với máy nhắm ở cự ly số 0.

Có nhiều binh sĩ Miền Nam bị thương. Rất nhiều người không chớp mắt được trong vòng 60 giờ. Nhưng tất cả các đơn vị trú phòng đều có một tinh thần sắt thép. Chúng tôi đang ở vào tháng 6. Vài ngày sau đó, Tổng Thống Thiệu đáp xuống An Lộc. Quân trú phòng bước ra khỏi hầm trú ẩn để hoan hô và bế bổng ông lên trong chiến thắng. Một đạo quân tiếp viện cuối cùng đã bẻ gãy vòng vây, và thành phố An Lộc đã trở thành biểu tượng cho lòng can đảm vô biên của quân dân Miền Nam Việt Nam. Các sự hư hại đổ nát đã được dọn dẹp và thành phố đã sống trở lại. Và bây giờ không đầy 3 năm sau chiến công oanh liệt đó, An Lộc di tàn mà không có một trận đánh nào.

Và lại, cũng không có một nơi nào có xảy ra trận đánh thật sự!

Ngày 24 tháng 3, Cộng sản đã tiến tới được bờ biển. Nước Việt Nam coi như bị cắt làm đôi. Cố đô Huế thất thủ ngày 26, vẫn không được phòng thủ, Huế là nơi đã có hàng ngàn người chết năm 1968. Huế là nơi mà những đơn vị “beo đen”, đơn vị Dù và Biệt động Quân và sư đoàn Không kỵ nổi tiếng của Hoa Kỳ đã lùng sục từng nhà trong chiến đấu lúc đó.

Cuộc triệt thoái đã trở thành một cuộc tháo chạy, “mạnh ai nấy chạy”.

Sự sụp đổ này bao gồm hết cả miền Trung của Việt Nam, Đám đông dân chúng tỵ nạn hốt hoảng chạy loạn, lớn dần lớn dần như một con sông cuộn cuộn chảy, với quá nhiều hình ảnh đau thương

không chịu nổi... cuộc chạy trốn cuống cuống của cả một dân tộc bị vút ra đường, một cuộc chạy loạn di thường, dòng người chạy loạn tràn ngập và kéo theo mọi thứ trên đường đi của nó, đã phân tán và nhận chìm các đơn vị đang có ý định chống trả và chiến đấu. Nhiều chị đàn bà la hét một cách kinh hoàng và vô vọng vì không tìm được con cái đi lạc, gần như trần truồng thiếu não và ngơ ngác giữa khối người chạy loạn. Nhiều cụ già ốm teo chỉ còn da bọc xương mệt mỏi kéo lê thân xác khô cằn và bị cháy nắng, là người vì đường dài trong nóng bụi, buông mình té xuống mà không gương dậy nổi, đang nằm yên chờ giờ chết.

Những hình ảnh đó cả thế giới đều mục kích ngay trên màn ảnh truyền hình của họ. Phản ứng đầu tiên của họ rất nhân đạo, rất tự nhiên, không kềm chế được. Họ run lên, sau đó họ tìm cách xin về nuôi hàng ngàn trẻ mồ côi. Không có lúc nào họ nghĩ rằng muốn bảo đảm tương lai của những đứa trẻ đó thì chỉ có một cách hay nhất là phải tìm cách cứu lấy cha mẹ của chúng.

Ở Sài Gòn, tờ báo Chính Luận có đăng một bài phóng sự quá rùng rợn do một đặc phái viên từ Qui Nhơn gọi về:

“Không thể tưởng tượng nổi những giờ phút cuối cùng của thành phố đang tự trút bỏ hết đời sống của mình. Dân chúng cướp giật thuyền máy do binh sĩ canh giữ. Sau lưng họ vô số va li, thùng cây, rương hòm, quần áo trộn lẫn với giẻ rách được người ta vút bỏ đầy trên bãi cát với hàng chục, hàng chục tử thi bé nhỏ gây nên một mùi hôi thúi không chịu được. Có nhiều bà mẹ vẫn còn ôm cứng xác chết của con trong tay mình. Trên những con đường dẫn tới hải cảng, những bé trai bé gái lạc mất hết cha mẹ đã cố kéo lê thân khô cằn đến tận bãi biển để rồi nằm chết lịm trên cát vì quá đói, quá khát và quá mệt mỏi.

Một cụ già mặc đồ đen ngồi dựa trên bến thuyền, kể lại hành trình chạy loạn từ Cao Nguyên: “Chúng tôi có trên hai trăm ngàn người trên lộ 7 B, gồm bốn ngàn xe vận tải chở đầy binh sĩ, hàng ngàn chiếc mô tô, xe ba bánh, xe cũ của người Tàu, xe đạp, và những người đi bộ. Có khoảng trên 100.000 người đi bộ, gồng gánh tất cả những gì mà họ có thể mang theo được, nào là gà nhét vào bị, nào là heo cột nằm trong gánh, nào là chó với sợi dây giắt theo... những người công giáo thì mang theo tượng ảnh Đức Mẹ và tượng Đức Chúa Trời. Con đường thì nhỏ hẹp chạy xuyên qua rừng giữa những bụi rậm và tre dày đặc không chen chân qua được. Chúng tôi không có một thức ăn, và tuyệt đối không có gì để uống. Chúng tôi đi suốt 3 ngày ba đêm như vậy. Một bộ phận công binh đi trước đoàn xe để sửa đường và sửa lại cầu hư vì chiến cuộc trong những ngày qua. Khi gần tới sông Ba thì từ trong cánh rừng xuất hiện một toán lính cộng sản có người cầm cờ đi đầu. người chỉ huy toán bộ đội ấy phát loa ra lệnh cho chúng tôi phải ngừng lại và phải đi trở về. Nhưng làm sao được bây giờ vì có quá nhiều người ở phía sau cứ đùn chúng tôi đi tới. Tất cả coi như bị dồn cứng lại thành một khối người không nhúc nhích được nữa, rất khó ra lệnh còn hơn là đối với một đàn trâu đang cúi gằm đầu xuống đất. Bấy giờ bọn cộng sản mới bắn vào chúng tôi với tất cả các loại súng của họ đang có. Được dấu kín trong rừng, các loại pháo nặng nhẹ, bách kích, súng không giật.. nã thẳng vào chúng tôi dọc theo con lộ đang bị kẹt cứng. Tất cả đều nổ đồng loạt. Một trái đạn pháo đã chém ngang con gái tôi và hai đứa con của nó. Trên đoạn đường dài 3 cây số thây nằm la liệt, lẫn lộn kẻ chết người bị thương. Hàng trăm xe đủ loại bị cháy, nổ ì ầm như người ta ném đạn vào lửa vậy. Tôi ôm đứa cháu chín tuổi trong lòng, và cố gắng chạy bừa tới đầu

hay tới đó. Đứa bé rên rỉ, vì nó bị một mảnh đạn pháo xuyên qua lưng từ bên này sang bên kia. Nó khóc thét lên nhắc đi nhắc lại: “Ông ơi, ngực cháu bị thủng rồi đau lắm”. Rồi dùng một cái, tôi không còn nghe nó nói gì nữa. Tôi nhìn lại nó thì đôi môi của nó đã đen hết rồi, và nó đã chết. Tôi tiếp tục bế nó để sẽ chôn cất nó cho phải phép. Khi vào đến thành phố, tôi rửa mặt cho nó ở một cái vòi nước đầu tiên, tôi cuốn nó vào một cái bị vải mới mà tôi mua với số tiền còn lại của tôi, và tôi chôn nó dưới một gốc cây. Bây giờ thì tôi không còn gì nữa, người thân cũng không có để mà thương yêu và che chở. Tôi sẽ không rời khỏi đây đâu “

Tướng Weyand, Tham mưu trưởng Lục quân Hoa Kỳ được Tổng Thống Ford gọi khẩn cấp đến Sài Gòn để đánh giá tình hình quân sự tại đây. Phát ngôn viên của Nhà Trắng, ông M. Ron Nessen, đã xác nhận là “cựu chỉ huy trưởng quân lực Hoa Kỳ ở Việt Nam” cũng có nhiệm vụ trao cho Chánh Phủ Sài Gòn một công điện qua đó Tổng Thống Ford muốn bảo đảm với Tổng Thống Thiệu là ông ta đã quyết định nỗ lực tối đa để được Quốc Hội “chấp thuận cho những ngân khoản cần thiết.”

Nhưng Quốc Hội Hoa Kỳ không thấy và không nghe (nguyên văn của tác giả: đui và điếc) những nỗi thống khổ của một dân tộc bạn đang bị một tai họa giáng lên đầu và đang kêu cứu, và họ đã bỏ đi nghỉ hè cho đến ngày 7 tháng 4.

Không thể nào tả nổi cảnh hỗn loạn trên các con lộ ở Miền Nam Việt Nam được.

Ngày 29 tháng 3/75, Đà Nẵng, thành phố mà người Mỹ đã có trụ tính trong vòng 8 ngày sẽ di tản hết dân chúng bằng một cầu Không vận khổng lồ trong lịch sử chiến tranh, số phận đã coi như bị bỏ rơi. Sáu trái đạn hỏa tiễn rơi vào phi trường... và cuộc di tản

đương nhiên bị đình hoãn. Đà Nẵng là một thành phố với một hải cảng đầy ắp tàu thuyền, với một bán đảo được phòng thủ chặt chẽ, với một phi trường chiến lược, với một hệ thống kho tàng đầy ắp lương thực, đạn dược và chiến cụ có thể kháng cự được trong nhiều tháng. Thành phố bị mất đi không một tiếng súng, và sự ra đi của những chiếc phi cơ và trực thăng cuối cùng đã tạo nên những cảnh tượng hết sức kinh hoàng. Đám đông người tỵ nạn ùa lại tranh nhau cố leo lên những chiếc phi cơ đã đầy ắp người. Một chiếc trực thăng cất cánh lắc lư làm rơi rụng mấy chum người đang cố bám chặt vào hai gọng sắt dưới lườn, giống như những con sâu nhỏ đeo vào một con bọ hung lớn, làm cho họ rơi lá chả từ trên không, rồi rớt xuống đất bẹp nát từng đồng nhỏ không còn hình dạng con người, máu me be bết.

Đàn bà và trẻ con khóc lóc, gào thét, van xin, và cố gắng trèo lên một chiếc khác cũng đã đầy cứng người rồi. Có những báng súng đập vào tay và cánh tay của họ. Có một số đang cố bám vào lườn của một chiếc Boeing đang gập rú để cố bốc lên khỏi đường bay. Khi đến Sài Gòn người ta còn tìm thấy một tử thi bị xé nát của một người nào đó đang bị cuốn chặt vào hệ thống bánh xe hạ cánh của chiếc Boeing 707 nói trên.

Ba ngày sau khi Đà Nẵng thất thủ thì lại đến lượt Nha Trang! Ở đây 300.000 người dân tỵ nạn còn sống sót từ vùng Cao Nguyên và từ các tỉnh miền Trung chạy về đã bị gọng kềm của chiếc bẫy sập cộng sản đóng kín họ lại.

Cam Ranh, một vịnh đẹp nhất vùng Á Châu cũng đang được di tản. Pháo binh Bắc Việt cứ tiếp tục nã đạn vào các đoàn người di cư đang chạy trốn cộng sản hướng về miền biển.

Lúc bấy giờ đang có một tình trạng mập mờ khó hiểu tại Hoa

Kỳ. Quốc Hội thì vẫn còn đang đi nghỉ hè... Tổng Thống Ford một ít lâu sau đó cũng bắt chước họ và ông hiện đang thông dong chơi “gôn” tại Palm Springs ở tiểu bang California.

Phần ông Phó Tổng Thống Nelson Rockefeller thì ước tính là “thật sự đã quá muộn” để muốn làm một việc gì đó cho Việt Nam, kể cả sự giúp đỡ cho dân chúng đang chạy loạn, và ông còn nói thêm một câu khích động hết sức vô liêm sỉ:

“Tôi nghĩ rằng có một số lớn những người này sẽ chết... thật đáng buồn, thật quá bi thảm. Nhưng chúng tôi còn phải tiếp tục sống, và tiếp tục đi tới chớ”.

Đại sứ Hoa Kỳ ở Việt Nam hiện còn đang ở Hoa Thanh Đốn đã lên án người Mỹ đã “không đưa được một ngón tay lên” để bình vực cho quốc gia mình. Ông nói: “Tôi nghĩ rằng khắp nơi trên thế giới này, mọi người đều có chung một kết luận rất bất lợi cho chúng ta. Có nghĩa là thù làm một đồng minh của cộng sản còn hơn là bất hạnh được làm đồng minh của Hoa Kỳ”.

Tại Ba Lê, một đại diện của CPLTCHMN (GRP) lên tiếng mạnh mẽ tố cáo cái mà họ gọi là chánh quyền Ford và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu đã “ép buộc dân chúng Miền Nam phải di tản”. Ông ta còn xác nhận là hàng trăm ngàn người đã nghe lời tuyên truyền xảo trá và bị hăm dọa dưới họng súng, đã bị bắt buộc phải lia bỏ hết nhà cửa và nơi chôn nhau cắt rún của mình để được chết đói và chết bệnh trên đường di tản. Nhiều ngàn người khác vì không chịu chạy trốn đã phải bị hành quyết...!”

Đó là một đại diện không sợ phải nghiên cứu một sự nghịch lý, và hơn nữa cũng không nghĩ tới một sự đĩnh chánh về những sự kiện đã xảy ra. Cái Chánh Phủ cách mạng lâm thời mà ông ta đang nhơn danh để tuyên bố đó, đã từng phủ nhận từ mấy năm nay về

tư cách đại diện cho nước Việt Nam của ông Tổng Thống Thiệu, bỗng nhiên hôm nay dùng một cái, ông ta công nhận một thực quyền phi thường của vị Tổng Thống này là làm cho người dân tin theo... một quyền lực tâm lý có khả năng di chuyển cả một khối lớn dân chúng, bắt họ phải rời bỏ nhà cửa ruộng vườn để đi về những thành phố cuối cùng dưới sự lãnh đạo “độc tài” của mình. Ở vào thời điểm nào và bằng cách nào mà binh sĩ của Tổng Thống Thiệu đang bị tan rã không qua một cuộc chạm súng nào và đang cùng chạy trong đám dân chúng, lại có thể dùng họng súng của họ để bắt buộc hàng triệu người phải di tản, chạy về các sân bay hay các bến cảng đang lún hồi bị đóng cửa trước mặt họ? Hàng chục ngàn người đã vì quá sợ binh sĩ Bắc Việt mà phải chạy đi, đã chết vì đói khát hay vì mệt lả, hoặc bị tàn sát một cách có phương pháp có tổ chức mà thân nhân của họ đã từng là nạn nhân ở Quảng Trị và ở Huế trong năm 1968. Nhiều ngàn và nhiều ngàn người khác đã bị hành quyết, bằng những quả đạn pháo đủ cỡ đủ loại của cộng sản trong những tuần lễ sau cùng này, khi Bắc Việt muốn ngăn cản không cho họ chạy đi.

Tại Sài Gòn, cuối cùng thì chế độ của ông Thiệu dường như được tính từng ngày. Người ta không thể tha thứ cho ông vì sau khi Ban mê Thuật bị thất thủ, ông đã cho lệnh rút tất cả quân đội từ miền Trung và từ miền Cao Nguyên: vội vàng và cầu thả, hành động rút quân này đã dẫn tới một sự tháo chạy mà ngay như Bắc Việt cũng không bao giờ tiên đoán được.

Bị đối lập tấn công từ nhiều tháng qua bây giờ thì ông lại bị Thượng Viện bỏ rơi, một Thượng Viện đã từng cho ông một sự tín nhiệm hết sức rộng rãi. Sau tám tiếng đồng hồ thảo luận, 41 trên 42 nghị sĩ hiện diện đã đứng lên chống “sự bất lực của chế độ” và

đòi hỏi phải thành lập khẩn cấp một Chánh Phủ đoàn kết quốc gia gồm những nhân vật “có khả năng, liêm khiết và đại diện cho dân”. Chánh Phủ mới thành lập này phải cộng tác chặt chẽ với Quốc Hội và các đoàn thể quần chúng, nhanh chóng làm việc trong mục đích tái lập lại sự “ổn định quân sự, xã hội và chánh trị”.

Tướng Nguyễn cao Kỳ, cựu Phó Tổng Thống và cựu Tư Lệnh Không Quân Miền Nam Việt Nam, đã về hưu từ năm nay đã đứng ra thành lập một “Ủy Ban Hành Động để Cứu Quốc” và hô hào sự ra đi của Tổng Thống Thiệu. Cảnh sát đã phá được hai âm mưu đảo chánh và đã bắt giữ nhiều sĩ quan.

Nhiều điện tín sau cùng cho biết là đã có một sự hốt hoảng trong thủ đô Miền Nam Việt Nam. Tất cả những chuyến bay thường lệ rời Sài Gòn đã hết chỗ. Các ngân hàng bị khách hàng bao vây để rút hết tiền ra. Chỉ trong vòng có một ngày giá chợ đen đồng mỹ kim đã tăng vọt từ 700 lên đến 1.600 đồng.

Vào giờ phút mà Miền Nam Việt Nam đang lung lay và bị đe dọa sẽ bị sụp đổ dưới sự tấn công dồn dập của các sư đoàn cộng sản Bắc Việt mà hình như không có gì kềm hãm sức tiến của họ được, có một trong nhiều câu hỏi đang làm bận tâm nhưng chưa thấy được nêu lên: trong trường hợp quân Bắc Việt thắng, thì những kiều dân Pháp và quyền lợi của nước Pháp chúng tôi ở đây sẽ còn hay không?

12.000 kiều dân Pháp có một nhiệm vụ rất quan trọng trong đời sống của Miền Nam Việt Nam. Quyền lợi Pháp, được ước tính đến 1 tỷ 730 ngàn quan, được phân ra như sau:

- cơ sở kỹ nghệ (đầu tư và trữ kim): 650 triệu quan Pháp,
- các vườn cao su và xí nghiệp: 650 triệu quan,
- trà và cà phê: 10 ngàn mẫu,

- doanh nghiệp: (đầu tư và trữ kim) 100 triệu quan,
- xí nghiệp vận tải và nhà xe, vận tải đường sông và đường biển: 150 triệu quan,
- ngân hàng, công ty địa ốc và bất động sản: 180 triệu quan.

Các sự đầu tư này không những chỉ là những đầu tư ngoại quốc duy nhất có phần bền vững mà nó còn chiếm một vị trí quan trọng trong nền kinh tế của Miền Nam Việt Nam. Con số mậu dịch lên gần đến 800 triệu quan Pháp và phần đóng góp vào ngân sách của Miền Nam Việt Nam được khoảng 23 %.

Những sự đầu tư về kỹ nghệ của chúng tôi ít được dân chúng bên Pháp biết đến, phần lớn gồm có kỹ nghệ khá tân tiến của Miền Nam Việt Nam, gồm có các xí nghiệp mới nhất như: hãng Citroen, nơi đây đã lắp ráp những xe thông dụng trong năm qua, đặc biệt là xe La Dalat; xưởng sản xuất xi măng ở Hà Tiên; hãng Isostat (kỹ nghệ điện tử), các hãng Elf- Erap và C.F.P. dự phần vào công tác tìm dầu khí ngoài khơi bờ biển Việt Nam

Hơn thế nữa, các công ty hàng không của chúng tôi (Air France đang cộng tác với Air Việt Nam và U.T.A.), các công ty hàng hải (Messageries và Chargeurs Réunis) đang hoạt động bán độc quyền trong công tác chuyển vận quốc tế từ Việt Nam đến Nam Âu Châu và ngược lại.

Những lợi thế mà Lập Pháp ở đây đã dành cho đầu tư của chúng tôi, sự khéo tay của nhân công ở đây, vị trí địa dư thuận lợi cho khả năng xuất cảng, mối giao hảo tốt với nước Pháp và các nước bạn quanh đó (các nước nói tiếng Pháp) đã cống hiến nhiều viễn ảnh và điều kiện làm việc rất đáng được khuyến khích.

Ảnh hưởng văn hóa Pháp vẫn còn rất quan trọng. Tất cả thành phần lãnh đạo ở Miền Nam Việt Nam và hầu hết các cán bộ cao

cấp đều nói tiếng Pháp. Những cơ sở văn hóa Pháp rất nhiều. Một viện văn hóa Pháp ở Sài Gòn, ba trung tâm văn hóa ở Dalat, Đà Nẵng và Nha Trang; sáu trường trung học (Yersin, Dalat, Blaise-Pascal, Đà Nẵng trường Trung học Pháp ở Nha Trang, trung học Marie Curie); trung tâm giáo dục Saint Exupery, trung tâm học vụ Colette ở Sài Gòn. Nước Pháp cũng giúp đỡ cho nhiều trường sở Việt Nam dưới danh nghĩa hợp tác văn hóa và kỹ thuật (trung tâm hướng dẫn học vụ, đại học văn chương và sư phạm của Sài Gòn và Huế, đại học Y và Dược của Sài Gòn, trung tâm kỹ thuật quốc gia Phú Thọ).

Con số học sinh và sinh viên ghi tên vào các trường sở nói trên lên đến 14.000, và nhân viên giảng dạy người Pháp là 272 người. Thêm vào đó còn có những trường khác, trường tư và trường đạo dạy toàn bằng tiếng Pháp: trường trung học Taberd (Sài Gòn), trung học Fraternité (Chợ Lớn), Les Oiseaux (Dalat và Sài Gòn), l'Alliance Française (Sài Gòn). Các giáo sĩ và các di phước có mặt khắp các bệnh viện, các trại cùi, các trung tâm xã hội và đã tận tụy hy sinh phục vụ mà không có một sự tính toán nào. Bệnh viện Grall, một trong những bệnh viện tối tân nhất của vùng Đông Nam Á, trong đó tất cả nhân viên có trách nhiệm (bác sĩ, giải phẫu, quang tuyến, dược sĩ và quản lý) đều là người Pháp, là một bệnh viện có danh tiếng không thể chối cãi được.

Tất cả các cơ sở đó, tất cả những nam nữ nhân viên đã dính líu thật sâu đậm vào đất nước này, tất cả những sự đóng góp về văn hóa và nhân đạo của nước Pháp... rồi đây sẽ còn lại những gì trong trường hợp có một chiến thắng của cộng sản ở đây?

Bây giờ thì còn quá sớm để có thể ước đoán về tương lai, nhưng dù sao cũng có thể thiết lập được một sự so sánh với những gì đã

xảy ra trong quá khứ ở Miền Bắc Việt Nam. Vào năm 1954, những quyền lợi của Pháp ở nước Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam lên đến 100 tỷ đồng quan cũ. Đến giờ này giao dịch kinh tế của chúng tôi với chế độ Hà Nội coi như không có gì cả.

Các cơ sở Pháp đều đã biến mất hết. Không có một cơ sở giáo dục nào ở cấp đại học hay cơ sở y tế nào còn hoạt động ở đó.

Con số kiều bào người Pháp chúng tôi từ gần 6.000 vào năm 1954, bây giờ chỉ còn có 21, trong số đó phải tính 16 nhân viên của tòa Đại Sứ. Năm người còn lại là nhà báo của AFP, của tờ Humanité và tờ l'Unita (hai tờ báo của cộng sản Pháp và Ý). Tiếng Pháp là ngôn ngữ mà những người dưới 50 tuổi không người nào biết.. Đối với những người khác thì tiếng Pháp là một sinh ngữ ngoại quốc đứng vào hàng thứ tư sau tiếng Nga, tiếng Tàu và tiếng Anh.

Từ sự hiện diện của chúng tôi khi xưa, giờ này trên bình diện kinh tế, chỉ còn một hồ sơ tố tụng về nợ nần không bao giờ giải quyết được và một khế ước bồi thường cho những mỏ than cũ ở Miền Bắc của chúng tôi mà Bắc Việt đã cho đình chỉ thi hành từ năm 1963. Lãnh đạo của Hà Nội chỉ cần vài năm là quá đủ để họ bôi xóa hết dấu vết ảnh hưởng của người Pháp ở Miền Bắc Việt Nam.

Như vậy có thể nào người ta đặt hết tin tưởng vào một hy vọng là họ sẽ tỏ ra bớt miễn tiện hơn nếu họ chiếm được Miền Nam?

Chương 4

TỔNG THỐNG THIỆU CỐ GẮNG GIỮ THẾ CHỦ ĐỘNG CHÍNH TRỊ

Ngày Chúa Nhật 6 tháng 4, chiếc phi cơ “Caravelle” của Hàng Không Việt Nam đã đổi đường bay từ Băng Cốc về Sài Gòn. Nó không bay chéo dãy núi dài của Cam Bốt và những đồng ruộng phì nhiêu của vùng Đồng bằng nữa, mà đi thẳng đến Utapao để từ đó bay dọc theo duyên hải của Miền Nam Việt Nam, bay thật cẩn thận trên mặt biển để tránh tầm đạn đạo của hỏa tiễn tầm nhiệt SAM 7 của Bắc Việt. Và sau đó mới bay thẳng về hướng Bắc, rồi tạt ngang qua khúc quanh co sinh lầy của con sông Sài Gòn để vào Tân sơn Nhất.

Đường bay đáp xuống hơi ngắn lại hẹp vì hai bên có những bức tường thép vuông vức dùng để chắn đạn của các ụ phi cơ vận tải C.47, các trực thăng và những phi cơ chiến đấu.

Trong những dãy nhà của phi trường bốn chiếc C.130 khổng lồ của Không Lực Hoàng Gia Úc đang đến để chở 600 trẻ mồ côi. Có khoảng 100 em mặc toàn quần áo mới đang đứng yên lặng dưới đất nhìn các phi cơ khổng lồ này đầy vẻ sợ hãi.

Chiếc xe buýt đưa chúng tôi ra thành phố chạy giữa đám đông xe gắn máy, xe hơi, xe ba bánh. Thành phố mà cách đây vài ngày tất cả báo chí Tây Phương đều mô tả như là một thành phố đang bị bao vây, hiện rất yên tĩnh lạ kỳ. Gần như không có một tí gì thay đổi từ khi tôi đang còn ở đây sáu tháng trước. Trên các đại lộ và trong các công viên đầy bóng mát của những cây chuối và những cây cổ thụ xanh um, đã thấy toàn hoa phượng nở đỏ rực..

Ở đường Catinat, những phòng trà và phòng lớn của khách sạn Continental đầy ắp khách hàng. Tuy là nhằm ngày chúa nhật nhưng các thư viện, các quán rượu, các kho hàng, các cửa hàng tạp hóa của người Ấn vẫn mở cửa. Trên đường Charner cũ (Nguyễn Huệ) các gian hàng bán bông còn đầy ắp bông huệ và bông hường. Các rạp xi nê thì treo bản “hết vé”. Trên sông Sài Gòn các xà lan đen chở đầy hàng hóa đang bỏ neo giữa những chiếc tàu chiến của Hải Quân súng cao xạ chỉ hết lên trời. Nhiều chiếc ghe chài đường biển đang lướt trên sông với những cánh buồm lớn...

Phía sau Kho bạc và chung quanh Chợ Cũ, hàng quán vẫn tấp nập kẻ mua người bán. Chỉ riêng các xe xích-lô đã vắng bóng, Có gần 6.000 loại xe này, lúc nào cũng thấy chạy rong ngược xuôi khắp thành phố tìm khách hay rước khách ở bến xe ba bánh. Cảnh sát đã quyết định cấm không cho họ hoạt động nữa, vì bọn đặc công Việt Cộng đã giả dạng xích lô trà trộn và đột nhập vào thành phố một đêm trước ngày tấn công Tết Mậu Thân, bảy năm trước.

Sài Gòn có vẻ lo âu ngay sau khi Đà Nẵng và Nha Trang bị thất thủ. Tòa nhà của hãng Hàng Không Việt Nam từng sống những ngày vui vẻ nhộn nhịp, nay đã trở lại vắng vẻ im lìm. Hãng hàng không quốc gia này nay chỉ còn giữ có hai chuyến bay trong nội địa đang bị thu hẹp lại: một chuyến đi Phú Quốc, một hòn đảo nằm ngoài

khơi trong Vịnh Thái Lan, và một chuyến đi Rạch Giá, một tỉnh nằm trên bờ biển phía Tây Nam của Việt Nam.

Các tờ báo buổi chiều chạy hàng chữ đậm, trích đăng cuộc họp báo được coi là đáng khích lệ của Tổng Thống Ford tại San Diego. Tổng Thống Hoa Kỳ đã tuyên bố rằng:

- “Tôi là một người rất lạc quan. Bất kể những biến cố bi thảm mà chúng tôi là nhân chứng, cũng vẫn còn một cơ may để Việt Nam và Cam Bốt chống trả lại sức ép của kẻ địch. Tôi không chờ đợi một sự sụp đổ của Miền Nam Việt Nam và tôi sẽ làm tất cả để tránh việc đó. Chúng tôi không để cho một chế độ cộng sản được hiện hữu tại Sài Gòn, và ở Phnom Penh cũng vậy. Hoa Kỳ vẫn là một đồng minh đáng tin cậy.”

Cuộc khủng hoảng chánh trị ở Sài Gòn bắt nguồn từ sự kiện Cao Nguyên bị rơi vào tay cộng sản Bắc Việt, vừa bất ngờ được sống trở lại rất ngoạn mục. Vài giờ sau khi ngăn chặn được một âm mưu đảo chánh, Tổng Thống Thiệu tuyên bố chỉ định ông Chủ Tịch Hạ Viện Nguyễn Bá Cẩn thay thế Thủ tướng Trần Thiện Khiêm.

Sau khi khám phá ra được âm mưu đảo chánh, đã có nhiều người bị bắt giữ trong số đó có ông Nguyễn Văn Ngân, cố vấn chánh trị của Tổng Thống Thiệu và là một thành viên có uy tín thuộc đảng Dân Chủ của chánh quyền. Ông Ngân là một cựu giáo chức, sau đó là sĩ quan Quân Cảnh, và sau khi được giải ngũ đã quyết định chọn con đường chánh trị và đã nhanh chóng vạch ra con đường cho mình.

Vào năm 1972, Tổng Thống Thiệu đã chọn ông Ngân làm phụ tá đặc trách về công tác thành lập đảng Dân Chủ mà ông hy vọng sẽ là đảng của chánh quyền để yểm trợ cho ông, đồng thời ông

Ngân cũng sẽ bảo đảm sự liên lạc chặt chẽ giữa Tổng Thống Phủ và lưỡng viện Quốc Hội.

Là một người mưu mô và có nhiều tham vọng, ông Ngân tiến hành thành lập rất nhanh ở Quốc Hội hai toán liên lạc rất trung thành với ông ta.

Vào mùa xuân năm 1974, ông tưởng rằng vị trí cá nhân của ông đã đủ vững chắc, có thể triệu tập được một buổi họp của các vị dân cử “bạn” để nhờ họ giúp tách rời Tổng Thống Thiệu ra khỏi những “thủ hạ xấu” chung quanh ông ta. Và một khi bảo đảm chắc chắn là ông Thiệu đã bị “cô lập” như thế rồi thì ông này sẽ trở thành con tin trong tay của những người dân cử. Nhưng rất phiền là một trong những nghị sĩ lại có mang theo một máy thu âm trong người, và cuốn băng ghi âm đó cuối cùng lại đến nằm trên bàn làm việc của Tổng Thống Thiệu.

Trong cuộc điều tra ngay sau đó, cơ quan an ninh xác nhận là “những tài liệu tịch thu được tại nhà của ông Ngân cho thấy ông này dính líu đến một đường dây buôn lậu với vùng Việt Cộng”.

Bị chỉ định cư trú trong vài tháng, sau đó ông Ngân được phép rời khỏi nước đi sang Gia Nã Đại ở với người anh của ông ta. Nhưng gần đây khi được phép trở lại Việt Nam, hình như không bỏ được tham vọng, ông lại khư khư muốn nắm giữ những vai trò hàng đầu, nên lần này ông lại hợp tác với cánh em út của tướng Nguyễn Cao Kỳ.

Bị dính líu vào âm mưu này, tám sĩ quan cao cấp bị theo dõi và canh chừng, trong số đó có tướng Loan. Tướng Loan là cựu chỉ huy trưởng cảnh sát, hồi Tết Mậu Thân đã bị báo chí Tây Phương chụp ảnh, ngay khi ông đang dùng súng lục bắn vào đầu một cấp chỉ huy Việt Cộng, sau đó ít lâu ông bị thương vì một viên đạn từ trực

thăng và đã trở nên một phế nhân không có việc làm. Nhưng mặc dù có một chân bất khiển dụng, vị cựu sĩ quan biệt động này, từng là một trong những phi công tài giỏi nhất của Miền Nam Việt Nam, vẫn còn có khả năng phản ứng rất nguy hiểm.

Nằm ngay giữa căn cứ Không Quân rộng lớn trong phạm vi phi trường Tân Sơn Nhất, biệt thự của tướng Nguyễn Cao Kỳ vẫn còn là một trung tâm sinh hoạt rất náo nhiệt và... rất được chú ý canh chừng. Vào mỗi buổi chiều cứ trước giờ giới nghiêm là khách khứa tấp nập đến chơi nhà tướng Kỳ. Có nhiều đại tá trẻ và một số phi công, quá tức giận vì các thất bại quân sự gần đây, đã tỏ ra sẵn sàng cho những hành động điên rồ. Bà Mai, người vợ rất đẹp của tướng Kỳ thì lo thức ăn và nước uống. Khách khứa thì bàn cãi thâu đêm suốt sáng về những gì cần phải làm. Tướng Kỳ là người nói nhiều nhất, ông quát tháo, tức giận, cho Tổng Thống Thiệu là một vị tướng “hát bội”, ông xác nhận rằng mình đã hình thành “một kế hoạch phản công” để chặn đứng làn sóng cộng sản ông lên án Đại sứ Hoa Kỳ đã “tự ý chống lại mọi sự thay đổi Chánh Phủ”. Không khí âm mưu này đã làm cho Tổng Thống Thiệu phát cáu lên. Một số sát thủ đã được thuê để tìm cách thanh toán tướng Kỳ. Họ đột nhập vào được căn cứ, nhưng đã bị toán cận vệ của tướng Kỳ bắn hạ ngay ở cách biệt thự chừng vài ba thước. Có lẽ người ta đang chờ xem những màn biến chuyển náo nhiệt này.

Bất chấp những sự đe dọa nặng nề đang đè nặng lên bản thân ông, Tổng Thống Thiệu vẫn cố gắng giữ thế chủ động chánh trị của mình, đồng thời cố giữ không cho phần còn lại của quân đội bị rã ngũ.

Trong một buổi nói chuyện trên vô tuyến truyền hình, Tổng Thống Thiệu vừa xác nhận là Thủ tướng mới được chỉ định đang

lo thành lập một “Chánh Phủ chiến đấu và đoàn kết” với nhiệm vụ tái lập an ninh, ổn định hậu phương và cứu trợ dân chúng tỵ nạn. Ông xác nhận là các chỉ huy quân sự nào “hèn nhát và có tinh thần chủ bại” sẽ bị trừng trị. Ông dựa trên vị thế “hợp pháp và hiến định” của một Tổng Thống được dân bầu trong sứ mạng bảo vệ chế độ, và cực lực bác bỏ mọi luận điệu cho rằng ông đã có “một thỏa hiệp kín với cộng sản” trong việc nhượng một phần lãnh thổ của quốc gia để đổi lấy một sự rút quân và bảo toàn dân chúng đang chạy loạn. Cuối cùng ông nhấn mạnh là ông vẫn thi hành đúng đắn Hiệp Định Balê, dù là Hiệp Định đang bị Bắc Việt chà đạp, khi ông nói rằng ông phải dùng bạo lực để trả lời với bạo lực, và ông không bao giờ thương lượng điều gì dưới sự đe dọa của họng súng.

Để kết luận, ông kêu gọi dân chúng hãy “trấn tĩnh lại” và đòi hỏi quân đội phải “chuẩn bị” để tái chiếm lại những phần lãnh thổ đã mất”. Những ý định đó rất đáng được khen ngợi. Chỉ còn có việc thi hành các quyết định đó mà thôi. Không phải những hoạt động trong hành lang mà chính là những hành động trên chiến trường mới xác nhận được lời nói của ông Thiệu có giá trị hay không.

Số phận của nước Việt Nam tự trung vẫn phải được giải quyết bằng súng đạn!

Chương 5

CÁC TƯỚNG LÃNH TỨC GIẬN VÌ THẤY MÌNH BỊ NHỤC

Thứ hai, 7 tháng 4. Đại tá Khôi, sĩ quan phụ tá trưởng Phòng Nhì Quân Đoàn III tiếp tôi tại Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH, một doanh trại rộng lớn nằm gần sân bay Tân Sơn Nhất, nơi có rất nhiều ăng ten và có Thiết Giáp canh gác. Lúc bấy giờ là 9 giờ sáng.

Đại tá Khôi, một cựu sĩ quan lực lượng đặc biệt, được huấn luyện ở Okinawa, là một người cao lớn mảnh khảnh mặt đầy vết sẹo vì ông đã đập phải mìn năm 1970.

Trên tường của văn phòng ông treo đầy bản đồ, được cập nhật rất cẩn thận.

“Tôi tưởng là Anh muốn biết những gì đã xảy ra ở Cao Nguyên và ở Huế phải không?”, ông ta hỏi tôi.

- Thừa đại tá, Tổng Thống Thiệu có nói về “những sai lầm trầm trọng về chỉ huy”. Vì tôi không có mặt tại chỗ, nên tôi muốn có vài chi tiết chính xác.

Đại tá Khôi xoa tay, nhìn tôi bằng cặp mắt thật sắc bén và tìm tòi, sau đó trả lời cho tôi với một nụ cười có đôi chút gượng gạo:

- Chắc là tôi không thể trả lời hết các câu hỏi của Anh được đâu, nhưng tôi sẽ cố gắng nói với Anh phần chính. Đồng ý không?”

Tôi gật đầu chấp thuận ngay. Đại tá Khôi sau đó mới bắt đầu nói:

“Trước hết chúng ta phải xác nhận một việc: cộng sản đã có tấn công vào thị xã Ban Mê Thuột 2 lần vào năm 1968 (Mậu Thân) và năm 1972, và cả hai lần chúng đều thất bại. Nhưng lần này quân lực của chúng tôi ở vào một vị thế rất yếu kém và không còn được một sự Không Trợ mạnh mẽ của Không Lực Hoa Kỳ đã từng giúp chúng tôi bẻ gãy cuộc tấn công của cộng sản hai lần trước. Chúng tôi biết là cộng sản Bắc Việt đã tập trung các đơn vị và chiến cụ trong những vùng rừng rậm nằm giữa biên giới Lào và Cam Bốt và các thành phố vùng Cao Nguyên. Nhưng vì người Mỹ đã luôn luôn từ chối không cung cấp cho chúng tôi các oanh tạc cơ hạng nặng để giúp chúng tôi đánh ngay vào tuyến xuất phát nằm ở các vùng tập trung của địch, nên chúng tôi không thể dự đoán được cuộc tấn công của họ.

- Ngày 10/3 hồi 4 giờ sáng, cộng sản đã mở màn trận đánh bằng một trận mưa pháo đủ loại, từ 130 ly, đến bách kích pháo nặng và hỏa tiễn, nã vào thành phố Ban Mê Thuột. Pháo dọn đường này đã kéo dài trong ba tiếng đồng hồ, và ngay sau đó là các chiến xa T.54 mở cuộc xung phong vào thị trấn. Người của chúng tôi đã cực lực chống trả, đặc biệt là ở mạn Nam của thành phố và chung quanh phi trường, nhưng vào lúc trưa Không Lực của ta lại đánh nhằm ngay bộ chỉ huy của tiểu khu, cứ điểm phòng ngự cuối cùng, và sau đó tất cả mọi nỗ lực để tái chiếm lại thị trấn đều thất bại.

Tổng Thống Thiệu đã muốn chống giữ Ban Mê Thuột, vì đây là thủ đô của đồng bào Thượng, và mất Ban Mê Thuột là tất cả các

bộ lạc trên vùng Cao Nguyên này sẽ mất hết tinh thần. Ngày 13 tháng 3, được báo là thành phố này đã hoàn toàn bị cộng sản Bắc Việt kiểm soát, Tổng Thống Thiệu đã đơn phương quyết định bỏ hết vùng Cao Nguyên, thả là di tán hết dân chúng và quân đội trú phòng đang bị đe dọa còn hơn là tiếp tục chống giữ tới cùng, để có thêm nguy cơ tổn thất về nhân mạng rất cao.

Từ nhiều tháng trước Bộ Tổng Tham Mưu chúng tôi có thỏa thuận với các cố vấn Hoa Kỳ một kế hoạch theo đó chúng tôi dự trù rút hết quân lực về các tỉnh miền duyên hải của miền Trung trong trường hợp bị cộng sản Bắc Việt tổng tấn công mạnh. Cuộc lui binh này - đã không thực hiện được vì vừa quá tốn kém vừa còn phải chống giữ lãnh thổ trên phương diện chiến thuật - thật ra có 2 đường lợi, là rút gọn lại tuyến phòng ngự của chúng tôi và có thể tiếp vận dễ dàng bằng đường biển.

Ngày 13 tháng 3, tướng Ngô Quang Trường, tư lệnh Vùng I Chiến Thuật, một vùng nằm giữa vĩ tuyến 17 và Đà Nẵng, bay về Sài Gòn để họp với Tổng Thống Thiệu. Tổng Thống Thiệu đã cho lệnh tướng Trường rút quân trú phòng Quảng Trị và cũng dừng ngăn ngại phải bỏ luôn Huế, nếu thấy cần thiết để tổ chức một tuyến phòng thủ vững chắc ở Đà Nẵng, ở đó có thể lợi dụng được phi trường lớn và các kho dự trữ lương thực và đạn dược quan trọng. Tướng Trường đã tuyên bố thỏa thuận trên nguyên tắc, và nói thêm là ông sẽ dùng hết khả năng để phòng thủ Huế.

Ngày 14 tháng 3, Tổng Thống Thiệu đến căn cứ Hải Quân ở Cam Ranh để có một buổi họp kín của Hội Đồng Quân sự. Có 5 tướng lãnh hiện diện trong buổi họp: Tổng Thống Thiệu, đại tướng Khiêm Thủ tướng Chánh Phủ, tướng Cao văn Viên Tổng Tham mưu trưởng QLVNCH, tướng Đặng Văn Quang cố vấn quân sự của Tổng Thống

và tướng Phú tư lệnh Vùng II Chiến Thuật.

Sau một cuộc bàn cãi thật lâu, tất cả tướng lãnh hiện diện trong buổi họp này đều quyết định rút bỏ luôn hai thành phố nằm về hướng Bắc của Vùng Cao Nguyên là Kontum và Pleiku. Kế hoạch được soạn thảo này dự trù tập trung các đơn vị xuống vùng Duyên Hải và từ đó sẽ mở một cuộc phản công lên Ban mê Thuột. Không có ấn định chính xác giờ giấc để tiến hành cuộc di tản hai thành phố Kontum và Pleiku...”

Đại tá Khôi bất thình lình ngưng nói, xoa hai bàn tay khô cằn của ông ta, sau đó mới tiếp tục một cách trịnh trọng:

- Điểm sau cùng này mang một tính cách lịch sử quan trọng. Bốn trong số năm vị tướng lãnh hiện diện đều nghĩ rằng cuộc triệt thoái phải được tiến hành tuần tự và sẽ được kết thúc vào tuần lễ chót của tháng 3. Vị tướng lãnh thứ năm là tướng Phú, người chịu trách nhiệm về cuộc hành quân này, là một sĩ quan có một dĩ vãng quân sự hào hùng, tuy rằng ông đã đi lên từ hàng binh sĩ. Đã từng lần lóc trên chiến trường suốt 14 năm, ông là một tư lệnh sư đoàn tài giỏi nhưng lại là một tư lệnh Quân Đoàn quá yếu. Đã từ lâu rồi ông bị bệnh, ông lại không được chuẩn bị trước và không đủ khả năng điều khiển một cuộc hành quân triệt thoái quy mô như vậy, nghĩa là một trong những cuộc điều quân khó khăn nhất trong các phép dụng binh trong lịch sử chiến tranh”.

Tôi quan sát rất kỹ đại tá Khôi. Thịnh linh tôi có cảm tưởng khó chịu là hình như ông ta đang cho tôi một bài “diễn văn” đã được soạn sẵn từ trước. Tôi không muốn ngắt ngang ông ta. Tôi cần phải nghe luận giải của ông đến cùng: cũng sắp sửa đến phần kết luận rồi. Và đại tá Khôi nói tiếp:

- “Chiều tối ngày 14 tháng 3, về đến Pleiku hơi trễ, tướng Phú

không cần giải thích, đã cho lệnh Quân Đoàn tiến hành cuộc hành quân triệt thoái ngay vào sáng sớm hôm sau.

Vào lúc rạng đông ngày 15 tháng 3, tất cả binh sĩ cùng dân chúng của hai tỉnh Kontum và Pleiku đã vội vã rời khỏi hai thành phố nói trên, bỏ lại tại chỗ hàng chục triệu mỹ kim chiến cụ. Cả hai đoàn người và xe qua quốc lộ 19 rồi mới vào con đường 7 B. Trên con đường 7 B này vốn chỉ là một con đường mòn được trải đá sỏi, tất cả các cầu đều bị giật sập, đi sâu vào một vùng rừng đầy gai góc lùm bụi, cỏ cao ngắt trời. Khi các xe vận tải nặng và các xe thiết giáp đi qua rồi thì các đường nước trở thành những vùng sinh lầy lội, làm cho hàng ngàn xe khác đi sau bị mắc lầy, tự đâm vào nhau và ùn tắc nghẽn lại hết. Trên đường rút đi, các đơn vị đi trước và đi sau 200.000 dân tỵ nạn, bị rơi vào một trận phục kích kinh hồn của sư đoàn 320 Bắc Việt. Hai chục ngàn dân (20.000) bị tàn sát, 500 xe đủ loại bị phá hủy, tất cả biến cuộc triệt thoái này thành một cuộc tháo chạy trong hỗn loạn. Và cũng từ đó mới gây ra nỗi kinh hoàng khó tả trong dân chúng...

- Và Huế thì sao, thưa đại tá? Việc gì đã thật sự xảy ra ở đó?

- Tin tức thảm hại trên con lộ 7 B được lan truyền rất nhanh. Tướng Trưởng lo sợ mình sẽ bị hoàn toàn cô lập ở phía Bắc, đã quyết định bỏ Huế. Nhưng Tổng Thống Thiệu vừa mới tuyên bố trên vô tuyến truyền thanh ý định của ông sẽ cố thủ cố đô của Việt Nam, đã cho lệnh tướng Trưởng phải quay trở lại. Quân lính lúc đó đã di chuyển gần đến Đà Nẵng trong trật tự, đã phải quay trở lại. Nhưng họ lại gặp trên 100.000 dân tỵ nạn đang chạy loạn, xô đẩy họ và ngăn cản họ làm cho họ không sao tiến lên được. Sư đoàn 1 bộ binh, một sư đoàn ưu tú của QLVNCH do đó bị tan hàng và biến mất trong đám đông hỗn loạn quái ác này vốn đang bị cộng sản

Bắc Việt tàn sát bằng đủ mọi loại pháo. Huế đã hoàn toàn bị địch chiếm. Và Đà Nẵng không còn có thể phòng thủ gì nữa được. Phần còn lại thì tất cả các nhà báo đã có tường thuật hết rồi”.

Đại tá Khôi đứng dậy và đi vòng bàn viết của ông ta, điều này có nghĩa là buổi nói chuyện của chúng tôi đã chấm dứt. Tôi khẳng định là những tin tức mà ông đã nói với tôi hôm nay chỉ đúng sự thật có một phần nào thôi, nhưng chắc chắn không phải là tất cả sự thật. Cái lối giải thích để làm giảm nhẹ đi phần nào trách nhiệm của Tổng Thống Thiệu nó không đúng với tính tình của các nhân vật trong câu chuyện. Tôi rất muốn nói với đại tá Khôi như vậy, nhưng tôi cảm thấy ông ta không muốn đi ra ngoài luận cứ “chánh thức” mà ông đã cung cấp cho tôi. Do đó tôi chỉ hỏi ông ta:

“Xin đại tá chỉ giúp tôi có thể đi gặp tướng Phú ở chỗ nào được?

Guồng mặt ông ta lạnh nhạt trở lại, và câu trả lời cụt lùn của ông ta làm tôi hết sức ngạc nhiên:

- Tướng Phú đã bị phạt giam, và không thể tiếp ai được hết.

Tôi từ giả đại tá Khôi. Nhưng trước khi rời khỏi Bộ Tổng Tham Muu, tôi nhờ vị sĩ quan báo chí xin giúp tôi một cái hẹn để đi gặp thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư Lệnh Vùng Đồng Bằng sông Cửu Long. Sau vài lần điện thoại, và gọi vô tuyến, tướng Nam đã đồng ý gặp tôi sau 3 giờ chiều, hơn lúc ông ghé lại Mỹ Tho.

*

* *

Cuộc nói chuyện của tôi với đại tá Khôi làm tôi đau đầu. Hình ảnh mà ông ta đã tả cho tôi về một tướng Phú già nua, suy nhược, không còn đủ sáng suốt và khả năng để phối hợp một cuộc điều quân, thực tình không đúng vưng. Thật vậy, tôi chỉ không gặp tướng Phú có sáu tháng, nhưng tôi biết ông ta cách đây 23 năm, từ khi

ông ra trường sĩ quan Thủ Đức. Tôi vẫn biết ông ta chỉ còn có một lá phổi. Nhưng dù là nhỏ con ốm yếu nhưng với 49 tuổi đầu, ông là một người dày dặn phong sương. Ông rất cứng rắn đối với binh sĩ của mình và cũng cứng rắn đối với bản thân, dẻo dai, mưu lược và giỏi về chiến thuật, nên trước hết ông là một sĩ quan của thể công.

Ở Điện biên Phủ, nơi mà ông được thăng cấp đại úy tại mặt trận, ông đã tạo được lịch sử của ông rồi. Ngày 30 tháng 3 năm 1954, lúc Việt Cộng đánh một trận chiến đẫm máu ở năm ngọn đồi, trong lúc xấp lá cà, bọn bộ đội đã gọi hỏi nhau ơi ới: “Thằng Phú đâu rồi? Phải bắt thằng Phú nghe, bắt sống nó nghe!” Ông ta không rơi vào tròng của quân Bắc Việt và liên tiếp mở hết cuộc phản công này đến trận phản công khác. Phương pháp chỉ huy của ông Phú rất khắt khe. Với một người có hành động vi phạm kỷ luật mà ông đã ban hành, ông cho cột chân tay người đó vào hàng rào kẽm gai. Mặc dầu luôn luôn bị pháo kích hết sức nặng nề, hệ thống phòng ngự đầy hố tác chiến trên đồi Elian 1 của ông đã giúp ông cầm cự suốt nhiều tuần lễ, đẩy lui tất cả các đợt xung phong của địch. Bốn ngày trước khi cứ điểm bị thất thủ, ông còn oanh liệt cho nổ ba lô cốt có trang bị súng không giật 57 ly, đã kịp thời phát hiện, chặn đứng và tấn công một tiểu đoàn Việt Cộng trên sườn đồi, buộc chúng phải rút lui với sự yểm trợ hữu hiệu của pháo binh Pháp do ông đích thân đứng ngay trên địa thế trống trải để điều chỉnh tác xạ thật chính xác. Ông đã sống sót được sau 18 tháng bị bắt giam trong một trại tầy nã cộng sản ở Thượng Du Bắc Việt, mà không hề chấp nhận phải ký một bản “thủ tội” hay một tờ truyền đơn nào. Và các sinh viên ở Sài Gòn đã tranh đấu với phái đoàn Bắc Việt đang ở khách sạn Majestic lúc bấy giờ để đòi Bắc Việt phải trả tự do cho ông. Từ khi ông được trở về Nam, ông

Phú đã tham gia tích cực vào cuộc chiến. Nhất là ở Lào, năm 1971, lúc ông là tư lệnh sư đoàn 1 bộ binh ông đã giúp cho một đoàn xe thiết giáp của Miền Nam thoát được một sự thảm bại trông thấy, trên đường rút lui ở quốc lộ 9. Để cứu đoàn thiết giáp này đang bị hai sư đoàn Bắc Việt tấn công từ hai bên sườn, tướng Phú đã không ngần ngại đi xuyên qua rừng tìm địch để cuối cùng bẻ gãy được gọng kìm của địch sau ba ngày tác chiến vất vả có đôi lúc phải đánh xáp lá cà với địch. Vào tháng 5 năm 1972, trong trận tấn công quy mô của Bắc Việt vào Huế, tướng Phú đã cùng đại tá Dickinson đưa tôi đi thanh sát bằng trực thăng ngay trên vùng Việt Cộng. Khi phải cố gắng đáp xuống một mỏm núi đang bị Bắc Việt bao vây, chiếc trực thăng của chúng tôi bị trúng một viên đạn trực xạ của súng 75 không giật, bay mất nửa mảng phía trước và gãy mất một chân càng. Như có một phép lạ, chiếc trực thăng lại bay lên được và tướng Phú đã bắt phi công phải lượn lại trên vị trí ban một vòng khi ông nói rằng “tôi muốn cho cả Việt Cộng và binh sĩ của tôi biết rằng tôi hãy còn sống.”

Tôi nghi lại tất cả các chuyện này và tôi không bao giờ tin rằng tướng Phú tự nhiên lại mất bình tĩnh đến độ phải cho lệnh triệt thoái một cách vội vã vô trật tự như vậy để cuối cùng phải đi đến một thảm trạng như thế. Phải chăng vì tôi biết về ông ta quá nhiều, hay vì ông ta là bạn của tôi? Hay phải chăng vì tình đồng đội lâu đời quá khăng khít giữa người cùng binh chủng Nhảy Dù của hai chúng tôi đã làm lạc hướng nhận định của tôi? Tôi không tin như vậy. Tôi khẳng định như vậy khi một lát nữa đây tôi sẽ thảo luận với tướng Nam, ông này cũng là một người bạn lâu đời của tôi trong cùng một binh chủng.

Quốc lộ 4 nối liền đoạn từ Sài Gòn đến Mỹ Tho là một con

đường rất tốt. Một cây cầu dài 550 thước chạy ngang sông Vàm Cỏ Đông,, một dòng sông đầy bùn lờ lững chảy, mang theo nhiều mảng cỏ.... mặt nước chỉ cách sàn cầu có 20 thước. Các xe vận tải quân sự chờ đầy đạn pháo binh và binh sĩ đang vẫy tay cười đùa và dùng hai ngón tay ra dấu chữ V (chiến thắng) với tôi. Họ nhấn kèn báo cho các xe đồ chở dân chúng phải nhường đường cho binh sĩ đi qua. Chúng tôi đang đi vào phần đồng bằng có ruộng lúa, ruộng mía và vườn dừa, một phần đất mầu mỡ nhất của vùng Đông Nam Á. Nhìn mướt tằm mắt là các ruộng lúa màu vàng cỏ bay thẳng cánh, với những con dê và lác đác có vài con trâu đen bất động. Làng mạc nằm trong các lũy tre xanh, có nhà dân lớp lá, có các bờ chuối, bờ dừa.. Binh sĩ đi dọc theo các bờ ruộng, súng tự động cầm tay.. Có mấy chiếc trực thăng bay lượn trên bầu trời. Trẻ em vui đùa bên các khẩu pháo binh 105 ly đặt dọc theo quốc lộ, tác xạ không ngừng.

Còn một số cầu nữa, có chiến xa tăng cường canh gác, hoặc có tháp canh với các đài quan sát cao, các nhà dân sau các rào bông búp hay xương rồng trước khi đến chợ Tân An, rồi Tân Hiệp, cuối cùng thì đến Mỹ Tho. Thành phố ngổn ngang đầy xe thiết giáp xe cứu thương, và các đoàn xe đạn dược.

Nhưng ở đây thì các chiến cụ dù là bất đắc dĩ dự phần trang trí cho tình lý, cũng không gây cảm giác gì hay làm khó cho một ai hết. Dân chúng ồn ào và tấp nập, chuyện trò, mua bán, chuyện chờ rất tự nhiên, gây một cảm tưởng như không thấy biết gì đến tất cả những thảm trạng vừa xảy ra ở miền Trung vậy. Thật ra dân chúng cũng không cần phải biết làm gì, miền Trung ở quá xa và không phải là vùng Đồng Bằng. Mỹ Tho là căn cứ địa của sư đoàn 7 bộ binh với quân số được tuyển mộ và thành lập tại chỗ. Sư đoàn có

được trang bị thiết vận xa, thuộc lòng hết các ngõ ngách của từng xã ấp, từ các con đường mòn đến các cây cầu khi, các sông rạch và các nhánh sông chảy cùng khắp phần đất mầu mỡ và các rừng dừa nước trong vùng.

Thiếu tướng Nam mừng rỡ nắm chặt lấy tay tôi lắc thật mạnh và tiếp tôi trong văn phòng của vị tỉnh trưởng, Người quân nhân Nhảy Dù này năm nay 48 tuổi, nước da đen sạm, với gương mặt luôn luôn cảm hóa mọi người, ông đã qua các trường đào tạo “mũ đỏ” của người Pháp và được người Mỹ huấn luyện về chiến thuật trực thăng vận. Ông là người quân nhân duy nhất thuộc một gia đình quý tộc danh tiếng ở Huế, gồm toàn các cụ đồ nho và quan lại của triều đình. Ở con người ông, nổi bật nhất là tướng người vạm vỡ, vai u thịt bắp, cầm vuông rõ nét của một con người thượng võ. Đến giờ này ông vẫn sống độc thân không hối tiếc (điều này bảo đảm cho tính thanh liêm trong sạch của ông ở một đất nước mà các bà thường mượn uy quyền và địa vị của các ông chồng để làm ra tiền), và ông chỉ thấy vui vẻ thoải mái khi được sống giữa hàng binh sĩ và các đơn vị tác chiến của ông. Người bạn thân nhất của ông là đại tá Ninh (một “mũ đỏ” khác được đào tạo ở trường Nhảy Dù Pau, Pháp) một sĩ quan mảnh khảnh với bộ râu mép ngạo mạn, người đã cùng ông với đạo quân tiếp viện của mình đã bẻ gãy vòng vây An Lộc, một trận Verdun của Miền Nam Việt Nam.

- Sao? thiếu tướng Nam vừa cười lớn lên vừa nói với tôi, Anh muốn xuống đây kiểm tôi, chỉ vì các tay trên Tổng Tham Mưu không chịu nói sự thật với anh chứ gì?^[1]

- Anh Nam ơi, tôi chỉ xuống đây để được biết tin tức thôi.

- Được rồi, Chúng ta hãy nói chuyện về Vùng IV của tôi. Đường sá luôn luôn được mở sạch sẽ để cho lưu thông được an toàn, và

Việt Cộng không phải là chủ ở đây. Các đơn vị Bảo An và Dân Vệ của tôi giữ chặt lãnh thổ, điều này cho phép tôi điều động hoàn toàn 3 sư đoàn chánh quy của tôi trong các cuộc đụng độ mạnh với các đại đơn vị cộng sản Bắc Việt đang muốn xâm nhập vào đây từ phía Cam Bốt. Hôm qua, chúng tôi có “soi” một trung đoàn thuộc sư đoàn 4 bộ binh Bắc Việt ở Phú Sơn. Hôm nay họ bị dồn về phía trước các hẻm đường ở Đức Hòa rồi. Chúng tôi đã tịch thu hơn một trăm vũ khí nặng, súng không giật, súng phóng hỏa tiễn, bách kích pháo và cả một số súng liên thanh phòng không.

- Sau thảm trạng ở miền Trung, thật sự quân lực VNCH còn bao nhiêu lực lượng khả dụng?

- Còn được 7 sư đoàn với quân số đầy đủ: 6 sư đoàn bộ binh, 1 sư đoàn Dù, cộng thêm 2 lữ đoàn thiết giáp và nhiều liên đoàn Biệt Động quân. Hai lữ đoàn Thủy Quân Lực Chiến và 2 sư đoàn khác (sư đoàn 2 và sư đoàn 4) đang được bổ sung quân số và tái thành lập với những đơn vị vừa từ miền Trung rút về.

Sài Gòn được phòng thủ rất chặt chẽ với 2 nút chặn thật mạnh. Nút chặn thứ nhất là vòng đai phòng ngự phía Bắc của thủ đô do sư đoàn 25 bộ binh của tướng Lý tông Bá, một kỵ binh lực lưỡng và đầy đủ kinh nghiệm. Trung tâm điểm của tuyến phòng ngự này dựa trên thị xã Bến Cát, một vị trí chủ, được xây dựng chung quanh một ngọn đồi được bố trí các loại súng và có hầm trú ẩn bê tông cốt sắt.

Nút chặn thứ hai là tuyến phòng thủ mặt Bắc, tiếp giáp nhau chung quanh thành phố Xuân Lộc, do sư đoàn 18 bộ binh trấn giữ, một sư đoàn ưu tú mà tư lệnh là tướng Lê minh Đảo, hùng hục và vui vẻ như một thiêu úy. Tôi nghĩ là Bắc Việt cũng khó mà đánh bật được 2 phòng tuyến này.

- Dù sao cũng vẫn còn một nguy cơ, ông Nam ơi. Bọn Việt Cộng không có thói quen đánh trực diện vào các cứ điểm mạnh. Họ dùng toàn bộ pháo binh nã vào cứ điểm mạnh nhằm cầm chân các đơn vị của ta để họ lợi dụng vùng rừng bụi tiến đánh bọc hai bên sườn của mình. Nên nhớ là Xuân Lộc và Bến Cát đều có các vườn cao su và rừng cây bao quanh.

- Chắc vì thế mà chúng không dám đến đánh ở địa thế gần như trống trải ở Đồng Bằng. Có lẽ bọn chúng sẽ cố gắng cô lập Sài Gòn hơn, cắt đứt thủ đô với vùng vừa lúa và giàu nhân lực vì nguy cơ lớn nhất phải đến ngay từ Sài Gòn. Tôi muốn nói đến các chuyện lộn xộn và tham vọng chánh trị ở Sài Gòn. Các nghị sĩ bắt đầu rục rịch, các tướng lãnh không có quân cũng đang có âm mưu gì đó, và Tổng Thống Thiệu càng ngày càng bị cô lập. Chánh quyền có thể bất thần sụp đổ và rơi vào tay của những kẻ vô trách nhiệm, sẵn sàng hấp tấp mở cửa rước bộ đội Bắc Việt vào Sài Gòn.

- Anh giải thích thế nào về sự sụp đổ đã xảy ra ở miền Trung?

Tướng Nam chống tay lên thành ghế ông đang ngồi, và bực tức cắn nhai:

- Có rất nhiều lý do. Mà đầu tiên và trước hết là do ông Thiệu.

- Ở Tổng Tham Mưu đại tá Khôi nói với tôi người chịu trách nhiệm là thiếu tướng Phú.

- Không phải. Anh đã biết tướng Phú còn hơn tôi nữa mà. Ông là một cấp chỉ huy có khả năng, bám trận địa như một con rắn bám sát tóc vậy.

Không, ông không phải loại người chuẩn đi, bỏ lại cả một thành phố và toàn bộ chiến cụ nguyên vẹn như vậy.

Trước khi đổ vấy trách nhiệm cho cấp chỉ huy và cho lỗi lầm chánh trị, có vài điểm kỹ thuật cần được làm sáng tỏ: cuộc tổng

tấn công của cộng sản vào Vùng Cao Nguyên đã được chờ đợi từ nhiều tuần lễ rồi. Nhưng vì thiếu tin tức chính xác về những cuộc điều quân hay di chuyển của các đơn vị cộng sản Bắc Việt xuyên qua rừng rậm, tướng Phú nghĩ cũng đúng là nỗ lực chính của cộng sản phải nhắm vào Kontum hay Pleiku, nằm ngay ở phía Bắc, và ông ta đã tập trung phần lớn lực lượng vào hai thành phố này. Xui cho ông, Bắc Việt lại tấn công vào Ban mê Thuột, nơi mà quân trú phòng chỉ có một trung đoàn và vài liên đoàn Biệt Động Quân mà phải đương đầu với cả 3 sư đoàn cộng sản! Sau đó cộng sản cắt hết các con đường giao thông chính trên Cao Nguyên. Phản ứng đầu tiên của tướng Phú là phản công. Ông ta cho trực thăng vận 300 binh sĩ Dù và một liên đoàn Biệt Động Quân đổ xuống chiếm lại hai phi trường ở Ban mê Thuột, và sau đó đã cố gắng vào được thành phố và tảo thanh thị trấn. Trong một vài giờ, Ban mê Thuột đã biết được một không khí thật sự vui mừng, một cái gì dường như tượng trưng như lúc thủ đô Ba lê được giải phóng. Dân chúng vẫy cờ hoan hô các binh sĩ của Chánh Phủ. Các chủ vườn cao su đem rượu cò nhác ra uống mừng chiến thắng. Nhưng sau đó, dùng một cái, theo lệnh từ Sài Gòn chuyển lên, lực lượng Miền Nam được lệnh phải rời khỏi thành phố. Hai sư đoàn Bắc Việt khép kín họ lại và đã tiêu diệt họ.

Còn ở Pleiku và Kontum: còn 2 trung đoàn thuộc sư đoàn 23 bộ binh. Pleiku là một căn cứ Không Quân quan trọng của một sư đoàn Không Quân, không thiếu một thứ gì từ lương thực đến đạn dược.

Tướng Phú đã quyết định đánh và kháng cự. Ông ta đã xác định với các sĩ quan của ông như vậy. Tuy nhiên ngày 14 tháng 3, Tổng Thống gọi ông về Cam Ranh và cho lệnh ông phải lui quân. Bây giờ chúng tôi biết được là cuộc bàn cãi rất là sôi động đầy sóng

gió. Tướng Phú đã từ chối không thi hành lệnh. Ông ta đã nói thẳng với Tổng Thống Thiệu: “Tôi đã đánh giặc 23 năm rồi, và tôi chưa bao giờ biết lui quân. Hãy tìm một người khác để chỉ huy cuộc “chạy trốn “ này.” Nói xong ông vút khẩu súng lục của ông lên bàn và ra khỏi phòng họp, đóng sầm cửa lại. Và sau đó ông bay về Nha Trang, khai bệnh vào nằm bệnh viện. Chuyện đâu có khó khăn gì với ông ta đâu, vì anh cũng biết là ông ta luôn luôn bị khó chịu với hai lá phổi của ông.

- Đại tá Khôi lại xác định với tôi là tướng Phú đã bay về Pleiku và đã cho lệnh triệt thoái vài giờ sau đó.

- Đó là luận thuyết chánh thức. Bộ Tổng Tham Muu quả quyết là khi về đến Pleiku, tướng Phú đã nói với tư lệnh phó của ông “tôi cho ông hay một bí mật lớn, là chúng ta sẽ phải sớm di tản hết các vị trí của chúng ta “. Vị tư lệnh phó này lập tức báo tin cho các sĩ quan, và cuộc triệt thoái được thi hành ngay lúc đó. Tôi đã gặp tướng Phú ở Sài Gòn ngày hôm kia, ông ta đã xác nhận với tôi là ông ta đã không bao giờ ra lệnh triệt thoái.

Dù sao thì giải pháp tốt đẹp duy nhất là nên giao cho tướng Phú một nhiệm vụ hy sinh bằng cách cho lệnh ông phải từ thủ tại chỗ để bảo vệ Pleiku, nhằm mục đích mua thời gian và để cho dân chúng và các liên đoàn Biệt Động Quân rút đi trong vòng trật tự, như thế thì mới tránh được cái dịch hốt hoảng đã đầu độc cả nước.

- Như vậy thì ai là người ra lệnh triệt thoái?

- Chính là ông Thiệu. Sau khi tướng Phú đã từ chối không thi hành lệnh, Tổng Thống Thiệu đã báo động cho đại tá Tất, tư lệnh phó của ông Phú, một sĩ quan Biệt Động Quân v à giao cho ông này chức vụ Tư Lệnh Vùng.

Được Tổng Thống liên lạc thẳng, Tất đã sốt sắng thi hành lệnh,

và cho bắt đầu ngay cuộc hành quân triệt thoái, mà không cho tiến hành phá hủy một kho tàng nào. Anh ta đã để lại nguyên vẹn sáu tháng lương thực, một nửa các khẩu pháo và nặng nhất là để nguyên lại 40 chiếc phi cơ và trực thăng còn tốt. Tổng Thống Thiệu đã phạm một lỗi về xét đoán nhân sự không thể nói được khi ông giao quyền chỉ huy cho đại tá Tất. Tôi biết anh này quá nhiều, ông ta là một sĩ quan can đảm, một sĩ quan chuyên về tác chiến lưu động, đột kích hay phá hoại. Nhưng anh ta không được đào tạo hay huấn luyện một tý gì để có thể hướng dẫn một cuộc hành quân loại triệt thoái rất tế nhị và quan trọng này.

Tổng Thống Thiệu cũng phải gánh hoàn toàn trách nhiệm trong việc bỏ thành phố Huế và Vùng I Chiến Thuật. Tướng Trưởng có 3 sư đoàn ưu tú để lo phòng thủ Vùng này, sư đoàn 1 bộ binh, sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến, và sư đoàn Dù. Nhưng ngày 20 tháng 3, Tổng Thống Thiệu vì sợ bị đảo chánh, nên đã cho rút sư đoàn Dù đưa ngay về Sài Gòn làm cho tướng Trưởng đứng trước một lỗ hổng quá rộng trong hệ thống phòng thủ của ông. Vì chỉ với 2 sư đoàn mà ông phải tái phối trí cho một tuyến phòng thủ dài 150 cây số ngàn.. Do đó mà ông phải quyết định thu gọn lực lượng về tuyến phòng thủ Đà Nẵng, lực lượng quân sự ưu tiên lui về trước.

Trong lúc các đơn vị đang trên đường di chuyển, Tổng Thống Thiệu lại cho lệnh phải trở lui lại Huế, nhưng cộng sản Bắc Việt đã chặn đường trở lại Huế ở khoảng Đèo Hải Vân. Trước hết Sư đoàn 1 đã đánh một trận khốc liệt để tái chiếm đèo Hải Vân và tái lập lưu thông trở lại. Nhưng vô phúc là làn sóng dân chúng chạy loạn như nước vỡ bờ đã phá tan hàng ngũ của sư đoàn 1. Có rất nhiều binh sĩ quá lo âu cho số phận của gia đình mình, nên đã bỏ hàng ngũ, còn một số binh sĩ khác thì đào ngũ hẳn. Vì tư lệnh sư đoàn

1 ở Đà Nẵng đã cố gắng nắm lại sư đoàn của mình nhưng đã bị một anh phản loạn đánh gục.

Thiếu tướng Nam đứng dậy, vươn vai và đi vài bước trong phòng. Sau một vài phút yên lặng, ông lại ngồi xuống và tiếp tục:

- Tổng Thống Thiệu bị ám ảnh vì sự bỏ rơi hèn hạ của người Mỹ. Tôi tin chắc là ông ta muốn bị thảm hóa tình hình bất thần như vậy, hy vọng là Tổng Thống Ford sẽ vượt qua được một mức độ khó khăn nào đó để đi đến quyết định phải gọi các oanh tạc cơ hạng nặng qua giúp V NCH. Nhưng sự việc sau đó đã cho thấy là ông tính toán sai. Và chúng ta đã mất mát quá nhiều trong vấn đề đó. Biện pháp hữu hiệu nhất để thuyết phục Quốc Hội và Nhà Trắng, là chúng ta phải chiến đấu tại chỗ cho đến viên đạn cuối cùng. Chính bọn cộng sản Bắc Việt cũng không tin là chúng sẽ chiến thắng dễ dàng như vậy. Bằng chứng hùng hồn nhất là cả 4 sư đoàn trừ bị chiến lược của Miền Bắc chỉ mới vượt qua vĩ tuyến 17 trong tuần lễ vừa qua.

Tướng Nam nắm chặt lấy cánh tay tôi và nói thêm:

Chúng tôi đã theo Tổng Thống Thiệu mười năm nay rồi. Nhưng bây giờ thì ông ta đã làm chúng tôi mất cả niềm tin rồi. Ông sống chui rút trong Dinh Độc Lập và lấy quyết định một mình không chịu tham khảo với ai hết. Ông ta chỉ nghe có một mình tướng Quang, cố vấn quân sự của ông ta, một con heo mập lúc nào cũng nịnh hót ông ta và không nói trái lời ông ta bao giờ. Tôi không tin là ông ta sẽ còn khả năng vượt qua được các biến cố. Các tướng lãnh đã nổi giận rồi và quân đội đã xấu hổ quá rồi.

-Bây giờ anh định làm gì? Lật đổ ông ta chẳng?

- Dù gì cũng không phải tôi đâu. Tôi chỉ là một quân nhân. Nghề nghiệp của tôi là tác chiến và tôi tiếp tục tác chiến. Đối với tôi chánh trị là cái gì dơ bẩn, tôi không muốn phải lội vào đó.

*
* *

Trên đường về Sài Gòn, tôi dừng chân giây lát cách Tân An 2 cây số. Một đoàn xe chở đầy binh sĩ Miền Nam đang trở về sau cuộc hành quân. Một ông đại tá to con mập mập đang bị một nhóm nhà báo và nhiếp ảnh Việt Nam bao vây. Tôi bước đến gần. Trong một cái hố, có khoản 20 bộ đội cộng sản vừa bị bắt ban sáng đang ngồi đó, đầu mặt gục xuống. Tay họ bị trói ra sau lưng, đi chân đất, ở cổ họ có đeo thẻ lý lịch. Tất cả đều đến đây từ Bắc Việt. Không một người nào được trên 17 tuổi. Trên một cái cang, bụng quần đầy quần áo đầy máu, là một sĩ quan Bắc Việt, mắt đã mờ rồi, chắc không sống được bao lâu nữa. Ông đại tá đang nói cho các nhà báo nghe một vài tin chi tiết.

Lúc tôi đến Sài Gòn là những ngọn đèn nê ông đầu tiên đang bắt đầu cháy, và thành phố lấp lờ ánh sáng xa trông như một tủ kính của một cửa hàng nào đó...

[1] - nguyên văn của tác giả bằng tiếng Pháp: “tu, moi” (mày, tao).
Tiếng xưng hô rất thân mật khi hai người bạn gặp nhau tay bắt mặt mừng, gọi mấy xưng tao rất là tự nhiên.

Chương 6

DINH TỔNG THỐNG BỊ DỘI BOM

Thứ Ba 8 tháng 4: 7 giờ 30 sáng, tôi thả bộ trên con đường Pasteur, đến đại lộ De La Somme và cuối cùng đến bùng binh Chợ Bến Thành. Chợ Sài Gòn có một ngọn tháp vuông trên nóc giống như một chòi canh của một cái đồn nào đó thời ông Gallieni, có những tấm bảng quảng cáo bao quanh hết khuôn viên phía ngoài, nào là kem đánh răng, dầu thơm, rượu, thuốc lá v.v. Cạnh đó là nhà ga xe lửa, có mấy chiếc xe buýt hiệu Ford và Pontiac sáng chói, đang đậu chung quanh đó, tất cả đều cho thấy là vấn đề kinh doanh của Sài Gòn, mua bán hay mậu dịch gì từ nhiều năm qua đều là sản phẩm từ Hoa Kỳ hết.

Tuy nhiên nên nhớ ở khắp những nơi nào có lớp người bình dân Việt Nam đang sống, thì chỗ dễ tới nhất và gần bó với người dân nhất, phải là cái chợ.

Dưới cái vòm to của chợ Sài Gòn hay trong những kiến trúc rộng thênh thang kiểu “ba tàu” ở Chợ Lớn; ở khắp các thành phố thuộc Đồng Bằng sông Cửu Long, hay cuối cùng trong tất cả các chợ vườn dọc theo các sông ngòi đầy xuồng ghe hay lục bình, tất

cả đầu đầu cũng luôn luôn có lúc nhúc một thứ hàng hóa, cùng một loại người và cùng một cặp mắt như nhau.

Qua khỏi các tấm bảng quảng cáo rồi thì mặt trời và ánh sáng phải nhường chỗ cho một vùng lơ mờ nửa sáng nửa tối, với một đám đông ồn ào và lằng xằng san sát bên nhau mà không hề chen lấn xô đẩy nhau bao giờ. Trước khi nhận rõ được mặt của từng người là tôi đã bị rơi vào một luồng gió đủ cả các mùi vị lẫn lộn nhau. Mùi trái cây ngọt như nước đường, mùi thơm như ngũ vị hương, nồng nặc như ớt, tiêu, gừng, nước mắm, mùi hôi của đồ lòng, của bếp núc, đủ hương vị của hàng tạp hóa, dầu thơm của thợ cắt tóc, v.v.

Tất cả đều có hết ở đây, từ mọi thứ mà con người gặt hái được, đã đánh bắt được, các mặt hàng mỹ nghệ đã sản xuất được, trưng bày hay sắp xếp trên các giá gỗ và các kệ, được rọi sáng rực bằng đèn neon. Trước tiên là nhang thơm, những cây nho nhỏ dài dài như diêm quẹt mà người ta thường thắp lên trong nhà hay trong chùa miếu hay dọc theo đường đi: ở đây người ta xếp nhang thành từng bó một, trong những bao vàng, đỏ lòe lẹt kiểu người Tàu. Bên cạnh đó là giấy tiền vàng bạc, loại tiền dành riêng cho người đã quá cố sở hữu dùng để cúng hiến cho ông bà tổ tiên...

Sau các mặt hàng dùng để hiến dâng cho người quá vãng, là tất cả những sản phẩm của đất đai: những quây chuối dài, những trái mít to, những tháp cao đầy ngất trái cây và rau cải đủ loại lạ mắt khác nhau, ngồn ngộn. Các trái sầu riêng giống như con nhím xanh, với cơm bên trong hơi thối nhưng rất béo ngọt mà người sành ăn rất thích; những trái khế hình quả trám có khía sáng ngời, các trái ổi ruột đỏ hồng, những trái xoài to chín đỏ như các thoi vàng, có những khu đầy trái thơm trái khóm và dưa leo, các rổ giá

đậu trắng trông như những cọng bún.

Xa hơn chút nữa là cá khô từng bó cột lại bằng dây dừa, hay vừa mỏng vừa đẹp được treo lên như những chiếc lá khô. Và đây là hàng cá tươi mới về, nào là cá thu được khứa ra từng khúc, cá ngừ, cá trích, cua bể, tôm càng xanh, những con cá chình lớn như con trăn mà người bán phải dùng chày để đập đầu cho chết. Còn đây là hàng gạo, người bán mắt tròn xoe mặt sáng rỡ, đang quảng cáo gạo của mình, gạo ngon, được trung bày cùng khắp, trong các bao lát miệng bao mở rộng, Người mua gạo bốc gạo lên xem, từng vóc một, đổ gạo từ tay này sang tay kia để đánh giá từng loại gạo, này là gạo Gò Công, kia là gạo Vinh Long, nhỏ hạt hơn, còn gạo Châu Đốc thì là màu đỏ.

Tôi rời khỏi chợ, đi ra đường, lúc đó vào khoảng 8 giờ. Các tiệm bán hàng vẫn còn bày bán đủ thứ nào là máy truyền hình, nồi nấu cơm Nhật, các túi bằng da cá sấu, v.v., các hiệu nữ trang với những tấm kính có viết chữ tàu sáng chói, với những chiếc vòng đeo tay hay dây chuyền bằng vàng y 24 ca ra đỏ rực.

Đùng một cái, tất cả mọi người đều ngược mũi lên trời. Một tiếng rít chói tai từ một phản lực cơ át hết tất cả mọi tiếng ồn ào khác. Và mọi người đều nhớ biết là đã từ lâu mọi phi cơ đều bị cấm không cho bay ngang qua vùng trời của thủ đô, nơi có Dinh Độc Lập. Tự nhiên mọi người đều cố gắng nhìn lên để nhận dạng xem phi cơ phản lực loại nào đã bay qua thật thấp ở ngay trên vùng trời của thủ đô. Một chị đàn bà la lên: “Chắc chắn nó sẽ bỏ bom vào Dinh Độc Lập”. Và hầu hết những người có mặt trên con đường này đều la theo: “Nó sẽ dội bom lên Dinh Độc Lập”.

Ngay sau đó, hai tiếng nổ dữ dội đi liền theo tiếng rít của phản lực cơ. Thời gian không đầy một phút trôi qua, chiếc phi cơ lại bay

ngang qua mục tiêu của nó, đánh dấu bằng hai tiếng nổ nhỏ và vài tràng đại liên ngắn. Lần này thì tôi nhận rất rõ tiếng nổ lộp độp đều đặn của súng đại bác tự động. Sau đó thì chiếc phi cơ đi xa lần đến một nơi vô định nào đó.

Cuộc tấn công này xảy ra không quá năm phút. Tôi rào chân đi nhanh hơn. Phía trên dinh Tổng Thống rất gần đây, một cột khói đang bốc lên, còn bao quanh các cây cối trong vườn. Khoảng mười phút sau, có bốn xe cứu hỏa đến tại chỗ. Trước cổng chánh của Dinh Độc Lập có khoảng 50 binh sĩ Dù đang ở trong tư thế phòng thủ, mỗi người ngồi sau một góc cây, sẵn sàng chiến đấu. Các xe Quân Cảnh bao quanh khu vực, cô lập Dinh Độc Lập với cả thành phố. Các anh cảnh sát dã chiến với quân phục rừng rì, súng cầm tay, đang hướng dẫn mọi sự lưu thông tránh xa dinh Độc Lập. Các ngã tư đường dẫn tới dinh đều có ngựa sắt kẽm gai chặn hết.

Cả trung tâm thành phố có nguy cơ bị tắc nghẽn giao thông một cách nhanh chóng và điều này chỉ làm tăng thêm tình trạng hỗn loạn. Tôi đi dài xuống đường Tự Do. Nhiều tin đồn nhảm sai hẳn sự thật đã được lan truyền ra rồi.

Một anh tài xế xe tắc xi bước ra khỏi xe của anh ta trước tiệm sách Albert Portail, vừa múa tay múa chân vừa la ầm lên: “Tổng Thống đã chết rồi”. Các chị bán thuốc lá lo thu xếp các quầy thuốc của họ lại. Đứng giữa một đám đông những người hiếu kỳ một anh luật sư ở nhóm đối lập thuộc phong trào “đòi quyền sống cho người dân” đã xác nhận một cách rất nghiêm túc:

“Đó là chiếc phi cơ sản giặc F5 do tướng Nguyễn cao Kỳ lái. Ông ta đã làm chuyện vừa rồi đó. Các dàn ra đa của Tân sơn Nhứt đã theo dõi chiếc F5 này và đã thấy nó bay về hướng Thái Lan.”

Nhưng, tôi đã biết rất rõ tướng Cao Kỳ, ông chưa từng bay phi

cơ phản lực bao giờ!

Có một số xe thông tin có gắn loa phóng thanh chạy khắp nơi để thông báo giờ giới nghiêm bắt đầu có hiệu lực từ 12 giờ trưa nay. Và thành phố đã trở nên vắng ngắt hết sức nhanh chóng. Các cửa hàng bỏ rèm xuống che kín cửa tiệm. Đường sá thường thì đầy rẫy xe cộ, và ồn ào vì tiếng mô tô, giờ thì đã trở nên vắng lặng. Giờ đây Sài Gòn là một thành phố chết, một thế giới im lặng, ở đó chỉ có các binh sĩ với súng ống đi tuần rón như những bóng ma giữa các nút chặn kẽm gai..

Vào lúc 13 giờ trưa, tôi liên lạc được với tướng Cao Kỳ bằng điện thoại. Với một giọng hết sức mỉa mai ông nói:

- Thật là một chuyện tào lao! một hành động quá trẻ con không có một cơ may đi đến đâu hết. Phi công là một sĩ quan rất trẻ, vừa mới học xong phản lực cơ F5 E cách đây vài ngày. Trước đó anh ta được huấn luyện trong nhiệm vụ săn giặc, và cách đây không đầy ba tuần lễ, anh ta mới bắt đầu được tham gia tập luyện về nhiệm vụ đánh bom. Theo chỗ tôi nghe được thì đây là một thằng nhỏ bốc đồng, có máu anh hùng. Nhưng tôi chưa từng gặp mặt anh chàng này bao giờ. Một lần nữa, tôi không dính dáng gì đến chuyện này. Hơn nữa tôi không muốn giết ông Thiệu, tôi chỉ muốn ông ta rời khỏi chức vụ cho rồi...

Sau một phút yên lặng, sau đó ông ta lại nói, nhưng gần như nói cho riêng ông ta nghe mà thôi: "Rất tiếc là thằng quỷ phi công đó đã không làm được trò trống gì cả!

Sau đó một ít lâu, Tổng Thống Thiệu lên tiếng trên đài phát thanh. Ông ta vẫn còn sống. Ông ta thuật lại chi tiết cuộc ném bom mà ông là mục tiêu chính. Ông xác nhận đây không phải là một âm mưu mà là một hành động lẻ loi. Phi công bay ở cao độ 300

thuốc, và đã thả xuống hai trái bom vào dinh Độc Lập, và sau đó quay trở lại lần thứ hai bắn xuống hai trái hỏa tiễn và vài tràng đại bác 20 ly. Ông Thiệu nói tiếp: “Có một số người nào đó muốn đe dọa tôi bằng vũ lực để ép buộc tôi phải ra đi, nhưng tôi sẽ không nhượng bộ đâu. Tôi sẽ tiếp tục làm việc như thường và tiếp tục duy nhất quê hương.”

Mọi người đều đồng ý - một lần không phải là thói quen - nói là Tổng Thống Thiệu đã có phản ứng thật nhanh và rất hay. Nhưng liệu ông có thể giữ yên lặng được không?

Vào lúc 4 giờ chiều, đường phố lại nhộn nhịp trở lại, các hiệu buôn cuốn rèm lên lại. Sự lưu thông lại có quyền trở nên hỗn loạn như cũ.

Tôi gọi điện thoại đến đại tá Xuân, ở Sở An Ninh, một người bạn cũ trên 20 năm mà tôi đã biết ở Bắc Việt, lúc ông làm ở Phòng Nhì. Ông hẹn gặp tôi ở khách sạn Caravelle vào lúc 5 giờ chiều.

“Vội ông ta chắc chắn tôi sẽ biết được việc gì đã xảy ra.”

Trong khi chờ đợi, tôi sẽ đi bách bộ một vòng lên Dinh Độc Lập từ đường Pellerin đi lên.

Trước rạp chiếu bóng Casino, người ta đang xếp hàng mua vé vào xem xuất 17 giờ. Rạp đang quảng cáo ba bộ phim “Công Phu”. Các em bán báo đang trải ra trên sạp những tờ báo buổi chiều vừa mới in xong. Ở đường Lê Lợi những người bán hòm rương và va ly đang trưng mành. Xa hơn một chút, tôi đi dọc theo Thư Viện Quốc Gia rất đẹp, được xây cất trên nền cũ của Khâm Lớn khi xưa, nơi đã từng giam giữ hàng ngàn tù cách mạng và phần đông là các lãnh tụ thuộc Chánh Trị Bộ hiện thời ở Hà Nội. Trong huê viên trước đó có nhiều toán sinh viên đang cãi nhau ồn ào hay kêu gọi đùa giỡn với nhau.

Đại lộ Norodom uy nghiêm rộng lớn nay được gọi là đại lộ Thống Nhất, thẳng tắp từ Vườn Bách Thảo đến Dinh Độc Lập, bây giờ gần như hoang vắng. Các cuộn kềm gai được căng ra làm nút chặn ở các ngã tư đường bây giờ đã được xếp lại và mang đi, nhưng Quân Cảnh vẫn còn tiếp tục canh tuần.

Không thể nào đi đến gần Dinh Độc Lập được. Cổng chánh của Dinh vẫn còn nguyên vẹn, và không thấy có một dấu vết nào của hành động dội bom hay bắn phá ban sáng.

Dinh Độc Lập, nơi Tổng Thống Thiệu ở và làm việc, có một lịch sử dài và thơ mộng. Được xây cất vào năm 1868, tòa nhà này khi xưa có tên gọi là Dinh Đô Đốc hay Dinh Norodom. Lúc bấy giờ đây là một công thự huy hoàng diễm lệ, (xây cất theo kiểu một chiếc bánh sinh nhật) chung quanh có rào chắn song bằng đồng trên có mạ vàng, những bãi cỏ xanh với đường đi bên trong trải cát đỏ, và một nhà bát giác với nóc cao nhọn. Ngay ở cổng chánh có lính gác đội nón kiểu lính thú trên đỉnh có chóp nhọn bằng đồng sáng chói và đeo găng tay trắng lưu truyền lối văn hóa thuộc địa. Nơi đây các vị toàn quyền có những buổi tiếp tân rất ngạo nghễ, huê viên được thấp sáng lên, có các dàn nhạc vĩ cầm, với những bộ đồng phục lõe lẹt, những bộ lễ phục trắng, các bà các cô thì mặc áo hở ngực hở vai trang điểm diễm diễm lệ như đi dạ hội ở Ba Lê vậy.

Người được ở tại dinh Norodom có nghĩa là người đó là chủ nhân của đất nước này. Tướng Ély, vị Cao Ủy người Pháp sau cùng ở Đông Dương đã trao cho Chánh Phủ Việt Nam biểu tượng cuối cùng này của chánh quyền thuộc địa ngày 7 tháng 9 năm 1954.

Sau khi chánh thể Cộng Hòa được công bố, thì dinh Norodom được đổi danh xưng thành Dinh Độc Lập.

Ngày 27 tháng 2 năm 1962, hai sĩ quan phi công Việt Nam thể

sẽ hạ sát Tổng Thống Diệm nên đã lái hai chiếc phi cơ dội bom sập nát dinh thự cổ kính này. Dĩ nhiên như một phép lạ, Tổng Thống Diệm vẫn không hề hấn gì. Nhưng tòa nhà thuộc địa cổ này bị hư hại gần như sập hết, nên Chánh Phủ đã quyết định xây lại một dinh thự mới. Lần này nhiệm vụ xây cất được giao cho một kiến trúc sư Việt Nam trẻ, từng được “giải thưởng Roma”, đó là ông Ngô viết Thụ. Để gây quỹ cho công tác xây cất mới này, Chánh Phủ mở một “chiến dịch quyên góp”. Mỗi công chức, mỗi người binh sĩ của Miền Nam Việt Nam đều đóng góp một ngày lương vào quỹ xây cất. Các doanh nhân thì ký cho nhiều chi phiếu khá lớn, sinh viên học sinh thì tùy theo túi tiền của mình mà đóng góp, và những người nghèo cũng tùy theo mà bỏ tiền vào toán đi quyên góp do Bộ Công Chánh phái đi.

Kiến trúc sư Ngô viết Thụ từ chối không nhận tiền thù lao cho bản vẽ, và các kỹ sư, chuyên viên của quân đội bắt tay vào việc, công trường làm việc 24 trên 24 giờ kéo dài hơn 10 tháng. Cuộc đào chánh ngày 1 tháng 11 năm 1963, và cái chết của Tổng Thống Diệm và người em của ông làm ngưng trệ công trường suốt trong 6 tháng dài. Sau đó công trường được mở lại, nhưng phải mất ba năm nữa mới xây dựng xong Dinh thự mới, được tướng Nguyễn cao Kỳ long trọng khai trương ngày 30 tháng 10 năm 1966. Công trình đã phải tốn đến 1 triệu 500 ngàn mỹ kim (7 triệu quan Pháp). Dinh Độc Lập được xây bằng xi măng cốt sắt, căn toàn đá hoa cẩm thạch, cửa kính màu xanh da trời, có 3 mặt phẳng nằm ngang và song song, (kiến trúc theo lối chữ Việt Nam tượng trưng cho nền dân chủ). Tất cả đặt ngay trung tâm của một công viên được vẽ rất cẩn thận và rất tráng lệ.

Giờ đây dinh thự rất duyên dáng này được binh sĩ Dù vây quanh

canh gác, đạn và lựu đạn mang đầy người, ẩn mình phía sau rào chắn song sắt nặng nề, biến dinh thự thành một pháo đài. Tòa nhà bát giác trước kia dùng làm nơi chơi nhạc, nay đã biến thành một pháo đài chống chiến xa. Nhiều pháo đội phòng không được ngụy trang dưới các tầng cây trong hoa viên, và ba chiếc trực thăng trang bị liên thanh đang đậu trên bãi cỏ. Cổng chánh được khóa chặt. Quan khách phải trình diện ở “cổng công vụ”, cổng này dẫn đến các nhà đậu xe, nằm gần Tòa Án. Mỗi xe đều phải qua sự khám xét của binh sĩ. Họ đưa xuống gầm xe một tấm kiếng để xét kỹ là không có một bánh thuốc nổ nào được gắn vào sườn xe. Sau đó quan khách đi qua một cái rào chắn được quay bằng tay để chạy đến chỗ đậu xe. Dưới chân cầu thang lớn đã có một sĩ quan tùy viên tiếp đón và dẫn khách đến phòng tiếp tân, nơi đây có ghế dựa màu đỏ và tủ quần áo xa cừ, có một cặp ngà voi lộng lẫy. Ở về phía cuối phòng có một cánh cửa, ăn thông vào phòng làm việc của Tổng Thống Thiệu, một gian phòng rất rộng, ngay giữa phòng có một lá quốc kỳ VNCH to lớn, được căng từ trên trần xuống tận sàn nhà. Ở hai đầu bàn làm việc, có những chân quỳ trên đế các máy truyền tin và các hệ thống thông âm nội bộ, dùng như các trạm tiếp vận truyền tin giúp cho Tổng Thống có thể liên lạc thẳng với các tổng bộ trưởng hay các tư lệnh Vùng, Cảnh sát trưởng hay các tỉnh trưởng bất cứ lúc nào cũng được. Trước cửa và trong hành lang dọc theo phòng làm việc này luôn luôn có hai người cận vệ lực lưỡng, mặc quần áo xám, giỏi võ và thiện xạ, được tuyển lựa trong lực lượng người nhái hay biệt động quân. Hai người này nằm trong một nhóm tám người cận vệ của Tổng Thống được huấn luyện đặc biệt. Các anh lực sĩ này có gương mặt rất bình thường, nhưng có đôi tay cứng rắn, và dưới lớp áo ngoài lúc nào cũng có khẩu súng lục đeo ở nịt,

Họ liên lạc với nhau bằng máy truyền tin cầm tay và canh giữ Tổng Thống ngày lẫn đêm.

Tổng Thống Thiệu nhỏ người nhưng có một thái độ gần như lạnh lùng, cô đơn và buồn bã, tự giam mình trong Dinh giống như một thuyền trưởng của chiếc tàu lặn của người Đức lúc nào cũng ở bên tay lái và từ khước không chịu nổi lên mặt nước để đầu hàng.

Mặc dầu bị chính phi cơ của mình dội bom, hay bị các tướng lãnh của mình đe dọa, không ai có thể nói được hôm nay con người của ông đang nghĩ gì, một con người miền Trung rất bí mật và cứng đầu đã đọc một bài diễn văn thao thao như nước chảy ở đài truyền thanh và truyền hình, nhưng không bao giờ tiết lộ tâm sự của mình trong chỗ riêng tư.

Ở phòng trà Givral, một người Việt Nam ốm gầy, có đôi mắt ti hí, có bộ râu rậm trên cằm, đang giải thích cho một số thanh niên đang bu quanh ông ta về những điều bậy bạ của ông Thiệu. Tất cả đều do ông kể hết, từ chuyện thâm cung bí sử đến chuyện bán quyền bán tước, từ chuyện giải phẫu thẩm mỹ của bà Thiệu đến chuyện buôn lậu heroin.

Ông ta vừa cười khẩy vừa nhổ mấy sợi râu trên cằm vừa nói:

- “Thiệu đã trở thành một người điên như Hitler trong hầm trú ẩn của ông ta vào những ngày cuối cùng ở Bá Linh vậy. Ông ta điều động các sư đoàn ma của ông và tin tưởng là ông có thể thắng trận vì người Mỹ sẽ gởi phi cơ và vũ khí bí mật đến cho ông ta. Sự điên rồ của ông ta là hậu quả của những ám ảnh về sinh lý của ông. Ông ta đã hoang phí thì giờ với các cô gái 14, 15 tuổi mà thuộc hạ đã dẫn nộp cho ông ta.”

Tôi cố quan sát con người hùng biện này. Ông là một người thuộc giới báo chí, gốc người Miền Bắc, từng bị thất bại trong cách

mạng, là một người đã từng hợp tác có giá trị đối với Nhật trong cuộc săn đuổi cộng sản lần kháng chiến Pháp, sau đó ông đã phục vụ rồi lại phản bội liên tục các chánh quyền và các tư lệnh cảnh sát thuộc Chánh Phủ Việt Nam. Anh ta có một biệt danh là “Cao Giao” và đã làm việc lâu năm với tờ Newsweek. Đây là một người hay lục lạo tỉ mỉ nhất vào các “bãi phân thối” mà tôi biết được ở Sài Gòn.

Khách sạn Caravelle nằm bên cạnh Quốc Hội, trước kia có tên là Khách sạn của Nhà Hát Tây, bởi vì tòa nhà có vòm tròn hiện đang dùng làm Trụ sở cho Quốc Hội trước kia là Nhà Hát Tây của thành phố Sài Gòn dưới thời Pháp thuộc. Trước kia Cha Lecca là chủ khách sạn này; ông ta là một cựu thượng sĩ thuộc quân đội Pháp bụng phê và chột mắt đã đổi sang nghề bán nước giải khát. Những nhà hàng hải và các tay ma cô người Corse chuyên buôn lậu vàng và mỹ kim thường đóng đô ở đây, uống rượu anis của Miền Nam nước Pháp do họ tự mang tới trong những hộp bánh bích quy có hàn chì cẩn thận, hết châu này đến châu khác. Cô thu ngân viên là một cô gái lai Tàu, khoảng 20 tuổi, rất đẹp và là lời khiến cho mọi người đều phải dán mắt nhìn cô. Một ngày nào đó Cha Lecca về nước và bán khách sạn lại cho Tòa Giám Mục Sài Gòn. Vị quản lý giáo xứ này biến cải khách sạn của những người vô lại này thành một “khách sạn hạng sang”. Ông coi thêm tám tầng lầu, sân thượng ở tầng chót là một nhà hàng lộ thiên. Trang trí bằng cẩm thạch Đài Loan, gỗ dát từ Phi Luật Tân, cây xanh, sơn mài Thành Lễ, nhơn viên được tuyển lựa cẩn thận và quản lý là người Pháp, khách sạn Caravelle đã nhanh chóng trở thành một cơ sở đẹp nhất của thành phố. Suốt chiều dài của cuộc chiến, khách sạn không có phòng trống bao giờ: sĩ quan, dân biểu, nhà báo, các nhà kinh doanh,

thường chia nhau các phòng có đầy đủ tiện nghi. Sau người Mỹ lại đến lượt các kỹ nghệ gia Nhật và các nhà thầu Đại Hàn.

Bây giờ, sau chuyện tán loạn ở Cao Nguyên, thảm kịch ở Đà Nẵng và cuộc chiến đang đến gần thủ đô Sài Gòn, các nhà báo lại tràn ngập khách sạn. Phòng khách đầy những tay săn hình, trang bị máy thân hình lớn và nặng nề, vai lại mang máy ảnh và ống kính dài như những ống phóng lựu.

Đại tá Xuân đợi tôi ở quầy rượu. Ông ta cười, nụ cười của ông kéo dài làm lộ những nét nhăn từ mắt đến tận mang tai.

Chúng tôi đã sống với nhau trong hai năm sau cùng của cuộc chiến Pháp Việt ở Miền Bắc và những ngày cuối cùng ở Hải Phòng. Lúc nào tôi cũng thấy ông cười, ngay những lúc chúng tôi đang bị đạn bách kích pháo nện vào lúc chúng tôi đang nằm trong các hố cá nhân đầy bùn sinh ở Suối Tre. Tôi không bao giờ thấy ông ta hốt hoảng và cũng không thấy ông to tiếng bao giờ. Ông nói năng nhỏ nhẹ, chậm rãi, hay tìm dùng đúng danh từ, và luôn chú ý giữ đúng cú pháp. Trong văn phòng của ông ở cổ thành Hà Nội, ông đã viết rất cẩn thận bằng cọ lông một câu rất có ý nghĩa xây dựng: “Nếu anh biết thì hãy nói cho những người hiểu biết. Nếu anh không biết, thì hãy im lặng và cố lắng nghe. Và cố lắng nghe thì anh sẽ biết.”

Ông ta nói với một giọng bình tĩnh nhưng có chút ngập ngừng.

- “Chào anh Pierre, Cuối cùng rồi Anh cũng đã tìm lại được đúng đường rồi đó.

- Việc gì đã xảy ra hồi sáng này vậy anh Xuân? Ở ngoài phố người ta thuật lại là Mỹ đã dàn dựng cú này để thanh toán ông Thiệu. Họ còn nói là phi công đã đáp xuống sân bay Udorn của Mỹ và đã được chấp thuận cho tỵ nạn tại Thái Lan.

- Người ta không biết gì hết. Người phi công đã dội bom xuống Dinh Độc Lập tên là Nguyễn Thành Trung. Đó là một anh trung úy trẻ mới có 26 tuổi, người Miền Bắc, đã có một vợ và hai con. Anh ta đã hành động theo sáng kiến riêng của mình, vì quá giận và chán ngán khi thấy các tướng lãnh và Tổng Thống đã bỏ hết tỉnh này đến tỉnh khác mà không có một trận chiến nào. Anh ta cũng buồn và thất vọng vì vợ con anh ta không thể rời khỏi Đà Nẵng được và còn bị kẹt trong vùng kiểm soát của cộng sản.

- Sáng sớm hôm nay, vào khoảng trước 8 giờ có hai phản lực phóng pháo cơ đã cất cánh từ phi trường Biên Hòa, cách Sài Gòn 30 cây số. Họ có nhiệm vụ đánh bom vào một mục tiêu địch ở phía trên tiểu khu Phan Rang, dọc theo bờ biển. Một lúc sau đó trung úy Trung báo cáo là phi cơ anh bị trục trặc kỹ thuật không thể tiếp tục bay được. Hai mươi phút sau anh ta nhắm vào Dinh Độc Lập đâm thẳng xuống. Tất cả đều diễn tiến rất nhanh chóng. Pháo đội phòng không ở Dinh Độc Lập không có thì giờ để mà kịp phản ứng. Một trong hai trái bom của anh ta đã làm mẻ một góc cầu thang sau của Dinh và làm vỡ hết các cửa kiếng của tầng trệt. Trái bom thứ hai rơi xuống hoa viên không gây một thiệt hại nào. Sau đó anh ta còn bắn hai trái hỏa tiễn làm thủng nóc nhà để xe, và có bắn đại bác 29 ly xuống bãi cỏ, gây hai tử thương và năm bị thương nặng. Có trên 40 người bị mảnh kiếng làm trầy da. Dù gì đi nữa, nếu anh ta có đánh trúng ngay Dinh đi nữa thì anh cũng không thể nào giết Tổng Thống được. Nóc dinh mới cất này dày đến mấy thước bê tông, và phải qua cả bốn tầng lầu từ nóc dinh mới xuống tới phòng của Tổng Thống được.

- Còn chuyện đáp xuống sân bay ở Thái Lan?

- Một sự bịa đặt hoàn toàn! Trưa nay hồi 15 giờ, đài Hà Nội đã

cho ra một thông cáo xác nhận là trung úy Trung đã đến vùng giải phóng Đà Nẵng với phóng pháo cơ của anh ta. Tổng trưởng Quốc Phòng của cái gọi là Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam đã gán huy chương yêu nước hạng 2 và đã thăng cấp Đại úy của quân đội Giải Phóng Miền Nam Việt Nam cho anh ta. Điều này chứng minh rõ ràng là mấy anh “mùi lô” không có gì dính dáng đến việc này. Tùy viên quân sự Hoa Kỳ rất tức giận vì đây là chiếc phản lực phóng pháo cơ F.5.E. đầu tiên đã rơi nguyên vẹn vào tay cộng sản. Đây là một phóng pháo cơ chiến thuật vừa ngăn chặn vừa yểm trợ, tốc độ bay nhanh (mach 1,6), dễ điều khiển, được trang bị vũ khí rất mạnh và toàn bộ bằng điện tử (máy dò tìm mục tiêu loại nhỏ, tác xạ bằng máy điện toán, máy chụp ảnh bằng hồng ngoại tuyến). Loại phi cơ này chỉ mới được mang ra xử dụng cách đây không quá 18 tháng...

Chương 7

LINH MỤC THANH: ĐỘI QUÂN THANH LỘC

Ngày Thứ Tư, 9 tháng Tư.

- “Thiệu phải ra đi. Nếu ông từ chối không chịu ra đi thì ông sẽ bị quân đội đảo chánh, hay sẽ bị một sĩ quan giết chết để trả thù cho tất cả những người đã chết vì ông ta. Một người phi công trẻ đã thù giết ông ta rồi, nhưng anh ta thất bại. Nhưng mà còn có những người khác nữa. Thiệu là một tướng lãnh không có khả năng và là một chánh trị gia tham nhũng. Ông không lãnh đạo một Chánh Phủ mà cầm đầu một “băng đảng” Tất cả mọi người đều ghét và khinh bỉ ông ta.”

Người nói lên những lời buộc tội ngắn này không phải là một quan tòa, cũng không phải là một dân biểu hay là một ông đại tá, mà là một linh mục: Cha Trần Hữu Thanh, thuộc dòng Chúa Cứu Thế, chủ tịch “Phong Trào Tranh Đấu Chống Tham Nhũng Để Cứu Nước Và Văn Hôi Hòa Bình”.

Năm nay ông 50 tuổi, dáng người gọn ghẽ, tóc đã bạc hoa râm, mặt vuông, có đôi mắt sáng ngời lạnh lợi sau cặp kính tròn gọng sắt, cha Thanh mặc một áo dòng đen cũ, tiếp tôi trong một văn

phòng nhỏ bên cạnh nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế ở đường Kỳ Đồng. Ông ta mạnh dạn nói tiếp:

- *“Thiệu là một người bất nhân. Ông ta đã làm hư quân đội, hành chánh và tòa án. Các tướng lãnh thì phải bỏ tiền ra mua chức vụ chỉ huy của họ, các tỉnh trưởng, cảnh sát trưởng, các quan tòa cũng phải mua chức tước của họ rất đắt. Dĩ nhiên sau đó họ phải tìm cách thu hồi lại và như vậy là họ phải ăn hối lộ. Bà Thiệu là một người công giáo tốt, về lễ bái cũng như về từ thiện. Nhưng bà không thể nào cưỡng lại được lòng ham muốn “quà cáp”, những vòng cẩm thạch, những bột xoàn mà người ta dâng cho bà để mưu cầu có một sự che chở của bà. Bà mua đất mua nhà cửa và gian lận thuế. Và chồng bà cứ để cho bà muốn làm gì thì làm. Chính vì muốn tranh đấu chống lại các sự thối tha đó của chế độ này mà tôi phải đứng ra chống ông Thiệu.*

Tôi có được sự ủng hộ của hàng trăm người công giáo và nhiều nghị sĩ và dân biểu. Đức Cha Bình của Tòa Giám Mục Sài Gòn đã ủng hộ hành động của tôi. Các sĩ quan, các bác sĩ, luật sư đã viết thư cho tôi hay đã đến đây gặp tôi để ủng hộ tôi và khuyến khích tôi tranh đấu...

- Hà Nội và MTGPMN khẳng định là Cha hành động theo sự xúi giục của người Mỹ. Những người thân ông Thiệu cũng có cùng một luận điệu đó và nói thêm rằng các linh mục ủng hộ Cha như các cha Nghi và cha Thanh Lãng đều là những người có khuynh hướng tiến bộ.

Cha Thanh nhảy lên:

- *Tôi không có dính dáng một tí nào với người Mỹ, họ không bao giờ có một hành động nào để thử ép ông Thiệu phải ra đi,*

bay ngay như phải loại bỏ ba tên đại bất lương luôn bao vây quanh ông ta. Tôi sẽ nói cho ông nghe chính xác hơn. Lưu manh nhất Việt Nam là tướng Quang, cố vấn của Tổng Thống về tất cả mọi vấn đề liên quan đến an ninh. Ông này đã thiết lập các hệ thống buôn bán ma túy, buôn lậu, và nhờ đó mới có được một gia tài kếch xù. Ông Thiệu lúc nào cũng từ chối không muốn sa thải ông Quang này, hoặc như ông thường làm một vài lần khi ông muốn dẹp một chuồng ngai cho mình ông gởi người đó đi sang ngoại quốc làm đại sứ. Rất là gián điệp, bởi vì ông Quang biết rõ những bộ xương được cất trong tủ nào, và khi nào vói không tới thì ông ta bắt đầu nói vớ nói vẩn... Còn hai thành viên của đảng mafia mà ông cũng không bãi miễn được. Trước hết đó là Trung tướng Nguyễn Văn Toàn cựu Tư Lệnh Quân Đoàn II, mà ai cũng biết là buôn lậu. Ông làm giàu bằng những mét khối cây rừng và những sông bạc, và còn bị cáo buộc tội hãm hiếp nữa. Việc này mặc dù có một chiến dịch báo chí dữ dội, mà vẫn không đi đến đâu hết. Ông Thiệu chỉ cho ông ta rời khỏi chức vụ một vài tháng thôi, rồi lại đưa ông ta về lãnh trách nhiệm Vùng III Chiến Thuật. Chính ông ta hiện đang lo việc phòng thủ Sài Gòn. Sau cùng là tướng Trang Sĩ Tấn, Chỉ huy trưởng cảnh sát Đô Thành. Đây là một người ham tiền và tàn ác. Ông ta kiểm soát đi điểm và các sông bạc lậu. Ngoài ra ông còn thành lập một đường dây xuất ngoại đưa con cái những người Tàu và những người giàu có sang Thái Lan để trốn quân dịch. Một trong những người đại diện của ông ta ở Ba Lê (Pháp) lo tiếp nhận những người phạm tội này sang tỵ nạn ở thủ đô nước Pháp và cung cấp đầy đủ giấy tờ hợp pháp kể cả một giấy phép cư trú, như vậy là ông ta ăn được hai lần

tiền, bởi vì khách hàng của ông ta phải trả tiền lúc đi và lúc đến. Người đại diện này là chủ một nhà hàng Việt Nam ở khu La Tinh (Ba Lê), cũng có một hệ thống “gái gọi” dành cho các vị Tổng bộ trưởng khi đi công vụ ghé lại Ba Lê. Do đó xa tầm nhìn của những kẻ tò mò, tránh không làm hại đến thanh danh của họ đồng thời không có ai động đến họ được. Và mặc cho tất cả những điều ô nhục đó, tướng Trang Sĩ Tấn vẫn tiếp tục được sự che chở của Tổng Thống và bà Thiệu, đến độ họ đã đề nghị gả con gái cho Tấn nữa.”

Tôi nhìn Cha Thanh. Chẳng những Cha đã tỏ ra thành thật mà còn tin chắc rằng ông được trao cho một “sứ mạng”. Ông Thiệu đã trở thành một biểu tượng của người xấu mà ông phải hạ bệ bằng mọi giá để cứu đất nước và để ông ta phải chịu đền tội. Một khi sứ mạng cứu nước đã xong, thì ông sẽ nghĩ thế nào về giải pháp tương lai đây? Tôi đặt thẳng câu hỏi với Cha:

- Giả dụ là ông Thiệu chịu ra đi hay bị đuổi đi, thì ai sẽ là người thay thế ông ta đây?

- Bất cứ ai cũng được! Tất cả những gì chúng tôi mong muốn, đó là một người liêm khiết và ngay thẳng, có quyết tâm phục vụ đất nước.

- Tại sao không phải là Cha?

Cha Thanh sững sờ, nhìn chòng chọc vào mặt tôi sau khi tôi vừa phát biểu một điều coi như bất lịch sự ghê gớm, và ông phát lên cười nắc nẻ.

- Dĩ nhiên là không phải tôi rồi. Tôi không phải là một chánh trị gia. Tôi dẫn thân tranh đấu vì tôi yêu đất nước tôi, và để hợp với thiên chức của tôi, tôi chỉ tổ cáo những việc làm không phải và những tật xấu của một chế độ mất giá trị. Nhưng tôi

không có ý định cũng như tham vọng nào để giữ vai trò của một nguyên thủ quốc gia.

- Vậy thì ai đây?

- Chúa sẽ giúp chúng ta tìm người cần phải có.

- Nhưng nếu cộng sản không thừa nhận người đó thì sao?

- Cộng sản có thể chiếm đất nước này bằng vũ khí, họ đang chứng minh điều đó. Nhưng họ không thể áp đặt một chế độ không hợp với 20 triệu dân Miền Nam Việt Nam.

- Nhưng nếu họ cứ thử làm thì sao?

- Họ sẽ không thử đâu. Họ cũng thừa thông minh và thực tiễn để phải hiểu rằng chỉ có một cách duy nhất để tái lập hòa bình thật sự là phải thành lập một Chánh Phủ Đoàn Kết Quốc Gia, ở đó có đủ mọi xu hướng và phải có sự ủng hộ của toàn dân. Dù sao thì họ cũng đã từng và không bao giờ ngưng hứa như thế mà.

Cha Thanh giữ yên lặng một lúc, sau đó hình như bất chợt ông công nhận được một chuyện khó có thể xảy ra, nên ông nói thêm một cách thật cương quyết:

- Ông biết không, ít nhất tôi cũng là một người chống cộng sản như tôi đã chống ông Thiệu.

Nếu những người của Hà Nội quyết định cộng sản hóa Miền Nam, dựa trên quân đội của họ và các chánh trị viên của họ, thì họ sẽ thất bại. Dân chúng sẽ chống lại và sẽ có một cuộc nội chiến không có hồi kết thúc.

Cũng trong ngày thứ tư 9 tháng 4 này, vào lúc 15 giờ, tôi đến thăm một người bạn của tôi Đó là ông Trần Trung Dung. Lúc nào ông cũng ăn mặc sang trọng, áo sơ mi lụa, quần thẳng nếp và mang giày Ý Đại Lợi, đầu chải láng, người lúc nào cũng bình tĩnh chừng

chắc ăn nói từ tốn và rất lễ độ với mọi người. Ông là con của một người chơi đồ cổ ở Huế, là bạn học cũ của tướng Võ Nguyên Giáp vào thập niên 30 ở trường trung học Albert Sarraut và sau đó ở đại học Luật tại Hà Nội. Ông đã từng là một tỉnh trưởng trẻ ở tỉnh Phú Thọ, đảng viên đảng Đại Việt, một đảng đối lập với cộng sản Việt Minh trong cuộc chiến giành độc lập, sống lưu vong bên Tàu, trở lại đời sống chánh trị sau khi cưới cháu của Tổng Thống Ngô đình Diệm và trở thành Tổng trưởng Quốc Phòng. Hiện ông là Phó Chủ tịch Thượng Viện. Thuộc một gia đình có tiếng tăm lâu đời, lại hấp thụ cả hai nền văn hóa Tây Phương và Đông Phương, đã từng trải qua nhiều biến cố lịch sử, thường có nhiều giao dịch cả ở Việt Nam và ở ngoại quốc, những chuyến đi du lịch ở ngoài với những chức vụ mà ông đã và đang tiếp tục đảm nhiệm... tất cả cho thấy ông là một người đối thoại lý tưởng. Không như các chánh trị gia của đất nước ông, sự hiểu biết của ông về những sự việc và những con người, gia tài mà ông đang có giúp ông sống độc lập đối với bổng lộc của chánh quyền. Tất cả đều bảo đảm một tính khách quan và không thiên vị trong phán đoán của ông.

Tôi thuật cho ông nghe hết về buổi viếng thăm của tôi với Cha Thanh và những toan tính đáng sợ của Cha đã nói với tôi. Ông cười và bình luận:

- “Cha Thanh là một “anh hùng rom” (nguyên tác: Don Quichotte). Ông quá thật thà khi nghĩ rằng hễ nhảy ra nắm được cây chổi trong tay là có thể quét được hết. Những cây chổi hủ, khi cuội lên được nó rồi thì chúng sẽ đưa những người phù thủy tập sự đi rất xa. Chúng ta đang sống ở Việt Nam, nơi mà chế độ được thành lập trên sở hữu tư nhân; có nghĩa là có một khái niệm về lợi tức và hình thành một phương tiện cho sự tăng tiến xã hội.

Mọi người đều ra sức để chứng minh rằng chúng ta hư hỏng và tham nhũng, và đi điểm tràn ngập. Đối lập thì xác nhận rằng không có tự do phát biểu và các thể chế đi sai hết rồi. Tôi đã có đi nhiều ra ngoài. Tham nhũng thì đâu cũng có hết, ở Âu Châu, Nhật Bản và cả ở Hoa Kỳ nữa. Nó còn dữ hơn ở Việt Nam ta nữa kia, vì các nước đó giàu hơn Việt Nam gấp bội, và giản dị hơn nó được khéo che đậy hơn. Ở bên Pháp, bên Mỹ hay bên Nhật, báo chí thường chỉ trích những vụ tai tiếng, những vụ buôn vàng lậu hay ngoại tệ liên quan đến các ông cảnh sát, các viên chức cao cấp, các nhà đầu tư bất động sản hay cả những tổng bộ trưởng. Bên Hoa Kỳ các anh chàng gangster (gangster) thường chen vào chánh trị và các cuộc bầu cử. Đã xảy ra rồi một ông thị trưởng của thành phố New York chạy ra ngoại quốc mang theo cả ngân quỹ của thành phố. Con số ma túy bắt được lên đến hàng mấy tỷ mỹ kim. Đi điểm ít nhất cũng nhiều như bên Việt Nam chúng ta, những người giả trang đòi quyền cưới hỏi nhau, thậm chí còn có nhiều linh mục đồng ý thừa nhận hôn nhân của họ nữa. Bên Pháp trong một số rạp chiếu bóng trên đại lộ số 5 hay Champs-Élysées, mượn cớ là giải phóng tình dục, người ta cho chiếu những phim khiêu dâm mà trước kia chỉ được kín đáo chiếu trong nhà cho một số ít thân chủ tìm hứng cảm mà thôi. Tôi thường tự hỏi dựa trên nguyên tắc nào mà họ chỉ trích chúng ta một cách có hệ thống như vậy?

Ông Trần trung Dung đặt hai bàn tay thật sát lên bàn viết của ông và nói tiếp, với một giọng đều đều:

“Nước Việt Nam không có gì xấu hơn hay tốt hơn các nước mà họ tin là họ có thể đánh giá ta được. Đối với ông Thiệu cũng vậy. Tôi biết ông ta rất nhiều, tôi đã nhiều lần đến với ông ta, và đã nói chuyện nhiều với ông ta. Chúng tôi đã có đụng chạm nhau vào cuối

cùng ngày 3 tháng 4 vừa qua, tôi đã bỏ phiếu thuận cho một nghị quyết của Thượng Viện đòi hỏi sự ra đi của ông ta.

“Ông ta là một người thông minh, có khả năng và dám hành động. Lòng can đảm và ý chí quyết tâm kháng cự mà ông ta đã chứng minh trong thời kỳ cộng sản tấn công dữ dội vào năm 1972, chúng ta không thể nào quên được. Chỉ trong vòng một năm gần đây thôi, không lâu lắm, ông Thiệu có thay đổi. Trước kia, khi tôi đưa ra những câu hỏi về những vấn đề của đất nước, thì ông ta đã trả lời dài dãi cho tôi, đầy đủ từng chi tiết một. Ông rất chú tâm đến những việc ông làm, cái nhìn sáng quắc của ông đã chứng tỏ niềm tin và lòng thành thật của ông. Nhưng rồi đúng một cái, cái nhìn của ông lu mờ hẳn đi, ông ta nghe tôi nói mà không buồn nói gì cho tôi hết, tránh không trả lời vào các câu hỏi của tôi, và cuối cùng là tránh không muốn gặp tôi nữa. Tôi đã cảm thấy được sự thay đổi đó từ đầu năm 1974. Tôi đã hiểu là ông Thiệu đã mất hết lòng tin. Hiển nhiên ông đã biết rõ là Hoa Kỳ đã buông bỏ chúng ta rồi. Ông đã biết rõ là ông chỉ còn đánh một hiệp cuối cùng với bọn cộng sản, mà trong hiệp chót này ông bầu của ông đã để cho ông tự lo liệu lấy một mình trong lúc cộng sản đến đánh trên đầu ông bằng một đội găng có dấu chiếc bàn ủi sắt bên trong... Và như vậy là ông đã bắt đầu chuẩn bị sự hồi hưu của mình, sửa soạn cho mình một chiếc nệm êm ấm rồi đó!”

Ông Trần trung Dung ngả người tới trước và nói với tôi:

“Anh Pierre này, tôi còn một vài nhận xét nữa phải nói. Bắc Việt luôn luôn khoe với chúng tôi là một chế độ dân chủ trong sạch và cứng rắn, noi đó sự lương thiện được nâng cao thành đức tánh. Tôi đã đọc báo của họ kỹ lắm và tôi thường ghi nhận được rằng các giám đốc hợp tác xã hay bị bắt vì tội biến thù gia súc; rằng các

hãng xưởng bình dân của họ thường gian lận sổ sách, bán buôn bất hợp pháp vật liệu mới toanh được họ biến cải thành vật liệu “dư thừa phế thải” gồm có đầu máy xe lửa và hàng chục tấn dây điện; rằng các sinh viên thường buôn bán chợ đen vải sô và thê tiếp tế lương thực; rằng hàng trăm tấn gạo bị lươn leo; rằng có nhiều tổ chức buôn lậu xe đạp, máy may, và đá lửa; rằng các anh lính mới thường hay đào ngũ; rằng các phụ nữ thường buông thả trong các hoạt động tội lỗi của nghề mại dâm... Nhưng có ai ở ngoại quốc biết đọc được tiếng Việt, hay bỏ thì giờ để phân tích tỉ mỉ báo chí nhạ nhèo của Hà Nội bao giờ?

“Anh Pierre biết ở Sai Gòn có bao nhiêu tờ báo không? - 29 tờ: 19 tờ Việt ngữ, bảy tờ Hoa ngữ, hai tờ Anh ngữ và một tờ Pháp ngữ. Họ thường viết bài chỉ trích Chánh Phủ. Có một số bị tịch thu, bị kiểm duyệt, nhưng họ vẫn tiếp tục ra báo. Còn ở Hà Nội chỉ có ba tờ báo: tờ nhật báo *Nhân Dân*, tờ *Hà Nội Mới* và tờ *Quân Đội Nhân Dân*. Cả ba tờ báo này đều được viết, in ra cho Đảng phân phát và Chánh Phủ không bao giờ sợ bị một chỉ trích nào cả. Điều này ở Ba Lê ai cũng biết hết. Ông Jacques Decornoy đã xác nhận rõ trong báo *Le Monde*. Ông ta giải thích với một lương tâm nghề nghiệp đáng khen rằng: dĩ nhiên là mọi dư luận có xu hướng trái ngược đều không thể được trình bày ở Hà Nội. Và ở Miền Bắc không thấy có một người nào dám nêu lên quan niệm về Tự Do của Phương Tây”.

“Mục tiêu mà Cha Thanh tự nhắm vào là Tổng thống Thiệu. Cha có nói với anh là Đức Cha Bình đã đồng ý và khuyến khích Cha tiếp tục tranh đấu phải không? Tất cả hai người đều có thể nghiêng về trường hợp Cha Quản Lý của Giáo xứ mà phía sau lưng ông này có một số bù nhìn tay sai đang kiểm soát nửa tá ngân hàng tư, buôn

hồi đoái và cho vay cắt cổ, (28 % lời), giết chết đồng bạc trong thời gian không quá bốn năm. Ông ta cũng đầu cơ về đất đai và tài trợ cho các dịch vụ địa ốc. Tòa Tổng Giám Mục còn là sở hữu chủ của nhiều khách sạn đặc biệt là khách sạn Caravelle, nơi đó các phòng thường tiếp bọn gái nhẹ dạ còn nhiều hơn là những người đi hành hương ở Fatima. Cuối cùng nếu anh cho phép thì tôi sẽ kết luận như thế này: nếu ông Thiệu quyết định ra đi, thì cái sơ đồ trong những tuần lễ hay những ngày sắp tới, đối với tôi hình như đã có vẽ sẵn trước rồi!

Giả thuyết thứ nhất: bọn cộng sản sẽ khai thác thắng lợi và cố gắng chiếm Sài Gòn. Họ có thể làm được chuyện đó, nhưng các chánh trị gia và các nhà ngoại giao không tin như vậy, vì họ cứ tưởng rằng cộng sản trước nhất đang đi tìm một chiến thắng chánh trị. Và sự loại trừ được Tổng Thống Thiệu, một kẻ thù không thể giải hòa được, là đã giúp họ đạt một chiến thắng về vang rồi.

Từ đó ta mới có giả thuyết thứ hai, có khả năng đúng hơn và yên tâm hơn: giai đoạn thứ nhất là thành lập tại Sài Gòn một toán gồm một số đại diện của lực lượng thứ ba. Sau đó sẽ thành lập Hội Đồng Hòa Giải Dân Tộc mà Hà Nội và Chánh Phủ Lâm Thời Miền Nam (MTGPMN) đã kêu gọi thành lập mãi từ hai năm nay mà vẫn không được. Những người thuộc lực lượng thứ ba cũng có thể tin cậy được. Có nhiều người khao khát trước hết là đem lại hòa bình. Một số khác thì thấy MTGPMN là một phong trào tranh đấu của người quốc gia hơn là cộng sản. Một nhóm thứ ba khác thì chán nản vì sự tham nhũng của chế độ, nên bị CPLTCHMN lôi cuốn. Tất cả đều tin tưởng là có khả năng giải quyết bình đẳng với cộng sản, nếu không thể thao túng họ được. Tất cả những người này đều là những thằng điên và vô ý thức. Họ phải đầu hàng cộng

sản hay là đi tù mà thôi. Còn đối với Cha Thanh thì ông sẽ có dịp may nếu ông còn có quyền giữ được trăng hạt của ông ta để tụng trong khám tối...”

Chương 8

ĐỪNG BAO GIỜ TIN TƯỞNG HOA KỲ NHƯ MỘT ĐỒNG MINH

Ngày Thứ Năm, 10 tháng Tư, chung quanh vòng đai của Thủ đô, nhiều xe ủi đất và máy xúc đất đang không ngừng đào lấy từ tấn này đến tấn khác đất và đá sỏi để hàng ngàn nhân công mặc quần cụt và sơ mi ngắn tay đen, dùng xe đẩy nhỏ, đưa đến dùng vá cho vào các thùng phuy sắt được kết nối lại từng bốn thùng một với nhau bằng dây sắt và được đặt trên các lề đường để dùng làm bờ tường chống chiến xa.

Tất cả những xe dò từ các tỉnh đến Sai Gòn đều được quân cảnh lục soát và kiểm tra kỹ. Các ngã tư đường quan trọng đều có các cuộn kẽm gai bao quanh. Hai bên các đầu cầu đều có binh sĩ canh gác với các loại vũ khí nặng đặt trong các lô cốt bằng xi măng hay trong các hầm trú ẩn có bao cát ở trên.

Những công cuộc chuẩn bị chiến tranh không hề làm bận tâm người dân ở thủ đô. Ở khu vực ngân hàng, sau nhiều chuyện xô đẩy chen lấn ồn ào, sự yên tĩnh đã trở lại bình thường. Đồng mỹ kim tuần rồi đã vọt lên đến 1.600 đồng thì nay đã xuống trở lại

đến 1.000 đồng. Thành phố Chợ Lớn, trung tâm thương mại và tài chính của Việt Nam tiếp tục sinh hoạt bình thường. Không khí buôn bán không có gì thay đổi. Người ta vẫn còn tìm nhìn lên các bảng hiệu tiệm với hàng chữ màu đen hay màu vàng luôn được treo trước cửa hàng. Ở đây buôn bán vẫn là ưu tiên hàng đầu. Trước hết là các cửa hàng bách hóa, thôi thì hàng được bày la liệt đủ mọi thứ: nào là nón phớt Ý đại lợi, nào là dầu thơm của Pháp, nào là máy ảnh của Nhật... tất cả treo dài dài trên tường, có cả ly cốc và nồi niêu... Hàng tá đèn lồng được bày bốn năm hàng dài trên các kệ, đèn chùm đủ kiểu được treo lòng thòng từ trên trần nhà. Đèn điện sáng choang vì người Tàu không ưa bóng tối. Kể đến là các hàng tạp hóa, với nhiều loại rượu: loại khai vị của Pháp, rượu vang Úc Châu, sâm banh thượng hảo hạng nhưng thường thì chỉ có nhãn hiệu là thật. Tất cả các loại bánh bích quy của Anh... nhưng làm ở Hong Kong là phần chắc. Các tiệm buôn thường chia ra làm hai hay ba ngăn, mỗi ngăn mỗi chủ khác nhau. Người ta thuê, rồi lại cho thuê lại: khúc trước thì bán cà phê, mà khúc sau thì là một tiệm hút tót. Các tiệm bán trà thì có hàng trăm bình trà bằng đất nung, nhưng phía sau đó lại có các hũ rượu nếp. Trong các tiệm ăn thì mấy anh bồi bàn mặc áo thung lá lăng xăng chung quanh các thương gia béo phì và vui vẻ, lâu lâu lại vén áo thung ba lá lên rất tự nhiên gọi là để cho mát cái bụng phê. Đứng trước các lò nấu có năm sáu anh đầu bếp, lưng trần, đang lo nấu cơm hay đang làm món ra gu đậu. Trước hiệu ăn nào cũng có treo đầy “lạp xường”, và các miếng thịt “xá xieu” dài, những con vịt khô đẹp, và các chùm ớt đỏ chói...

Chung quanh các tiệm bán tạp hóa, bán chap phô hay các kho hàng lúc nào cũng có đủ mặt các tay tiểu công nghệ: nào là thợ vá

giày, thợ sửa khóa, thợ ráp khuôn hình... các cô bán bông thì chào hàng trước các tiệm trồng răng, các tiệm kính nơi có trưng bày đủ loại gọng, loại kính đủ màu đủ kiểu.

Ngoài kia là con kênh, đầy ghe thuyền, sà lan, ghe chài lớn... và tiếng vịt kêu, đang đến từ các nhà máy xay lúa ở Bình Tây, cao to vọi vọi bên cạnh các căn lều lụp xụp của các công nhân và phu khuôn vác. Không khí thì đầy những hạt bụi lấm tấm màu đen: người ta thường dùng trấu để đốt lò xay lúa nên có cả một đám mưa bụi tro. Các bao lúa được chất lên chung quanh nhà máy xay gạo cao như núi, để chờ chuyển thành triệu này đến triệu khác.

Những hình ảnh phong phú này đặc biệt trái ngược với các mẫu tin từ chiến trường gởi về.

Chợ Thành vừa mới được di tản, đây là một thị trấn nhỏ nằm ngay ngã tư giao lộ cách Sài Gòn khoảng 80 cây số ngàn về hướng Đông Bắc. Thị trấn bé nhỏ này với vài xã nghèo nàn nằm chung quanh một ngôi nhà thờ vách ván, là nơi đã từng xảy ra nhiều trận giao tranh đẫm máu. Các khu rừng tre quanh đây đã bị bom của pháo đài bay B. 52 cây nát và đốt cháy. Việt Cộng đã đào đường hầm hẹp và ngoằn ngoèo dài hàng cây số trong vùng bình nguyên quanh thị trấn. Nhưng Biệt động quân đã đuổi họ đi hết và đã chiếm lại khu sản bản này.

Từ Chợ Lớn về, tôi gặp bạn Lupi của tôi, một người dân đảo Corse ốm yếu và có tánh hay bồn chồn, tóc đã bạc phơ nhưng cặp mắt còn đen nhánh tinh anh. Sau 30 năm phục vụ liên tục ở Đông Dương, anh ta gần như đã sạt nghiệp. Đồn điền của anh ta (gần đèo Blao trên đường đi Đà Lạt) đã bị cháy hết. Ngày hôm kia anh đã ở Xuân Lộc.

Với một giọng không thay đổi của người dân đảo Corse, anh ta

tiết lộ cho tôi biết:

- “Anh biết không, trong rừng thuộc tiểu khu này, bộ đội chánh quy cộng sản đông như kiến vậy. Thành phố Xuân Lộc đã biến thành một căn cứ quân sự khổng lồ, với những pháo đài và những ổ mối. Sư đoàn của Chánh Phủ với nhiệm vụ phòng thủ thành phố đã sống dưới hầm và trong các lô cốt bằng bê tông, trong các đường hầm hay núp kín sau các ụ đất. Mỗi một nhà kho, mỗi một sân nhà đều biến thành một hầm trú ẩn dùng để chống chiến xa, hay cho một ổ đại bác liên thanh... Mỗi đêm Xuân Lộc đều ăn hỏa tiễn của cộng sản Bắc Việt.

- Thế dân chúng làm gì?

- Con số thường dân tăng lên gấp đôi. Hàng chục ngàn dân tỵ nạn từ khắp nơi kéo đến, và ở cùng khắp thành phố, trong các sân trường, trong các hầm hố, che lều ở hay mắc võng vào thân cây nằm. Và không một ai muốn rút lui hết. Sớm muộn gì cộng sản Bắc Việt cũng sẽ tấn công đến nơi rồi. Các sĩ quan của Miền Nam Việt Nam mà tôi đã gặp đều khẳng định là họ không lùi nữa.

*

* *

Trước tòa đại sứ Hoa Kỳ, có mấy trăm người Việt Nam đang xếp hàng trên lề đường chờ xin phép nhập cảnh để được đi Mỹ.

Đại sứ Graham Martin không tiếp báo chí và đã không bao giờ rời khỏi sứ quán của ông, vừa là một dinh thự vừa là một pháo đài sơn màu trắng ngà, có một bức tường bê tông bao quanh có gắn máy chụp ảnh tự động. Hai anh binh sĩ Thủy quân lục chiến với lễ phục lớn (kết trắng, găng trắng, quần chạy nếp đỏ) đứng gác lúc nào cũng trong tư thế Nghiêm trước hai cánh cửa bọc sắt có ổ khóa chỉ được mở bằng mật mã bằng máy vi tính từ xa. Nóc bằng của sứ

quán đã được cải biến thành bãi đáp cho trực thăng.

Với 62 tuổi, người cao lớn và rắn rỏi, trán đã có nhiều vết nhăn sâu, mặt cũng đã có nếp nhăn và quầng thâm, ông vẫn luôn luôn mặc quần áo màu xám, cả giày cũng vậy, giờ đây ông đã có một dáng đi hơi nặng nề và mệt mỏi của một võ sĩ quyền Anh đánh quá một trận, mà từ khước không chịu cho đôi tay ngơi nghỉ! Phải nói rằng nhà ngoại giao Hoa Kỳ này có một lối xử sự không được bình thường. Trái hẳn các đồng nghiệp của mình luôn có thái độ “lạnh nhạt”, dù tình hình quá nghiêm trọng họ vẫn đánh giá bằng một thái độ dửng dưng khác thường, ông Martin là một người biết trọng danh dự, biết thế nào là giá trị của một lời hứa đã được đưa ra, là một người biết đau khổ và biết xúc động. Ông đã mất một người con trai trong chiến cuộc ở Việt Nam và không chấp nhận là đứa con của mình đã hy sinh một cách vô ích. Ông ta đã tỏ thái độ giận dữ với các nhà báo và các nghị sĩ theo chủ nghĩa “hòa bình”, những người quên hay chối bỏ sự hy sinh của 58.000 binh sĩ Hoa Kỳ ở Việt Nam. Thay thế đại sứ Ellsworth Bunker (người được coi như là cha đỡ đầu của Tổng Thống Thiệu) sau khi Hiệp Định Paris vừa được ký kết, ông Graham Martin, một nhân vật thẳng tính và không mưu mẹo quanh co, ngay từ lúc đầu đã cố gắng giúp đỡ và che chở cho vị Tổng Thống Miền Nam Việt Nam. Ông đã tranh đấu với Quốc Hội năm vừa qua để đòi hỏi Hoa Kỳ phải tiếp tục viện trợ quân sự và kinh tế như đã hứa cho Miền Nam Việt Nam, nhưng ông đã thất bại. Từ sau ngày Cao Nguyên bị thất thủ, ông đã công khai biện hộ và vận động riêng để sự cứu trợ cấp thời phải được gọi sang Việt Nam; và bằng mọi phương tiện mà ông có sẵn, ông đã nâng đỡ tinh thần của người dân Miền Nam. Ông đã đi xa hơn nữa bằng hành động phối hợp cuộc hành quân “bốc trẻ mồ côi”, một việc làm

chạm tinh thần quốc gia dân tộc và lòng kiêu hãnh của người dân Việt Nam. Trong một bức thư riêng gửi cho Thủ Tướng Chính Phủ Việt Nam, ông đã giải thích rằng những phản ứng xúc động do hoàn cảnh vô cùng khốn đốn của các trẻ mồ côi có thể sẽ làm nghiêng cán cân dư luận của dân chúng Hoa Kỳ có lợi cho Miền Nam Việt Nam. Nhưng nội dung lá thư riêng của ông lại được tung ra cho báo chí gây ra một làn sóng phản đối dữ dội.

Tuy vậy ông Martin không ngã lòng. Và như ông đã khiếp sợ sự “trốn chạy”, nên ông cẩn thận hơn một chút đối với các anh nhà báo và các nghị sĩ quá tò mò, buộc các cộng sự viên của ông phải đề cao cảnh giác và nêu gương phẩm cách của mình, và khuyên họ không nên buông thả theo “tính chủ bại”, và ông cũng cố gắng thuyết phục họ là “cuối cùng rồi có lẽ Hoa Kỳ cũng sẽ tỉnh dậy thôi”.

Trong lúc cuộc tháo chạy đã gần như hoàn toàn, trong khi hàng trăm ngàn dân tỵ nạn làm nghẽn hết đường sá, và hết thành phố này đến thành phố khác cứ tiếp tục thất thủ, ông vẫn phò bầy một sự lạc quan không lay chuyển, mỗi ngày cẩn thận tính sổ các xã ấp mà Sài Gòn còn đang kiểm soát được và gọi về Hoa Thạnh Đốn nhiều điện văn “tối khẩn” đòi hỏi những chương trình phát triển kinh tế dài hạn cho phần đất còn lại của Miền Nam Việt Nam.

Cho đến khi Hoa Thạnh Đốn đòi hỏi ông Martin phải sẵn sàng để di tản 5.000 người Mỹ hiện còn đang ở Miền Nam Việt Nam thì ông đã trả lời bằng một công hàm hết sức gay gắt, khuyên Bộ Ngoại Giao hãy khóa “vòi nước hoảng loạn” lại. Ông Martin không dấu giếm với những người bên cạnh ông rằng ông coi chuyện “di tản” này như một cuộc “tháo chạy nhục nhã”, một “hành động hèn nhát”, một hành động “phản bội có cân nhắc” đối với một người bạn đồng minh đang có nguy cơ đứng trước cái chết....

Khi tôi đi trở xuống đường Catinat (Tự Do), tôi không thể không nghĩ tới sự thay đổi lạ lùng về đường lối chánh trị của Hoa Kỳ và sự ròi rạc của khối dân cư của họ.

Đã có một lần, một vị Tổng Thống Hoa Kỳ mang tên là Richard Nixon. Có nhiều người đồng hương của ông đã không thích ông và tố cáo cách điều hành Chánh Phủ của ông (điều này có nhiều trung tâm có uy tín đã ghi nhận đúng như thế). Họ cũng công nhận có một vài việc ông “biết làm” trong vấn đề chánh trị đối ngoại, nhưng họ nghĩ rằng trong lãnh vực này Henry Kissinger (người ta nói là chất xám của Nixon) mới chính thật là người thợ khéo đã gây dựng nên những thành công cho ông Chủ Nhà Trắng.

Sau một màn tranh đấu đầy khả nghi, được đánh dấu bằng những cú đâm quá hạ tiện, cuối cùng ông Nixon phải từ chức. Tám tháng đã trôi qua từ đó. Và hình như bị một nền công lý nội tại trả thù cho danh dự của một người đã từng bị dân chúng chà đạp một cách bạc bẽo, quốc gia Hoa Kỳ lúc bị ngắt ngư vì suy thoái kinh tế, một sự suy thoái mà không một nước Tây Phương nào tránh khỏi, mới bắt đầu biết được hương vị chua chát của một sự tỉnh mộng!

Bây giờ chúng ta chứng kiến được gì đây? Một sự hoảng loạn của một Tổng trưởng Ngoại Giao mà từ Quốc Hội đến báo chí người ta không ngần ngại bắt ông phải từ chức.

Con người siêu nhân hoạt bát đeo kính to, từng là một tiến sĩ có phép mầu khi xưa, nay gần giống như một nhà ảo thuật mệt mỏi đang làm cho khán giả chán ngấy, vì không diễn được trò nào cho ra hồn. Trên sân khấu buồn tẻ của một ông Gerald Ford đầy thiện ý nhưng không một ai muốn nghe lời cảnh cáo của mình, vì thiếu quyền lực và không có uy tín, ông đã tỏ ra hoàn toàn không có khả năng để áp đặt quan điểm của mình cho các đồng viện trong Lập Pháp.

Mặt khác, người ta sẽ nghĩ gì về Quốc Hội Hoa Kỳ nơi đó những phần tử (tự do) đã cất cao giọng từ sau các cuộc bầu cử hội tháng 11 (hậu quả khác của vụ tai tiếng Watergate) khi Quốc Hội đó đã tự cho phép mình đi nghỉ hè mà không cần nói một chữ nào về sự viện trợ bổ túc mà Hành Pháp đã xin cho hai quốc gia đồng minh đang trong cơn hấp hối là Miền Nam Việt Nam và Campuchia?

Còn ở điện Capitol, người ta lại tỏ ra hết sức hấp tấp để tìm chuyện gây gổ xấu xa giữa cơ quan tình báo trung ương CIA và cơ quan điều tra liên bang FBI về những tài liệu có khi cũ xưa từ 15 năm trước, còn hơn là bận tâm đến những nỗi khổ đau bất hạnh của các nước ở Đông Dương đang kêu cứu một cách vô vọng!

Và lại tại sao họ phải lo lắng? Miền Nam Việt Nam có mất đi chẳng nữa thì cũng chẳng có gì đe dọa tới nền an ninh của Hoa Kỳ. Sài Gòn và Hoa Thành Đồn cách nhau đến 17.000 cây số!

Chỉ có người Miền Nam Việt Nam và chỉ có họ thôi, mới có thể khôi phục được tình hình. Bởi vì không còn có vấn đề tái can thiệp của lực lượng quân sự Hoa Kỳ vào Việt Nam nữa. Nhưng có một điều quan trọng mà Quốc Hội Hoa Kỳ từ chối không chấp nhận, đó là nhiên liệu và đạn dược cần thiết phải được cung cấp cho quân đội Miền Nam trước khi đã quá trễ.

Như vậy, nếu chiến trận tiến tới và bắt đầu có giao tranh trước khi hàng tiếp liệu được bảo đảm đến nơi, thì không những quân đội Sài Gòn sẽ thất trận, nhưng họ đã thất trận vì Hoa Kỳ đã phản bội họ. Và bài học duy nhất được rút ra từ chiến tranh Việt Nam sẽ là: “Đừng bao giờ tin tưởng vào Hoa Kỳ như là một đồng minh của mình!”

Chương 9

CHIẾN TRẬN ĐẮM MÁU Ở XUÂN LỘC

Ngày Thứ Sáu, 11 tháng Tư, lần này thì sắt thép đụng nhau rồi! Đụng rất nặng ở Xuân Lộc.

Câu chuyện bắt đầu từ đêm thứ tư đến ngày thứ năm 10/4 bằng một cuộc pháo kích dọn đường rất dữ dội: 2.000 quả đạn pháo và hỏa tiễn đã được rót xuống thành phố. Vào lúc hùng sáng, 2.000 đặc công cộng sản có chiến xa T.54 yểm trợ đã mở cuộc xung phong vào Xuân Lộc. Đến 8 giờ, coi như họ đã chiếm được ba phần tư thị trấn, trong khi có 2 trung đoàn đang đánh bọc vào 2 bên sườn.

Suốt cả ngày hôm qua, chiến trận đã hoành hành khốc liệt. Nhưng chúng tôi chỉ được biết vào hồi 7 giờ sáng sau giờ chấm dứt thiết quân luật. Vừa biết được hai bên đã đụng nhau ác liệt, tôi đi ngay lên Biên Hòa, đến Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, Quân Đoàn lo cả phòng thủ cho Sài Gòn. Tại đây tôi đã gặp Trung tướng Toàn, một người lớn con vạm vỡ từng theo học ở trường Thiết Giáp Kỳ Binh Saumur ở Pháp. Ông có tính nóng nảy nhưng là một người thích ra trận, nhất là tấn công. Vào năm 1972, chính ông đã bẻ gãy tất cả các trận tấn công của cộng sản Bắc Việt vào Cao Nguyên.

Ông vừa mới từ mặt trận trở về bằng trực thăng. Các sĩ quan tham mưu vây quanh ông để nhận lệnh. Ông nói với họ vài ba câu xong ra hiệu cho tôi và nói:

- *“Rất vui mừng được gặp lại anh ở đây, anh Pierre. Nhưng chắc tôi không có thì giờ để lo cho anh đâu. Nếu anh muốn đi xem thì anh hãy lên Ngã ba Biên Hòa rồi từ đó nhảy lên một chiếc cam nhông nào đó để lên thẳng Trảng Bom. Nhưng hãy cẩn thận nghe. Nặng lắm rồi đó.”*

Tôi biết rất rõ vùng Xuân Lộc. Từ năm 1947 đến 1948 tôi đã đi hành quân trong tiểu khu này ròng rã cả năm với toán đặc công của tôi. Vào thời kỳ đó, Xuân Lộc chỉ là một thị trấn nhỏ với khoảng vài dãy phố chừng 50 căn nhà gạch liền vách nhau hai bên chợ có nóc, và trên trăm nhà lá. Ga xe lửa là trạm dừng chân của đoàn “tàu thiết giáp”, một đơn vị “an ninh thiết lộ” của lê dương xâm mình, được trang bị loại đại bác Bofors và liên thanh nổi, nối liền Sài Gòn với miền Nam Trung Phần. Dinh ông quận trưởng hành chánh người Pháp được tô điểm bằng một dàn hoa leo, nằm đối diện với trại “lính kỷ luật”, một đơn vị tập trung các binh sĩ nhiều lần bị kỷ luật, mà chỉ có một cơ may trở về đội ngũ của mình bằng một huy chương tưởng thưởng trong tác chiến. Xa xa về phía trước là một bộ phận của Hiến Binh lưu động, và đơn vị thân binh người Thượng, tất cả đều trú đóng trong một thành có tường đá bao quanh. Lúc bấy giờ tiểu khu này cũng không yên lắm đâu. Đã có nhiều trận phục kích, tấn công đoàn tàu hỏa hay đoàn xe trên quốc lộ vì hai bên đường đều có rừng hay đồn điền cao su của hãng SIPH (đã trồng 20.000 mẫu và đang khai thác 12.000 mẫu), và cao nguyên Bình Lộc với cỏ voi lá bén như dao cạo, với tre to và rừng cây già.

Từ đó thị trấn này đã lớn dần ra. Hàng ngàn dân tỵ nạn rách như bươm, người Thiên Chúa giáo từ Miền Bắc đến định cư ở đây vào năm 1954. Chủ đồn điền ở đây đã cho các cha xứ 120 mẫu đất không lấy tiền để cất một ngôi thánh đường, một ngôi trường đạo và một nhà ở cho Linh mục do Sài Gòn bổ nhiệm. Quận cũ được cải biến thành quận lỵ của tỉnh, với một bệnh viện tối tân, và một dinh thự cho vị tỉnh trưởng, một nhà bưu điện, một trung tâm học vụ và một sân vận động. Dân tỵ nạn từ Miền Bắc vào đã xây nhiều ngôi nhà xinh xắn bằng gạch, nhiều căn nhà có dàn cho hoa leo, họ cũng đã mở ra hàng trăm tiệm buôn bán và xưởng mỹ nghệ. Một sư đoàn lính Mỹ đã đóng quân ở đây ba năm, đã xây cất một phi trường và nhiều doanh trại với đầy đủ tiện nghi. Xã đã biến thành thị trấn, và một thành phố trù phú đang sinh hoạt với 60.000 dân, nơi đây hằng ngày đều có hàng loạt xe ben chở cây lóng và các xe rau cải đi về Sài Gòn.

Bây giờ thì chiến tranh làm vỡ tan hết tất cả dưới một cơn bão thép. Tôi đã đến đây không biết bao nhiêu lần rồi. Tôi đã thuộc hết hình ảnh của Xuân Lộc này, và những tiếng ồn ào ở đây, tiếng gầm của các khẩu pháo binh đang tác xạ làm rung chuyển mặt đất, tiếng rít khô khan và sắc bén của những viên đạn bắn đi với những chùm lửa, chùm sắt thép làm nát hết thân người và ném các mảnh xương thịt đó đầy vung vãi... trên mặt đất.

Bây giờ là 9 giờ sáng rồi, trời cũng đã quá nóng, mặc dù có đồn điền cao su thường giữ được độ mát nhờ có bóng râm. Trước khi vào Trảng Bom, cảnh sát dã chiến có dựng lên một hàng rào chữ chi để kiểm soát mọi sự lưu thông, tiếng súng bắn chỉ thiên thay cho tiếng tu hú., tôi xuống xe, kiểm soát xong tôi tiếp tục tản bộ đi về phía trước khoảng 100 thước.

Thị trấn rất yên tĩnh và cần cù siêng năng này được thu hẹp chung quanh những cơ sở lớn sơn màu vàng được lợp ngói đỏ, thuộc công ty đồn điền SIPH, (nhà máy, văn phòng, trung tâm truyền thanh, nhà của giám đốc, v.v.). Các anh thợ rèn và thợ mộc, cời trần trùng trục đang tiếp tục làm việc trong mấy căn chái dựa hai bên đường. Tôi cố gắng tìm một đồn cũ của người Pháp hồi trước, nằm về bên phải của ngôi chợ. Vào năm 1948, đồn này được một đại đội binh sĩ dưới quyền của trung úy Suako, một lực sĩ người đảo Antilles, với bộ mặt cứng rắn đến hung dữ, một tay thiện chiến, đã từng làm chủ mảnh đất này trong vòng 30 cây số chung quanh, thiện chiến đến độ Việt Cộng phải sợ và đặt cho anh ta cái tên là “beo đen”. Dĩ nhiên cái đồn này không còn nữa. Trung úy Suako đã chết và trong 25 năm nay, cuộc chiến đã thay đổi hẳn bộ mặt của nó, nhưng nó vẫn còn ở đây. Dữ dội hơn và gây chết chóc nhiều hơn! Một pháo đội 105 ly đặt sau hàng cây đã bắn đi một tràng. Một chiếc xe Jeep vừa hụ còi vừa đi qua. Một sĩ quan đứng bên cạnh tài xế khoát tay. Đoàn xe tiếp tục lăn bánh, tôi lại lên xe và tiếp tục đi.

Quốc lộ đi qua nhiều làng mạc, có rào đóng kín và bên trong có nhà thờ. Hầu hết dân làng đều là dân “di cư”, tỵ nạn từ Miền Bắc. Các cụ già thân nhiên im lặng ngời nhìn binh sĩ đi ngang qua trước nhà. Các trẻ em thì cứ nô đùa, các bà thì đang đập lúa. Cả một dãy nhà gỗ là của người “Nùng”, những người rậm nắng di cư vào đây từ miền Thượng Du Bắc Việt, giáp giới với Trung Quốc. Họ là những người nhai thuốc lá và cũng thích “xoi” thịt cày, có truyền thống làm giặc hay cướp biển, không sợ Trời, không sợ quỷ thần, không sợ Việt Cộng, và cũng không sợ sen đầm nổi!

Tuyến phòng ngự thứ nhất nằm ở phía trước Trảng Bom chừng

10 cây số. Từ đó trở đi, thành linh không khí thay đổi hẳn. Hai bên đường vốn được khai quang sạch sẽ khoảng 100 thước bề sâu cốt để tránh bị phục kích, có nhiều chiến xa hạng nặng và thiết vận xa đang tuần tiểu dọc theo các bờ chuối trong bia rừng. Chung quanh một công sự đồ nát, trên một chục khẩu pháo binh 105 ly đang tác xạ, làm tung bụi lên mù mịt. Giữa một khoảng trống có đánh dấu bằng khói màu, các trục thẳng khổng lồ “chinook” đang thả xuống nhiều toán binh sĩ mặc quân phục Biệt động quân, đội mũ nâu, mang đầy mình đạn dược và lựu đạn. Một đoàn chiến xa M41 với cờ đuôi nheo cột trên ăng ten, đang di chuyển về hướng mặt trận.

Rồi lại đến lượt các binh sĩ thuộc binh chủng Nhảy Dù với quân phục xanh lá cây, mũ đỏ, súng tự động M.16 cầm tay. Chúng tôi gặp hai xe cam nhông chở thương binh, chỉ được băng bó sơ khởi, như những bóng ma, máu me bết bết, nằm la liệt chồng chất lẫn lộn lên nhau.

Chúng tôi đi được thêm 5 cây số nữa thì phải ngừng lại. Tiếng súng nghe như gần bên rồi. Những tiếng nổ ròn của đại liên nghe rất rõ cùng với tiếng tác xạ ầm ầm của pháo binh. Chiến xa dẫn đầu, sau đó là các xe Jeep và xe 4/4 chở Biệt động quân. Tôi nhảy xuống xe và quyết định đi tới trước với toán binh sĩ này. Biệt động quân là các đơn vị tiếp viện, hành quân từng tiểu đoàn 600 người gồm phần đông là binh sĩ lớn tuổi, già kinh nghiệm chiến trận và không biết hốt hoảng. Tôi lên một xe 4/4, ngồi cạnh đại úy Niệm. Trong khi di chuyển ông kể cho tôi nghe một vài câu chuyện. Đại đội của ông từ Chơn Thành về, ở đó ông và đại đội đã chiến đấu suốt 16 ngày liền và chỉ về nghỉ xả hơi được có 48 tiếng đồng hồ là phải ra trận nữa đây.

Lực lượng cộng sản được tung vào mặt trận Xuân Lộc rất là

quan trọng: 3 sư đoàn Bắc Việt được tăng cường 1 trung đoàn chiến xa T. 54 và được khoảng 30 khẩu pháo 130 ly và 152 ly viện trợ từ Liên Xô.

Đối diện với lực lượng tấn công của cộng sản, phía Chính Phủ chỉ có sư đoàn 18 bộ binh của tướng Lê minh Đảo, 1 lữ đoàn Dù, 5 Liên đội Biệt động quân và lữ đoàn 3 Thiết giáp của tướng Trần Quang Khôi.

- *“Chúng tôi được lệnh phải đến Xuân Lộc bằng mọi giá”, đại úy Niệm kết luận với tôi như thế. Và chắc không dễ dàng lắm đâu. Trước mặt chúng ta là sư đoàn 6 Bắc Việt. Chính sư đoàn này, cách đây 3 ngày, đã tấn công vào ngã ba Suzannah, các xã chung quanh đó, nhà máy và trung tâm đồn điền này. Hai tiểu đoàn Dù đã phản công đêm nay và đã chiếm lại ngã ba này. Cộng sản Bắc Việt đã có chiến xa yểm trợ và tổn thất nghe đâu cũng nặng lắm. Nhưng lực lượng Dù vẫn bám đất. Chúng tôi chắc phải xuống xe và phải đi bộ chừng 10 cây số, vòng qua ngã ba Suzannah mới tới Xuân Lộc được.”*

Đoàn xe chúng tôi đến gần Suzannah. Và chúng tôi lọt vô luôn giữa chiến trận. Những tràng đạn pháo binh, bách kích, hỏa tiễn chém nát mấy ngọn cây và mảnh đạn ghim xuống đường. Anh em Biệt động quân bỏ hết xe và tiến lên theo hướng thị trấn. Họ chia ra làm 3 toán, họ tiến lên từng đoạn ngắn, súng cầm tay. Bên trái và bên phải chúng tôi những hàng cây cao su đều đặn và thẳng tắp tạo nên những hành lang tranh tối tranh sáng. Suzannah là một đồn điền xưa nhất trong vùng, có khoảng 3.500 mẫu và 300.000 cây cao su. Đồn điền được chia ra thành từng lô 100 mẫu có đánh số... Dừng dưng với chiến sự và mặc cho sự ồn ào của đạn súng, lén lén và yên lặng các phu đồn điền vẫn tiếp tục công việc cạo mù

của họ, dao đục mang ở lưng và thùng đựng mũ xách tay, họ không buồn nhìn lên khi chúng tôi đi ngang qua họ.

Chúng tôi tiến lên trong một khung trời mờ ảo, đi dưới một vòm lá xanh um ropy bóng nửa tối nửa sáng có nơi biến màu đất đỏ dưới chân thành màu xám tro. Chúng tôi đi sâu thêm một đoạn nữa dưới những tầng cây. Không khí thấy đã ẩm ướt làm tôi khó chịu. Tôi tự hỏi không biết lúc nào bọn Việt Cộng nằm đâu đó trong vườn cao su rộng mênh mông này sẽ khai hỏa đây? Nhưng vẫn chưa có gì xảy ra. Và chúng tôi tiếp tục tiến tới, hơn nửa giờ nữa. Và thỉnh thoảng đại bác nghe như gần bên tai, đại liên thì nhau nhả đạn. Biệt động quân bắt đầu chạy tới, trăm thước, rồi hai trăm thước, một con đường mòn, một khoảng đất trống và đến con đường.

Chiến xa, xe vận tải... cả một đoàn binh sĩ đang ở tư thế tác chiến. Họ thuộc sư đoàn 18 bộ binh của Miền Nam Việt Nam. Anh em Biệt động quân giải thích cho họ biết là chúng tôi từ đâu tới. Đoàn quân đi lại con đường đó nhưng lần này họ đi ngược lại, vì con đường đã trống trơn. Họ đang tìm cách bọc sau lưng bọn cộng sản Bắc Việt để liên lạc với đơn vị Dù.

Thành phố Xuân Lộc đầy khói và đầy những tiếng nổ. Tháp chuông nhà thờ bị nhiều quả đạn bắn bay hết một góc, nhà ga đang cháy. Các cột điện sập ngã đầy đường, giây điện bị đứt. Gần bên hông trường Nhà Dòng, hai khẩu pháo 105 ly đang bắn về hướng quốc lộ đi Phan Thiết. Khỏi chợ chừng 200 thước, súng liên thanh nổ từng tràng ngắn, xen lẫn vào lại có những tiếng nổ chát chúa của lựu đạn cầm tay. Thật khó mà có một ý niệm về tình hình. Hai chiến xa M.48 có ống kính hồng ngoại tuyền bên hông pháo tháp đang tiến về phía chợ. Các binh sĩ Biệt động quân thì đang bố trí các ổ súng máy phía sau những đồng gạch vụn của gần chục ngôi

nhà đã sụp đổ bên phải của bưu điện. Họ cũng có một số súng phóng lựu M.79, một loại vũ khí tấn công nòng ngắn rất hữu hiệu trong thế cận chiến. Tôi ngồi phía sau một vách tường đã sụp đổ, và tôi sẽ ở đây suốt buổi trưa và tối nay.

Vào lúc 6 giờ chiều, một loạt hỏa tiễn rơi vào chợ. Năm, mười hay mười hai quả gì đó, nổ đieếc cả tai... và sau đó có tiếng la hét. Nhiều chị đàn bà và trẻ con rách rưới mình đầy máu vừa la vừa băng qua đường, chạy ừa về phía nhà dòng.

Ở về hướng Đông Bắc, chung quanh sân bay không còn nghi ngờ gì nữa, nghe có tiếng súng liên thanh nặng bắn liên hồi. Và đùng một cái pháo binh Bắc Việt nã ngay vào thành phố. Chúng tôi bị kẹp cứng trong vòng lửa đạn. Không thể đếm được là bao nhiêu quả. Cá nhân tôi chưa từng bị pháo kích nặng như vậy bao giờ. Các quả đạn pháo binh cày rất có hệ thống từng căn nhà một, căn này sập đến căn khác. Thành phố bị một cái bừa thép cày lên sỏi lại... liên tục trong vòng hai giờ đồng hồ. Không có một bóng người nhúc nhích. Đêm đã bắt đầu xuống, trời nóng bức. Tôi không có gì để ăn, không có gì để uống, lại không có mũ sắt nữa! Thật là không ổn tí nào!

Vào lúc 10 giờ, hai trái bom sáng nổ trên không trung và vô số ngôi sao sáng rơi xuống màn đêm như một cơn mưa ánh sáng... Tiếp theo đó là đạn pháo binh lại tiếp tục rơi xuống thành phố. Lần này là pháo 130 ly. Tôi nghe tiếng đạn đi trên đầu chúng tôi ầm ầm như tiếng tàu hỏa đang mở hết tốc độ, và ngay sau đó là những tiếng bùng nổ tiếng này tiếp tiếng kia liên tục.. Đất cát, rồi đá sỏi, rồi lửa rồi miếng đạn bắn đi tung tóe khắp nơi. Và nỗi lo sợ làm bụng quặn đau...

Đến khoảng nửa đêm thì ngưng pháo kích. Người tôi ướt đầm

mồ hôi. Có một sự yên lặng hoàn toàn trong vài giây... và thỉnh thoảng tiếng đế nổi lên gáy đều đều một cách kỳ lạ và bất lịch sự, vì chúng là những con đế mèn nhỏ bé đâu cần biết đến chiến tranh hay giặc giã là gì, cứ gáy cứ hát lên một cách bền bỉ và ngạo nghễ để mà sống... Con người tìm cách giết lẫn nhau, đế mèn có gì đâu mà phải lo sợ!

Vào khoảng 3 giờ sáng, bóng đêm lại bất thần sáng rực lên. Bách kích pháo, súng liên thanh, súng tự động thi nhau nổ. Từng đợt một, bộ đội Bắc Việt mở những cuộc xung phong. Tiếng hô “Tiến lên” nghe vang dội. Bấy giờ binh sĩ Biệt động quân mới sử dụng vũ khí của họ. Súng liên thanh thi nhau quét những làn sóng xung phong của địch, hàng ngàn tia lửa như điện chớp xé nát màn đêm... Các khẩu đại bác pháo binh bắn trực xạ, bẻ gãy các đợt xung kích, làm im tiếng xung phong của địch. Chung quanh ngôi chợ, các chiến xa T.54 đang dùng đại bác bắn sập từng ngôi nhà. Chiến xa M.48 của Miền Nam chạm súng với họ trong một cự ly thật ngắn. Cảnh tượng trông thật là khủng khiếp. Với thân hình nặng nề màu xám và các đại bác nòng dài cứ lóe sáng lên mỗi lần tác xạ, gọi lên một trận chiến quái dị giữa những con voi khổng lồ. Thật hoàn toàn là một trận đụng độ với nhau. Một trận mưa trái sáng soi tất cả chu vi phòng ngự bằng một ánh sáng mờ nhạt. Hai phi cơ vũ trang C.119, được trang bị liên thanh điện từ (6.000 viên phút) nhảy vào vòng chiến, tác xạ nhanh đến độ tai mình không còn phân biệt được từng tiếng đạn đi, người ta cứ tưởng đó là tiếng của một miếng tôn thiếc bị xé toạc ra...

Vào tảng sáng, các phóng pháo cơ A 37 lại đến dội bom và bắn hỏa tiễn vào phía sau ngôi chợ và cả về hướng phi trường. Binh sĩ Biệt động quân ra khỏi hầm trú ẩn của họ, vừa tiến lên từng đoạn

ngắn vừa ném lựu đạn. Tôi thấy có ba người ngã xuống, và người thứ tư thì bị một loạt đạn vào đầu.

Đến 10 giờ sáng, tôi vẫn ở đằng sau bức tường của tôi. Tôi thấy hàng trăm binh sĩ Miền Nam đầu đội mũ sắt đang tiến tới. Một trung úy lúc đi ngang qua bức tường của tôi đã cho lệnh: “Có hơn trăm tên bộ đội chết bầm đang trốn trong bệnh viện, mình phải đuổi bọn chúng ra ngoài.”

Vẫn còn đạn pháo và vẫn có một số binh sĩ bị tung lên trời. Một chiến xa T.54 bị một phát đạn 105 bắn trực xạ giữa xích, đang cháy khói lên nghi ngút.

Có nhiều chiến xa M.48 đang yểm trợ cho bộ binh trước bệnh viện. Thời gian trôi qua... có nhiều tiếng hò reo và nổ ì ầm nhưng cũng có đôi lúc có sự yên lặng tuy ngắn ngủi. Và viện binh đã đến, Binh sĩ Miền Nam bắt đầu lục soát những căn nhà đổ nát bằng lựu đạn...

Đến 3 giờ chiều, lúc đã im hết tiếng súng trong thành phố thì tôi rời chỗ nấp của tôi. Thành phố coi như vẫn còn trong vòng kiểm soát của Miền Nam Việt Nam. Người ta bắt đầu kiểm điểm xác chết của quân Bắc Việt. Họ mặc quân phục xanh ô liu và đi giày “tơ nít” hiệu Bata bằng cao su. Tôi đếm được rác chùng 30 bị chôn nửa thân mình dưới những đồng gạch vụn. Một toán nhỏ Biệt động quân đang đẩy trước mặt họ ba tù binh, đội nón cối bằng móp được bọc vải màu xanh, trên nón có gắn một ngôi sao bằng đồng. Nom họ còn rất trẻ, cao lắm là 16 hay 17 tuổi. Một trong ba người đó bị thương ở vai. Xa hơn một chút, có một T.54 bị hạ, nằm phơi xác dưới một góc mái hiên đổ sụp. Cách đó vài thước, trước một hiệu thuốc tây vô kính, có một chiến xa của Miền Nam pháo tháp mở rộng, đầu chiến xa bị một viên đạn bọc phá

B.40, đứt hết xích, giống như một con quái vật nằm bất động. Tất cả những tiệm buôn chung quanh chợ đều bị đạn pháo binh quạt sập đổ xuống hết. Kim Long, một quán ăn lâu đời nhất của thành phố (nơi mà cách đây 30 năm binh sĩ của trung đoàn 22 bộ binh của người Pháp (22ème R.I.C.) thường đến đây để ăn hủ tiếu) đã sập chỉ còn là một đồng gạch vụn bị cháy đen.

Bệnh viện chỉ còn là một cái vỏ nám đen vì khói. Rải rác trong sân là giường chiếu, dụng cụ y khoa, bô, hộp lẫn lộn khắp nơi với một số tử thi của bộ đội Bắc Việt mất tay mất chân mảnh vụn vung vãi ra cùng khắp.

Cạnh bên chợ về phía rừng, một xe ủi đất đang đào một đường dài độ một thước. Và anh em Biệt động quân đang xếp tất cả những tử thi và những gì còn rơi vãi trên chiến trường vừa qua. Một tuyên úy đi dài theo đó lẩm nhẩm đọc kinh cầu nguyện lần cuối cùng cho họ, sau đó xe ủi đất đẩy họ xuống hố và lấp đất lại. Tôi quay trở lại. Gần nhà thờ, dưới hai cây to mà cành lá đã gãy nát, có khoảng 30 binh sĩ bị thương nặng được cho nằm trên băng ca. Những chai huyết thanh được treo trên bảng súng cầm thẳng đứng xuống đất bằng lưỡi lê, và từ đó các ống cao su truyền máu thẳng đến kim tiêm vào cho thương binh. Các y tá đang săn sóc cho họ và vừa đuổi ruồi cho họ vừa trò chuyện nho nhỏ với họ.

Tôi gặp tướng Đào trước cửa Nhà Dòng. Người ông nom ốm gầy, có vẻ mệt nhọc.

- *“Chúng tôi đã đẩy lui được họ, ông nói. Đây là một thành quả tốt nhằm nâng cao tinh thần cho anh em binh sĩ và cho cá hậu phương. Họ bỏ lại 400 xác trên trận địa và chúng tôi đã hạ được 9 chiến xa T54, bắt được 20 tù binh trong đó có một sĩ quan. Nặng nhất là chiến trận ở gần phi trường, và phía sau*

nhà ga. Bây giờ thì trận tuyến đã phát triển ở hướng Bắc và hướng Tây, trên cao nguyên Bình Lộc và chung quanh Gia Kiêm. Anh em phi công báo cho biết là lực lượng cộng sản Bắc Việt đang tập trung mạnh lắm ở Giá Rai. Anh em Dù đã giải tỏa được ngà ba Suzannah rồi. Tất cả người Pháp ở đồn điền S.I.P.H. đều an toàn. Các đồn điền cũng không bị thiệt hại gì sau các cuộc đụng độ ở đó.”

Gia Kiêm với 40.000 dân, là một thị trấn rất phồn thịnh được mọc lên hai bên đường đi Đà Lạt, cách Xuân Lộc khoảng 15 cây số. Ở đây nhà cửa tiệm tùng sung túc nằm san sát bên nhau, có rào dậu, có lũy tre. Dân chúng toàn là người công giáo di cư từ Miền Bắc, một lòng với nhau. Không một người lạ mặt nào lên vào được ở đây. Nếu cộng sản Bắc Việt tấn công vào đây thì nhất định sẽ bị thiệt hại lớn.

Vùng Giá Rai, nơi các đơn vị Bắc Việt tập trung nhiều nhất, nhờ dựa lưng vào vùng rừng bụi của núi Chứa Chan, một ngọn núi đất cao khoảng 900 thước, trên đó có gần 3.000 giống thảo mộc nhiệt đới mà Viện Khoa Học Sài Gòn đã ra công gìn giữ. Ngọn núi này là một đài quan sát rất lý tưởng, và dựa vào khu rừng của ngọn núi này, cộng sản có thể sẽ tung ra một cuộc tấn công mới từ phía Đông vào Xuân Lộc.

Vào lúc 5 giờ chiều có một chiếc xe vận tải nhẹ đi liên lạc với Trảng Bom. Tôi nhảy lên xe đó. Ngã ba Suzannah được đơn vị Dù trấn giữ, nằm kín trong hố cá nhân, và một số chiến xa thuộc lữ đoàn 3 Thiết Giáp. Có nhiều xe đã đi phía trước chúng tôi. Đi được khoảng ba cây số, cách chúng tôi độ hơn 100 thước, một chiếc xe chở dân chúng bị trúng một quả đạn pháo. Tiếp theo tiếng nổ chói tai là bụi, lửa bắn lên tung tóe. Cả chiếc xe và những người hành

khách trên xe đều không còn gì cả! Chỉ còn trên đường một chấm đen lớn, và vung vãi thịt xương tóc tai của người chết và mấy mảnh kim khí của hộp sọ. Và như vậy là chỉ trong có một giây đồng hồ, mà trên 20 người dân vô tội đã bị xóa hẳn tên trong danh sách người Việt.

Ở Việt Nam chuyện đó xảy ra không biết bao nhiêu lần hàng ngày. Làm sao mà dân tộc này, một dân tộc đã bị quá nhiều đau khổ, chết chóc, đã từng bị xua đuổi khỏi thành phố của họ với đất đai làng mạc mồ mả bị tàn phá, mà người ta vẫn còn chém giết nhau mãi như vậy dai dẳng năm này qua năm khác một cách bền bỉ và dã man như vậy được?

Ai sẽ là người chấm dứt được chuyện này vĩnh viễn một ngày nào đó, chấm dứt được cơn ác mộng đẫm máu và đáng ghê tởm này cho người dân vô tội?

Chương 10

“CHÚNG TÔI KHÔNG HỀ NHÁT CHÚNG TÔI KHÔNG SỢ CHẾT”

Thứ Hai, ngày 14 tháng Tư, 1975. Vừa là Chủ tịch Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam, một tổng liên đoàn rất hùng mạnh vừa là Phó Chủ tịch Tổng Công Đoàn Công Giáo Quốc Tế, ông Trần Quốc Bửu là một người rất có quyền lực và rất được kính nể. Ở vào trạc tuổi 60, người tuy có hơi gầy nhưng rắn chắc với đôi mắt sáng ngời, ông luôn luôn ăn mặc rất giản dị với chiếc quần dài màu xám và một chiếc áo bốn túi nhẹ bỏ ngoài.

Vừa tranh đấu cho lý tưởng quốc gia vừa tranh đấu cho công đoàn, bị lưu đày ra Côn Sơn trong thập niên 40, ở đó ông từng ở chung phòng giam với Lê Duẩn, hiện là tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam, ông đã vượt ngục và chỉ huy toán “đặc công 25” nổi danh của ông trong thời gian trên năm năm kháng chiến chống Pháp.

Bị tướng một mắt Nguyễn Bình và đội an ninh chánh trị cộng sản hăm dọa tử hình, vì ông không chịu gia nhập đảng, ông về Sài Gòn năm 1951 và qua Pháp. Ở đó ông theo học khóa công đoàn từ 1952 đến 1954 ở đường Montholon, Ba Lê với Tổng Liên Đoàn

Lao Công Pháp (C.E.T.C.).

Về lại Sai Gòn, ông thành lập Tổng Công Đoàn Lao Công Việt Nam (C.T.V.), nơi tập trung 85% lao công Việt Nam.

Tổ chức của ông rất vững mạnh, uy tín và đức tánh bình dân của ông trong giới cần lao đã giúp ông có nhiều sự nâng đỡ từ các công đoàn Hoa Kỳ. Cả phía cộng sản cũng muốn chiêu dụ ông. Lê Duẩn người đã từng ở chung nhà lao với ông ở Côn Sơn, bây giờ là tổng bí thư đảng CSVN đã gởi cho ông một bức thư riêng để yêu cầu ông đừng đứng chung với “bọn tư bản”, phải giữ “thế trung lập” hoặc “về với chánh nghĩa cách mạng”. Ông Bửu đã trả lời thẳng thừng: “Kinh nghiệm mà tôi đã có được với phương pháp của ông, và với lòng tôn kính của tôi đối với quốc gia dân tộc của chúng ta không cho phép tôi tin rằng chủ nghĩa cộng sản là giải đáp duy nhất cho nguyện vọng của dân tộc chúng ta”. Do đó cộng sản đã nhiều lần mưu sát ông nhưng không thành.

Trụ sở của Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam nằm ở số 14 đại lộ Lê Văn Duyệt (đường Verdun cũ) trong một tòa nhà kiếng lớn, nóc nhọn thêm cao, kiến trúc theo kiểu Pháp, trước kia là trụ sở của Câu lạc Bộ Thể Thao Đông Dương.

Ông Trần Quốc Bửu tiếp tôi trong phòng làm việc của ông, một căn phòng rộng lớn sáng sủa, có một bàn lớn và một số ghế dựa. Trên tường có treo một bức tranh lụa với hình một con trâu màu xám tro, mõm to, chân đứng dưới ruộng lúa (biểu tượng của Tổng Liên Đoàn là con trâu trong một bánh xe có răng cưa). Trên một giá đầy sách có treo hình một sĩ quan Việt Nam còn trẻ, có cài một băng đen trên chéo góc. Ông Trần Quốc Bửu bắt gặp cái nhìn của tôi, liền giải thích :

- "Đó là hình của con trai tôi, từ trận bồi tháng 10 vừa qua.

Thằng nhỏ đẹp trai quá, phải không? Nó là một đứa rất gan dạ, thông minh và thẳng tắp. Môn nào nó cũng thành công, học hành, thể thao, và đường đời nữa. Nó có vợ rất đẹp và nhu mì, và một đứa con trai năm nay ba tuổi. Nó chỉ buy một đại đội và đóng đồn trong quận lỵ của một quận thuộc tỉnh Bà Rịa. Nó mới vừa được 27 tuổi thì...

Nói tới đây ông Bửu lắc đầu nhè nhẹ, ngưng một vài giây và tiếp tục với một giọng thật rõ ràng, chậm rãi và có mức độ.

“Tôi muốn nói cho anh nghe về thằng con trai này, anh Pierre ạ. Con trai tôi đã chọn quân đội, không phải vì nó ham chiến tranh, mà vì chúng ta đang ở trong thời chiến. Nó đánh dấm cũng khá lắm và đã được khá nhiều buy chương. Chúng tôi kháng khít với nhau lắm. Nó thường viết thư cho tôi. Vài tháng trước khi chết, nó đã tỏ ra rất bồn khoăn lo lắng, có lúc hoảng sợ nữa. Trong những ngày đầu của tháng 10, nó có gởi cho tôi một lá thư, để tôi đọc cho anh nghe.

Trần quốc Bửu lấy trong ví ra ba tờ giấy mà ông đã xếp thật cẩn thận và ông bắt đầu đọc:

- “Ba kính yêu,

Trong tiểu khu của con tình hình đã đi xuống. Không phải vì dân chúng đã ngả theo sự tuyên truyền của “phía bên kia”, mà tại vì chúng tôi đang thiếu phương tiện để chiến đấu. Mấy anh nông dân trong hàng ngũ “nhân dân tự vệ” không có đủ đạn cho súng của họ, và họ còn phải tìm mua lưu đạn của mấy anh lính chánh quy, thường ít dụng trạn hơn họ. Phần các đơn vị chánh quy thì không phải họ tránh chạm súng, mà cứ mỗi lần chạm địch, một địch quân hơn hẳn họ cả về chiến cụ lẫn đạn dược, nên họ cứ bị tổn thất thật nặng.

Để Ba hiểu rõ hơn tình hình của tụi con, con phải giải thích cho Ba nghe một vài điểm về kỹ thuật. Cộng sản Bắc Việt thì dùng chiến xa T. 54 và đại bác 130 ly của Liên Xô. T.54 là loại chiến xa rất năng động, tuy thô kệch nhưng được bọc sắt rất dày và vỏ trang hùng mạnh: một đại bác 100 ly nòng dài với 34 quả đạn trong xe, 2 liên thanh 30 ly, và một liên thanh 50 ly, có tầm hoạt động 400 cây số đường bán kính. Trong trường hợp tấn công, tụi con chỉ có ống phóng M.72 (loại ba-zô-ca chống chiến xa). Súng này chỉ xừ dụng có một lần, bắn xong là phải vứt ống phóng đi, và nó chỉ thật sự hữu hiệu trong vòng 100 thước mà thôi. Do đó mình phải bắn chiến xa địch trên bộ, thật gần, mới trúng đích được. Có nghĩa là mình phải đi bộ đến trong tầm tác xạ chính xác của vũ khí tự động trên chiến xa địch, để cho người ta giết chết mình... mà không chắc là mình sẽ hạ được nó. Trên thực tế muốn tiến sát đến gần chiến xa thường rất là khó, gần như không thể được, vì lúc nào chiến xa cũng có “bộ binh tùng thiết” đi mở đường cho nó và bảo vệ nó. Còn pháo binh 130 ly dù là một loại vũ khí xưa, cũ, trên 20 năm rồi nhưng là một vũ khí đáng sợ. Năng khoảng 8 tấn, được xe xích kéo, có tầm tác xạ tới 27 cây số và có thể bắn đi 6 quả đạn trong một phút. Chỉ cần có 3 khẩu pháo 130 dấu kín trong rừng, và với 1 giờ tác xạ (1.000 quả đạn thôi) cũng đủ đánh sập quận lỵ của bất cứ một quận nào. Đạn pháo 130 ly có thể phá vỡ một miếng thép dày 27 ly, cho nên không có một kiến trúc nào, một công sự nào chịu nổi sức công phá của loại pháo này. Dân chúng bỏ chạy hết và quân đội của tụi con không thể nào chống trả mà không bị thiệt hại nặng vì chúng con chỉ có pháo binh 105 ly với tầm tác xạ ngắn hơn nhiều, và đạn pháo

thì được đếm từng quả, ba viên cho một khẩu trong một ngày, trong lúc địch thì được tiếp tế quá dồi dào về đạn dược.

Để khóa miệng mấy khẩu pháo binh cộng sản này, chúng ta bắt buộc phải có ưu thế tuyệt đối về Không quân. Điều này rất đúng trên lý thuyết, nhưng hoàn toàn sai trên thực tế. Từ khi có cuộc khủng hoảng xăng dầu, trực thăng quan sát và thám thính của chúng ta chỉ được phép bay có ba giờ mỗi ngày. Ngoài ra cộng sản còn được trang bị hỏa tiễn tầm nhiệt S.A.7 rất dễ sử dụng và rất chính xác để vô hiệu hóa các loại phi cơ của chúng ta.

Thưa Ba yêu quý,

Con biết rằng Ba có nhiều mối liên hệ với người Mỹ. Cuồng vị Chủ tịch Tổng Liên Đoàn Lao Động của Ba sẽ giúp Ba có tiếng nói mạnh hơn. Ba phải giải thích cho họ hiểu rằng tình hình ở đây đã rất là nghiêm trọng lắm rồi. Họ phải cung cấp cho chúng ta vũ khí cần thiết, như hỏa tiễn Tows trên thớt cơ động, và trực thăng vô trang “cobra” trang bị chuyên về chống chiến xa. Họ có hết các thứ này mà tại sao họ từ chối? Họ phải viện trợ cho chúng ta về quân sự và kỹ thuật như họ đã hứa. Con yêu cầu Ba, Ba ơi, Ba hãy can thiệp với họ. Nếu không thì chúng ta sẽ bị đè bẹp và bại trận ngay. Chúng con không phải là kẻ hèn nhát. Chúng con không bao giờ sợ chết. Với điều kiện là còn giữ được một cơ may để chiến thắng, hay là để chống cự với cộng sản có hiệu quả.

Xin Ba tha lỗi cho con vì bắt Ba phải nghe một tờ trình quân sự quá dài dòng. Trong tiểu khu của con, số lần chạm súng và số lần tác xạ của pháo binh tăng lên theo cấp số nhân. Dù sao thì con cũng giữ được đồn của con và con sẽ không rút đi đâu

hết... dĩ nhiên là vẫn còn sống. Binh sĩ của con theo con, và dân chúng vẫn tin tưởng nơi chúng con.

Đưa con lúc nào cũng kính mến và trung thành của Ba”

Ông Bửu từ từ xếp lá thư lại, đằng hắng để lấy giọng và để dân con xúc cảm lại rồi mới tiếp tục:

- “Tất cả mọi thất bại của chúng tôi đều được gói gọn trong những hàng này. Tôi nhận được thư này của con tôi sau chuyến đi thăm Á Châu và Âu Châu của tôi trở về. Khi tôi đọc được lá thư này thì con tôi đã từ trần được ba ngày rồi.

- Ông có nói gì cho người Mỹ họ nghe không?

- Dĩ nhiên là có. Tôi đã gặp Đại sứ Martin, và các tùy viên quân sự Hoa Kỳ. Tôi cũng có viết thư qua Mỹ. Không có người nào nghi ngờ về những tin tức của tôi. Ông Đại sứ và các tùy viên quân sự đã có ghi chú đầy đủ, và tôi cũng nhận thấy thực tình họ đang quá bận rộn. Nhưng không thấy có ai làm gì hết, tôi muốn nói là họ không có một biện pháp cụ thể nào cả.

- Như vậy cái gì sẽ xảy ra?

- Chuyện gì cũng được hết! Các ông dân cử chắc sẽ nhúc nhích. Tổng Thống Ford sẽ có những lời tuyên bố dễ nghe. Quốc Hội sẽ kéo dài các cuộc tranh cãi để khỏi phải chuẩn chi ngân khoản viện trợ. Ông Thiệu sẽ ra đi hay sẽ để bị ám sát. Các sĩ quan và binh sĩ trẻ và tự hào như con trai tôi sẽ bị hy sinh vì danh dự, hay vì để kéo dài thêm thời gian cho một vài chánh trị gia tự phụ kịp leo lên nắm quyền. Dù thời gian để dàn dựng một kịch bản tưởng như bất thần được ứng biến, mà thật ra đã được viết sẵn từ lâu... Người Mỹ sẽ đóng cửa các văn phòng cuối cùng của họ. Hạm đội 7 sẽ có mặt tuần ròn ở biển Đông.

Rồi cộng sản sẽ chiếm Sai Gòn. Và tất cả lỗi đều sẽ được đổ

bết cho chúng tôi!

*

* *

“Đây thật đúng là thời điểm để trở lại nhận xét nghiêm túc về Hiệp Định Paris. Chế độ cảnh sát và quân đội của ông Thiệu phải nhường chỗ cho những người đại diện, có trách nhiệm và xứng đáng hơn, để họ bắt đầu một cuộc nói chuyện thành thực và nghiêm chỉnh với cộng sản trước khi đã quá trễ”.

Người nói với tôi lời tuyên bố này là Nghị sĩ Vũ Văn Mẫu, tiến sĩ luật xuất thân từ trường Đại Học Luật khoa ở Paris, (đúng như tấm biển treo trước văn phòng luật sư của ông), và Chủ tịch Phong trào Hòa Giải Quốc Gia, một phong trào của Phật giáo quy tụ những người chống đối dai dẳng nhứt của ông Thiệu.

Nhỏ người, tròn trịa, khoảng sáu mươi, hay lảng xảng quây phá, với gương mặt xương xẩu và giọng nói thanh tao kỳ lạ, là luật sư cho các công ty xăng dầu (Shell và Socony), ông Mẫu là một người giàu có và liến thoắng, khôn khéo và cơ hội chủ nghĩa hơn là thành thực và quả cảm. Dân Sài Gòn không hề thích ông, một phần vì ông gốc người Miền Bắc, một phần vì họ thấy ông kiêu căng và xảo trá. Dù sao thì ông cũng thông minh và lanh lợi. Ông đã từng là Tổng trưởng Ngoại giao của Tổng Thống Ngô đình Diệm, đã nhiệt tình và hết lòng phục vụ Tổng Thống Diệm và ủng hộ đường lối cương quyết chống cộng, nhưng sau đó, khi có cuộc khủng hoảng Phật Giáo, ông tự từ chức và cạo đầu để chứng tỏ một lòng với sự tranh đấu của các sư sãi. Ba tháng sau đó thì Tổng Thống Diệm bị sát hại.

Tin chắc là Phật tử đang cần có một người “lãnh đạo thực sự” nên ông Mẫu đi sát với các sư cốt cán của chùa Ấn Quang, những

người chống đối tất cả mọi hình thức của chế độ quân nhân, và với sự yểm trợ của họ, ông đắc cử Nghị sĩ.

Trước hết ông đụng ngay ông tướng Kỳ, sau đó mới tới ông Thiệu.

Cuối năm 1973, lúc ông Thiệu định cho sửa đổi Hiến Pháp nhằm ra tranh cử Tổng Thống một nhiệm kỳ thứ ba, Vũ văn Mẫu lại cạo đầu một lần nữa để chống đối, và tuyên bố là chỉ để tóc lại “ngày nào mà chế độ độc tài được cáo chung”. Từ đó ông được thêm một biệt danh là “thợ cạo hàn thử biểu”.

- *“Ông Thiệu đã đối gạt tất cả mọi người, trừ tôi. Chỉ có một cách để chấm dứt cuộc chiến, là cho ông Thiệu đi và đưa tướng Minh lên thay thế ông ta. Ông Mẫu nói với tôi bằng một giọng lạ lùng của một cậu bé hỗn xược.*

- *Còn Hiến Pháp thì sao?*

Bằng một cử chỉ kiên quyết, ông gạt phăng luận cứ này:

- *“Ông Thiệu đã vi phạm Hiến Pháp để tiếp tục chiến tranh. Ai cấm cản chúng tôi vi phạm Hiến Pháp để đem lại hòa bình? Chúng tôi sẽ tìm được đa số tương tự để làm chuyện đó.*

- *Và người nào sẽ là Thủ Tướng?*

- *Tôi!*

Luật sư Vũ văn Mẫu phá lên cười nắc nẻ có vẻ bức tức, sau đó làm nghiêm trở lại, và nói tiếp với một giọng tâm tình:

- *Ông biết không, tôi tốt với tướng Minh lắm. Ông đã có nói với tôi là ông rất cần một người giỏi về luật để bàn cãi với cộng sản... và ông đã nhắm vào tôi.*

- *Ông tin thật là có thể thương thảo trong khuôn khổ Hiệp Định Paris à?*

- *Không có một căn bản nào khác để mà thương thảo, và đây là nghề của tôi, nghề bàn cãi, biện hộ, thuyết phục và ngay*

cả dùng mưu nữa. Tôi biết bênh vực cho một hồ sơ, tin tôi đi. Khó mà có thể bắt bí tôi lắm, tôi sẽ dùng một luận cứ mà không một ai dám làm. Một khi tôi lên rồi, tôi sẽ đòi hỏi tất cả người Mỹ phải rời khỏi ngay đất nước này trong vòng 24 tiếng đồng hồ, và ông hãy tin tôi đi, họ sẽ đi ngay cho ông xem! Ông có vẻ hoài nghi hả? Ông sai rồi. Đây này, tôi cho ông một cái hẹn trước ba tuần lễ ở Dinh Độc Lập. Tôi sẽ là Thủ Tướng, tôi sẽ tiếp ông, và chừng đó ông sẽ thấy là tôi giữ lời hứa của tôi.

Vô liêm si?... hay là biết chắc một trò chơi mà ông ta đã nắm được những con bài chủ nhưng không muốn trưng ra?

Tôi nghiêng về giả thuyết thứ hai. Vì Luật sư Vũ Văn Mẫu là con người không bao giờ chịu liều lĩnh.

Chương 11

VỚI ĐOÀN NGƯỜI CHẠY LOẠN

Thứ Ba, ngày 15 tháng Tư năm 1975. Sau một đợt nghỉ ngơi khoảng 30 giờ, trận chiến Xuân Lộc lại tái diễn. Từng đợt cách nhau khoảng 30 phút, hai trung đoàn cộng sản Bắc Việt được một tiểu đoàn chiến xa T.54 dẫn đầu tràn ra tấn công vào các vị trí của Biệt động quân và của sư đoàn 18 bộ binh. Bị đẩy lui với tổn thất nặng nề, hơn 1.000 tử thương và 21 chiến xa bị hạ, họ lại tấn kích với một trung đoàn thứ ba, và trận chiến khốc liệt lại tiếp tục.

Sau khi lệnh giới nghiêm vừa chấm dứt tôi lại đi lên Biên Hòa. Ở đó tôi tìm lên được một chiếc xe vận tải chở đầy thùng cây đi Trảng Bom. Một khi lên ngồi giữa hai thùng cây rồi tôi mới khám phá ra đó toàn là những thùng lựu đạn và đạn được chở ra Trảng Bom. Nếu xe này mà lãnh một quả đạn pháo của Bắc Việt thì tất cả những bài toán về tài chánh của tôi đều tức khắc được giải quyết.

Trời quá nóng, cái nóng của mùa khô ở đây, với ánh nắng chói chang trong vát. Xe cộ đều để lại vết hằn trên đường nhựa đang mềm đi vì sức nóng. Hai bên đường nhìn mù mịt là những rẫy rau cải được trồng ngay ngắn từng ô vuông vắn... Chúng tôi đi qua Hồ

Nai, một trấn nhỏ với 60.000 dân công giáo di cư từ Miền Bắc vào năm 1954. Hai bên con đường chính dẫn vào trấn Hồ Nai, có những tiệm buôn, những quán nhỏ bán đồ mỹ nghệ, và có một ngôi thánh đường hùng vĩ nằm ngay sau một bồn cỏ tròn, nơi đó các trẻ em đang chơi, quanh ba linh mục mặc áo dòng đen.

Chiếc xe vọt lên con đường dẫn đến một khu đồi. Hai chục cây số nữa là đến Trảng Bom rồi. Có mấy chiếc trực thăng đang lượn quanh, mấy hàng binh sĩ đội nón sắt, và hai pháo đội 155 ly, tất cả đang trong cảnh ì ảm của chiến trận. Có nhiều chiến xa lớn, mang đầy cành lá, đại bác chia ra phía trước, đang tung tăng trong một đám bụi như có mùi thuốc súng. Còn vài cây số nữa thì đến thị trấn, xe của tôi phải ngừng lại một lúc ở một ụ đất được đắp lên trước một tượng đài bằng đá, dựng lên để kỷ niệm cho những người thợ rừng đầu tiên người Pháp chết ở Nam Kỳ (nguyên tác: Cochinchine). Ngày xưa ở phía sau tượng đài này là một trong những vườn bách thảo phong phú nhất ở vùng Đông Nam Á: có đến 6.000 loại cây giống, cây kiểng, và lan quý, đã được chọn trồng trong gần 70 năm. Bây giờ thì không còn gì nữa cả, vì vào năm 1968, người Mỹ đã ủi bỏ và đốt sạch để cho hai bên đường được trống trải, để giữ an ninh cho các đoàn xe. Ở chỗ vườn cây giống bây giờ chỉ còn lại một bãi cỏ ngắn ẻo uột và vài cây chuối khô cằn.

Chiếc xe của tôi tiếp tục đi trong vòng 5 hay 6 cây số nữa giữa những làng xóm tiếp giáp nhau, sau đó rẽ sang trái, đi vào một con đường đất gồ ghề dẫn tới một lô trồng cao su. Giữa những hàng cây cao su cách nhau chừng 10 thước, tôi thấy các chiến xa đang trấn giữ một khoảng đất trống khá rộng. Chạy đến khoảng trống đó chiếc xe của tôi ngừng lại và những anh lính thiết giáp còn trẻ còi trấn trùng trực chạy ra nhận các thùng đạn và lựu đạn tiếp tế.

Tôi nhảy xuống đất. Hai xe cứu thương từ mặt trận đưa những thương binh về đây, các băng ca được khiêng đến một chiếc lều kaki lớn, ở đó có một toán quân y lưu động đang làm việc. Anh em binh sĩ tán ra, tôi nhận ra được đại úy Niệm trên một băng ca, đại úy Biệt động quân mà tôi đã quá giang với ông hôm thứ sáu vừa qua. Mặt ông nhợt nhạt, đôi môi cắn chặt lại, ông bị mất bàn tay trái. Vết thương chưa được băng bó lại, trông thật là thiếu não, máu tươi thỉnh thoảng từ cánh tay bắn lên, và gân tay chỗ đó hình như nát hết. Tôi đi theo băng ca của ông đến toán quân y. Tôi nắm thật chặt bàn tay mặt của ông, ông nhìn tôi, nhúu mày lại. Một đại úy quân y gạt tôi ra và nói: “Ông cứ để anh ta ở đây, tôi sẽ lo cho ông ta ngay.” Tôi trở lại một trong những xe cứu thương đang trở ra đường và ngồi đằng sau với anh em khiêng cáng. Sàn xe nơi để các băng ca vương vãi đầy vết máu và đầy “cứt đái”, xông lên một mùi nồng nặc, mùi hôi thúi của phần phía dưới bụng bị vỡ tung ra, gần như có mùi của sự chết chóc, của tử thần...

Xe rẽ về trái và chạy về hướng lửa đạn của mặt trận. Độ chừng 15 phút sau chúng tôi ngừng lại. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn vì được thở không khí trong lành hơn. Chúng tôi đang ở ngay làng Hậu Nghĩa, làng cuối cùng trước khi đến Ngã ba Suzannah.

Nằm dài theo các hố bên đường, cách nhau chừng năm thước một, hàng trăm binh sĩ đầu đội nón sắt đang hút thuốc nghỉ xả hơi chờ tiến ra trận. Toàn là những người vạm vỡ, lớn con, rậm nắng, và có đôi tay kịch cộm của người nông dân quen làm đất. Con đường hiện đang bị nghẽn vì một đoàn dân chạy loạn quá dài. Hàng ngàn người chạy giặc đang đi lẫn xuống Trảng Bom, hết làng này đến làng khác. Có những chiếc xe bò, có những xe ba bánh chở đầy đến bánh xe muốn sạt ra vì chở quá nhiều bao lúa quá nặng,

có nhiều chiếc xe đạp đã chở cả ba đứa con trên sườn trước rồi lại còn đeo thêm đứa thứ tư phía sau. Họ đến từ đường đi Đà Lạt, từ Túc Trưng hay từ Gia Kiệm. Họ đi trong yên lặng, trang nghiêm đáng kính và nghèo khổ, vì họ đã bỏ hết tất cả lại sau lưng họ, từ làng mạc trù phú đến nhà cửa ruộng vườn, mùa màng của họ, và cả mồ mã của ông cha nữa.!

Đoàn quân tiếp tục tiến tới và băng xuyên qua một miếng ruộng cỏ ngắn, có từng bờ dê vuông lác đác có vài đồng đất khô nhỏ làm bụi đỏ tung lên theo bước chân của chúng tôi. Tôi tìm một sĩ quan và cuối cùng gặp được một người, đại úy Châu. Ông vừa đi vừa giải thích cho tôi nghe:

- *“Cộng sản muốn bao vây Xuân Lộc và cắt đứt hậu tuyến của chúng tôi ở phía sau ngã ba Dầu Giây (tức Suzannah). Trục thẳng chúng tôi đã đổ 1.000 binh sĩ Dù xuống bìa rừng phía Tây của thị trấn này để tăng cường cho lực lượng phòng thủ ở đó. Hai trục thẳng đã bị cao xạ phòng không Bắc Việt bắn rớt. Và lực lượng Dù đã chạm súng rất nặng, nhưng họ vẫn còn bám đất.*

Hiện giờ chiến trận đang mở rộng trên 10 cây số về hướng Tây Bắc giữa Gia Kiệm và Suzannah. Hai bên đang đánh nhau trên các đường xe ben và trong các lô cao su. Cộng sản Bắc Việt đang cố cho bám chặt các trục di chuyển của chúng tôi bằng những toán đặc công được võ trang rất hùng hậu, và cố giữ chúng tôi để báo cho pháo binh của họ nện chúng tôi. Cách đây không đầy bảy cây số đang có một cuộc chạm súng lớn lắm, vậy ông đừng rời khỏi hàng quân nghen!”

Chúng tôi càng tiến tới thì càng nghe tiếng đại bác rõ hơn. Các phi cơ khu trục phóng pháo bay ngang chúng tôi thật thấp và chỉ

vài giây sau tiếng rú là chúng tôi nghe được tiếng bom nổ đìếc tai làm rung chuyển trận địa. Các khu trục nối tiếp nhau từng đợt ba chiếc một, cách khoảng nhau chừng 20 giây.

Chúng tôi tiến lên đã được hơn một giờ rồi. Con đường mòn đi sâu vào một rẻo đất có hàng tre già và vườn chuối bao quanh. Thành linh một tràng đạn pháo nổ trên con đường mòn trước mặt chúng tôi chừng vài chục thước.

Anh em binh sĩ nhảy xuống mấy cái hố, đặt súng máy và bắn vào các hàng tre nhiều loạt đạn. Bộ đội Bắc Việt không còn xa nữa đâu. Tôi bám theo đại úy Châu đang dùng máy truyền tin cho lệnh bố trí các trung đội của ông. Một số đạn pháo khác đang nổ trong bờ chuối, phạt ngã một số. Xuyên qua kẻ hở của vườn chuối vừa bị phạt ngã, tôi thấy có mấy cái nhà lá đang bốc cháy. những nhóm thường dân từ bốn phía chạy tủa ra, đàn bà thì mặc đồ đen, đội nón lá, tay dắt con, tay xách bọc quần áo chạy băng ra đường mòn. Một chị bị một mảnh đạn vào bụng té sấp xuống phía trước như một con thỏ bị đạn trong lúc đang chạy. Một bé trai bị thương ở trán, máu chảy đỏ cả chiếc áo trắng của em, vừa đi, vừa run vừa khóc. Một em bé gái ốm yếu nắm vai em lại và dắt em đi.

Anh em binh sĩ đã tiến đến bờ dậu của mấy căn nhà lá đang cháy với tiếng lên cò súng nghe lắc cắc. Một số thường dân chạy tủa ra từ các hầm trú ẩn và chạy xuyên qua cánh đồng. Họ lợi dụng sự tiến quân của binh lính Chánh Phủ để cố chạy ra thẳng quốc lộ trước mặt họ. Các khu trục phóng pháo cơ đang dùng đại bác yểm trợ quân bạn chừng trăm thước trước mặt chúng tôi. Có nhiều cột khói lên thẳng trên không trung. Hàng quân bị đạn bách kích pháo chặn đứng lại. Có một số bị thương. Đại úy Châu nói nhanh với tôi:

- *"Anh hãy đi với đám thường dân lánh nạn này đi. Không*

có gì ở đây đáng cho anh xem nữa đâu. Rồi anh sẽ bị bắn gục như một con thú vậy.”

Và tôi quay gót trở lại con đường mòn, đi ra quốc lộ.

Trở lại con đường, qua khỏi bờ tre, đến cánh đồng trống, tôi nhập vào với đoàn người chạy đi lánh nạn. Đoàn người quá dài đang sắp rời khỏi cánh đồng. Có nhiều người bị thương, một ông già lạ thường với chiếc áo trắng và nón cối kiểu thực dân, đang lao đảo đi vì một vết thương to bằng nắm tay trên vai. Ông đi chùng trảm thước là ngã quy xuống. Tôi cố gắng đỡ ông ta dậy, nhưng ông không còn nhúc nhích gì nữa, ông đã chết rồi! Một bà mẹ đi ngang qua tôi, vai gánh một đôi gióng. Có một em bé phúng phính má bầu được cho ngồi trên một cái gối đặt ở một đầu gióng đang vô tư đùa nghịch theo nhịp đi của bà mẹ. Phía bên mặt của tôi cũng có một bà khác mặt mày biến dạng lơ lảo vì lo sợ và đau khổ, vừa đi vừa lớn tiếng cầu nguyện. Bà ôm cứng đứa con gái khoảng bốn hay năm tuổi vào lòng, bị trúng đạn ở đầu, tóc tai bê bết máu. Trông thật là thiếu nảo chịu không nổi!

Tôi đang ở đây, lẫn lộn với một dân tộc mà tôi rất thương. Tôi được sanh ra trong lòng dân tộc này, tôi lớn lên trên đất nước của họ phần nào cũng là đất nước của tôi, mà giờ đây tôi chỉ đứng nhìn họ đang đau khổ, đang chết dần mà không làm gì hơn được, chỉ biết cùng đi trên con đường này với họ mà không có một miếng thuốc, không có một cuốn băng, cũng không thể bế giùm một trong những đứa bé này, vì chúng hiện là tài sản quý báu nhất mà mẹ của chúng không lúc nào muốn buông ra, và tôi rất hiểu tâm trạng của họ. Nhưng mà tôi muốn kêu lên, muốn hét lên thật to để cho cả thế giới cùng được nghe: “Hãy để cho họ được sống! Hãy chấm dứt sự đau khổ của họ đi! hãy xúm nhau lại để ra sức cố dập

tắt giùm các họng súng đi...”

Nhưng làng mạc cứ thay nhau cháy... hết làng này đến làng khác, như những bó đuốc... và dân chúng nghèo khổ chạy trốn với con cái của họ, quá ray rứt vì nỗi lo sợ. Tôi chỉ là một nhân chứng không có một chút quyền hành. Quá thất vọng, người mẹ ôm chặt đứa con gái bị thương chỉ còn biết kêu Trời, gọi Chúa xin Người hãy ban cho sự cứu giúp.

Cuối cùng thì đoàn người lánh nạn cũng ra đến quốc lộ. Có nhiều xe vận tải đang chờ họ. Một số Dân vệ và sinh viên công giáo tình nguyện từ Hồ Nai đến, đã giúp đưa họ lên xe.

Đối với những người này, coi như con ác mộng tạm chấm dứt. Nhưng còn những người khác, hằng ngàn người khác còn đang lang thang trong rừng nằm giữa hai làn đạn của đơn vị Dù và bộ đội Bắc Việt, dưới tầm đại bác của các chiến xa đang bắn nhau, dưới các quả đạn của bách kích pháo, của pháo binh, của hỏa tiễn, và cả dưới bom đạn của phi cơ. Họ đang kẹt cứng trong cái bẫy sập của hai bên Miền Nam và Miền Bắc đang ra sức hăng say tiêu diệt lẫn nhau...

Đến Trăng Bom, lúc tôi rời khỏi đoàn dân lánh nạn mà không có đủ can đảm dám nói với họ được nửa lời, thì một thiếu tá chỉ huy một đơn vị Dù tưởng tôi là một nhà báo Mỹ chụp cổ tôi và cho tôi một câu với một giọng khinh bỉ: “Ê! Này anh Mỹ kia, ở chiến trường về, anh hãy viết rõ trong tờ báo của anh là lính Dù Miền Nam chúng tôi không cần phải có đô la mới có đủ can đảm chết cho Đất nước chúng tôi đâu nghen!”

*

* *

Thủ đô Phnom Penh đang trong cơn hấp hối. Quân Khmer Đỏ

chỉ còn năm cây số nữa là đến phi trường Pochentong, một phi trường mà họ đang nện bằng bách kích pháo hạng nặng và các loại Súng Không Zát (SKZ) Các phi cơ vận tải loại nặng của Hoa Kỳ còn có nhiệm vụ tiếp tế cho Thủ đô này, đáp xuống mà vẫn cho máy nổ, bỏ hàng xuống thật nhanh trong vài phút xong cất cánh bay lên ngay, dưới những tràng đạn pháo.

Tất cả nhân viên dân sự người Campuchia làm việc cho phi trường đều nghỉ hết. Việc hướng dẫn cho phi cơ Mỹ đáp xuống được tiến hành bằng các đài kiểm soát không lưu lưu động được thiết lập tạm dưới đất, trên các nạn chống, tháo ráp ra được. Tòa đại sứ Hoa Kỳ, cơ sở ngoại giao duy nhất còn làm việc ở Nam Vang, đã cho di tản hết ba phần tư nhân viên và tất cả hồ sơ lưu trữ. Phần lớn các nhà báo đều đã rời khỏi đây.

Các bệnh viện đầy người bị thương, chất nằm trên băng ca đặt ở ngoài các hàng hiên. Dân chúng, diêm nhiên và thụ động, lo chôn cất những người chết một cách yên lặng. Những người dân chạy loạn tiếp tục đổ về đây, che lều trại bằng ván thùng, bằng giấy bồi hay bất cứ thứ gì mà họ kiếm được kể cả lá chuối và những mảnh tôn vụn, và nằm tràn lan khắp các lề đường. Đôi khi, sau một tiếng nổ khủng khiếp, một quả đạn hỏa tiễn cuốn phăng đi cả hàng chục căn lều tạm bợ này, vút ra đường những mảnh vụn của thân người nát bét cùng với nội tạng, ván, gỗ, giữa những vũng máu tươi to lớn.

Dừng dưng với thảm cảnh chung quanh chúng, những con bò sữa đói khát đang tìm gặm vài cọng cỏ hiếm hoi trong các công viên. Tất cả các xe cộ nhất là các mô tô và xcuơ đã không còn chạy được nữa vì không có xăng, được dành cho xe vận tải công cộng và quân xa..

Chánh Phủ đã mang về từ Kompong Cham và Siemreap 8000 quân nhân để tăng cường và hiện có 30 tiểu đoàn đang nằm chung quanh thủ đô.. Nhờ có cầu không vận, họ còn được 20 ngày lương thực và đạn dược, Từ khi chiếm được Neak Luông, một vị trí then chốt trên sông Cừ Long, quân Khmer Đỏ đang sẵn sàng dàn hàng ngang đến 60 tiểu đoàn. Quân trú phòng Neak Luông đã chống cự suốt trong hai tháng nhưng cuối cùng vị trí này đã thất thủ ngày 1 tháng 4 trong những điều kiện hơi phi lý.

Ngày đó, vào lúc 12 giờ trưa, thống tướng Lon Nol từ dinh Cham-car-Mon dùng trực thăng bay ra phi trường Pochentong để rời vĩnh viễn khỏi Campuchia trên một phi cơ Hoa Kỳ. Một tiếng đồng hồ trước khi ông rời khỏi sân bay, tất cả các đơn vị Không quân chiến đấu của Campuchia (trên 30 chiếc khu trục T.28) đều nhận được lệnh cấm bay vì lý do an ninh (sợ họ mưu sát thống tướng Lon Nol) nên tất cả đều nằm bất động tại chỗ dưới đất.

Vào lúc 12 giờ 15, tướng Limsi-Seath chỉ huy căn cứ NeakLuong, nơi binh sĩ vừa đẩy lui một cuộc tấn công của Khmer Đỏ dữ dội đến độ có lúc phải đánh xáp lá cà, đã lên tiếng trên máy truyền tin:

"Tôi đòi hỏi một sự yểm trợ cao độ của tất cả các khu trục còn sử dụng được để đánh mạnh địch quân trước khi họ tái tổ chức được trên tuyến xuất phát và trở lại tấn công chúng tôi. Đó là cơ may duy nhất để giữ vững được Neak Luong, nếu không thì tối đa chỉ trong hai giờ nữa thôi thì chúng tôi sẽ bị tràn ngập."

Bộ Tổng Tham Mưu của Phnom Penh chỉ biết trả lời là "Do lệnh thượng cấp, các khu trục không được cất cánh"

Và như thế là 2 giờ sau đó, Neak Luong thất thủ. Tướng Limsi-

Seat bị thương, 80 sĩ quan và 2.000 binh sĩ bị bắt làm tù binh với cả pháo đội sáu khẩu 105 ly.

Quân Khmer Đỏ dùng sáu khẩu pháo 105 ly đó để bắn vào thủ đô coi như để dọn đường chuẩn bị cho trận tấn kích cuối cùng của họ vào Phnom Penh. Họ hy vọng chiếm được thủ đô trong dịp đầu năm âm lịch của họ (từ 13 đến 15 tháng 4 dương lịch). Như vậy là quân thủ thành sắp được hưởng một cái Tết hứa hẹn là sẽ không khiếp và đầy tang tóc vì họ đang bị vây khốn trong một cái rọ sắt đầy lửa.

Chiếc hàng không mẫu hạm Okinawa (chuyên chở trực thăng) đậu tại cảng Kompong Som (trước kia là Sihanouk-ville) với 120 trực thăng và 900 Thủy quân lục chiến, sẽ can thiệp để bảo đảm sự “di tản” trong vòng trật tự và an toàn của 80 hay 90 người Mỹ còn đang có mặt tại Phnom Penh. Dĩ nhiên họ cũng sẽ lo cho một vài nhân vật Campuchia nào đã dính sâu vào cuộc chiến và những người khá giả giàu có.

Nhưng còn ba triệu người dân tị nạn đã bỏ tỉnh bỏ làng chạy loạn, bỏ hết tất cả... để “chọn tự do” và cần có sự bảo vệ của những người thuộc chế độ Cộng Hòa “đồng minh của Hoa Kỳ” thì phải ở lại trong cái bẫy đang từ từ đóng sập xuống trên đầu họ. Đó là những nông dân nghèo khổ, chất phác và dễ tin. Và lại, họ sẽ làm được gì nếu người ta mang họ ra ngoại quốc ? Họ không biết nói tiếng Anh, họ lại không có tiền và cũng không có một ai là thân nhân ở đó? Họ không có con còn nhỏ và trần truồng mà họ chỉ ôm trong tay những bình tro hài cốt mà họ sẽ đem đi chôn ở các chùa. Tro cốt của những người đàn ông rậm nắng vì phải lội sinh hằng ngày dưới ruộng sâu, đi theo sau những con trâu đen mập mập nhưng ngu đần, không có thì giờ để kịp nghe theo lệnh gọi

lên tỉnh thành để nhập ngũ đánh đuổi giặc “Việt Nam xâm lược”!
Họ đã giết người Khmer và chết vì bị người Khmer giết, và không
một ai biết được, hay vì họ không muốn và cũng không cần biết,
biết tại sao họ chết, chết cho ai hay chết bằng cách nào...

Chương 12

VỚI NGƯỜI PHÁP LỚN TUỔI Ở SÀI GÒN

Thứ Tư, ngày 16 tháng Tư. Bất chấp từ thân có thể ập tới bất cứ lúc nào, nhất là hành động do đức tin. Từ nóc cao của nhà thờ Sài Gòn vọng lên những tiếng hát trầm bổng bằng tiếng la tinh. Bàn thờ Chúa chung đầy hoa và được trải một tấm lụa sáng rực rỡ. Hàng ngàn tín đồ công giáo đang dự lễ tấn phong của 25 linh mục đại diện cho các địa phận trong nước.

Khi buổi lễ chấm dứt, tất cả tín đồ hiện diện nắm tay nhau chúc bình an và cầu nguyện cho tất cả các Giám mục, các Linh mục và các tín hữu tự nguyện ở lại nhiệm sở của họ trên lãnh thổ bị chiếm để chia sẻ thử thách của mọi anh chị em cả lương lẫn giáo.

Sau đó cả 25 vị linh mục vừa được tấn phong được cho mặc thêm một chiếc áo choàng trắng có thêu một chữ thập bằng sa ten đỏ, nắm tay nhau bước ra ngoài, người nào cũng có thân nhân và bè bạn mặc lễ phục tươm tất đi kèm. Đám đông thân bằng quyến thuộc này từ hàng trăm giáo xứ đến đây cùng nhau qui tụ dưới chân tượng đài Đức Mẹ Đồng Trinh nổi bật cao lên giữa công viên Nhà Thờ. Các linh mục với áo dòng đen và nón đen, các tu sĩ với áo

chùng vải thô, các bà nữ tu sĩ, các anh em hướng đạo sinh, các nông dân tay lấm chân bùn nhưng vẫn mặc áo dài có mang huy hiệu Trái Tim của Chúa, các cô thiếu nữ với áo dài nhẹ nhàng, các bô lão với khăn đóng áo dài, các binh sĩ với quân phục rằn ri, chào nhau, ôm nhau kêu gọi nhau và kể cho nhau nghe về tin tức của những người bị cộng sản bắt đi làm tù binh hay những người bị coi là thất lạc trong con lốc loạn ly này.

Họ ở đó hàng mấy giờ, cười đùa chuyện trò, chiếm hết các lề đường, làm tắt nghẽn lưu thông và sau đó, vào khoảng 12 giờ trưa, theo một dấu hiệu của các linh mục, đám đông kỳ lạ và bất thường này, kể cả các chánh trị gia và thương gia, xem chùng như đã sung sướng và hãnh diện được biểu lộ đức tin của mình ngay giữa trung tâm của thành phố kinh doanh này, mới chịu giải tán hết trong vòng vài phút, mạnh ai nấy chạy về xe của mình, những chiếc xe vận tải hay xe buýt đã đưa họ tận đây, từ các đồng ruộng và làng mạc của họ. Mỗi xe khi ra khỏi bãi đậu đều được một linh mục coi mô tô hướng dẫn mở đường. Và nửa giờ sau đó là tất cả không còn một người công giáo nào ở đó nữa.

Trung tâm thành phố đã trở lại với những cảnh kẹt xe, xe xi cút tọt, xe tắc xi, và các xe bán hàng dạo. Sự ồn ào của các sự vận động và mậu dịch cũng đã trở lại trên đường Tự Do (Catinat) dài dài từ nhà thờ đến bờ sông. Các chuyên viên về tin tức cũng bắt đầu vui vẻ phao tin, không cần biết - là đúng hay thất thiệt. Chuyện khó nhất là phải biết lọc tin đó.

- Một kho đạn ở Biên Hòa đã bị nổ, làm rung chuyển cả thành phố: tin này đúng.

- Một bản tin đánh đi của UPI xác nhận đó là do sự đột kích của đặc công Việt Cộng. An ninh quân đội thì thản nhiên quả quyết đó

chỉ là một tai nạn rủi ro: một tàn thuốc dụi tắt không kỹ, bén lửa qua cỏ khô gây lên một đám cháy làm nổ một kho đạn phế thải.

- Ông Thiệu đã nhờ công ty Balair chở 16 tấn vàng thỏi, số vàng dự trữ của Ngân Hàng Quốc Gia sang Thụy Sĩ. Ông Lý Long Thân, một người Tàu giàu có, cố vấn tài chánh của Tổng Thống VNCH đã bán cho một tổ hợp Nhật bản một khối đồng của Chánh Phủ trị giá 300 triệu mỹ kim: tin thất thiệt. Vàng vẫn còn trong hầm của Ngân Hàng (Giám Đốc Ngân Hàng từ chối không ký lệnh xuất kho), và không một phi cơ thương mại nào có thể chở đi 16 tấn vàng một lần một mà không vỡ sàn kho chứa hàng của phi cơ.

- Ở Việt Nam vẫn còn 2 tỷ mỹ kim “sắt vụn” do quân đội Hoa Kỳ bỏ lại lúc họ rời khỏi Việt Nam. Chánh Phủ Sài Gòn đang thương lượng với một công ty lớn ở Hoa Kỳ định mua với giá 1 tỷ mỹ kim. Chuyện mua bán này chưa ngã ngũ.

- Những người Mỹ ở khách sạn Brinks, gần trụ sở Quốc Hội đã rút đi êm trong đêm tối trên ba xe vận tải được canh sát Miền Nam hộ tống: tin này rất khó kiểm. Không ai có quyền di chuyển vì có lệnh thiết quân luật từ 9 giờ tối đến 6 giờ sáng. Một điều chắc chắn là: tòa đại sứ Hoa Kỳ đã báo cho tất cả các kiều dân Mỹ trong lãnh vực tư và những người làm việc cho Phòng Tùy Viên Quân Lực Hoa Kỳ (D.A.O.) có trách nhiệm về tiếp vận quân sự, trừ những người làm việc cho ngành Y dược và tiếp tế lương thực, là phải sẵn sàng rời Việt Nam trong vòng 30 ngày sắp tới.

- Tất cả những chuyến bay quốc tế đều ngưng vì biện pháp an ninh: tin không đúng, chỉ có các phi công thuộc hãng Cathay Pacific đang đình công. Họ đòi hỏi phải có một số tiền thưởng về nguy hiểm khi phải đáp xuống Sài Gòn. Các hãng hàng không khác đều bảo đảm giữ nguyên các chuyến bay.

Tiếng đại bác nghe cách thủ đô chừng vài chục cây số. Sự uy hiếp từ phía cộng sản Bắc Việt mỗi ngày mỗi đến gần hơn, nhưng khối lượng lớn dân Sài Gòn cố gắng giữ bình tĩnh.

Các viên chức hành chánh làm việc bình thường. Các chợ búa đều được tiếp tế đều đặn. Đồng mỹ kim còn đổi được 1.000 đồng bạc. Người dân vẫn còn đi lại với những xe ba bánh nặng trĩu, xe tắc xi vẫn vét túi hành khách, xe kéo xe lôi lại thấy tái xuất hiện.

Ở Chợ Lớn, thương buôn không thấy hốt hoảng. Dự kiến cho một cuộc tấn công có thể bị cúp điện, họ đã tìm mua hết nến để dự trữ, để có thể bán lại với giá cao gấp ba lần. Dự trù trường hợp cộng sản vào được thủ đô, họ cũng đã vét mua hết tất cả vải đỏ. Họ biết rằng ở những thành phố bị cộng sản chiếm ở Miền Trung, dân chúng được lệnh phải treo cờ Hà Nội và MTGPMN trước nhà. Họ đã tính toán rất kỹ. Bốn triệu lá cờ cộng sản phải cung cấp cho người dân trong vòng 48 tiếng đồng hồ: ba tỷ đồng bạc lời, một áp phe không thể bỏ qua được!

Những người Pháp cố cựu gồm các thầu khoán, kỹ thuật gia, giám đốc xí nghiệp, các nhà trồng tía... gặp lại nhau ở tiệm Impérial, của Bonelli (50 năm ở Đông Dương.) hay ở quán cà phê mát mẻ của “papa” Charbonnier, ở cảng, một cựu tỉnh trưởng chuyển sang nghề bán cà phê, và dưới bức tranh của ông lãnh sự đầu tiên Dominique, một người dân thuộc đảo Corse vô cùng vui vẻ, đã phục vụ khách từ 27 năm món súp thập cẩm tôm cá biển ngon nhất Sài Gòn và rượu chát quý hiếm Cinarca.

Người ta thấy có những anh cựu quân nhân của đội quân viễn chinh, những người đã sống sót qua bao nhiêu biến cố. Họ đến từ những tỉnh xa xôi của vùng Đồng bằng, hay từ những đồn điền nhỏ ở ven biên của chiến trường. Rất mạnh khỏe, rạm nắng, nhưng

kín đáo, họ biết tất cả mà nói thật ít và giữ im lặng khi có người lạ xuất hiện.

Tôi đã gặp được ở đây nhiều bạn cũ:

Moulin, một cựu sĩ quan Dù. Chúng tôi đã cùng được huấn luyện về biệt kích, ở Ấn Độ năm 1945. Đồn điền của anh bị Việt Cộng chiếm.

Nasica, con của một anh hùng kháng chiến bị Đức xử bắn năm 1944, có một tượng kỷ niệm trước khi vào thị xã d'Arnay-le-duc. Anh là một cựu kháng chiến quân người Ý, kỹ sư nhiệt lượng, và chuyên viên đóng tàu chuyên chở đường sông. Xí nghiệp của anh còn chưa gặp khó khăn nào.

Roger Routin, một binh sĩ gốc Tunisie, râu xồm nhưng rất có tình huynh đệ. Anh là một phi công dân sự giỏi nhất của Miền Nam. Với chiếc phi cơ nhỏ của anh, anh đã lái đi “nhặt” hết người Pháp ở Đà Lạt và Nha Trang dưới làn đạn của cộng sản.

Le Gall, chín con, vợ là Lucienne. Mặc dầu đông con nhưng anh đã xây cất một viện mồ côi để nuôi trẻ và mang từ mặt trận về đây được hơn hai mươi đứa.

Tino Agopian, một người trên sáu mươi tuổi người nhỏ thó rất tao nhã, luôn luôn ăn mặc rất keng, kỹ sư lão thành và đáng tin cậy của các trường đua.

Cũng cần phải nói qua về những người truyền giáo và các mục sư, đuối sức nhưng không mệt mỏi, đã biến những viện tế bần thành những trung tâm xã hội. Tặng phẩm cứ dồn dập được gởi tới và xe này đến xe khác đầy thuốc men được chở đến các trại dân lánh nạn.

Câu lạc bộ thể thao, với hồ tắm nổi, đầy đủ tiêu chuẩn tranh tài quốc tế, với những dàn hoa vạn lý, với những sân tennis, và nhà thể

thao đa dụng, những phòng đánh kiếm và sân tập võ thuật và một vòng đua chạy bộ.... đó là ốc đảo cuối cùng của “xã hội” người Pháp ở Sài Gòn. Được một hàng me to và hàng rào xanh bao quanh, đây là một câu lạc bộ hạng sang và lịch sự, ở đó những máy điều hòa không khí của Nhật chưa thể thay thế được các cây quạt trần già nua nhưng còn rất êm lặng và đủ tiện nghi. Người ta còn tìm thấy phía sau các hàng hiên trong những căn phòng rộng rãi mát mẻ với những bàn ghế toàn bằng gỗ nặng, những ghế dựa rộng sâu, những ông chủ ngân hàng bình thản, những nhà ngoại giao lạnh lùng, những giám đốc đồn điền, những tay vô địch bài tây (bridge), những nhà sản xuất bia da đỏ ao như gạch, một vài anh tóc dài, quần ống voi và những cô gái dịu dàng tươi trẻ...

Nhờ đi thăm người này đến người kia, từ một người bạn thân đến một sự giao thiệp vững chắc, tôi thu lượm được một vài tin tức đã được kiểm chứng:

Đức Giám Mục Seitz ở Kontum, 40 năm phục vụ ở Việt Nam, vẫn còn, không hề hấn gì. Bá tước del Fante, người có biệt danh là “vua ở Cao Nguyên”, vẫn còn sống. Con người quý tộc Ý này, người nói được tất cả thổ ngữ của đồng bào Thượng, vừa là bạn vừa là cố vấn của tất cả các trưởng bộ lạc, là một nhân vật rất lạ thường. Cứng rắn trong công việc nhưng khoan hồng độ lượng với mọi người làm, ông có một sức khỏe sắt đá và một tinh thần lạc quan không gì lay chuyển nổi, và không có gì làm cho ông ta cảm xúc hết.

Ông M. Mercurio, niên trưởng của các nhà trồng tía, chết ở Ban Mê Thuột vì một trái bom của không quân Miền Nam đã làm sập nhà ông.

Hơn 30 người Pháp trong đó có 12 giáo viên còn ở lại Đà Lạt, vì thiếu phương tiện di tản, nhưng họ vẫn còn khỏe mạnh.

Những nhà trồng trà và cà phê (10.000 mẫu và khoản 100 nhà khai thác đặc biệt) trải dài giữa Blao, Djiring và Ban Mê Thuột, bị bắt hay đã chạy khỏi, đều coi như bị phá sản hết. Mùa màng khá lắm, nhưng vì đường bị cắt đứt, nên tất cả đều bị kẹt lại và hư thối hết tại đồn điền. Các nhà máy ở Sài Gòn và Chợ Lớn chuyên sấy trà đen, trà xanh, và rang cà phê đều phải đóng cửa vì không có hàng dự trữ. Thua lỗ tính ra đến hàng trăm triệu đồng.

Bỏ qua các nhộn nhịp và ồn ào của đường Tự Do, trở lại bệnh viện Grall ở nửa đường giữa nhà thờ Đức Bà và vườn bách thảo. Với những dãy nhà xây sáng sủa có hàng hiên chung quanh và nằm dưới tàng cây to rợp bóng mát, cơ sở này vừa là một nơi trú ẩn vừa là một học đường. Được thành lập từ năm 1860, bệnh viện 400 giường nói trên trong những tuần lễ sau cùng này đã có con số bệnh nhân tăng lên gấp bốn lần. Toán quân y của bác sĩ tổng quát Mazeaud đã đến nhập vào với 20 bác sĩ quân y người Pháp ở đây. Ngay sau khi thăm trạng ở miền Trung bộ Việt Nam bắt đầu có tầm mức nguy kịch, thì vị cựu Giám đốc bệnh viện Grall (4 thời phục vụ ở Đông Dương, chuyên viên về các bệnh của vùng nhiệt đới) đã tình nguyện sang đây với một bác sĩ giải phẫu, một bác sĩ khoa tổng quát và một bác sĩ nhi khoa. Mười bác sĩ dân sự đã tình nguyện đến tăng cường toán quân y của ông. Và toán y sĩ này đi từ trại lánh nạn này đến trại lánh nạn khác, từ Cần Thơ đến Vũng Tàu hay ra tận đảo Phú Quốc để chăm sóc cho các thương binh và các thường dân bị thương vì chiến cuộc.

Chung quanh Sài Gòn hệ thống an ninh từ từ siết chặt lại. Các đơn vị cảnh sát đặc biệt đều mang áo giáp và đội nón sắt, trang bị hùng hậu đã đi tuần khắp các vùng ngoại ô và được lệnh bắn bắt cứ người tình nghi nào mà không cần phải gọi hỏi trước.



Chiều nay tôi nhận một lá thư từ bên Mỹ rất đáng được chú ý. Lá thư của một người bạn của tôi, anh Dick Benham 32 tuổi, cựu phi công trực thăng võ trang thuộc lực lượng Tuần Giang (đơn vị giang thuyền). Hai lần bị thương ở Việt Nam, chuyển sang ngành giáo dục sau khi về Mỹ lấy được bằng tiến sĩ về chánh trị kinh doanh. Và đây là nội dung bức thư:

“Anh Pierre thân mến,^[1]

“Tôi đã gọi điện thoại tới Paris, vợ anh đã cho tôi biết là anh đã đi Việt Nam. Bà ấy cho tôi số hộp thư của anh ở Sài Gòn (hộp thư số 1303). Tôi hy vọng rằng mặc dầu có một “không khí hỗn loạn tại đó, nhưng bức thư của tôi cũng có cơ may đến tay anh được. Có rất nhiều người bạn Việt Nam viết thư hỏi tôi cái gì đang xảy ra ở Hoa Kỳ? Họ không hiểu “được thái độ chống đối của Quốc Hội và tình thụ động của người đứng đầu Nhà Trắng.” Có rất nhiều lý do để Hoa Kỳ bỏ rơi nước Việt Nam, nhưng tất cả đều dính với câu “chuyện tai tiếng Watergate và chuyện bầu cử lại của dân biểu Hạ viện và 1/3 nghị sĩ “trong tháng 11/1974 này. Cuộc vận động bầu cử vào mùa thu 1974 được đánh dấu bằng một sự chán nản chung của dư luận quần chúng. Đến độ mà tất cả các kỳ lục về “không đi bầu” đều bị phá hết! Năm chục phần trăm cử tri Mỹ đã không đi bầu. Đảng Dân Chủ đã đạt được một thắng lợi hoàn toàn áp đảo. Một vài tuần sau đó, ông Jay Lovestone từ lâu là cánh tay mặt của ông George Meany trong tổ chức Công Đoàn Lao Động, đã ước tính trong một cuộc nói chuyện riêng tư rằng trong số những người mới được bầu vào Quốc Hội đã có đến ít nhất 80 là những người còn ướt sũng đảng

sau “xe”^[2], có nghĩa là những trẻ con thất học^[3] và vô trách nhiệm. Và lại đó chỉ là một đánh giá còn quá thấp, bởi vì ba tháng sau đó (tháng 3/1975) trong lúc Đông Dương đang trong cơn khủng hoảng, người ta ước lượng con số của những tay “ngu dốt mới” đó đã vào được Hạ Viện Hoa Kỳ 140 đứa^[4]. Nhất là đặc điểm của bọn “ngu dân” này được thể hiện qua thái độ của con đà điểu, không cần suy nghĩ vẫn khẳng khẳng nhất quyết từ chối không muốn quan tâm đến tình hình của vùng Đông Nam Á Châu. Tự mãn là đã “thuộc một xã hội giàu có, bọn chúng không muốn nhìn ra ngoài những bức tường của chúng đang sống. “Chúng tôi không muốn nghe nói về Việt Nam nữa!”. Đó là câu mà “bọn chúng đã nhắc đi nhắc lại đối với những tiếng vọng từ bên ngoài. Đến khi mà phái gởi một phái đoàn dân cử đi sang Việt Nam để điều tra tình hình tại chỗ, thì người ta đã chọn những con “đà điểu” đẹp nhất. Thí dụ như James Mac Closky (đại diện cho California), người đã từng khẳng định năm 1967 rằng không thể thắng Việt Cộng nổi; như bà Bella Abzug, một người tranh đấu cho phụ nữ và cho hòa bình đã từng nổi tiếng trong cuộc đấu tranh cho quyền lợi của phụ nữ. Cuộc điều tra của phái đoàn tám người dân cử đó chỉ được tiến hành vón vện có hai ngày và chỉ thừa nhận những thành kiến và định kiến mà họ đã có sẵn từ lâu rồi. Thái độ của những nhà lập pháp đó thật ra chỉ đưa đến một chiến dịch đầu độc rộng lớn từng được các chương trình truyền hình lớn và của báo chí như tờ New York Times, tờ Washington Post, những tạp san như New York Review of books^[5] (không phải đơn thuần là những tạp san văn hóa mà là những phương tiện tranh đấu của những người trí thức như Mary Mac Carthy và 500 người khác với “ý nghĩ

“tốt” cùng loại như thế. Những người to đầu cầm chịch cho trò chơi, cho chiến dịch này “chỉ là một nhóm bat nhân bé nhỏ, nhưng hành động của họ được sức mạnh của truyền thông báo chí Mỹ nhân lên. Một vài nhà báo mà chúng tôi cho họ một biệt danh là “kẻ cẩu” như James Reston, Antony Lewis, Kraft hay Broder, mà những bài viết của họ được “nghiệp đoàn hóa” (có nghĩa là được phổ biến cùng lúc do một số lượng báo chí địa phương ở các tiểu bang và như thế là có một số lớn độc giả) đã làm mất uy tín của VNCH và những nhà lãnh đạo của họ một cách có hệ thống. Chính những người này đã hạ ông Nixon và những người dân cử mới này là hình bóng của báo chí đã tạo dựng cho họ lên. Tôi tin chắc là Quốc Hội không chấp thuận ngân khoản viện trợ”.

[1] - trong thư bạn của tác giả toàn dùng danh từ “mây” và “tao” vì họ là bạn chí thân, nhưng trong bản dịch chúng tôi phải dịch là “anh” và “tôi”

[2] - nguyên tác bằng tiếng Mỹ “who are still wet behind the cars” (có vẻ khinh bỉ)

[3] - nguyên tác của tác giả: des jeunes enfants ignares

[4] - nguyên tác của tác giả: “nouveaux imbéciles”. Lá thư dùng đến hai lần danh từ “imbéciles”.

[5] - Về tên của các tờ báo, chúng tôi không muốn dịch ra tiếng Việt, để cho các độc giả nhận diện được rõ ràng những tờ báo Mỹ đó.

Chương 13

QUỐC HỘI HOA KỲ BÀN CẢI VỀ NGÂN KHOẢN, TRONG LÚC NGƯỜI DÂN MIỀN NAM LO CHÔN CON MÌNH

Ngày hôm qua 16 tháng 4, ngỏ lời cùng Hiệp Hội các Chủ Báo Hoa Kỳ với tư cách là vị khách danh dự, Tổng Thống Gerald Ford tuyên bố là “*sự sụp đổ của Miền Nam Việt Nam là không sao tránh khỏi được*”. Ông đã xác nhận:

“Theo các điều khoản của Hiệp Định được ký kết tại Paris ngày 27 tháng giêng 1973, trong khuôn khổ một sự thỏa thuận với Miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ đã cam kết cung cấp chiến cụ thay thế và ngân khoản viện trợ kinh tế cho họ. Tôi nghĩ rằng Liên Xô và Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa cũng đã có những cam kết tương tự như thế đối với Miền Bắc Việt Nam. Những cam kết này hình như đã được thực hiện. Điều bất hạnh là về phần cam kết của chúng ta, Hoa Kỳ đã không thực hiện được những lời hứa của mình. Nếu chúng ta thực hiện đúng lời hứa thì Miền Nam Việt Nam không gặp cơn khủng hoảng quá bi thảm như hôm nay. Tôi nghĩ rằng trong trường hợp đặc biệt đó, chúng ta không thể trách Liên Xô hay Cộng Hòa Nhân Dân

Trung Quốc được. Nếu chúng ta giữ đúng lời cam kết với đồng minh của chúng ta thì thảm trạng này tôi tưởng là có thể tránh khỏi được.”

Từ hai ngày nay, ông Kissinger và ông Schesinger, tổng trưởng ngoại giao và quốc phòng đã cùng với tướng Weyand, tham mưu trưởng quân đội Hoa Kỳ sau chuyến đi thanh sát Việt Nam trở về, đã phải tranh đấu “một trận cuối cùng về ngân khoản viện trợ” với Quốc Hội. Họ đã nhấn mạnh đến sự cần thiết để chấp thuận 722 triệu mỹ kim mà Tổng Thống đã xin, như là một “ngân khoản tối thiểu rất cần thiết cho cuộc phòng thủ Miền Nam Việt Nam”. trong đó 326 triệu để tái trang bị cho bốn sư đoàn, để tập hợp các đơn vị lại và tái trang bị cho họ, phần còn lại sẽ cung cấp cơ phận thay thế và dụng cụ y khoa và thuốc men để có thể “hỗ trợ được cho 60 ngày tác chiến mãnh liệt”.

Ông Kissinger đã nói tới trách nhiệm tinh thần tuyệt đối là phải nâng đỡ một đồng minh đang trong con nguy kịch. Vừa làm giảm nhẹ những khuyến cáo từ trước của ông, Kissinger vừa nhấn mạnh là nếu Quốc Hội từ chối không bỏ phiếu thuận cho ngân khoản viện trợ đòi hỏi thì *“niềm tin và danh dự của Hoa Kỳ dù không bị sụp đổ thì cũng sẽ bị giảm đi”*. *“Nếu hai bên muốn tiến tới một sự thương thuyết với nhau thì ít nhất tình hình quân sự phải được ổn định, và nếu không có được sự ổn định tiên quyết đó, thì chỉ có một khả năng thương lượng duy nhất mà thôi, đó là sự thương lượng để đầu hàng!”*

Sau khi họp kín, tiểu ban ngoại giao Thượng Viện đã thỏa thuận trên nguyên tắc “chấp thuận một ngân khoản khẩn cấp” là 200 triệu mỹ kim dành để di tản trong vòng trật tự những công dân Hoa Kỳ ở Sài Gòn và “vài người Việt Nam” có thể bị đe dọa đặc biệt đến

tánh mạng.

Trong lúc các cuộc bàn cãi đó tiếp tục một cách tế nhị ở Hoa Thạnh Đốn, thì trận chiến vẫn tiếp diễn ở chung quanh Xuân Lộc, và hiện đang mở rộng ra trên 100 cây số về hướng Đông và hướng Nam của thủ đô Sài Gòn. Các khu trục phóng pháo cơ thuộc căn cứ Biên Hòa cứ bay lên và đáp xuống theo nhịp độ từng hai chiếc một, cách nhau mỗi ba phút một. Cứ phải có ba phi công ứng trực để tuần tự thay phiên nhau trong sáu giờ cho mỗi chiếc khu trục.

Phía cộng sản họ có một lực lượng đại bác phòng không rất hùng hậu cơ động bằng xe kéo. Các phi công phải nhận lấy nhiều sự nguy hiểm không lường được để yểm trợ cho các đơn vị bạn dưới đất, như trong khu vực Bình Giả (cách Sài Gòn 120 cây số về phía Đông Nam) binh sĩ đang đánh xáp lá cà với địch. Chỉ trong vòng 2 ngày pháo binh Bắc Việt đã rót 8.000 quả đại bác xuống các vị trí của sư đoàn 18 bộ binh. Liên lạc truyền tin với Bộ chỉ huy của tướng Đào, người có trách nhiệm mặt trận Xuân Lộc bị mất đi và sau đó được thiết lập lại được. Binh sĩ của ông bám lấy trận địa, chống cự hết sức mãnh liệt gần như điên cuồng, và không để mất một tấc đất nào mặc cho lửa đạn như bão táp liên tục được trút xuống vị trí của họ.

Sáng nay, tôi rời khỏi thủ đô và đã qua cầu Bình Lợi với một toán 10 vị bác sĩ, do một người bạn của tôi hướng dẫn, bác sĩ Triễn. Ông bác sĩ 60 tuổi này là một người công giáo thuần thành, đã có 11 đứa con, có một đức tin và một tinh thần từ thiện không hề suy giảm, người ta thường gọi ông là “bác sĩ của người nghèo” vì ông từ chối không nhận một thù lao nào từ những người nghèo khổ mà ông thường chăm sóc mỗi ngày.

Qua cầu rồi chúng tôi đi theo xa lộ Đại Hàn, và đi khoảng 10

cây số thì đến một bìa làng Tam Bình, một đồn điền cao su chừng 30 mẫu có bóng râm, nơi đó có trên 20 ngàn dân lính nạn đang ở đó: một đám người nghèo, khổ, ốm yếu, áo quần tồi tệ, đi chân đất, toàn là đàn bà, trẻ con và người già. Hầu hết đều không có gì cả, có khi nằm ngay dưới đất, có người thì che tạm lều bằng một vài mảnh ván thùng, hay giấy bồi. Họ đến đây từ 10 tỉnh khác nhau, có nhiều người từ Quảng Trị và Huế, phải đi bộ trên 600 cây số mới đến được bờ biển rồi chen chúc nhau trên những chiếc thuyền đưa họ tới bến tàu ở Sài Gòn rồi từ đó nhờ những anh em công giáo đưa họ đến đồn điền cao su này, nơi đây ít nhất họ cũng tránh được hỏa tiễn và đạn pháo binh của Bắc Việt được trong vài ngày.

Các bác sĩ sắp xếp chỗ làm việc ở ngay bìa đồn điền, trồng trái, để săn sóc cho các bệnh nhân. Hơn 800 người bệnh (rét rừng, sung phổi,...) ngồi bẹp dưới đất yên lặng chờ đến phiên mình được khám. Trẻ con thì mình đẩy ghè, mất thì sung húp lên vì nhậm, vì toét, hay run lên cầm cập vì rét rừng. Có nhiều bà bị thương và không được thay băng trong ba ngày nay, nên vết thương hôi thúi không chịu được nhưng không nghe người nào than vãn một câu.

Một vị linh mục mặc áo chùng, vạm vỡ, đầu húi ngắn tới đây bằng mô tô. Vừa xuống xe là cả đám đông vây quanh ông, chào ông và lễ ông nữa. Đó là cha Joachim Châu, ở ngay họ đạo gần nhà thờ Đức Mẹ Fatima. Ông đi dài trên đường dọc theo các hàng cao su, và tôi đi theo ông. Ông nói với tôi:

- *"Tình hình có vẻ khá quan hơn đôi chút rồi. Binh sĩ thuộc sư đoàn 5 bộ binh đã cho tôi 200 tấm lều cá nhân, và cho tôi mượn ba xe bồn chứa nước. Tôi lấy được của anh em thiết giáp 100 ki lô xà phòng và 200 cái thau nhựa của Mỹ. Phần các bác sĩ thì mang theo 500 kí thuốc men, nhưng chắc không đủ đâu,*

Ở đây đã có nhiều trường hợp bệnh thiên thời và chúng tôi hết thuốc chùng ngựa rồi. Từ khi Nha Trang bị thất thủ, viện Pasteur ở thành phố đó không cung cấp được gì cho mình hết, và viện Pasteur ở Sài Gòn thì không thể cung ứng nổi nhu cầu đòi hỏi. Mỗi đêm, đã có từ 10 đến 12 đứa trẻ chết. Riêng tôi thì đang chờ đoàn xe chở gạo đến: ba chiếc ghe chài loại 10 tấn, có thể đủ để nuôi những người khốn khổ này trong hai ngày.”

Ngay sát bên mấy lều dẫu, khoảng 20 ông già còi trần trụi trực lòi xương ra, đang dùng cuốc cặm cùi đào đất. Trước mấy hố vừa đào đó có hai hàng dài thân trẻ nít được quấn chiếu hay bọc ny lông trong suốt, đó là 13 đứa vừa chết đêm qua.

Ngồi trước thân của con mình, mấy bà mẹ dờ dẩn và im lặng không còn sức đâu mà khóc được nữa. Tôi đứng lặng người tại chỗ, không sao có được một cử động nào. Nói gì bây giờ đây và làm gì bây giờ đây? Phải có một sức bật nào đó của cả thế giới để bứt tất cả những người này ra khỏi cảnh nghèo đói, sợ sệt và chết chóc! Một ông già mặt mày nhăn nheo tiến đến gần tôi và nức nở nói với tôi:

- “Ông là một nhà báo Pháp phải không? Ông hãy viết trên báo của ông là hãy giúp chúng tôi cứu những đứa trẻ này, chúng nó vô tội mà. Phải cho chúng nó một cơ hội để sống sót. Còn chúng tôi hả, chúng tôi có thể chết, chúng tôi đã chịu quá nhiều thử thách rồi, quá nhiều điều khủng khiếp rồi, quá nhiều tang tóc rồi, nhưng chúng nó, chúng nó chỉ mới bắt đầu thấy ánh sáng, chúng nó còn quá yếu đuối... Chúng tôi không còn sữa cho chúng nó nữa. Hằng ngày chúng tôi chỉ có thể cho chúng nó mỗi một chén com. Rồi đây trong vài ngày nữa, khi những cơn bão đầu tiên của mùa mưa ập xuống thì chúng sẽ nằm dưới

bùn. Muối mòng sẽ hoành hành và con số tử vong sẽ tăng lên gấp bốn lần! Tôi van ông, ông ơi, ông hãy làm một cái gì đi!”

Tôi lấp bấp một vài lời hứa. Cổ họng tôi co thắt lại, và tôi không có can đảm nhìn thẳng vào cặp mắt trang nghiêm chững chạc nhưng đầy vẻ thất vọng của ông già này.

Nếu chiến trận đến gần chỗ này, nếu đạn pháo hay rốc kết lại bắt đầu rơi xuống đây, xuống cái trại tạm coi là còn có cơ may cuối cùng này, thì những người khốn khổ kia sẽ đi đâu? Trong lúc họ gần như không còn sức để lê bước nữa?

Linh mục Joachim Châu đã có dựng tạm một bàn thờ trên một cái bàn khập khiễng, đặt bộ đồ làm lễ bằng bạc lên tấm trải vá vú, rồi mặc lại bộ đồ giáo sĩ của ông, xong đầu đó ông bắt đầu làm lễ trên một vùng đất rộng đầy cỏ khô cằn. Rất thông thả và trong vòng trật tự, hàng ngàn tín đồ chạy loạn quỳ xuống thành một vòng chung quanh bàn thờ và lớn tiếng cùng cầu nguyện. Tất cả cùng nắm chặt tay nhau họ làm thành một sợi giây thiêng tôn kính, gắn chặt với nhau bằng sự nghèo khó khổ sở mà họ đang chia sẻ với nhau. Từ những tín đồ công giáo rách tả tơi này, kết giây thân ái chặt chẽ với nhau trên mảnh đất khô cằn sỏi cát này, tôi thấy toát ra một cảm tưởng thật lạ kỳ đầy phẩm cách, đầy ước vọng làm cho người ta phải kính nể. Bị người đời và cả Chánh Phủ bỏ rơi, lạc loài lánh nạn trong một mảnh đất nhỏ bé đầy lùm bụi bị lãng quên, không ai biết tới này, xa đường, xa lộ, vắng vẻ không ai lui tới này, trong một giai đoạn chạy loạn mà không ai còn một món gì trong tay, họ chỉ còn biết giao số phận mình cho Chúa một cách mù quáng. Nhưng Chúa có còn nghe họ hay không đây?

Chương 14

“PHNOM PENH THẤT THỦ”

“MỘT TRIỆU CHÚNG ĐÁNG BUỒN CHO SÀI GÒN”

Thứ Sáu, ngày 18 tháng Tư năm 1975. Phnom Penh đã thất thủ. Bị vây trong năm tháng liền, bị pháo binh 105 và rốc két nã vào, thủ đô Nam Vang của Campuchia đã chống trả rất can đảm trong vô vọng. Bây giờ thì coi như đã hết rồi.

Nhiều cánh quân kháng chiến, mặc quân phục bằng vải thô đen, đầu đội nón cối Trung Cộng, trang bị súng liên thanh và Súng Không Zật (SKZ), đã tràn vào thành phố. Không đầy 48 giờ sau khi tòa Đại sứ Hoa Kỳ vừa mới di tản xong là Khmer Đỏ đã làm chủ đất nước Campuchia. Xuất phát từ trong rừng, từ những đầm lầy và từ đêm tối, họ đến Phnom Penh để trừng phạt bọn “phản động”, đến để xóa hết tàn tích của bọn tham nhũng tư bản và để trị vì dân chúng Campuchia. Họ dùng bá súng đập phá hết cửa nhà của những người mà họ gọi là “trường giả”, vứt hết các xe cộ, các máy chơi nhạc, những máy khâu thanh, những lò tự động của mọi người dân vào những bãi rác công cộng. Họ bắt buộc dân chúng ở thành phố mà họ gọi là đã quá hư hỏng vì đồng tiền, vì phương tiện và những tiện nghi, phải đi hết về đồng ruộng.

Sự thất thủ của thủ đô Campuchia là một biến cố đe dọa nặng nề đối với Miền Nam Việt Nam. Mà còn hơn thế nữa với sự việc Khmer Đỏ đã chiếm được thành phố này và cái lối mà người Mỹ đã bỏ rơi thủ đô Phnom Penh này, Sài Gòn đã có một cảm nhận rất nặng nề vừa như một xúc phạm, một sự sỉ nhục, vừa là một loại triệu chứng bất tường cho chính mình. Dưới sự bảo vệ của một lá chắn bằng khu trục phản lực cơ bay lượn thường trực trên vòm trời của sân bay Pochentong, gần bốn chục chiếc trực thăng đã đáp xuống một thành phố đang bị vây hãm và đang bị pháo kích, các Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ với một sự can đảm, một sự chính xác và một hành động khôn ngoan, đã bốc đi hết 82 người Mỹ và trên 100 cộng sự viên người Khmer. Nhưng hành động này không được đánh giá là một hành động đầy tính chất kỹ thuật quân sự mà phải được coi là một sự cố ý bỏ rơi một cách lạnh lùng, có tính toán và dự trù từ trước của Hoa Kỳ. Người Việt Nam không thể không liên tưởng đến một hành động song song giữa tình hình của Campuchia và tình hình của quốc gia họ. Họ sẽ nói: “Hoa Kỳ đã can thiệp quân sự ở Campuchia trong khi họ chánh thức tố giác sự hiện diện của các sư đoàn Bắc Việt trên lãnh thổ này. Họ đã cho quân đội và không quân tham chiến ở đây, họ đã nhìn nhận Chánh Phủ của Tổng Thống Lon Nol ngay sau khi ông Hoàng Sihanouk bị truất phế và lật đổ. Họ đã can thiệp vào nội bộ nước Campuchia. Đại sứ John Dean của họ đã tự coi mình như một viên quan thái thú, chấp chánh ở đây. Rồi dùng một cái, không có một lời báo trước không có một câu giả từ đối với những người mà họ bỏ rơi lại phía sau, họ rũ áo ra đi mà không muốn ở nán lại một giây nào nữa để tính sổ cho hành động can thiệp quân sự của họ ở đây: năm năm cho cuộc chiến, năm năm tang tóc và điêu tàn, với bao nhiêu

tỉnh thành làng mạc bị tàn phá, và một phần năm dân chúng bị chết hay bị thương,

Những cuộc tranh cãi kéo dài vô tận giữa Lập Pháp và Hành Pháp Hoa Kỳ về một sự “cần thiết tối khẩn” cho một ngân khoản viện trợ cho Phnom Penh, cuối cùng bị ngưng trệ vô điều kiện vì những người có trách nhiệm của Hoa Kỳ, đã thực sự báo động cho dân chúng Miền Nam Việt Nam. Họ còn bồn chồn lo sợ hơn nữa khi thấy sự phản đối công khai và hiển nhiên của đa số Quốc Hội Hoa Kỳ đối với những đòi hỏi nhắc đi nhắc lại của Tổng Thống Ford mong muốn giúp cho Sài Gòn, cũng như một cuộc thăm dò dư luận gần đây của đài NBC theo đó 70% dân chúng Mỹ tin chắc rằng dù Hoa Kỳ có làm gì đi chăng nữa thì cũng không thể ngăn cản được Miền Nam Việt Nam bị rơi chắc chắn vào tay cộng sản. Những người Việt Nam đang lo sợ nhất là những người thuộc mấy thành phần rõ rệt sau đây: nhiều nhất trước hết là những người trực tiếp làm việc trong các cơ sở dịch vụ của Hoa Kỳ - như phòng thông tin tuyên truyền và báo chí - các nhân viên tòa đại sứ, các nhà trí thức, các giáo sư, các nhà xuất bản hay chánh trị gia đang hoạt động (số này hơn 40.000) kế đó là những nhà hào phú: các ông giàu có nhờ biết lợi dụng chiến tranh (cũng đến hàng ngàn) đang tìm cách mua giấy phép xuất cảnh hay giấy chứng nhận là công dân ngoại quốc với bất cứ giá nào. Ngoài ra còn có tất cả cán bộ các cấp trong guồng máy quân sự và hành chánh của Miền Nam Việt Nam các sĩ quan cao cấp, sĩ quan an ninh quân đội, tỉnh trưởng hay quận trưởng, thanh tra cảnh sát.... những người đang lo sợ nếu cộng sản chiếm được Miền Nam. Con số những người này cũng từ 150.000 đến 200.000. Đối với 20 triệu dân thì con số này chỉ đại diện cho một thiểu số mà thôi (chừng 1%).

Hầu hết dân chúng Miền Nam khiêm nhường và siêng năng đều gắn liền với đồng ruộng của họ. Họ không muốn tự đặt mình dưới sự cai trị của quân thù, nhất là những người đến từ Miền Bắc. Bằng chứng là đã có hằng bao nhiêu ngàn người dân sống chết cũng phải bỏ chạy. Họ không chạy đến những người tự xưng là “giải phóng cho họ” và họ cũng không chờ đợi những anh “giải phóng” này ở tại làng của họ. Tất cả họ đều kéo nhau chạy về Sài Gòn vì bàn tay sắt khát máu của cộng sản đã làm cho họ run sợ.

Hơn nữa, tránh được làn sóng hoảng loạn lan truyền trên khắp miền Trung của đất nước, Miền Nam đang cứng rắn chịu đựng mọi đe dọa của các sư đoàn Bắc Việt. Ý thức kỳ thị và óc địa phương đã bắt rễ thật sự rồi! Sài Gòn và Đồng Bằng Cửu Long là vùng đất cũ của người Nam Bộ, và họ muốn giữ lấy cho họ. Quân đội Miền Nam sẽ đánh và sẽ cố giữ từng tấc đất của họ. Các đơn vị địa phương quân tình nguyện tham gia các cuộc hành quân. Tại Vùng 4, tướng Nam giữ chặt tính chủ động, đường sá vẫn được mở cho mọi sự lưu thông và Sài Gòn vốn được tiếp tế đều đặn, không thấy có dấu hiệu hoảng hốt nào.

Chánh Phủ mới, một “Chánh Phủ chiến đấu”, cuối cùng đã được thành lập xong. Thành phần gồm có những người liêm khiết, những kỹ thuật gia có giá trị, những người lãnh đạo các trường đại học, các lãnh tụ tôn giáo, công đoàn và lần đầu tiên hầu hết đều là những người gốc Miền Nam. Nhưng dù cho có một sự hợp tác rộng rãi của mọi thành phần dân chúng, dù binh sĩ có đầy đủ tinh thần can đảm và ý chí chiến đấu, tương lai gần đây của Miền Nam vẫn phải tùy thuộc vào thái độ của người Mỹ. Muốn đương đầu với một kẻ thù cứng rắn và cương quyết, được võ trang thật hùng hậu, lại được các đồng minh lớn Liên Xô và Trung Cộng hậu thuẫn vô

điều kiện, Miền Nam cần phải có thêm thật nhiều vũ khí nặng, đạn dược, cơ phận thay thế và xăng dầu. Chỉ có Hoa Kỳ là có thể cung cấp được ngân ấy thứ mà thôi. Báo chí Mỹ loan báo là Quốc Hội sẽ cho biết quyết định của họ vào ngày mai 19 tháng 4.

Nếu các nhà Lập Pháp Hoa Kỳ chấp thuận giải tỏa ngân khoản do Tổng Thống Ford đề nghị, thì Chánh Phủ chiến đấu mới thành lập này còn có cơ may làm tròn nhiệm vụ của họ được. Nhưng nếu không có một sự trợ giúp về tiếp vận và tài chánh, thì Chánh Phủ này sẽ chỉ là một Chánh Phủ chuyển tiếp mà thôi, đối diện với một thảm kịch tấn thối lưỡng nan: hoặc bán đứng Miền Nam và đưa Miền Nam cho Hà Nội giám hộ, hoặc chống cự lại như kiểu Campuchia với cái giá cuối cùng của một sự tắm máu thật kinh khủng.

Những tin tức từ mặt trận đưa về thường không đầy đủ. Ba sư đoàn Bắc Việt được rút ra từ sau khi Campuchia bị hoàn toàn thất thủ, đã được tung ra để cô lập hoàn toàn tỉnh Tây Ninh, thủ đô tôn giáo của Đạo Cao Đài nằm về hướng Bắc của Sài Gòn khoảng 100 cây số. Bốn sư đoàn khác tiến về hướng Đông cốt đánh bật chốt Xuân Lộc. Trong khu vực này lực lượng Miền Nam ngày hôm qua đã thành công giành được chút không khí khi họ tiến lên phía trước khoảng 10 cây số, nhưng sau đó bị Bắc Việt cầm chân bằng nhiều cuộc phản công, đồng thời các đơn vị Bắc Việt đã lợi dụng sự cầm chân này để tiến đánh bọc hai bên sườn quân Miền Nam.

Hai Trung đoàn thuộc sư đoàn 7 Bắc Việt khóa cứng ngã ba Dầu Dây (Suzannah) đồng thời tiến về hướng Trảng Bom. Quân Chánh Phủ tung ra lực lượng trừ bị cuối cùng: sư đoàn 5 và một lữ đoàn Dù.

Chánh quyền quân sự đã phải cho lệnh về an ninh trở lại cho dân chúng: đào hầm trú ẩn, thành lập các toán phòng thủ thụ động và cứu thương.

Chiếc tàu hàng già nua Taboa đã phải ngược dòng sông Sài Gòn mang thuốc men và dụng cụ giải phẫu cho các bác sĩ Pháp thuộc bệnh viện Grall.

Lúc này, tôi có gặp được bạn tôi là ông Hoàng Đức Nhã, cựu bộ trưởng Thông Tin, ở tại biệt thự của ông trong khu vực của bệnh viện Grall. Ông có vẻ bận rộn nhưng cũng tâm tình với tôi một vài điều:

“Người Mỹ chơi trò lạ lùng lắm. Họ không bao giờ ngưng tiếp xúc với “phía bên kia”. Phương tiện họ dùng cũng giản dị thôi. Hằng tuần vẫn có một chiếc phi cơ Mỹ do người Mỹ lái ra Hà Nội. Phi cơ đó chở những nhân viên đi phép thuộc phái đoàn quân sự Bắc Việt trong Ủy Ban Kiểm Soát Ngừng Bán đang đóng ở Tân Sơn Nhứt. Chúng tôi biết là viên phi công Mỹ lái chiếc máy bay liên lạc này, có mang theo một số thư mật của Kissinger gởi cho Thủ Tướng Bắc Việt. Chúng tôi biết từ một nguồn tin chắc chắn là cách nay mấy ngày có một đặc phái viên của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã đến Hà Nội, mang theo một lá thư của Chánh Phủ Hoa Kỳ. Bức thư đó đã báo đàm với Bắc Việt rằng trong trường hợp quân đội Miền Nam sụp đổ hoàn toàn, thì Hoa Kỳ sẽ cho rút hết toàn bộ nhân viên của sứ quán Mỹ ở Sài Gòn “với điều kiện là lực lượng cộng sản không được bắn vào các trục thẳng chuyên chở đang lo việc di tản này”. Để cho lời cảnh cáo này được thêm nặng ký, bức thư này cũng có nhấn mạnh với lãnh đạo Hà Nội rằng: “các pháo đài bay B.52 hiện đang đậu trên căn cứ ở Thái Lan và hạm đội VII với tất cả các hàng không mẫu hạm của mình đã ở trong tình trạng báo động.” Bất cứ một sơ suất nhỏ nào của bộ đội Bắc Việt cũng sẽ dẫn đến những hành động trả đũa thật ghê gớm.”

Tin tức này có thể là một “ngòi nổ” lớn được lắm đó, nhưng tôi

tin chắc rằng người Mỹ sẽ đánh chánh ngay thôi, và dù sao hệ thống kiểm duyệt của Chánh Phủ cũng phải xóa ngay điện tín của tôi. Và hơn nữa tôi không có một phương tiện nào để kiểm chứng hay phối kiểm được.

Không còn nghi ngờ gì nữa, những ngày sắp tới sẽ là những ngày quyết định. Trong khi chờ đợi, biện pháp duy nhất để tránh sự ám ảnh về sự bí mật và nguồn tin này là phải ra sát mặt trận. Bài toán tương đối cũng không khó giải quyết: chiến trận chỉ còn cách đây chưa tới một giờ lái xe. Ở một vài điểm người ta đang đánh nhau chỉ cách thủ đô chừng 40 cây số... Tại Biên Hòa pháo binh bắn gần như liên tục, không ngừng. Pháo binh cộng sản thì nã vào các vị trí (đồn) của bộ binh canh gác hay phòng thủ chung quanh vòng đai căn cứ không quân, và pháo binh của Chánh Phủ thì bắn phản pháo... Những quả đạn pháo 130 ly của Liên Xô chạm mục tiêu nổ rền trời và làn sóng âm thanh vang dội nặng nề trong vòng hàng trăm thước chung quanh.

Trên các đường bay của căn cứ không quân, trông thật là nhộn nhịp trong không khí chiến đấu. Các chiến đấu phóng pháo cơ bay lên và đáp xuống với một nhịp độ ba chiếc mỗi năm phút. Các phi công với quần áo bay và súng cá nhân nai nịch gọn gàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ bay ngay tại phi cơ của mình, trong lúc mà các thợ máy và các nhân viên lo đổ xăng và tiếp thêm đạn dược, sau đó cất cánh ngay sau khi thấy chiếc phi cơ của mình đã được đầy đủ bom và rốc két.

Có nhiều anh phải bay đến tám phi vụ mỗi ngày.

Đối với anh em phi công, chuyện quan trọng là phải định được vị trí của ánh sáng lóe lên lúc đạn đại bác của pháo 130 liên xô được bắn vào căn cứ của mình, để họ có thể dùng vài tràng đại

liên chính xác, vô hiệu hóa khẩu đại bác đó. Nhiệm vụ không phải dễ dàng lắm.

Những phi cơ quan sát nhỏ hơn và các trực thăng thay phiên nhau để có mặt thường trực trên vòm trời căn cứ và đặc biệt canh chừng khu vực rừng Tri An. Các khẩu pháo 130 được ngụy trang rất kỹ dưới các tàng cây to cứ mỗi hai phút bắn đi hai tràng sáu viên đạn đại bác vào căn cứ rồi sau đó thì chạy ngoằn ngoèo đi chuyển đi tìm chỗ khác cách đó từ hai hay ba cây số...

Tôi phải chờ ở đây lâu đến hai tiếng đồng hồ để tìm trực thăng đi Xuân Lộc, nhưng vô ích, nên tôi đành phải dùng xe đến Hồ Nai, một cộng đồng 60.000 giáo dân tỵ nạn từ Miền Bắc vào năm 1954... Người ta gọi Hồ Nai là “Hà Nội nhỏ”, gồm có một cuộc đất cao và một cuộc đất thấp; đây là một thị trấn nhỏ nhưng rất năng động, đông dân, và quy tụ chung quanh các thánh đường (gần 20 nhà thờ), mỗi khu có một nhà thờ riêng, có linh mục riêng tuy ốm yếu nhưng được mọi người tín đồ tin theo một cách mù quáng.

“Chúng tôi chỉ tin chắc có một thực tế, Cha Sứu nói với tôi, là chúng tôi phải chiến đấu. Chúng tôi không có con đường nào khác để chọn lựa, chúng tôi đã từ bỏ Miền Bắc hai chục năm nay rồi, để chạy khỏi chế độ cộng sản. Khi chúng tôi đến đây, chúng tôi chẳng có gì. Không tiền bạc, không dụng cụ. Chúng tôi chỉ mang theo với chúng tôi những cái chuông bằng đồng của các nhà thờ cũ của chúng tôi, những tượng thánh bằng gỗ chạm và vật dụng làm lễ. Chúng tôi đã xây cất thánh đường mới, cất nhà cho chúng tôi, trồng vườn cây ăn trái và những vườn hoa này, cuộc đất từ những cánh rừng này, và chúng tôi có phải chết thì sẽ chết ở đây thôi!”

Giáo dân ở đây rất có kỷ luật, rất siêng năng, và được tổ chức

rất chặt chẽ, đoàn kết với nhau chung quanh các giáo xứ có ảnh hưởng còn hơn Chánh Phủ nữa. Giờ đây họ đang chuẩn bị để chiến đấu. Để chứng tỏ ý chí chiến đấu và lòng tin vững mạnh của mình, các linh mục mời những đồng bào tản cư từ vùng Xuân Lộc hãy ở lại Hồ Nai, Có hằng ngàn người được chia ra ở trong những lều thấp được dựng lên quanh các nhà thờ, hay dưới sân trường học, được giáo dân và hướng đạo sinh săn sóc cho họ chu đáo.

Ông xã trưởng Nguyễn xuân Phiệt đã khẳng định với tôi: *“Không có một người nào sẽ rút lui. Tôi có 4 tiểu đoàn nhân dân tự vệ và xin tình trạng bị cho chúng tôi. Chúng tôi muốn có súng không dật, súng liên thanh nặng và súng M.16. Nếu được trang bị như vậy chúng tôi sẽ dùng nhà thờ làm căn cứ để giữ vùng này. Nếu không thì chúng tôi cũng sẽ chiến đấu nhưng với súng ống xấu hay bằng vũ khí thô sơ. Chúng tôi không có gì phải nói với bọn Quốc Hội Hoa Kỳ và Tổng Thống Ford của họ. Mọi người đều nói nhiều quá, nhưng lời nói không dùng được việc gì hết. Bây giờ chỉ có hành động mà thôi. Mỗi gia đình của chúng tôi đều đã mất hoặc một người con trai, một đứa em hay một người cha, hy sinh trong chiến trận, trong hàng ngũ của quân đội. Nếu Hoa Kỳ giúp chúng ta thì cũng tốt nếu họ bỏ rơi chúng ta thì cũng tốt thôi, không có gì gọi là quan trọng hết... Tự trung coi như chúng tôi không còn đất để mà lui nữa. Chúng tôi sẽ ở nguyên tại đây để chứng tỏ đức tin của chúng tôi. Chúa sẽ là chỗ dựa duy nhất của chúng tôi và chỉ có Chúa là không bao giờ phản bội chúng ta!*

Chương 15

THỜI KỲ CỦA NHỮNG TRÁI BOM “THÍ NGHIỆM”

Thứ Bảy, ngày 19 tháng Tư. Ở đầu một đường bay, những người lính chữa lửa đang chữa cho một phi cơ phản lực 2 động cơ, bị trúng một hỏa tiễn SA.7 của Liên Xô lúc mới vừa cất cánh. Cạnh một chiếc xe vận tải tôi nhìn thấy 4 bao ny lông dài đã đóng kín. Đó là những gì còn nhặt lại được từ thân thể của phi hành đoàn 4 người.

Vào lúc 2 giờ trưa, tôi lại lên được một chiếc phi cơ vận tải “chinook” để bay lên vùng mặt trận. Tôi được tháp tùng với khoảng 40 anh em biệt kích người vạm vỡ, gọn ghẽ trong bộ quân phục đen, được trang bị súng phóng lựu và tiểu liên 45 ly ngắn nòng M3 A.1 bá xếp. Huy hiệu mà họ mang trên tay áo là một con ó và một chiếc dù được thêu trong một hình tam giác, chỉ cho tôi biết họ thuộc lực lượng biệt kích dù Lôi Hồ (cọp bay). Đây là một đơn vị đặc biệt, chuyên hành quân ban đêm từng toán ba người một, trong vùng địch, có nhiệm vụ tìm vị trí địch, các trục tấn công của địch, sau đó báo cho pháo binh và không quân bắn để có hành động phản ứng kịp thời.

Giờ đây tôi lại đang trên đường đi đến Xuân Lộc: đây là lần thứ

ba trong tám ngày nay tôi lên khu vực này, mà lần này thì chuyển đi có vẻ thoải mái và anh em đoàn chắc với tôi là đến một vị trí tương đối yên tĩnh và sạch sẽ hơn. Chiếc trực thăng bay độ 15 phút thì đến vùng Xuân Lộc, bay trên quốc lộ 1 và ngoặt hẳn về hướng Đông, hạ thấp xuống độ 700 bộ đến một vườn cao su bạt ngàn thẳng tắp.

Chiếc “chinook” xuống rất nhanh. Từ trên nhìn xuống, Xuân Lộc ít nhất nếu còn gì thì cũng chỉ có một quang cảnh mờ nhạt. Rất lo ngại tôi ghi nhận là có nhiều chum lửa, cột khói do đạn pháo cứ rơi đều xuống vòng đai đã bị tàn phá. Chiếc “chinook” của chúng tôi hạ cánh đáp xuống làm tung bụi mù đỏ thắm. Khoảng 50 người dân rách rưới chạy lại bao quanh chiếc trực thăng. Có nhiều người đã bị thương; và vẫn một cảnh tượng cũ: các bà mẹ bế con trẻ áo quần đầy máu, vẻ mặt hốt hoảng đang muốn đi khỏi đây. Một chiếc xe Jeep, chạy gần như nhảy qua các đồng gạch vụn, chở tôi đến một trạm cứu thương.

Mỗi một làn gió nhẹ đưa tới là có một mùi hôi thối kinh người từ mấy trăm xác chết của cộng sản Bắc Việt đầy ruồi nhặng xông lên... Một người y tá nói với tôi:

- *“Chúng tôi làm gì có thì giờ để chôn cất họ, chỉ kịp rải lên mình họ một lớp vôi và cát đá vụn mà thôi”.*

Ở trạm cứu thương này đầy những quân nhân bị thương. Có hai vị bác sĩ trẻ đang làm những gì mà họ có thể làm được dưới một ánh đèn mờ màu xanh. Họ gọt, họ cắt xén, khâu lại, hay cưa bỏ... Có nhiều người mang những vết thương kinh hoàng đầy mủ trắng. Các tay chân bị cắt được vắt lẫn lộn vào một thùng phuy xăng mà các anh y tá đã mang tới lúc còn đầy xăng. Các mảnh vụn khác thì được chôn ở một hố được đào lên cách đó chừng 20 thước có tưới

thuốc khử trùng và được lấp đất lại cẩn thận... Ngoài sân trời đang vùn vùn, mấy đám mây đen kịt đang là đã dưới chân trời. Con bão lại sắp đến.

Tôi cố tìm đại tá Phước, chỉ huy trưởng đơn vị biệt động quân. Một trung sĩ cho tôi biết là ông đang ở gần nhà bưu điện, nơi sắp có cuộc đụng độ mạnh. Mưa đã bắt đầu rơi nặng hạt xuống mảnh đất khô khan đầy máu này, và sau đó thì mưa to, mưa quá to và chỉ trong vài phút đã làm ướt ngập trùng hết nơi đây. Anh em binh sĩ ai cũng phải choàng áo đi mưa vào. Hàng đàn chuột to từ những lỗ cống hay từ các bức tường sập tuôn ra. Có đến hàng ngàn con xám đen, từng đàn, lì lợm tuôn ra từ những đồng thau ma chôn vùi vàng.

Một sĩ quan biệt động quân dẫn tôi đi và bắt tôi phải ẩn nấp trong một hầm trú ẩn lụp xụp trong đó có khoảng một tiểu đội với súng liên thanh nhẹ được bố trí đạn đã lên lòng... Viên trung úy liên lạc vô tuyến. Mưa càng ngày càng to. Các anh em binh sĩ dù nằm hay ngồi dựa lưng sau bức tường sập tất cả ai cũng đều trong tư thế sẵn sàng chờ chiến đấu.

Vào lúc cơn mưa bão đang hoành hành, một tràng đạn rốc kết bay xuống nhà bưu điện và tất cả những vùng quanh đó. Tất cả phải chen nhau xuống hố chiến đấu đầy bùn đầy nước nhầy nhụa hay nấp trong những ô tường không nóc để chịu trận, nghe tiếng gầm rú xé tai và tiếng nổ chất chứa của các quả rốc kết. Và sau rốc kết lại đến phiên đạn bách kích pháo, khô khan hơn, chất tai hơn và chính xác hơn. Và thỉnh thoảng, nhìn xuyên qua cơn mưa tầm tã, xuất hiện những bóng người mặc quân phục xanh sẫm. đội nón cối tròn, sát cánh nhau đi tới: đó là bộ đội Bắc Việt đang tấn công. Họ đến từ đường rày xe lửa. Viên trung úy ra hiệu và các súng liên thanh bắt đầu đua nhau nhả đạn. Toán này ngã gục nằm xuống lại

có toán khác tràn lên. Họ tiến vào bưu điện, người ta nghe được nhiều loạt nổ của lựu đạn trong nhà bưu điện, và hai tiếng nổ thật lớn sau đó. Một mảnh tường bay lên vụn vụn. Đó là hai tên đặc công cộng sản đang mở đường bằng cốt mìn. Một toán người nhỏ thó đang tràn vào nhà bưu điện. Cùng lúc với cứ điểm này, nhiều loạt tấn công khác đã được tiến hành.

Cộng sản Bắc Việt hiện đang ở thế mạnh, ít nhất cũng phải đến một tiểu đoàn. Họ bắn liên tục không ngừng. Lũ xung phong sắp tới, chắc là đến lượt chỗ của chúng tôi. Nhưng một hàng rào chính xác và hữu hiệu của đạn pháo 105 ly trên chiến xa ở phía sau chúng tôi chừng 800 thước đã cứu vãn tình thế. Những trái đạn đi rồi nổ trước mặt chúng tôi làm chúng tôi muốn ngưng thở, nhưng đã sát hại kinh khủng hàng ngũ của cộng sản. Qua 10 phút bắn cuốn chiếu, pháo đội ngưng bắn. Các biệt động quân ra khỏi hầm trú ẩn và phản công. Những gì còn lại của nhà bưu điện đang cháy như một ngọn núi lửa. Đến 5 giờ chiều, tất cả coi như xong... Châu vi bãi chiến trường gần như quang đãng, cơn bão cũng đã qua, bầu trời lại xanh trở lại. Một sự yên tĩnh không tả được đang ở đâu đây, chung quanh chúng tôi. Chỉ có một cơn chó phèn duy nhất đang đau khổ chạy quanh khu nhà sập đổ nát, kêu la âm ỉ vì bị các mảnh đạn trên lưng.

Tôi quay trở lại bàn doanh của sư đoàn. Dưới chân của tượng Chúa trước nhà thờ, một anh lính Dù đội mũ nồi đỏ đang quỳ cầu nguyện, hai tay chấp lại nhưng vẫn từ trên khẩu súng của mình. Tôi có cảm tưởng là thành phố này đã bị cày xới lên bằng máy ủi. Tất cả chỉ còn là những đồng gạch vụn của các bức tường đổ nát, các tấm tôn và gạch vữa bị nhào đi nhào lại với nhau rải rác thành từng đồng một, và trên tất cả là chiếc thánh giá của nhà thờ với tường

lỗ chỗ đầy vết đạn, và những lỗ hồng toác hoác. Trong dãy nhà của trường đạo đầy lỗ thủng đạn, tôi gặp đại tá Hiếu, 40 tuổi, quân phục vẫn lảng cuống, với chiếc nón vải đi rừng nhưng vẫn có khẩu súng lục đeo ngang lưng. Ông rất tự hào về trung đoàn 40 của ông, đơn vị đang phòng thủ cả mặt Nam của thành phố. Ông ta nói:

“Anh biết không, chúng tôi có thể đánh họ chó sao không. Chúng tôi đã đẩy họ ra khỏi thành phố rồi đấy chứ, và chúng tôi không rời khỏi thành phố này đâu. Giả thiết mà chúng tôi có được một số đại bác 130 quý quái mà họ dùng để nã vào tôi vào chúng tôi! Tinh thần dù sao cũng vững lắm, chúng tôi đã lãnh đủ 12 ngàn quả đạn pháo và ba ngàn quả rốc két từ ngày 9 tháng 4 đến nay. Cộng sản đã tấn công chúng tôi sáu trận trong tám ngày nay. Chúng tôi đã đẩy lui được hết, nhưng trận tấn công quyết liệt nhất chưa đến đâu. Tôi chắc chắn là nó cũng sẽ đến gần đây thôi. Trong vài ngày nữa đây, thế nào họ cũng gom lực lượng của họ lại bằng cách tập trung các sư đoàn được rảnh tay sau khi các tỉnh ở Miền Trung bị thất thủ, và đây có lẽ sẽ là trận chiến cuối cùng. Nếu chúng tôi chịu không nổi, thì Sài Gòn chắc không đứng được lâu đâu.”

Sau hai giờ tôi vừa sống ở đây, thật tình tôi không muốn nghĩ tới “trận chiến cuối cùng” nó sẽ như thế nào.

Phía ngoài, giữa nhà thờ và những gì còn lại của các văn phòng hành chánh, các chiến binh Dù, những người đã đụng trận nặng hồi đêm qua, đang nằm dài nghỉ ngơi dưới đất ở bìa sân bay. Có ba người trong số này gác súng của họ vào một cái cây và họ ngồi cạnh nhau, vừa đàn ghi ta vừa hát nho nhỏ theo tiếng đàn... Trông họ cũng đã có tuổi rồi...

Tôi rào chân đi về phía chợ. Binh sĩ thuộc khu phòng thủ trung

ương này được rải dài ra trên năm trăm thước khỏi nhà thờ (đã bay hết nóc, kính thì cũng vỡ tan, tường rạn nứt), nằm vững chắc trong những hầm núp kiên cố, có bao cát che đầu được sắp trên các tấm đan bằng bê tông, tất cả đều có đường dây điện thoại chôn dưới đất nối liền với nhau. Các vị trí này đều tua tủa súng liên thanh, súng phóng hỏa tiễn chống chiến xa, và đại bác không dật. Các chiến xa M.48, có trang bị đèn chiếu hồng ngoại tuyến cho đại bác để tác chiến ban đêm đang bố trí dài theo hai bên bệnh viện có một đại đội Dù trấn giữ.

Đến 6 giờ chiều thì tôi mới được gặp đại tá Phước, ông đi thanh sát các tiền đồn vừa mới trở về. Là một sĩ quan với diện mạo và tướng đi trông rất trẻ trung, 39 tuổi, người chắc nịch như một trụ đá, ông Phước không bao giờ đeo súng hay nón sắt tác chiến. Chúng tôi đã biết nhau từ trận tấn kích Tết Mậu Thân của cộng sản. Lúc đó ông chỉ huy các liên đội biệt động quân đến thay thế các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến ở Chợ Lớn. Ông đã có tiếng là một sĩ quan đặc biệt liêm khiết, ham tiến chớ ít chịu lùi, nhưng biết tiết kiệm gìn giữ từng mạng sống của binh sĩ mình. Sau đó tôi lại gặp ông ở Neak Luông, nơi đó các đơn vị Miền Nam đã thiết lập một căn cứ lớn trong chiến dịch tấn kích lên CampuChia. Đại tá Phước nắm tay tôi và nói:

- “Vào đây, vào phòng hành quân của tôi, chúng mình sẽ ăn một chén cháo gà với nhau đã. Tôi chưa có ăn gì cả từ sáng đến giờ, đói muốn chết đây bạn.”

Phòng hành quân (phòng chỉ huy) của người chỉ huy biệt động quân này nằm ngay trước chợ, trong một nhà xe được tổ chức cẩn thận lắm, có rào kẽm gai và có gài lựu đạn, xem còn nguyên trạng. Các tường được tăng cường bằng các khúc gỗ tròn, các khúc sắt

đường rầy xe lửa và những tấm thép dày. Trên bàn có gắn những tấm bản đồ của từng khu vực của thành phố được vẽ lớn và ghi chú rõ bằng tay và có cả đèn măng sông soi sáng. Một chiếc tủ lạnh chạy bằng dầu đang ướp lạnh các thùng bia. Nhà bếp có năm cái lò bằng đất nung nằm gọn trong góc, không tốn chỗ bao nhiêu. Các sĩ quan thì nằm trên chiếu thường. Ông Phước dẫn tôi đến một chỗ trống, chỉ có một cái bàn thấp, trên đó có một bình trà và mấy chén cháo nóng có vài cọng rau thơm và ớt. Chúng tôi ngồi bẹp xuống ăn. Phước ăn vội tô cháo của anh, uống một tách trà nóng, xong dựa lưng vào vách và nói: xà ngang của đường rầy lấy được bằng cách tháo gỡ đường xe lửa cũ...

Anh rót thêm một tách trà, hóp từng ngụm và tiếp tục:

- *“Trước hết, chúng tôi thiếu cái gì? Đó là một sư đoàn hành quân di động tốt. Bao giờ chúng tôi mới thật sự đánh úp họ được và bẻ gãy các cuộc tấn công của họ được. Nhưng chúng tôi không - “Như vậy là anh tới thăm tôi? Tướng Đào có nói với tôi là anh đã tới đây ba hôm trước... Ờ, được lắm! Tình hình càng ngày càng quyết liệt hơn rồi đó. Trên phương diện giá trị chiến đấu của binh sĩ, tôi không có gì lo ngại hết. Anh em Dù và Biệt động quân đều có cú đâm của mình, và sư đoàn của tướng Đào là một đơn vị ưu tú. Trước mặt chúng tôi là bộ đội Bắc Việt còn rất trẻ nhưng thiếu kinh nghiệm hơn chúng tôi, nhưng họ có quân trừ bị quan trọng, và có lực lượng tăng cường cho họ đều đều. Vì không có đầy đủ quân số cần thiết nên chúng tôi phải nằm cứng ở thể phòng ngự và vì thế bị chúng nó tấn công có phương pháp. Kết quả là chúng tôi phải đào lỗ và sống như những con chuột chù và thiết trí những hầm trú ẩn hay đường hầm tác chiến nhờ có cát nên nằm mơ! Tướng*

Đào đã cố gắng gần một tuần nay để đem về lại Trung đoàn 43 của ông (trung đoàn thứ ba của sư đoàn) đang bị cầm chân ở Củ Chi. Bộ Tư Lệnh đã từ chối, và ông rút trung đoàn về không được. Nhưng còn một bài toán rất trầm trọng hơn nữa, đó là vấn đề tiếp vận. Tôi sẽ cho anh một vài con số. Hiện giờ cấp số đạn của chúng tôi, mỗi binh sĩ chỉ có được 100 viên đạn và hai trái lựu đạn mỗi ngày. Với khẩu súng tự động M.16 (nhịp bắn thực dụng là 400 viên/phút) 100 viên đạn thật ra là không có gì cả! Lúc còn người Mỹ ở đây, không có một binh sĩ nào có dưới 400 viên đạn khi đi hành quân. Cấp số tổng quát cho vòng đai phòng thủ là 15 tấn. Với 20.000 người trên mặt trận, thì phải có 50 khẩu pháo binh, chưa kể bách kích pháo, như vậy là chỉ tính cho một giờ tác xạ mà thôi đó nghe. Anh em pháo thủ của chúng ta không thể nào thực hiện được những tác xạ “ngăn chặn” nhằm dùng hỏa lực của mình để đánh vào những trục tiến quân của địch và ngăn chặn được sự tập trung của địch ở những tuyến xuất phát. Chúng tôi xoay sở bằng cách gài mìn cá nhân và tăng các đội tuần tiêu của biệt động quân trên những đường tiến sát hay đường xâm nhập của địch mà thôi. Khi họ ghi nhận hay khám phá được một sự di chuyển của địch thì họ gọi Không quân. Còn thì chúng tôi phải ấn định một kỷ luật tác xạ thật khắc nghiệt. Pháo binh chỉ tác xạ chặn các đợt xung phong của địch, và bộ binh thì chỉ bắn diệt địch thật hữu hiệu ở tầm gần. Đây là một chiến thuật có nhiều nguy hiểm bởi vì mình phải chờ cho các làn xung phong của địch đến thật gần, ở cự ly xấp lá cà mới được bắn. Hiện giờ thì coi như cũng được đi vì binh sĩ của chúng tôi toàn là dân thiện chiến, không hốt hoảng và chịu nằm yên dưới làn đạn pháo binh của địch.

Nhưng chuyện đó không thể kéo dài tuần này qua tuần khác dài dài như vậy được. Chúng tôi mất từ 60 đến 80 mạng hằng ngày như vậy, chỉ tính riêng cho Dù và Biệt động quân thôi đó. Và một người lính thiện chiến già dặn khó mà tìm được người thay thế lắm!

- Anh đã bị quan rồi sao đó?

Phước nở một nụ cười có vẻ ngạo nghễ:

- “Bi quan há? Nó có nghĩa gì? Chúng ta đang ở trong thời chiến. Không có ba mươi sáu giải pháp đâu. Chỉ có thắng, hay bại hay chết mà thôi. Tướng Đào có chín người con, tôi thì có năm. Gia đình chúng tôi ở Sài Gòn. Cả anh em binh sĩ của tôi cũng vậy... và chúng tôi không muốn bị bọn Bắc Việt khốn kiếp này đè bẹp. Có thể thôi.

- Anh nghĩ là bọn cộng sản sẽ làm gì?

- Ô, đâu có gì hơn đâu? Họ đang cố gắng bóp cổ chúng tôi. Họ cắt đứt đường ở phía sau lưng của chúng tôi để ngăn chặn không cho đạn dược tới được. Họ tiếp tục đập chúng tôi bằng pháo 130 ly và tập hợp năm sư đoàn lại để cuối cùng họ nghiền nát chúng tôi. Trong khi chờ đợi giây phút đó, tôi cố gắng không cho mất cái mạng này. Tôi cho cái mũ nồi nâu của tôi đi dạo khắp nơi, tôi cố gắng đứng thẳng khi bọn cộng sản Bắc Việt bắn tôi...

- Anh thích cuộc chiến há anh Phước?

- Anh nói thế có nghĩa là thế nào đó anh Pierre? Thích cuộc chiến há? Tôi thương vợ tôi, thương con tôi, thương đất nước tôi. Tôi thích sống như cha mẹ tôi đã sống, có lẽ độ, thích tổ chức nghi lễ theo truyền thống của dân tộc tôi, thích đi xem chiếu bóng, thích đi dạo trên thuyền hay chăm sóc vườn tược.

Cái phiên là ở Việt Nam người ta không thể đi dạo chơi từ lâu rồi mà không sợ lãnh một viên đạn vào đầu hay bị giẫm vào một trái mìn nào đó. Hồi Tết Mậu Thân chúng tôi đã sửa soạn tất cả rồi để ăn một cái Tết... Nhà cửa được trang hoàng đầy hoa thủy tiên, bánh mứt truyền thống cho Ông Táo bày ra rồi, bánh chưng, chè, và một chai rượu nếp nhỏ nữa, lại có cả một bức tranh lụa vẽ hình một con chim đại bàng đang tung cánh bay và một con ngựa đang phi. Các con tôi đang cười đùa, vợ tôi vui lắm. Chúng tôi đã có một buổi tối thật hạnh phúc. Nhưng đúng một cái đúng 4 giờ khuya thì Việt Cộng tấn công. Tôi phải rời khỏi gia đình tôi tức khắc, và chỉ được về phép năm tháng sau đó. Đêm đó thằng em út của tôi, trung úy Dù, và vợ nó (chúng nó ở Chợ Lớn) đã bị Việt Cộng bắt cổ, xoi tái...

Đại tá Phước đứng dậy và bước lại đài vô tuyến truyền tin của ông. Tôi còn ngồi lại một mình ở cái phòng nhỏ còn có được một cây đèn măng xông đang chiếu lên tường cái bóng chập chờn của bình trà.

Ở ngoài, đêm thật là yên lặng. Ở về hướng Gia Kiệm, tiếng súng đại bác vẫn rền vang như một cơn bão xa xăm. Tôi nghĩ tới điều lạ lùng của một sự bất ngờ. Cách đây 28 năm, tôi đang ở một cái đồn nhỏ có rào tre vạt nhọn, gần hành dinh mà tôi vừa mới đến ban chiều. Các bạn thân của tôi gồm có một người Pháp ở Miền Bắc (Bretagne), và một người Đức. Ông bạn Pháp thì vạm vỡ hồng hào tên là Massé, là trung úy chỉ huy một đại đội thân binh, đi đâu cũng mang theo một cái máy hát quay tay và cả một chồng đĩa nhạc cổ điển, đã mòn gân lảng hết rồi vì xài quá nhiều. Còn ông bạn người Đức là một cựu sĩ quan quân đội Đức, đã từng chiến đấu ở Tây Ban Nha, sau đó vào lê dương (đã từng chiến đấu chống lại tướng Rom-

mel ở Ý), một tay lực sĩ với nước da ngăm đen và một cái nhìn xám xịt, tên là Guerlach. Sau khi đã trở thành một nhà trồng tía rồi, anh vẫn không chịu rời bỏ khẩu súng tự động KAR 43 của anh, mà anh gọi là “dụng cụ cá nhân” của mình, và một khẩu súng ngắn Walther P.38. Trung úy Massé đã chết trong một trận tấn công đoàn xe ngày 18 tháng 5, năm 1948, do Hoàng Thọ, một chỉ huy đặc công Việt Cộng có râu quai hàm như một linh mục, mà tàn ác như một con hổ đói. Còn anh bạn Guerlach thì bị giết vài tháng sau đó trong một trận phục kích trên đồn điền Courtenay. Nhưng trước khi chết anh đã hạ chín Việt Cộng với hai khẩu súng mà anh gọi là “dụng cụ cá nhân” của anh”.

Bao nhiêu năm đã trôi qua rồi nhưng tôi tự hỏi tại sao tôi luôn luôn còn đây? Mà cũng vẫn ở vùng Xuân Lộc, không ở nơi khác? Trong cái thành phố ma quỷ này, thành phố chỉ còn là một cái tên, với kỷ niệm của những con ma khác mà tôi đang nhớ đến?

Đại tá Phước trở lại với một chén cà phê nóng. Ông đặt chén cà phê lên bàn và nói với tôi:

- “Này, cái này tốt cho anh đó, anh Pierre! Anh em Lôi Hồ đã thành công, họ đã tìm và định được vị trí của một trung đoàn cộng sản Bắc Việt đang di chuyển khoảng 10 cây số cách quận lỵ. Nếu Lôi Hồ mà định được chính xác đúng đường đi của trung đoàn này thì chúng tôi sẽ đập tan họ bằng Không quân trước khi họ mở cuộc tấn công. Như vậy sẽ tiết kiệm được cho chúng tôi một cuộc chiến không mấy tốt. Trong khi chờ đợi, tôi không có quyền đi ngủ.”

Sự bình tĩnh quá cứng rắn của vị sĩ quan này được thể hiện rõ trên nét mặt điềm nhiên của một người có thói quen nhìn thấy trước một việc không tốt sẽ xảy đến cho mình mà vẫn bình

thần để có giải pháp đối đầu... xem rất là cảm động. Ông ngồi xuống dựa lưng vào tường và hỏi tôi:

- “Ông bạn Thomann của anh thế nào rồi anh Pierre? Không thấy anh ta đến đây chuyến này?”

- Anh ta đang ở Ba Lê. Hiện anh đang có một đứa con trai nhỏ.

- Anh ta nghi không đi làm phóng sự nữa sao?

- Không phải vì anh mới có con nhỏ đâu. Cơ quan muốn anh đã tính sổ cho anh ta luôn rồi.

- Tôi thích anh đó lắm. Anh ta đã từng đi với chúng tôi trong nhiều tháng hành quân ở nhiều khu vực khác nhau. Anh ta cũng dai như đũa đấy, không biết mệt mỏi là gì mà không nói quá ba tiếng trong cả tuần. Anh ta cùng ăn với chúng tôi, cùng ngủ dưới đất như chúng tôi và không bao giờ rời khỏi máy quay phim của mình. Anh ta bị thương ba lần khi cùng lặn lội với chúng tôi: lần thứ nhất bị thương trên đầu ở thung lũng A Shau, tháng hai 1969, vì miếng đạn bách kích pháo; lần thứ nhì vào tháng giêng 1970 trong khu vực “Thất Sơn” ở gần biên giới Campuchia, vì một trái đạn bách kích nổ cách anh ta chỉ có hai thước, lần đó tôi có bốn binh sĩ tử thương nhưng anh ta thì hai chon đầy miếng; lần thứ ba vào tháng 7 năm 1972, trong khi anh ta đang quay cảnh một đoàn dân chúng đang bị pháo 130 ly của Liên xô. Lần đó anh ta suýt nằm luôn tại chỗ rồi! Anh ta bị thương rất nặng: cườm tay trái gần đứt lìa và đùi phải bị quá nặng. Các anh em biệt động quân của tôi đánh giá anh ta cao lắm.

- Đánh giá cao là phải rồi! Tôi nghĩ là họ rất có lý. Anh Phước này! Tôi biết anh Raymond Thomann này từ lâu rồi. Anh ta là một cựu chiến binh Biệt kích Dù của Algérie đó! Sau đó anh

vào làm lính đánh thuê ở Yémen và ở Congo, trước khi sang Việt Nam làm việc cho đài NBC và AP của Mỹ. Anh ta đi bộ không bao giờ biết mệt và không sợ gì cả. Anh ta đã thành công rất đẹp vào tháng giêng năm 1969. Không biết làm thế nào mà anh ta biết được là người Mỹ sẽ trao đổi tù binh với Việt Cộng, nên đã đi trước hai ngày lên Tây Ninh, rồi từ đó anh lúi lỏm vào rừng, lang thang không biết chỗ nào là chỗ nào hết vì không biết rõ địa điểm trao đổi chính xác nằm ở đâu. Anh tìm cách qua được Sông Bé bằng xuồng, tránh được nhiều đội tuần tiễu của Việt Cộng và cuối cùng anh tìm đến được một bìa rừng trống trải, ở đó sẽ có cuộc trao đổi tù binh. Cả người Mỹ và Việt Cộng đều ngạc nhiên khi anh ta xuất hiện. Việt Cộng ngạc nhiên vì anh ta đã lừa được hệ thống canh chừng của bọn họ, còn người Mỹ ngạc nhiên vì họ tới đó bằng trục thăng và không thể tưởng tượng nổi một người tay không như anh ta mà lại đột nhập thật sâu vào đây một mình được như vậy, để xuất hiện như một con ma trong lúc không một bên nào chờ đợi sự có mặt này. Lần đó Raymond đã mang về một số hình ảnh thật là tuyệt vời. Bọn Việt Cộng thì đội nón vải đi rừng mặc quần cụt, người chỉ huy của họ có một lỗ mũi khá kỳ dị, nhọn hoắc và có một cái bấu. Còn đại tá Mỹ là một người ốm gầy cao mặt xương, nói tiếng Việt rất rành tên là Sauvageot^[1]. Ông ta quá đổi giận khi thấy Raymond có mặt ở ngay nơi có buổi trao đổi bí mật này, nên đã từ chối không cho anh ta về bằng trục thăng, nên ông bạn tôi lại phải lúi lỏm trở về.

Đại tá Phước cười lên nắc nẻ, nắm tay đập xuống đầu gối và la lên:

- “Tiếc quá, thật tình tôi không biết sự việc này, nhưng nó chỉ

xác nhận những gì tôi đã nói với anh về Thomann. Muốn làm được một “cú” đẹp như thế, tôi nghĩ là phải có một bản lĩnh! Nếu anh còn gặp anh ta ở Ba Lê, anh cho anh ta biết cái tình bạn thật thân thiết của tôi đối với anh ta nhé.

Một đại úy đến đứng nghiêm, chào đại tá Phước và trình: “Thưa đại tá, có “Lôi Hổ 6” gọi”.

Đại tá Phước nhảy lên gọn gàng và chạy lại trung tâm truyền tin của ông. Có một giọng nói chắc nịch đang bình tĩnh báo cáo:

- “Một trung đoàn cộng sản Bắc Việt đang tập trung ở 5 cây số về hướng Đông Bắc trước khi xuất phát. Tiền sát của họ đã nằm ở cách sân bay khoảng hai cây số. Có hai tiểu đoàn chiến xa yểm trợ. xin đại tá ghi giùm tọa độ đi.” Phước ghi vội tọa độ và cho lệnh ngay, ngắn gọn:

- “Tránh ngay khỏi trục tiến quân của họ. Hết”.

Sau đó ông báo động ngay cho Biên Hòa, tin tức, tọa độ, và xin một “yểm trợ nặng”. Sau đó ông mới liên lạc và chuyển hết tin tức cho Pháo binh.

Tôi bước ra khỏi nhà xe. Bên ngoài, trời về đêm vẫn yên tĩnh, thỉnh thoảng chỉ nghe một vài tiếng động nhỏ đều đều của tiếng vá đào đất, chắc hẳn là binh sĩ đang tu bổ các hầm trú ẩn của họ..

Mười phút trôi qua, Có tiếng máy nghe được xa xa, trên trời cao. Pháo binh bắt đầu tác xạ. Có tiếng kèn khua, tiếng đạn đi ngang qua và vài giây sau đó là những tiếng nổ inh tai.

- *“Họ bắn dài để chặn đường rút lui của trung đoàn địch và che lấp tiếng phi cơ bay đến,”* đại tá Phước theo đứng bên cạnh tôi và nói.

Có ba vùng ánh sáng liên tiếp lóe lên cao, và ba tiếng nổ kinh hồn như những trái đạn của hải quân, cửa nhà xe rung lên ba lần...

Chúng tôi nhìn thấy có mấy ánh lửa lóe lên nhưng ngay sau đó bị các cột khói lên che lấp ngay, mấy chiếc nấm lớn khói đen kịt hình như đang tụ lại bao vòng một khoảng lớn của chân trời... Pháo binh đã ngừng bắn. Đại tá Phước trở lại đài chỉ huy vô tuyến. Hai chục phút trôi qua. Có tiếng gọi của Lôi Hồ trên đài. Bây giờ là 1 giờ sáng rồi.

- *“Đơn vị Bắc Việt bị đánh trúng rất nặng. Có vài tên sống sót đang chạy tán loạn. Thống kê kinh hoàng!”*

Đại tá Phước dùng vô tuyến cho lệnh hai tiểu đội biết động của ông tiến chiếm và tảo thanh vùng vừa bị dội bom. Ông xây qua tôi và nói:

- *“Anh có thể vào ngủ yên, sẽ không có gì xảy ra nữa trong đêm nay. Bọn chúng phải cần có một thời gian mới có thể tiêu hóa xong những trái “C.B.U. 55” này.*

- *Anh muốn nói những trái “Cluster Bomb Unit”? Tôi cũng đã biết chúng nó rồi. Đó là loại bom có nhiều miếng, chống cá nhân, được thả từng chùm, khi đụng đất, nổ tung ra nhiều trái đạn nhỏ bằng trái banh tennis phải không? Loại bom này gây nhiều thiệt hại đáng kể...”*

Đại tá Phước đưa tay chặn tôi lại ngay

- *“Loại CBU.55 này cũng được thả từng chùm, nhưng là một loại bom đặc biệt, cho đến giờ này chưa bao giờ được sử dụng.*

- *Anh nói “đặc biệt”, nó có nghĩa gì đây?*

- *Tôi không muốn giải thích chuyện đó bây giờ cho anh nghe đâu. Anh sẽ thấy rõ kết quả ngày mai khi trời sáng. Chúng ta sẽ đến đó xem tận mắt. Bây giờ anh hãy đi ngủ đi.”*

Tôi đến nằm trên một chiếc chiếu và ngủ ngon lành.

Đến 6 giờ sáng, có người đánh thức tôi dậy. Tôi nhận ra đó là

đại úy hồi hóm.

- “Đại tá tôi đang chờ ông.”

Chúng tôi đi bằng xe Jeep. Ba cây số về hướng Đông Bắc, và sau đó chúng tôi xuống xe và có ba anh biệt động quân vai choàng đại liên M.60, mình mang đầy mấy giầy đạn hướng dẫn chúng tôi đi.

Và thình lình giữa những hàng cây trụi lá, một cảnh tượng thật rùng rợn, như một ảo tưởng! Trong một khoảng trống mỗi bề độ 100 thước, hàng trăm bộ đội Bắc Việt không còn hình dạng rai rác cùng khắp nơi. Một chiến xa bị lật ngửa. Các tử thi không thấy có một vết thương nào trên mình. Chỉ thấy có vài vết máu chung quanh mồm và mũi. Người ta có thể nói là họ bị một cơn lốc cuốn lên cao và ném họ nằm bẹp xuống đất. Đại tá Phước giải thích:

- “CBU.55 là một loại bom “rút hết khí trời”. Công thức của nó còn là “tối kín/mật”. Bộ Tham mưu chỉ cho biết là nó “đốt” hết dưỡng khí trong không khí và làm cho tất cả đều ngộp thở, chết tức khắc. Thông thường thì dưỡng khí chỉ là một nhiệt khí, (có nghĩa là không thể cháy được). Theo tôi thì loại bom CBU.55 này đốt hết không khí, gây ra sự bùng nổ mãnh liệt tạo ra một làn sóng va chạm cực mạnh làm vỡ hết buồng phổi, và những người chết không có một dấu vết gì gọi là thương tích trên thân thể.^[2]

Dầu muốn dầu không thì kết quả thật khủng khiếp. Tất cả cây cối bị thổi bay hết lá cùng tất cả bộ đội bất thần bị chết chung trong một thời gian không đến một giây... tất cả để lại một cảm tưởng như một đoạn phim kinh hoàng do các nhà phù thủy bí mật của phòng nghiên cứu đạo diễn. Nhưng đây thật sự không phải một màn hay một cảnh trong phim, và người chết ở đây không phải là những hình nộm!

Tôi vội vã ra đi...

Vào lúc 8 giờ một trực thăng đưa tôi về lại Biên Hòa. Trực thăng có chở một lô binh sĩ bị thương, ở bụng, ở đầu. Có nhiều người bị bể cặp mắt.

Chú thích của dịch giả

[1]- Đại tá người Mỹ tên Sauvageot này là một nhân viên tình báo thuộc Cơ Quan Tình Báo Trung ương Hoa Kỳ (CIA), nói và viết tiếng Miền Nam như một người Việt Nam chính cống. Từ tháng 3 năm 1973 đến 30/4/75 đóng vai quân nhân thông dịch viên chánh thức cho Phái Đoàn Quân Sự Mỹ trong Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên Trung Ương tại Tân Sơn Nhất Sài Gòn nhưng không đeo cấp bậc nào của quân đội Mỹ.

[2] - Theo giải thích chánh thức của một đại tá Hoa Kỳ, cố vấn trưởng cho một tiểu khu ở Đồng bằng Sông Cửu Long: loại bom này khi đến gần mặt đất khoảng 100 thước thì có một chiếc dù bung ra, còn cách mặt đất chừng 10 thước thì nổ. Bom không có miếng, không giết người bằng mảnh bom. Nhưng khi nổ sẽ “hút” hết dưỡng khí trong một vùng khoảng một cây số đường bán kính. Tất cả mọi sinh vật nào ở trong vòng ảnh hưởng này đều tức khắc không còn dưỡng khí để thở, (kể cả cây cối, nên lá phải rụng hết), bị trào máu ra miệng và mũi chết ngay tức khắc (kể cả những người ở dưới hầm sâu dưới đất). Chẳng những không có một vết bị thương nào trên người mà chết trong tư thế tự nhiên (như đang ngồi, nằm, hay đứng, đi, v.v.). Nguyên văn trong sách tác giả dùng danh từ “đốt” nhưng sự thật phải nói là “hút đi” mới đúng. Loại bom này được giao cho Hải Quân Hoa Kỳ thí nghiệm lần đầu tiên năm 1972 ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Chương 16

TỔNG THỐNG THIỆU TỪ CHÚC

Thứ Hai, ngày 21 tháng Tư. Sài Gòn đã bắt đầu nhúc nhích và có hành động. Tổng Thống Ford với lý do cấp bách của tình hình, đã đòi hỏi Quốc Hội phải công bố những đề nghị viện trợ quân sự cho Miền Nam Việt Nam “trước ngày 19 tháng 4”. Nhưng, bất chấp hạn định do Hành Pháp yêu cầu, các nhà Lập Pháp Hoa Kỳ một lần nữa lại tiếp tục triển hoãn việc trả lời. Báo chí ở Sài Gòn đã công khai nói đến chuyện người Mỹ bỏ rơi Miền Nam Việt Nam. Trong lúc mà quân đội Miền Nam Việt Nam dựa lưng vào tường để chiến đấu, và đang cần có một số lớn phương tiện để nuôi dưỡng và yểm trợ cho cuộc chiến, thì sự triển hạn bỏ phiếu của Quốc Hội được coi như một sự “phản bội” đồng minh thật sự. Người dân Việt Nam nói là “người Mỹ đang tái diễn hành động của họ ở Phnom Penh (Campuchia). Trước hết là cắt viện trợ, và sau đó là sẽ rút đi.”

Thành phố Sài Gòn đây rầy rập đồn: Hoa Thanh Đồn đã quyết định tiến hành nhanh chóng cuộc hành quân di tản công dân của họ. Một công điện của Bộ Ngoại Giao sẽ được gọi đến cho đại sứ Graham Martin để ra lệnh cho ông ta phải thi hành sớm cuộc hành

quân này.

Nhưng những chuyến di tản đầu tiên đã được bắt đầu vào ngày 10 tháng 4, khi hầu hết những xí nghiệp lớn của Hoa Kỳ (các hãng Hàng Không, các công ty xăng dầu, và công ty đang có những công tác lớn) đã có quyết định cho hồi hương các cán bộ và nhân viên của họ. 2.000 người Mỹ và 6.000 người Việt (các chuyên viên kỹ thuật và gia đình của họ) đã được đi sang Hoa Kỳ.

Trong tuần lễ từ 14 đến 20 tháng 4, các phi cơ vận tải khổng lồ thuộc cầu không vận quân sự của Ngũ Giác Đài, chuyển quân dụng thay thế cho quân đội Miền Nam (hai liên đội pháo binh, một số cao xạ phòng không và hai tiểu đoàn chiến xa) lượt về sẽ được xử dụng để chở những người dân tỵ nạn. Các phi cơ có khả năng chuyên chở nhiều người, loại Galaxie, Starfighter và Hercules sẽ bốc đi trong sáu ngày khoảng 20.000 người Việt Nam tỵ nạn, và 2.000 người Mỹ. Nhưng cũng còn hơn 5.000 người Mỹ ở Sài Gòn và Bộ Ngoại Giao ước tính có khoảng 130.000 người Việt Nam mà “tánh mạng bị cộng sản đe dọa” cần phải được di tản. Như vậy con số người phải được bốc đi cũng không phải nhỏ.

Vào hồi 1 giờ trưa, tôi biết được là có một điện tín của hãng thông tấn UPI loan báo là Xuân Lộc đã bị thất thủ. Tin này ở đâu ra? Tôi vẫn còn ở Xuân Lộc chỉ cách đây vài giờ, lúc đó binh sĩ còn giữ chặt vị trí của họ kia mà... Tin tức này dù sao cũng đã được tung ra khắp thành phố như một giấy thuốc pháo và tinh thần của dân chúng do đó đang bị một cú sốc.

Nếu cộng sản Bắc Việt thật sự đã chiếm được Xuân Lộc thì tình thế trở nên thật là nghiêm trọng. Chiếm được một giao điểm quan trọng trên quốc lộ, và tập trung lực lượng ở một nơi chỉ cách thủ đô Sài Gòn có 50 cây số, cộng sản Bắc Việt sẽ có khả năng tiến

nhANH về hướng Vũng Tàu ở phía Nam, và về hướng Biên Hòa ở phía Tây. Nếu họ chiếm được Vũng Tàu (nguyên tác: Cap Saint Jacques) thì họ sẽ cắt đứt con đường rút lui duy nhất còn lại của Sài Gòn để đi ra biển, Nếu họ chiếm được Biên Hòa, họ sẽ vô hiệu hóa được một trong hai căn cứ không quân sau cùng của Miền Nam Việt Nam và coi như thủ đô Sài Gòn bị nằm trong tầm pháo binh nặng 130 ly của họ.

Tôi cố gắng liên lạc được bằng điện thoại với đại tá Xuân ở phòng nhì. Ông ta xác nhận là - “Xuân Lộc chưa bị mất, nhưng từ 10 giờ sáng nay cộng sản Bắc Việt đã nã vào thành phố điêu tàn này bằng pháo binh nặng 130 ly với nhịp độ 2.000 quả trong một giờ. Để tránh bị thiệt hại quá nặng về nhân mạng, binh sĩ của tướng Đảo và anh em biệt động quân đã di tản khỏi đồng gạch vụn này để ra nằm bố trí chung quanh thành phố. Nhưng mặt trận Xuân Lộc chưa bị chọc thủng, chiến trận vẫn còn đang tiếp diễn, liên lạc vô tuyến vẫn chưa bị gián đoạn. Tất cả phi cơ đều sẵn sàng bay lên để thay phiên nhau nên các đoàn quân cộng sản đang di chuyển.”

Hai ngàn quả đạn đại bác 130 ly trong một giờ! Tôi hiểu tại sao binh sĩ phải bỏ cả hầm trú ẩn. Cả một biển lửa ập xuống thành phố điêu tàn, đó là câu trả lời của cộng sản Bắc Việt đối với mấy trái CBU được thả xuống đêm qua! Và để nói rằng: Xuân Lộc còn có nghĩa là mùa xuân có lộc (hạnh phúc) hay không?

Bắt đầu buổi trưa, tôi đi thăm bà Ngô Bá Thành, một người đàn bà nhỏ con đang ở trong một biệt thự khiêm nhường ở trung tâm thủ đô, bên cạnh dãy nhà của những người Pháp và được nằm trong khu vực do tòa đại sứ Pháp bảo vệ như những tấm bảng yết thị mới được thấy dán ở ngoài. Là một mưu sĩ của “lực lượng thứ ba”, bà tiếp khách thường xuyên ở ngoài vườn, nhất là những nhà báo

ngoại quốc. Bà đỗ ba bằng tiến sĩ luật học (Pháp, Hoa Kỳ và Bồ Đào Nha), nói được nhiều ngoại ngữ, bà là Chủ tịch “Phong Trào Phụ Nữ đòi Quyền Sống”, một trong nhiều tổ chức đào tạo về công dân, về tôn giáo và về nghiệp vụ trong “Tổ hợp 36 chợ của Sài Gòn” thuộc phong trào chống tham nhũng, dự định sẽ ngồi giữa CPLTCHMN và chánh quyền Sài Gòn trong Hội Đồng Hòa Giải Quốc Gia được dự trù trong Hiệp Định Ba Lê. Là một địch thủ hăng say của Tổng Thống Thiệu, điều làm cho bà phải bốn lần vào khám, bà Thành hiện bị quản thúc tại gia. Báo chí Mỹ trong những tháng gần đây đã từng lên tiếng ồn ào về vấn đề “giải phóng phụ nữ” của bà, đã cho biết là bà hiện đang bị canh phòng cẩn mật. Thế nhưng con trai của bà, một người trẻ tuổi, cao lớn, tóc để dài, là lính đào ngũ mà vẫn sống kín đáo trong nhà nhiều tháng nay mà không sợ gì cảnh sát hết... Là con gái của một nhân sĩ Miền Bắc, chồng là một bác sĩ thú y dễ dãi và sống âm thầm, bà Thành là một người tranh đấu tiến bộ, quả quyết nhưng uxor ngạnh. Bà nói với tôi:

- *“Thiệu đã ở thế cùng rồi, Số phận của ông ta được tính từng giờ. Ông ta dựa vào người Mỹ và quân đội. Người Mỹ đã bỏ rơi ông ta, và quân đội thì đã tan rã rồi. Sĩ quan và binh sĩ đã chán ghét ông ta rồi. Có lẽ ông không biết là các binh sĩ ưu tú - biệt động quân và thủy quân lục chiến - có nhiệm vụ bảo vệ nơi chôn nhau cắt rốn của ông ta gần Phan Rang, đã nổi dậy và đã dùng chất nổ để phá tan mồ mã của gia đình ông ta rồi. Việc phá nát mộ phần của cha mẹ ông bà của ông ta là một sự chối bỏ nghiêm khắc đối với Thiệu và tất cả những gì ông hiện đang nắm giữ. Ở Việt Nam, nơi mà sự thờ cúng ông bà là nền tảng của Tôn Giáo của chúng tôi, không có một sỉ nhục to lớn và nghiêm trọng nào như sự xúc phạm như thế. Đó vừa là một sự*

chùi rửa, vừa là một sự khinh bỉ hoàn toàn và là một lời nguyên rửa nữa. Còn về ông Kissinger, thì mới chiều hôm qua đây, ông đã tuyên bố một câu ngắn gọn nhưng đầy đủ ý nghĩa: “Hoa Kỳ chúng tôi ủng hộ một Chính Phủ Miền Nam Việt Nam, nhưng không ủng hộ đặc biệt một cá nhân nào cả.” Quá rõ rồi phải không? Hơn nữa, những ngày sau cùng này, đại sứ Hoa Kỳ Graham Martin và đại sứ Pháp Jean Marie Merillon đã tấn công ông Thiệu để bảo ông ta hãy rút lui đi, và nhường chỗ lại cho một toán khác có khả năng chặn đứng được chiến cuộc lại.”

Ông Ngô bá Thành mời khách dùng trà trong những cốc đẹp màu xanh với cử chỉ chậm chạp giống như các bà, mà không hề nói một tiếng nào. Vợ ông mặt rạng rỡ, cặp mắt sáng ngời, lại tiếp tục đánh tiếp với những luận điệu của bà:

- “Ông Thiệu bao giờ cũng chỉ biết nghĩ đến tương lai qua một cuộc chống trả cục đoan và một chiến thắng quân sự. Sự tan rã của quân đội ngay tại chiến trường đã lên án ông không chống đỡ nổi. Ông cứ khư khư tin rằng Hoa Kỳ không bao giờ bỏ rơi ông. Ông không để ý tới những chuyện thay đổi đã xảy ra ở bên Hoa Kỳ. Từ hai năm nay, dân chúng Hoa Kỳ đã gạch bỏ hai chữ Việt Nam rồi. Quốc Hội đã từ chối không bỏ phiếu cho mọi viện trợ quân sự và họ đã gạt hẳn ra ngoài việc cho phép tái can thiệp bằng võ lực. Ông Ford là một Tổng Thống được chỉ định chứ không phải do dân bầu, nên không có đủ phương tiện để có thể giữ lời hứa của ông Nixon được. Còn Kissinger hả? ông ta là một con người quá thực tế nên đâu có đại gì đi khư khư bên vực khi đã nắm chắc phần thua? “Quân đội nhân dân giải phóng” chỉ còn không đầy một tiếng đồng hồ nữa trên đường đến Sài Gòn rồi. Và Hoa Thanh Đốn cũng

dư biết là vài trăm triệu mỹ kim, vài trăm chiến xa hay đại bác thêm nữa cũng đâu có cứu được nước Việt Nam của ông Thiệu? Nhiều lắm là nó chỉ có thể kéo dài giây phút hấp hối của một kẻ sắp chết mà thôi...”

Bà đưa ngón tay trỏ chỉ ngay tôi và nói với một giọng đồ lỗi:

- “Các nhà báo nước Pháp của anh - ngoại trừ các phóng viên của tờ Le Monde - đều không biết làm công việc của họ. Phải đập ông Thiệu. Phải tố cáo những tội sát nhân của ông ta, tố cáo chế độ cảnh sát trị của ông ta. Các anh phải giúp chúng tôi mở cửa các nhà tù đang nhốt 200.000 tù nhân chính trị. Và hơn thế nữa các anh không đặt nặng tâm quan trọng và một chỗ đứng cho “lực lượng thứ ba” của chúng tôi. Lực lượng này có thực, các anh phải thấy rõ là nó còn một vai trò chính trị quan trọng trong đất nước chúng tôi, trong một tương lai rất gần đây thôi. Ngay như những người cộng sản, họ cũng nhìn nhận là họ phải nghĩ đến chúng tôi!”

- Thưa bà, các nhà báo Pháp, chưa bao giờ tỏ ra quá mềm dũ đối với Tổng Thống Thiệu đâu. Nhưng chúng tôi không có phận sự phải đề cao một phong trào chính trị và cho phong trào này một tâm vóc hay một sự kết hợp mà nó vốn không có. Về vấn đề tù chính trị, thì con số 200.000 là con số thật sự được Hà Nội, và phe đối lập của ông Thiệu thổi phồng lên. Con số 200.000 này đã nhiều lần được báo chí Tây Phương nhắc đi nhắc lại nhưng không bao giờ được Hội Hồng Thập Tự Quốc tế cũng như hầu hết các Hội Nhân Quyền quốc tế thuộc các tổ chức Tôn Giáo hay không Tôn giáo xác nhận, dù là tất cả đều rất quan tâm đặc biệt đến vấn đề này trong hai năm gần đây. Theo thống kê thì nhân số trong tất cả các nhà tù của Miền

Nam Việt Nam (kể cả các người bị nhốt tạm ở các xã ấp đến những tù nhân đang bị giam giữ ở các nhà lao lớn ở Côn Sơn) đều không quá con số 36.000 người...”

Bà Ngô bá Thành nhảy dựng lên, giận dữ, tuôn ra một tràng:

- “Thật là đê tiện, quá buồn cười, Sai! Và hoàn toàn sai bét!”

Giương mặt bà thay đổi thình lình, mặt mày nhăn nhó... bà ho lên một tràng dài, ho và nấc lên từng cơn, rung động cả người.

Bằng một giọng đau khổ lẫn trách móc, chồng bà nói với tôi:

- “Lẽ ra ông không nên nói những điều nghịch ý với vợ tôi.

Bà vợ tôi đang rất hào hứng khi nói về vấn đề chánh trị. Bà không thể chịu nổi những điều trái ngược với ý của bà ta. Bà ta giận ngay, nhanh lắm, khó chịu lắm và cơn suyễn lại kéo đến và bà ta sẽ ngộp thở. Mỗi lần như vậy là tôi phải cho bà một liều thuốc kháng viêm (nguyên tác: hydrocortisone). Bà vẫn biết đó là thuốc độc, nhưng đó là phương thuốc duy nhất...”

Tôi ra về mà không hỏi được bà Ngô bá Thành một câu hỏi có ích lợi nào cả. Bà ta đã nằm co ro trong cái ghế bành lớn bằng mây rồi. Trông bà có vẻ rất là yếu đuối để bảo đảm sự thay thế các tướng lãnh đang đối diện trận chiến khốc liệt với cộng sản Bắc Việt, những bộ đội đã từng sống cam khổ qua những trường huấn luyện rừng núi, nay đang sắp sửa tiến vào Sài Gòn. Và sau đó tôi bỗng thình lình sức nhớ lại cách đây hai năm, được gọi phải ra gặp vị Chánh Án ở Tòa Án tỉnh Gia Định, người đàn bà yếu đuối và bệnh hoạn này đã rình trước cửa Tòa Án và dùng một viên đá lớn liệng vỡ kính trước xe của ông Chánh án này. Sau đó bà chạy lại lôi tuột ông này ra khỏi xe, kéo vào lề đường và dùng cán dù đánh ông này một trận như từ, sau đó lại còn đá ông mấy đá vào cạnh sườn làm ông này đo ván luôn.



Vào khoảng 4 giờ chiều, một tin đồn nữa được tung ra khắp thành phố Sài Gòn. Tổng Thống Thiệu đang sửa soạn từ chức. Phải chăng đây là những tiếng đồn bậy bạ, báo động một lần nữa? hay chỉ là lời đồn giỡn chơi như thường ngày để làm cho thù địch lên cơn sốt? Có nhiều chỉ dấu ít nhất cũng rất nghiêm trọng hơn là bình thường. Ngay như buổi sáng nay, vị nguyên thủ Quốc Gia không dự buổi lễ Thanh Minh truyền thống. Bí thư của ông đã dùng điện thoại báo cho tất cả những nhân sĩ là các buổi hẹn trong vòng 48 tiếng đồng hồ sắp tới đều được hủy bỏ. Rõ ràng là sẽ có một chuyện gì đó, quan trọng lắm sắp xảy ra.

Vào lúc 5 giờ chiều, Hội đồng Chánh Phủ họp bất thường tại Dinh Độc Lập. Nhiều người nói đây là một buổi họp mặt để từ giã nhau.

Vào 6 giờ chiều, đài phát thanh báo cho biết là Tổng Thống Thiệu đã mời hết tất cả các Tổng Bộ trưởng, Tướng Tổng Tham Muu Trưởng, các nhân viên Tòa Thượng Thẩm và các vị dân cử thuộc lưỡng viện Quốc Hội, có mặt lúc 7 giờ tối để Tổng Thống đọc một bài diễn văn của ông, được trực tiếp truyền thanh.

Trong ba tuần nay, chiến lược gia của các tiệm cà phê ở đường Catinat đã tiên đoán là sự từ chức của Tổng Thống Thiệu là chuyện đương nhiên rồi.

Trong những ngày đầu tháng tư, một nguồn tin đã được loan đi và báo chí cũng đã có nói lại rõ ràng là một “hội đồng tướng lãnh” của Miền Nam đã trao cho Tổng Thống Thiệu một tối hậu thư, khuyên ông nên từ chức trong vòng 3 ngày... nhưng rồi có thấy chuyện gì xảy ra đâu?

Khi nào nhịp độ tấn công của cộng sản Bắc Việt càng mạnh thì phía đối lập lại càng rắn thêm. Cảnh sát đã phá vỡ hai mưu toan ám sát và dinh Độc Lập đã bị dội bom. Nhưng cho tới giờ này Tổng Thống Thiệu không thấy có một dấu hiệu gì nhượng bộ.. Càng ngày càng có nhiều nhân sĩ chánh trị hay tôn giáo đã công khai yêu cầu ông hãy ra đi, để người ta có thể đàm phán với “phía bên kia”. Phần đông các đối thủ của ông dường như tin chắc rằng ông Thiệu muốn ngồi mãi ở cái ghế Tổng Thống này cho đến cùng. Ngày hôm kia, ông ta còn dọa giết ông Ngô Khắc Tinh, người anh em bà con bạn dì với ông, đương kiêm Tổng trưởng Giáo dục, khi ông này muốn nói với ông ta về sự nghiêm trọng của tình hình trong hiện tại, làm ông ta giận dữ hét lên:

- “Anh chỉ là một thằng chủ bại bản thiêu. Nếu anh còn tiếp tục nói nữa, thì tôi sẽ cho anh ăn đủ 12 viên đạn của tiểu đội hành quyết ngay bây giờ.”

*

* *

Ông Dominique, người chủ tiệm ăn Valinco, chuỗi cho tôi một tuy dơ “hết ý”.

Theo ông ta thì Tổng trưởng ngoại giao Sauvagnargues của chúng tôi đã có điện thoại cho ông Mérillon (đại sứ Pháp ở Sài Gòn) để báo ông này:

“Anh hãy đi gặp ông Thiệu đi, và báo cho ông Thiệu là ông ta phải đi đi...”

(xin đính kèm nguyên văn lời chú thích của tác giả: Trong một cuộc phỏng vấn dành cho tờ báo Nouvel Observateur, ông Sauvagnargues xác nhận tin tức lạ lùng này: *“Theo đúng chỉ thị của tôi, đại sứ Pháp đã có đến gặp ông Thiệu và nói với ông*

này rằng: “Ông phải ra đi thôi...”, một cách thi hành Hiệp Định Paris hết sức quái lạ...)

Trước cổng vào dinh Tổng Thống, người ta phải mất độ 30 phút để cẩn thận hướng dẫn các xe chánh thức. Vào một buổi hoàng hôn ấm áp, với bãi cỏ và các vòi nước phun lên được đèn rọi chiếu sáng, với các anh tài xế toàn đội kết trắng tinh, tất cả đều làm cho người ta liên tưởng đến một dạ hội nào đó. Nhưng những chiếc áo dài lụa xinh xắn của Sài Gòn hoa lệ thường hay làm đẹp mắt cho các buổi tiếp tân lại không thấy góp mặt ở đây, mà chỉ thấy toàn là quân cảnh khắp nơi trong khu vực..

Vào hồi 7 giờ rưỡi, nửa giờ trước giờ giới nghiêm (thình lình được tăng lên một giờ), đường phố đã gần như vắng vẻ. Đằng sau các tấm rèm che phía trước tiệm buôn, các gia đình tụ họp lại quanh chiếc máy truyền thanh. Các cảnh sát cũng lẫn lộn ở trước cửa tiệm để cùng nghe diễn văn của Tổng Thống Thiệu.

7 giờ 43 phút: trong căn phòng lớn ở tầng dưới của Dinh Độc Lập, đứng trước bức họa tượng trưng của 18 vua Hùng, theo truyền thuyết là những vị vua dựng nước Việt Nam, Tổng Thống Thiệu bắt đầu nói. Với một giọng rắn rỏi, bình tĩnh, nhưng không dấu được một sự bức tức, ông đi vào một trong những sự trình bày dài mà đó là sở trường của ông. Ông nhắc lại từng giai đoạn lớn của cuộc chiến ở Việt Nam và những giai đoạn của những cuộc thương thuyết dẫn đến sự ký kết Hiệp Định Ba Lê. Ông hết sức nhấn mạnh các lần từ chối liên tục mà ông đã phải đối đầu chống lại với Kissinger trong cuộc hòa đàm:

- từ chối không chấp nhận một “Chánh Phủ ba thành phần” mà ở các tỉnh và xã ấp cùng phải có một nền hành chánh với ba thành phần.

- từ chối không chấp nhận “Đông Dương chỉ có 3 nước là Việt Nam, Campuchia và Lào”, và nhấn mạnh đòi hỏi của chúng ta là phải trở lại Hiệp Định Genève 1954 với 2 nước Việt Nam, Bắc Việt và Nam Việt..

Ở điểm thứ ba, Tổng Thống Thiệu đã xác nhận rõ là:

- “Tôi nhìn nhận là tôi đã thất bại, vì tôi chỉ đạt được thỏa thuận là “sự rút quân của người Mỹ phải được đổi lấy sự rút quân của tất cả các đơn vị cộng sản Bắc Việt ra khỏi lãnh thổ Miền Nam mà họ đã lấn chiếm.” Tôi đã tranh đấu suốt bốn tháng để điều khoản này phải được đưa vào bản văn của Hiệp Định, một điều khoản cực kỳ quan trọng.

Cuối cùng tôi phải chịu thua dưới áp lực của người Mỹ. Họ nói: “Nếu ông không chịu ký thì Quốc Hội sẽ “chấm dứt ngay mọi viện trợ kinh tế và quân sự”. Để thuyết phục tôi phải chấp nhận bản dự thảo Hiệp Định của họ, tôi đã nhận được một sự cam kết chính thức của Tổng Thống Nixon - một cam kết trong danh dự của một đại cường quốc, một lãnh tụ của thế giới tự do - bao gồm có 2 sự bảo đảm:

* Hoa Kỳ sẽ can thiệp bằng võ lực và ngay tức khắc nếu cộng sản Bắc Việt tiếp tục cuộc chiến.

* Hoa Kỳ chỉ nhìn nhận có một Chính Phủ của nước Việt Nam: đó là Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa, mà Hoa Kỳ sẽ viện trợ ở cả và đúng lúc, viện trợ cần thiết về kinh tế và quân sự.

Tuy nhiên, việc gì đã xảy ra?

Khi cộng sản Bắc Việt đã chiếm căn cứ quân sự Tổng Lê Chân vào tháng 5/1973, người Mỹ không có một phản ứng nào. Dựa vào thái độ tiêu cực này của người Mỹ, cộng sản Bắc Việt từ đó đã không ngừng tiếp tục các cuộc tấn công của họ. Sau khi đã lấn

chiếm xong các căn cứ xa xôi hẻo lánh, họ tiến chiếm đến các quận lỵ, rồi tỉnh lỵ. Nhưng rồi với thảm kịch Watergate và những ảnh hưởng chánh trị tiếp theo cuộc khủng hoảng về năng lượng trên thế giới, Hoa Kỳ dần dần từ từ cắt bớt viện trợ ngày này qua ngày khác. Trong lúc Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh thì lợi dụng được các biến cố này và gọi cho đồng minh Bắc Việt của họ một số lượng vũ khí chiến cụ to lớn, càng ngày càng tăng lên rất quan trọng, giúp cho các đơn vị chánh quy Bắc Việt xâm nhập không ngừng vào Miền Nam với nhiều chiến xa và chiến cụ, quân dụng tối tân.

Vì thế mà trong khoảng thời gian không đầy 2 năm mà cán cân quân sự hoàn toàn bị đảo ngược với phần thất lợi về phía chúng ta. Chỗ nào chúng ta có một sư đoàn thì cộng sản Bắc Việt có hai. Chỗ nào chúng ta có 10 chiến xa thì họ có hai chục. Quân đội chúng ta mất đi 60% khả năng tác chiến và khả năng di động. Chúng ta không có được sự yểm trợ ở át của không lực nữa và hỏa lực của chúng ta ở trận địa kém hơn hỏa lực của cộng sản quá nhiều.

Hoa Kỳ vốn cam kết phải thay thế với tiêu chuẩn một đổi một các quân dụng và chiến cụ hư hỏng, nhưng kể như không có thay thế chi hết.

Tổng Thống Thiệu cố nói to lên: *“Trong chiến tranh, không thể có phép lạ. Phải có bom, có đại bác, phải có đạn dược, và những phương tiện tiếp vận. Chính vì tình trạng thua sút này mà tôi đến phải có quyết định chánh trị và chiến thuật lui quân, không thể làm khác hơn được như đã chứng minh.”*

Vừa trình bày cho thấy một số lỗi lầm và một số trường hợp “yếu hèn” của một số cấp chỉ huy liên quan đến thảm trạng quân sự trong sáu tuần lễ vừa qua, vừa nhìn nhận là ông rất tiếc là tình hình các biến cố ở Cao Nguyên diễn tiến quá nhanh, ông Thiệu chỉ rõ:

chính Hoa Kỳ là kẻ phải chịu trách nhiệm chính trong vấn đề này:

- *Tôi đã nói với người Mỹ là: các ông muốn tôi làm những gì mà quân đội của các ông với 300 tỷ mỹ kim, đã không làm được trong sáu năm.*

- *“Tôi đã nói với họ là: Các ông muốn rút ra khỏi cuộc chiến tranh ở Việt Nam trong danh dự và bây giờ các ông đòi hỏi chúng tôi phải làm những chuyện vô lý và không thể làm được. Điều hành một cuộc chiến với viện trợ quân sự bị cắt xén thì có khác nào mấy ông trao cho tôi ba mỹ kim mỗi ngày mà bảo chúng tôi phải sống như một du khách hạng sang.”*

Sau đó tường trình về những cuộc nói chuyện vào cuối tháng 2 với những thành viên của Quốc Hội lúc họ sang Việt Nam nghiên cứu tình hình, Tổng Thống Thiệu tuyên bố:

- *“Tôi đã nói với họ rằng câu hỏi duy nhất được đặt ra là liệu Hoa Kỳ có quyết định giữ những cam kết của mình hay không? Và lời nói của Tổng Thống Mỹ có còn chút giá trị nào hay không? Tôi nói với họ rằng so với 300 tỷ mỹ kim mà người Mỹ đã xài ở đây thì 300 triệu mỹ kim mà họ đang tranh luận chỉ là số tiền đủ chi tiêu trong 3 ngày tác chiến mà thôi, vậy mà họ vừa trả giá với tôi trong lúc họ đòi hỏi tôi phải chặn đứng được làn sóng tấn công xâm lược của cộng sản, một điều mà ngay chính họ, với sức mạnh vô địch của một đại cường quốc, Hoa Kỳ đã không có khả năng chặn đứng được trong sáu năm dài chiến đấu.*

Thái độ vô nhân đạo của Hoa Kỳ là thái độ của một cường quốc lớn đang trốn tránh trách nhiệm của mình.”

Với một giọng giận dữ và khích động, ông Thiệu gào to lên:

- *“Không bao giờ tưởng tượng nổi là tôi có thể chứng kiến*

trong một thời gian nào đó tấn bi kịch của những sự trả giá bản thiêu đang diễn ra bên trong tòa nhà Lập Pháp của Quốc Hội Hoa Kỳ. Không bao giờ tôi tưởng tượng nổi một người như Kissinger lại có thể đưa dân tộc Việt Nam mình vào một định mệnh hết sức thảm khốc như ngày hôm nay”.

Đúng 8 giờ 36 phút, sau 53 phút đọc diễn văn, Ông Thiệu loan báo là ông từ chức. Ông nói thêm:

- “Tôi nghĩ rằng sự hy sinh của tôi sẽ giúp thay đổi được tiến trình viện trợ của Hoa Kỳ cho Việt Nam Cộng Hòa, và giúp thay đổi được diễn tiến trên chiến trường. Nếu nó có thể mang lại hòa bình cho toàn dân, và đem lại cho quân đội và cho đất nước sự giúp đỡ cần thiết cho sự sống còn của họ thì đó chỉ là một sự hy sinh tối thiểu mà thôi. Đối với những người luôn luôn chỉ trích tôi cho tôi là một chướng ngại cho nền hòa bình, tôi xin họ vì tình yêu của Tổ Quốc họ hãy giúp đỡ người kế vị tôi, là Tổng Thống Trần Văn Hương, để ông mang lại hòa bình cho đất nước, một việc mà tôi đã không thể làm được. Tôi hy vọng rằng hành động của ông, căn cứ trên sự thi hành Hiệp Định Ba Lê và căn cứ trên quyền tự quyết của dân tộc, sẽ đi đến một giải pháp chánh trị trong hòa bình và ngăn chặn được cộng sản Bắc Việt không tiến chiếm Sài Gòn. Kể từ giờ phút này, tôi xin tự đặt mình hoàn toàn dưới sự xử dụng của vị Tân Tổng Thống, của dân tộc và của quân đội. Tôi tiếp tục làm việc bên cạnh đồng bào và các chiến sĩ để bảo vệ đất nước chúng ta.”

Bây giờ là 9 giờ đêm. Đèn ở Dinh Độc Lập đã lần lượt tắt hết. Các bãi cỏ và các vòi nước cũng đã chìm trong bóng tối. Ông Thiệu không còn là Tổng Thống nữa. Trong thời gian 8 năm, đối với Hoa Kỳ cũng như đối với tất cả những người thân của ông, Nguyễn văn

Thiệu đã là một người mạnh, một đồng minh trung thực và chắc chắn, là thành lũy cuối cùng chống chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á, và ngay đối với Tổng Thống Nixon, ông Thiệu là một trong những chánh trị gia khôn khéo nhất của thời đại. Đối với kẻ thù cộng sản và những những đối thủ chống đối ông thì ông là một kẻ độc tài và một người tham những tay sai của đế quốc Mỹ. Chiều nay, ông chỉ còn là một người cô đơn, chua chát và thất vọng, một người đang bất thần đứng ra đo lường sự khoa trương hào huyền về danh dự con người, đo lường những sự cam kết và sức mạnh của chánh trị. Có nhiều người sợ rằng nếu ông ta cứ giữ một thái độ hiếu chiến muốn tử thủ, thì ông có thể sẽ đưa thủ đô Sài Gòn vào một trận chiến đẫm máu và phá hoại điêu linh.

Chương 17

ĐẾN LƯỢT ĐẠI SỨ M. MÉRILLON LÊN SÂN KHẤU

Thứ Ba, ngày 22 tháng Tư. Với sự thờ ơ nhẵn nại trên đường phố Sài Gòn, với sự bối rối ở Hoa Thanh Đốn, với sự kín đáo ở Mạc Tư Khoa, với niềm hy vọng ở Ba Lê, với sự từ chức của Tổng Thống Thiệu được loan báo chiều hôm qua... cho tới giờ này chỉ thấy có phản ứng vừa phải ở khắp mọi nơi thôi. Trên cả thế giới, chánh phủ nào bây giờ cũng chỉ chú ý đến những gì gọi là “biến cố sẽ xảy ra” mà thôi.

Đài phát thanh Sài Gòn chỉ đưa ra hai đoạn trích dẫn từ những bài bình luận đầu tiên của báo chí ngoại quốc:

* Của tờ *Thời Báo Нью Уок* (*New York Times*) ở Hoa Kỳ:

- “Sự từ nhiệm của Nguyễn văn Thiệu trong chức vụ Tổng Thống VNCH đã làm giảm đi khả năng sẽ có một cuộc chiến đẫm máu dẫn đến sự “kết thúc” (nguyên văn của tác giả: “finish” bằng tiếng Mỹ, trong dấu ngoặc). Các bên hiện diện của Việt Nam cuối cùng sẽ có một cơ hội thiết thực để tìm đến một giải pháp phù hợp với các điều khoản của Hiệp Định Ba Lê năm 1973”.

* Của tờ *Thời Báo* (*Times*) ở Luân Đôn:

- “Ai đã phản bội? Người nào? Đây là một câu hỏi rắc rối. Từ đây không còn nghi ngờ gì nữa là Chánh Phủ Hoa Kỳ rõ ràng đã có trao hẳn hoi cho Tổng Thống Thiệu những sự bảo đảm trong trường hợp tối cần thiết. Tổng Thống Thiệu đã có hành động đúng khi ông tuyên bố rút lui vì quyền lợi của đất nước của ông ta, để mở đường cho những cuộc đàm phán...”

Câu hỏi mà mọi người đều đặt ra chỉ vồn vện là: “Tổng Thống Trần Văn Hương, người được chỉ định thay thế ông Thiệu, theo đúng Hiến Pháp Việt Nam, sẽ giữ được chánh quyền được bao nhiêu thời gian nữa?”

Ông Trần Văn Hương, người thay thế ông Thiệu, là một ông già 72 tuổi, người đầu yếu được may mắn qua khỏi bệnh bướu tim, có một dáng đi nặng nề và có tính hay do dự, luôn đeo kính râm dày để che dấu và bảo vệ cặp mắt hơn là sợ ánh sáng. Vốn sanh trưởng ở tỉnh Vĩnh Long, cha là một ông giáo và mẹ là người bán hàng, ông cũng trở thành một giáo viên, và sau đó là một thanh tra tiểu học, ông bước vào con đường chánh trị ngay sau khi Thế chiến Hai chấm dứt, và được bầu làm Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chánh Tỉnh Tây Ninh trước khi được chỉ định vào chức vụ Thị Trường Sài Gòn. Liêm khiết và không ngại ngùng, với chiếc xe đạp hay bằng một chiếc xe bốn ngựa cũ kỹ loại vá vấu, ông đi khắp mọi nơi, đến với mọi người, với mọi yêu cầu có tính cách nhân đạo, ông cũng tiếp những người nghèo hơn người giàu sang nên từ đó rất nhanh chóng được nổi tiếng là một người bình dân.

Ông chỉ giữ chức vụ này có hai năm, và mặc dầu đứng ngoài chế độ của ông Diệm, ông vẫn bị bắt năm 1961 vì đã ký tên vào một bản tuyên ngôn chống Chánh Phủ.

Năm 1964, ông Hương trở lại chính trường sau khi ông Diệm

bị các tướng lãnh lật đổ. Ông được Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng chỉ định làm Thủ Tướng Chánh Phủ, nhưng ba tháng sau đó ông bắt buộc phải từ chức vì áp lực của Phật Tử và của tướng Nguyễn Cao Kỳ.

Sau thời gian bốn năm về hưu mới này, năm 1967 ông lại có mặt trên chính trường, với tư cách là ứng cử viên Tổng Thống, đối lập với Tướng Thiệu, nhưng không hề chỉ trích cá nhân Tướng Thiệu trong thời gian tranh cử. Nhờ vậy vài tháng sau đó ông lại được Tổng Thống Thiệu trọng dụng, mời ông thành lập Chánh Phủ. Sau nhiều lần cải tổ, ông mới thành lập xong Chánh Phủ và ông là Thủ Tướng. Nhưng đến tháng 8 năm 1969, Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm lại thay thế ông. Đến năm 1971 ông được Tổng Thống Thiệu chọn đứng chung liên danh ứng cử Tổng Thống và từ đó ông mới là Phó Tổng Thống.

Có nhiều dư luận đồn đại ở Sài Gòn theo đó thì trong tương lai lại đến lượt ông Hương phải từ chức Tổng Thống, giao lại cho ông Trần Văn Lắm, Chủ tịch Thượng Viện, cựu Tổng Trưởng Ngoại Giao trong thời kỳ hòa đàm Ba Lê, và với chức vụ này ông Lắm là một trong những người đã ký Hiệp Định Paris 1973.

Nhưng các tin đồn ở Sài Gòn này thực hư cần phải được kiểm chứng lại. Vì nguyên thủ Quốc Gia mới này, người mà tôi đã có dịp tiếp xúc nhiều lần trong những năm gần đây, mặc dầu trong tình thế cấp bách, không phải là người chịu lấy quyết định một cách vội vã. Trái lại, ông còn phải có thì giờ để tham khảo, dò hỏi, tiếp các nhân sĩ, các nghị sĩ, các dân biểu, các tướng lãnh, các nhà ngoại giao để biết được ý kiến từng người, biết được lập luận của họ, vừa cân nhắc từng khả năng trước khi ông từ chức, vừa phải giữ đúng mọi hình thức thủ tục, để chọn người nào mà ông nhận

định là có đủ khả năng nhất, có thể đứng mạnh nhất để có thể đứng ra đàm phán với kẻ thù.

Nhìn vào tuổi tác của ông, tình trạng sức khỏe của ông, với sự nghiên cứu tiểu sử của ông, người ta có thể suy đoán được ngay thái độ và cách xử sự của ông. Là một người có óc địa phương cứng rắn, được thẩm nhuần luân lý Khổng Mạnh, lại được đào tạo trên trường đời, hấp thụ một nền công dân giáo dục và toàn loại văn chương tuyển lựa (thư viện của ông đầy sách của tác giả cổ điển Pháp), ông già cộng hòa cứng đầu, gắt gỏng và tỉ mỉ này biểu lộ một sự gắn bó với truyền thống và luật lệ. Nếu có nhiều lần cãi vã ra trò cho thấy ông có chống đối Tổng Thống Thiệu, hay nếu ông thường tố cáo trên báo về tham nhũng và những hành động thái quá trong chiến tranh, nhưng ông không bao giờ tán thành chuyện thương lượng với cộng sản mà lúc nào ông cũng khẳng khái gọi “bọn xâm lược Miền Bắc” (nguyên tác: Tonkinois). Là người giữ Hiến Pháp, nếu được chỉ định phải xúc tiến việc thương lượng với kẻ thù, ông nghĩ là ông phải thi hành trong khuôn khổ của thể chế mà ông có bốn phận phải gìn giữ. “Phía bên kia” hình như không sẵn sàng để cho ông thi hành điều đó một cách dễ dàng đâu.

Chỉ vài giờ sau khi ông Hương nhận chức, Hà Nội đã xằng giọng nói rõ quan điểm của họ: “Sự từ chức của Nguyễn Văn Thiệu chỉ là một mưu mẹo, một toan tính chánh trị nhằm duy trì chế độ Thiệu mà không có Thiệu. Thật sự không có gì thay đổi hết, và đương nhiên cuộc chiến vẫn phải được tiếp tục”.

Và lại nhất thời cộng sản không có một lý do nào để đi đến một thỏa hiệp. Họ luôn luôn nhấn mạnh là họ chiến đấu trên ba mặt trận: quân sự, chánh trị và ngoại giao.

Trên phương diện quân sự, họ đang ở thế mạnh. Nhưng Sài Gòn

cũng vẫn còn vài đơn vị có khả năng bám chặt trận địa, và Miền Đồng Bằng sông Cửu Long vẫn chưa hề hấn gì cả. Như vậy, vì không muốn chiếm một thủ đô Miền Nam đổ nát, họ muốn thúc hối tiến trình của một sự sụp đổ của Chánh Phủ hiện hữu trên phương diện chánh trị, để đi đến một sự thay đổi thành phần của một Chánh Phủ mới có thể ra lệnh cho quân đội ngừng bắn, giúp mở toang cửa thủ đô Sài Gòn và Đồng Bằng sông Cửu Long cho họ thông thả tiến vào mà không cần phải chiến đấu.

Cuộc đấu tranh chánh trị được cộng sản đưa lên hàng đầu: có nghĩa là cộng sản muốn đạt được Hiến Pháp của một Chánh Phủ hoàn toàn không có một người nào mà họ gọi là “bè lũ Mỹ Thiệu”. Nhiệm vụ chính của “nội các hòa bình” đó tạo điều kiện dễ dàng cho sự ra đời của một “Hội Đồng Quốc Gia Hòa Hợp và Hòa Giải” mà theo Hiệp Định Paris Hội Đồng này sẽ sửa soạn cho cuộc bầu cử. Theo Hiệp Định Paris thì Hội Đồng này sẽ gồm có ba thành phần (CPLTCHMN, Sài Gòn, và lực lượng trung lập), cộng sản sẽ không gặp một điều bất trắc nào mà chỉ hoàn toàn có lợi cho họ khi họ bám chặt vào phương thức hợp pháp này. Làm chủ được tiềm lực của Sài Gòn nhờ vào số phận hẩm hiu của vũ khí và sự bỏ rơi của người Mỹ, cộng sản đang ở vị thế chọn lựa và áp đặt điều kiện với Sài Gòn (họ muốn chọn ai thì chọn, muốn loại bỏ người nào không thích hợp với họ thì loại bỏ). Họ cũng tự cho mình có quyền kiểu đó để lựa chọn những nhân vật trung lập “tin cậy được” để đưa vào đại diện cho lực lượng thứ ba trong Hội Đồng Hòa Hợp Hòa Giải Quốc Gia tương lai.

Như vậy, trên phương diện “hình thức”, Hiệp Định Paris sẽ coi như được họ tôn trọng, không ai có thể chê trách là cộng sản đã không thi hành đúng từng chữ trong Hiệp Định Paris trên phương

diện chánh trị. Và như vậy họ cũng bảo đảm được những phê phán thuận lợi cho họ đối với dư luận quốc tế, bảo đảm được sự cộng tác của các nhà ngoại giao ngoại quốc đang lo ngại không tránh được một trận chiến đẫm máu trong thủ đô Sài Gòn.

Trong hiện tại, với những mặc cả khó khăn, những nhà chánh trị của Miền Nam đang bàn cãi nhằm tìm một người đối thoại khả dĩ có thể được phía cộng sản chấp nhận.

Tổng Thống Hương vừa bắt đầu tỏ thiện chí của mình bằng cách chấp nhận sự từ nhiệm của “Chánh Phủ chiến tranh” vừa mới được vị Tổng Thống tiền nhiệm chỉ định cách đây 12 ngày. Bây giờ Ông đang cố gắng liên lạc với những lãnh tụ khác của Miền Nam và với những nhà ngoại giao Mỹ và Pháp ở Sài Gòn, để tiến hành một sự thay đổi đường lối chánh trị mà phía cộng sản đòi hỏi. Nhưng ông Tổng Thống già này vẫn cứng rắn không chịu từ chức:

- “Tôi không có quyền buông bỏ tính cách hợp pháp của Quốc Gia này (một điều mà ông thường nhắc đi nhắc lại) để trao cho một nhân vật không được dân chúng bầu lên. Thay vì chuyển giao quyền hành và trách nhiệm một cách bất hợp pháp, tôi muốn thành lập một tân Chánh Phủ hân hoi, không có một dấu ấn nào về đường lối trước kia, để họ có đầy đủ quyền hành mà đàm phán với bên kia.”

Trong sổ tay của Tổng Thống Hương, thấy có tên của ba người có thể là Thủ Tướng, cả ba đều là người Miền Nam, ông Trần Văn Lắm, ông Nguyễn Văn Huyền, và tướng Trần Văn Đôn. Ông đã tiếp cả ba người, tuần tự từng người một.

- Ông Trần Văn Lắm, là người sanh trưởng ở Chợ Lớn, 62 tuổi, đầu tròn trịa tóc chải nằm xuống thật kỹ lưỡng, gương mặt rất thần nhiên. Ông là một nhân sĩ ung dung, tự tin, với một tư thế hay giúp người. Ông đã học Dược ở Hà Nội và có một số vốn liếng khá lớn

nhờ sản xuất và bán thuốc tây. Ông đã từng là Thống Đốc Nam Kỳ, Chủ tịch Quốc Hội Lập Hiến, Đại sứ VNCH ở Úc Châu, và sau đó là Tổng trưởng Ngoại Giao, và với tư cách này ông là người đã ký vào Hiệp Định Paris 1973, nhưng sau đó ông bị Tổng Thống Thiệu bãi nhiệm chỉ vì Tổng Thống Thiệu không thích cử chỉ của ông khi ông ôm bà Nguyễn Thị Bình vào lúc ký Hiệp Định và gọi bà Bộ Trưởng Ngoại Giao của CPLTCHMN bằng “bà chị thân yêu”. Được bầu làm Chủ tịch Thượng Viện vào cuối năm 1973, được người Mỹ tích cực ủng hộ, kể từ lúc đó ông đã cố gắng tỏ thái độ độc lập đối với ông Thiệu, và giữ một khoảng cách nào đó với những vấn đề liên quan đến chánh trị, một thái độ cũng không khó gì lắm, so với công tác quản trị công việc làm ăn riêng của mình, công tác này coi như đã chiếm gần hết thì giờ của ông - nhất là ngân hàng tư của ông, một ngân hàng rất thịnh vượng.

- Ông Nguyễn văn Huyền: 61 tuổi, tiến sĩ luật học, một luật sư có tài. Sinh trưởng ở Mỹ Tho, ông là một người rất liêm khiết và được mọi người kính nể. Ông là lãnh đạo những người công giáo Miền Nam (ôn hòa hơn những người công giáo từ Miền Bắc vào), là bạn thân với Đức Cha Nguyễn Văn Bình, Tổng Giám Mục giáo phận Sài Gòn. Ông có một đời sống rất khắc khổ, rất xứng đáng, tận tụy hết sức mình với Đạo giáo, và công việc của Quốc Gia. Là Chủ tịch Thượng Viện từ 1967 đến 1973, ông từ chức để phản đối việc sửa đổi Hiến Pháp theo ý của Tổng Thống Thiệu để giúp ông ta được ra ứng cử thêm một nhiệm kỳ thứ ba. Ông tuyên bố ngay lúc đó:

- “Sự chấp thuận bản văn đó, nhờ vào những áp lực không thể chấp nhận được, kèm theo những “bao thơ” được phân phát... đã tước hết hy vọng của những người trong chúng tôi lúc nào cũng

muốn đóng góp vào công tác xây dựng một nền dân chủ thật sự cho đất nước”.

Sau đó ông tham gia phong trào “chống tham nhũng” của linh mục Thanh và từ đó lúc nào ông cũng kêu gọi sự từ chức của Tổng Thống Thiệu.

- Trung tướng Trần Văn Đôn: 58 tuổi, sanh trưởng và được đào tạo bên Pháp. Ông thuộc một gia đình cổ xưa và có uy tín ở Miền Nam. Cha ông là một người tình nguyện trong Thế Chiến thứ Nhất, đã học Y Khoa ở Bordeaux, và vô dân Pháp. Khi trở về Việt Nam, ông nổi danh trong việc hành nghề ở Sài Gòn, trở thành một nhân sĩ có tên tuổi của thành phố, và được các vị Toàn Quyền người Pháp ở Miền Nam che chở và thường xuyên tiếp kiến. Là bạn thân của lãnh tụ Nam Việt Trần Văn Hữu, Thủ Tướng đầu tiên của Việt Nam Cộng Hòa, ông được đặc ân của Thủ Tướng Hữu bổ nhiệm ông làm Thị Trưởng Sài Gòn Chợ Lớn, và sau đó làm Đại Sứ ở Luân Đôn. Nhưng vì ông quá thân thiết với Đại sứ Pháp ở Anh Quốc (ông Mas-sigli) đến độ ông thường tiết lộ những chuyện mật kín của Việt Nam, cho nên Thủ Tướng Hữu thấy cần phải thận trọng hơn và đổi ông sang làm Đại sứ ở La Mã (Ý đại Lợi). Vào năm 1956, rất nhiều người dân lớn tuổi ở Miền Nam đã nghiêm khắc phê phán ông, khi ông ta vì muốn được sự trọng dụng của Tổng Thống Diệm, kẻ thù của người bảo trợ cũ của ông mà từ bỏ quốc tịch Pháp. Thái độ có tánh cách cơ hội này đã làm cho người ta hiểu rõ hơn về những hành động liên tiếp và mâu thuẫn của đứa con trai của ông, Trần Văn Đôn, lúc nào cũng bị ám ảnh về một “sự thành công” nào đó.

Con người mảnh khảnh nhưng có thân hình đẹp trai, với những nét thanh bai, tao nhã và quyến rũ, ông Trần Văn Đôn là một tướng lãnh chánh trị hơn là một chỉ huy quân sự. Thành thạo trong những

tăng tịu vụng trộm và trong những cuộc vận động ở cấp Bộ, nghề nghiệp và sự thăng quan tiến chức của ông phần lớn nhờ vào sự bảo trợ mà ông biết giành được qua những hành động nổi bật của mình. Cựu sinh viên sĩ quan trường đào tạo sĩ quan Saint Maixent (Pháp), sau đó trường quân sự Tông (Bắc Việt), trung úy André Trần Văn Đôn bắt đầu đi lên từ các văn phòng Phủ Thủ Tướng (Xuân, Hữu và Diệm). Vào năm 1956, thỉnh linh ông mất hết sự kính trọng của tất cả những người bạn cũ người Pháp và của nhiều người bạn trong quân đội, khi vì muốn làm vui lòng ông Diệm, ông đã chủ tọa buổi lễ “thieu hủy những tâng tích quân sự trong thời thuộc địa dưới sự thống trị của người Pháp”. Ngày hôm đó, tướng Trần văn Đôn đã cho đốt hết những cấp bậc và huy chương của quân đội Pháp bằng cách đích thân châm lửa vào cùi. Bà chị ruột của ông phần nộ vì hành động và cử chỉ của ông, đã phải tát cho ông hai tát nên thân.

Về sau này, vì ông đã quay lưng lại với bạn bè và nguồn gốc Pháp của mình, tướng Đôn lại đi tham gia vào cuộc hạ sát Tổng Thống Diệm, người đã cho ông quá nhiều danh vọng và đã bổ nhiệm ông làm Tổng Tham Muu Trưởng Quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Tướng Đôn đã tham gia sau đó vào tất cả các biến chuyển chánh trị ở Miền Nam Việt Nam. Là bạn của tướng Dương Văn Minh, ông Đôn lại xa lánh ông này để nhảy sang với tướng Cao Kỳ, nhờ tướng Kỳ nâng đỡ để được bầu vào Thượng Viện, rồi lại bỏ tướng Kỳ để làm thân lại với Tổng Thống Thiệu... bằng cách trình và bênh vực trước lưỡng viện Quốc Hội dự án sửa đổi Hiến Pháp nhằm tăng nhiệm kỳ của Tổng Thống lên năm năm thay vì bốn năm và cho phép Tổng Thống được quyền ra ứng cử nhiệm kỳ thứ ba.

Để đền bù lại việc này, coi như một trao đổi, Tổng Thống Thiệu

bổ nhiệm ông Đôn làm Phó Thủ Tướng. Nhưng rồi, quá lo nghĩ cho tương lai của mình, tướng Đôn lại khôn ngoan tránh né không muốn dính chặt với Tổng Thống Phủ bằng cách đi tìm cách ngao du khắp nơi ở ngoại quốc, qua Âu Châu, Phi Châu thuộc Pháp, đi Nhật và Hoa Kỳ. Nhất là ở Paris, ông nối lại liên lạc với một số thượng cấp cũ của ông, biểu lộ những sự hối tiếc của mình đã có hành động “không tế nhị” khi chủ tọa “buổi lễ đại dốt để đốt cấp bậc và huy chương Pháp”.

Ông ta được các ông Giscard d'Estaing và Poniatowsky tiếp kiến, cảm động vì cử chỉ tốt của ông, vì tiếng Pháp quá gọt dũa của ông, và vì những cam kết gắn bó với “nền văn hóa và sự rạng rỡ” của nước Pháp.

Ông ta nhờ một người bạn lâu đời của Việt Nam là tướng Loislillon để can thiệp xin cho ông được quyền lãnh trợ cấp của quân đội Pháp, vì ông đã phục vụ trong quân đội này 16 năm... và lãnh hồi tố được một số tiền là 130.000 quan Pháp (3 quan Pháp = 1 mỹ kim lúc đó). Đồng thời, nhờ sự giúp đỡ của ông Sainteny (cựu Toàn Quyền Cộng Hòa Pháp ở Bắc Việt), ông giữ được liên lạc đều đặn với những thành phần trung lập bị trục xuất sang Pháp, những người còn quan hệ chặt chẽ với Hà Nội và CPLTCHMN. Tại Sài Gòn ông giữ mối giao hảo mật thiết với đại sứ Pháp, ông Mérillon, người coi ông như một trong những lãnh tụ có khả năng lãnh đạo một Chánh Phủ liên hiệp. Là một con người kín đáo, nhiều màu sắc, và lịch lãm không chê được, cho tới giờ này ông Trần Văn Đôn đã thành công trong việc luồn lách qua những giọt nước của các cơn mưa sa bão táp mà vẫn không ướt bàn chân.

Là một người quyền rũ may mắn, ông Đôn còn đi đến hành động ve vãn và thân thiện với mấy ông chồng khờ dại mà ông ta

lường gạt để cuỗm mấy bà vợ nhẹ dạ - nhưng ông khôn khéo vẫn giữ được gia đình của mình nguyên vẹn và êm ấm. Mấy đứa con của ông cũng được giáo dục tốt như ông, học hành cũng rất tốt và vẫn rất mực kính trọng ông.

Trong khi Tổng Thống Hương tiếp tục thăm dò và thử thành lập một Chánh Phủ với sự góp ý của các ông Trần Văn Lắm, Nguyễn Văn Huyền và Trần Văn Đôn, thì người ta chú ý nhiều hơn về những cố gắng ngoại giao hướng về một nền “hòa bình qua thương lượng” hơn là về tình hình quân sự thật tình đang rất nguy kịch.

Góp mặt như những nhà trung gian hòa giải đắc lực nhất, là người Pháp, họ giữ những sự tiếp xúc với tất cả các Bên trong cuộc chiến, không riêng gì ở Sài Gòn, mà cả ở Paris và Hà Nội.

Thái độ và hành vi sau cùng của Chánh Phủ Pháp đã có một tiếng vang nào đó trong thủ đô Miền Nam, ở đó nhiều nhà trí thức tưởng rằng Paris đã lấp khoảng trống do Hoa Kỳ bỏ lại. Đối với một dân tộc đang lo sợ sẽ bị bỏ rơi thật sự, sự kiện mà điện Elysée kêu gọi (nguyên tác: inviter: mời) người Pháp hãy ở lại Việt Nam, hình như là một bằng chứng cho thấy là mọi việc rồi sẽ không kết thúc bằng một cuộc tàn sát, hay tắm máu đâu.

Tất cả dân chúng ở Sài Gòn đều nhắm vào ông Đại sứ Pháp Mérillon. Người nhỏ thó, gầy, nhưng nóng tính, tóc đen, ông Mérillon có cặp mắt tròn sáng ngời dưới cặp kính râm. Ông là cựu sinh viên trường E.N.A., năm 1970 đã nổi bật và được dư luận chú ý trong lúc chiến cuộc “tháng chín đen” ở Jordan đang hồi khốc liệt. Lúc bấy giờ ông đang là Đại sứ Pháp ở thủ đô Amman, ông đã bỏ tiền ra bất chấp tốn hao để lo chuyển thực phẩm và thuốc men đến cho dân chúng, cho những người ngoại quốc đang bị phong tỏa kẹt trong vòng chiến, và cho những con tin đang bị du kích Pales-

tine cầm giữ. Táo tợn hơn dưới con mưa đạn và rốc kết, ông đích thân đứng ra hướng dẫn các phi công của các phi cơ cứu viện đáp xuống phi trường. Là một nhà ngoại giao bất chấp hết thủ tục, thường mặc sơ mi nhẹ và quần kaki dài hơn là đứng đắn có thắt cà vạt, ông hằng say làm việc nhưng không được kiên nhẫn lắm, nên đôi lúc có những cơn nóng giận bất thường.

Các cộng sự viên của ông thường nói về ông:

- “Ông rất tự tin, có thói quen tổng kết tình hình và phán đoán con người qua vài câu bèn nhọn và nhanh gọn, ông tự biết mình là một người thông minh và không bỏ qua một cơ hội nào để chứng minh điều đó”.

Những người Pháp lớn tuổi ở đây nhận thấy ông đã “tăng cường” nhân viên của Tòa Đại Sứ, để làm tăng giá trị cho vị thế của ông hơn là muốn có một sự hữu hiệu thật sự cho công việc, và họ nhún vai phê bình thêm:

- “Ông ta khuấy động nhiều quá, làm ồn quá, coi chừng ông ta sẽ có nguy cơ trào cao té nặng đó!”

Thật ra, từ mấy ngày nay, ông Jean- Marie Mérillon đã tỏ ra rất năng động. Tin chắc là cái giá phải trả cho một cuộc “chiến đấu trong danh dự” của Sài Gòn sẽ thật sự rất đắt, nên điều lo lắng đầu tiên của ông là phải cố tránh không để cho thủ đô bị đánh chiếm. Muốn được như vậy, ông hình dung ra một sơ đồ căn cứ trên một ý nghĩ thật giản dị: phải đạt cho được sự từ chức của Tổng Thống Hương và thành lập một Hội Đồng Hòa Hợp Hòa Giải với những nhân vật thuộc “thành phần thứ ba”. Hội đồng này chỉ cần tồn tại trong vòng hai hay ba tuần lễ mà thôi. Một thời gian trì hoãn. Muốn được như vậy, là ông phải lắc mạnh cái mà ông gọi là “sự bất động cố hữu” của ông già Hương; phải cố thuyết phục cho đến cùng

rằng sự chống trả bằng võ lực bây giờ là điều hoàn toàn vô ích; và cố gắng hòa giải các nhóm “đối lập hợp pháp” vì lúc nào họ cũng chia rẽ với nhau.

Vậy bây giờ là ông bắt đầu tiến hành những cuộc mặc cả hết sức khó khăn rồi trở thành mạnh bạo hơn khi mà mỗi giờ trôi qua là mỗi giờ áp lực của lực lượng cộng sản càng nặng thêm lên.

Hà Nội vừa mới xác định một lần nữa lập trường của họ:

- “Trong bộ máy chánh quyền mới sẽ được thành lập ở Sài Gòn, không được có mặt bất cứ người nào đã ở trong bè cánh của Thiệu, có nghĩa là những người đã hợp tác chặt chẽ với Thiệu để chống phá quyền lợi Quốc Gia, kéo dài cuộc chiến và phá hoại Hiệp Định Ba Lê.”

Với những lời tuyên bố này, đương nhiên bị loại ra ngoài ông Trần Văn Lắm, đương kim Chủ tịch Thượng Viện và tướng Trần Văn Đôn, Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng của Chánh Phủ “chiến đấu”, tuy đã từ nhiệm nhưng vẫn còn là “xử lý thường vụ”.

Về phía ông Nguyễn Văn Huyền, ông đã từ chối không nhận đề nghị lập Chánh Phủ bằng một lời tuyên bố rất giản dị “Trong lúc tình hình cần có một sự đoàn kết Quốc Gia rộng rãi, với tư cách một người lãnh đạo công giáo, tôi sẽ nhanh chóng bị phê phán là muốn lập một “Chánh Phủ tôn giáo”.

Do vậy lại bắt đầu trở lại những sự mặc cả mới..., mà ông Méri-lon hơi chua chát gọi đó là “những trò chơi viển vông”. Tin tức từ mặt trận đưa về thật đáng lo ngại. Một số đơn vị của Chánh Phủ đang thiếu đạn. Về hướng Tây Bắc của thủ đô, trung đoàn bộ binh thuộc sư đoàn 25 đang phòng thủ một giao lộ rất quan trọng là Gò Dầu Hạ, chỉ còn có vài tràng mỗi ngày dự trữ cho các khẩu pháo

105 và 155 ly. Trên mặt trận hướng Đông, số phận của chiến trận chỉ tùy thuộc vào sự yểm trợ của Không quân chiến thuật.

Tin chắc rằng những cuộc bàn cãi dài dòng của các chánh trị gia và các nhà ngoại giao còn phải kéo dài trong vài ngày nữa, nên tôi muốn đi trở lên mặt trận hơn.

Chương 18

NGỌN ĐỒI CUỐI CÙNG

THỨ TƯ, NGÀY 23 tháng 4. Cứ cách nhau ba phút là các phóng pháo khu trục cơ cất cánh và đáp xuống phi trường. Trên bãi đáp trực thăng số 42, đang có bốn chiếc gồm hai chiếc vận tải loại lớn “Chinooks” và hai trực thăng võ trang U.H. 1 B. đang sắp sửa cất cánh. Nhiệm vụ: tiếp tế đạn cho một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 48 bộ binh đang độn địch ở chân núi Thị, một ngọn núi chế ngự hết cả vùng của đồn điền cao su An Lộc rộng lớn (S.I.P.H.), và đang chuẩn bị chống trả những trận tấn công dữ dội hơn của cộng sản.

Thiếu tá Luân, 36 tuổi (với 4.000 giờ bay và 12 huy chương), một trong những phi công ưu tú nhất thuộc Không Quân chiến thuật, đã chấp nhận cho tôi cùng bay với ông ta. Chúng tôi sẽ nghỉ đêm tại mòm núi và sáng sớm ngày mai chúng tôi sẽ bay lượn trên khắp vùng trận địa - 60 cây số dàn quân - của chiến trường Xuân Lộc trên quốc lộ 1 và tỉnh lộ 24.

Có một số thợ máy mặc quần áo chống cháy đang gắn những tấm lưới thép dưới lườn trực thăng Chinooks và chất đầy áp các

thùng đạn vào đó. Mặc vào một cái áo giáp chống đạn và đội một nón sắt có kính che mắt, tôi nịt giầy nịt an toàn vào rất kỹ lưỡng. Trên phòng lái, là thiếu tá Luân và sĩ quan hoa tiêu. Bên trái của tôi là một sĩ quan pháo binh có cả ống nghe trên mũ và ống nói dưới cằm. Phía sau tôi ở hai bên trong hai ụ súng là hai anh xạ thủ với hai khẩu đại liên 50 chia ra ngoài, và dưới lườn trực thăng có hai ống phóng mỗi ống chứa 7 quả rốc kết. Chúng tôi cất cánh lúc 18 giờ 15 phút.

Trực thăng lấy cao độ nhanh, và trực chỉ hướng Đông. Xuyên qua các đám mây chúng tôi thấy một đường thẳng dài của quốc lộ 1, lấm chấm có vài dấu nổ của đạn pháo: đó là tác xạ ngăn chặn của pháo binh sư đoàn 5 bộ binh đang phòng thủ các ngõ vào Trảng Bom.

Trực thăng sau đó chui qua các đám mây xuống thấp, bay rà rà trên các ngọn cây cao su của hàng S.I.P.H. Trên một con đường mòn thẳng vắt ngang đồn điền cao su, trên 12 xe vận tải Molotova chờ đây bộ đội đang chạy rất gần. Bè cần quẹo gấp, Thiếu tá Luân đưa trực thăng nằm đúng ngay trên trục của đường mòn. Thành linh, hai, rồi bốn sự rung chuyển ngăn làm chấn động chiếc trực thăng. Bốn quả rốc kết đã được Luân phóng đi từ hai ống phóng và nổ đúng vào đoàn xe vận tải của Bắc Việt. Nhiều tiếng nổ dữ dội cho thấy là các quả rốc kết đều trúng mục tiêu. Lửa, khói và miếng đạn bắn ra tung tóe gần như bao trùm chiếc trực thăng, vì nó bay rất thấp. Tôi nghĩ là chúng tôi cũng có thể gặp nguy cơ lắm. Chiếc trực thăng rung lên từng chập. Các đại liên thì thi nhau nhả đạn. Xuyên qua cửa ngang hông được mở toang ra, trong chớp nhoáng tôi thấy một chiếc xe đang cháy và những tên bộ đội bé nhỏ mặc quân phục xanh bị cháy đang nhảy tứ tung như những tia

lửa bắn lên tứ hướng từ một cục than hồng. Thế rồi không còn nghe thấy gì nữa cả. Chiếc Chinooks lại bay rà lên trên tằm thắm xanh của rừng cao su trở lại, chỉ còn nghe tiếng phành phạch của hai cánh trực thăng. Cuộc tấn công vừa rồi chỉ kéo dài có 20 giây. Sáu phút sau, chúng tôi đã thấy Núi Thi, một mòm đá với một chòm cây và một gian nhà lớn chỉ còn nửa nóc. Đó là biệt thự của viên thanh tra đồn điền cao su. Thiếu tá Luân đáp xuống một bãi đất rộng được đánh dấu bằng mấy trái khôi màu vàng, nằm cao hơn mòm đá. Một anh thiếu úy đưa chúng tôi đến Bộ chỉ huy của Trung tá Phát, một phòng lớn ở tầng trệt của biệt thự, có bao cát chung quanh, và một số bàn đầy máy móc truyền tin và điện thoại.

Trung tá Phát hót tóc ngắn, cằm to, tôi có cảm tưởng như người ông toát ra sức mạnh và nghị lực. Chung quanh ông thấy có một nhóm sĩ quan ăn mặc sạch sẽ và chỉnh tề, đang chờ nhận lệnh. Trung tá Phát bắt tay tôi, tay kia nắm Luân một phút, rồi đài chúng tôi mỗi người một cốc cà phê nóng có chế vào một ly rượu mạnh, xong vừa cười vừa nói:

- *“Các anh đừng lo, căn nhà này chắc lắm, toàn là xi măng cốt sắt và trước khi có giặc ngheen ! Năm 1947 biệt thự này đã bị cháy và người Pháp đã bỏ đi. Hai chục năm sau người Mỹ lại sửa lại, tăng cường tới nóc nhà bằng các tấm thép. Họ đặt mấy chiếc tủ lạnh và sơn phết lại hết, màu xanh lá cây.”*

Rồi sau đó ông ta nghiêm sắc mặt lại, nói với thiếu tá Luân:

- “Tôi đã mang lên được trên ngọn đồi này bốn khẩu pháo 105 ly và ba khẩu 155 ly. Nhưng tôi thiếu đạn, tôi chỉ có 30 quả cho mỗi khẩu. Tôi cần gấp ba lần như thế, và một số đạn bách kích pháo. Anh cố tìm mọi cách mang lên đây cho tôi. Đi làm sáu hay tám chuyến. Và làm sao để tôi có một trực thăng vô trang C.119

trước 12 giờ đêm và cho nó trực thôi, sẵn sàng chờ lệnh, vì bọn Bắc Việt chắc chắn sẽ chơi tôi vào lúc 2, 3 giờ sáng gì đó thôi.

- Hai chiếc Chinooks đang mang đến cho anh ba tấn đạn, thiếu tá Luân đáp ngay. Họ sẽ đến đặt trước nhà cho anh trong một vài phút nữa thôi. Về phần còn lại tôi sẽ làm cho anh tối đa”.

Thiếu tá Luân tiến tới một máy truyền tin và gọi Biên Hòa, Trung tá Phát đốt một liều thuốc, lật bản đồ ra và giải thích cho tôi nghe về tình hình:

- “Sư đoàn 18 và Liên đoàn biệt động quân của đại tá Phước đã đánh nhau với bọn nó như những con sư tử trong suốt 14 ngày ở thành phố Xuân Lộc đổ nát này. Họ đã bình tĩnh lãnh đủ hơn 20.000 quả pháo và rốc két. Họ đã bắn sục 37 chiến xa T.54 và cho đo ván hơn 5.000 tên cộng sản. Thứ hai vừa rồi, Bắc Việt đã bọc vòng phía sau thành phố chiếm lại giao lộ Suzannah và xoi luôn một đoàn xe tiếp tế của mình. Sau đó họ bố trí cẩn thận hai bên ngã tư, điều chỉnh sẵn tác xạ và để hai sư đoàn gần đó trong tư thế chờ đợi, hy vọng đánh tan xác chúng ta khi ta rút quân. Nhưng tướng Đào đã “chộp” được chúng nó. Trưa thứ hai Tướng Đào đã phản công và giải tỏa phần đất chung quanh phi trường trên hơn 2 cây số, đồng thời xin tiếp tế đạn thật nhiều cả bằng trực thăng và thả dù. Sau đó ngày thứ ba, nghĩa là mới hôm qua đây, thay vì lui về ông đã cho cả sư đoàn đi thẳng về phía trước theo trục các đồn điền Courtenay - Xa Bang - Bình Ba - Bà Rịa. Ông đã bất thần phá vỡ vòng vây Bắc Việt, mang theo tất cả thương binh, tất cả xe cộ (50 xe vận tải và trên 30 chiến xa. Không quân đã yểm trợ ông bằng cách dội bom CBU để dọn đường cho sư đoàn, loại bom mà cộng sản Bắc Việt rất khiếp sợ. Để giúp cho tướng Đào thành công trong sự điều quân của ông ta, chúng tôi đã cho hai

tiểu đoàn đánh ngược hướng tiến quân của sư đoàn (một tiểu đoàn dù và tiểu đoàn của tôi), để cho cộng sản Bắc Việt tưởng rằng chúng ta sẽ rút lui về hướng Sài Gòn theo quốc lộ 1. Tiểu đoàn Dù tình nguyện đâm thẳng vào Gia Kiệm để cắm chân một trung đoàn địch. Tiểu đoàn của tôi đã băng ngang đồn điền S.I.P.H. đánh ngay sau lưng địch, hạ sát trên 300 tên bộ đội, cắt hết đường dây điện thoại của chúng, và bất ngờ đã bắn hạ 2 chiến xa T.54... Và chúng ta đã lên thẳng trên ngọn đồi này vốn chỉ được có một đại đội địa phương quân phòng thủ, và chúng tôi đã mất hết hai ngày hai đêm dùng cuộc, và để tổ chức vị trí phòng ngự. Muốn đuổi chúng tôi ra khỏi đây hả? Chúng cũng phải trả một giá hết sức đắt.”

Đại úy Nhân đưa tôi đi xem vị trí phòng ngự. Thiếu tá Luân đã cất cánh với chiếc trực thăng của ông ta.

Ngọn đồi này chiếm một vị trí rất đặc biệt, nó là một khối đá cao trên 100 thước, mặt phía Tây thẳng đứng và rất nguy hiểm, mặt phía Bắc và phía Đông toàn là rừng, duy mặt Nam thì có một lô cao su khá lớn bao quanh. Là một cao điểm duy nhất giữa một khu đất bằng phẳng rộng lớn, vị trí này chế ngự cả vùng, địch khó có đường tiến sát đến đây được mà không bị lộ, và không thể leo lên hay tràn ngập vị trí phòng thủ được bằng một cuộc tấn công trực diện. Dưới chân đồi và ở cách xa khoảng 1.500 thước là trung tâm đồn điền An Lộc, với một hệ thống đường sá như bàn cờ ở dưới làn sóng xanh um của đồn điền cao su An Lộc. Một bên là sân bay và bệnh xá, bên kia là một dãy nhà kho, câu lạc bộ, biệt thự của giám đốc đồn điền, nhà của các nhân viên phụ tá, hồ tắm, sân tennis, và trung tâm truyền tin. Chỉ là một thành phố rất nhỏ nhưng hiện đại như thế thôi, do một nhóm người Pháp điều hành mà nó nuôi sống được hàng ngàn công nhân và kỹ thuật gia Việt Nam cư

ngụ trong các làng khéo tổ chức với những căn nhà tuy nhỏ nhưng đầy đủ tiện nghi (điện nước v.v.)

Các nhà trồng tía Pháp ở Việt Nam thật là đáng phục. Siêng năng, thẳng thắn nhưng kín miệng, họ sống với nhau rất là đoàn kết. Đã quen với những sự nguy hiểm, thường đối đầu với những bài toán rất tế nhị, hay bị bọn Việt Cộng ở địa phương quấy nhiễu, thường hay bị bắt để đòi tiền chuộc, đôi khi còn bị không quân của ta bắn nữa, còn di chuyển thì bắt buộc phải đi trên những con đường hay bị phục kích, những người Pháp này làm việc trong những điều kiện hết sức khó khăn. Họ phải đi khắp các lô cao su, kiểm soát công việc cạo mù hằng ngày, lo tu bổ dụng cụ, kiểm soát số lượng mù, theo dõi cây ương và còn phải chú ý đến sức khỏe của nhân công mà họ vừa là chủ vừa là những người đỡ đầu. Họ phải giải quyết tất cả các bài toán về nhân sinh, như dàn xếp các cuộc gây gỗ trong gia đình, giữ luôn cả sổ sách về hộ tịch và còn phải giúp đỡ về dịch vụ sản sóc y tế cấp thời miễn phí nữa. Họ không bao giờ phàn nàn điều gì cả và chỉ có một lo âu: làm sao cho công việc mà họ có trách nhiệm được chạy đều. Lúc này, cũng gần như mỗi buổi chiều, họ có nghe tiếng đại bác. Nhưng đêm nay, có thể họ có nguy cơ bị kẹt giữa hai lần đạn của chiến trận. Có phải vì thế mà mặc dầu đêm đã xuống rồi mà sở An Lộc vẫn chưa lên đèn?

Tôi chia sẻ nhận xét đó với đại úy Nhân.

- *“Không phải đâu, người sĩ quan trẻ này đáp lời, những người Pháp của đồn điền này không có ở đây nữa. Họ đã gặp rất nhiều khó khăn. Trước hết là đối với những người dân chạy giặc từ Miền Trung vào, rồi sau đó là dân Xuân Lộc nữa. Hàng ngàn người bất thần bị bom đạn, nên đã ùa vào đồn điền cao*

su lánh nạn. Chủ đồn điền là ông Parnès, không lo xuế. Ông ta đã thiếu gạo, nên đã phải băng ngang qua vùng lửa đạn để tìm xe lấy gạo. Ông đã săn sóc cho đàn bà và trẻ con, đích thân chích thuốc cho họ, nhưng không có cách nào để điều trị cho những người bị thương và những bệnh nhân nặng. Và lại có quá nhiều người. Ông ta đã cố xuống Xuân Lộc để tìm một trong năm bác sĩ của bệnh viện dân chính, nhưng không còn ông nào, họ đã chạy hết cả rồi. Ông ta lại phải trở về đồn điền, và tiếp tục đi tìm họ trong những người dân tỵ nạn đang ở trong các lô cao su. Cuối cùng ông ta cũng gặp được một người đang giả dạng thường dân, mặc bộ đồ bà ba đen, choàng khăn và đội nón lá sùm sụp để che mặt lại. Ông ta đã nắm lấy bác sĩ này và lôi về xe Jeep của ông. Bác sĩ này khẩn khoản xin cho ông một thời gian: “Tôi đang tìm bà vợ của tôi, bà ta sắp sửa tới ngày giờ sinh cháu rồi mà lạc mất ba ngày nay. Khi nào tôi gặp được bà ta thì tôi theo ông ngay.” Ông Parnès đã giúp bác sĩ này đi tìm bà vợ, và cuối cùng họ đã gặp người đàn bà bất hạnh này nằm trên một vùng bùn gùn một con rạch nhỏ. Bà đã sanh con trên miếng đất trống, giống như một con thú vậy!

- Và ông bác sĩ đã làm gì?

- “Vợ ông bụng căng lên đầy mủ. Bà ta qua đời vài giờ sau đó, nhưng ông bác sĩ đã giữ lời hứa, mang đứa con của ông về bệnh viện của đồn điền và sau đó đã làm việc thật bận bịu với những người dân chạy loạn.

Đại úy Nhân đưa tôi một liều thuốc, dẫn tôi tới xem một ụ phòng thủ và nói tiếp:

- “Các ông chủ sở cao su này có những mối ưu phiền khác. Các đơn vị Bắc Việt đã đi ngang qua đồn điền. Một trung đoàn

“bộ đội” (nguyên tác: Bo- Dois) quá khát nước đã tràn vào nhà máy và đã nốc sạch cả bồn nước của nhà máy, làm nhà máy phải ngưng hoạt động vì bồn nước này dùng để làm nguội máy móc của nhà máy. Rồi lại đến lượt một trung đoàn khác sau đó không lâu. Toán tiền sát của họ đã đến trung tâm đồn điền. Toàn là người Bắc và toàn là nông dân là những người chưa từng thấy cái gì hết. Họ đã lục lọi đủ mọi thứ, và đã dùng súng sủng đập vỡ hết các thứ kể cả các máy thu thanh. (nguyên tác: postes de radio). Sau đó họ đã bắt đi ba vị phụ tá, trói họ lại và dẫn vào rừng, còn đe dọa giết họ nữa bởi vì họ là “gián điệp của Mỹ”. Các anh công nhân chạy đi tìm gặp bọn Việt Cộng ở địa phương, một chánh trị viên người Nam đã đến gặp bộ đội Miền Bắc và cuối cùng đã lãnh họ về được với một “giấy đi đường”. Các anh phụ tá này đã trở về làm việc ở sở. Rồi một đơn vị Bắc Việt khác lại đi qua, lại bắt họ trói dẫn đi vào rừng. Nhưng lần này thì không còn một ai biết được số phận của họ ra sao nữa.

- Còn thợ thầy công nhân thì sao?

- Họ vẫn làm việc nhưng họ sợ bị trả thù. Cách đây hai ngày, một tiểu đoàn chánh quy Miền Bắc đã bị thiệt mạng trên 100 người trong một bãi mìn. Họ đã tràn vào làng công nhân ở khu D và đã dùng loa kêu tất cả phải ra ngoài. Có một số ra ngoài, nhưng phần đông đều ở trong nhà không ra. Các binh sĩ Bắc Việt đã nổ súng và liệng lựu đạn vào các căn nhà một cách rất ung dung và đã tàn sát trên 100 người phần đông là đàn bà và trẻ con...”

Đêm đã xuống hoàn toàn. Binh sĩ đã nằm ở vị trí chiến đấu, Và rải rác ở phía bên đường dẫn xuống đồng bằng, giữa những hòn

đá, ở những vị trí pháo binh và bách kích pháo, các xạ thủ cũng đã sẵn sàng. Dài theo bìa phía đồn điền, là một đại đội biệt động quân với các khẩu trung liên, súng phóng lựu và súng không dật 57 ly. Phải biết chờ đợi và biết giữ yên lặng.

Vào lúc 10 giờ đêm, có tiếng phành phạch của trực thăng Chinooks nghe được mỗi lúc một gần... Binh sĩ cho đốt những ngọn đèn mà ánh sáng chỉ có trên không mới nhìn thấy, đánh dấu bãi đáp để nhận hàng tiếp liệu. Những chiếc trực thăng đảo tròn trên Bộ Chi Huy, với những kiện hàng nặng trong các lưới thép lòng thông dưới lườn. Chỉ trong vòng vài phút, họ đã đặt các kiện hàng tiếp liệu xuống đất, hệ thống dây bịt thả ra hết và trực thăng lại bay đi. Và họ trở lại hai lần nữa. Từ xa, các tiếng nổ của đại bác gầm thét như những tiếng sấm trong cơn mưa. Nhưng cơn bão mà chúng tôi đang chờ đợi lại không thấy tới. Nằm gọn trong một hốc đá, tôi không tài nào ngủ được. Chỉ nghe tiếng đế gậy liên hồi...

Nhưng đến 3 giờ sáng thì mọi sự đều biến chuyển. Nhiều chùm lửa đỏ rực của pháo binh Bắc Việt bay vào ngọn đồi. Có một số cây bị trốc cả gốc lên. Rồi có một đợt tiếng la vang dội dưới chân các mỏm đá, phía dưới chân đồi. Đó là lệnh xung phong của cán binh cộng sản. Bộ đội Bắc Việt tấn công trực diện dọc theo hai bên con đường. Binh sĩ Miền Nam không bắn phát súng nào. Họ chờ cho “bộ đội” đến gần hơn dưới 100 thước. Và lúc đó tất cả các loại súng đều nổ một lượt. Mấy ống bách kích pháo nhắm vào hai bên đường, nã đạn, nòng súng gần như thẳng đứng cho tằm tác xạ ngắn lại. Pháo binh 105 ly tác xạ ở cự ly 0 độ. Thấp hơn phía dưới, về phía bên trái thì các khẩu trung liên của biệt động quân nổ như bấp rang. Có vài trái sáng được bắn lên xé tan màn đêm tối, cho thấy các bóng người tan tác, ngã lăn oằn oại dưới đất với những

tiếng kêu la thảm thiết. Rồi hai trực thăng vô trang C119 lại xuất hiện, đang xé gió bay tới... Sau tiếng gầm, lao xuống như hai con chim ung gặp mồi và dùng các khẩu đại liên điện bắn như mưa xuống đám cán binh Bắc Việt còn sống sót đang tháo chạy tán loạn dưới cánh đồng.

Có nhiều tràng pháo 130 ly bắn quá ngắn nên rơi hết xuống đám rừng làm tróc gốc thêm một số cây. Pháo binh 155 ly của Miền Nam phản pháo lại cũng dữ dội như sấm sét. Đến 5 giờ sáng thì mọi tiếng súng đều ngưng. Lúc trời sáng tỏ thì binh sĩ mới cẩn thận bước ra khỏi phòng tuyến và đi lần xuống đồi, súng lăm lăm cầm tay sẵn sàng nhả đạn. Trên mặt đất có rất nhiều thân của cán binh Bắc Việt mặc quần phục xanh lá cây. Đại úy Nhân trao cho tôi một ly cà phê nóng và nói:

- “Đêm rồi mọi việc đều rất tốt. Nhưng mà họ sẽ trở lại. Một tiếng đồng hồ nữa là thiếu tá Luân sẽ có mặt ở đây, và anh sẽ đi về với ông ta.”

Vào 7 giờ sáng tôi lên trực thăng của thiếu tá Luân, và chúng tôi cất cánh, lên cao độ 1.200 bộ và bay về hướng Bắc... Nhìn từ trên cao, Xuân Lộc chỉ là một đồng gạch vụn đầy bụi, duy nhất chỉ còn mỗi lầu chuông của nhà thờ sừng sững như một ngọn hải đăng. Trực thăng đổi hướng về hướng Đông và xuống thấp là là trên ngọn cao su. Qua khỏi đồn điền Hàng Gòn, chúng tôi thấy một đoàn xe dài của Bắc Việt, các chiến xa, các xe pháo binh, và xe vận tải chở đầy cán binh đang di chuyển dài trên mấy cây số ngang nhiên như chỗ không người và không thấy có nghi trang. Thiếu tá Luân tạt thật nhanh đi chỗ khác, dùng vô tuyến báo động ngay cho Biên Hòa và vọt thẳng lên cao độ 1.500 bộ. Mười phút sau, chúng tôi chứng kiến một cảnh tượng quá kinh hồn. Hai, rồi bốn, rồi sáu

chiến đấu cơ A.37 đâm bổ xuống tác xạ từ phía sau của đoàn xe gây nhiều đám cháy, lửa khói mịt mù. Vài giây sau đó lại có hai chiếc vận tải cơ C.130 thả xuống từ trên cao hai thùng tròn đen, có dù, và khi gần chạm đất gây ra hai tiếng nổ thật kinh khủng và phi thường, tiếp theo sau đó là hai lần ánh sáng ngấn màu xanh kỳ dị. Hai ngọn khói hình nấm tròn bốc lên cao với một luồng gió mạnh phi thường đến đổi trực thăng của chúng tôi ở cao độ 500 thước bị ảnh hưởng, phải bị lắc lư rung chuyển thật mạnh, rồi rơi tuột xuống một khoảng không như một hòn đá, đến cao độ 800 bộ mới lấy lại được cự thăng bằng. Khi khói tan biến hết, thì mới thấy được con đường ngổn ngang đầy xe cộ bị lật ngửa, nghiêng ngửa, tan nát, các khẩu pháo bị tung xuống hố và thầy người chết nằm rải rác trên 200 thước bề ngang, cây cối bị trốc gốc ngã lộn nhào đưa cả rễ lên trời. Thật là một cái nhìn khiếp đảm, cả một sự hủy diệt chỉ trong nháy mắt. Thiếu tá Luân cho trực thăng bay sà xuống đường và bắn hết tất cả rốc kết dọc theo hai bên đường. Không có một tiếng súng bắn trả: thì ra thiếu tá Luân đã bắn vào một đoàn người chết...

Sau khi đáp xuống sân bay Biên Hòa, Thiếu tá Luân vừa còi nón sắt ra vừa nói với tôi:

- *“Anh có thấy rõ mức độ thiệt hại không? Hai thùng tròn đen được thả xuống ban này là hai trái bom C.B.U. 55. Một đầu đạn được gắn vào phía trước hai thùng đen đó là bộ phận kích hỏa phát nổ gần mặt đất. Như vậy là không có góc độ “tứ giác”. Trong vòng 150 thước đường bán kính, không còn một chút không khí nào hết, dĩ nhiên là không còn đường khí ở đâu cả. Cộng thêm với làn sóng cực mạnh của sức nổ. Cho nên đây là một loại vũ khí kinh hoàng, chỉ có thể dùng nó khi nào địch*

quân tập trung đông đảo thì mới có hiệu quả cao.

- Như vậy họ dùng thuốc nổ loại nào?

- Tôi cũng không biết chính xác cho lắm. Công thức này còn là “Tối Mật” và chỉ có người Mỹ là có thể biết thôi. Tôi nghĩ đây là một sự pha trộn giữa chất nổ T.N.T và một chất hóa học nào đó. Loại bom này đã có từ lâu rồi, nhưng vì sợ dư luận của dân chúng Hoa Kỳ, nên người Mỹ chưa bao giờ sử dụng. Khi rời khỏi Việt Nam, họ để lại cho chúng tôi trên 20 trái bom này và có dặn chúng tôi là chỉ nên sử dụng khi nào tối cần thiết, coi như đó là biện pháp sau cùng. Gần như đây là loại vũ khí của “cơ may cuối cùng”... chúng tôi đã sử dụng bảy trái trong vòng ba ngày nay.

Chương 19

TUỒNG DƯƠNG VĂN MINH XUẤT HIỆN

Thứ Năm, ngày 24 tháng Tư, 1975. Cứ mỗi lần từ vùng chiến trận trở về Sài Gòn, là mỗi lần tôi gần như bị chấn động vì không khí rất khác biệt giữa thành phố và tiền tuyến. Một bên là sự khốc liệt quá mức của chiến tranh, những người chết, những người bị thương, xóm làng nhà cửa bị tàn phá dưới sức rung chuyển của bom đạn như những con động đất, những cỗ pháo, những phóng pháo oanh tạc cơ, những binh sĩ đang bám đất, những người nông dân đang chạy loạn... Một bên thì sự yên tĩnh của thành phố với những bãi cỏ được săn sóc hàng ngày thật công phu cẩn thận, với những ngân hàng, và tấp nập những nhà buôn, với những nhà ngoại giao, v.v. Chỉ cách nhau không quá 50 cây số mà tôi có cảm tưởng như là cách xa nhau vạn dặm, hay không cùng ở một hành tinh!

Sài Gòn đang tranh cãi với nhau, đang lợi dụng lẫn nhau, và đang dàn cảnh một sân khấu chánh trị để cho các nhân sĩ có nơi cho họ xuất hiện nhanh để rồi biến đi to nhỏ với nhau ngoài hành lang. Một hoạt cảnh vừa mới bắt đầu đã nhanh chóng trở thành vô ích hay đã lỗi thời ngay sau đó!

Ngày hôm kia, thứ ba 22/4, một đám đông dân chúng, theo lời kêu gọi của bốn Tôn Giáo lớn ở Miền Nam - Ki tô giáo, Phật giáo, Cao đài và Phật Giáo Hòa hảo - đã tập hợp lại trong nhà thờ Chánh Tòa ở Sài Gòn. Đứng dưới một tấm biểu ngữ thật lớn có vẽ hai chữ “Hòa Bình” thật to bằng sơn đỏ, là một hàng rào các sư sai đầu cạo nhẵn bóng láng mặc cả sa vàng hực hỡ, đức Tổng Giám Mục với lễ phục trắng, các thân hào nhân sĩ mặc áo dài đen, và đang quì phía sau họ là cả một khối giáo dân.

Người ta chỉ thấy đại diện duy nhất của ngoại giao đoàn là Đại Sứ Pháp, Jean-Marie Mérillon, một người được mời dự buổi lễ đặc biệt này và là người được người ta chú ý đến nhiều nhất. Các quan sát viên cho rằng đây là nhân vật đương nhiên tự thừa nhận là mình đang tiến hành một cuộc vận động chánh trị để đi đến hòa bình.

Nhưng chương trình của buổi lễ hôm nay đã được dự tính từ nhiều ngày trước rồi, được dự trù là sau khi hành lễ xong tất cả đều sẽ kéo nhau đến dinh Độc Lập cách đây không xa, để kêu gọi “Tổng Thống Thiệu hãy từ chức”.

Sự ra đi bất ngờ của vị nguyên thủ Quốc Gia vừa qua đã làm bẽ hết kế hoạch và mất hết ý nghĩa của những sự vận động của các nhóm người chỉ có sát cánh nhau vì cùng chung một động cơ hành động. Tất cả đều mong muốn có “hòa bình”, nhưng con đường mà họ định đi đến đích thì không người nào giống người nào!

Bây giờ thì mọi người đều nghĩ đến một cái tên, tên của tướng Dương Văn Minh, thường được gọi là “Minh Lớn” (nguyên tác: “Grand Minh”), người được xem như là phương sách cuối cùng.

Ông Đại sứ Mérillon nghĩ rằng CPLTCHMN sẽ chấp nhận ông Dương Văn Minh, nên hối thúc ông Trần Văn Hương nên mời ông Minh lập một Chánh Phủ gọi là “Chánh Phủ để Thương Thuyết”.

Ông Đại sứ Pháp thấy rằng tình hình đã quá nghiêm trọng rồi nên cần phải có những quyết định cấp bách. Nhưng từ 48 giờ qua, ông vẫn giẫm chân tại chỗ trong sự nhẫn nại. Ông đã hai lần ngồi xe D.S của ông có gắn cờ Pháp để đi vào Dinh Độc Lập hỏi thúc ông Tổng Thống già nua nên sớm “có hành động” kịp thời.

Hôm nay lúc 5 giờ chiều, đã có một phát súng bị tịt ngòi trên sân khấu chánh trị. Tướng Minh đã mời các nhà báo và đã nói với họ rằng:

- *“Tổng Thống Trần Văn Hương đã mời tôi nhận chức vụ Thủ Tướng. Tôi đã từ chối. Ở cương vị Thủ tướng tôi không thể mở đường đi đến một cuộc thương thảo được với “phía bên kia”. Tôi đã trả lời cho Tổng Thống Hương là: điều kiện tiên quyết mà những người “cách mạng” đặt ra là Tổng Thống phải từ nhiệm. Đó không phải là một điều mong muốn, mà là một sự bắt buộc.”*

Sự từ chối chức vụ Thủ tướng của tướng Minh đã nói lên ý muốn “đốt giai đoạn” của ông ta. Đại sứ Pháp, người đã hướng dẫn cho ông ta, đã chơi một ván bài nguy hiểm. So đồ hành động của ông, nhằm đẩy cụ già Hương ra khỏi ghế Tổng Thống và thay thế ông bằng một người chưa từng bao giờ “bị phía bên kia chỉ trích”, chủ yếu được dựa trên niềm tin rằng cộng sản sẽ sẵn sàng thương thảo trên căn bản của Hiệp Định Paris 1973. Và theo ông thì không có gì là không vững chắc. Mười hai ngàn người có quốc tịch Pháp ở Miền Nam Việt Nam, được Tổng Thống Giscard d'Estaing và Đại sứ của họ kêu gọi hãy ở lại tại chỗ, có thể có nguy cơ phải trả giá rất đắt với tài sản và sanh mạng của mình, nếu giải pháp chánh trị này bất thành.

Cần nhắc kỹ lưỡng rồi, ông Mérillon ước tính là cơ nguy đó

phải được qua và ông dùng cách để thuyết phục cộng đồng người Pháp ở đây là không có gì đáng phải lo sợ hết..

Trước tiên là ông quyết định vẫn giữ nguyên ngày giờ thi Tú Tài toàn phần là ngày thứ hai 28 tháng 4, mặc dầu có những sự vận động khẩn thiết của các phụ huynh học sinh.

Kế tiếp là trong lúc hầu hết các tòa đại sứ Tây Phương ở đây đều đóng cửa, ông Jean-Marie Mérillon đã công khai cho sơn lại mặt tiền của tòa đại sứ và cho trồng thêm bông hoa trong khu vườn của tư dinh ông.

Có 12 người hiến binh được gọi tới bằng đường hàng không để tăng cường canh gác, Ông đã cho họ thay phiên nhau đứng gác ngoài cổng rào của tòa đại sứ. Ông cho một số thợ hồ xây thêm tường rào tòa đại sứ cho cao hơn lên, vừa để tránh những sự dòm ngó của kẻ tò mò nhằm bảo vệ cho các nhân sĩ Việt Nam ra vào tiếp xúc với ông, vừa có thể dùng tòa đại sứ như một nơi tỵ nạn đúng theo quyền tỵ nạn chánh trị, nếu có xảy ra chiến trận ở đây.

Và cuối cùng, để dự trù trường hợp xấu nhất, có một số tiêu lệnh đã được ban ra cho một số người “đầu đàn” trong cộng đồng người Pháp. Ba điểm tập trung đã được dự trù: đó là bệnh viện Grall, trường trung học Saint-Exupéry (Chasseloup Laubat cũ) và cư xá Lareynières, nơi cư trú của các giáo chức Pháp. Tất cả những cơ sở công cộng, tất cả những tiệm buôn và nhà cửa, tài sản hay nơi cư trú của người Pháp đều phải được treo cờ tam tài Pháp.

Những người nào còn nghi ngờ về tương lai và thiện chí của cộng sản, tự thấy mình “bi quan thái quá” và muốn nghe câu trả lời thì đây:

“Hãy làm một bản thống kê chính xác tất cả tài sản của mình. Thiết lập hồ sơ thật đầy đủ, nhưng vẫn phải ở lại tại chỗ. Vì khi rời

khỏi nước Việt Nam, trước tiên là mình sẽ mất hết tất cả các quyền cứu xét để được bồi thường vì lý do chiến tranh, nếu có.”

*

* *

Mặc dầu ông Đại Sứ Pháp đã cho thấy tất cả sự lạc quan của mình, cuộc khủng hoảng chánh trị xem ra khó có thể tháo gỡ được. Phía ngoài hàng rào có vẻ yên tĩnh và mặc cho bối cảnh vận động chánh trị bận rộn của tòa đại sứ, thành phố Sài Gòn vẫn đầy rẫy những mảnh khoe và những sự âm mưu toan tính. Những sự liên minh vừa mới được kết hợp ngày hôm qua thì ngày mai lại tan rã...

Từ đêm ngày thứ năm cho tới thứ sáu, ở khách sạn Palace đã có một buổi họp của đại diện các phe nhóm ở Miền Nam, một số các tướng lãnh trẻ, các đại diện của người công giáo di cư và những lãnh tụ đối lập. Nhưng sau nhiều giờ bàn cãi, họ không muốn chọn tướng Minh Dương. Họ có ý trách ông này rất thụ động về phương diện chánh trị trong mười năm qua, và thiếu năng lực phán đoán. Tin chắc rằng mục tiêu duy nhất mà cộng sản đang theo đuổi là chiếm Miền Nam Việt Nam bằng giải pháp quân sự, họ nghĩ rằng ông Minh “không đủ sức” nên các cuộc thương lượng với cộng sản nếu có đi chẳng nữa thì cũng chỉ sẽ dẫn đến một sự đầu hàng mà thôi không hơn không kém.

Đại diện của Phật Giáo Hòa Hảo đề nghị đem lên Sài Gòn hai chục ngàn người tình nguyện (20.000) để “thanh toán hết các phần tử chủ bại và thành lập một Chánh Phủ cứu quốc”. Đặc biệt hơn, ông này tấn công ngay tướng Trần Văn Đôn vì ông Đôn không chịu phát vũ khí cho các lực lượng tôn giáo và hằn học kết luận là: “Phải bắt ông ta, đưa lên đoạn đầu đài và xử bắn ông ta!”

Linh mục Hoàng Quỳnh, người được những người công giáo di cư tuyệt đối tin tưởng, xác nhận là ông “sẵn sàng đưa hai trăm ngàn người công giáo (200.000) xuống đường” (biểu tình).

Luật sư Trần Văn Tuyên thì tố cáo Đại sứ Pháp đã có hành động không thể tha thứ được là xen vào công việc nội bộ của Việt Nam. Ông Tuyên nói:

- “Ông Mérellon đã dám xấc xược nói với tôi rằng Tổng Thống Hương đã già yếu bệnh hoạn. Phải đưa ông ta vào bệnh viện để người ta giải phẫu cho ông, và nếu ông nằm ở bệnh viện thì bài toán sẽ được giải quyết.”

Ông Trần văn Tuyên, 62 tuổi, một luật sư có tài, là trưởng nhóm xã hội trong Quốc Hội và là một đối thủ của ông Thiệu. Ông là một trong những người hoạt động tích cực cho “Phong trào Tự Do Báo Chí”. Ông Tuyên nói tiếp:

- “Tổng Thống Trần văn Hương rất phản uất vì thái độ khinh khinh và không thân thiện của ông Mérellon. Nản lòng vì những lời mia mai cay độc nhắm vào ông, và những áp lực đối với ông, vị Tổng Thống lớn tuổi của chúng ta đã đe dọa sẽ tự tử bằng ống thuốc thạch tín mà ông luôn luôn đeo ở bên mình.”

Tham vọng và sự nóng giận đã thúc đẩy những người có trách nhiệm này ý thức được mối nguy cơ cộng sản và sẵn sàng làm tất cả những gì để tránh nguy cơ này. Người nào cũng tin rằng mình có thể cung ứng hàng ngàn chiến sĩ. Có người người còn dự trù thành lập một khu kháng chiến ở Đồng Bằng sông Cửu Long ở Miền Tây. Họ đề nghị chuyển hết các kho vũ khí và đạn dược về vùng này. Còn các tướng lãnh trẻ thì thể nhứt quyết họ không bao giờ đầu hàng cộng sản. Nhưng liệu cuộc kháng chiến như thế có cơ may kéo dài được bao lâu nếu không có một sự yểm trợ từ bên

ngoài ? Dù gì đi nữa thì Hoa Kỳ sẽ không can dự vào nữa rồi. Lên tiếng ở tiểu bang New Orléans, Tổng Thống Ford vừa mới thán nhiên xác nhận điều đó làm cho tim mọi người muốn ngừng đập. Ông ta đã yêu cầu người Mỹ “hãy lật sang trang khác” để hướng về tương lai. Ông ta đã tuyên bố thêm là ông đã gạt ra ngoài mọi khả năng tái can thiệp của Hoa Kỳ bằng hai câu ngắn:

- “Bây giờ thì chúng ta có thể tìm thấy lại được sự hãnh diện mà Hoa Kỳ đã có từ trước sự kiện Việt Nam. Một sự hãnh diện mà Hoa Kỳ sẽ không bao giờ tìm lại được, nếu còn tham gia vào một cuộc chiến coi như đã hoàn toàn chấm dứt đối với chúng ta”!

Chương 20

NHỮNG TRÒ CHƠI VÔ VỊ CUỐI CÙNG

Thứ Sáu, ngày 25 tháng Tư. Hôm nay Tổng Thống Hương lại tiếp ông M. Mérillon trong vòng 80 phút và sau đó lại họp với ông M. Martin, Đại sứ Hoa Kỳ. Cả hai nhà ngoại giao này người nào cũng cố thuyết phục Tổng Thống Hương là nên cấp tốc đưa ra một phương thức khả dĩ có thể mở đường cho một cuộc thương thảo với những người “cách mạng” (nguyên văn: révolutionnaires) Cả hai đều nói “phương thức này nên gạt ra ngoài Hiến Pháp năm 1967... cần có sự từ chức của Ngài, và giao lại cho một toán nào đó mà “phía bên kia” có thể chấp nhận được.”

Vị Tổng Thống già đồng ý chấp thuận mục đích của các đề nghị, nhưng khẳng khẳng muốn tìm một giải pháp theo đúng với Hiến Pháp. Ông Mérillon cầu nhàu:

- “Ông ta cứng đầu lắm! Như một con lừa vậy! Lúc nào cũng “Tôn trọng hình thức hợp Hiến”, ông ta chỉ nói hoài có bấy nhiêu đó. Như một người nghèo sắp sửa bị cháy nhà mà cứ từ chối không chịu kêu lính chữa lửa, vì nghĩ rằng mình đang có trong túi một hợp đồng bảo hiểm đúng cách.”

Trong cuộc tiếp xúc này, Ông Hương đọc lại một bài thơ trào phúng của văn hào Pháp Sully Prud'homme tuyên dương hành động anh hùng của một người chỉ huy Ba Lan, khi ông này muốn chặn đứng đoàn quân Nga trước một con rạch cạn, bằng cách làm cho họ tin tưởng rằng con rạch này khó có thể lội qua được. Để chứng minh điều này người Ba Lan lội xuống nước và gập hai chân lại đi bằng đầu gối, rồi sau đó nằm sấp xuống, trước khi giả bộ chìm hẳn và bị chết đuối. Jean M. Mérillon tròn tròn đôi mắt lên nhìn thẳng Tổng Thống Hương và vừa nhún vai vừa sốt ruột nói:

- “Chúng ta không còn ở thế kỷ 19 nữa, thưa Ngài Tổng Thống, và những tên cộng sản bây giờ đã có những chiến xa lội nước và đã có cầu nổi được kéo theo để qua sông dễ dàng.”

Những ngày vừa qua, đã có nhiều nhân sĩ Việt Nam đến gặp Đại Sứ Pháp. Đó là: Đức Tổng Giám Mục Bình, Thượng Tọa Thích Trí Quang, thuộc chùa Ấn Quang, và Chủ tịch Luật sư đoàn. Tất cả đều có một đề nghị: “Ông hãy có một hành động nào đó để tránh những trận đánh nhau trên đường phố trước khi đã quá muộn.” Nhưng Tổng Thống Hương cứ ôm cứng Hiến Pháp không lay chuyển nổi!

Cuối cùng, sau khi làm việc rất lâu với những người thân cận của mình, ông mới quyết định triệu tập phiên họp đặc biệt của lưỡng Viện Quốc Hội vào sáng ngày mai thứ bảy 26/4.

*

* *

Một tiểu đoàn chánh quy cộng sản Bắc Việt từ Đồng Tháp Mười định tiến đánh bất ngờ tỉnh lỵ Tân An, một thành phố nằm cách Sài Gòn khoảng 30 cây số về hướng Tây Nam. Cuộc tiến công này được diễn ra trên một cánh đồng lúa quá trống trải nên đã bị Không quân đập tan. Tiểu đoàn cộng sản đã bị diệt gọn. Nhưng

cuộc tấn công này được xem như một cuộc hành quân của một đơn vị tiền phương, đã cho thấy là các đại đơn vị Bắc Việt từ Cam Bốt đang chuẩn bị tràn sang Việt Nam để siết chặt vòng vây Thủ đô Sài Gòn của Miền Nam Việt Nam.

Từ hôm thứ hai vừa rồi, thiên hạ đua nhau xin hộ chiếu. Đi ra khỏi Việt Nam từ đầu tháng đã là một chuyện rất khó rồi, còn bây giờ thì gần như không còn thể nào được nữa. Trừ một vài trường hợp được ân huệ riêng là thân nhân hay bạn rất thân của giới lãnh đạo Miền Nam Việt Nam. Từ hai tuần nay, có người đã phải trả thật đắt (đến 15 triệu đồng bạc) cho một chiếu khán. Bây giờ thì chiếu khán đó không còn dùng vào đâu được nữa rồi. Có một số người Việt Nam đến phi trường Tân Sơn Nhứt với một hộ chiếu (giấy thông hành) và một chiếu khán “đã mua”, mới được biết là có một cú điện thoại từ Bộ Nội Vụ (Bộ Trưởng đã được thay rồi) báo cho họ biết là những giấy tờ đó đã không còn giá trị nữa. Đồng đô la trong ba ngày đã vọt từ 1.200 lên đến 2.500 đồng. Và cái giá phải trả cho những “biện pháp ân huệ” cũng tăng theo nhịp độ đó. Do vậy số người được xuất ngoại “hợp pháp” càng ngày càng ít đi.

Hầu hết những người Việt Nam có cơ may rời khỏi nước đều nhờ vào cầu không vận của Hoa Kỳ. Cầu không vận này hoạt động suốt ngày đêm và khả năng bốc người đi được tăng lên gấp ba lần. Mục đích đầu tiên của Hoa Kỳ là nhằm đưa về nước khoảng 800 công dân Mỹ còn đang kẹt lại ở Việt Nam. Công tác này chỉ đến cuối tuần này là hoàn tất. Cùng đi với người Mỹ mỗi ngày, có từ ba đến bốn ngàn người Việt Nam được tháp tùng, những ai được ghi danh trong “danh sách ưu tiên”, gồm có những người làm việc cho các công ty Mỹ, những công chức hay công nhân làm việc cho văn phòng thuộc sứ quán hay các sở Mỹ, các nhân viên tình báo, các

cấp thuộc chương trình bình định và gia đình của họ.

Sự việc được phép mang cả gia đình theo đã mở toang cửa cho tất cả mọi sự móc nối làm tiền. Có những người khi đã được ghi tên vào danh sách được đi rồi thì cho ghi thêm thân nhân của chính mình càng ngày càng nhiều ra và đã cho họ cùng đi với mình với một số tiền thù lao rất là hậu hĩ.

Nhịp độ ra đi càng ngày càng nhanh hơn. Những người di cư được các xe buýt to có lưới thép bọc bên ngoài cửa kiếng chở đến Tân Sơn Nhứt. Ngay ở cổng phi trường đã có nhiều thăm cảnh rất đau lòng giữa kẻ đi người ở. Sau đó họ được đưa vào các gian nhà lớn ở trong khuôn viên của Phòng Tùy Viên Quân Lực Mỹ, nằm trong khu vực sân bay Tân Sơn Nhứt. Ở đây không thiếu chỗ và có đầy đủ tiện nghi: có gần 1.000 chiếc giường bố xếp cho họ nghỉ ngơi chờ đợi chuyến bay, có phần ăn nóng sốt ba bữa mỗi ngày. Khi được kiểm điểm lý lịch xong, họ lại được xe buýt đưa thẳng ra phi đạo lên các phi cơ vận tải quân sự để đi đến Phi luật Tân, Đài Loan hay tới đảo Guam, và Honolulu (Hạ uy Di). Thịnh thoàng cũng có một vài cô chiêu đãi viên hàng không mảnh khảnh và duyên dáng trong chiếc áo dài xanh lơ đã tìm được cách kín đáo đưa lên các chuyến bay này.

Những người không có một mối liên hệ nào với người Mỹ hay với những người được Mỹ “bảo trợ” đã cố gắng tìm hết mọi cách và mọi phương tiện để được đi ra khỏi Miền Nam Việt Nam:

- Những nhà buôn khá giả bỏ tiền ra mua hay mượn các chiếc tàu, thuyền máy đánh cá của dân chài ngoài biển hay những chiếc thuyền đi biển để đưa họ đến Malaysia hay Thái Lan, nếu dọc đường họ không bị cướp hay giết chết để đoạt sạch tài sản vòng vàng tiền bạc mà họ dấu giấu mang theo trong người.

- Có những người lanh lợi hơn liên lạc thẳng với các phi công của “câu lạc bộ hàng không” và đề nghị mười ngàn đô la (10.000) cho mỗi hành khách nếu họ chịu chở những người này ra ngoài quốc.

- Có nhiều người bạn Pháp của tôi được mấy người Việt Nam lớn tuổi, đạo mạo khả kính, đến gặp với họ ngay ngoài đường phố, với đề nghị cưới giùm các cô con gái của họ với một số tiền hồi môn kếch sù lên đến hai chục triệu đồng cho mỗi người (khoảng 80.000 quan Pháp), để mang các cô này về Pháp, với cam kết là khi đến nơi rồi họ sẽ làm thủ tục “ly dị ngay”.

- Có một người Mỹ vừa mới bị bắt và bị trục xuất, vì anh ta đòi bảy ngàn đô la (7.000) mỗi người để nhận họ là “thân nhân trong gia đình”. Anh Mỹ này đã thành công trong việc đưa đi 18 người Việt Nam đến đảo Guam qua trung gian của người vợ Việt Nam của anh ta.

- Ở quán rượu Impérial của ông già Bonelli, một bà giám đốc cơ sở bào chế thuốc Tây (Bà Anh) đang tìm cách bán nhà của bà. Bà nói với tôi:

- “Đây là một biệt thự tuyệt đẹp, ở một địa điểm rất tốt, nằm trên đầu đường Paul Blanchy. Tám phòng, với hai nhà xe và 800 thước vuông vườn. Ba tháng trước tôi đã không bán với giá 30 triệu đồng. Bây giờ thì tôi sẵn sàng nhượng lại với giá 3 triệu thôi (chưa đến 12.000 quan Pháp với hối đoái chánh thức), và tôi sẽ để lại tất cả đồ đạc trong nhà gồm có bàn tủ ghế, quần áo, chén bát, máy lạnh và hai tủ lạnh...”

Bà ta móc bóp lấy một xấp giấy tờ ra và nói thêm:

- “Đây là giấy bán nhà, tôi đã ký sẵn rồi, chỉ còn ghi tên người mua vào là xong hết.”

Ông già Bonelli trầm ngâm suy nghĩ và mỉm cười, ngẩng đầu

lên mặt mỉm cười và nói:

- “Ít nhất bà là người thứ hai đã đến đây gặp tôi từ hai hôm nay.

Làm gì còn có người muốn mua nhà trong lúc này?

Bà Anh lại quay sang tôi:

- “Tôi cũng có một chiếc xe Mercedes chạy dầu gần như mới toanh, 5.000 cây số thôi, có đủ cả ra đi ô và cát sét. Tôi muốn bán nó với giá rẻ 500 đô la

- Chùng nào bà sẽ đi?

- Trưa nay

- Bà làm sao có được chiếc khán xuất cảnh hay vậy?

- Ông nghĩ xem, bà vừa trả lời cho tôi vừa cười rộ lên, các chiếc khán bây giờ vô giá. Tôi tự xoay sở với người Mỹ. Tôi đã giao dịch với họ từ 15 năm nay rồi và con gái tôi là một nhà sinh vật học ở Cựu Kim Sơn. Nếu ông muốn dùng chiếc xe tôi, ông hãy điện thoại cho tôi trước 15 giờ. Đây là số điện thoại của tôi.

Tôi không có ý định mua xe Mercedes của bà Anh, nhưng vì tò mò tôi đã điện thoại đến nhà bà vài phút sau 15 giờ. Một người làm cho bà đã trả lời cho tôi là bà ta đã đi ngoại quốc rồi và bà ta cũng không thèm ghé lại nhà để lấy chiếc va ly của bà nữa!

*

* *

Vào chiều tối, hành khách của chiếc phi cơ Caravelle thuộc hãng Hàng Không Việt Nam đi Băng Cốc (Thái Lan) đã được chứng kiến một cảnh rất náo lòng. Trong chiếc phi cơ, ông tướng Trần Văn Đôn, Phó Thủ Tướng kiêm Tổng trưởng Quốc Phòng của nội các vừa từ nhiệm, nhưng vẫn còn là Xử Lý Thường Vụ, đang mon men vuốt ve một người đàn bà đẹp rất duyên dáng trong bộ đồ mỏng mùa hè, có đeo một nhẫn hột xoàn lớn bên tay trái. Vừa mới

ngày hôm qua đây, tướng Đôn đã cổ vũ quân đội Quốc Gia phải bảo vệ đất nước đến hơi thở cuối cùng, thì hôm nay ở đây ông ta đang vừa rót vào tai của người bạn gái của ông ta những lời êm ái vừa vuốt ve hai bàn tay của cô ta. Sau đó ông trao cho cô ta một tấm ngân phiếu mà ông ta ký ngay tại ghế ngồi, và từ già cô nàng với vẻ mặt vồn vã và đau khổ của những cặp tình nhân ở lứa tuổi sinh viên. Ngay trong lúc đó hẳn nhiên là vị tướng lãnh này chỉ dán cặp mắt và tâm tư của mình vào người đẹp sắp đi đến một nơi yên ổn. Các quân nhân đang chết trong các hầm chiến đấu của họ, chỉ cách nơi này có vài cây số, chắc hẳn không bao giờ ngờ được rằng họ đang hy sinh để giữ an ninh cho những sự trao đổi tình cảm yêu đương vụn vặt của một vị tham mưu lớn tuổi như vậy, một vị mà tên tuổi của ông ta đã từng được nêu lên như là một Thủ Tướng tương lai của một Chánh Phủ Liên Hiệp!

Thứ Bảy, ngày 26 tháng Tư. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã bay đi Đài Loan tối nay rồi. Có những lời đồn đãi từ “đài phát thanh Catinat” quả quyết là ông ta đã “mang theo 16 tấn hàng gồm có cả một bộ sưu tầm đá quý và đồ cổ đánh cắp ở Viện Bảo Tàng Quốc Gia và 4 tỷ vàng nén.”

Một đại úy Dù đã tức giận nói với tôi:

- “Ông Thiệu ra đi không có một lời nói. Ông ta đã tuyên bố trên truyền hình là ông ta sẽ ở lại với chúng tôi và sẽ chiến đấu bên cạnh chúng tôi cho đến cùng. Tất cả dân chúng trong nước đều có thấy và có nghe. Và giờ đây ông ta trốn đi như một tên hèn, lợi dụng ban đêm để mọi người không trông thấy ông ta. Bọn Tàu ở Đài Loan đã trải thảm đỏ để đón ông ta. Chỉ có một cách để chào đón ông ta, đó là để vào đầu ông ta một viên đạn!”

Tờ báo Pháp *Le Courrier d'Extrême - Orient* và báo chí Việt

Nam đã cho hành động của Tổng Thống Giscard d'Estaing có một “tâm quan trọng rất lớn”, khi ông đã nói chuyện rất lâu qua điện thoại với ông Đại sứ Pháp tại Sài Gòn. Làm như là Ba Lê đã thay thế Hoa Thạnh Đốn trong vấn đề tìm kiếm một giải pháp bằng thương thuyết cho Miền Nam Việt Nam rồi vậy.

Ông nghị sĩ Paul d'Ornano, đại diện cho người Pháp ở Việt Nam, đã đến Sài Gòn tối hôm qua bằng phi cơ. Ông đã có tuyên bố như sau:

- “Tôi rất sung sướng được trở lại với những người Pháp ở Sài Gòn, những người mà tôi thấy là đã rất trầm tĩnh và rất là xứng đáng như lúc tôi còn ở đây ba tuần lễ trước. Tôi cũng rất lấy làm sung sướng để được nói với họ rằng Tổng Thống của nước Cộng Hòa Pháp đã có tiếp tôi ngay trước khi tôi rời khỏi Ba Lê, để bày tỏ tất cả sự ân cần của Ngài đối với cộng đồng người Pháp ở Sài Gòn mà Ngài đã biết và đánh giá cao lòng can đảm và phẩm chất...”

Nghị Sĩ Paul d'Ornano là một kỹ sư hầm mỏ, thuộc một gia đình quý phái lâu đời ở đảo Corse, đã từng phục vụ ở Đông Dương 22 năm. Là một cựu giám đốc đồn điền, ông là một người rất cứng cỏi và nhả nhặn, một người biết rất rõ đất nước này. Sự có mặt của ông ta làm yên lòng cộng đồng người Pháp ở đây, mà nếu có chuyện gì xảy ra thì họ sẽ trông cậy vào ông ta hơn là vị Đại Sứ, một người quá bận rộn với những sự theo dõi và suy nghĩ tới các giai đoạn biến chuyển chánh trị của Việt Nam

Và cũng ngay trong lúc đó, phần đông các nhà báo ngoại quốc đang dự buổi họp báo hàng tuần của sĩ quan Việt Cộng và của Bắc Việt, thành viên của Ủy Ban Kiểm Soát và Thi Hành Lệnh Ngừng Bắn đã được Hiệp Định Ba Lê ấn định. Lại thêm một chuyện rời rạc nữa, và không phải chuyện nhỏ đâu, vì cái chuyện “chấm dứt chiến

tranh” này đã trở thành rất khó hiểu, và trên bình diện chánh trị nó là một vở kịch quá nực cười.

Kể từ tháng 3 năm 1973, 200 Việt Cộng và 500 cộng sản Bắc Việt đã đóng quân ở ngay giữa sân bay Tân Sơn Nhứt, chiếm mấy dãy nhà có rào kẽm gai chung quanh, bên trong thì cộng sản tự canh gác với súng A.K.47 còn bên ngoài thì được quân cảnh Miền Nam bảo vệ. Cách doanh trại này chừng vài trăm thước, các phóng pháo oanh tạc cơ của Miền Nam cất cánh âm ỉ mang bom đến đánh các đơn vị Bắc Việt trên đường tiến về thủ đô Sài Gòn.

Đại tá Võ Đông Giang, phát ngôn viên của Việt Cộng ngồi dưới bức ảnh cụ Hồ với chòm râu dưới cằm. Cũng giống như các cuộc họp báo trước, anh ta tố cáo những “hành động tội ác” của Tổng Thống Hoa Kỳ và của “Ngụy quyền” Sài Gòn - lời của ông ta thường xuyên bị ngắt quãng do tiếng gầm thét của các phản lực - nhưng lần này thì anh ta nhấn mạnh rằng chiến tranh giải phóng ngày càng tốt hơn cho “lực lượng cách mạng”.

Để kết thúc ông ta nhắc lại dai dẳng những điều kiện do “lực lượng cách mạng” đặt ra cho Chánh Phủ Sài Gòn để bắt đầu những cuộc thương lượng nghiêm chỉnh:

- “ - chấm dứt sự hiện diện của Hoa Kỳ;
- thành lập một tân Chánh Phủ, với tuyên ngôn “cho hòa bình, độc lập, dân chủ và hòa giải quốc gia”;
- thi hành Hiệp Định Ba Lê;
- loại bỏ tất cả những người đã từng nằm trong guồng máy của Thiệu;
- từ bỏ đường lối hiếu chiến, phát xít, áp bức và đàn áp đối với nhân dân;
- hủy bỏ tất cả các luật lệ phản dân chủ. Bảo đảm tôn trọng tự

do dân chủ. Trả tự do cho tất cả những người bị giam giữ vì đã tranh đấu cho hòa bình và độc lập quốc gia.”

Một phần lớn các điều kiện đó đang trên con đường được thực hiện.

Nhưng đại tá Võ Đông Giang muốn nói gì khi ông ta đặt điều kiện “phải thi hành Hiệp Định Ba Lê”? trong lúc 23 sư đoàn Bắc Việt tràn vào chiếm hai phần ba lãnh thổ của Miền Nam Việt Nam?

Và trong lúc ông vừa nói vừa đang đập bàn rầm rầm ở đây thì hàng trăm người Mỹ đang xếp hàng chạy lên chiếc phi cơ vận tải khổng lồ “Galaxie” đang chuẩn bị cất cánh. Chuyến ra đi hấp tấp của người Mỹ này đang diễn ra không xa vị trí đồn trú của cộng sản bao nhiêu, nơi mà người Mỹ gọi là “Trại Davis” để kỷ niệm cho một người binh sĩ Hoa Kỳ tên Davis bị tử trận đầu tiên ở Miền Nam Việt Nam.

*

* *

Về phía Sài Gòn, tiến trình giải thể Chánh Phủ đang được xúc tiến. Chỉ còn một vài hình thức bề ngoài cần phải xem xét lại mà thôi.

Hồi 10 giờ sáng nay, chiếc xe Mercedes dài của Phủ Tổng Thống đến đầu trước của Thượng Viện. Tổng Thống Hương, một ông lão đáng kính, bước xuống xe, chống gậy, chậm rãi đi duyệt qua hàng binh mặc lễ phục trắng đang dàn chào ông. Các dân biểu và nghị sĩ thuộc lưỡng viện Quốc Hội tập hợp đầy đủ đang đứng chờ ông trong sảnh đường lớn của tòa nhà. Họ đến như vậy là khá đông đấy: 183 trên 219 người dân cử thuộc lưỡng viện Quốc Hội. Vì còn phải tính đến mọi sự khó khăn trong vấn đề di chuyển, nào là đường sá bị cắt đứt, nào là các tỉnh và thành phố đang bị cô lập hay đã bị cộng sản chiếm. Như vậy cho thấy là Quốc Hội rất quan

tâm đến phiên họp đặc biệt quan trọng này. Tổng Thống Hương mở đầu phiên họp với một bản tường trình về những biến cố đã xảy ra từ khi ông lên nắm quyền. Sau khi nói về những “khó khăn gặp phải trong các cuộc tiếp xúc” và những “áp lực liên tục mà ông phải chịu với những nhà ngoại giao ngoại quốc và với một số chánh trị gia của Miền Nam”, ông tuyên bố:

- “Tôi không muốn dấu quý vị lâu hơn nữa rằng cần phải và bắt buộc phải thương thuyết với phía bên kia. Nhưng vẫn còn có dân tộc và đất nước. Tôi không mong muốn Sài Gòn trở thành một Nam Vang thứ hai. Tôi không muốn thủ đô của chúng ta bị xóa tên trên bản đồ và cũng không muốn dân chúng của chúng ta bị bom đạn tàn sát. Nhưng tôi muốn chúng tỏ sự kính trọng của tôi đối với đất nước cho đến cùng. Những trọng trách mà tôi đang gánh vác đây được gắn liền với tính cách hợp pháp của Việt Nam Cộng Hòa, của lưỡng Viện Quốc Hội và của quý vị dân cử. Tôi thấy tôi không có quyền đơn phương từ bỏ trọng trách đó. Tôi phải trông chờ vào quyền lực của Quốc Hội vì chỉ có Quốc Hội mới có đủ tư cách để quyết định phải xúc tiến việc thương thuyết và chỉ có Quốc Hội mới có quyền chỉ định cá nhân nào mà Quốc Hội xét thấy có đủ khả năng nhất để thi hành nhiệm vụ thương thuyết này.”

Và sau đó ông Hương không có nêu thẳng ra tên tuổi của ai cả, nhưng ông giải thích chi tiết rõ ràng về những sự điều đình của ông với tướng Dương Văn Minh:

- “Trước hết tôi đã đề nghị trên giấy trắng mực đen với “người đó” về chức vụ Thủ Tướng Chánh Phủ với đầy đủ quyền hành. Ông ta đã từ chối. Tôi đã phải mời ông ta đến gặp tôi tại Dinh Độc Lập. Ông ta cũng lại từ chối. Với một thiện ý muốn giải quyết vấn đề, tôi bất chấp hết mọi thủ tục và mặc dầu tuổi già sức yếu, tôi đã phải

chấp nhận đi đến nhà một người bạn để gặp “người đó”. Tôi đã đề nghị với “ông ta” chiếc ghế Phó Tổng Thống nhưng một lần nữa “người đó” chẳng những đã khước từ đề nghị của tôi mà còn nói với tôi rằng: “Phải có tất cả hay không có gì hết”, có nghĩa là “phải là Tổng Thống của Việt Nam Cộng Hòa”. Tôi có lưu ý như vậy là ông ta đòi hỏi tôi phải vi phạm Hiến Pháp, và ông ta đã trả lời rằng “Đó không phải là việc của ông ta”. Sau đó tôi đã đặt cho ông ta một câu hỏi: “Có gì bảo đảm rằng phía bên kia sẽ chấp nhận thương thuyết với ông?” Người đó đã trả lời rất gọn: “Tôi đã nhận được từ phía bên kia đầy đủ những bảo đảm để tôi làm tròn vai trò của tôi”. Mặc dầu tôi đã có nhãn mạnh nhưng tôi không thể có thêm một giải thích nào khác về những lời nói úp mở của ông ta và tôi thú thật là tôi không tin vào những lời nói đó. Tôi sẽ không bao giờ gánh lấy trách nhiệm về việc trao quyền hành một cách bất hợp hiến, vì lẽ đó nên ngày hôm nay tôi xin quý vị hãy trao quyền hành pháp lại cho người đó bằng lá phiếu hợp pháp của lưỡng viện Quốc Hội. Đó là phương thức duy nhất vừa để cứu Sài Gòn khỏi một thảm họa vừa không làm mất thể diện của quốc gia và chế độ.”

Nói xong những lời đó, ông Hương rời phòng họp và trở về Dinh. có hai xe hộ tống mở đường qua các phố đang đông nghẹt dân chúng.

Ông Trần Văn Lắm, Chủ tịch Thượng Viện đề nghị ngay sau đó là các trưởng nhóm thảo luận ở các tiểu ban trước khi trở lại hội nghị khoáng đại. Sự bàn thảo của các trưởng nhóm đã được nhanh chóng tổ chức.

Trưởng nhóm “Dân Tộc Xã Hội” thuận cho tướng Minh nên muốn “Tổng Thống Hương phải từ chức một cách đơn giản”.

Trưởng nhóm Cộng Hòa lớn tiếng: “Chúng tôi không có một tín nhiệm nào đối với tướng Minh. Ông ta đã thường thay đổi màu áo của ông ta, và không có gì để chứng minh rằng ông ta đã có xúc tiến bàn thảo với phía bên kia. Ông ta có thể đưa ra được một chứng từ nào không? Ai là người đã liên lạc với ông ta và người đó ỏ vào đẳng cấp nào?”

Trưởng nhóm “Độc Lập” vỗ bàn: “Chúng ta không thể đặt tương lai của đất nước trên những giả thuyết suông!”

Chủ tịch Thương Viện nhắc lại một liên lạc điện thoại của ông M.Graham Martin, đại sứ Hoa Kỳ. Ông nói: “Người Mỹ đã mạnh dạn khuyên chúng ta đừng nghĩ đến Hiến Pháp. Thời giờ đã quá cấp bách rồi. Không còn phải lúc để cho chúng ta tự trôi buộc vào những lý sự cùn nữa.”

Tướng Trần Văn Đôn đang làm việc ngoài hành lang, tâm tình nhỏ to với các nghị sĩ: “Người Pháp là những người duy nhất có thể nói chuyện với Bắc Kinh, Mạc tư Khoa, Hoa Thanh Đốn, Hà Nội và CPLTCHMN, họ ủng hộ triệt để tướng Minh. Họ đoán chắc là cộng sản chỉ muốn bàn thảo với ông ta mà thôi.”

Cuộc thảo luận công khai đã diễn ra lúc 14 giờ. Và nó kéo dài cho đến 22 giờ. Các diễn giả thay phiên nhau lên diễn đàn. Các cuộc thảo luận vô vị cứ kéo dài. Họ cãi vã, xô đẩy nhau, trao đổi nhau những lời đe dọa, nhưng cuối cùng rồi họ cũng đi đến thỏa thuận cho một bản văn quyết nghị vô thưởng vô phạt không giải quyết được gì cả:

- “Quốc Hội nhìn nhận Tổng Thống Hương có đầy đủ tư cách và thẩm quyền để chọn người thay thế ông. Người này sẽ được ủy thác để tiến hành các cuộc thương thuyết.”

Tên của tướng Minh Dương không thấy nêu lên trong bản văn

của quyết nghị.

Chú Nhật, ngày 27 tháng Tư. Vào lúc 4 giờ sáng có nhiều tràng rốc kết được nã vào Sài Gòn. Những tiếng nổ làm rung chuyển các cửa sổ. Sau đó chừng vài phút tôi nghe thấy tiếng còi hú của các xe cứu hỏa và xe cứu thương. Từ trên sân thượng của mình tôi nhìn thấy ánh lửa và những cột khói đen quện vào lửa đỏ trên nền trời. Có cháy ở về hướng nhà ga Sài Gòn, một khu vực có nhiều nhà gạch và nhà cây nhỏ. Nhưng phải đợi đến hết giờ giới nghiêm mới biết được chính xác là các quả rốc kết rơi ở khu vực nào, và gây thiệt hại ra sao cho dân chúng.

Đến 7 giờ sáng tôi mới đi săn tin được. Một quả đánh trúng khách sạn Majestic, nằm ở cạnh bờ sông Sài Gòn. Quả thứ hai nổ trên lề đường gần chợ Sài Gòn. Sáu quả khác đã nổ trong khu đông dân cư nằm bên kia đường đối diện với Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát. Hàng trăm lều trại, xưởng nhỏ đang bốc cháy với những tiếng nổ như pháo. Mặt đất có cả một lớp tro đen phủ lên trên nhầy nhụa vì nước của các anh cứu hỏa. Những tấm tôn cong vẹo nằm vắt vẻo trên các bức tường đổ nát, và các bàn tủ ghế chỉ còn là những que củi cháy dở dang.. Các bà đang ngồi xõm, im lặng bởi đám tro tàn. Các trẻ em bất động đứng nhìn chằm chằm vào mấy bà mẹ. Các anh khiêng cáng đang chuyển lên xe cứu thương ba thân người co rúm, chỉ còn khoảng nửa thân mình, ba con người mà giống như những hình nộm bị cháy đen.

Tổng kết của cuộc pháo kích và của đám cháy: chín chết và 36 bị thương, Hai ngàn người không nơi cư trú...

Trong những khu khác trong thành phố, cuộc sống vẫn tiếp tục rất bình thường. Bạn hàng trong chợ vẫn bày hàng trên sạp của mình. Các tiệm buôn vẫn kéo màn mở cửa. Lưu thông vẫn tấp nập

nhưng đôi khi bị nghẽn vì có đoàn xe tang năm sáu chiếc của quân đội có trang hoàng vòng hoa đang chở các binh sĩ bị tử thương từ mặt trận về.

Trong một vài quán rượu còn sót lại hay những phòng “đấm bóp” trên đường Catinat, các cô gái xinh đẹp chuyên buôn hương bán phấn đã thay đổi hoàn toàn. Họ đã búi tóc lên và không còn sơn móng tay đỏ nữa và không còn mặc cùn lẳng lơ hay quần bó sát thân mình nữa mà đã mặc lại chiếc áo dài truyền thống của Việt Nam. Có tin nói là các cô đang tìm cách trừ thuốc ngừa thai dự kiến là cộng sản vào họ sẽ tịch thu hết.

Giá đồng đô la lên xuống giữa 3.500 đến 4.000 đồng. Các tay buôn bán ngoại tệ người Ấn đang trúng mỗi to với sự đầu cơ giấy 100 đô la (người cầm đầu là Ali Ismael nhìn nhận rằng đã kiếm lời trong mười năm qua được trên hai triệu đô la). 6.000 người Mỹ đã rời khỏi Việt Nam, bỏ lại trên 8.000 chiếc xe bừa bãi khắp nơi, tạm thời được coi như vô chủ.

*

* *

Cũng vào ngày chúa nhật đó, lúc 12 giờ trưa, ông Chủ tịch Thượng Viện nhận được một văn thư của Tổng Thống VNCH do mô tô mang đến trao tận tay. Đại ý:

“Theo các điều khoản của Hiến Pháp thì Quốc Hội phải ra quyết định thay thế tôi và phải chỉ định người kế vị tôi với tên họ đầy đủ. Do đó tôi đòi hỏi Quốc Hội phải nhanh chóng bày tỏ ý kiến của mình.”

Vào lúc 14 giờ đài phát thanh đã kêu gọi tất cả các nghị sĩ và dân biểu phải có mặt ở Quốc Hội đúng 17 giờ để dự một “phiên họp khoáng đại vì quyền lợi quốc gia”.

Vào giờ ấn định, các nghị sĩ và dân biểu đến Thượng Viện cũng đông đủ như ngày hôm qua. Chủ tịch Thượng Viện thông báo với họ là trước khi mở khoáng đại hội nghị, tướng Trần Văn Đôn, xử lý thường vụ Tổng Trưởng Quốc Phòng, sẽ thuyết trình về tình hình quân sự.

Tướng Đôn mặc thường phục có ba vị tướng lĩnh và một đề đốc tháp tùng: Tổng Tham mưu Trưởng, Tư lệnh Biệt khu Thủ Đô, Tư Lệnh Không Quân và Tư Lệnh Hải Quân. Ông yêu cầu sự có mặt của các vị này để chứng thật tin tức trong bài thuyết trình của ông ta. Tướng Đôn đưa ra một hình ảnh quá đen tối:

“Muời bốn sư đoàn Bắc Việt được trang bị pháo binh thật hùng hậu đang bao vây thủ đô Sài Gòn. Biệt kích và đặc công cộng sản đang xâm nhập vòng đai. Trận chiến ở Xuân Lộc vẫn còn đang tiếp diễn chung quanh thị xã, ở đó các đơn vị của Chánh Phủ đang hằng say chiến đấu, nhưng họ bị phân tán và pháo binh của họ bị pháo binh cộng sản vượt trội về tầm xa. Họ pháo ta từ xa nên không bị thiệt hại gì. Không quân của ta được sử dụng liên tục ngày đêm không ngơi nghỉ trong nhiều tuần lễ nay, nên cả anh em phi công và phi cơ đều đã quá sức chịu đựng. Ngoài ra còn bị thiệt hại khá nặng do phòng không địch và hỏa tiễn địa không của họ. Căn cứ Không quân Biên Hòa dưới hỏa lực của địch đã gần như bị tê liệt. Trong vài ngày nữa, mà cũng có thể là trong vài giờ nữa không chừng, có thể sẽ đến lượt Sài Gòn phải bị tàn phá vì đạn pháo 130 ly tầm xa của Bắc Việt. Nhất định cần phải thương thuyết với họ để ngừng bắn càng sớm càng tốt...”

Một số dân biểu trẻ hung hăng chen vào la lối om sòm một cách giận dữ và mỉa mai:

“Bị bán đứng rồi! Đồ hèn nhát, chủ bại, tướng phòng ngu!”

Tiến sĩ Vũ Quốc Thúc trưởng nhóm “Độc Lập” vừa tiến tới tướng Đôn vừa hét to lên nhiều lần:

“Phản bội, đồ phản bội, anh chỉ là một tên phản bội, đáng được đem ra xử bắn”. Khi nghe chửi như thế, Tướng Đôn mặt tái mét im thin thít không nói được một tiếng nào. Các tướng lãnh đi theo ông sùng sốt về những phản ứng dữ dội của cử tọa nên cũng cúi đầu im thin thít. Chủ tịch Trần Văn Lắm cố gắng trấn tĩnh mọi người nên khuyên can:

“Các anh em nên đặt câu hỏi là phải hơn, các vị tướng lãnh sẽ trả lời cho mình.” Các câu hỏi được đưa lên loạn xà ngầu:

“Ông chỉ nói về hành động và sáng kiến của địch mà về phần ông ông đã có biện pháp nào chưa? Ông đã có đi lên mặt trận mấy lần rồi?”

Nghị sĩ Vũ Văn Mẫu đứng lên và chậm rãi nói gần từng tiếng:

“Ông là Tổng Trưởng Quốc Phòng phải không? Vậy tôi lặp lại câu hỏi của tôi: ông đã có những sáng kiến và những biện pháp nào để lo phòng thủ Sài Gòn chưa? Và để chặn đứng sức tiến của địch?”

Tướng Đôn lắc đầu và trả lời lạc giọng:

“Các sự chuyển quân và các biện pháp chiến thuật đều thuộc về bí mật quân sự”.

Cuộc điều trần coi như được chấm dứt. Tổng trưởng Quốc Phòng và những quân nhân tháp tùng đi ra khỏi phòng họp dưới những tiếng la ó. Cuộc tranh luận của Quốc Hội kéo dài bốn tiếng đồng hồ. Còn sôi động và dữ dội hơn ngày hôm qua nữa, bị ngắt khoảng bởi các sự chửi mắng và những cuộc ẩu đả ngắn. Tay chân đôi khi thay cho lời nói. Nhưng rồi lần lần sự mệt mỏi đã có tác dụng. Cuối cùng rồi những đề kháng quyết liệt nào cũng phải bị chìm xuống vì cảm giác bất lực và uể oải, vì ai cũng thấy rõ là những

lời nói dù có nóng bỏng đến đâu cũng không có một chút cân lượng nào đối với những biến cố quân sự.

Lúc bấy giờ Chủ tịch Trần Văn Lắm mới can thiệp vào:

“Chúng ta phải kết thúc thôi! và phải nhìn thẳng vào sự việc. Than van cũng vô ích thôi. Chúng ta đã thua rồi. Mình phải chấp nhận sự nhục nhã này bằng một lời an ủi là dầu sao họ cũng cùng một dân tộc với chúng ta, vẫn còn đỡ hơn là đối với những người ngoại quốc.”

Rồi sau đó ông lại nói thêm, hình như để tìm cách xóa tan những ý nghĩ ngại ngùng của chính ông vừa nói ra:

Tôi chỉ mong sao những kẻ chiến thắng hiểu rằng người Miền Nam Việt Nam cũng là những người anh em của họ... Chúng ta không còn sự lựa chọn nào khác là giao hết quyền hành cho tướng Minh Dương. Đây là văn bản mà tôi đề nghị với quý vị:

“Quốc Hội với đầy đủ quyền tự do của chế độ, thấy rằng phải mở ngay các cuộc thương thuyết không thể tránh được. Tướng Dương Văn Minh được chỉ định thay thế Tổng Thống Trần văn Hương để lãnh đạo Quốc gia, là người có nhiệm vụ phải tiến hành công tác thương thuyết này.”

Lưỡng viện Quốc Hội đã đưa tay bỏ phiếu, chấp thuận bản quyết nghị với đa số 120 phiếu thuận, 32 phiếu chống và 20 phiếu trắng. Lúc đó là 9 giờ đêm.

Vào lúc chủ tịch Thượng Viện rời phòng họp, ông Nguyễn Hữu Thống, một dân biểu trẻ thuộc nhóm Cộng Hòa đã buông ra một câu đầy khinh bỉ:

“Ông Trần Văn Lắm có thể rất là bằng lòng. Ông ta đáng được người Mỹ và Việt Cộng khen thưởng!”

Cách ông ta vài bước nghị sĩ Trần Trung Dung bàn cãi với cựu

Tổng Trưởng Trần Chánh Thành:

“Thật là khó hiểu được thái độ của người Mỹ. Họ đã áp lực ông Thiệu để ông này phải ra đi, viện cớ đó là biện pháp duy nhất để Quốc Hội Hoa Kỳ bỏ phiếu chấp thuận ngân khoản viện trợ. Cuối cùng ông Thiệu phải từ chức. Tổng Thống Hương, người kế vị cho ông Thiệu lại được nghe một câu nói của đại sứ Martin ngay sau đó: “Đã quá trễ rồi, Quốc Hội Hoa Kỳ không còn bỏ phiếu cho ngân khoản viện trợ nữa. Ông phải nhường ghế Tổng Thống lại cho một người khác đi, người đó phải “được phía bên kia chấp nhận”. Ông già Hương đã bảo vệ Hiến Pháp đến cùng, Hiến Pháp mà chính những người làm luật của Hoa Kỳ đã tham gia tạo dựng nên. Nhưng tới giai đoạn này người Mỹ thông thường là những người rất tôn trọng luật pháp, lại thấy rằng như vậy sẽ làm mất quá nhiều thì giờ. Cuối cùng, trước khi chúng ta bỏ phiếu chấp thuận trao toàn quyền cho tướng Minh, đại sứ Martin đã mời ông Hương chuẩn bị để cùng ra đi với những người Mỹ cuối cùng. Ông Hương đã thẳng thắn trả lời:

- “Tôi không đi đâu hết. Chỗ của tôi phải là ở trong nước của tôi.” Người Mỹ thật sự đã tưởng chúng mình là những người không biết đến hai chữ danh dự là gì chắc!”

Trần Chánh Thành nhúng vai và nói:

“Anh sẽ thấy là họ sẽ đòi hỏi tướng Minh phải ra lệnh cho họ rời khỏi nước Việt Nam... và họ sẽ ra đi không kèn không trống cho mà xem!”

Một vị trưởng tòa đưa tay tắt ngọn đèn xanh đang chiếu sáng chiếc bàn hình móng ngựa ở Dinh Độc Lập. Nơi đây sẽ tổ chức buổi lễ bàn giao quyền hành ngày mai. Tướng Minh sau đó sẽ nói chuyện với quốc dân đồng bào qua hệ thống truyền thanh và truyền hình.

Chương 21

ÔNG DƯƠNG VĂN MINH LÀ AI?

Hình ảnh của tướng Dương Văn Minh do các ủng hộ viên của ông đưa lên ở Việt Nam cũng như ở ngoại quốc đã được rút ngắn gọn lại chỉ còn một vài nét ca tụng cá nhân, nhưng thường không đúng và có quá nhiều sự việc, chi tiết quan trọng thì đã bị bỏ lửng trong bóng tối. Hình ảnh đó được tóm gọn trong một vài phẩm cách căn bản cần thiết và có lợi cho những người lãnh đạo như: đó là một người chủ trương “hòa bình”, liêm chính, trung trực, bình dân và được kính nể, v.v.

Cộng sản Bắc Việt xem ông ta như một “người đối thoại có giá trị”.

Tờ *Kinh Tế Viễn Đông* còn trình trọng xác nhận ông ta đã tốt nghiệp trường Des Charles của Pháp nữa.

Nhân vật này có thể không cần phải có những nhận xét quá đơn thuần như thế đâu, nếu người ta nghĩ tới động cơ nào đã thúc đẩy ông đi tới hành động và nếu chịu khó nghiên cứu kỹ về tiểu sử của ông người ta sẽ thấy là các phẩm tính đã gán cho ông không được chính xác lắm đâu. Những biến cố mà ông đã dính vào, sự bất nhất

và những mâu thuẫn của những người chung quanh ông đã cho thấy rằng ông thường là công cụ của những khuynh hướng chánh trị khác nhau hoặc của những nhân vật có tham vọng cá nhân nhưng sau đó họ đã bỏ rơi ông ta trong sự bối rối không biết phải làm gì.

Ông sanh ngày 19 tháng 2 năm 1916 tại Mỹ Tho, ngay thị xã của một tỉnh cũ của người Khờ me, một giang cảng quan trọng thuộc đồng bằng sông Cửu Long. Ông đã lớn lên ở Miền Tây Nam Bộ trong vùng đồng ruộng mênh mông có nhiều sông rạch rộng và sâu. Thân phụ ông là một người cao lớn hiền lành, thông phán của Chánh Phủ, giỏi về văn chương thơ phú Việt Nam và triết học Lão Giáo, chỉ sống cho bạn bè. Thân mẫu ông cũng to con, đen đúa có giòng máu Campuchia. Từ hệ gia tộc như vậy, ông Minh là một mẫu người đặc biệt, thích có bạn bè, không sợ cái chết, thường có sự kính trọng các quan chức, và cũng có một màu da ngăm đen. Ông học hết bậc trung học ở trường Pháp Chasseloup-Laubat và có tú tài đôi, khoa học. Ông ta gần như là một lực sĩ, bơi lội giỏi và là một tay chơi quần vợt rất có hạng. Năm 1939 ông bị động viên vào bộ binh của người Pháp. (*nguyên tác: infanterie coloniale*). Vào thời đó, các binh sĩ bộ binh này thường có biệt danh là những con “cá heo”, là những tay đâm đá, dân xâm mình, hay nhậu nhẹt và lúc nào cũng sẵn sàng đánh nhau. Không như các bạn Việt Nam yếu đuối khác thường tránh gây sự, ông Minh to mồm và hiếu chiến, không bỏ qua chuyện gì hết, cứ húc thẳng mỗi khi bị khiêu khích và húc mạnh. Năm 1940, ông ra trường với cấp bậc chuẩn úy ở Thủ Dầu Một, đứng hạng 3. Năm 1945 được thăng trung úy và là sĩ quan thể thao của đồn quân Vũng Tàu. Cũng vào năm đó, ngày 9 tháng 3 khi quân Nhật tấn công các đơn vị Pháp, ông

chiến đấu mãnh liệt suốt đêm, nhưng khi cuộc chiến chấm dứt, ông đã ngã theo Nhật, đó là một điểm quá yếu. Khi Nhật đầu hàng, để tránh ra hội đồng quân pháp, ông lui về quê nhà ở Mỹ Tho sống với một quan chức, ông Nguyễn Ngọc Thơ, bạn của thân phụ ông. Trong vòng mấy tuần lễ với sự sáng khoái của nền độc lập vừa mới tìm lại được, ông lại ngồi vào “ủy ban hành chánh Việt Minh” của tỉnh Mỹ Tho. Đến tháng 10 năm 1945, khi đoàn quân thiết giáp của đại tá Massu vào Mỹ Tho, ông tự để cho họ bắt mà không kháng cự. Được hộ tống về Sài Gòn, nơi ông bị truy tầm như một quân nhân đào ngũ, chánh quyền đưa ông sang Cảnh Sát đặc biệt ở đường Catinat để điều tra. Ở đó ông bị qua một con hành xác quá khủng khiếp. Các nhân viên điều tra đã đánh ông bằng gót giày làm gãy hết hàm răng trên chỉ còn lại một chiếc. Từ lúc đó ông mới có biệt danh là “Minh sún” (nguyên tác: “*L'Édenté*”).

Mãi đến năm 1947 ông mới được trở vào quân đội Pháp lại với cấp bậc cũ. Là một sĩ quan tốt, rất chịu khó chiến đấu không mệt mỏi, ông được binh sĩ trực thuộc thương mến. Năm 1951, ông được thăng cấp đại úy và đảm nhiệm chức vụ sĩ quan tùy viên cho ông Trần Văn Hữu, Thủ tướng Việt Nam. Năm 1952 ông được thăng Thiếu tá và được gởi đi thụ huấn lớp Chi Huy Tham Mưu ở Pháp. Đến 1953, ông ra trường và trở về Miền Trung Việt Nam với cấp bằng Chi Huy Tham Mưu cao cấp. Ở đây ông chỉ huy nhiều cuộc hành quân trong vùng rừng thiêng nước độc của “đây phố buồn hiu”.

Sau Hiệp ước Genève 1954, ông được gọi về Sài Gòn. Thủ đô Sài Gòn lúc bấy giờ như một thùng thuốc súng sắp nổ, không người nào tin vào khả năng đứng vững của tân Chánh Phủ của ông Diệm. Ở Miền Nam Việt Nam các giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài và Bình

Xuân rất hùng mạnh. Lực lượng quân sự của họ nếu tính chung lại được lên quá con số 50.000 người và những vùng ảnh hưởng của họ trải rộng khoản 1/3 đất nước. Bảy Viễn, lãnh tụ Bình Xuyên từ một cựu thảo khấu đã trở thành một tướng lãnh, là một người hung bạo và gan dạ như một con trâu rừng, làm chủ cả thủ đô mà không còn ai nghi ngờ gì nữa. Ông ta nắm cảnh sát, nắm sông bạc Đại Thế Giới, kiểm soát bọn con buôn người Tàu, các lò sát sinh, và mọi sự lưu thông đường bộ cũng như đường thủy. Do đó ông ta rất giàu mạnh, dân chúng ai cũng sợ. Nhưng ông Diệm có quyết tâm cần phải phá bỏ tập đoàn phong kiến và chúng tỏ uy quyền của Chánh Phủ mình. Do đó ông cho thăng cấp ông Minh lên đại tá, trao cho ông quyền chỉ huy tiểu khu Sài Gòn Chợ Lớn với toàn quyền hành động. Lúc bấy giờ ông Minh mới kêu gọi đến sự hợp tác của các sĩ quan thân niên thuộc các tiểu đoàn Dù.

Ngày 28 tháng 4 năm 1955 hồi 4 giờ sáng có tiếng bách kích pháo nặng nổ trong thành phố. Một cột khói đen khổng lồ bốc cao trên nền trời. Cuộc chiến chống các giáo phái bắt đầu. Cuộc chiến này kéo dài hai năm. Một cuộc nội chiến đẫm máu, không khoan nhượng, nếu không muốn nói đến hai chữ “tàn nhẫn”, từ chiến đấu trong đường phố đến các trận tập kích của đặc công trong vùng sinh lầy, các trận xung kích của thiết giáp suốt cả Miền Tây Nam Bộ. Ông Minh có mặt khắp nơi khi có chạm súng nặng. Người của ông ta đã phạm vào một vài hành động “thất nhân tâm”, cướp một xe hàng hóa gọi là chiến lợi phẩm trị giá tám triệu đồng, chia cả kho bạc của Bảy Viễn trên 100 triệu đồng (tương đương với 1 tỷ quan Pháp cũ lúc bấy giờ). Thanh toán Bình Xuyên xong là đến lượt Hòa Hảo, một cuộc đuổi bắt với đủ loại cạm bẫy, xuyên qua các đồng ruộng mênh mông ngập nước, xuyên qua các giồng cát,

các kênh rạch hay các rừng đước rừng tràm. Hàng loạt cuộc săn lùng người khắp nơi, không nhân chứng, được diễn ra trên hàng trăm cây số từ Đồng Tháp Mười đến núi Thất Sơn qua tận biên giới Việt Miên. Cho đến khi với hành động phản trắc bắt được tướng Ba Cụt, một nhân vật nổi tiếng, một vị chỉ huy trưởng gây gò để tóc dài của kháng chiến quân Hòa Hảo mà cả người Pháp lẫn cộng sản không hạ được và cũng không khuất phục được. Ba Cụt bị xử tử bằng máy chém và cả Hoà Hảo không bao giờ tha thứ cho ông Minh về chuyện này. Lúc bấy giờ ông Minh là một quân nhân và sự thù hận này không làm cho ông quan tâm lắm. Sự chống đối triển miên của giáo phái Hòa Hảo được ăn sâu trong cả 11 tỉnh đông dân cư của đồng bằng sông Cửu Long đã làm suy giảm một cách đáng kể đến tầm vóc của người lãnh đạo Miền Nam khi ông Minh thật sự bước vào con đường chánh trị. Nhưng đây là một việc khác...

Năm 1958, tướng Minh về Sài Gòn trong chiến thắng. Lễ lạc, tràng hoa, vinh thăng trung tướng... diễn hành, duyệt binh, kèn trống... Nhưng bà Ngô đình Nhu cố vấn chánh trị và em dâu của ông Diệm lại không tin tưởng những tướng lãnh quá bình dân. Bà nói với ông Diệm:

- “Không nên để cho lớn mạnh dưới trướng của mình một quân nhân có quá nhiều ảnh hưởng trong quân đội. Với khuynh hướng thông thường thích các cuộc đảo chánh kiểu Nam Mỹ của người Anh, đã là một người chiến đấu giỏi, nhưng dễ bị mua chuộc, không thông minh lắm và nhất là không biết gì lắm về chánh trị, tướng Minh không khéo rồi sẽ trở thành một tướng lãnh để cho người ta nhắm vào. Chỉ cần có một đường giây nhỏ nào đó của tòa đại sứ hay Bộ Ngoại Giao Mỹ và một cố vấn có hạng của bọn Trung ương tình báo Hoa kỳ (CIA) là

đủ rồi. Cho nên tốt hơn hết là chúng ta nên giữ một khoảng cách nào đó đối với ông ta.”

Mặc dầu các phe phái đã bị đập tan, các cán bộ cộng sản không có được bao nhiêu, nhưng chế độ của ông Diệm cũng chưa được tự tại cho lắm. Là một người ngoan đạo lại thấm nhuần tập quán của Khổng Mạnh, vị Tổng Thống của Miền Nam Việt Nam là một người quốc gia cực đoan và đến giờ này vẫn còn độc thân, sống khắc khổ, nên có một đường lối chánh trị đặt trên nền tảng “tập trung quyền hành”, với một tinh thần đạo đức khắc nghiệt, tôn trọng và bảo vệ triệt để tôn ti trật tự trong gia đình, cùng với một sự hướng dẫn chánh trị cho dân chúng và một sự nâng đỡ vô điều kiện đối với khối giáo dân di cư từ Miền Bắc. Các vũ trường và tiệm hút đều bị đóng cửa, cờ bạc bị cấm, vợ chồng phải có cưới hỏi hợp pháp, tội ngoại tình phải bị xử tù và học tập chánh trị bắt buộc. Hầu hết các vị trí then chốt trong chánh quyền đều do trí thức Miền Trung nắm giữ. Tướng Minh vốn là người Nam, gốc Miền Nam Việt Nam, rất sợ những sự gò bó, nghi lễ và những mảnh khõe chia rẽ bạn bè. Ông mạnh mẽ chỉ trích các trí thức Miền Bắc và Trung hèn hạ, thượng đội hạ đạp, tự cho mình là “những con mọt sách”. Ông không cần biết đến “dịch rửa tội” nó đang tàn phá hàng ngũ các cấp tá đang chạy lo cho vấn đề thăng thưởng của họ. Khi có dịp đi thăm miền quê với Tổng trưởng quốc phòng, ông tự tách rời khỏi đoàn quan khách, đi lẫn lộn trong đám nông dân, có khi lội xuống ruộng sinh lầy mà không cần phải xắn quần hay cời gậy, còn có đồ mồ hôi thì tự kéo tay áo lên chùi trán. Với hàng binh sĩ thì ông nói công khai: *“Nên để thì giờ chạy theo tán gái còn hay hơn là chạy theo mấy ông cố đạo”*. Trong các cuộc tiếp tân thì ông từ chối tán tỉnh để kiểm điểm với bà Nhu, chỉ trích công khai các

công chức và các sĩ quan xin vào đảng “Cần Lao” (chú thích của tác giả: *dưới chiêu bài của “đảng Cần Lao”, đây là một sự tuyển chọn một đội ngũ cán bộ và những người được gọi là ưu tú để phục vụ chánh quyền hiện tại*).

Vị thế của ông lần lần bị lu mờ. Vào cuối năm 1959, ông được cử làm thanh tra các Quân Đoàn I và Quân Đoàn II (Vùng Huế và Cao Nguyên Trung Phần). Nhưng thật sự ông không rời khỏi Sài Gòn và cứ ngồi ỳ trong văn phòng của mình. Vì các đặc quyền của ông đã được ông Ngô đình Cần làm hết rồi, ông này là người em “út” của ông Diệm, một vị lãnh chúa xảo quyệt và bí mật, một ủy viên chánh trị và thủ quỹ của Miền Trung Việt, một người nắm hết cả vùng với một mạng lưới cán bộ đảng viên đảng Cần Lao, từ cảnh sát đến binh sĩ và điểm chỉ viên, một người tự cho mình là thấy hết, biết hết, mua chuộc và bảo đảm sự trung thành của mọi người bằng tiền bạc hay bằng một sự giúp đỡ nào đó... một người không chịu bỏ qua bất cứ một chuyện lớn nhỏ nào cả.

Ngày 11 tháng 11 năm 1960, hai vị đại tá thuộc binh chủng Nhảy Dù đã làm một cuộc đảo chánh ở Sài Gòn với ba tiểu đoàn Dù, họ đã chiếm hết các điểm trọng yếu trong thủ đô, đánh vào Liên đoàn Phòng Vệ Phủ Tổng Thống gần vườn Bách Thảo và bao vây Dinh Độc Lập. Các sĩ quan này đã mời ông Minh lãnh đạo cuộc binh biến này nhưng ông từ chối, không tham gia. Cuộc đảo chánh thất bại. Các sĩ quan chạy qua Cam Bốt. Tướng Minh cũng không được ân huệ gì hơn.

Đến năm 1961, ông nhận một chức vụ mới: “Tư Lệnh Bộ Tư Lệnh Hành Quân” của quân đội. Nhưng cũng chỉ là một chức vụ tượng trưng “ngồi chơi xơi nước” mà thôi. Bởi vì trong những cuộc hành quân chống du kích đầu tiên và thành lập các “Khu trù mật”,

ít khi mà quân đội can dự vào. Bất bình vì coi như đương nhiên bị gạt ra ngoài vòng, ông ta càu nhàu, gậm nhấm mỗi hận này, nhưng vẫn giữ một thái độ hết sức thận trọng.

Năm 1963 ông lại được chỉ định làm “Cố vấn quân sự cho Phủ Tổng Thống”, một chức vụ hoàn toàn có tánh cách danh dự và thụ động. Dù sao thì ông vẫn là người rất bình dân trong quân đội nên có một nhóm tướng lãnh và đại tá đã tiếp xúc với ông để chuẩn bị cho một cuộc đảo chánh. Ông Ngô đình Nhu nhờ cảnh sát mật vụ của ông cho biết nên đã cảnh giác đề phòng. Nhưng ông không tin là ông Minh có đủ tài cán, nên bỏ qua việc này với một câu nói có vẻ khinh bỉ:

- *“Anh ta có sức như một con voi nhưng có bộ óc của một con chim muồi. Không có quân tượng thì voi không thể làm gì được đâu.”*

Ông Nhu nói cũng đúng lắm nhưng ông đã lầm. Tướng Minh và “nhóm đảo chánh” của ông không thiếu quân tượng đâu:

- *Tướng Maxwell Taylor, cố vấn quân sự đặc biệt của Tổng Thống Kennedy là người đầu tiên đã tiếp xúc và khuyến khích những người tạo phản.*

- *Đại sứ lỗi lạc của Hoa Kỳ ông Henry Cabot-Lodge, nhà quý tộc của thành phố Boston, một người biết tính toán và rất lạnh lùng... đã làm gạch nối với sự trợ giúp của một kỹ thuật gia thuộc Cục Trung Ương Tình Báo: đại tá Lou Conein (18 năm ở Việt Nam), một bọm rượu có hạng, một kẻ phiêu lưu rất nèn thơ nhưng rất dừ dằn, cha là người Nga mẹ là người Pháp, vợ là người lai Âu Á, anh là cựu chiến binh của OSS (tiền thân của CIA) ở vùng biên Bắc Việt, cựu huấn luyện viên của những toán đặc công Việt Minh đầu tiên vào năm 1945... (chú thích thêm*

của tác giả: *có một chuyên viên CIA khác làm việc chung với Lou Conein. Đó là đại tá Spera, người sau này được nổi tiếng là đã thanh toán Che Guevera ở Bolivie).*

Tướng Minh và Lou Conein đã biết nhau từ chiến dịch đánh Bình xuyên, một chiến dịch đã gây ra những sự đụng chạm nặng giữa sĩ quan Phòng Nhì của Pháp và cố vấn quân sự của CIA. Người Pháp thì ủng hộ Bình Xuyên, những người đồng minh cũ trung thành với Pháp. Người Mỹ thì ủng hộ ông Diệm và tướng Minh trong việc nắm lại thị trấn Sài Gòn - Chợ Lớn. Cộng tác chung quanh tướng Minh và Conein trong việc chuẩn bị lật đổ ông Diệm, còn có cả một nhóm chuyên viên: tướng Lê Văn Kim, một sĩ quan tham mưu quan trọng (trước thế chiến 2 ở Paris là người đạo diễn đã làm việc với Marcel Pagnol), tướng Trần Thiện Khiêm (sau này là Thủ Tướng và là cánh tay mặt của Tổng Thống Thiệu), tướng Mai Hữu Xuân, (cựu tư lệnh Cảnh Sát Đặc Biệt, một người có tánh dứt khoát, hung dữ và thù hận, biết rất nhiều chuyện bí mật và có dưới trướng nhiều toán sát thủ trung thành và phục vụ vô điều kiện), Đại tá Đỗ Mậu, Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội, cựu trung sĩ vệ binh Việt Nam thời Pháp, một con người mưu sĩ đầy mánh khỏe nhưng không biết ngại ngùng là gì. Con bài chủ của nhóm người này là tướng Trần Văn Đôn, Tham mưu trưởng QLVNCH, người được bà Nhu vừa đẹp vừa say mê bảo vệ đặc biệt. Tướng Đôn là người được Tổng Thống Diệm và ông Nhu tín nhiệm hoàn toàn, sẽ là người phối hợp không bị nghi ngờ cho toàn nhóm.

Ngày 1 tháng 11 năm 1963, chế độ bị lật đổ. Cả hai ông Diệm và Nhu đều bị đại úy Nhung thanh toán bằng mấy phát súng lục 12 ly và bị đâm thêm nhiều nhát dao găm. Đại úy Nhung, sĩ quan cận vệ của tướng Minh, là người thi hành tất cả lệnh của tướng Minh

một cách mù quáng.

Sau khi thành công, nhóm đảo chánh thành lập “Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng” và tướng Minh được giao cho chức Chủ tịch nắm lấy chánh quyền.

Nhưng không phải chỉ hạ bệ một ông Tổng Thống bằng đại bác là đã chứng minh được là mình có khả năng trị quốc.

Tướng Minh lúc nào cũng trung thành với bạn bè nên đã chỉ định người bạn cũ trong kháng chiến và cũng là bạn trong tù là vị quan lại Nguyễn Ngọc Thơ vào chức vụ Thủ tướng Chánh Phủ, và giao Bộ Thể Thao cho một người bạn khác của ông, một kiến trúc sư ốm yếu bệnh hoạn, một người suốt cả đời chưa bao giờ biết làm một động tác thể dục nào. Hội đồng Quân Nhân quá bận tâm với hồ sơ về “sự độc tài của chế độ Diệm” nên không có đưa ra được một chương trình hành động về chánh trị hay kinh tế nào. Tướng Minh đã có những lời tuyên bố làm cho các nhà báo sùng sốt:

“Chúng tôi cũng đã nghĩ tới học thuyết. Nhưng trong hiện tại, có rất nhiều việc quan trọng hơn: nắm vững lại công việc để đi tới chiến thắng.”

Ngoài ra, vì các đơn vị ưu tú của quân đội cứ tập trung và đóng mãi ở thủ đô, cũng như có nhiều tướng lãnh mãi lo tìm chức vụ và bổng lộc, nên đã có một khoảng trống trầm trọng trong lãnh thổ. Các “ấp chiến lược” từng được xem là xương sống của hệ thống phòng thủ của dân chúng chống lại Việt Cộng lại bị phá tan. Có nhiều vị tổng bộ trưởng và công chức cao cấp bị bắt giam hay lưu đầy, và có nhiều vị tỉnh trưởng bị cách chức. Cộng sản lợi dụng tình trạng hỗn loạn trong quân đội, lợi dụng khoảng không chánh trị và sự thiếu vắng của nền hành chánh trong lúc này để tiến hành những hành động qui mô hơn trong tất cả vùng quê thuộc đồng

bằng sông Cửu Long.

Còn nói về việc “nắm chặt tình hình” của các tướng lãnh thì đó thường được diễn dịch ra là những cuộc “làm tiền”. Trước tiên, các “ông đạo chánh” bắt đầu là “đánh vào” các kỹ nghệ gia, họ cho đó là những người đã làm giàu dưới trào chế độ cũ. Cố vấn tài chánh của ông Nhu, một nhà tư sản có hạng ở Huế, đã bị bắt buộc phải nộp 60 triệu đồng. Theo lệnh của tướng Minh, vị linh mục từng làm lễ rửa tội cho ông Diệm bị bắt. Bị hăm dọa xử tử hình, linh mục này phải giao lại cho vị nguyên thủ quốc gia 35 triệu đồng, số tiền đã được Tổng Thống Diệm giao cho nhà thờ thuộc Dòng Chúa Cứu Thế ở đường Kỳ Đồng. Sau đó, các “ông đạo chánh” tự chia nhau khoản 500 triệu tiền công quỹ còn lại sau cái chết của ông Diệm. Ở Dinh Độc Lập, chán nản và phiền phức vì cứ phải cứu xét các hồ sơ, tướng Minh tiếp hết mọi người... làm cho các cơ quan an ninh muốn điên lên. Có một ngày nào đó, trên 20 người mặc quần ngắn không cà vạt đi giày bố, đến trình diện ở cổng. Tất cả đều là bạn quần vọt của ông Minh, những ông thông ông phán, những thầy thơ ký, những người gác cửa, lục sự và có cả những người lượm banh nữa. Tất cả đều vào công viên và chơi ở sân quần vọt của Phủ Tổng Thống luôn trong suốt hai giờ đồng hồ với tướng Minh. Ngay ở nhà ông Minh ở đường Chasseloup Laubat, các cửa vào ra cũng không có người canh gác. Còn Bà tướng Minh thì cũng đẹp, lớn con, lúc nào cũng tươi cười, không kiêu cách, mời tất cả bạn bè. Nhà luôn luôn có bạn bè khách khứa, nhạc sĩ, các chiêm tinh gia, và mấy tay tứ sắc...

Nhưng dân chúng thì không ai chú ý nữa. Cách đây mấy tuần, dân chúng Sài Gòn rất mừng rỡ hoan nghênh tận tình sự sụp đổ của một chế độ mà họ chán ghét. Các tướng lãnh thấy được hoan

hồ nhiệt liệt, ngây thơ tưởng rằng dân chúng hoan hô mình. Thật không còn cái lầm nào hơn! Đám đông dân chúng chỉ vui mừng vì tìm lại được sự tự do và nhất là lời hứa là Miền Nam Việt Nam có triển vọng chấm dứt được trận giặc đã kéo dài quá lâu rồi. Dân chúng thật thà tưởng rằng sự sụp đổ của chế độ Diệm là có thể dàn xếp được tất cả. Nhưng giờ đây họ thấy là cuộc chiến chẳng những vẫn tiếp tục mà còn bành trướng mạnh thêm lên, họ thấy là khó mà có được thanh bình và cánh cửa Tự Do vừa thấy mở ra được một lúc thì lại được đóng lại ngay rồi. Một luật sư Việt Nam được ra khỏi nhà tù, không bị tình nghi là có cảm tình với chế độ cũ, đã tâm sự với một đặc phái viên của một tờ báo lớn ở Paris:

“Ông biết bây giờ có một sự khác biệt nào với “lúc trước” không? Các cô gái điếm có thể níu kéo khách rất là tự do trên đường Tự Do. Còn ở các quán rượu thì người hầu bàn không còn bị bắt buộc phải mặc chiếc áo bờ lu trắng theo lệnh của bà Nhu nữa, mà họ được phép ăn mặc theo sở thích và theo khuynh hướng riêng của họ. Tôi quên nói là kể từ nay được nhảy tuýt một cách hợp pháp nữa. Thật là quá yếu!”

Thật ra thì không còn có vấn đề hứa hẹn gì về Tự Do đâu. Các cuộc phổ thông đầu phiếu coi như được dời lại sau khi chiến tranh kết thúc. Một “Hội Đồng Nhân Sĩ” được thành lập với nhiệm vụ rất khiêm nhường là soi sáng Chánh Phủ trong mọi quyết định. Nhưng rồi Hội Đồng này cũng không đi đến đâu cả.

Người ta ghi nhận có một số người mới tự thiêu. Thật khó mà tin được. Theo luận điệu chánh thức của chánh quyền thì “họ chỉ tỏ thái độ vui mừng vì cuộc đàn áp Phật Giáo đã chấm dứt”.

Các đảng phái chánh trị tái hoạt động một cách khó khăn.

Báo chí thì tràn ngập (trên 50 tờ báo được xuất bản sau ngày

đảo chánh, và chỉ cần có một lá thư giới thiệu của một tướng lãnh nào đó là giấy phép ra một tờ nhật báo có thể được phê chuẩn ngay). Báo chí được phép tố cáo chế độ cũ. Nhưng nếu tờ báo nào tự do chỉ trích hành động của các tướng lãnh thì sẽ bị tịch thu ngay và vĩnh viễn bị đóng cửa (việc này đã xảy ra ba lần trong vòng không đến một tuần). Chế độ của ông Diệm dĩ nhiên phải có những lỗi lầm (lỗi lầm chính yếu nhất là đã làm phật lòng người Hoa Kỳ), nhưng chế độ này đã góp công vào sự ra đời và tồn tại của chánh quyền Miền Nam Việt Nam. Chế độ đó cũng đã thiết lập được một hàng rào ngăn chặn bọn Việt Cộng, có thể là chưa hữu hiệu lắm, nhưng cũng là một rào cản. Bây giờ thì không còn gì cả. Miền Nam Việt Nam là một đất nước đang trong thời nội chiến mà lại không thấy có chánh quyền nào hết!

Dưới thời ông Diệm, đã có một ý kiến, một cán bộ xã hội và kinh tế, một đường lối chánh trị và một niềm tin. Đã có được một người: Nhu, người biết làm cho người ta nghe lời, và mọi người đều run sợ trước người đó. Những mệnh lệnh của ông ta nói ra đều được thi hành. Nhưng bây giờ thì là một nền Cộng Hòa của những người bạn nhỏ. Người nào cũng là chỉ huy hết mà không có ai là người tuân hành. Thật là cả một sự hỗn độn. Tất cả quyền hành quân sự lẫn hành chánh đều nằm trong tay “Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng”. Nhưng rất rõ ràng là những người lãnh đạo của nhóm đảo chánh hình như không biết phải làm gì với quyền bính đó. Dân chúng đã tin tưởng rằng các tướng lãnh khi nắm được chánh quyền rồi thì phải có quyết định đi đến hành động, sau khi đã suy tính về kế hoạch của họ, dù là có quá lâu. Không có gì không đúng! Cuộc đảo chánh không phải là một cuộc hành quân “vì” một chuyện chơi nào đó! Mà là để “chống” một chế độ hiện hành: chế độ gia đình

trị của nhà họ Ngô. Và hành động bằng vũ lực này kéo theo hai án mạng đã tỏ ra thật sự vô nghĩa. Rất mau chóng những người không được chuẩn bị cho việc này thấy là mình bị đứng trước một nhiệm vụ là phải soạn thảo một chương trình hành động mới, một nhiệm vụ quá cao đối với họ. Nhưng thay vì phải hoạch định một học thuyết, họ chỉ cần cho bộ máy hành chánh cũng như kinh tế chạy lại, và cho dân chúng tham gia... Các tướng lãnh cứ tự giam mình trong văn phòng của bộ tham mưu với những cuộc thương nghị dài dòng vô ích mà cuối cùng chỉ thấy có một quyết định cụ thể duy nhất được thông báo cho dân chúng. Đó là “lệnh tịch thu” tài sản của tất cả thành viên thuộc gia đình họ Ngô, còn sống hay đã chết cũng vậy, và của tất cả những người cộng sự thân cận của họ.

Bây giờ chỉ còn trông chờ ở người Mỹ mà thôi.

Nhưng đại sứ Cabot Lodge, nản lòng vì những sự cãi vã và bất lực rõ ràng của các tướng lãnh, đã giữ khoảng cách xa trở lại. Không còn những buổi chơi quần vợt, không còn những cuộc tiếp tân thân mật ở tòa đại sứ Mỹ nữa, tất cả những gì để cho dân chúng thấy được, nhất là gia đình họ, những người quân nhân đó bị thất vọng phần nào vì không quen lễ nghi danh dự cho những nhân vật quan trọng.

Không đầy ba tháng sau sự thành công nổi bật của cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11, vì tuyên bố “trung lập” và “thân Pháp”, tướng Minh đã bị tướng Khánh bắt giữ và đuổi ra khỏi chánh quyền, Tướng Khánh là một nhân vật béo tròn, hung tợn và dễ râu cằm, là người được Cabot Lodge đưa vào quỹ đạo để dễ điều khiển. Nhưng tướng Minh bị giữ không bao lâu và chính tướng Khánh đã nài nỉ để ông Minh trở lại với chức vụ nguyên thủ quốc gia. Sau vài ngày lưỡng lự, tướng Minh cuối cùng đã chấp nhận. Ông ở chức vụ đó

cho đến ngày 15 tháng 9/1964, nhưng thực tế cũng không có quyền hành gì.

Vào cuối tháng 10 năm đó, tướng Khánh lại bị tướng Không quân lật đổ. Tướng Minh bị đày sang Thái Lan dưới danh nghĩa là “đại sứ lưu động”, chức vụ thì giả định, nhưng lương bổng thì đầy đủ. Trong khoảng 4 năm sống lưu vong ở Bangkok, tướng Minh liên tiếp được các Chánh Phủ sau này ở Sài Gòn cho hưởng lương đại sứ rất đầy đủ. Biệt thự của ông nằm ở vùng ngoại ô Bangkok, những người dân Thái ở gần ông thường gọi là “ông Việt Nam to con”, nhưng ở đây ông buồn, vì ông nhớ nhà. Để giết thì giờ, ông đọc hàng loạt sách loại trình thám (Proudhon và Mémorial de Sainte-Hélène), nuôi cá và trồng lan (ông có cả một bộ sưu tập lan rất đẹp). Các bạn bè có dịp ghé lại Bangkok đều có đến thăm ông. Ông muốn trở về Việt Nam nhưng Sài Gòn vẫn làm lo giả điếc... Vào một ngày tốt trời nào đó trong năm 1965, ông chịu hết nổi nên đập máy bay hàng không Thái về Sài Gòn. Tướng Nguyễn Cao Kỳ, lúc bấy giờ là Thủ Tướng, cấm không cho phi cơ đáp xuống và cho một phi tuần phóng pháo cơ hộ tống chiếc phi cơ hàng không đến tận biên giới Thái Lan, Chiếc phi cơ phải trở về Bangkok với tất cả hành khách của nó.

Vào tháng 5 năm 1967, vốn muốn về lại Sài Gòn hơn là muốn hoạt động chánh trị trở lại, Tướng Minh tuyên bố sẽ về ủng hộ Tổng Thống vào tháng 9. Nhưng tên ông bị gạt ra ngoài danh sách ứng cử viên Tổng Thống và tướng Nguyễn văn Thiệu đắc cử.

Cuối cùng mãi đến ngày 5 tháng 10 năm 1968 tướng Minh mới được phép về Việt Nam. Ông đến gặp ngay Tổng Thống Thiệu, người đã cầm quyền từ ba năm rồi, được Tổng Thống đề nghị giữ chức vụ cố vấn cho Tổng Thống. Ông vừa từ chối. vừa cầu nhàu:

- *“Tôi đã biết quá về cái món này ở Phủ Tổng Thống rồi! Tôi đã có lần ở chức vụ này rồi. Tôi không muốn làm chiếc bình chung bồng bầy trên kệ nữa”.*

Với các nhà báo thì ông chỉ tuyên bố nhẹ nhàng: “Tôi muốn đứng ngoài mọi hoạt động chánh trị, trong vị trí của một quan sát viên.”

Một vài tuần lễ trôi qua, sau đó trong những ngày đầu tháng 11, tướng Minh nêu lên một phản đối “chống lại việc Hoa Kỳ ngưng dội bom ngoài Bắc Việt vô điều kiện” một điều mà ông coi như một sự “đầu hàng” và một “hành động khuyến khích kẻ xâm lăng”.

Một năm sau, ngày 1 tháng 11 năm 1969, ông tập họp các cựu tướng lãnh trong cuộc đảo chánh để “kỷ niệm ngày lật đổ chế độ độc tài của ông Diệm”. Báo chí đối lập đã ghi nhận một cách hiểm độc rằng: “một người duy nhất có giá trị lại vắng mặt trong buổi họp mặt thân mật này là Tổng Thống Thiệu, một người đã có một vai trò chính yếu trong cuộc đảo chánh này.” Lo âu sợ thua kém các đồng nghiệp, một binh luận gia thân Chánh Phủ nghiêm khắc nhận xét là:

- *“Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam nơi mà sự kính trọng người chết là một điều thiêng liêng, thì những người có trách nhiệm trong hai án mạng lại dám trâng tráo lăng nhục linh hồn của các nạn nhân của họ bằng cách uống rượu ăn mừng hành động tội ác của mình.”*

Kế tiếp, ngày hôm sau, chúa nhật 2 tháng 11, Tổng Thống Thiệu cho phép cử hành một buổi lễ “Tuớng Niệm” cầu siêu cho linh hồn của ông Diệm và ông Nhu, một buổi lễ đạo rất long trọng tại nhà thờ Chánh Tòa ở Sài Gòn, có sự tham gia của Tổng Trưởng Thông Tin, đại diện của Chánh Phủ. Sau buổi lễ, một đoàn khoảng 2.000 giáo dân mang hoa đi trong vòng trật tự đến nghĩa trang Mạc

đình Chi, nơi hai anh em Diệm Nhu được an táng trong hai ngôi mộ cạnh nhau cùng chung dưới một tấm xi măng đúc.

Được phỏng vấn sau đó, ông Tổng trưởng Thông Tin trả lời cho các phóng viên là “sự có mặt của ông nơi đây là *“để tỏ lòng tưởng nhớ đến ông Diệm, một vị anh hùng dân tộc, một gương mặt lịch sử của nước Việt Nam độc lập”*”.

Tức khắc các tờ báo theo Phật Giáo cho đó là một sự “khieu khích”.

Tướng Minh phá vỡ thành linh sự im lặng của chính mình bằng hai bản thông cáo đặt vấn đề tính cách đại diện của Tổng Thống Thiệu. Đồng thời ông tuyên bố chủ trương tổ chức trưng cầu dân ý về “một hình thức chánh trị” thật sự cho nền độc lập quốc gia về sự giải ước của quốc gia Việt Nam là “không thể ngã theo bên tả hay bên hữu mà phải ở vị trí trung lập, ở giữa hai thế giới tư bản và cộng sản”.

Tổng Thống Thiệu xẵng giọng cãi lại ngay:

“Chánh Phủ VNCH được thành lập từ “tự do phổ thông đầu phiếu”. Tôi thi hành sứ mạng do dân chúng phó thác cho tôi. Chúng ta đã đi gần đến chiến thắng rồi. Trung lập là một điều phi lý, là một hình thức nguy trang đi đến đầu hàng cộng sản. Có nhiều chánh trị gia bực tức chỉ vì với mục đích thỏa mãn dục vọng cá nhân, đe dọa sự đoàn kết quốc gia trước kẻ thù”.

Thế là cuộc so kiếm đã bắt đầu. Nhưng đó chỉ là một màn chạm trán nhỏ thôi. Cuộc chiến thật sự sẽ được diễn ra trong tương lai. Tướng Minh lại giữ im lặng, mỗi năm chỉ đi ra khỏi nhà đôi ba lần để chưa chất chỉ trích chế độ mỗi lần một nhiều hơn.

Biệt thự ở đường Chasseloup Laubat không vì thế mà thiếu vắng người lui tới: bạn bè, khách khứa, thân hữu, sư sãi, thầy bói, sứ

giả mang tin tức đến từ Pháp, Nhật hay Hoa Kỳ, các tướng lãnh khác hay Tổng Bộ trưởng bị lưu đây. Người ta trò chuyện, đánh bài, và uống trà. Khi ông không tiếp khách thì ông đến “Câu lạc bộ thể thao Sài Gòn” với cây vợt trên tay. Ông đánh quần vợt với mấy ông nghị sĩ, dân biểu, các tướng lãnh, các giáo sư, với người Mỹ, với nhân viên ngoại giao của các sứ quán ngoại quốc. Ở vùng Đông Nam Á, chơi quần vợt có một đặc điểm là tạo được sợi dây thân ái giữa các đấu thủ không phân biệt chánh kiến. Và tướng Minh là một đấu thủ chơi không biết mệt. Tất cả những người đến với ông ta đều nhấn mạnh là viên cựu tướng lãnh đáng sợ này đã già dặn hơn trước nhiều, và đã thay đổi rõ nét là một người tranh đấu cho “hòa bình”. Ông chỉ nổi giận lên khi người ta nói đến “người Bắc kỳ” (nguyên tác “Tonkinois”) Tuy nhiên dần dần ông Minh cũng thành lập một nhóm chánh trị, mở rộng thêm ra và cố gắng hướng dẫn các lực lượng đối lập. Những người của ông ta và những người hợp tác với ông được phân ra thành bốn nhóm rõ rệt:

- Những ông đốc phủ, chủ sự hành chánh và cựu tỉnh trưởng, những công chức già nổi bật với nền văn hóa Pháp, những người được kính trọng qua nhiều thể chế.

- Những sư sãi cốt cán của chùa Ấn Quang và của nghị sĩ Vũ Văn Mẫu, tiến sĩ luật, chủ tịch Phong Trào Hòa Giải Quốc Gia (phần đông là Phật Tử), được người Mỹ tài trợ và thao tác từ lâu.

- Một số sĩ quan trẻ, giáo sư, nhà báo đối lập, và những công chức chuyên nghiệp có khuynh hướng tiến bộ được đào tạo ở trường Quốc Gia Hành Chánh có liên lạc với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, những người cấp tiến chủ trương cải cách xã hội Việt Nam, và chủ trương một Chánh Phủ Liên hiệp với cộng sản.

- Những cựu tướng lãnh của cuộc đảo chánh 1/11, đã từ lâu

đứng ngoài chánh quyền và không có một trách vụ quân sự nào, vừa chống ông Thiệu vừa chống cộng sản.

Sự khác biệt nhau của các nhóm này, tuy cùng đồng ý với nhau về sự ra đi của Tổng Thống Thiệu nhưng có nhiều bất đồng về phương pháp áp dụng, và đường lối chánh trị phải theo để đi đến mục đích, đã giải thích phần nào những cuộc vận động bất thần và những lập trường mâu thuẫn của tướng Minh, thường hay ngã theo kẻ đối thoại nào ăn nói thuyết phục nhất.

Vì thế mà sau nhiều lần tránh né, bàn bạc, rụt rè... tướng Minh mới bất thần loan báo là sẽ ra ứng cử Tổng Thống vào năm 1971. Cuộc vận động bắt đầu, lúc đó tôi còn ở Sài Gòn. Các quan sát viên ngoại quốc nhận xét là tướng Minh có vài lợi thế trong chuyện tranh cử: ngoài những nhóm đã nói ở trên, ông còn được sự ủng hộ của Đức Giám Mục Bình của địa phận Sài Gòn, và của Phong Trào Trung Lập ở Paris của cựu Thủ Tướng Trần Văn Hữu, người đỡ đầu cũ của ông, Ngoài ra ông cũng có một người em út là tướng cộng sản Dương Văn Nhật^[1] thuộc “quân đội nhân dân Bắc Việt”, điều này giải thích tại sao đài Hà Nội và đài Mặt Trận không bao giờ tấn công tướng Minh trên hệ thống truyền thanh.

Có bốn người lo vận động tranh cử cho ông. Hai nhân sĩ là ông Tôn Thất Thiện và ông Nguyễn Ngọc Thơ. Hai dân biểu trẻ là ông Lý Quý Chung và Ngô Công Đức.

Trong thời gian này tôi đã có gặp tất cả bốn người này nhiều lần.

- Ông Tôn Thất Thiện sống trong một căn nhà rất đẹp với đầy đủ tiện nghi được xây cất trong một miếng vườn được phác họa rất là chu đáo. Ông là người miền Trung, ốm yếu và nóng tánh, có gương mặt quý phái, thuộc một gia đình quý tộc ở Huế. Là một con người kiêu kỳ và kiên quyết, ông nói thành thạo tiếng Anh và tiếng

Pháp. Một vài chỉ dấu đặc biệt: ông có một người anh em là tướng trong Không Quân Bắc Việt; ông có liên lạc chặt chẽ với cơ quan tình báo Anh, và không thích người Miền Bắc (nguyên tác: Tonkinois). Ông bắt đầu đi vào con đường chánh trị trong chức vụ Tùy Viên Báo Chí và thông dịch viên chánh thức của Tổng Thống Diệm. Không đồng ý với những phương pháp và mục tiêu của Tổng Thống, ông từ chức và đi Thụy Sĩ để hoàn tất học vị tiến sĩ về khoa học chánh trị. Sau đó ông là Bộ trưởng của Phó Tổng Thống Hương, nhưng nhận thấy ông này quá lạc hậu và thiển cận nên lại từ nhiệm một lần nữa và nhảy sang phía đối lập. Bây giờ thì số phận của ông được gắn liền với số phận của tướng Minh Dương, ông tổ chức các buổi phỏng vấn và thu xếp các buổi tiếp xúc với dân chúng cho tướng Minh, đồng thời ông cũng đi dạy ở trường đại học Phật Giáo ở Sài Gòn và cộng tác với tờ báo Kinh Tế Viễn Đông của Hong Kong. Ông nói với tôi:

- "Tôi chấp nhận yểm trợ cho ông Minh vì ông là một tướng lãnh biết chấp nhận uy quyền hành chánh đối với quân nhân. Ông hiểu rõ về tính cách pháp lý, và biết tôn trọng dân chúng. Ông ta muốn chấm dứt cuộc chiến và nói chuyện với "Mặt Trận". Còn ông Thiệu lại là người của chiến tranh. Ông chỉ tồn tại và sống được là nhờ vào chiến tranh và sự yểm trợ của người Mỹ, cố vấn và trả lương cho ông ta và áp đặt cuộc chiến đối với chúng ta. Nước Việt Nam phải chấm dứt không còn là một "trại lính" hay một nhà kho khổng lồ chứa đầy dụng cụ chiến tranh do một bọn côn đồ đàn độn mặc quân phục điều hành, một bọn người chỉ có một công tác chính yếu là "đếm xác chết". Các tướng lãnh của chúng ta thường hay quên rằng những xác chết lạnh cứng mà họ xếp lên bàn như những con thỏ mà họ

đã đi sẵn được, không phải là những con thú vật mà chính là những người Việt Nam như chúng ta.”

Khi tôi lưu ý với ông là “trong cuộc đời binh nghiệp của mình, tướng Minh cũng thường phải làm những bản tổng kết tương tự, và lúc ông có chánh quyền trong tay, các tổng bộ trưởng dân sự của ông không thể làm gì được nếu không có ý kiến của Hội Đồng Quản Nhân Cách Mạng gồm toàn là tướng lãnh. Hơn nữa bọn Việt Cộng mỗi ngày cũng đều có thông báo nêu lên con số hàng trăm binh sĩ và những viên chức Chánh Phủ bị họ giết...” thì ông Tôn thất Thiện cương quyết ngăn tôi lại ngay và nói:

- “Chỉ có những người ngu xuẩn mới không chịu thay đổi quan điểm hoặc không có khả năng rút tĩa những bài học từ những sự thất bại của họ. Tướng Minh đã từng bị thất sủng và lưu đày, nên có thì giờ suy gẫm. Bây giờ thì ông đã biết rõ là không phải chỉ tăng thêm các sư đoàn, không phải chỉ khóa mồm báo chí, hay tăng quân số cho cảnh sát là có thể cai trị đất nước được đâu. Dĩ nhiên là ông không biểu nhiều về kinh tế và chưa có một ý kiến nào chính xác về các bài toán quốc tế. Nhưng đã có chúng tôi ở đây để giúp đỡ và hướng dẫn cho ông. Điều quan trọng là ông ta có thể tái lập lại sự Tự Do cho nền Dân Chủ và khóa các họng súng lại.”

- Một vị cố vấn khác mà tướng Minh thường nghe theo là ông Nguyễn Ngọc Thơ, một người khôn khéo và ít đánh thép hơn. Là con của một đại điền chủ ở Miền Nam, ông là một quan chức già, khuôn mẫu, khôn ngoan, lịch lãm, luôn tươi cười. Dưới thời Pháp, ông là một “chức sắc” của giáo phái Cao Đài, và bí thư của vị toàn quyền Đô đốc Decoux, kể đó là cộng sự viên của người Nhật và đã nhiều lần ở chức vụ tỉnh trưởng trước khi đi tập sự một khóa trong

bung biên với Việt Minh. Tổng Thống Diệm rất quý trọng ông nên đã đưa ông đi nhận chức đại sứ đầu tiên của Việt Nam ở Nhật Bản, sau đó lại gọi ông về giao cho chức vụ Tổng trưởng Bộ Kinh Tế, và cuối cùng là Phó Tổng Thống. Sau đó nhờ hợp tác với những người đảo chánh ông Diệm ngày 1/11/63 ông lại kế nghiệp người đã bảo trợ và nâng đỡ ông trong chức vụ lãnh đạo Chánh Phủ không khó khăn gì! Qua những giai đoạn khác nhau trong cuộc đời nghiệp vụ của mình, ông Nguyễn Ngọc Thơ đã giữ được một số lớn kinh nghiệm cho những chuyện công cộng, một hệ thống tin tức rất tốt, một sự ủng hộ đặc lực của các hội viên hội Tam Điểm và những người tư bản ở Paris, một vài bạn bè còn sót lại trong nhóm lãnh đạo cộng sản, những liên hệ rất tốt với các trung tâm dịch vụ và một vài nhóm chánh trị Nhật Bản, và những tài liệu mật được cập nhật rất cẩn thận.

Tính ông vốn người thận trọng, lại thêm dè dặt vì hoàn toàn bị lãng tai, ông ở xa thành phố trong một ngôi nhà kín đáo nhưng sang trọng, có khá nhiều người phục dịch tuy luôn mặc áo bỏ ngoài nhưng khó che dấu được súng lục đeo ở thắt lưng, ngay cả lúc mời trà. Khác hẳn với ông Tôn Thất Thiện thường thích trình bày dài dòng kiểu triết lý - sử học, với những lý luận biện chứng, ông Nguyễn Ngọc Thơ hay dùng những câu ngắn gọn nhưng đầy thuyết phục. Với một nụ cười ranh mãnh, ông nói:

- *“Từ hai năm nay người Mỹ và người Tàu đã kín đáo gặp nhau. Cách đây hai tháng họ đã công khai hóa những mối quan hệ giữa họ với nhau. Bây giờ thì họ liên lạc điện thoại với nhau hằng ngày. Rồi đây họ sẽ ăn chung với nhau một bàn. Ông Thiệu là hòn sỏi trong tô canh của họ. Dĩ nhiên là họ cần phải vứt bỏ hòn sỏi đó nếu họ muốn ăn chén súp đó một cách yên*

lành. Đối với “kế hoạch 7 điểm” của Mặt Trận đưa ra, người ta chỉ nêu lên hai chủ đề không đồng ý:

- Chuyện rút quân tức khắc của Hoa Kỳ và chuyện ra đi của ông Thiệu.

Điểm thứ nhất sẽ được giải quyết không xa. Người Mỹ ra đi, việc này không có gì phải bàn cãi nữa. Chỉ còn lại điểm thứ hai. Chương trình và đề tài tranh cử của chúng tôi được đặt trên sự văn minh hòa bình với hai lý do:

Trước hết bởi vì bắt buộc các cuộc chiến phải được chấm dứt. Người ta không thể vừa nói chuyện ích lợi với nhau mà vừa bắn nhau.

Thứ đến bởi vì chúng tôi chắc chắn rằng ông Thiệu không thể cưỡng lại nền hòa bình bao lâu nữa. Ông ta là một người chống cộng sản nhưng thiên cận còn hơn cộng sản nữa. Và chế độ của ông nói là chống cộng sản nhưng hành xử cũng máy móc giống y như họ vậy. Lực lượng quân sự, hành động tâm lý chiến, và cảnh sát có mặt khắp nơi... Tất cả kết cấu chánh trị của ông Thiệu đều đặt trọng tâm vào chiến tranh. Và chiến tranh giải thích tất cả, và chứng minh cho tất cả. Những sự hy sinh, đòi hỏi ngân khoản, sự lạm phát, các sự trấn áp, khủng bố những người đối lập... Chấm dứt được chiến tranh là tất cả kết cấu đều sụp đổ theo hết. Không có gì giản dị cho bằng!”

- Ông Lý quý Chung, trưởng nhóm trẻ, là một người có cừ chỉ lành lợi và ăn nói dễ dàng. Xuất thân từ một gia đình khá giả ở Đồng Bằng sông Cửu Long, tuổi vào khoảng trên 30, tốt nghiệp trường Quốc Gia Hành Chánh, tiền khởi ông là giáo sư sinh ngữ (Anh và Pháp), trước khi nhảy vào làng báo như một tổng biên tập viên cho nhiều tờ báo. Sau đó ông ra một tờ nhật báo cho chính mình: tờ *Tiếng Dân*. Chính trong tờ báo này ông đặt lại rõ ràng

“tấn bi kịch của những người Việt Nam đứng ngoài cuộc chiến”, bị kẹt giữa hai khối đối kháng, và từ đó ông đưa ra ý kiến thành lập “lực lượng thứ ba”. Năm 1966 ông đắc cử dân biểu, và nhanh chóng nổi tiếng qua những cuộc can thiệp gay gắt và liên tục với “chánh quyền quân sự”, đồng thời tập hợp và thành lập một nhóm 18 dân biểu đối lập rất năng nổ. Lúc nào không có mặt trong Quốc Hội thì ông thích ngồi ở phòng trà Givral ở đường Tự Do, nơi hẹn hò thích nhất của các nhà báo Mỹ mà ông tìm cách nhập bọn. Ông thường nói với tôi:

- *“Các nhà báo ngoại quốc là phương tiện duy nhất của chúng tôi để mở nắp nồi “sốt de” đầy hơi mà Tổng Thống Thiệu đã đặt trên đầu của chúng tôi cho ra bớt hơi nóng. Những câu chuyện và những tin tức mà chúng tôi trao đổi với họ thường là khởi điểm của các cuộc điều tra giúp đưa ra ánh sáng những vụ tai tiếng và những chuyện buồn lậu mà Chánh Phủ muốn ém nhẹm.”*

- Cựu dân biểu Ngô công Đức, 39 tuổi, đẹp trai, trác táng, tính hơi ngông và rồm, là một nhà doanh nghiệp và anh có một chỗ đứng riêng biệt trong sinh hoạt chánh trị ở Miền Nam. Anh là cháu của Đức Cha Bình Giám Mục ở địa phận Sài Gòn, cha anh là một người công giáo bị Việt Cộng hành quyết vào thập niên 50 ở vùng Trà Vinh, một tỉnh cũ của Cam Bốt bên bờ sông Cửu Long. Anh có tài hái ra tiền nhưng cũng xài tiền ra như nước. Anh đã tuần tự là chủ báo, thầu khoán, và cả bốc rở hàng có giao kèo cho người Mỹ, đắc cử dân biểu năm 1967. Sau khi thất cử năm 1971, thỉnh thoảng anh trở thành người của thời cuộc khi anh sang Paris (Pháp) và trình bày kế hoạch “hòa bình” của anh:

- *“Việt Nam Hóa” là độc tài cộng (+) với chiến tranh”.*

Từ đó giới quân sự đã liệt anh vào loại “bồi bút” của cộng sản, và anh đã trở thành kẻ thù của chế độ ông Thiệu. Tờ *Tin Sáng* của anh nhiều lần bị tịch thu, nhà của anh bị cho nổ bom và xe của anh bị đốt. Anh viết nhiều bài theo nhu cầu của báo chí Mỹ và Pháp. Bị cảnh sát quấy rầy quá mức, anh đành phải chạy sang Pháp tỵ nạn, trong lúc tờ *Tin Sáng* của anh vẫn tiếp tục đánh phá không ngừng chống sự độc tài của ông Thiệu. Từ Paris nơi anh đã tăng thêm sự liên lạc với các phái đoàn của cộng sản Bắc Việt, của Mặt Trận, và của nhóm trung lập, anh đã gởi về những bản tường trình dài nhằm phân tích tình hình giúp tướng Minh. Những người chống đối anh thường biết về anh rất rõ, nên rất ngạc nhiên khi thấy anh viết trên diễn đàn của tờ *Le Monde* những bài rất đặc sắc với một cú pháp quá điêu luyện, trong khi bản thân anh thường nói tiếng Pháp gần như không có quy tắc nào hết. Sự thật là khi nói chuyện với anh ta nhiều lần, tôi nhận thấy trình độ học vấn của anh chỉ ở cấp tiểu học mà thôi. Trong vấn đề chánh trị, kinh nghiệm cho thấy là thường chỉ cần có gan, vài ý kiến hay... và một ít tiền. Sau đó những cây viết hay sẽ tìm đến không khó lắm... (sau đó anh phát động phong trào “phản chiến” mạnh mẽ ngay bên Mỹ và Pháp tiếp tay cho kế hoạch xâm chiếm Miền Nam Việt Nam của cộng sản Bắc Việt).

Cuộc tranh cử năm 1971 khởi đầu bằng dục vọng và sự náo nhiệt. Hai bên hiện diện đối chọi nhau mãnh liệt. Không khí căng thẳng lại tăng thêm gấp bội khi một ứng cử viên thứ ba nhảy vào cuộc: tướng sáng giá Nguyễn Cao Kỳ. Có nhiều phòng trà bị đánh bằng chất nổ, 15 chiếc xe Mỹ bị đốt chỉ trong vòng 10 ngày, Hòa thượng Thích Thiện Hoa kêu gọi “một triệu đoàn viên” thuộc phong trào Phật Giáo đấu tranh của Ấn Quang hãy đoàn kết lại,

hàng ngàn thương phế binh đội nón lá vẽ đủ mọi khẩu hiệu chống Mỹ tập trung trước tòa đại sứ Hoa Kỳ, thượng nghị sĩ Mc Govern, người chủ trương “hòa bình” tình cờ ghé ngang Sài Gòn bị vây trong một nhà thờ và bị một đám đông giáo dân chống cộng hăm dọa treo cổ; sinh viên và cảnh sát đụng nhau, bom xăng chống lựu đạn cay, Nhà kiếng, trụ sở của Tổng Liên Đoàn Lao động, thân Chánh Phủ bị các cựu chiến binh đốt phá và tấn công bằng cốt mìn... Chánh trị Việt Nam đang xuống đường!

Một nhóm đại tá trẻ thân Tổng Thống Thiệu đổ hết trách nhiệm cho đối lập và đặc biệt là tướng Dương Văn Minh. Một vị trong nhóm nói với tôi:

- *“Ông Minh Dương bình dân thật vì ông không có làm gì hết. Ông là một người tốt, không ai nghi ngờ điều đó, nhưng trong quân đội ông không đại diện cho ai cả. Khi ông sang Thái Lan năm 1964, cuộc chiến thật sự chưa bắt đầu. Trong suốt bảy năm liền, ông chỉ chơi quần vợt và trồng hoa lan. Trong lúc đó thì ở đây chúng tôi phải chiến đấu và chiến đấu rất khốc liệt. Một thể hệ chỉ huy khác trẻ hơn và tân tiến hơn đã thành hình nhờ được trui rèn trong lửa đạn, trong chiến đấu. Đối với các sĩ quan đó, lịch sử cũ coi như không còn nữa!*

“Còn Tôn Thất Thiện thì lại khác. Ông ta là một người thông minh thật nhưng có quá nhiều tham vọng và bất mãn vì thấy không ai biết đến tài năng của ông. Thật là một người đối lập cố chấp... Đối với ông ta tướng Minh chỉ là một cái đầu để cho ông quảng cáo thôi không hơn không kém! Cái mà ông Thiện nhắm vào trên hết chỉ là cái ghế Thủ Tướng. Lúc nào cũng thấy ông nói đến dân chúng, nhưng ông có biết dân chúng là ai không đã? Ông xuất thân từ một gia đình hoàng tộc, triều thần

và chuyên chạy áp phe. Chân ông không bao giờ lấm, tay ông không bao giờ dính bùn. Ông cũng không bao giờ ở trong quân đội. Những người trí thức Việt Nam cỡ ông đó hay học lực còn cao hơn ông gấp bội ắt nói vanh vách còn có cả ngàn người, ở Mỹ cũng như ở Pháp... Hàng chục ông trong số này họp nhau lại âm mưu chuyện này chuyện nọ, nghĩ rằng chỉ có mình mới có một công thức duy nhất khả dĩ mang lại "hòa bình". Các ông đó không đồng ý nhau chuyện gì hết, trừ một chuyện, đó là "nhu cầu thay đổi chế độ", dĩ nhiên với điều kiện là họ phải có được ghế Tổng bộ trưởng nào đó trong thành phần mới của Chính Phủ. Nhưng chúng tôi không muốn như vậy.

"Họ là những người chưa từng biết sống chết như chúng tôi. Họ chưa từng bao giờ chia sẻ nỗi đau khổ của chúng tôi. Họ chưa bao giờ biết trả giá bằng máu như chúng tôi.

"Dân chúng không bận tâm đến những lý thuyết đồ sộ của những người huênh hoang nói với họ từ trên cao và từ ngoài xa. Dân chúng chỉ muốn được bảo vệ, muốn được vĩnh viễn thoát khỏi vòng khủng bố và hỗn loạn như địa ngục. Chúng tôi đã đem lại cho họ sự an ninh, sự tự do lưu thông, và họ được gặt lúa một cách thực tế. Họ sẽ theo chúng tôi.

"Các nhóm chánh trị gia trường giả đó của Sài Gòn vẫn biết rằng họ không tác động được đất nước. Nhóm Phật Giáo đấu tranh của chùa Ấn Quang làm gì có "hàng triệu tín đồ" sau lưng họ? Khoảng 30 ngàn là cùng, và phần đông các sư sãi đang rất bận rộn trong công tác quyền góp tiền bạc hay đang đầu cơ trong việc mua bán đất đai. Khi quả quyết là họ có một lực lượng chánh trị mới, không màng quyền lợi, thì hoặc họ chỉ là những người không tưởng, hoặc họ là những người chuyên

ng nghiệp không có niềm tin.

“ Nhưng rồi tất cả đều phải tin chắc điều này: Nếu quân nhân chúng tôi buông súng xuống, thì đối mặt với cộng sản họ không đáng một gram nào hết. Hoặc họ sẽ chịu khuất thân làm bù nhìn hay tôi tớ cho cộng sản, hoặc họ sẽ bị cộng sản thanh toán. Và đến ngày đó thì không còn một người phóng viên báo ngoại quốc nào để đăng giùm những lời kêu ca hay chỉ trích cho họ!”

Chuyện tranh cử Tổng Thống giữa hai ông Thiệu và Minh cuối cùng không có nữa. Ngày 23 tháng 10 năm 1973, một tháng rưỡi sau đợt vận động rất ồn ào sôi động, tướng Minh cho là “cuộc bầu bán sắp tới chỉ là một trò hề” nên thỉnh linh rút tên ra khỏi danh sách ứng cử. Ngay sau đó tướng Kỳ cũng rút tên không ứng cử nữa. Ông Thiệu đương nhiên không còn ai là đối thủ nữa và trở thành “độc diễn”. Cuộc bầu cử Tổng Thống bị phá hoại ngầm nên đương nhiên trở thành một cuộc biểu quyết thông qua của dân chúng mà thôi.

Sự rút lui của tướng Minh làm cho mọi người đều ngạc nhiên, bè bạn, thân hữu, và kể cả đối thủ. Ai cũng đồng ý là tướng Minh có một quyết định quá hơi hợt. Những nhóm sinh viên từng ủng hộ hành động của người lãnh đạo Miền Nam đều giận dữ vì quá thất vọng. Một trong những trưởng nhóm, anh Ngọc, 26 tuổi, sinh viên năm thứ năm ngành Y, chưa hết giận:

- “Chúng tôi đã vận động mấy tháng nay cho cuộc bầu cử này, chúng tôi đã bỏ cả học hành, suốt đêm đi gõ cửa từng nhà, đã in truyền đơn vận động, lo soạn từng tấm biểu ngữ, tổ chức các buổi họp... Chúng tôi đã bị canh sát đánh đập. nhiều em đã bị bắt. Tất cả công việc làm của chúng tôi đều nhắm vào

ông Minh Dương, Ông ta đã cam kết đi cho đến cùng và thỉnh linh, không báo trước gì cả, ngay trong lúc cuộc vận động đang thực sự bắt đầu thì ông lại buông bỏ chúng tôi”.

Thượng nghị sĩ Đông, một Phật Tử ôn hòa, cử nhân khoa học còn nghiêm khắc hơn, rất chậm rãi nhưng dẫn đo, ông nói:

- *“Tôi không thích Tổng Thống Thiệu và phương pháp làm việc của ông ta. Nhưng tôi từ chối không ủng hộ tướng Minh. Về phương diện sức khỏe ông to con mạnh khỏe thật đấy nhưng hoàn toàn kém thông minh trên phương diện chánh trị. Nhìn bề ngoài thì thấy ông có vẻ ung dung và bình tĩnh đầu gối lại có những phản ứng mạnh không chín chắn như vậy. Ông ta vừa mới chứng minh điều đó hôm nay đây”.*

Ông Võ Văn Hải, cựu chánh văn phòng của ông Diệm, vừa mới chạy theo tướng Minh mấy tháng nay đã xác nhận:

- *“Tướng Minh là một người can đảm và trung trực, có đầy đủ lương tri. Chúng tôi là bằng hữu và bạn tranh đấu của ông, chúng tôi là những người đầu tiên lấy làm tiếc về sự rút lui của ông ta. Chung quanh ông toàn là những nhân vật hàng đầu ở Việt Nam này, ông lại được tài trợ rất mạnh và hy vọng có thể tập trung tất cả các lực lượng đối lập để thành lập một đảng chánh trị lớn. Tôi đoán chắc là qua sự rút lui này ông đã mất hết cơ may. Trong vòng bốn năm nữa chắc chắn sẽ là quá muộn. Nhưng ông rất chán vì những áp lực của Tổng Thống Thiệu đối với người của ông, đối với báo chí, đối với hành chánh cũng như đối với quân đội. Và dù sao chúng tôi cũng không thể nói hết được những lý do thật sự thâm kín của sự rút lui này. Ông Thiệu có vô số phương tiện để cho ông được thắng cử. Ông có biết là ở Việt Nam có một câu tục ngữ này không?*

*“Vai mang túi bạc kè kè
Nói bậy nói bạ người nghe thiếu gì”.*

Những “lý do thâm kín” mà ông Hải vừa nói đó quả nhiên đã có một vai trò không nhỏ trong quyết định bỏ cuộc của tướng Minh. Vừa mở màn chiến dịch tranh cử, người Mỹ lo lắng muốn cho cuộc tranh cử Tổng Thống phải có một vẻ dân chủ nên đã tiếp xúc với tướng Minh. Đại sứ Bunker theo người ta nói đã mong muốn có một cuộc tranh cử tay đôi giữa hai ứng cử viên nên đã tài trợ cho tướng Minh để ông này có phương tiện vận động tranh cử. Việc này được thực hiện vài ngày sau đó bằng một tín dụng thư 200 triệu đồng gởi vào chương mục được mở ra cho ông ở Đông Kinh Ngân Hàng (qua trung gian của một kỹ nghệ gia Nhật Bản). Ông Minh đã lãnh ra 100 triệu trước để cho các chi phí đầu tiên. Tòa Đại sứ Hoa Kỳ ước tính là tướng Minh sẽ được một tỷ lệ vào khoản 30 đến 40 phần trăm trong tổng số phiếu bầu. Như vậy là đã quá đẹp và quá tốt cho cuộc bầu cử rồi. Ông Thiệu sẽ được đắc cử không có gì khó khăn lắm và tướng Minh sẽ có một tâm vóc chánh trị khả quan hơn để giúp ông lãnh đạo một đối lập vững chắc. Tuy nhiên trong những ngày đầu của tháng 10 năm đó, một chỉ thị mật của Hà Nội (văn phòng trung ương trong Bộ Tham mưu cộng sản phối hợp đấu tranh chánh trị và quân sự ở Miền Nam Việt Nam,) do cơ quan kiểm thính của Mỹ giải mã được, ra lệnh cho “tất cả cán bộ đảng viên thuộc mọi cơ cấu của Việt Cộng ở Miền Nam phải dồn phiếu cho tướng Minh.” Tỷ lệ số phiếu bầu do Việt Cộng kiểm soát được ước tính khoảng 15 % của tổng số, như vậy kết quả bầu cử sẽ có thể bị hiện tượng “ngựa về ngược”, phần thắng có thể ngã về tướng Minh thì Sài Gòn sẽ có nguy cơ có một Chánh Phủ trung lập, Chánh Phủ này sẽ đặt lại vấn đề “sự có mặt của quân đội Mỹ ở Việt Nam”. Do đó

ông Bunker báo động ngay cho Hoa Thạnh Đốn. Ở đây sau khi tham khảo lại với ông qua điện thoại đã quyết định bớt phương tiện tài trợ cho tướng Minh. Và khi ông Minh đến Ngân Hàng Đông Kinh để rút tiền thêm lần thứ hai, thì ngân hàng từ chối và người ta đã trả lời cho ông là chương mục đã được kết toán.

Ngày thứ năm 19 tháng 10 vào buổi sáng vài giờ trước khi ông tiếp xúc với ông Bunker, lúc ông này vừa từ Hoa Thạnh Đốn trở về thì tướng Minh lại bị một đòn đau nữa: một thông cáo từ chùa Ấn Quang đã báo cho ông biết là sau ba giờ thảo luận, tất cả bảy vị sư đại diện cho phong trào Phật Giáo Cải Cách (Phật Giáo đấu tranh mà tướng Minh nghĩ rằng sẽ hoàn toàn đứng sau lưng mình), đã quyết định chấm dứt sự ủng hộ ủng cử viên Dương Văn Minh (với 6 phiếu thuận 1 phiếu chống của thượng tọa Thích Thiện Minh). Trong văn thư thông báo quyết định này cho tướng Minh, các Sư đồng thời cũng cho ông biết những lý do đưa đến quyết định chấm dứt sự ủng hộ này như sau:

“Phong trào tranh đấu của Ấn Quang đã bỏ ra bốn năm để tái lập lại đội ngũ cán bộ, vì tổ chức và các phương tiện của họ đã bị đập tan trong thời kỳ tranh đấu chống Chánh Phủ năm 1966. Chúng tôi xét thấy tướng Minh không có một cơ may nào được đắc cử và chúng tôi không muốn bị lôi cuốn vào những hành động cực đoan quá khích nữa để chúng tôi bị đặt ra ngoài vòng pháp luật và phải hứng chịu những đòn trả thù nặng nề của chánh quyền lúc đó. Phong trào khước từ không vận dụng bộ máy vận động của mình, để dồn hết phương tiện và ngân khoản vào cuộc bầu cử dân biểu Quốc Hội, ở đó Phong Trào mới mong thành lập được một khối đối lập quan trọng như đã có ở Thượng Viện, khả dĩ có thể cân bằng với hành động của chánh quyền trong khuôn khổ hợp hiến.”

Như vậy lực lượng chánh trị trong khối cử tri ở Miền Nam Việt Nam được chia ra như sau: Quân Đội, Công chức hành chánh, những Phật Tử ôn hòa, những Phật Tử đấu tranh của Ấn Quang, những người di cư từ Miền Bắc 1954, những người công giáo, Mặt Trận Giải Phóng và thân hữu của họ, và các Giáo Phái.

Quân đội thì đã là một khối sau lưng Tổng Thống Thiệu, và Hành chánh thì dĩ nhiên phải tuân theo ông rồi.

Các Phật Tử ôn hòa vẫn có mối giao hảo tốt với Chánh Phủ và lúc nào cũng đứng ngoài mọi tranh chấp chánh trị.

Những người Bắc di cư thì ủng hộ tướng Kỳ. Còn phần lớn giáo dân ở Miền Nam từ sau cuộc đảo chánh 1963 và cái chết của Tổng Thống Diệm thì chống hẳn tướng Minh.

Giáo phái “Hòa Hảo” rất đông và rất mạnh ở các tỉnh giàu có của Miền Tây thuộc vùng Đồng Bằng sông Cửu Long thì không bao giờ quên các cuộc hành quân giết người của tướng Minh đối với họ vào những năm 1955 và 1956 trong “chiến dịch diệt giáo phái”.

Phong trào Phật Giáo Ấn Quang, rất mạnh ở miền Trung và ở nhiều thành phố lớn trong nước đương nhiên là một lực lượng tôn giáo và chánh trị có tổ chức, một lực lượng duy nhất mà tướng Minh có thể dựa vào.

Sự rút lui bất thành linh và không ai chờ đợi, đã giảm xuống đến con số không tất cả mọi hy vọng của ông ta, làm cho ông không có một con đường nào khác ngoài một kết quả bầu cử tệ hại nhờ vào phiếu bầu của cộng sản. Không còn đủ phương tiện tài chánh (ông không muốn phiêu lưu với tiền riêng của mình và lại cũng không đủ), lại bị một vố đau của người Mỹ, và bị những đồng minh tốt nhất bỏ rơi, tướng Minh đành phải chọn con đường bỏ cuộc “rút lui” mà thôi.

Ngày 3 tháng 11 năm 1971, Tổng Thống Thiệu không có đối thủ, đắc cử với 94 % số phiếu bầu. Tướng Minh cho ra một thông cáo theo đó ông tuyên bố: “Không hợp tác với một chế độ đã mất hết danh dự và tất cả phẩm cách.”

Thế là lần đó coi như tướng Minh đã mất tất cả. Dù sao thì ông cũng bắt đầu đi qua sa mạc một lần thứ hai nữa. Hầu hết các người ủng hộ ông - ngoại trừ một vài bạn thật thân thiết - không biết được những lý do thật sự và thâm kín khiến ông phải rút lui... đã tránh xa ông. Ông nói đi nói lại với những người thân: “Chánh trị là cả một con ác mộng!”

Ông lại đọc sách trở lại. Nhân vật De Gaulle làm ông bị quyến rũ. Theo gương ông này tướng Minh gần như tự đặt mình ngoài vòng của chế độ Cộng Hòa. Ông sống như vậy suốt trên ba năm, giới hạn trong các tổ cáo hành động của chế độ với những ngôn từ gay gắt, kêu gọi một sự tái lập một nền dân chủ thật sự và sự thi hành nghiêm chỉnh Hiệp Định Ba Lê. Các nhóm khác nhau thuộc lực lượng thứ ba lại bắt đầu dựa vào ông trở lại. Ông cũng thường tiếp vị cố vấn chánh trị của tòa đại sứ Pháp, ông Brochand, một người dân miền Nam nước Pháp, lanh lợi nhưng ranh mãnh, rất khôn khéo trong việc dựng lên những tổ hợp chánh trị, là người của ông Froment-Meurisse, Giám đốc Á Châu Sự Vụ ở Quai D'Orsay (Phủ Thủ tướng Pháp) Ông Brochand đã tin chắc chiến thắng tất yếu của Miền Bắc từ nhiều năm rồi. Những sự giao thiệp của ông ta với tướng Minh kèm theo với một đại diện của tòa đại sứ Pháp đã làm cho người Việt Nam lầm tưởng rằng tướng Minh được Ba Lê ủng hộ sẽ là một ứng viên được CPLTCHMN chấp nhận.

Chỉ mới cách đây vài tháng thôi, các thành viên của phái đoàn điều tra thuộc Quốc Hội Hoa Kỳ đã có tiếp xúc rất lâu với ông Minh

và động viên ông ta nên hoạt động chánh trị trở lại. Ông cũng chỉ nghe vậy thôi.

Người cố vấn lão thành của ông là ông Nguyễn Ngọc Thơ đã qua đời rồi vì bệnh ung thư. Còn ông giáo sư chánh trị của ông Minh, là ông Tôn Thất Thiện lỗi lạc kia, sau khi bắt được ngọn gió từ tòa đại sứ Anh và xét thấy chiến thắng của Bắc Việt đã gần kề và không sao tránh khỏi... nên ông ta thu xếp và vọt đi êm trên một chiếc phi cơ của Hội Hồng Thập Tự.

Riêng về phía các tướng lãnh bạn của ông Minh thì luôn luôn lúc nào cũng nghi ngờ đối với cộng sản Bắc Việt, nên đã khuyên ông ta nên cẩn thận.

Chỉ riêng có nghị sĩ năng động Vũ Văn Mẫu, người hay tiếp xúc với ông rất thường, và nhóm “tranh đấu trẻ” của Lý Quý Chung đã thúc hối ông hãy nắm lấy chánh quyền và “đưa ra những điều kiện”.

Trên thực tế, tướng Minh không phải là một nhà chánh trị. Lúc nào ông cũng chỉ mong muốn là một người hòa giải và chỉ muốn đóng vai trò hoà giải! Và hiển nhiên từ lúc ông thất bại năm 1971, ông có thể sẽ có một vai trò nào đó khi nào Miền Nam Việt Nam đứng trước một thảm họa. Quả nhiên, bây giờ chính là lúc chuyện đó đang xảy ra.

Đồng ý nhận thấy là tai họa mà Tổng Thống Thiệu phải gánh một phần lớn trách nhiệm, bạn bè của tướng Minh và một phần của các đối thủ của ông muốn ông phải cứu lấy những gì còn có thể cứu được. Sau nhiều ngày mặc cả gay go và đôi khi cứng rắn với ông Tổng Thống Hương già nua, cuối cùng tướng Minh cũng đã nhận được đầy đủ quyền hành. Chánh Phủ của ông đã được thành lập. Trong vài giờ sắp tới đây, ông Minh sẽ vào chiếm lĩnh

Dinh Độc Lập. Bạn bè thân hữu của ông vui mừng hôn hờ. Sau nhiều năm bị lưu đày, ở thế đối lập và bị hắt hủi, cuối cùng tướng Minh cũng lại trở lại là vị nguyên thủ quốc gia... và những người đã thúc đẩy và đưa ông ta lên như một món hàng rồi đây sẽ có thể được ngồi vào các ghế dựa nhung đỏ... Nhưng liệu sẽ được bao lâu đây?

Chương 22

MỘT BUỔI LỄ TRAO QUYỀN ĐẦY SÓNG GIÓ

“Bớt âu lo và hy vọng”, đó là đầu đề được báo *Saigon Post* cho chạy tít lớn trên trang nhứt. Trưa nay, Tổng Thống Trần Văn Hương sẽ trao quyền cho tướng Dương Văn Minh. Các chuyên viên thảo luận với nhau về thành phần của tân Chánh Phủ. Họ đưa ra tiểu sử của ba hay bốn nhân vật nổi tiếng nhất để cùng nhau phân tích rất là khoa học.

- Luật sư Nguyễn Văn Huyền, vị Phó Tổng Thống vừa mới được bổ nhiệm sẽ mang đến cho tướng Minh một sự kết hợp của khối giáo dân ở Miền Nam.

- Ông Vũ Văn Mẫu, như ông đã từng nói với tôi gần ba tuần lễ nay, hôm nay là Thủ Tướng. Ông ta sẽ đòi hỏi sự ra đi tức khắc của người Mỹ như ông đã từng xác nhận với tôi chẳng?

- Lý quý Chung, thủ lãnh của nhóm “tranh đấu trẻ” sẽ là Tổng trưởng Thông Tin.

Giao quyền cho tướng Minh, Tổng Thống mãn nhiệm Trần Văn Hương và các dân biểu, nghị sĩ trong lưỡng viện Quốc Hội hy vọng sẽ đạt được trước nhất là một sự ngưng bắn. Sau khi tránh khỏi sự

giao tranh rồi, thì sẽ tiến tới những cuộc thương thảo để đi đến một thành phần Chánh Phủ “trung lập” gồm có CPLTCHMN, lực lượng thứ ba và một vài thành phần của chế độ Sài Gòn Sự phối hợp quá hấp dẫn này không cần phải xem xét gì nữa. Chế độ VNCH đứng vững là nhờ vào quân đội và viện trợ Mỹ. Nhưng QLVNCH tự nó đã tan rã rồi, và viện trợ Mỹ cũng không còn nữa.

- Cái gọi là “Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam” (CPLTCHMN) thì đang ở trong một cái thế chánh trị quá mập mờ. Họ khẳng định họ là một Chánh Phủ, tự cho mình là “đại diện chính thức cho lực lượng cách mạng” của người dân Miền Nam trong “Mặt Trận Quốc Gia Giải Phóng” nhưng trên thực tế họ chỉ là một tấm “bình phong” giúp Hà Nội che dấu những âm mưu bành trướng mà họ đang theo đuổi. Được thành lập từ năm 1960, qua Nghị Quyết của Chánh Trị Bộ Hà Nội, “Mặt Trận Quốc Gia Giải Phóng” với những du kích quân mặc quần áo đen và chiến đấu bằng những khẩu súng cũ kỹ, nhưng sau bộ mặt tả tơi thơ mộng đó là cả một thực tế kinh hồn: sự hiện diện của một quân đội chánh quy hùng mạnh với những sư đoàn thiện chiến, hoàn toàn cơ giới hóa và được trang bị chiến cụ tấn công hết sức tối tân của Miền Bắc. Hà Nội không muốn thấy MTGPQG (nguyên tác tiếng Pháp: FLN: Front de la Libération National) sẽ trở thành một thực thể chánh trị có thể có yêu sách được dự phần trong chiến thắng quân sự của mình; hoặc có thể nhân danh cá biệt địa phương để chống đối một sự thống nhất nước Việt Nam. Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân, 1968, có thể đã vĩnh viễn loại trừ nguy cơ này. Được xử dụng như những người dẫn đường và tiền sát viên trong những cuộc tấn công vào các đô thị, các du kích quân và các cán bộ chánh trị gốc Miền Nam đã bị diệt gần hết. Cái gọi là CPLTCHMN (nguyên

tác ở đây tác giả dùng danh xưng tiếng Mỹ, GRP: Government of Republic Popular. Tiếng Việt, họ tự xưng là Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam) được thành hình năm 1969, trùng hợp với những vận động đầu tiên của Hoa Thanh Đồn và Hà Nội để giải quyết vấn đề “cái bàn vuông 4 cạnh” để thương thuyết. Bắc Việt dự kiến nhu cầu phải có hai thành phần đại biểu để cân bằng với con số của Hoa Kỳ và VNCH.

CPLTCHMN, gồm có một số người gốc Miền Nam Việt Nam để quảng cáo, không có lực lượng quân sự mà cũng không có cả phương tiện quân sự. Lực lượng duy nhất thúc đẩy cái Chính Phủ này tiến tới chính là quân đội chánh quy Bắc Việt, dĩ nhiên dưới quyền điều động và chỉ thị của Quân Ủy Trung Ương của Hà Nội.

- “Lực Lượng thứ Ba”, mà Chính Phủ Pháp tưởng rằng họ sẽ phải có một nhiệm vụ quan trọng trong vấn đề hòa giải giữa hai Bên thù địch nhau (bên cộng sản và bên chống cộng sản), thì nó không có một thực trạng chánh trị nào cả. Lực lượng thứ ba thực tế chưa bao giờ có một tinh thần tập thể của số đông nhân vật, đến từ khắp nơi khác biệt nhau, chia rẽ nhau vì những sự cạnh tranh sâu xa giữa họ. Những người chống đối ông Thiệu cũng như chống đối cộng sản lại hoàn toàn không có khả năng thỏa thuận với nhau về một chương trình hành động chung. Trước hết phải ghi nhận là những người thuộc lực lượng thứ ba ở Miền Nam Việt Nam khó có thể mang nhãn hiệu “trung lập” được. Trong vài tuần lễ trở lại đây, hầu như họ không hề có một quan hệ nào với các nhóm trung lập khác được thành lập ở Ba Lê.

Một trong những nhóm kỳ cựu và đáng tin cậy nhất là “Ủy Ban tranh đấu cho một Miền Nam Hòa Bình và Tiến Bộ” mà Chủ Tịch là ông Trần Văn Hữu, cựu Thủ Tướng Việt Nam từ 1950 đến 1953.

Hai nhóm khác nhỏ hơn, nhưng rất thân cận với những tổ chức đấu tranh do Tòa Đại sứ Hà Nội và đại diện của CPCMLTMN dựng lên, đã tỏ ra rất tích cực từ năm 1973: Đó là “lực lượng tự do cho VN”, do đại tá Trần Đình Lan, cựu trưởng Phòng Nhì thời Pháp thúc đẩy, và “lực lượng đấu tranh cho Dân Chủ và Hòa Bình” của các ông cựu Tổng Trưởng Nguyễn Hữu Châu và Hồ Thông Minh. Sự hợp tác giữa các nhóm này trên thực tế chỉ giới hạn trong việc ký tên vào một vài bản “thông cáo chung” mỗi năm mà thôi. Tại Sài Gòn, từ lâu rồi người ta có cảm tưởng là “Lực lượng thứ ba” chạy theo nhóm tranh đấu của chùa Ấn Quang, một thành trì đối lập cực đoan với ông Thiệu. Nhưng chùa Ấn Quang cũng thường chia ra nhiều nhóm nhỏ. Cũng vì thế mà vào khoảng tháng 9 năm rồi, khi nghị sĩ Vũ Văn Mẫu thành lập “lực lượng hòa giải quốc gia” thì chỉ có một khuynh hướng thiểu số của hòa thượng Thích Trí Quang, người cầm đầu nhóm Phật Tử chống Tổng Thống Ngô đình Diệm năm 1963, là ủng hộ phong trào này. Cũng phải nhận định rõ thêm là về phía bà Ngô bá Thành, Chủ tịch “Phong Trào Phụ Nữ Việt Nam đòi Quyền Sống”, bà cũng chỉ có thể huy động được một số quân chúng rất là hạn chế mà thôi. Do vậy, không thể chối cãi được là mặc dầu đã lập đi lập lại nhiều lần vị trí của mình, “lực lượng thứ ba” cũng thiếu hẳn một sự kết hợp. Vào thời kỳ 1963, Tổng Thống Thiệu đã có lần đã nói rất đúng: “Chỉ có hai lực lượng, lực lượng của chúng ta và lực lượng của cộng sản”.

Hai năm sau đó, chỉ vài ngày nay thôi, lực lượng thứ nhất của ông Thiệu tan dần tháng này sang tháng khác và hầu như sắp sụp đổ. Lực lượng thứ hai là lực lượng của cộng sản sắp sửa là lực lượng chiến thắng. Sài Gòn và chánh quyền đang ở trong tầm tay của họ. Những bản thông cáo hay những lời tuyên bố của một vài nhân sĩ

trí thức dù có thiện chí mà không có binh sĩ và vũ khí, thì cũng không thay đổi được gì đối với diễn tiến của tình hình. Người dân Sài Gòn trước một thực tế bi thảm, chẳng còn biết phải làm gì hơn với những sự phân tách mà họ thấy là quá tầm phơ và quá trẻ. Họ chỉ tự hỏi có một câu: Cộng sản sẽ tiến chiếm thủ đô bằng vũ lực hay họ đợi thủ đô tự đầu hàng cho đúng hình thức? Họ hy vọng mà vẫn không tin tưởng lắm là “một sự ngưng bắn có thể xảy ra trong tuần”. Nhưng những cuộc chiến đấu khốc liệt vẫn còn đang xảy ra về hướng Đông của Sài Gòn, và thành phố Sài Gòn không bao lâu nữa sẽ có nguy cơ hứng chịu sự pháo kích của loại pháo nặng 130 ly Bắc Việt. Đã có một loạt đụng độ rất nặng ở thị trấn Long Thành (chỉ cách Sài Gòn có hơn 32 cây số) ngay nơi mà trường Kỳ Binh Thiết Giáp đang đóng ở đó. Các chiến xa đang trực xạ với nhau với cự ly thật gần. Cách đó 20 cây số về hướng Bắc, trên con lộ Xuân Lộc, điểm chốt Trảng Bom đang sắp sửa mất. Một trung đoàn Bắc Việt và các toán đặc công cộng sản được chiến xa T.54 yểm trợ đã đánh bọc vị trí phòng thủ để tiến vào Hồ Nai, nơi mà các thanh niên công giáo từ 13 đến 16 tuổi đã chống cự lại chỉ với vũ khí hư cũ và lựu đạn.

Có hai nhà báo Pháp bị kẹt vào bẫy giữa cuộc chiến đấu trên đường phố tại đó: đó là anh Christian Hoche của tờ *Figaro*, và anh Michel Laurent của hãng thông tấn Gamma, cả hai đều được xem là bị mất tích. Anh Christian vừa mới đến Việt Nam vài ngày trước đây và tôi cũng chưa bao giờ gặp mặt được. Nhưng tôi biết rõ anh Michel Laurent, một chàng trai ốm yếu, mảnh khảnh, kín đáo ít nói, có một gương mặt thanh tao với mái tóc dài uốn quăn không đúng cách làm tăng thêm vẻ yếu điệu của một “con mèo”. Nhưng đừng tưởng thế mà lầm! Trên trận địa dưới làn lửa đạn, Michel bắt

chấp nguy hiểm vẫn giữ một sự bình tĩnh lạ thường. Phóng sự đầu tiên của anh ở Việt Nam rơi đúng vào mùa hè 1972. Tuy mới bước vào nghề, nhưng anh đã được biết đến với giải thưởng Pulitzer mà anh đã nhận được ở Bengla Desh. Nhưng những anh già lão luyện cũng đang chờ hoạt động của anh rồi mới có ý kiến. Họ không thất vọng lắm! Ngày 23 tháng 7 vào lúc sáng sớm, một toán nhiếp ảnh trong đó có Michel Laurent và Raymond Thomann đến với đơn vị Dù Việt Nam đang chạm súng ở 5 cây số phía Nam thành phố Quảng Trị lúc họ đang tiến lên tái chiếm thành phố này. Pháo binh Bắc Việt tập trung hỏa lực 130 ly trên quốc lộ 1, trong khi các đoàn dân tỵ nạn đang vừa tuôn chạy vừa la hét. Raymond Thomann vẫn đứng ở nơi trống trải bình tĩnh quay cảnh này... Các quả đạn pháo đã rơi đến gần. Các nhiếp ảnh viên khác phải phân tán tìm chỗ nấp phía sau những hòn đá lớn. Một quả đạn pháo rơi thật gần, làm Raymond bị thương ngã xuống. Minh anh chảy máu, cườm tay bên trái bị cắt đứt gần nửa, đùi trái của anh bị nhiều mảnh đạn. Hai nhiếp ảnh viên Mỹ và một Úc nằm sát xuống sau những mòm đá, không nhúc nhích. Đạn bắn quá rát. Cách đó gần 10 thước, Michel Laurent đứng bật dậy, bước qua đường trống trải rất bình tĩnh, thu nhặt các máy ảnh và máy quay của Raymond, rồi xốc nách Raymond mang đến chỗ nấp. Làm công việc cứu người này xong, vẫn bình tĩnh và thoải mái anh đến tìm hai y tá Việt Nam đến săn sóc sơ khởi cho Raymond để giúp cho anh này khỏi bị mất quá nhiều máu. Sau khi biết chắc là bạn mình đã được băng bó cấp thời xong, Michel trở về phía sau, chặn xe của một nhà báo da đen thuộc thông tấn xã AP (Associates Press) vừa chạy đến, nhưng xe anh này không chịu ngừng, anh lại chặn được một xe Jeep của một trung sĩ Dù, đặt Raymond lên băng sau với tất cả dụng cụ máy móc

của anh ta và tin chắc rằng anh sẽ được tán thưởng bằng trực thăng về Đà Nẵng, Sau đó anh mới lấy lại dụng cụ thu hình của mình, bình thần đi trở lại mặt trận, để tiếp tục công tác của anh. Hai tháng sau, khi ra khỏi bệnh viện, Raymond Thomann gặp lại Michel Laurent trên quốc lộ dẫn đến An Lộc, lúc nào cũng thoải mái... ở giữa những tiếng nổ của bách kích pháo và rốc kết... Sáng hôm qua, ở Hồ Nai, cũng như anh đã ở Quảng Trị, Michel đã tự mình tiến qua vùng lửa đạn để tiếp cứu một người bạn khác đang bị thương... và anh đã bị mất tích trong đám khói lửa mù của đạn pháo. Miễn là vận may thường ngày ngạo mạn của anh đừng bỏ anh...

Những tin tức từ mặt trận đưa về không được vui lắm. Tân Uyên, một quận lỵ nhỏ cách căn cứ Không Quân Biên Hòa khoảng chục cây số đã bị pháo binh Bắc Việt biến thành một đồng tro. (2.000 quả pháo trong 3 tiếng đồng hồ). Biên Hòa đã có lệnh giới nghiêm 24 trên 24 giờ. Ở 5 cây số về hướng Đông Bắc của Sài Gòn, trực thăng đã tiêu diệt bằng rốc kết và liên thanh một đơn vị nhỏ đặc công Bắc Việt trong lúc họ đang cố phá một chiếc cầu. Cách đó khoảng 4 cây số về hướng Đông là trung tâm Thành Tuy Hạ, kho đạn dược chính của quân đội Miền Nam, không xa Cát Lái bao nhiêu, một căn cứ hải vận trên bờ sông Sài Gòn. Nếu cộng sản làm chủ được khu này thì tình hình sẽ không còn hy vọng gì cho quân đội Miền Nam Việt Nam. Có nhiều tàu chiến của giang đoàn đã cho đổ bộ lên đây ba đại đội Thủy Quân Lục Chiến để họ bám trụ ở đây. Vào lúc 9 giờ sáng, tôi đi theo xa lộ Biên Hòa. Một đoàn xe trên một chục chiếc thiết giáp bắn tạc đạn 105 ly, có thiết vận xa M113 dẫn đầu chở đầy bộ binh trên đó đang trên đường ra trận tuyến. Cảnh sát dã chiến được bố trí với súng liên thanh trong các hố dọc bên đường. Trước cầu sông Đồng Nai, cách 25 cây số về

phía Đông Bắc Sài Gòn, quân đội đã dựng lên một hàng rào cản. Phía bên kia hàng rào cản này là an ninh không được bảo đảm. Các chiến xa đến vị trí của họ. Một đại úy Việt Nam chặn xe tôi lại:

- Ông đi đâu?

- Tôi đi Long Thành. Vừa nói tôi vừa đưa thẻ báo chí của tôi ra.

Sĩ quan này lắc đầu và nói với tôi:

- “Ông có thể đi thử. Nhưng ông đến đó chắc không được đâu, hoặc tuy nhiên nếu ông đi đến đó được thì ông cũng sẽ gặp rất nhiều khó khăn để trở về. Các chiến xa đang đánh nhau trong vùng. Nhiều đơn vị của sư đoàn 18 đã rút về Bà Rịa và đã đến tiếp tay với các sĩ quan tập sự của trường Thiết Giáp vốn đang bị bao vây và đang bị T.54 bắn vào. Binh sĩ của chúng ta đi chuyển quá khó khăn vì các đoàn dân chúng đang tản cư. Pháo binh cộng sản đã bắn hàng chục tràng rốc két và đại bác 30 ly vào trại tiếp cư An Lợi, kế cận Long Thành, ở đó đang tập trung gần 100 ngàn dân tản cư. Hơn 200 người chết. Tất cả dân tỵ nạn đều bỏ chạy về hướng biển. Nhưng họ không đi xa hơn được vì con đường đi Vũng Tàu đã bị cắt đứt. Đoàn xe của Hội Hồng Thập Tự Việt Nam rời Sài Gòn từ sáng hôm qua mang theo lương thực cho những người dân khổ trong tuyệt vọng này, đã có nhiều xe bị cháy khi đi gần đến Long Thành nên họ phải thối lui trở về.

“Có hai người Pháp tự nguyện trong tổ chức “Bác Sĩ Không Biên Giới”, một hiệp hội thiện nguyện từng gọi các thầy thuốc làm việc không thù lao đi khắp nơi nào có đánh nhau trên thế giới, đến trình diện ngay rào cản. Họ có giấy thông hành và muốn cố gắng đến bệnh viện mà họ đã làm việc trong trại An Lợi mấy ngày trước. Binh sĩ xem giấy tờ và cho họ đi qua. Viên sĩ quan trả thẻ báo chí lại cho tôi và nói thêm:

- “Trái với tin đồn đài ở Sài Gòn, căn cứ Biên Hòa vẫn còn. Và các chiến xa của Chánh Phủ đã vào Hồ Nai để tiếp tay cho các chiến sĩ trẻ ở đó. Chào ông.

Đến lượt tôi bước qua rào cản. Quốc lộ gần như vắng tanh. Dân chúng đã cân nhắc kỹ nên tránh xa quốc lộ và băng đồng mà đi. Xa hơn một chút, tôi hiểu ngay tại sao. Phía bên trái cách lề đường chừng 20 thước có hai chiếc xe vận tải bị vỡ tan vì đạn pháo, đang cháy và bốc lên một mùi khét rất khó chịu của dầu lẫn thịt người. Phía bên phải, là một sườn xe nát vụn của chiếc xe ba bánh Lambretta làm tôi nổi da gà: từ thi của một đứa trẻ khoảng 10 tuổi bị treo lủng lẳng ở phía sau thùng xe, hai tay lỏng thòng, đầu bị mảnh đạn cắt đi quá nửa đến cặp mắt. Trong một góc của thùng xe phía sau còn có hai xác chết, một của người đàn bà và một của bé gái ôm nhau nằm bất động, cả ngực và mặt đều bể nát máu me vương vãi. Cách đó hai thước gần một lỗ được đào hơi cạn dựa nền đường nhựa còn một mảnh kim khí cong vẹo đánh dấu nơi viên đạn rốc kết đã nổ và gây ra một sự tàn sát bẩn thỉu mù quáng này.

Một sự yên lặng kỳ lạ bao trùm chung quanh căn cứ Long Bình cũ của người Mỹ. Các làng mạc đầy sức sống vừa mới mấy ngày trước đây đang ồn ào náo nhiệt thì nay đã tàn cư hết rồi. Các lô cốt dọc theo quốc lộ được các sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt trấn giữ. Những sinh viên sĩ quan trẻ từ 18 đến 20 tuổi đầu, sạch sẽ, gọn ghẽ và bóng láng như những chú lính trong tù kính. Trên ba lô của họ đặt dưới đất là mũ cát kết truyền thống vàng đỏ của sinh viên trường võ bị... Một anh sinh viên sĩ quan nói với tôi bằng một giọng gần như rất trịnh trọng:

- “Chúng tôi sẽ đội mũ sinh viên lên khi thấy mình phải chết!”

Trong những năm 1965 - 1972, Long Bình là một trong những

căn cứ tiếp vận lớn nhất của Hoa Kỳ ở Viễn Đông. Một doanh trại quân sự rộng mênh mông trải dài trên gần hơn 7.000 mẫu tây đất, gồm hơn 100 trại lính, những sân trượt băng, bệnh viện... tất cả đều được nối liền nhau bằng một hệ thống đường sá đẹp như xa lộ. Trên 30.000 lính Mỹ và Lữ Đoàn Không Kỳ số 1 với gần 3.000 chiếc trượt băng đã đóng quân tại đây. Một “trung tâm giải trí” gồm có một sân khấu ngoài trời (dành cho các màn biểu diễn của các cô gái tóc hồng tóc hoe của anh hề trừ danh Bop Hope), một hồ bơi lội thể vận, một nhà chơi bowl, nhiều sân quần vợt, ba sân bắn tên, những câu lạc bộ đánh bạc, các phòng đấm bóp và một nhà hàng Tàu.

Bây giờ Long Binh chỉ còn là một cảnh trí rộng lớn đầy cỏ dại với một vài gian nhà ri rết, những ụ chiến đấu bằng bao cát và trăm vạn trẻ gan dạ đang sẵn sàng chết với chiếc mũ sinh viên sĩ quan truyền thống trên đầu.

Xa xa là những tiếng pháo binh bắn đi từng quả một hòa lẫn với tiếng quay đều đều của các cánh quạt trượt băng đang bay từng đoàn hai hay ba chiếc trên không. Đi về phía trước một đôi nữa, tôi gặp một trung đội biệt động quân với mũ nâu trên đầu, quần áo đầy vết mồ hôi loang lổ, với các khẩu trung liên hay M.16 trên tay. Và tiếp theo đó là các đơn vị tiền sát của sư đoàn 18 từ Bà Rịa đến. Đơn vị chính của họ đang chạm súng chung quanh Long Thành, cố phá vỡ vòng vây của cộng sản để tiến tới bố trí sát tường Biên Hòa. Nhưng vòng vây sẽ khó mà phá nổi.

Hai cây số kế tiếp thì quốc lộ trở nên đen kịt: một làn sóng người tỵ nạn vĩ đại đang đi theo binh sĩ từng bước một, ô ạt đi sát nhau, người thì chống tó, người thì chống gậy, các bà thì gánh gồng mang trên vai đủ mọi loại vật dụng, các trẻ nhỏ 6,7 tuổi cũng em

chúng trên lưng, mấy ông già mù được các em bé gái nắm tay dắt... Quân đội đang đánh nhau hai bên đường, cách đây khoảng 3 cây số, nơi có nhiều cột khói đen dày đặc bốc lên cao. Khi đi vòng qua một con đường mòn dẫn tới một vị trí phòng thủ hơi cao do 2 chiến xa, một đại đội thuộc sư đoàn 18 trấn đóng với vài khẩu pháo 105 ly, tôi mới khám phá ra tầm rộng lớn kinh khủng của đoàn người. Trải dài khoảng ba hay bốn cây số trên đường chỉ là một giòng người nhấp nhô như một giòng sông vì đại đang chảy về Long Bình và Biên Hòa. Cả trăm ngàn con người cùng một tâm trạng hoảng hốt trong ngơ ngác, cùng có một nỗi lo sợ và một quyết tâm phải chạy trốn... đang im lặng tiến từng bước, không một tiếng nói, không một tiếng kêu la, trong một sự yên lặng hoàn toàn quá đổi kinh ngạc!

- “Tất cả đều chạy đi từ trại tiếp cư An Lợi, cộng thêm một số lớn dân Long Thành”.

Đó là nhận xét của một sĩ quan đang dùng ống dòm quan sát đoàn người di chuyển. Hai vị bác sĩ mong đến An Lợi đã hiểu rằng họ không bao giờ thấy được bệnh viện của họ nữa nên đã quay trở lại. Làm sao có đủ can đảm tìm lại được chiếc xe và đi ngược lại về phía An Lợi, xuyên qua khối người khốn khổ đi bộ này mà không thể giúp được gì để làm vơi nỗi khổ đau của họ? Viên sĩ quan mang ống dòm quay lại tôi và nói:

- “Ông có biết tại sao họ phải đi như vậy không? Họ phải đi chung từng nhóm cả gia đình với nhau vì cha mẹ lẫn con cái đều biết rằng chỉ một chút lơ đãng thôi là họ có thể bị xa rời nhau vĩnh viễn, không còn nhìn thấy nhau nữa và không bao giờ còn gặp lại nhau được nữa. Nhờ thế họ mới có một động lực kết chặt với nhau một cách thật xúc động như vậy. Để trở lại Biên Hòa, phải vạch lấy

đường đi và chạy thật chậm, cangk xe luôn dính sát với người đi bộ, mà phải luôn tỉnh táo để khỏi phải cán lên họ. Đoàn người giạt ra từ từ. Không có một hành động hay cử chỉ nào tỏ ra chống đối, tuyệt nhiên không có một lời trách móc. Tôi chỉ có một sự nóng lòng không biết làm cách nào để “bay” ra khỏi đoàn người dày đặc này...!

Đến đoạn giữa Biên Hòa và Sài Gòn giòng người tản cư tự cất ra thành nhiều đoàn để đi vào hàng chục trại tiếp cư được cấp tốc dựng lên từ nhiều ngày trước. Những người có trách nhiệm của Hội Hồng Thập Tự ở Miền Nam Việt Nam đang cố gắng bảo đảm một sự tiếp tế cũng như sự tạm trú của cả một đoàn người khổng lồ đang chạy loạn này. Nhưng họ quá đông, và những trại dựng lên trong hồi há không đủ chỗ chứa hết được. Và những người nghèo khó này phải chịu cảnh nằm vật xuống đất và không còn muốn đi đâu nữa. Một vài vị bác sĩ, các hướng đạo sinh Phật Giáo và Công Giáo phân phát cho họ đường, sữa hộp và những túi cơm nhỏ. Dù cho họ sống trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Một vị linh mục đến nói với họ là họ sẽ được đưa về tạm cư ở miền Đồng Bằng sông Cửu Long bằng xe vận tải hay xe buýt. Trên đường cũ đi Biên Hòa, thường vắng xe từ khi có xa lộ, nên dân chạy loạn cố giữ bên phải nhường đường cho xe quân sự chở đầy đạn dược. Họ cũng không ít đâu, hàng chục ngàn thường đi từng hàng dài với đủ mọi loại phương tiện. Xe bò của nông dân (có bò kéo), xe ba bánh đẩy áp đến độ sàn xe muốn đụng mặt đường, xe đạp thô chơ nặng còn hơn lừa, và đi bộ. Họ mang theo tài sản duy nhất của họ: một con gà trống nhốt trong giỏ tre, một chú heo con trong một thùng mù nhỏ, có com. Ba cô tu sĩ được đeo chung trên một chiếc mô tô đang qua mặt mọi người. Và không một ai chú ý đến một thân người

rách nát cả lưng đang lê lét dựa bên đường. Khi đám đông tràn ra đường dành cho quân xa đang đi ra tiền tuyến thì binh sĩ bắn chỉ thiên để cho họ tránh ra hai bên đường.

Trong nghĩa trang quân đội Biên Hòa, một nghĩa trang lớn nhất ở Miền Nam, hàng chục hố vừa mới được đào chung quanh một ngôi mộ còn dang dở. Trên hai chục chiếc quan tài có phủ cờ, được sắp dài gần văn phòng của nghĩa trang, mỗi chiếc đều có mang tên tuổi, ngày tháng và địa điểm hy sinh. Hầu hết các binh sĩ này đều bị tử thương mấy ngày cuối cùng gần đây ở chung quanh thành phố. Người ta đang chôn một thiếu tá Dù. Trong số vài người dân sự đang đứng chung quanh đội kèn quân sự và một tiểu đội linh mục đỏ, có một bà vợ trẻ, rất đứng đắn và rất đẹp mặc áo tang trắng, đang khóc trong lặng lẽ. Một em bé gái khoảng 10 tuổi đang ôm sát mẹ như một con chim đang sợ sệt...

Thành phố Biên Hòa vẫn còn sống động cách đây hai ngày mặc dầu phi trường bị pháo kích, giờ đây là một thành phố chết.. Phần lớn dân chúng đều đã đi khỏi đây, các cánh cửa sắt của tiệm buôn được đóng lại và khóa cẩn thận. Ở bệnh viện dân sự trên 50 người bị thương vì rốc két được mang đến sáng nay, nằm chật hết các hành lang. Chỉ có một bác sĩ giải phẫu và một bác sĩ gây mê còn làm việc. Bác sĩ trưởng đã biến mất từ lúc nào rồi... Ở căn cứ không quân, còn hàng chục chiếc phi cơ đang nằm trên sân bay. Các phi công đang ráp thêm những bình xăng phụ. Chắc là để cho đủ xăng để chạy đến Thái Lan hay bay ra Hạm Đội VII trước khi quân cộng sản đến. Mãi đến 3 giờ chiều thì tôi mới về đến Sài Gòn. Và đến 4 giờ rưỡi thì tôi quyết định đi một vòng quanh chợ Sài Gòn. Dọc theo các hành lang trong chợ những con buôn nhỏ và những chủ sạp nói chuyện như bấp rang sau khay hàng hay ngay trước sạp hàng

của họ. Có nhiều bà ngồi xổm dưới đất bày hàng ra cả trên đường đi, mời mọc đủ mọi thứ, từ những chiếc đèn bấm, các đồng hồ reo, kem cạo râu, rượu tây, thuốc lá và cả cơ phận thay thế của xe hơi... Trong các gian hàng bán vải, cũng còn một vài bà mặc áo dài màu đang chọn hàng tơ lụa và đang trả giá với mấy ông Ấn độ... Các quán rượu nhỏ và nhà hàng thì vẫn đông nghẹt khách ngồi bàn, ăn uống trước những cốc bia lạnh hay những tô phở nóng đang bốc hơi nghi ngút...

Tất cả đều chờ đợi..., họ chờ 5 giờ chiều và xì xào nho nhỏ với nhau: Lúc đó là Tổng Thống Trần Văn Hương từ chức, chuyển giao quyền hành cho tướng Dương Văn Minh và buổi lễ sẽ được trực tiếp truyền thanh và bình luận qua đài phát thanh Sài Gòn. Tôi ngồi trong một cái phòng sơn màu xanh lá cây ở tiệm cà phê Thanh Bạch, gần rạp hát. Đứng sau quầy tính tiền, người chủ tiệm đang điều chỉnh tần số và chiếc máy thu băng Akai. Đúng 17 giờ, quốc thiều VNCH được thổi lên. Khách khứa đều giữ im lặng để nghe bình luận gia giải thích:

- “Trong gian phòng tiếp tân rộng lớn của Dinh Độc Lập, trước bức hình của các vua Hùng, Tổng Thống Trần Văn Hương bước chậm chậm đến bàn vuông hình chữ nhật có khắc phù hiệu của ông: hai con rồng vàng nằm trong một vòng tròn đỏ. Ông bước lên bục và hướng về cử tọa, trên hai trăm người đại diện cho lưỡng viện Quốc Hội, một vài tướng lãnh, và một số đông nhà báo Việt Nam cũng như ngoại quốc.” Với một giọng nói khàn khàn mà ông cố gắng tự chế, vị Tổng Thống già nua cất lời:

- “Một trang sử đã được lật qua. Một trang mới sẽ được đại tướng Dương Văn Minh viết tiếp. Chúng tôi không nghĩ rằng phải đổ thêm máu và phải đánh nhau đến viên đạn cuối cùng và đến

người lính cuối cùng, thừa Đại tướng, Đây là một trọng trách rất lớn được giao phó cho ông. Chẳng những ông cần phải có thiện chí, mà cần phải có can đảm nữa! Khi từ bỏ giải pháp quân sự, chúng tôi đã chọn con đường của hòa giải, của sự hòa hợp, và cuối cùng của hòa bình”.

Cựu Tổng Thống Hương bước xuống bục. Một vị trưởng tòa bước đến gỡ phù hiệu của ông và gắn lên đó phù hiệu của đại tướng Dương văn Minh: “một bông mai”, một loại bông biểu tượng cho ngày Tết, (ngày đầu năm) dấu hiệu của một sự đổi mới. Tướng Minh, vị tân Tổng Thống của nền Cộng Hòa, đến ngôi ngay sau bàn vuông hình chữ nhật, quay sang vị Tổng Thống tiền nhiệm, cung kính cúi đầu chào và nói “Thưa Thầy!” (ông Hương đã từng là giáo sư của ông Minh ở trung học):

- “Nhận điều khiển Đất Nước trong những hoàn cảnh hiện tại, không có gì vui hết. Chánh Phủ mà tôi đã được ủy thác phải thành lập sẽ là một Chánh Phủ Hòa Giải Quốc Gia, và tôi tin chắc rằng Chánh Phủ đó sẽ có thể thương nghị trở lại với Chánh Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam. Chánh Phủ bảo đảm sẽ tôn trọng những Tự Do Dân Chủ và sẽ thả hết những người bị giữ vì lý do chánh trị dưới chế độ cũ. Thừa đồng bào thân mến, những ngày sắp tới đây sẽ rất là khó khăn. Chúng ta sẽ phải can đảm cùng nhau đương đầu...”

Tôi nhận thấy thoáng qua là giọng nói không được bình tĩnh, sự diễn đạt không chắc chắn. Ông Minh đảo lộn chữ này qua chữ khác và phải đọc lại. Ông ta chưa bao giờ là một diễn giả tốt. Quay sang binh sĩ, ông tìm lại được phần nào giọng nói của một vị chỉ huy:

- “Các anh phải giữ chặt phần đất còn lại, bảo vệ hòa bình, và giữ một tinh thần cao. Khi mà lệnh ngừng bắn được thi hành, các anh phải triệt để tôn trọng. Trong những vùng kiểm soát của mình,

các anh phải bảo vệ an ninh và tài sản của dân chúng, không được đào ngũ, không được bỏ súng và bất cứ trong mọi trường hợp, phải nghiêm chỉnh tuân hành lệnh ban ra, mọi hành động vô kỷ luật sẽ bị trừng trị ngay tức khắc.”

Ngờ lời kêu gọi phía CPLTCHMN, tướng Minh tuyên bố:

- “Các anh em ở phía bên kia, tôi thật sự muốn có một sự hòa giải, và các anh em cũng biết điều đó. Tôi muốn rằng mọi tầng lớp dân chúng phải tôn trọng quyền sống của nhau. Đó cũng là tinh thần của Hiệp Định Ba Lê. Các anh đã từng kêu gọi tôn trọng Hiệp Định này và chúng tôi cũng kêu gọi như vậy.. Do đó chúng ta phải ngồi lại với nhau chung một bàn để tìm giải pháp có ích lợi nhất cho đất nước và cho dân tộc. Để chấm dứt nhanh chóng sự nghèo nàn của dân chúng và của binh sĩ chúng ta, tôi hy vọng là các anh chấp thuận đề nghị này và những cuộc thương thuyết sẽ có thể bắt đầu ngay sau khi Chánh Phủ được thành lập.”

Buổi truyền thanh chấm dứt. Một chương trình khác được tiếp nối sau bài phát biểu của Tổng Thống. Sau lưng tôi, một ông cụ nhỏ có râu rìa tuôn ra một câu đầy mỉa mai chua chát:

- “Ông Tổng Thống của chúng ta có vẻ tốt đấy, với bông mai của ông, trong khi các chiến xa của tướng Giáp chỉ còn cách Dinh của ông có 20 cây số!”

Ông khách già có một cái nhìn quá sắc bén, không thiếu chút hài hước hay sáng suốt nào. Tổng Thống Hương không nắm quyền được quá tám ngày, và lúc các chiến xa cộng sản tương đối còn ở xa... Tôi trả tiền xong bước ra khỏi tiệm Thanh Bạch, Trời đang có quá nhiều đám mây đen...

*

* *

Trong hai tiếng đồng hồ nữa, tôi sẽ rời khỏi Sài Gòn trên chuyến bay chót của hãng “Hàng Không Trung Quốc”. Điện báo quốc tế của Bưu Điện đầy nghẹt các liên lạc điện báo chánh thức cũng như tư nhân, nên các công điện tôi gởi về nhà báo của mình quá trễ. Tôi sẽ ghé lại Bangkok 48 tiếng để dùng điện thoại trao thẳng vài bài và tôi sẽ trở lại... Thành linh một tiếng nổ vang trời làm rung rinh cả thành phố. Trong một vài giây, đám đông chung quanh tôi sững sờ kinh ngạc. Xe đang chạy đột nhiên người ta thắng gấp, ngừng lại tại chỗ. Và sau đó nhiều tiếng nổ khác mạnh hơn và ngay sau đó súng liên thanh và đại bác phòng không lên tiếng. Đám đông hoảng hốt giải tán chạy tứ tán thành nhiều nhóm nhỏ, chạy qua chạy lại khắp tứ hướng, đụng đầu nhau. Các xe bắt đầu mở máy chạy lại, và chạy nhanh. Có nhiều xe mô tô bị hất tung lên, rồi ngã xuống... Nhiều phát súng liên thanh được nghe khắp nơi. Cảnh sát và binh lính thi nhau bắn chỉ thiên. Các bà la hét, chạy đến gõ cửa bất cứ nhà nào để xin vào trong. Một số trẻ em bị lạc giữa rừng người đang chạy, đứng khóc la run rẩy. Đây là một sự hoảng loạn hoàn toàn hay đúng hơn là một sự cuồng loạn. Các tài xế bỏ xe giữa đám đông. Một tài xế xe vận tải bị một loạt súng làm vỡ kính xe, quỳnh quang nhảy vọt khỏi xe và xe không người lái cứ thế tiếp tục lăn bánh, leo lên lề, phá tan cửa của một tiệm bán đồng hồ và tuông vào phá sập luôn cửa tiệm. Các tàu chiến đậu dưới sông Sài Gòn bắn đại bác 30 ly lên trời, vào những mục tiêu vô hình. Ngay trên kinh đào, một chiếc C130 chở dân tỵ nạn bị nhiều đạn lửa bắn lên làm cho phi công phải hạ thấp cao độ để tránh đạn, bay sát kho cảng Sài Gòn suýt đụng gẫy cột buồm của mấy chiếc tàu hàng, lấy cao độ lại và bay thẳng về hướng Nam.

Các tiệm café trên đường Tự Do lật đật đóng cửa còn khách thì

nằm bẹp xuống gầm bàn. Phía trước Quốc Hội, rất bình tĩnh, một anh bạn to con, chia máy đứng quay cảnh dân chúng chạy tán loạn tìm nơi trú ẩn. Hai anh lính bắn nhiều loạt M.16 lên khắp bốn phía, ngang tầm người, làm cho một bà trúng ngay ngực ngã ngồi xuống, lưng đầy máu. Phía trên đó một đôi, trong hẻm cạnh rạp chiếu bóng Eden, có người xác nhận là có mấy tên đặc công Việt Cộng đã lợi dụng chuyện bom nổ để tấn công vào Dinh Độc Lập và Bộ Quốc Phòng. Người khác thì lại nói khác: họ nói là nhóm của tướng Nguyễn Cao Kỳ đảo chánh. Chung quanh nhà thờ Đức Bà, các pháo đội phòng không vốn có nhiệm vụ phòng thủ Dinh Độc Lập gần đó, đã xả đại bác bắn hết lên trời. Đại lộ có quá nhiều xe xích lô máy nằm chống gông ngang ngửa. Tài xế đã bỏ xe chạy hết vào nằm ở vườn cây lớn bên đường. Nhiều quân xa trên có trí súng liên thanh 50 và đại bác 20 ly cặp đôi, đến bố trí trên đường Thống Nhất và cũng bắt đầu tác xạ. Tiếng nổ inh ỏi khắp nơi nghe rộn cả người! Hơi khét của thuốc súng ngửi đến tận cổ, và các vỏ đạn đồng nóng bỏng rơi đầy đường.

Độ chừng 15 phút sau thì tự nhiên các vũ khí nặng ngưng bắn hẳn. Chỉ còn các tiếng súng cá nhân, nhưng cũng thưa dần. Trước câu lạc bộ thể thao cũ, một ông cảnh sát già rất bình thản cho tôi biết với một giọng đều đều:

- “Các phi cơ cộng sản đã dội bom Tân sơn Nhất, và nghe như đã có thiệt hại”.

Tôi chạy về đường Pasteur nhặt hết giấy tờ và hành lý du lịch của mình, xong gọi một chiếc xe tắc xi đang chạy rong, và với giá 10 ngàn đồng (coi như đắt gấp 10 lần), anh ta chấp nhận đưa tôi lên phi trường Tân sơn Nhứt. Con bão bây giờ mới bắt đầu: mưa như trút và rất nặng hạt. Chúng tôi chạy trong cơn mưa dày dạt và đường

sá gần như vắng tanh. Đến hơn 7 giờ chúng tôi mới tới trạm kiểm soát vào phi trường. Quân cảnh và cảnh sát đã chiến xem giấy tờ rất kỹ, súng vẫn cầm tay. Mười phút sau tôi mới được cho vào phi trường. Con mưa dứt hột thỉnh lnh. Vẫn có nhiều cột khói đen bay lên từ sân bay đang còn có nhiều tiếng nổ nhỏ. Tiếng còi của đội chữa lửa thuộc Không Quân vẫn còn hụ lên inh ỏi. Tất cả các phóng pháo cơ đều bay lên hết. Các quân xa chở đầy binh sĩ từ khắp nơi đang đổ vào phi trường. Tất cả cửa sổ ở phi cảng đều bị thổi tung, trên mặt đất còn vương vãi các mảnh kiến vụn. Một sĩ quan an ninh cho tôi vài tin tức chính xác: ba chiếc phản lực A.37 bị cộng sản lấy được ở miền Trung đã dội khoảng 20 quả bom 500 cân anh xuống căn cứ Không quân và đã bay rất thấp. Toán trực bị hoàn toàn bắt ngờ vì mấy chiếc A.37 này vẫn còn mang cờ VNCH và hình như đã đến đây từ căn cứ Biên Hòa. Thiệt hại cũng khá nặng: Một kho đạn lớn, 11 chiếc phi cơ (trong đó có ba chiếc F5), và bốn trực thăng bị phá hủy. Có trên 60 tử thương và mấy trăm bị thương.

Tất cả các phi vụ đều được hủy bỏ. Chánh Phủ của tướng Minh vừa cho lệnh thiết quân luật 24/24 cho đến khi có lệnh mới. Thế mà một chiếc phi cơ thuộc Hàng Không Việt Nam lại cất cánh được với hơn 100 hành khách. Dù sao tôi cũng không thể trở xuống thành phố. Tôi đi đến một hầm trú ẩn làm bằng bao cát. Trên đường đi tôi gặp nhiều toán khiêng cáng đang làm công tác tàn thương. Tôi qua đêm trong hầm trú ẩn này. Đạn rốc kết vẫn rơi vào phi trường không dứt. Cũng vẫn có những tiếng rít xé gió và những tiếng nổ đến điếc cả tai, và sau đó là các quả đạn pháo nặng 130 ly. Cứ mỗi lần đạn pháo rơi trúng một chiếc phi cơ nào đó thì lại có một vùng ánh sáng lóe lên xé tan màn đêm mưa gió và một cột khói đen bay lên cao. Vào lúc 23 giờ thì một tiếng nổ lớn làm rung

cả hầm trú ẩn của tôi. Cách đó chừng 50 thước, một chiếc trực thăng vận tải “Chinook” đầy binh sĩ bị cháy và đang rơi xuống đất. Có rất nhiều mảnh kim khí đỏ như lửa bắn tung tóe khắp phi đạo, và thấy người cũng vừa bị cháy vừa bị bắn tung cùng khắp, trong một vùng khét lẹt mùi xăng dầu và thịt người bị cháy. Từ xa, về hướng Đông, pháo binh vẫn nã vào Biên Hòa không dứt và đã biến vùng bị pháo kích thành một biển lửa. Tôi biết rằng những ngọn lửa to trong đêm tối đó đã “thieu hủy” cả một thị trấn; tôi biết là những nhà cửa bị đạn pháo của cộng sản làm sụp đổ đã nghiền nát nhiều gia đình mà tôi quen. Tôi nghĩ tới các bạn thân của tôi, nghĩ tới Trinh, người thợ máy với hai bàn tay to lớn sù sì lúc nào cũng đầy dầu mỡ đang cặm cụi hí hoáy làm việc trong nhà xe lớp tôn của anh. Tôi nghĩ đến cha Alain, một người Pháp già đã 83 tuổi rồi mà không bao giờ muốn đóng cửa nhà hàng của ông. Tôi nghĩ tới anh Giang một nhà điêu khắc lúc nào cũng loay quay với các tượng Phật trong xưởng mà anh chỉ dựng lên bằng giấy bồi và vài tấm tôn. Tôi nghĩ tới những người lính tự vệ công giáo trẻ của Hồ Nai, những em 15, 16 tuổi chỉ với một khăn choàng cổ và hai quả lựu đạn mà vẫn hăng hái đương đầu với các chiến xa T.54 của cộng sản Bắc Việt! Trong lúc dưới ánh sáng ở thánh đường cha mẹ chúng đang quỳ gối cầu nguyện xin Chúa ban cho chúng đầy đủ can đảm không chùn bước trước cái chết... Ngày mai này, các bạn tôi và những em bé kia chắc sẽ chỉ còn là những xác chết không mồ mả, tha hồ làm mồi cho chuột bọ, cho chó mèo... giữa sự điêu tàn của một thị trấn yên lặng và tang tóc...

Trời rưng rưng sáng thì tiếng súng chấm dứt, tôi trở lại phi cảng. Có ba xác phi cơ vận tải cong queo và bị cháy đen nằm giữa bãi đậu. Hai trung đội Dù đang đi qua phi đạo, Đầu vẫn đội mũ nổi do

(không có nón sắt) quần áo trắng thơm, súng ống sạch sẽ, họ đi chậm chậm, nhẹ nhàng rất thông thả, lạnh nhạt dửng dưng nhìn khắp chung quanh mà đi tới. Lúc 9 giờ sáng, tôi gặp được một người bạn, đại tá Lập. Anh chỉ huy một Không đoàn phi cơ sản giặc và vừa đáp xuống sau một phi vụ. Anh có vẻ mệt mỏi và bộ đồ bay của anh có vết máu. Anh mệt nhọc nói:

- “Tất cả rồi sẽ sụp đổ, từng giờ thôi. Căn cứ Không quân Biên Hòa bị 600 quả pháo 130 ly đã hoàn toàn hư hại và đang bị cô lập. Sư đoàn 18 của thiếu tướng Đào vẫn còn đánh nhau với bọn chúng và đang bám trận địa. Nhưng sư đoàn bị thiệt hại quá nặng và gần 2.000 binh sĩ coi như phải thức trắng đêm suốt 5 ngày nay. Sư đoàn 5 thì bể rồi và coi như tan hàng. Thủy Quân Lục Chiến thì đang đụng nặng trên đường phố ở Vũng Tàu, nhưng thiếu đạn và không có pháo binh yểm trợ. Bốn (4) sư đoàn cộng sản Bắc Việt có chiến xa T.54 mở đường, được hàng trăm khẩu pháo yểm trợ đã tiến đến gần Sài Gòn lắm rồi. Đơn vị tiền sát của họ gồm toàn đặc công đang lừa cả chục ngàn dân tỵ nạn đi trước coi như làm khiêng đỡ đạn cho bọn chúng. Họ đã đến Tân Cảng rồi, không đẩy ba cây số cách trung tâm thành phố. Các toán nhỏ Dù đã phản công và có nơi đang cận chiến, đánh xáp lá cà với cộng sản.”

Để trả lời cho câu hỏi của tôi về các phi cơ cộng sản đã từ đâu bay đến bỏ bom ở đây? Anh lắc đầu chán nản nói:

- “Họ đã cất cánh từ phi trường Phan Rang, và tôi gần như chắc chắn rằng họ toàn là những người bạn cũ, bức tức nhất thời vì sự tan vỡ của chúng ta nên đã theo bọn cộng sản. Họ biết rất rõ các hành lang bay của chúng ta và đã tỏ ra là chủ thật sự của phi cơ mình, chứ không phải phi công Bắc Việt đâu. Tôi tự hỏi cái ông Minh đó, ông ta đang tìm cái gì đây? Chiều hôm qua, ngay sau khi

cuộc bỏ bom ở đây chấm dứt, ông ta đòi Hoa Kỳ phải đóng cửa ngay tòa Đại sứ Mỹ, và tất cả tùy viên quân sự Mỹ ở đây phải ra đi tức khắc không được chậm trễ. Gì chớ chuyện đó thì Hoa Thanh Đốn mừng quá: họ chỉ chờ có bấy nhiêu thôi, họ sẽ nhận gấp. Và tôi nghĩ là cuộc di tản những người Mỹ cuối cùng sẽ tiến hành trong những giờ sắp tới đây thôi. Cũng vì thế mà từ sáng sớm pháo binh Bắc Việt không bắn vào đây nữa để cho cuộc hành quân di tản này được tiến hành dễ dàng và nhanh chóng. Tất cả những hành động của bọn cộng sản chỉ nhằm tạo ra một tình trạng hoảng loạn để có một sự kết thúc nhanh chóng. Ông Minh đã cúi đầu tự mình chui vào trong, và sự ra đi của tất cả người Mỹ chắc chắn sẽ tạo ra một tình trạng hốt hoảng khủng khiếp.”

Đại tá Lập ngưng một chút rồi đặt tay anh lên vai tôi và nói với tôi với một giọng chối tai nhưng đầy tình bạn:

- “Một chiếc phi cơ của công ty Đài Loan, đậu ở đây hai ngày nay, sẽ cất cánh trong vòng 30 phút nữa mang theo trên 100 hành khách đến Bangkok. Tôi biết anh bạn phi công này, anh ta sẽ cho anh đi, Pierre, anh đi đi, đi ngay khỏi nơi đây. đi ngay đi, trước khi bọn “chó chết” kia (nguyên tác: s...) vào thành phố... Tánh tò mò nghề nghiệp của tôi không mạnh bằng nỗi buồn đang siết chặt tim tôi. Sài Gòn là thành phố của tôi. Tôi đã được sanh ra ở đây. Tôi không muốn và cũng không thể nào chứng kiến cảnh “bộ đội” từ Miền Bắc vào đây, vào cái thành phố mà tôi biết rõ từng hóc hiểm. Tôi không muốn thấy những người có hạnh phúc cùng thời thơ ấu với tôi sẽ biến mất dưới bộ mặt nạ bằng chì mà họ phải chịu mang suốt đời. Tôi cảm thấy không đủ sức...”

Sáng thứ ba hôm đó lúc 11 giờ, lẫn lộn trong hàng trăm người Á Đông âu lo và vội vàng ra đi trong khẩn cấp, tôi rời khỏi Tân sơn

Nhút, phi cảng của Sài Gòn. Chiếc phi cơ Đài Loan đi Bangkok, cất cánh rất bạo và trực chỉ phóng thẳng ra biển, đi về hướng Tây Nam. Phía dưới chúng tôi là thành phố rộng mênh mông với nét đẹp lộng lẫy, có con sông uốn khúc bao quanh... một thành phố đã bị những tràng tiếng nổ và khói bao vây ở chung quanh rồi. Một người Tàu ngồi bên tôi, kỹ sư điện toán, nói với tôi là chỉ trong vòng vài giờ nữa thôi là trung tâm hệ thống viễn thông đây mình, sẽ “được điều khiển” cho nổ tung. Tất cả các sự thông tin với bên ngoài sẽ bị cắt đứt hết, và Sài Gòn, bị cô lập với thế giới bên ngoài, sẽ rơi vào tình trạng câm lặng. Tôi thấy cổ họng tôi bị se thắt lại. Tôi hết sức tuyệt vọng. Bây giờ tôi mới biết rằng tôi sẽ không bao giờ còn trở lại đất nước này nữa, một đất nước mà tôi rất yêu thương... Một dân tộc khốn khổ, bị dày vò, bị chặt hết tay chân, bị sạt nghiệp chỉ vì bị sa vào bẫy của một vở kịch chánh trị ngu xuẩn và bị thảm quá kinh khủng mà chính họ cũng không hề biết không hề hiểu gì cả... Xin vĩnh biệt tất cả, vĩnh biệt tất cả những anh em đã từng chia sẻ với tôi hạnh phúc cũng như đau khổ trong những năm dài... Các sư đoàn sắt máu từ Miền Bắc vào đây sẽ tha hồ mà xài xể các anh. Người Mỹ bị xua đuổi sẽ đáp xuống những chiếc hàng không mẫu hạm của Hạm Đội VII, một hạm đội dù bất lực và vô ích vẫn đang tuần tra ngoài khơi bờ biển Việt Nam mấy tuần lễ nay rồi. Còn về người dân Việt Nam: có thể họ sẽ biết được là đã hết rồi, con ác mộng vô nghĩa và thật khủng khiếp của họ đã qua rồi. Người ta đã dành cho họ một sự chọn lựa thật giản dị nhưng quá khắc nghiệt: đầu hàng và được sống, hay là chống cự và chết. Trong vài giờ nữa họ sẽ gánh chịu một luật lệ khắt khe của kẻ chiến thắng. Chú Sam (Hoa Kỳ) đã biến mất, mang theo khẩu hiệu lỗi thời của chú: thuyết “đô mi nô”! Con cháu của Bác Hồ sẽ đến, như những kẻ chiến

thắng, mang theo biểu ngữ khác bắt buộc phải đọc thuộc lòng: phải thay đổi lối sống, thay đổi cờ, phải tự phê bình, phải hoan nghênh trật tự mới, phải biết vâng lời cán bộ, các ủy viên gầy gò và bí mật, thường mặc quân phục màu xanh lục, được huấn luyện ở sự nghèo khổ của bung biển, v.v.

Thật khổ cho những người bại trận!

CHƯƠNG 23

SỰ GIẤY CHẾT CỦA MỘT THÀNH PHỐ

Thứ Hai, ngày 28 tháng Tư, 1975. Sài Gòn thật sự đã ở trong tình trạng hấp hối ngay trong buổi chiều ngày thứ hai 28 tháng 4 với cái trò bắn súng lẳng nhăng tiếp theo sau bài diễn văn của vị Tân Nguyên thủ Quốc Gia. Khi những trái bom đầu tiên rơi xuống Tân Sơn Nhứt và khi mà các loại súng bắn lên khắp nơi trong một thành phố đang sắp có một cơn giông bão đổ ập xuống, thì dân chúng vì chưa có được một lời giải thích nào nên hốt hoảng nằm sấp xuống các rãnh bên lề đường hoặc chạy vào nấp bên các cửa phố. Nhưng dân chúng cũng biết là chiến cuộc thường tránh xa thủ đô từ 30 năm giặc già, thì nay “nó” đã đến đây rồi... và sớm muộn gì trong vài ngày nữa đây, hay trong vài giờ nữa thôi, bàn tay sắt máu của cộng sản sẽ ập xuống nghiền nát Sài Gòn để bắt thành phố này phải từng phục họ.

Hai giờ sau đó, đài phát thanh Sài Gòn cũng vẫn chưa đưa ra được một lời giải thích nào rõ ràng cho dân chúng đang hấp tấp trở về nhà mình sau khi có lệnh thiết quân luật 24/24. Do đó, trong cơn giông bão của một buổi hoàng hôn đầy sấm sét, người dân Sài

Gòn bắt đài “MTGP”. Nhưng đài cộng sản không hề nói đến chuyện “hòa bình”! Toàn là những điều kiện đòi hỏi và những lời hăm dọa, nhắc đi nhắc lại cứng rắn như một cối xay lúa những luận điệu cũ mèm mà họ đã dùng mãi để lên án cựu Tổng Thống Thiệu:

“Chánh quyền Sài Gòn dù mang một nhãn hiệu nào cũng phải cáo lui... Bộ máy chiến tranh Mỹ Ngụy phải được chấm dứt... Chiến cuộc chỉ chấm dứt khi nào tất cả quân đội Miền Nam bỏ súng xuống bết và tất cả các chiến hạm Hoa Kỳ đã rời bết khỏi lãnh hải Miền Nam Việt Nam. Các binh sĩ nào còn nghe lệnh chỉ huy của Mỹ Ngụy sẽ bị trừng trị đích đáng để làm gương...”

Cũng vào giờ này, ngay tại Paris (tính theo giờ địa phương), sau những lời tuyên bố của tướng Dương Văn Minh, các “trung tâm quyền lực” Pháp vẫn còn nói rõ là “viên đạn hiện đang ở trong doanh trại của CPLTCHMN”, Vài giờ sau đó, hồi 4 giờ sáng (giờ địa phương) thì dân chúng Sài Gòn mới nghe được câu trả lời của cái gọi là CPLTCHMN, để đáp lại phần bình luận vô cùng lạc quan đến không thể tin được về tài ngoại giao của người Pháp: đó là một trận mưa rốc kết xuống thủ đô của Miền Nam Việt Nam! Và phi trường Tân Sơn Nhất tiếp theo đó bị tấn công bằng đủ các loại pháo lớn.

Thứ Ba, ngày 29 tháng Tư, 1975. Đài phát thanh Mạc Tư Khoa đã mĩa mai ghi nhận là:

“Tướng Dương Văn Minh trên thực tế không còn gì nữa để mà trị” vì vài giờ sau đó, đài phát thanh Sài Gòn đã truyền đi những lời phát biểu của Tân Thủ tướng Vũ Văn Mẫu như sau:

- *“Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa hoan nghênh việc thi hành Hiệp Định Ba Lê, đặc biệt là các điều khoản 1, 4 và 9 đã qui*

định là Hoa Kỳ phải tôn trọng những quyền tự do căn bản của dân tộc Việt Nam về vấn đề “quyền tự quyết” của mình trong việc quyết định và chấm dứt mọi giao tranh quân sự, cũng như mọi sự can thiệp vào nội bộ của Miền Nam Việt Nam “

Lời tuyên bố công khai này dù sao cũng đã được nói lên tiếp theo sau một thông cáo đòi:

“Đại Sứ Hoa Kỳ, ông Martin, phải đóng cửa tòa đại sứ trong vòng 24 tiếng đồng hồ và đồng thời phải làm mọi cách để tất cả những người Mỹ còn lại ở Miền Nam Việt Nam cũng phải rời khỏi lãnh thổ Miền Nam Việt Nam trong thời hạn đó”.

Và ngay sau đó ông M. Martin đã tức khắc cho biết là ông sẽ làm đúng theo lời đòi hỏi đó. Cuộc hành quân di tản những người Mỹ cuối cùng và những người Việt Nam “có liên hệ” với Hoa Kỳ, theo kế hoạch đã được Ngũ Giác Đài thiết lập, lẽ ra sẽ được tiến hành cho đến ngày thứ tư tuần tới, 7 tháng 5/1975.

Nhưng tình hình diễn tiến quá nhanh. Từ thứ hai 29/4, Tổng Thống Ford đã có một buổi họp khẩn cấp với Hội Đồng An Ninh Quốc Gia. Cầu Không Vận đã được thiết lập để di tản người Mỹ và người Việt Nam từ phi trường Tân Sơn Nhất đã bị ngưng trệ: nhiều loạt rốc két và đạn pháo nặng 130 ly, kể cả bom, đã được nã vào căn cứ Không quân lớn nhất này. Ngoài 11 chiếc phi cơ của Miền Nam bị phá hủy do bị dội bom vừa qua, còn có một chiếc phi cơ vận tải C.130 của Hoa Kỳ bị cháy dưới đất. Một chiếc trực thăng của Miền Nam chở 40 binh sĩ Dù trên đường bay đi Tây Ninh đã bị trúng một hỏa tiễn, bị nổ tung và cháy trên không thật khủng khiếp. Có nhiều đạn rốc két đã rơi vào Chợ Lớn, một thành phố mà cư dân hầu hết là người Hoa kiều, nằm sát Sài Gòn. Một phóng pháo oanh tạc cơ Skyraider có nhiệm vụ đánh bom vào các vị trí của

các đơn vị cộng sản Bắc Việt ở bảy cây số về hướng Tây Bắc Sài Gòn đã bị trúng một hỏa tiễn tầm nhiệt S.A.7. của cộng sản. Và có nhiều cuộc chạm súng thật dữ dội đang diễn ra trong vùng ngoại ô thành phố. Hoa Thanh Đồn không còn thời gian chờ đợi nữa. Và Tổng Thống Ford đã ra lệnh cho Hạm Đội VII tiến hành ngay cuộc hành quân di tản.

Vào lúc 11 giờ trưa ngày thứ ba này, thủ đô Sài Gòn thật là hỗn độn không tả được. Người Pháp cư ngụ ở các khu nằm ở chung quanh thủ đô cũng đã bị “xoi” đạn pháo binh cộng sản nên họ phải đổ dồn về trung tâm Thủ đô tìm ở với bạn bè đồng hương, vì không thể vào tạm trú ở trường trung học Saint Exupéry theo đúng chỉ thị trước đây của tòa Đại sứ Pháp được. Vị hiệu trưởng trường này đứng ra phải chịu trách nhiệm đón tiếp những người Pháp này nhưng ông lại không nhận họ, viện cớ là “không có đủ dự trữ nước uống và lương thực để bảo đảm sự sống cho họ”. Tất cả những người Pháp cư ngụ ở thủ đô gồm các giáo chức, các nhà trồng tía đã rút về đây, các nhà buôn, chủ tiệm ăn hay giám đốc xí nghiệp, đều đã treo cờ Pháp trước nhà ở, văn phòng, tiệm tùng, v.v.

Có nhiều người Việt Nam bắt chước họ. Tất cả đều tin rằng lá cờ tam tài của Pháp có thể cứu được sanh mạng và tài sản của họ nếu có xảy ra những cuộc đánh nhau trên các đường phố. Và bất thành linh cờ xanh trắng đỏ được treo ropy trời vào những giờ bi thảm của một sự sụp đổ này đã làm cho một vài khu vực của thành phố có một bộ mặt lạ lùng khác thường của một ngày lễ 14 tháng 7 của Pháp. Nhưng hơi ối! Đây chỉ là một ảo ảnh! Một ảo ảnh quá đau lòng che đậy những dấu hiệu lo âu sợ sệt đang tràn ngập cả thủ đô Miền Nam vốn đang rơi vào tình trạng vô trật tự và vô Chánh Phủ.

Trên xa lộ Biên Hòa trước khi đến cầu Sài Gòn mà gần đó là

những căn cứ tối tân nhất của bến Tân Cảng, có 50 binh sĩ Dù dưới sự điều động và chỉ huy của một đại úy, đang đánh nhau từ chiều thứ hai với một toán đặc công để cố ngăn cản không cho họ đến được dọ cầu. Đặc công cộng sản đã năm lần chiếm được cầu và cả năm lần binh sĩ Dù đã chiếm lại cầu. Trên 50 xác cộng sản Bắc Việt nằm đầy trên đường, mình mẩy đầy vết đạn, gần như họ đã chết rồi mà vẫn còn bị tiếp tục ăn đạn của binh sĩ Miền Nam quá hăng say và quá cẩn thận!

Bất chấp chiến trận đang diễn ra, một đám đông dân chúng, đông như một đàn kiến đếm không xuể, đã tràn vào chiếm các kho hàng của Tân Cảng để cướp bóc hôi của. Đó là đám dân đen khốn khổ ở các đồng lầy, đói khát, và háu ăn. Họ chia ra làm 2 đoàn rõ rệt, những người mới tới, tay không, và những người trở về mang đầy chiến lợi phẩm. Năm trăm người? một triệu người? Không một ai có thể đếm được một cách chính xác, phần lớn là đàn bà và trẻ nít, có rất ít đàn ông... họ cần quét đủ mọi thứ các kho đầy ắp hàng viện trợ Mỹ. Đám đông xô đẩy nhau để chạy đến nơi cướp bóc, giẫm bừa lên các xác chết của bọn đặc công cộng sản làm bật lên tiếng kêu rần rắc của xương gãy như cành cây khô! Để trở về, đám đông dân chúng này phải vượt qua sông, lội lồm bồm trong bùn. Một em bé khoảng 10 tuổi đầu toàn thân đầy bùn đen và thối, nhưng tay vẫn đưa cao một bó cao su xộp rửa chén! Hai bé gái khá hơn quần áo cũng đầy bùn sinh, mang một số nấm, pa tê và trái cây đóng hộp. Một người đàn bà thu nhặt được hai bịch thuốc lá thơm và một máy xây sinh tố. Một anh bạn khác thì khệ nệ bê một cách khó khăn một thùng sốt cà chua.

Một “chợ chôm hồm” được tổ chức ngay bên đường: người ta mua bán, trao đổi trong con sốt tiền bạc ngay trong một ngày có

quá nhiều khủng hoảng quân sự lẫn chánh trị. Binh sĩ trên các quân xa phải bắn chỉ thiên mới vạch được lối đi cho đoàn xe. Tấn thảm kịch sắp bùng mìn, chấm dứt. Còn chưa phải là một sự hoảng loạn nhưng là một cuộc tháo chạy toàn bộ...

Từ sáng nay, không một nhà báo nào còn được một tin tức gì từ giới chức có “thẩm quyền quân sự” về tình hình, vì một lẽ rất đơn giản là các giới chức này không còn ở đó nữa hoặc họ đã bị “mất chức” không biết lúc nào. Tướng Minh đã cách chức tướng Bình, Tổng giám đốc Cảnh Sát và An ninh quân đội. Kết quả là sáu chục ngàn (60.000) cảnh sát và mười ngàn cảnh sát đặc biệt (10.000, hầu hết là các binh sĩ có tuổi từ các binh đoàn thiện chiến), đang kiểm soát thủ đô, đã không còn ai để chỉ huy và ra lệnh cho họ. Vị Tổng Tham mưu trưởng quân đội Miền Nam được thay đổi ba lần trong vòng 24 giờ đồng hồ. Ngày hôm kia là tướng Cao Văn Viên, nhưng ông đã ra đi cùng vị Tham mưu phó lẽ ra phải thay thế ông mới đúng. Ngày hôm qua là tướng Nguyễn Văn Minh, nhưng ông chỉ ngồi đó có mấy giờ trước khi xách va li chuồn mất. Chiều hôm qua là tướng Thiết giáp Vinh Lộc, một cây rượu mạnh, anh em họ hàng với cựu hoàng đế Bảo Đại. Ông ta đã cổ vũ binh sĩ trên đài phát thanh và yêu cầu họ đừng “chạy như chuột giống như Tổng Thống Thiệu”.

Nằm gần sân bay Tân sơn Nhứt, là Bộ Tổng Tham Mưu nhưng giờ này rất là vắng vẻ, chỉ thấy còn lưa thưa ra vào một vài sĩ quan cấp tá. Các viên chức thì còn ở nhiệm sở nhưng không một ông tướng nào còn trả lời khi điện thoại reo cả ở trong văn phòng hoặc ở nhà. Trên trận địa, các đơn vị trưởng nào còn tiếp tục chiến đấu thì từ đây phải tự lo liệu lấy cho mình thôi. Ở trung tâm Sài Gòn, đột nhiên sự căng thẳng lên cao độ, vì mọi người bây giờ đều biết

là người Mỹ sẽ bỏ đi hết.

Cuộc hành quân di tản của Hoa Kỳ bắt đầu từ 11 giờ. Người Mỹ và những người “bạn” Việt Nam nào đã được giới chức ngoại giao Hoa Kỳ báo trước đều nhận được lệnh phải đến tập trung ở 13 điểm hẹn đã được dự trù từ trước: các sân thượng hoặc các vườn chơi công cộng. Và cuộc di tản bằng trực thăng bắt đầu. Các chiếc trực thăng vận tải loại lớn của Thủy Quân Lục Chiến từ Hạm Đội VII, các trực thăng riêng của Trung Ương tình báo, và trực thăng màu trắng bạc của hãng Hàng Không Hoa Kỳ (Air America) bay là là trên các nóc nhà trong thành phố, có trực thăng võ trang (trang bị rốc kết và đại bác tự động) bay theo yểm trợ. Trên không phận lại có các chiến đấu phản lực cơ “Phantoms” lúc nào cũng sẵn sàng can thiệp, nếu cần. Ở Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ người ta hấp tấp đốt các hồ sơ lưu trữ cuối cùng. Ngay trên nóc tòa Đại Sứ các trực thăng Huey đáp xuống bay lên trong khoảng thời gian cách nhau rất đều. Tò mò đứng từ các nhà chung quanh để quan sát, thì đây là một cảnh tượng hết sức lạ lùng. Phía trước những chiếc xe du lịch đến đậu sát hàng rào sắt của tòa đại sứ, các chủ tài xế mặc áo gi lê chống đạn nhưng đầu vẫn không quên đội mũ cát kết trắng, vì các viên chức Việt Nam vẫn nhất định phải tôn trọng lễ nghi cho đến cùng. Không biết các anh tài xế này sẽ nghĩ gì sau khi các ông chủ của họ đã lên trực thăng và họ phải quay về các khu vực bình dân giữa những tiếng nổ của đạn rốc kết?

Người Mỹ rời khỏi Sài Gòn bỏ lại xe của họ đầy đường. Túc khắc, có những toán tháo gở từ vùng ngoại ô đến “làm thịt” ngay tại chỗ. Thời gian cứ thế trôi qua và lần lần đám người tụ tập trước cửa rào của tòa đại sứ càng ngày càng đông, họ bu quanh sát tường và có người còn có ý định trèo qua tường để vào bên trong tòa đại

sứ. Trong số người cố bám vào tường như những chùm nho với niềm hy vọng cuối cùng có thể “chạy” khỏi đây để tìm tự do..., người ta thấy có đủ mọi hạng người, sinh viên, công chức, lính cứu hỏa với mũ đồng còn trên đầu, các cô gái ăn sương, các bà mẹ trẻ bỗng con đưa lên thật cao, coi như họ trình lên một mẫu giấy thông hành sống là các chú bé con lai mà cha của chúng là một anh lính Mỹ da trắng hay da đen tóc nâu hay tóc đỏ nào đó...

Các binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến canh gác vẫn bình thản và lạnh lùng dùng báng súng đẩy đẩy họ ra. Một cảnh tượng thiếu nào khác đã xảy ra bên lề đường. Tướng Đặng Văn Quang, mà mọi người đều tố cáo là kẻ cầm đầu đường dây buôn lậu ở Miền Nam, lại không được có tên trong danh sách di tản do Hoa Kỳ thiết lập. Khi ông ta đến trình diện trước cổng tòa đại sứ, binh sĩ canh gác đuổi ông ra. Ông mới chạy lại gặp nghị sĩ Nguyễn Văn Ngải để van nài giúp đỡ ông ta được trực thăng bốc đi. Có ai ngờ được, một ông cựu cố vấn quân sự của Tổng Thống, một người đầy ngạo mạn và kiêu căng chêm chệ tác oai tác phúc hằng mấy năm liền ở Dinh Độc Lập, giờ đây chỉ còn là một đồng mõ run rẩy vì sợ sệt. Ông ta hết lay van, cầu khẩn rồi lại viện dẫn đến mạng sống của vợ con và của chính bản thân ông sẽ bị cộng sản giết, v.v. xuống nước, kính cẩn, khúm núm van xin. Động lòng thương hại, nghị sĩ Ngải đưa ông ta cùng đi với mình, cẩn thận không nói rõ tên họ ông ta là ai, nghị sĩ Ngải mới đưa ông ta lên được trực thăng.

Nhìn từ bên ngoài, với đám đông người khốn khổ đang khóc lóc, kêu la, cầu xin một lối đi để ra khỏi hỏa ngục này, cuộc hành quân di tản này coi như rất ôn ào náo nhiệt và vô trật tự. Nhưng đối với những người đã được vào khuôn viên tòa đại sứ rồi, thì sẽ thấy bộ máy di tản hoạt động hết sức chính xác. Các hành khách

được đưa lên lầu thượng, từng toán ba người một, đưa lên trực thăng (chở được 12 người một chuyến). Từ đó bay thẳng qua phi trường Tân Sơn Nhứt. Ở đây họ được đưa vào các dãy nhà thuộc Phòng Tù Viên Quân Lục Hoa Kỳ, trên nóc vẫn phát phơ lá quốc kỳ Mỹ. Các dãy nhà này lẽ ra là mục tiêu rất tốt của cộng sản, nhưng vẫn còn nguyên xi, không hề hấn gì. Mặc dầu lửa đạn gần suốt đêm qua trong khu vực phi trường, nhưng hình như các dãy nhà này được cộng sản cố ý chừa ra. Có nhiều trực thăng vận tải “Chinook” đến từng toán bốn chiếc một, mỗi toán đổ xuống một đại đội Thủy Quân Lục Chiến trang bị đại bác không giật và hỏa tiễn chống chiến xa với đầu đạn “Tows” có hồng ngoại tuyến. Thủy Quân Lục Chiến có trách nhiệm giữ an ninh cho khắp cả vùng di tản. Mỗi chiếc “chinook” sau khi đổ Thủy Quân Lục Chiến và quân dụng xuống rồi thì bốc luôn 45 hành khách Việt Nam, xong mới bay đi. Thời gian bay khoảng một giờ đến các chiến hạm của Hạm Đội VII và trên 20 chiếc tàu vận tải đang đậu chờ rước họ ở 30 cây số ngoài khơi bờ biển Việt Nam ngoài tầm tác xạ của pháo binh cộng sản Bắc Việt Hành trình không gặp một trở ngại nào. Không có một viên đạn, một hỏa tiễn, một trái đạn pháo binh nào được bắn đi từ dưới đất lên các trực thăng to lớn đang nối đuôi nhau rất đều đặn bay ra biển để đáp xuống một trong hai hàng không mẫu hạm, chiếc Hancock hoặc chiếc Okinawa, từ đó họ đã cất cánh bay vào Sài Gòn. Sau khi đặt chân xuống các chiến hạm rồi thì người Việt Nam ai cũng bị các binh sĩ Mỹ rất đứng đắn nhưng cũng rất lạnh lùng khám xét trong người thật kỹ, để được bảo đảm là họ không có mang theo vũ khí, ma túy hay các loại y dược nguy hiểm. Sau đó họ mới được chuyển xuống các thuyền cao su hay thuyền máy để đưa họ sang các tàu vận tải. Các thuyền máy này chạy qua chạy

lại như con thoi giữa các các chiến hạm. và các tàu vận tải. Và các tàu vận tải này sẽ đưa họ về các trại định cư ở đảo Guam. Có nhiều chiếc tàu vận tải này được Hạm Đội gọi trở lại cả ban đêm để “vớt” những người tỵ nạn Việt Nam khác đang lênh đênh ngoài biển cả cách bờ biển Việt Nam hàng trăm cây số, trên các tàu đánh cá, các thuyền buồm thô sơ, có đèn đốt sáng rực, người trên thuyền dùng đuốc và đèn bấm, đèn lồng.. vừa vẫy gọi, vừa chạy lại các tàu chiến của Mỹ. Tất cả các làng đánh cá dọc theo bờ biển từ Phan Thiết đến Bình Tuy đều ra khơi và kêu cứu. Có hơn 20.000 dân tỵ nạn được đưa lên tàu và được cứu khỏi nanh vuốt của cộng sản.

*

* *

Tại Sài Gòn lưu lượng trực thăng của Mỹ vẫn tiếp tục đều đặn, không ngừng... ô ạt bay suốt buổi chiều. Trước cổng tòa đại sứ Mỹ có đến trên 20.000 người đang chen chúc nhau đứng chờ với va ly cầm ở tay, và nước mắt ràn rụa. Có một số người vào được cổng sắt và được bốc đi. Có nhiều người dí hàng xấp đồ la vào mũi các anh Thủy Quân Lục Chiến Mỹ nhưng họ vẫn lạnh lùng không lay chuyển. Có hàng trăm xe chở đầy người mở còi nhấn kèn inh ỏi chạy vào phi trường Tân Sơn Nhất, nhưng không có một chiếc phi cơ nào cất cánh. Và trước cổng phi trường quân cảnh đã có thiết lập một hàng rào cản có bố trí súng liên thanh. Lại có hàng ngàn người chạy xuống bến cảng để cố gắng nhảy theo các tàu chiến, tàu buôn hay xà lan hoặc bất cứ một chiếc thuyền nào đó để chạy khỏi thành phố này bằng đường sông. Có khoản 200 người vừa sĩ quan vừa công chức hay con buôn xuống được một chiếc tàu hàng còn tốt đang nhô neo lúc 3 giờ chiều để chạy ra biển. Họ không đi xa hơn được. Vì vừa mới qua khỏi Nhà Bè thì chiếc tàu bị trúng

đạn pháo, nổ tung và chìm. Những người may mắn còn sống sót lội vào bờ lại bị cắt cổ hoặc bị súng liên thanh bắn chết hết. Dĩ nhiên đồ la và vàng họ mang theo đều bị vét sạch. Vào cuối buổi chiều thì tướng Trần Văn Đôn và con trai ông ta, một bác sĩ, được một chiếc trực thăng bốc đi. Trước đó vài giờ, rất lịch sự như ông đã nổi danh, ông đã đến từ giả vị Đại sứ Pháp... và luôn tiện cũng để nhận thông hành Pháp của ông. Ông M. M. Mérillon cũng đã có một vài lần nhờ vả đến tướng Đôn. Từ nhiều tháng qua, và nhất là trong cơn khủng hoảng của Chánh Phủ vừa qua, tướng Đôn được coi như là một phụ tá rất đắc lực cho hoạt động trung gian chánh trị của người Pháp. Ông đã trực tiếp thúc đẩy tướng Dương Văn Minh đi tới, và trước Quốc Hội lưỡng Viện ông đã có một buổi thuyết trình quá thảm hại về tình hình quân sự. Có một lúc nào đó, ông M. Mérillon đã mong muốn đẩy ông Đôn vào ghế Thủ Tướng của ông Minh. Hôm chiều thứ hai, chấn động vì sự chống đối nhau giữa các trung tâm chánh trị của Miền Nam, tướng Đôn đã có ý định tự tử. Nhưng sau đó được giới thân cận lên giây cót an ủi... nên cuối cùng đã quyết định nhờ Mỹ đưa đi. Trước khi lên trực thăng, tướng Đôn đã nói với toán binh sĩ cận vệ của ông, những người đã không rời khỏi ông nửa bước, rằng:

“Tôi bắt buộc phải ra đi thôi, vì nếu bọn cộng sản mà tóm được tôi thì tôi sẽ bị bọn chúng hành quyết ngay. Còn các anh, các anh chỉ là cấp nhỏ, các anh chẳng có gì nguy hiểm hết... và các anh có thể lẫn lộn được trong dân chúng.”

Mấy anh binh sĩ này với gương mặt rấn rôi, nắm chặt tay lại buồn bã nhìn chiếc trực thăng cất cánh mang theo ông cựu tổng trưởng Quốc Phòng của mình lòng nặng trĩu không biết vì tức giận hay vì khinh bỉ... Không phải chỉ có một tướng Trần Văn Đôn là sĩ

quan cao cấp đã rời khỏi Miền Nam Việt Nam. Đã có gần 60 vị tướng lãnh khác ra đi như vậy. Như trung tướng Vĩnh Lộc, mới vừa sáng hôm qua đây đã từng kêu gọi binh sĩ “đừng có trốn chạy như chuột”; như tướng Bùi Thế Lân, một vị chỉ huy của Thủy Quân Lục Chiến, một người hùng đã rút quân bằng đường bộ từ Đà Nẵng về Sài Gòn vừa lui binh vừa đánh du kích; như trung tướng Trường, Tư Lệnh Vùng I Chiến Thuật; tướng Thắng, thuộc binh chủng Pháo binh, một cử nhân toán học và vô địch cờ, như tướng Toàn, tư lệnh Vùng III Chiến Thuật, người đã giữ vững trong bốn tuần lễ mặt trận Miền Đông của Sài Gòn; như tất cả các giám đốc An ninh và Tình Báo Quân sự, như vị Tư lệnh Không quân; như tướng Lương thuộc sư đoàn Nhảy Dù, người luôn luôn được binh sĩ của mình ái mộ... và tướng “thần phong” râu kẽm Nguyễn Cao Kỳ, người đã từng thể sống chết với khẩu súng trên tay, và người đã chê Tổng Thống Thiệu là quá nhát gan...

Tuy nhiên, cũng có một số người đã thẳng thừng từ chối không rời khỏi vị trí chỉ huy và binh sĩ của mình khi được các tùy viên quân sự của tòa đại sứ Mỹ trực tiếp liên lạc hay kêu gọi qua điện đài. Đó là tướng Nguyễn Khoa Nam, người có trách nhiệm phòng giữ Đồng bằng sông Cửu Long, tướng Lê Minh Đảo, Tư lệnh sư đoàn 18 bộ binh, người đã giữ vững Xuân Lộc và là người đã trả lời:

“Các binh sĩ của tôi đã hăng say chiến đấu, làm sao tôi nỡ bỏ họ được để đi trong lúc họ rất cần sự có mặt của tôi bên cạnh họ?”

Tướng Lý Tòng Bá, người chống giữ mặt trận phía Bắc, một tướng kỵ binh Thiết Giáp, tướng Lê Nguyên Vỹ, người đã chiến đấu với phần còn lại của sư đoàn 5 bộ binh ở Trảng Bom, tướng Phú đang bị phạt giam, người đã tuyên bố với vị Cố vấn Hoa Kỳ khi ông này đến tìm rước ông đi:

- “Tổng Thống Thiệu đã chà đạp danh dự tôi khi ông công khai đổ lỗi cho tôi về chuyện mất Cao Nguyên Trung Phần... và ông ta đã ra đi như một người du lịch với những chiếc va ly mà ông đã soạn sẵn... Nhưng phần tôi, tôi sẽ ở lại, tôi sẽ tự tử và máu của tôi sẽ rơi trở lại vào lưng ông ta. Tôi chỉ còn có một cách đó để đính chánh lời cáo buộc của ông ta mà thôi”.

*

* *

Thủ đô Sài Gòn đã về đêm. Ở vài cây số về hạ lưu sông Sài Gòn, để tránh những kẻ tò mò, có mấy chiếc tàu sà lan đang bốc hàng ngàn người toàn là đàn bà và trẻ con thuộc gia đình của anh em Hải Quân. Các sà lan này được các tàu lớn kéo đi, có thuyền máy võ trang hay các tàu phóng ngư lôi hộ tống ra biển, ở đó có trên 30 chiếc tàu đang chờ họ. Tất cả các tàu chiến thuộc các đơn vị lớn của Hải Quân Miền Nam Việt Nam đều rút hết về đảo Guam. Trong bầu trời tối đen như mực của thủ đô, những chiếc trực thăng Hoa Kỳ với đầy đủ đèn hiệu sáng rực của mình đã dùng đèn pha chiếu thẳng thành những vệt dài sáng rực cắt đứt hắc màn đêm. Ở dưới đất thì những cọc tiêu và những đèn rọi đánh dấu các nóc nhà mà trực thăng sẽ đáp xuống bốc người đi. Trên các sân thượng khác lại có những kẻ đau khổ lo âu đang đốt những cuộn giấy hay giê có tẩm dầu. họ hy vọng lửa sẽ dẫn dụ được những con chim sắt khổng lồ đến bốc họ ra khỏi nỗi lo sợ của họ và đưa họ ra khỏi... cốt chạy khỏi bọn cộng sản... nhưng vô hiệu.

Đại sứ Graham Martin, người đánh giá cuộc hành quân di tản như là một việc “không ra gì” thì muốn ở lại Sài Gòn và chết ở đó. Ông ta chỉ phải rời khỏi thành phố này lúc 4 giờ sáng theo lệnh bắt buộc của Kissinger. Với một tâm trạng đảo điên, quá mệt mỏi

(ông thức suốt 72 giờ liền), ông đáp xuống hàng không mẫu hạm “Blue Ridge” đang nằm chờ ông xa tít ngoài biển cả... sau đó ông vào phòng đóng cửa lại ngay để không cho ai thấy được nỗi thất vọng của mình.

Những binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến cuối cùng ra đi vào lúc rạng đông sau khi đã phá hủy hết các dụng cụ điện tử ở tòa đại sứ và không quên mang theo lá quốc kỳ. Mười tám ngày sau khi di tản khỏi Phnom Penh, Hoa Kỳ lại rời khỏi Việt Nam bỏ lại một thành phố Sài Gòn mặc cho nỗi lo sợ và những tai họa sẽ dồn dập đến với nó. Hoa Kỳ chỉ có để lại nhà trống, vài nhà báo (vì họ muốn ở lại) và khoảng 50 người có quốc tịch bị bỏ quên. Tức khắc các nhà đó đều bị cướp phá. Trong khi còn những ánh lửa đỏ rực bay trên nền trời thủ đô và các vùng chung quanh thành phố, đã có hàng trăm hàng ngàn người, vừa đàn ông đàn bà và trẻ nít đua nhau “làm thịt” tất cả các vật dụng chết của tất cả các nhà vô chủ thuộc người Mỹ trong di vãng... Từ những chiếc nệm giường, tủ lạnh, máy đánh chữ, máy giặt máy sấy, máy rửa chén, máy khâu, truyền hình, máy ảnh, máy quay phim, quạt trần, quạt máy, điện thoại, cho đến từng cuộn giấy vệ sinh... thượng vàng hạ cám không bỏ sót một vật gì, vì món nào cũng là tốt... xài được hết. Từ trước đến giờ lúc nào Chánh Phủ cũng nghiêm cấm mọi hành động cướp bóc, và tuyên bố là sẽ xử bắn tại chỗ những kẻ hôi của cướp bóc. Nhưng bây giờ thì những người lẽ ra có bốn phận phải xử bắn kẻ cướp lại đi về hòa với kẻ cướp để kiếm chút chiến lợi phẩm cho mình.

Từ bên lề cuộc hành quân di tản ở ạt của người Mỹ, từ những người quá thất vọng cứ điên cuồng chạy rong cùng khắp, từ những tiếng gầm thét của pháo nặng 130 ly Bắc Việt đang nã vào xóm làng công giáo ở Hồ Nai và những vùng lân cận, trong những giờ phút

cuối cùng của ngày thứ ba cuối tháng 4/75 này, Sài Gòn đã sống trong một hậu trường chánh trị quá sôi động, không đo lường nổi một lối thoát khó tránh được của biến cố, nhưng nhờ vậy người ta mới có thể thấy và hiểu thêm được không khí lỗ bịch trong địa hạt chánh quyền mấy giờ trước khi Sài Gòn bị thất thủ. Một nhóm người bất mãn qui tụ các vị lãnh đạo giáo phái, một số đại tá trẻ có liên lạc với các đơn vị còn đang chiến đấu và Phó Đô Đốc Chung tấn Cang Tư Lệnh Hải Quân... không tin tưởng khả năng và cơ may của tướng Dương Văn Minh có thể đi tới cuộc thương thuyết được với bọn cộng sản. Họ sẵn sàng đứng lên lật đổ tướng Minh để phòng thủ Sài Gòn và vùng Đồng Bằng sông Cửu Long và tổ chức kháng chiến với bất cứ giá nào. Họ cũng đã có dự trù sẵn một người để thay thế tướng Minh nếu cần. Vào hồi 12 giờ 5 phút trưa ngày thứ ba 29 tháng 4 này, một đoàn xe ba chiếc Jeep với 12 binh sĩ đã hộ tống Phó Đô đốc Chung tấn Cang có ủy quyền của các đơn vị còn đang chiến đấu và một đại diện có thẩm quyền của Phật Giáo Hòa Hảo thay mặt cho các giáo phái ở Miền Nam, đã đến gặp tướng Minh tại nhà riêng của ông ta. Phó Đô đốc và vị lãnh đạo giáo phái hùng mạnh Phật Giáo Hòa Hảo ở miền Tây đã vào tới phòng khách lớn của tướng Minh. Ông ta đang chờ hai vị này ở đó, có vẻ rất mệt mỏi, với cặp mắt đầy âu lo nhấp nháy của một người hoàn toàn vừa bối rối vừa mất ngủ từ hai ngày nay. Ông ta quá xúc động và bất ngờ về chuyện cộng sản ném bom vào phi trường chiều ngày hôm qua. Ông thú thật với hai người khách:

- *“Tôi rất nản lòng. Tôi đã nhận được những báo đảm từ phía “bên kia”, đại sứ Pháp đã xác nhận với tôi là Chánh Phủ Pháp đã có một kế hoạch “hòa bình”, và tôi sẽ có một thời gian là sáu tháng để thương thuyết. Ông ta đã thúc đẩy tôi phải từ*

chối không nhận chức vụ Thủ Tướng và phải cố đòi cho được ghế nguyên thủ quốc gia. Tôi đã theo đúng những lời khuyên bảo của ông ta. Tôi lại còn thỏa thuận để soạn thảo với ông ta một bản tuyên bố nói rằng “nước Pháp phải giữ một vai trò quan trọng trong tiến trình tái lập hòa bình” ở đây. Và sau đó thì có cuộc dội bom. Chỉ một vài phút sau khi tôi nhận nhiệm vụ. Thật là một điều lằng nhục không thể chịu được.”

Tướng Minh lắc đầu hai ba lần và chua chát ông nói tiếp:

- “Ông Mérillon không còn lý gì đến tôi nữa! Ông ta đã đến đây gặp tôi sáng nay. Và đây là tất cả những gì mà ông có thể nói được và nhắc lại với tôi: “rằng ông ta không còn một giải pháp chánh trị nào nữa hết..., không còn kế hoạch nào nữa hết... và rằng các đơn vị cộng sản Bắc Việt đã tiến đến rất gần thủ đô rồi và rằng chỉ còn cách tốt nhất là nên đơn phương ra lệnh cho bên mình ngưng bắn mà thôi.” Đó là tất cả những gì đại sứ Pháp đã nói với tôi sau khi đã bảo đảm với tôi trong bao nhiêu ngày liên tiếp rằng kế hoạch của nước Pháp đã được “phía bên kia” chấp thuận rồi!”

- Và ông đã trả lời cho ông ta ra sao? Phó Đô Đốc hỏi Tướng Minh nhòm dáy một lúc, cặp mắt đờ đẫn:

- “Tôi đã nói là: tôi không thể ra lệnh cho binh sĩ đầu hàng vô điều kiện như vậy được. Trái hẳn với danh dự... Dù sao thì tôi cũng từng là sĩ quan của quân đội Pháp”.

Vị lãnh đạo Phật Giáo Hòa Hảo xằng giọng chen vào:

- “Người Pháp là người Pháp. Còn ông là người Việt Nam, là nguyên thủ quốc gia và có trách nhiệm với tương lai của đất nước. Ông đã nói với Tổng Thống Hương, và mới đây ông cũng đã nói với chúng tôi là ông đã có nhận được bảo đảm của “phía

bên kia”. Vậy ông đã có liên lạc gì với cộng sản, và họ đã bảo đảm với ông những gì?

Tướng Minh dự dự một lúc hình như ông muốn nói ra, nhưng sau đó ông cũng rần trả lời:

- “Tôi không thể cho ông biết những chi tiết ngay bây giờ được”.

Vị đại diện của Phật Giáo Hòa Hảo đưa một ngón tay chỉ ngay ông Minh và nói gần như tố cáo:

- “Không phải chỉ có một mình ông thất vọng và bọn cộng sản nuốt lời đâu. Còn có sự ngấm phá hoại đề tiện của người bạn của ông, là tướng Trần Văn Đôn, đối với tinh thần của quân đội và của Quốc Hội. Trước hết ông ta đã bịp Lương Viện Quốc Hội để họ ra một quyết định trao quyền cho ông và cho ông có toàn quyền hành động. Ông ta đã vận động can thiệp trước khi Quốc Hội bỏ phiếu bằng cách trình bày cho Quốc Hội một bản thuyết trình gian dối về tình hình quân sự, thổi phồng lực lượng cộng sản Bắc Việt mà theo ông ta thì họ đã bao vây Sài Gòn rồi. Không dưới 14 sư đoàn Bắc Việt - con số này ông đã lập đi lập lại nhiều lần sau đó qua điện thoại cho từng người trong lúc Quốc Hội đang thảo luận để quyết định cho lá phiếu của mình. Nhưng các con số đó không đúng. Chỉ có vòn vện bốn sư đoàn cộng sản đang trực tiếp đe dọa chúng ta từ mặt trận phía Đông. Các sư đoàn khác thì còn cách đây ba bốn ngày đường và trên đường tiến quân của họ, họ còn phải gặp hai sư đoàn nguyên vẹn của ta còn đang chiếm giữ trận địa. Các vị trí ở hướng Bắc thủ đô được tăng cường rất mạnh. Đồng bằng sông Cửu Long vẫn chưa có hề hấn gì và chúng ta còn đến sáu sư đoàn không kể gần trăm ngàn thuộc lực lượng địa phương quân. Tướng Đôn còn từ khước không chịu cấp phát vũ khí cho

lực lượng Hòa Hảo, Cao Đài và công giáo khi họ muốn chiến đấu. Chúng tôi có thể cung cấp thêm hàng trăm ngàn người để chống giữ đất nước. Hãy mở cửa kho vũ khí cho chúng tôi. Hãy biểu triệu quốc dân đồng bào. Cần phải xác nhận quyết tâm của chúng ta để phòng thủ Sài Gòn. Nếu ông muốn cuộc thương thuyết có được chút cơ may thắng lợi, thì chớ nên ra lệnh rút súng xuống hay nói rằng chúng tôi đã ngừng bắn rồi! Nếu ông không muốn kháng cự nữa thì hãy nhường chỗ lại cho một nội các cứu quốc, hoặc là quân nhân và các giáo phái chúng tôi sẽ tiến hành một cuộc đảo chánh.”

Tướng Minh ra về suy nghĩ. Hiển nhiên là ông đã đi sau tình hình rồi. Ông nhìn Phó Đô đốc Cang như hỏi ý, Phó Đô đốc Cang khẳng định:

- “Quân đội không muốn đầu hàng! - Tôi cũng không muốn như vậy. Tôi là một quân nhân, và tôi không sợ chết. Và tôi rất chán cái màn bài kịch này lắm rồi. Bây giờ thì tôi thấy là tôi đã bị lừa, và người ta đã lợi dụng tôi! Tôi sẵn sàng rút lui, với điều kiện là phải tìm được một cái đầu thật sự biết làm chánh trị.

Vị đại diện Phật Giáo Hòa Hảo đưa ngay lá bài ra:

- “Đây, cái đầu đó có đây rồi: đó là ông thủ tướng Trần Văn Hữu. Các giáo phái sẽ ủng hộ ông ta vì ông ta luôn luôn có một đường lối chánh trị khoan dung đối với họ. Các sĩ quan sẽ theo ông vì chính ông đã thành lập quân đội quốc gia năm 1951, khi ông ta là Thủ tướng của nước Việt Nam. Bộ chánh trị của Hà Nội biết ông ta và đánh giá cao ông ta. Ông ta là một nhân vật của Quốc Gia có kinh nghiệm và là một người Miền Nam chính cống. Hãy kêu gọi ông ta!

Ông Minh có vẻ nghe theo đề nghị này. Và ông nói với một giọng

thành thật:

- *“Tôi biết ông ta nhiều. Tôi đã từng là sĩ quan tùy viên của ông. Tôi kính trọng ông. Và tôi biết là các công chức vẫn giữ nhiều kỷ niệm tốt về ông: vào thời kỳ ông làm Thủ tướng, mọi người đều được trả lương hậu hỹ và đồng bạc Việt Nam rất có giá.*

Phó Đô đốc Cang tiếp lời:

- *“Vậy thì hãy gọi cho ông một công điện đi.*

Tướng Minh gật đầu và nói:

- *“Rất đồng ý. Tôi sẽ tuyên bố trên đài phát thanh và đài truyền hình trong một giờ nữa. Chúng ta hãy cùng nhau thảo bản tuyên bố này đi.”*

Bản tuyên bố viết:

“Tôi yêu cầu ông Thủ Tướng Trần Văn Hữu, một người yêu nước chân thành và đáng kính, hãy chấp nhận lãnh đạo đất nước và đưa đất nước đến con đường hòa bình chân chính và trong danh dự.”

Lúc này đã 13 giờ hơn. Hai người khách của ông Minh đứng dậy. Ông Minh tiễn họ ra ngoài cổng, thân mật bắt tay và còn nói:

- *“Tôi sẽ tuyên bố công khai, Tôi hứa với các ông như thế”.*

Phó Đô Đốc Cang trả lời:

- *“Phần tôi, tôi sẽ lo các chuyên viên truyền hình và truyền thanh để phối hợp loan báo lời tuyên bố của ông”.*

Phó Đô Đốc Cang và vị đại diện Phật Giáo Hòa Hảo sau đó đi ngay đến Bộ Tư Lệnh Hải Quân. Phó Đô Đốc gọi ngay được các chuyên viên cần thiết cho công tác truyền thanh và truyền hình. Vào lúc 14 giờ trưa thì tất cả sự bố trí về mặt kỹ thuật và chuyên viên đều đã sẵn sàng. Nhưng, tướng Minh không đến. Thật ra, sau khi ông bắt tay từ giả hai người khách, thì ông bước ngay sang

phòng bên cạnh với những người cộng sự chánh yếu của ông là Thủ tướng Vũ Văn Mẫu và Tổng trưởng Thông Tin Lý Quý Chung, những người này đã ngăn không cho ông trao quyền lại cho ai hết. Nhất là ông Vũ Văn Mẫu, đặc biệt đã tỏ ra rất là cay đắng khi ông xác nhận:

- “Tất cả các điều kiện của họ chúng ta đã thực hiện, để có thể mở ra một cuộc nói chuyện với “phía bên kia”. Người Mỹ đã đi khỏi nước Việt Nam hết rồi. Tôi đã loan báo là tất cả bộ máy hành chánh từ trung ương đến địa phương sẽ nhanh chóng được cải tổ để cho hợp với một chế độ tự do thật sự. Ông Trần Văn Hữu ở tận Ba Lê, mà không có một phi cơ nào có thể hạ cánh lúc này được. Chúng ta có chánh quyền và chúng ta phải giữ nó. Phía những người cách mạng sẽ chấp thuận thương lượng cho một thỏa ước. Tôi tin chắc như vậy.”

Trong cuộc thương thuyết mà ông dự trù với “phía bên kia”, ông Vũ Văn Mẫu định xữ dụng lá bài chủ: “Sự ra đi của tất cả người Mỹ”, điều mà ông ta đã bắt buộc họ phải rời khỏi nước Việt Nam. Nhưng khổ cho ông, là ông không hề biết là con bài đó đã không còn nằm trong tay ông nữa. Vì “người Mỹ phải rút hết khỏi nước Việt Nam “đó là đề tài của một thỏa hiệp bí mật giữa Hoa Thạnh Đốn và Hà Nội từ lâu rồi!”

Tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân, Phó Đô Đốc Cang vẫn tiếp tục chờ đợi... Đã hai lần ông cố gắng gọi tướng Minh, nhưng cả hai lần, ở Dinh Độc Lập và cả ở tư dinh người sĩ quan tùy viên đều nhanh nhẩu trả lời lạnh lùng: “Ông Trung tướng Tổng Thống không có ở đây”! Đến 16 giờ, Phó Đô Đốc Cang mới quyết định báo động cho đại sứ Pháp để nhờ ông chuyển về Ba Lê qua hệ thống vô tuyến điện, lời mời của trung tướng Dương Văn Minh đến ông Trần Văn

Hữu. Nhưng tổng đài điện thoại của Tòa Đại sứ trả lời là “ông Đại Sứ đang bận họp” Phó Đô Đốc Cang gọi lại ba lần nhưng cả ba lần đều nhận được câu trả lời thoái thác tương tự, có nghĩa là họ không muốn tiếp. Bực tức và phẫn nộ, Phó Đô Đốc Cang gác điện thoại xuống một cách giận dữ và tức tối cầu nhàu:

- *“Cái anh mất dạy Mérillon này (nguyên tác “Ce salaud... de Mérillon”) không muốn dính vào nữa rồi đây. Khi mà mọi việc êm xuôi thì ông ta đi đến đây ngay để gặp mình, bay cho xe riêng đến đón mình. Bây giờ thì anh lại nhờ một anh “lon ton” đuổi khéo mình!”*

Còn vị đại diện Phật Giáo Hòa Hảo thì rời khỏi Bộ Tư Lệnh Hải Quân đi thẳng tới gặp các thành viên của mình đang họp tại một biệt thự gần nhà ga Sài Gòn. Vào buổi chiều ông điện thoại cho Phó Đô Đốc Cang, nhưng ông này đã rời khỏi Bộ Tư Lệnh để đi tổ chức cho các tàu chiến của mình rút ra biển. Liên lạc giữa hai người mất từ lúc đó. Đến 9 giờ tối, vị đại diện Phật Giáo Hòa Hảo này lại đến nhà tướng Minh ở đường Chasseloup Laubat một lần nữa. Nhưng ông thấy vị nguyên thủ quốc gia Miền Nam lúc bấy giờ lại tỏ ra dằn dặt hơn buổi trưa nay nữa:

- *“Tôi chẳng biết làm gì bây giờ. Nhưng tôi không thể nào ra đi lúc này. Tôi phải ngồi lại cho đến cùng... để bảo vệ dân chúng và thủ đô khỏi bị tàn phá.”*

Vị đại diện Phật Giáo Hòa Hảo buông ra một câu hơi chối tai:

- *“Ông là người không biết giữ lời hứa. Ông không có đến đọc lời tuyên bố của ông trên đài phát thanh. Nhưng ông còn có thể làm việc đó. Ông hãy bốc điện thoại lên và gọi ngay ông Hữu ở Ba Lê. Ông đừng có do dự nữa...”*

Tướng Minh nhún hai vai:

- “Đã quá muộn rồi! người Mỹ đã cho nổ trung tâm điện đài hôm nay rồi...”

- Ông hãy nghe đây, vị đại diện giáo phái đáp lại ngay, *hôm sáng nay ông đã từ chối không chịu nói cho chúng tôi biết ông đã bắt liên lạc với những ai ở “phía bên kia”*. Bây giờ Phó Đô Đốc Cang không có ở đây. Ông không phải bối rối về chuyện “mất thể diện” nữa. Ông phải giải thích rõ cho chúng tôi. Ông hãy nói cho tôi biết ai trong số những người của ông ở đây đã có đủ tư cách đi bắt liên lạc với “bên kia” và họ đã nói chuyện với ai?”

Tướng Minh do dự một lúc lâu và sau đó tuôn ra hết:

- “Đó là con tôi, thằng Đức, nó đang là sinh viên khoa chánh trị, nó đã gặp Võ Văn Sung, đại sứ Bắc Việt ở Ba Lê. Ông Sung đã nói với con tôi là Hà Nội và CPLTCHMN không có gì chống đối tôi hết và họ chấp nhận sẽ thương thuyết với điều kiện là trên căn bản của sự thi hành Hiệp Định Ba Lê.”

Vị đại diện Phật Giáo Hòa Hảo bực tức thốt lên:

“- Nhưng đó là trò trẻ con! Con của ông không có một tư cách chánh thức nào cả, không có một sự ủy nhiệm nào hết để mà bàn cãi với cộng sản. Và ông đã căn cứ vào một phúc trình đơn giản của một cuộc nói chuyện riêng tư để làm việc! Ông đã thực hiện cả một chuỗi dài hành động chánh trị, ông đã làm áp lực với Tổng Thống Hương và lưỡng viện Quốc Hội để đưa họ vào con đường vi phạm Hiến Pháp, ông đã lừa bịp dân chúng Việt Nam và trước dư luận quốc tế bằng cách bắn tiếng là ông đã nhận được những bảo đảm của “phía bên kia”. Trong lúc ông không có được trong tay một mảnh giấy lộn nào từ “phía bên kia”! Bản thân ông cũng chưa bao giờ gặp được một nhân

vật chính thức nào của phía “bên kia”.

Ông Minh còn cố chống chế:

- “Không phải chỉ có một mình con tôi, Tôi đã nhận được những khuyến khích từ ông đại sứ Pháp Mérillon, nhân danh Chánh Phủ của ông và những chuyên viên ở Phủ Thủ tướng Pháp.

- Và bây giờ thì ông ta bỏ rơi ông như một cái bị rách?”

Tướng Minh chấp nhận và đưa nắm tay lên tức tối:

- “Đúng vậy, tất cả đều rất đúng... Ông ta chả cần biết việc gì sẽ xảy ra nữa! Nhưng mà bây giờ tôi không có thể lùi được nữa rồi. Tôi đã cam kết là sẽ tiến tới cuộc thương thảo. Và tôi sẽ gánh hết trách nhiệm của tôi... Những người có trách nhiệm ở phía bên kia bắt buộc phải nghĩ đến một Chánh Phủ hòa hợp quốc gia.”

- “Nhưng cuối cùng, xin ông cho biết xem ông trông chờ những gì ở người cộng sản? Ông cũng biết rõ là từ chiều hôm qua, đài phát thanh Hà Nội nhắc đi nhắc lại không ngừng là CPLTCHMN và Bắc Việt không muốn bàn thảo gì với bất cứ người nào đã từng ở trong “tập đoàn Diệm - Thiệu”. Và như ông đã biết đó, vị Phó Tổng Thống của ông lại là Chủ tịch Thương Viện của Tổng Thống Thiệu. Vị Thủ Tướng của ông đã từng là Tổng trưởng ngoại giao của Tổng Thống Diệm trong suốt chín năm liền. Và bản thân ông cũng đã là cố vấn quân sự của ông Diệm!”

Tướng Minh có vẻ sững sốt:

- Ở đâu lại có câu chuyện phát thanh đó vậy?

- Ông đừng đùa nữa. Làm như ông không có bắt đài phát thanh Hà Nội nghe vậy? Chuyện sơ đẳng quá mà! Chỉ cần có nghe là sẽ thấy những gì tôi nói là đúng hết. Cứ mỗi 15 phút là

xướng ngôn viên nhắc lại cái tối hậu thư đó.

Đây này... Vừa nói xong vị đại diện Phật Giáo Hòa Hảo liền đứng phắt dậy, đi lại mấy lần thanh để trên bàn và vặn kim điều chỉnh đài. Một bài hát cách mạng nổi lên, tiếp theo đó là thông báo các chiến thắng, kế tiếp là tiếng nói đánh thép của xướng ngôn viên Bắc Việt đọc một bản thông cáo:

- “CPLTCHMN không sẵn sàng để thương thuyết. Nguyễn Văn Thiệu đã bỏ chạy. Nhưng những người thay thế hắn, được biết là tập đoàn Minh - Huyền - Mẫu vẫn còn ngoan cố vừa lớn tiếng kêu gọi quân đội tiếp tục chiến đấu, nhằm giữ vững lãnh thổ còn lại, vừa đòi hỏi phải có thương thảo. Thật quá rõ ràng là tập đoàn này đang ngoan cố tiếp tục muốn kéo dài chiến tranh với hy vọng là giữ lại bọn thực dân mới Hoa Kỳ. Nhưng họ đừng có hòng đu đưa trong ảo vọng! Họ không có đại diện cho ai được hết và không lựa bịp được ai đâu.”

Xem chừng như tướng Minh rụng rời cả chân tay... ông thều thào:

- Tôi không biết được chuyện này. Không có ai báo cáo cho tôi biết chuyện phát thanh này hết.”

- Bây giờ thì ông đã biết rồi đó, vị đại diện Phật Giáo Hòa Hảo vừa nói vừa đứng lên. Chỉ có một chuyện duy nhất mà cộng sản đang chờ ở ông, đó là “đầu hàng không điều kiện.” Không cần phải mất sức để nói chuyện với ai nữa hết mới đi đến chuyện đầu hàng! Phần chúng tôi, trong bất cứ trường hợp nào, chúng tôi cũng không thể nào buông súng xuống được”.

Trong lúc vị đại diện các giáo phái đi ra cửa, mắt hút trong bóng tối của một hành động bí mật mới nào đó thì ông Minh ngã người trong ghế dựa xét đi xét lại với một tinh thần bồn loạn. Có một chuyện mà ông đã không có nói được cho người vừa đối thoại

với ông. Đó là: Vào lúc trước 7 giờ tối, ông đã gọi một phái đoàn đến “trại Davis”, một doanh trại ở giữa lòng sân bay Tân Sơn Nhất, là nơi trú đóng từ tháng 2 năm 1973 của hai phái đoàn quân sự của Bắc Việt và của CPLTCHMN thuộc Ban Liên Hợp Quân Sự 4 Bên (và sau này là Hai Bên), với nhiệm vụ kiểm soát sự ngưng bắn theo Hiệp Định Ba Lê. Nhưng các sĩ quan cộng sản đã từ khước không chịu tiếp phái đoàn đại diện của tướng Minh, làm cho họ phải qua đêm đến sáng sớm hôm sau trong một hầm trú ẩn. Ông Minh cũng không dám cho vị đại diện các giáo phái biết là trong suốt hai cuộc hội kiến với ông ta trong ngày, vị đại sứ Pháp lúc nào cũng có mặt ở ngay phòng bên cạnh. Ông Jean Marie Mérillon đã ở nhà tướng Minh gần suốt ngày thứ ba này. Ông ta chỉ vắng mặt có một lúc khi ông phải đi vào Tân Sơn Nhất với một vị Tổng trưởng của ông Minh. Các đại diện cộng sản ở đó đã xác nhận với hai người là **“trong trường hợp tướng Minh ra lệnh cho quân đội Miền Nam ngưng bắn thì chúng đó cộng sản mới sẽ không bắn vào thủ đô Sài Gòn nữa.”**

Đại sứ Pháp đã chuyển câu trả lời đó cho tướng Minh và hối thúc ông Minh sớm có quyết định. Tối hôm đó, Tổng Thống Minh ngã người xuống ghế trường kỷ, nằm thao thức suốt đêm trước bể nuôi cá của mình, nhìn cặp mắt tròn xoe của con cá để tự xét lại hành động của mình trong thời gian qua...

CHƯƠNG 24

“BỘ ĐỘI” TRÀN VÀO THỦ ĐÔ

Thứ Tư, ngày 30 tháng Tư, 1975. Cuộc di tản ồ ạt và ồn ào của người Mỹ đã chấm dứt. Chiếc trực thăng cuối cùng đã nặng nề cất cánh lúc tờ mờ sáng từ khu vườn hoa của tòa đại sứ Hoa Kỳ làm tung lên một đám bụi, mù trời: đó là mớ tro từ những tài liệu mà người Mỹ đã đốt suốt đêm qua. Người dân Sài Gòn được nghe đài phát thanh Úc Đại Lợi mới được biết là Tổng Thống Ford của Hoa Kỳ vừa mới thông báo cho toàn dân Mỹ là Hoa Kỳ đã chấm dứt sự hiện diện ở Việt Nam sau hơn 15 giờ thật dài lo âu về một cuộc hành quân di tản khó khăn trong đêm qua đầy thảm họa.

Bản thông báo có chữ ký của Tổng Thống Gerald Ford đã được phát ngôn viên của ông là Ron Nessen đọc trước ống kính truyền hình:

- “Trong suốt tuần vừa qua, tôi đã cho lệnh phải giảm nhân viên của các phái bộ Hoa Kỳ ở Sài Gòn xuống đến mức có thể di tản họ nhanh chóng trong trường hợp khẩn cấp mà vẫn không trở ngại cho công tác được giao phó. Trong ngày thứ hai, phi trường ở Sài Gòn bị pháo binh và rốc két nã vào liên tục

nên phải đóng cửa. Tình hình quân sự trong vùng đã tồi tệ nhanh chóng. Vì thế, tôi đã phải ra lệnh di tản tất cả nhân viên Hoa Kỳ hiện còn lại ở Việt Nam. Bây giờ thì cuộc hành quân di tản đã chấm dứt. Tôi ngợi khen hết tất cả những binh sĩ thuộc quân lực Hoa Kỳ đã tiến hành rất tốt cuộc di tản này, cũng như Đại Sứ Graham Martin và nhân viên thuộc phái bộ của ông, họ đã hoàn thành mỹ mãn sứ mạng của họ trong những hoàn cảnh thật khó khăn. Cuộc hành quân này đã chấm dứt một chương trong lịch sử Hoa Kỳ. Tôi yêu cầu tất cả người Mỹ hãy siết chặt hàng ngũ, tránh mọi đá kích lẫn nhau về quá khứ, để tiến tới tất cả những mục tiêu chung của chúng ta, và hãy cùng nhau chung lưng góp sức vào những công việc lớn còn lại của đất nước mà chúng ta phải thực hiện.

Sau đó vài phút ông Tổng Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ, Henry Kissinger bằng một giọng nghiêm trọng và một vẻ mặt mệt mỏi, đã bình luận với báo chí về những biến cố trong 24 giờ cuối cùng. Ông ta đã chứng minh quyết định của Tổng Thống Ford trong việc thi hành “Kế Hoạch Bốn” để di tản “những người bị đe dọa nhất” qua một loạt tấn công của lực lượng cộng sản Bắc Việt vào phi trường Tân Sơn Nhứt. Không một lúc nào ông nói tới chuyện tướng Dương Văn Minh đòi hỏi sự ra đi của tất cả người Mỹ và phải đóng cửa tòa đại sứ Hoa Kỳ trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Nghe Henry Kissinger nói, người ta chỉ thấy quyết định cuối cùng của Hoa Kỳ ở Việt Nam chỉ do điều bận tâm duy nhất là phải cứu mạng sống của những công dân Mỹ cuối cùng còn hiện diện ở Sài Gòn. Về vấn đề này ông ta cho rằng mục tiêu đã đạt: chỉ tiếc rằng có hai binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến bị tử thương vì đạn rốc két đã rơi vào phi trường Tân Sơn Nhứt trước khi cuộc hành quân bắt đầu khai triển

và có hai phi công tử nạn vì trục thăng của họ bị rơi ở biển Nam Hải. Ông cũng cho biết là Hoa Kỳ coi như đã đạt được một mục tiêu khác: là đã di tản 5.500 người Việt Nam ở Miền Nam cùng lúc với 950 người Mỹ cuối cùng, thay vì trước đó “kế hoạch Bốn” (tức là cuộc hành quân di tản bằng trục thăng) trên nguyên tắc chỉ có dự trù bốc đi những công dân Mỹ mà thôi. Cuối cùng về mục tiêu thứ ba, cũng như hai mục tiêu vừa nói, ông Kissinger trích dẫn từ thông điệp mà Tổng Thống Ford đã nói với thế giới ba tuần qua: Hoa Kỳ đã cố gắng tạo một tình hình cho phép tiến tới một cuộc thương thảo ở Miền Nam Việt Nam. Ông Kissinger đã ước tính rằng chánh sách ngoại giao của Hoa Kỳ đã làm hết sức mình qua trung gian của các nước thứ ba mà ông không muốn nêu lên đây. Ông cho biết là giai đoạn đầu của sự di tản đã được tiến hành với sự “đồng ý ngầm của Miền Bắc và của CPLTCHMN” mà chúng ta đã cho họ biết rõ ý định của chúng ta”. Nhưng sau đó ông ta không chịu nhìn nhận là không thể giải thích được sự leo thang đột ngột về các đòi hỏi của cộng sản. Đánh giá thái độ “không nhẫn nại” của họ, ông ta ghi nhận:

“Mới vừa tuần lễ trước đây, họ chỉ đòi sự ra đi của ông Thiệu. Khi đã đạt được chuyện đó rồi, họ lại không thừa nhận người kế vị. Nhưng sau đó khi đã tìm thấy được người đối thoại là tướng Minh mà dường như họ đã đòi rồi, thì họ lại còn muốn thêm nữa.

“Mới vừa tuần lễ trước đây, họ chỉ đòi các cố vấn quân sự Mỹ phải ra đi, vài ngày sau đó họ lại đòi sự ra đi của tất cả những người Mỹ.”

Trong những trường hợp đó, ông Kissinger từ chối không thể nói trước được là một cuộc thương thuyết có thể thiết lập được giữa

những người anh em thù địch hay không, hay là phải nghĩ đến chuyện Bắc Việt sẽ dùng lực lượng quân sự để cưỡng chiếm Sài Gòn bằng vũ lực đây. Trong mọi trường hợp, ông ta xác nhận là Hoa Kỳ không nhìn nhận một Chánh Phủ Sài Gòn lưu vong. Thật không còn gì rõ ràng hơn! Dân chúng Sài Gòn chua cay cười khẩy rồi mới chịu tắt máy thu thanh của mình. Kissinger vừa mới viết trên tấm mộ bia của chúng ta:

- “Nước Việt Nam ư? Đã hết rồi! Và người ta không muốn nghe nói tới nó nữa! Cuối cùng Hoa Kỳ đã tìm lại được sự yên ổn trong lương tâm của họ!”

Lúc này tiếng đại bác nổ rền liên tục ở ngoại ô thủ đô Miền Nam Việt Nam, đang có những cột khói tuôn lên cuộn cuộn chung quanh. Cuộc cướp phá hôi của không vì thế mà chấm dứt... Có nhiều nhóm người có vẻ như tướng cướp, mặc toàn đen hay quần phục kaki, súng M.16 cầm tay, băng đồ đeo ở cánh tay, đang lang thang khắp thành phố. Đặc công cộng sản xâm nhập hay xuất hiện từ bóng tối? Không phải! Đó chỉ là bọn vô lại, bọn tự vệ của các khu phố hoặc là bọn côn đồ chuyên nghiệp đang đóng vai tiền sát viên của “lực lượng cách mạng” để đi vơ vét những nhà cửa hay biệt thự không có người ở. Họ tự trang bị rất dễ dàng. Trên các đường phố, các vỉa hè, ở các cổng rãnh... đâu cũng có nón sắt, áo giáp chống đạn, các bin và lựu đạn, thậm chí còn có cả súng liên thanh nữa. Hàng trăm xe của người Mỹ bỏ lại chật đường hay trong các khu chung cư, phần lớn đều chỉ còn có cái sườn cho vơ, không vỏ ruột, không ghế ngồi, không máy móc...

Chung quanh phi trường Tân Sơn Nhứt âm ỷ tiếng súng của chiến trận đã trở lại từ sáng sớm. Các tiểu đoàn Dù tập trung trên các đường bay đang anh dũng chiến đấu để giúp các phi công cất

cánh mang đi được bao nhiêu phi cơ hay bấy nhiêu. Hơn 130 phi cơ và 20 trực thăng đã đến được phi trường Utapao ở Thái Lan, căn cứ B.52 của Hoa Kỳ, ngoài 18 chiếc phi cơ và trực thăng khác đã đến được các chiến hạm của Hạm Đội VII trong các điều kiện mạo hiểm hết sức khó khăn. Vào hồi 8 giờ sáng, hai tròng đại pháo 152 ly cộng sản đánh trúng ngay trường trung học Gia Long, làm cho 12 người chết ngay tại chỗ, trong đó có một vị sư của chùa Xá Lợi ở gần đó. Nhưng đó chỉ là những tròng tác xạ cảnh cáo hay để điều chỉnh mà thôi. Đồng thời lại có một loạt rốc kết bay xuống thành phố người Hoa ở Chợ Lớn. Một chiếc trực thăng quan sát bị rơi ở ngoại ô Phú Lâm vốn đang bị pháo kích. Vào lúc 9 giờ sáng, tướng Dương Văn Minh có một phiên họp tại Dinh Độc Lập với ông Phó Tổng Thống Nguyễn Văn Huyền và ông Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu. Họ vẫn chưa có tin tức gì của phái đoàn đi vào gặp các sĩ quan cộng sản ở “trại Davis”, Tân Sơn Nhứt. Tướng Minh nhờ hai vị này thảo một bản tuyên bố đơn phương ngừng bắn để lát nữa đây ông sẽ đọc trên đài phát thanh Sài Gòn.

Đã không thấy còn lính gác trước dinh Độc Lập nữa. Bất cứ ai muốn vào đây cũng được. Một người nhỏ thó, nhưng mập mập bụng phê bước qua cửa rào bằng qua bãi đậu xe và bước lên bậc thang danh dự. Đó là tướng Vanuxem, một trong những cựu “thống chế” của De Lattre ở Bắc Việt (nguyên tác: Tonkin), chuyển sang nghề làm báo. Tướng Minh đã từng phục vụ dưới quyền của Vanuxem, đã tiếp ông rất niềm nở và thân mật, rồi kéo ông ra riêng, cảm động nói:

- *“Thưa Đại Tướng, không còn có gì để làm được nữa rồi! Để tránh một cuộc tàn sát, tôi sẽ đầu hàng cộng sản. Ông là một người lính già, và chúng ta đã từng phục vụ chung trong*

cùng một bộ quân phục, ông có thể nhận chuyển giùm tôi một thông điệp cuối cùng cho các đồng hương của ông không?

Tướng Vanuxem ghi vội mấy hàng chữ do tướng Minh đọc cho ông:

- “Chúng tôi yêu cầu nước Pháp tiếp nhận những người Việt Nam từng được nuôi dưỡng và đào tạo trong tinh thần, trái tim và lý tưởng của quốc gia này.”

Sau đó tướng Minh vội vàng lên xe Mercedes của Tổng Thống để đi đến đài phát thanh. Hồi 10 giờ 15: tướng Minh loan báo qua đài phát thanh bản tuyên bố của ông “ra lệnh cho tất cả binh sĩ và lực lượng địa phương quân của Việt Nam Cộng Hòa phải bình tĩnh chấm dứt chiến sự và ở đâu ở đó. “Khi tướng Minh về đến Dinh Độc Lập, vẫn có ba chiến xa M.48 của QLVNCH đang bố trí im lặng dưới những gốc cây to trong vườn. Hai sĩ quan trẻ chạy lại gặp Tướng Minh, bức tức la lên:

- “Không thể có vấn đề đầu hàng. Chúng tôi sẽ chiến đấu và sẽ chết tại đây.

Tướng Minh đưa hai bàn tay to lớn của ông ta nắm chặt vai của họ và nói với họ bằng một giọng rất cương quyết:

- “Đã quá trễ rồi các bạn ơi! Nếu chúng ta kháng cự thì họ sẽ nghiền nát thành phố bằng đạn pháo.”

Sau vài phút bàn cãi, các sĩ quan này trở lại vị trí và các chiến xa rời khỏi Dinh Độc Lập, chỉ để lại khoảng 30 binh sĩ với nhiệm vụ “cận vệ” cho Tổng Thống.

Vào lúc 11 giờ 30, ở ngay trung tâm thủ đô, một vị đại tá lớn tuổi thuộc Cảnh Sát Dã Chiến, trong lễ phục chỉnh tề chậm rãi bước về phía kỳ đài “Chiến Sĩ Trận Vong” trước Quốc Hội VNCH. Đến đó rồi, đứng dưới tượng hình to lớn của hai quân nhân uy nghiêm màu

đồng đen, người sĩ quan cảnh sát lột mũ cát kết xuống cắm đặt vào ngay trái tim của mình xong rút súng bắn ngay một phát vào đầu. Ông ta bật té ngựa, nằm dài ra phía sau, bất động trong tư thế nghiêm lần cuối cùng giữa một bãi máu đỏ đang lan rộng ra...

Tiếng đại pháo của cộng sản vẫn tiếp tục nổ dữ dội hơn, càng lúc càng gần hơn, về hướng Tân Sơn Nhứt, nơi các chiến binh thuộc binh chủng Nhảy Dù đang đánh một trận chiến cuối cùng. Trời Sài Gòn đang mưa...

Trong đại sảnh của Dinh Độc Lập, tướng Dương Văn Minh cùng các thành viên trong Chánh Phủ đang ngồi chờ cộng sản tới. Ông ăn mặc thật giản dị, một quần màu chàm đậm và một áo bốn túi. Ông cho người sĩ quan tùy viên biết là: “những người cách mạng không ai đeo cà vạt”.

Ông chấp tay sau lưng đi tới đi lui, như một vị chủ nhà đang chờ khách đến. Ông không tỏ vẻ gì lo lắng hết. Tại sao phải sợ? Và sợ cái gì mới được? Ông đã cho lệnh toàn quân ngừng chiến đấu. Hai điều kiện mà phía “những người cách mạng đã đặt ra: đuổi hết người Mỹ ra khỏi Việt Nam, và giải thể Quân đội và Cảnh Sát” thì coi như đã thực hiện. Kể ra ông cũng có thể chạy đi trong giờ phút cuối cùng bằng trực thăng. Nhưng ông thích ở lại để chờ những người đại diện của CPLTCHMN. Xét cho cùng, những người lãnh đạo của “phía bên kia” phải chăng cũng là người Miền Nam như ông? Tại sao ta không tin họ? Ông sẵn sàng trao quyền lại cho họ. Ngoài chuyện không thể thực hiện cuộc thương thuyết như đã hứa thì ông tin chắc rằng ông đã cứu Sài Gòn khỏi một sự tàn phá và hằng triệu sinh mạng. Và sau đó người Pháp còn có thể thực hiện được một phép lạ! Tướng Minh bám chặt cho đến cùng những bảo đảm mà đại sứ Jean - Marie Mérimon đã trao cho ông.

Vài phút trước đó, ông đã có nói thật câu này cho một nhà báo thuộc thông tấn xá A.F.P:

“Ông hãy nói rõ cho Đại Sư Pháp biết là ông đã có thấy tôi ở đây...”

Một lời nói sau cùng có ý nghĩa, thống thiết, nhưng hơi ôi! Không có một chút giá trị nào!

Thình lình, tướng Minh giật nảy người. Ông nghe một tiếng động lớn, xen lẫn với tiếng xích xe. Ông nhìn đồng hồ: Đúng 12 giờ 4 phút. Vài phút đã trôi qua. Tiếng máy xe càng ngày càng nghe to hơn. Đúng 12 giờ 10 phút, ba chiếc xe tăng T.54 cán dẹp những hàng rào cản sơn màu trắng đỏ bao quanh Dinh Độc Lập. Họ bắn chỉ thiên một tràng dài, ủi sập cánh cổng lớn và cán lên trên và tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, cày bừa lên các bãi cỏ trong sân. Hai chiếc xe Jeep và một xe vận tải chạy đến, qua mặt các chiến xa. Tất cả đều mang cờ của CPLTCHMN, (cờ của MTGPMN xanh đỏ với ngôi sao vàng ở giữa). Trên 15 anh “bộ đội”, mặc quân phục xanh và đội nón cối súng trường cặp nách chia tơi trước, có một sĩ quan cấp tá dẫn đầu, đang rầm rập chạy lên các bậc thang trước bao lon chánh.

Toán binh sĩ gác Tổng Thống Phủ đã để súng xuống thành một đồng trên sân từ trước, đưa hai tay lên và đầu hàng... Một vài phút nữa trôi qua. Trên sân thượng của Dinh Độc Lập xuất hiện một số lính với quân phục màu xanh. Họ hạ cờ vàng ba sọc đỏ của VNCH xuống và từ từ kéo lá cờ của họ lên. Trong lúc đó, vị sĩ quan cao cấp được 4, 5 chú bộ đội súng ống đẩy mình hộ tống, áp vào đại sảnh, nơi mà tướng Dương văn Minh đang hội họp với những người cộng sự viên thân cận nhứt của ông ta. Thấy vị sĩ quan này đeo dây sao vàng trên cầu vai nền đỏ, vì không biết cấp bậc của quân đội nhân dân Miền Bắc, nên tướng Minh tưởng rằng mình đứng trước

một sĩ quan cao cấp.

- *“Thưa ông quan sáu (nguyên tác: mon général (ong sao)) ông nói, tôi đã chờ ông từ ban sáng để trao quyền cho ông”.*

- *“Mày dám nói là trao quyền há?”, vị sĩ quan này dùng danh từ “mày” (nguyên tác: tutoyant le Grand Minh) xẵng giọng cãi lại. Mày chỉ là một kẻ cướp quyền và một bù nhìn. Mày không có quyền nào để giao cho tao hết. Chúng tao lấy được quyền đó bằng khẩu súng trên tay. Tao xác nhận với mày tao không phải là tướng mà chỉ là một trung tá và ủy viên chánh trị. Và kể từ bây giờ tao cấm mày không được ngồi xuống!”*

Mặt tướng Minh co dúm lại. Sự hung bạo của những lời nói, giọng nói đầy khinh bỉ đánh đả của vị sĩ quan chột làm cho ông Minh hiểu rõ là ông không gặp được những người của CPLTCHMN, nhưng là những người Bắc Kỳ (nguyên tác: Tonkinois). Mặc dù họ treo cờ Việt Cộng trên xe, nhưng không phải là những binh sĩ người Miền Nam đã vào chiếm Dinh Tổng Thống. Mà đang đứng trước mặt ông là những chiếc xe tăng, những sĩ quan và bộ đội Bắc Việt thuộc lữ đoàn M. 26! Chỉ toàn là người Bắc (nguyên tác: Tonkinois) mà ông không bao giờ ưa và họ đã đối đãi với ông không như bạn hay đồng bào, mà như một kẻ thất trận! Tướng Minh cố gắng tự kềm chế và nói tiếp bằng một giọng mà ông muốn dịu dàng hơn:

- *“Chúng tôi đã có làm sẵn một bữa cơm để tiếp các ông. Có yến, súp măng cua...”*

Vị trung tá Bắc Việt ngăn ông lại và xẵng giọng:

- *“Mày và những đứa khác, tụi bây đang ở trong tình trạng bị bắt. Hãy giữ cái bếp tự sản của mày lại đi. Chúng tao sẽ ăn cơm dã chiến: một nắm cơm nắm và một hộp thịt kho mặn”.*

Tất cả các tổng trưởng hiện diện đều bị nhốt trong một gian

phòng, sau khi đã được khám xét không khoan nhượng. Bây giờ thì Dinh Độc Lập đầy ấp nhà báo ngoại quốc. Họ tràn tới đầu các chiếc T.54. Tướng Minh bị những tên “bộ đội” bao quanh chĩa súng vào người ông, và vị sĩ quan cao cấp vung khẩu súng lục to đẩy ông lên một chiếc xe Jeep và phóng đi dưới hàng loạt ánh đèn chớp của máy ảnh và máy quay phim của báo chí. Những người cộng sản đưa ông đến đài phát thanh để ông phải lên tiếng kêu gọi lần chót với các binh sĩ còn đang tiếp tục chiến đấu. Vì chiến trận vẫn còn tiếp diễn gần như khắp nơi, ở ngoại ô, ở Chợ Lớn, chung quanh Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát, ở khu vực gần Tân Cảng, trước trung tâm truyền tin Phú Lâm,...

Vào hồi 13 giờ, tướng Minh được đưa trở về Dinh Tổng Thống và bị nhốt trong một văn phòng ở dưới tầng hầm. Thế là nhiệm vụ của ông coi như đã hoàn tất. Một nhiệm vụ đặc biệt rất là ngắn ngủi. Không đầy 48 tiếng đồng hồ, giữa giờ nắm chánh quyền và giờ bị cách chức...

*

* *

Trên đại lộ từ vườn bách thảo đến Dinh Độc Lập, có nhiều chiếc tăng khác đi tới, dính đầy bụi bặm bùn sinh hòa lẫn với cơn mưa lất rắt và trên xe còn nguyên cành lá nghi trang. Tất cả các pháo tháp đều mở toang ra. Phía sau các khẩu liên thanh nặng với ổ đạn tròn, thấy có một anh lính chiến xa đội nón cối bằng da đen đang ghì chặt bàn tay vào cò súng. Binh sĩ ngồi hai bên khẩu đại bác lòng dài, hai tay nắm chặt khẩu súng tự động của họ. Theo sau các chiến xa là bộ binh cơ giới, đứng chặt ních trên các xe vận tải Molotova của Nga. Phía sau các xe bộ binh là các dàn súng cao xạ, đi hàng ba, cũng được cơ giới hóa và trang bị mỗi xe bốn khẩu liên

thanh ghép. Rất là cẩn thận và thật chậm rãi, nhiều toán bộ binh cộng sản đi bộ vào đường Pasteur. Có một tràng súng nổ khoảng ngang Tòa án. Rồi có tiếng lựu đạn nổ, tiếng súng máy từng hồi tiếp theo. Các “bộ đội” đi vào đường Tự Do (Catinat), con đường nổi tiếng là xa hoa của người dân Sài Gòn.

Một chiếc xe Jeep chở đầy “lính du kích” với quân phục tạp nham, chạy một vòng chung quanh kỳ đài chiến sĩ Miền Nam và chạy lại trụ sở Quốc Hội. Cửa của trụ sở đang được đóng kín. Có một người mặc quần xanh áo sơ mi ka ki đã phai màu chân không, leo qua rào gỗ lá quốc kỳ Miền Nam Việt Nam xuống và treo vào đó lá cờ của CPLTCHMN. Chung quanh Quốc Hội và đường Tự Do vắng tanh, không có một bóng người. Các tiệm buôn đều đóng kín cửa kể cả cửa sổ cũng sập xuống. Không có một bó hoa hay những tiếng vỗ tay hoan nghinh chào đón những người “giải phóng”. Xa xa, các súng đại liên vẫn còn tiếp tục nổ ròn, thỉnh thoảng lại bị ngắt quãng bằng những tiếng nổ ngắn nhưng nặng nề.

Các binh sĩ Dù đang còn hăng say chống giữ lối vào phi trường Tân Sơn Nhất. Sáu chiến xa T.54 và hơn một chục chiếc Molotova đang bốc cháy trên các đường bay. Cuộc chiến còn đang tiếp diễn tại nghĩa trang lớn của quân đội giữa những hàng thập tự giá trắng tinh dọc theo các mộ, và có những quả đại pháo làm bật tung các hòm lên.

Các xe tăng cộng sản đầu tiên vào Sài Gòn từ hướng Đông theo con lộ cũ hồi thời Pháp, và theo xa lộ Biên Hòa từ thời Mỹ. Các cánh quân tiến vào từ Bến Cát và Tây Ninh theo hướng Bắc xuống, chỉ đến được trung tâm thành phố vào lúc 17 giờ chiều. Họ đến trễ vì bị đụng nặng từ chiều ngày hôm qua ở vùng Hóc Môn, nơi có trung tâm huấn luyện Nhảy Dù do Lữ đoàn 4 Dù trấn giữ, tập

trung dưới sự chỉ huy của đại tá Vinh, một sĩ quan to con đen sạm đã từ chối không chịu tuân theo lệnh ngưng bắn. Các cánh quân này của Bắc Việt bị thiệt hại rất nặng và sau đó còn phải giao chiến ác liệt ở hai điểm trong đường phố: một ở trước Bộ chỉ huy Cảnh Sát Lưu Thông, nơi đó hơn một trăm Cảnh Sát đã chiến chống giữ gần một tiếng đồng hồ trước khi bị chiến xa cộng sản đè bẹp; và một nơi khác ở ngay ngã tư đường Chasseloup và đường Verdun, ở đây chỉ có vòng vắn 4 anh lính Dù với súng liên thanh và súng không giật đã quyết chiến trong hơn 50 phút, bắn cháy nhiều quân xa cộng sản, sau đó vì hết đạn bốn vị anh hùng mũ đỏ này cùng nhau ra khoảng trống giữa đường, cùng nắm vai nhau thành một vòng tròn và cho nổ một xâu mìn quả lựu đạn để cùng nhau tự sát. Lữ đoàn 4 Nhảy Dù, đã đánh nhau với cộng sản chung quanh Tân Sơn Nhứt, ngay trong Bộ Tham Mưu, ở đó họ dùng súng không giật bắn cháy ba chiến xa cộng sản và tối đến họ rút về trong trật tự bằng con đường cũ kỹ của đồn điền cao su để về Chợ Lớn. Họ không hề để lại phía sau một người chết hay bị thương nào cũng như một quân trang quân dụng nào. Đến chiều tối, 400 binh sĩ mũ đỏ, rút về từ Hóc Môn và từ phi trường, đã tập hợp chung quanh đại tá Vinh, còn tiếp tục chiến đấu ở khu chợ và các nhà máy xây lúa ở Chợ Lớn. Và lúc 22 giờ đại tá Vinh cho lệnh họ phân tán thành từ toán nhỏ, và lợi dụng đêm tối để đi về Đồng bằng sông Cửu Long. Riêng vị đại tá Dù, một người đã từng “nhảy” ở chiến trận không biết bao nhiêu lần, già dặn, đã từng được đào tạo ở Trung tâm Nhảy Dù Pau của Pháp trong thập niên 50, không bao giờ chịu đầu hàng. Ông đã tự cho nổ một phát vào đầu bằng chính khẩu súng phóng lựu của ông!

*

Thứ Năm, ngày 1 tháng Năm, 1975. Ngày hôm sau, 1 tháng 5, dân chúng Sài Gòn ngơ ngác và nhốn nháo, quá ngạc nhiên tại sao mình vẫn còn sống, đã điện thoại với nhau để cùng biết tin tức của nhau. Trước tiên trong buổi sáng, có nhiều nhóm nhỏ, rồi dần dần đông hơn, họ đi ra khỏi nhà để khám phá những trung đoàn binh sĩ với quân phục xanh lá cây đã vây hãm thành phố của mình đêm qua. Mấy anh binh sĩ với bộ mặt ngơ ngếch, gầy đến hai gò má nhô cao, mặc quân phục rộng thùng thình bằng vải bố thô, cổ quàng khăn và chân mang dép râu, một loại dép làm bằng vỏ xe cũ, mới thoát nhìn trông như những anh nhà quê vùng về mới vào thành phố lớn lần đầu tiên. Có nhiều anh chưa tới 16 tuổi. Ở bãi cỏ rộng lớn ropy bóng mát trước Dinh Tổng Thống người ta thấy đầy những xe tăng, xe chạy xích, và những chú “bộ đội” đang ngồi quanh dưới các chiến cụ đáng sợ của họ. Và giữa những bãi cỏ gần nhà thờ Chánh Tòa, họ đang nấu cơm bằng củi, coi như họ đang cắm trại trong rừng vậy. Có nhiều người đang giặt quần áo. Phần đông họ đang soát lại vũ khí cá nhân, tháo ra lau chùi cẩn thận như những anh thợ đồng hồ. Các binh sĩ thì xài súng A.K. 47 hay súng tiểu liên Tiệp Khắc ngắn mà tốc độ tác xạ nhanh, bá xếp có móc. Sĩ quan thì xài súng lục của Liên Xô, có tên là súng lục Ma Ca Rốp (Makarov) và loại súng lục Stechkin lớn hơn, vỏ bằng cây có thể ráp lại thành ba súng để đưa lên vai nhắm bắn một mục tiêu xa chừng 120 thước được. Người dân Sài Gòn cẩn thận bước lại gần các chiến xa “Molotova” và bắt chuyện với các anh “bộ đội”. Họ tò mò hỏi.

- “Các anh từ đâu vô đây vậy?”

Các câu trả lời lúc nào cũng giống nhau, với một giọng phát âm

hơi chói tai:

- “Từ ngoài Bắc...”

Và ngay sau đó mới là tên của thành phố hay các tỉnh như Hà Nội, Nam Định, hay Ninh Bình, v.v... Không còn chút nghi ngờ nào nữa, tất cả những anh lính chánh quy vào Sài Gòn là những người Bắc (nguyên tác: Tonkinois). Miền Nam không phải được giải phóng, mà là bị chiếm! Không thấy có một anh nào thuộc cái CPITCHMN.

Một “Ban Quân Quản” đang nắm quyền hành chánh tại thành phố Sài Gòn, mà người chỉ huy là tướng Trần Văn Trà, 57 tuổi, người tuy gầy nhưng rất mạnh khỏe, hàm rộng, đôi mắt sắc bén mang kính gọng sừng, tóc đen và hót ngắn. Tướng Trà là người ở Miền Trung, một người đấu tranh cách mạng già dặn, đảng viên đảng cộng sản Đông Dương, bị tù năm 1939, vượt ngục năm 1944. Từ năm 1946 đến 1951 ông là người đứng ra phối hợp hoạt động của bốn vùng quân sự Việt Minh ở Miền Nam để chống lại lực lượng viễn chinh Pháp. Từ sau Hiệp Định Genève, ông tập kết ra Hà Nội và trở thành Tổng Tham Mưu Phó “Quân Đội Nhân Dân Bắc Việt” và sau đó là Chủ Tịch Quân Ủy Trung Ương ở Miền Nam. Ông cũng còn là Ủy viên dự khuyết của Chánh trị Bộ cộng sản ở Hà Nội. Vào năm 1968, ông đã tổ chức cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân, và năm 1972, chỉ huy trận tấn công vào An Lộc. Từ sau thời kỳ đó ông đứng vào hàng thứ ba trong hệ thống quân ủy của Miền Bắc, sau tướng Võ Nguyên Giáp và tướng Văn Tiến Dũng. Vào đến Sài Gòn vào đầu buổi trưa, ông đến ngay Dinh Độc Lập. Ông cho tổ chức ngay buổi lễ chánh thức “bàn giao quyền hành”, xử dụng đội ngũ quay phim của cộng sản trong công tác thu hình để tuyên truyền, và ra lệnh thả tướng Minh và các tổng trưởng của ông này ra hết.

Đến 4 giờ 30 chiều, tướng Minh rời khỏi phòng giam ở tầng dưới. Ông bước lên bao lơn chánh của Dinh Tổng Thống lúc nào cũng có lính canh chừng hộ tống bên cạnh, đi dọc theo hành lang có trải thảm đỏ để vào căn phòng nhỏ của các tùy viên. Một sĩ quan Bắc Việt đến nói với ông:

- “Ông hãy ở đây đợi lệnh của chánh quyền cách mạng.”

Các nhà báo “xã hội chủ nghĩa” bước vào phòng, người phóng viên của nhật báo “Quân đội Giải Phóng” đến trước mặt tướng Minh và hỏi ông:

- “Ông nghĩ thế nào về những biến cố mà ông vừa trải qua?”

Tướng Minh giữ im lặng trong một vài giây... sau đó mới trả lời, không quên dùng toàn những danh từ mà cộng sản thường hay sử dụng trong tuyên truyền:

- “Chúng tôi đã ý thức được sức mạnh của Chánh Phủ Cách Mạng Lâm Thời và của Quân đội Giải Phóng. Các đơn vị Thiết Giáp của Giải Phóng Quân thật là hùng mạnh. Quân đội Sài Gòn không còn lực lượng để chống trả nữa. Chỉ còn một quyết định đúng nhất là đầu hàng không điều kiện mà thôi.”

Và ông còn nói tiếp:

- “Thật vậy, chúng tôi tin tưởng các ông, nếu không thì chúng tôi không bao giờ đem cả gia đình chúng tôi đến đây để chờ các ông tới. Các ông đã đi đến chiến thắng một cách nhanh chóng. Chúng tôi rất là có phước, thật sự rất là có phước. Chúng tôi và gia đình chúng tôi không hề hối hận gì. Thật là cả một niềm an ủi và một niềm vui.”

Ông Nguyễn Văn Huyền, người lãnh tụ giáo dân, quá mệt mỏi, được phép vào nằm nghỉ trong phòng. Để trả lời cho các nhà báo muốn biết “ý kiến của ông về đường lối chánh trị của Chánh Phủ

cách mạng”, ông đã trả lời nước đôi với một giọng nhần nhục và dè dặt:

- *“Chúng tôi không chấp nhận các “người di tản”. Là người Việt Nam thì họ phải ở lại sống trên đất nước quê hương của mình chứ?”*

Ông Vũ văn Mẫu, vị cựu Thủ Tướng thì tươi cười, nháy nhót và bày tỏ một niềm vui nhiệt thành ra mặt:

- *“Các anh đánh hay lắm, đánh rất là hay!”*, ông hướng về các anh cán bộ Bắc Việt đứng lẫn trong các nhà báo: *Tôi rất bằng lòng là đã đuổi hết người Mỹ đi. Bây giờ thì chỉ có chúng ta với nhau mà thôi”.*

Ông nhắc lại lịch sử của cái “đầu trục” của ông, “vào lúc đó là một dấu hiệu để phản đối sự bầu cử Tổng Thống gian lận và độc diễn của ông Thiệu”, và ông thích thú nói thêm:

- *“Từ hôm nay là tôi sẽ để tóc lại được rồi!”*

Sau đó ông còn nói về nơi chôn nhau cắt rún của ông là quận Thường Tín của ông ở phía Nam Hà Nội nữa.

Ông Nguyễn Văn Hào, cựu Phó Thủ tướng và Tổng trưởng Kinh Tế đưa tay lên và nói lớn

- *“Thật là đáng phục là các anh đã đánh bại được Hoa Kỳ, chúng tôi hy vọng là tất cả tài nguyên của đất nước sẽ được dùng để xây dựng đất nước chúng ta.”*

Ông Lý Quý Chung, cựu Tổng trưởng Thông Tin, nhắc đi nhắc lại nhiều lần:

- *“Chỉ có những binh sĩ và những người chỉ huy của quân đội cách mạng mới thật sự là những người chiến thắng. Sự đóng góp của chúng tôi thật là quá nhỏ nhoi.”*

Và sau vài phút suy nghĩ ông lại nói thêm:

- *“Chúng tôi biết rất rõ tình hình. Chúng tôi tin tưởng ở đường lối chánh trị của cách mạng. Cuộc chiến thắng vĩ đại này thuộc về toàn dân Việt Nam. Từ đây về sau chúng tôi không còn một chút bận tâm lo nghĩ gì nữa.”*

Nhìn qua cửa sổ thấy đám đông dân chúng tò mò đang tập trung đứng nhìn cánh cửa rào của Dinh Độc Lập bị xe tăng T.54 cán sập, ông ta phân chứng với các nhà báo:

- *“Các ông xem kia, dân chúng đang chạy lại để chào mừng chiến thắng của các anh chiến sĩ giải phóng đó. Chưa từng thấy cái cảnh này ở đây bao giờ. Lịch sử của nước Việt Nam đã bước vào một kỷ nguyên mới.”*

Vào lúc 5 giờ chiều: trong đại sảnh của Dinh Tổng Thống đã diễn ra cuộc gặp gỡ chánh thức giữa những người đại diện của Ban Quân Quản Sài Gòn - Gia Định và “16 nhân vật trách nhiệm của chế độ cũ” ở Miền Nam. Thử tự ngồi thử được áp dụng triệt để nghiêm túc. Những đại diện của Ban Quân Quản và những vị chỉ huy đơn vị của Quân đội Nhân Dân Bắc Việt (11 tướng tá) được xếp ngồi ở hàng ghế danh dự, các ghế dựa có bọc lụa đỏ. Trước mặt họ là tướng Minh và những thành viên khác của “cơ quan hành chánh cũ” hai tay phải úp xuống đầu gối của mình. Một đại diện của Ban Quân Quản thông báo cho họ là Chánh Phủ Cách Mạng Lâm Thời đã quyết định cho phép họ được tự do trở về nhà. Ông bày tỏ hy vọng là tùy theo khả năng của mỗi người họ sẽ “đóng góp” vào công tác xây dựng đất nước.” Các vị tổng trưởng và tướng Minh “cảm động” vỗ tay. Tướng Minh sau dấu hiệu gật đầu của tướng Trà, đứng dậy và bước tới mi crô và tuyên bố với một giọng run run:

- *“Tôi xin thành thật gởi tới CPLTCHMN và lực lượng thuộc*

Quân đội Nhân Dân Giải Phóng những lời chúc mừng nồng nhiệt về chiến thắng hoàn toàn và quyết định vừa qua. Ở vào tuổi 60, tôi rất là hạnh phúc được trở về với đời sống của một công dân thường của một nước Việt Nam thật sự tự do và độc lập.”^[1]

Cả chương trình và diễn tiến của buổi lễ này đã được dàn dựng chi ly từ Hà Nội và được các chuyên viên đưa từ Hà Nội vào để quay thành phim từ đầu cho đến cuối. Cuốn phim này được trình chiếu trong tất cả các rạp hát trên toàn quốc Việt Nam và ở những nước “xã hội chủ nghĩa anh em”

Trong những ngày kế tiếp, các binh sĩ chánh quy Bắc Việt thuộc các sư đoàn đã đánh vào Sài Gòn được phép đi dạo thành phố. Thủ đô Miền Nam Việt Nam và mặt tiền của thành phố với các tiệm nữ trang, hàng sơn mài, hàng sành sứ và đồ cổ, cả tiệm cà phê với hai bên vách toàn kính, với các chợ đầy ắp mọi loại thực phẩm, thức ăn... đã làm cho các chú “bộ đội” chóa cả mắt mũi và quá đỗi ngạc nhiên. Tất cả các binh sĩ này đều đã in trí rằng mình phải “giải phóng” một thành phố đói nghèo đang bị áp bức bóc lột, nhưng họ phát giác ra đây là một thành phố lớn ở Miền Nam, giàu có, linh hoạt, hạnh phúc, chỉ bị ảnh hưởng một ít thôi về chiến tranh. Các anh “bộ đội” trẻ đi phép này đi dạo từng cặp hai người một, bàng hoàng choáng váng vì sự lưu thông ở đây, dân mất khắp các tủ kính đầy ngạc nhiên như những anh chàng nhà quê cục mịch. Các bác “phó nhòm” chụp hình lấy liền bằng máy Polaroid trên đường phố làm họ càng sùng sốt hơn đến cảm lạnh không nói được một lời nào. Họ đi lẫn vào các đám đông dân chúng, để thử cố gắng bắt chuyện với họ, cố mỉm cười để tỏ ra là người có lễ độ.

Yên chí với tính trẻ con dễ dãi của các “anh” người Bắc, người

dân bé nhỏ và không có Chánh Phủ của thành phố lớn này hội nhập rất mau với những người chủ mới. Lực lượng chiếm đóng bị đưa vào tròng ngay: trộm và đổi chác vật dụng, từ hộp thực phẩm khẩu phần qua những bao đường, đến những chuyện hút xăng ra từ các chiến xa hay các xe vận tải, buôn đủ mọi thứ: tất cả các anh “bộ đội” đi phép đã nhanh chóng không còn đồng nào trong túi, miễn là có được chiếc đồng hồ bằng nhựa không chạy được, đôi kính chống nắng của Mỹ, chiếc máy thu thanh bán dẫn vừa mới đánh cắp đầu đố. Người ta còn bắt họ hút thuốc cần sa mà họ vẫn không biết...

Những chú khác thì bị sắc đẹp của mấy cô gái ăn sương mê hoặc, bị cám dỗ đưa vào các phòng ngủ qua đường để rồi vài ngày sau lũ lượt kéo nhau vào khám bệnh hoa liễu. Các xe mô tô của Nhật thì quá thành công. Các chú “bộ đội” đeo nhau từng hai người, ba người, có khi đến bốn người chạy bất kể, nổ máy liên hồi, báng vào các lề đường, đôi khi tông vào cột đèn hay tuông vào bồn nước lớn ở đại lộ Charner. Người dân Sài Gòn dứt khoát nghĩ rằng các chú “bộ đội” này quả thật quá vụng về dễ bị “quay” lắm. Nhưng trò chơi “láu lỉnh” này không dừng mãi lâu được. Có nhiều xe phóng thanh bắt đầu chạy khắp nơi trong thành phố cảnh cáo rằng trò “lừa bịp” các “giải phóng quân” là bất lương... và hành động bất lương đó sẽ bị “nghiêm trị”. Biện pháp ngăn chặn đầu tiên nhắm vào các “chủ trương quyến rũ, hủ hóa và mua bán đổi chác”, Ban Quân Quản loan báo là “các nhà thổ, các tiệm hút, các tiệm nhảy, bài bạc, kể cả mọi tàn tích của xã hội suy đồi của Mỹ Ngụy bị cấm hẳn từ đây”.

Cứ mỗi năm ngày là binh sĩ trú phòng sẽ được thay đổi. Không còn thấy xăng lẻ bán ở lề đường nữa. Xe Honda cũng vậy. Lượng

xăng cạn dần và không còn được tiếp tế cho nữa, nên các trạm xăng tuần tự đóng cửa. Xe đạp bắt đầu thay thế xe mô tô. Trên tường treo đầy các tấm bảng ghi rõ là sẽ nghiêm trị thật nặng những ai còn tàng trữ vũ khí, đạn dược và máy truyền tin.

Ngày 4 tháng 5: có lệnh cho dân chúng Sài Gòn phải làm công tác vệ sinh và treo cờ trong thành phố để cho thành phố của mình “trở nên sạch sẽ, tinh khiết, vui vẻ và cách mạng.” Tất cả mọi người đều phải ra quét dọn trước nhà mình. Có những người “tình nguyện” thì đi hốt hàng đống rác hôi thối còn nằm trên lề đường hay trong các cống rãnh từ bao nhiêu ngày nay.

Các bà thì lo may cờ “giải phóng”. Dân chúng ở các khu nghèo là những người ít vội vàng trong việc treo “cờ cách mạng”: cờ bán quá mắc, từ 1.500 đến 1.800 đồng một lá (bằng tiền công ba ngày làm việc).

Ngày 6 tháng 5, “nhân dân” đập nát tượng đài chiến sĩ Việt Nam trước Quốc Hội: đó là hai anh chiến sĩ Thủy Quân Lục Chiến đang trong tư thế xung phong súng chia tơi trước mặt. Tượng đài sập xuống gây nên một tiếng vang lớn.

Ngày 7 tháng 5, tức là một tuần lễ sau ngày thành phố đổi chủ, Ban Quân Quản mới ra mắt lần đầu tiên với dân chúng ở tại Dinh Độc Lập.

Từ chiều hôm qua, người dân Sài Gòn được mời đến đứng ở bãi cỏ trước Dinh, ở đó họ sẽ vỗ tay hoan nghênh những người lãnh đạo mới của mình. Không biết vì không có thiện ý hay vì trời xấu (mưa suốt đêm qua) mà sáng nay không có bao nhiêu người đến dự. Những người lạc quan thì ước tính sẽ có khoản từ 20 đến 25 ngàn người. Và còn hơn thế nữa vì một phần lớn cử tọa phải được tính là các anh “bộ đội” mặc quân phục. Đối với một thành

phố có bốn triệu dân thì con số ước tính đó không có là bao. Đối với một thành phố được “giải phóng khỏi 30 năm bị áp bức bóc lột” thì con số đó gần như không có nghĩa gì hết.

Trên bao lon tương Trà chánh thức đọc một bài diễn văn đầu tiên. Đám đông giương các biểu ngữ và vẫy các lá cờ nhỏ, có quân nhạc và có tiếng vỗ tay... Nhưng thật quá rõ ràng là không thấy có niềm vui nào ở đây hết. Các ủy viên chánh trị cố sức nhấn mạnh từng khẩu hiệu qua ống loa cầm tay của họ, nhưng không thấy được nồng nhiệt những tiếng hô theo. Nhìn chung, người ta thấy rõ là khán giả Miền Nam còn chưa có khả năng trả bài thuộc lòng đối với những khẩu hiệu quá mới mẻ.

Ngày hôm sau, 8 tháng 5, tất cả 54 rạp chiếu bóng ở Sài Gòn cùng phải chiếu một cuốn phim duy nhất: “*Trận chiến Điện Biên Phủ*”. Qua hình ảnh cũ từ hơn 21 năm, khán giả Việt Nam thấy hàng ngàn binh sĩ Pháp thất trận đang đi ra khỏi hầm trú ẩn, hai tay đưa lên trời. Một chút lịch sử được nhắc lại không đủ khả năng làm vẩn đục tâm hồn thanh thản của các nhà ngoại giao Pháp đang mài miệt bênh vực cho đường lối chánh trị vi đại của họ là “tình hữu nghị giữa Ba Lê và Hà Nội”.

Nhưng nó gây khó chịu sâu đậm cho những người công dân Pháp hiện còn đang bị kẹt lại ở Sài Gòn. Các nhà báo ngoại quốc được mời đến dự buổi họp báo đầu tiên của Ban Quân Quản. Và cũng là một cuộc họp báo cuối cùng! Bài nói chuyện của tướng Trần Văn Trà được một thông dịch viên dịch ra tiếng Anh và ông đã trình bày quá dài dòng, chán ngắt về công tác văn hồi trật tự và an ninh, về sự biết ơn đối với các “quốc gia xã hội chủ nghĩa anh em” đã đóng góp vào chiến thắng. Mạc Tư Khoa được nghe nhắc đến nhiều lần, còn Bắc Kinh thì chỉ nghe nói phớt qua. Các nhà

báo trong tuần qua đã cố tìm, nhưng vẫn không hy vọng không gặp được một người đại diện nào của CPLTCHMN. Họ đã lên tiếng hỏi tướng Trà về “sự vắng mặt không thể giải thích được của Chánh Phủ Lâm Thời này”, Tướng Trà cười trừ, trả lời xoay quanh để thoát khỏi ngõ bí:

- “CPLTCHMN đang ở trong Miền Nam Việt Nam nhưng tôi không muốn nói với các anh là họ ở đâu.”

Thật là quá lạ lùng cho cái Chánh Phủ Lâm Thời này! Không thấy mà cũng không thể tìm thấy, như thế là tính cách bí mật vẫn tiếp tục một cách lạ lùng khi mà chiến tranh đã chánh thức chấm dứt rồi! Đã từ lâu rồi, chúng tôi không còn tin theo những lời hứa hẹn mà Hà Nội đã từng lớn tiếng tuyên truyền. Bộ mặt thật của “một Miền Nam trung lập được giải phóng khỏi sự kềm chế của ngoại bang”... hôm nay mới được thấy rõ. Chúng tôi cũng biết là xã hội chủ nghĩa không thể áp dụng ngay được ở đây... Miền Nam là Miền Nam... Chúng tôi luôn nghĩ tới tính cách cá biệt của Miền Nam. Trước hết phải thành lập tại Sài Gòn một Chánh Phủ đoàn kết quốc gia để hòa giải tất cả mọi công dân chung quanh một chương trình tối thiểu nào đó. Sự thống nhất hai Miền rồi cũng sẽ tới sau này... nhưng phải dưới hình thức một “Liên Bang”. Những ai đã từng gần bó quá ngây thơ trong trắng vào một sự hòa giải quốc gia tự nhiên giữa những người anh em Miền Bắc và Miền Nam với nhau... bây giờ mới cay đắng biết rõ đó chỉ là một ảo tưởng. Còn những ai hy vọng có thể nói chuyện với “phía bên kia” thì bây giờ đây họ còn đang đi tìm những người đối thoại với họ. Vào những ngày cuối cùng trước khi mất Miền Nam Việt Nam, các quan sát viên quốc tế đều ghi nhận là có một “khoảng trống chánh trị” ở Sài Gòn. Ngày hôm nay thì Sài Gòn không còn là một “khoảng trống chánh trị” nữa mà

là một “bãi sa mạc chánh trị” nơi đó những “con ma” của CPLTCHMN được chờ đợi như một ảo tưởng. Thật vậy, cái CPLTCHMN đã từng bị tàn sát trong cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân (1968) chỉ là một con chim mỗi không hơn không kém, cũng giống như cái gọi là “lực lượng thứ ba Việt Nam không cộng sản”... tất cả đều không ai nắm bắt được hết, và cũng không thể đại diện cho ai hết, nhưng chánh sách ngoại giao Pháp đã quá khờ dại dựa trên đó để đặt niềm hy vọng bảo vệ quyền lợi của nước Pháp.

Không còn nghi ngờ gì nữa, quyền hành thật sự đang ở trong tay của Quân đội Nhân Dân Bắc Việt. Và tướng Trần văn Trà người “chủ” mới của Sài Gòn cũng chỉ là một công cụ của quyền hành đó mà thôi.

Vào ngày thứ năm 15 tháng 5, một cuộc diễn binh rầm rộ đã nói lên sức mạnh quân sự của những kẻ thắng trận. Dẫn đầu, đi sau một con rồng đỏ đang uốn khúc tượng trưng cho niềm vui và hạnh phúc, là các em nữ sinh rất ngoan với quần đen áo dài trắng, rồi đến các phái đoàn dân chúng mang biểu ngữ nhằng nhịt đầy khẩu hiệu. Sau đó đến các trung đoàn thép của Bắc Việt đi thành một khối: các “bộ đội đi hàng mười, có bước đi như ngỗng, súng mang choàng qua cổ, mặt lạnh lùng. Kế tiếp là các chiến xa đi thành hình vuông, đồ sộ, ồn ào, các xe ra đa, các thiết giáp xa và hàng trăm khẩu pháo binh cơ giới hóa, và những giàn hỏa tiễn. Tất cả pháo binh Liên Xô ghê gớm đó lẽ ra đã bắn 70.000 quả đạn (3.000 cho mỗi khu) và 6.000 quả rốc két để nghiền nát thành phố, nếu thành phố này không đầu hàng. Đó là một cuộc trình diễn vĩ đại của chiến xa T.54, của hỏa tiễn S.A.M. 6 và S.A.M. 7... những chiếc “Kalachnikov”, những chiếc “Molotova” và những cỗ pháo 130 ly kinh hoàng. Các phi cơ Mig 19 và 21 gầm rú trên bầu trời.

Nhưng điều phải thấy trên hết và được thấy trước nhất phải là: chiến thắng của những người Bắc Việt (nguyên tác: Tonkinois). Ở giữa rừng người đang liên tiếp đi tới như những làn sóng lớn... họa hoàn chịu khó lắm người ta mới nhận thấy được một vài xe vận tải chở đám “du kích quân” của “MTGPMN” và một xe Jeep chở nữ binh mặc đồ đen và đội nón “tai bèo” nhỏ.

Các hàng ghế danh dự trên khán đài được dành cho phái đoàn 12 “anh lớn” dẫn đầu là ba nhà lãnh đạo trong Chánh Trị Bộ cộng sản: ông Tôn Đức Thắng, Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, ông Lê Đức Thọ, và tướng Văn Tiến Dũng, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân đội Bắc Việt. Chủ tịch Tôn Đức Thắng hôm nay phải là người có một niềm vui thật lớn. Ông gốc người Miền Nam, sanh ở Long Xuyên, 85 tuổi, từng là một người nổi loạn ở Hắc Hải, một người thợ điện cũ của hãng Renault, nay là một ông lão trượng mệt mòi và gần như điếc, được huân chương Lê Nin, là một người đã có một quá khứ đấu tranh cách mạng hơn nửa thế kỷ. Vào năm 1927, chính ông là người đã thành công trong việc đánh cướp đầu tiên cho đảng cộng sản Đông Dương trên đường sông khi ông cầm đầu một toán đeo mặt nạ dùng súng lục chặn cướp chiếc tàu đồ Mỹ Tho. Ông bị bắt và bị kết án tử hình năm 1929, sau đó được ân xá giảm án xuống còn 16 năm tù giam ở Côn Đảo trước khi vượt ngục năm 1945 để tiếp tục cuộc đấu tranh. Ông Lê Đức Thọ, một thương thuyết gia bên bí của Hiệp Định Ba Lê và lý thuyết gia của đảng cộng sản Việt Nam, là một nhân vật được biết nhiều ở Tây phương. Tướng Văn Tiến Dũng, người chiến thắng trong cuộc tổng tấn công khắp Miền Nam, là người chỉ huy của tất cả lực lượng vũ trang Bắc Việt từ sau khi tướng Võ nguyên Giáp bị lu mờ^[2]. Người béo lùn, cương nghị và bí mật, tướng Dũng là một người Bắc Việt

chính cống, gốc ở tỉnh Nam Định giàu có. Là một người từng tham gia hết mọi chiến trận, cựu quân ủy trung ương, một người cộng sản trung kiên và một chủ chiến không chối cãi được... ông là một trong những nhân vật lãnh đạo chủ chốt của chế độ Hà Nội. Ông không quá kiêu ngạo và với một trình độ văn hóa kém hẳn ông Võ nguyên Giáp, con người tự học bên bí này đã chuẩn bị hành động có tính cách quyết định số phận của Miền Nam. Ông là người đã thành lập một sư đoàn đặc công để thi hành một trọng trách là làm tan rã hệ thống tiếp vận của địch quân, và là người đã biết xử dụng hợp đồng binh chủng giữa chiến xa và pháo binh của mình một cách toàn hảo. Sự có mặt của ba nhân vật này ở Sài Gòn đã mang lại cho buổi lễ “giải phóng” này một biểu tượng rất có ý nghĩa: “ánh sáng này đã đến từ Hà Nội”. Dù muốn dù không thì tương lai của quốc gia Việt Nam này cũng đã bị cột chặt vào một sự thật rồi: nó sẽ là một quốc gia cộng sản, cách mạng và không thể chia cắt được. Về điểm này không còn một chút nghi ngờ gì nữa, theo lời phát biểu sau cùng của ông Lê Duẩn, Tổng bí thư đảng cộng sản Bắc Việt, khi nói tới Việt Nam thì ông đã coi như một Quốc gia thống nhất rồi. Ông nói: “Nước Việt Nam tốt đẹp đã trở nên toàn vẹn từ Lạng Sơn đến Cà Mau”.

*

* *

Sự mềm dẻo tạm bợ của những người “chủ mới” ở Miền Nam chỉ là một trạm dừng chân trên con đường phải đưa người dân Miền Nam đi những bước đầu của cuộc cách mạng. Chỉ là một sự tạm nghỉ chân có tính cách chiến thuật vì có một nhu cầu phải đặt lại các cơ cấu cải tạo và ghép vào một số cán bộ cần thiết cho dân chúng đang còn cứng đầu khó dạy, quen theo lối sống dễ dãi và

khó thuyết phục, khó phục tùng bằng biện pháp quân sự. Thời gian vui chơi đã qua rồi. Các cán bộ chánh trị của Miền Bắc đã hoàn tất mọi công tác chuẩn bị. Cứng rắn, dẻo dai và năng nổ họ đặt dân chúng Sài Gòn vào một máng lưới, rồi càng ngày càng siết chặt lại. Sài Gòn không còn được gọi là Sài Gòn nữa, mà là “thành-phố-Hồ-chí-Minh” để kỷ niệm người cha đẻ của cách mạng Việt Nam. Đã hết rồi thời điểm của “một nụ cười và một bàn tay thân thiện”.

Bây giờ đã đến thời điểm của sự “đe dọa” và của những “bước đi mới”. Gọng kềm đột nhiên khẹp chặt lại, trước hết là trong những khu vòng đai ở Gia Định, Tân Định, Gò Vấp... nơi mà các “ủy ban nhân dân” đã được thành lập xong, và tiếp theo đó lần lượt vào trong thành phố. Từng khu, từng đường, từng ngõ hẻm, từng nhà một... tất cả đều được thanh lọc. Kiểm tra từng người, ai cũng được gọi lên, được hỏi về cá nhân mình, về gia đình mình, về những người chung quanh mình, và được trưng tập vào một lớp học tập chánh trị... cũng được gọi là công tác làm sạch đường phố hay là “dọn cho sạch rác rến.” Tất cả trường từ tiểu học trung học cho đến đại học đều phải đóng cửa. Tất cả những tổ chức và sinh hoạt văn hóa “phản động, đồi trụy và do bẩn của đế quốc và của tay sai Thiệu” đều triệt để bị nghiêm cấm. Nói trắng ra là tiêu hủy hết mọi phim ảnh, đĩa nhạc ngoại quốc, tất cả những tác phẩm văn hóa thế giới như của Balzac, Dostoievski, Faulkner, Camus, Gogol đều bị đốt hết lẫn lộn với các tạp chí tình dục loại Play Boy, kể cả các “cuộc phiêu lưu của Tarzan”. Các giáo sư, thầy cô giáo, sinh viên học sinh mỗi ngày phải đến họp từ 9 giờ đến 1 giờ trưa để tập đồng ca những bài hát cách mạng, tập vỗ tay cho ăn nhịp hay tập “đọc” tập “hô” những khẩu hiệu. Nhiều đoàn người mệnh danh là trưởng giả, là tư bản, là trí thức, là cựu công chức đã biết “ăn năn

hối cải” bắt đầu đi riều trên các đường phố với những tấm bảng đeo trước ngực với nội dung đại loại như “Tôi đã phản bội cách mạng”, “tôi có bạn người Mỹ”, “tôi đã cộng tác với kẻ thù”, v.v.

Hết khu này đến khu khác, nhiều toán người nhỏ thó mặc quần phục xanh lá cây treo lên bao lon, hay các cột điện để chằng dây và treo loa, để cho dân chúng nghe ra rõ những bản nhạc quân hành âm ỉ suốt ngày...

Trên tường đầu cũng treo đầy hình to lớn của một ông già có chòm râu dưới cằm: hình của Chủ tịch Hồ chí Minh. Nguyên vọng duy nhất của ông là tất cả nhân dân Việt Nam phải tôn thờ ông. Tất cả những sự tuyên truyền đều tập trung vào ông này, vào cuộc đời của ông, vào những tác phẩm của ông, vào những bài thơ của ông mà ai cũng phải học nằm lòng. Ông vừa là một Thánh nhân, một vị tiên tri vừa là một vị Thần hộ mạng của cự thủ đô Miền Nam lúc này đã mang tên của ông. “Di chúc” của ông là một sự chỉ dẫn hoàn hảo, một giáo lý mà tất cả mọi người “Việt Nam thật sự” phải theo.

Nhịp nhàng với hành động tâm lý chiến của các “cán bộ” (ủy viên chánh trị), ảnh hưởng của mấy chú “bộ đội” thuộc quân đội nhân dân Bắc Việt mỗi ngày một nặng nề thêm lên, và càng ngày càng thấy rõ bộ mặt của một quân đội chiếm đóng. Ban ngày thì các đội tuần tra khoảng 20 chú “bộ đội”, với nét mặt hùng dũng, căng thẳng, đi cách nhau chừng năm thước, tay ghì vào cò súng, đi rào khắp thành phố, canh chừng các ngã tư, hoặc thiết lập các rào cản. Ban đêm thì cả một trung đội đi khắp nơi trên đường phố lúc nào cũng vắng ngắt, vừa đi vừa lắc các khóa cò súng AK.47 của họ. Thường thì họ phục kích sau các cây trồng dọc đường và bắn lên nhiều tràng súng dài vào các bóng đen thoáng qua, lặng lẽ. Thế nhưng mặc dầu lớn tiếng hăm dọa, với những áp phích, những

phim ảnh phải xem, những buổi học tập cải tạo tập thể... người dân Sài Gòn vẫn cứng rắn và tham gia các buổi “sinh hoạt cách mạng” một cách lặng lẽ, hờ hững. Cả ba buổi họp lớn đầu tiên trong tháng 5 (ngày 1, ngày 7 và ngày 15 tháng 5) chỉ qui tụ khoảng vài chục ngàn người, không hơn được.

Ngày 15 tháng 5, “ngày lễ chiến thắng”, trong khi các sư đoàn Bắc Việt rầm rộ diễn hành, các toán cán bộ cố vũ đặt ở các ngã tư đường không thành công được trong nhiệm vụ hô hào dân chúng vỗ tay hoan nghênh quân đội chiến thắng Miền Bắc. Chẳng những thế mà còn có rất nhiều khán giả Miền Nam khóc suốt suốt nửa.

Chế độ cũ đã phát hàng chục ngàn súng cho dân vệ trẻ trong các khu gia cư. Thủ đô lại có gần trăm ngàn Cảnh Sát được trang bị súng M.16, súng lục 32 và lựu đạn. Phía Bắc Việt đã tự thú nhận là mặc dầu đã treo nhiều giải thưởng cao cho những sự tố giác, nhưng chỉ thu hồi được một số rất ít ỏi vũ khí này.

Nhiều người dân Sài Gòn còn đi xa hơn nữa là họ từ chối không chịu đầu hàng. Một số tướng lãnh đã tự tử như: tướng Phú, cựu tư lệnh Vùng Cao Nguyên Trung Phần, đã uống nguyên một ống thuốc nivaquine và chết tại bệnh viện Grall; như tướng Nguyễn Vỹ, cựu Tư Lệnh sư đoàn 5 bộ binh, tướng Nguyễn Khoa Nam và Tướng Lê Văn Hưng, Tư Lệnh và Tư Lệnh Phó Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long; tướng Nguyễn Văn Hai, Tư lệnh sư đoàn 7 bộ binh... Nhiều sĩ quan khác, các nhân vật và các chánh trị gia đã tự kết liễu đời mình bằng thuốc độc hay bằng cách tự bắn vào đầu. Trong số những người này có ông Trần Chánh Thành, cựu Tổng trưởng Thông Tin, một trong những người đối lập hàng đầu với Tổng Thống Thiệu; tất cả thành viên trong một gia đình công chức cao cấp (sáu người) và cả ba người giúp việc trong gia đình. Một cựu hạ sĩ quan Dù tự

tử ngay giữa chợ bằng cách tháo chốt một trái lựu đạn và nằm lên trên và la lớn lên:

“Chúng bây không bao giờ bắt sống được tao đâu... đồ bọn cướp đêú giá!”

Trái lựu đạn nổ tan xác anh thành nhiều mảnh, trừ chiếc mũ bê rê đỏ của anh, nhưng không một ai dám nhặt lấy...

Một tuần lễ sau khi tượng đài “chiến sĩ VNCH” bị hạ bệ, có một vị cựu binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến của Miền Nam tẩm xăng tự thiêu như những nhà sư trước kia đã làm để phản đối “chế độ thối nát”. Ông ta cháy như ngọn đuốc trong nửa giờ, trước hàng trăm dân chúng Sài Gòn đứng sững sờ nhìn ngọn lửa trên bụng anh làm cháy đen cả hai cánh tay anh. Một giờ sau, đài phát thanh Hà Nội cổ làm nhẹ biến cố này bằng một bản tin được loan đi, nói rằng: *“người tuyệt vọng này cầm trên tay một tấm giấy trên đó ông viết ‘tôi đối lăm’!”*^[3] Ngày hôm sau phát ngôn viên của Ban Quân Quản lại đưa ra một lời giải thích thứ hai:

- “Đó là một phật tử chống đối chế độ Thiệu. Anh ta để lại một bức thư nói rằng: cuối cùng đất nước tôi đã được giải phóng khỏi ách độc tài, nhiệm vụ tôi đã hoàn tất và tôi chỉ còn có chết mà thôi.”

Cả hai luận cứ mâu thuẫn này không đối gạt được người nào hết. Người dân Sài Gòn chứng kiến tận mắt cái chết của anh Thủy Quân Lục Chiến có thể sẽ không nói được tại sao anh ta tự tử. Nhưng họ biết rõ nơi anh chết: đó là trên đồng ximăng nát vụn của tượng đài hai anh lính Thủy Quân Lục Chiến tượng trưng cho lòng can đảm của người lính chiến VNCH. Tất cả những người chết để khỏi phải kéo lê kiếp sống nô lệ như thế rất xứng đáng được kính trọng...

Các nhà báo đôi khi đưa ra những nhận xét đơn sơ không muốn nói nhiều hay chỉ muốn mua lòng độc giả bằng một câu nói bằng

quơ bóng bẩy. Một trong những bạn đó, một người cũng nổi tiếng lắm, được trui rèn trong tài nghệ và cũng có khá nhiều độc giả trên khắp thế giới, đã đưa ra một câu quá bất công và quá tàn nhẫn khi viết về cái chết của tướng Phú:

- “Tướng Phú, Tư Lệnh Vùng Cao Nguyên đã từng là một người lính rất tốt ở Điện Biên Phủ, đã không còn tốt nữa khi ông ta nhận bổng lộc của ông Thiệu như những người khác”.

Nhà báo này không có quyền chửi bới, mặt sát hay lên án một người đã chết, nhất là khi anh chưa biết người đó là ai và dĩ nhiên chưa bao giờ thấy được hành động của người ta trên trận địa. Những ông được xem như là “chúa tể” của Dù ở Điện biên Phủ, tôi muốn nói như Langlais, Bigeard, Bizard, Touret và Botella, can đảm tột bậc và không bao giờ biết xúc động, họ rất quý mến và đánh giá cao ông trung úy nhỏ con tên Phú này mà họ coi như là một sĩ quan rất có giá trị trong quân đội Việt Nam. Tướng Phú là bạn của tôi (tác giả). Tôi đã biết ông ta từ lúc 23 tuổi. Lúc nào ông ta cũng đánh trận và đánh giỏi... trên khắp nước Việt Nam. Trong vùng thối nát như Cao Lãnh, khi ông là Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt, cũng như khi ở Lào ông đã chiếm lại Tchépone và trong hai ngày đã đánh tan một trung đoàn thiện chiến thuộc sư đoàn 312 Bắc Việt chuyên chiến trận ở miền núi. Ở phía Tây thành phố Huế, năm 1972, ông đã giữ vững vùng Bastogne với sư đoàn đầu tiên của ông và làm thất bại sư đoàn 308 được mệnh danh là sư đoàn sắt của quân đội Bắc Việt. Con người ông tướng Phú chỉ còn có một lá phổi, thường hay khạc ra máu và mặc dầu bị các bác sĩ cấm bay 10 năm nay nhưng ông vẫn tiếp tục lên trực thăng mỗi ngày, bay lên mặt trận và đáp xuống tiền tuyến. Tôi thường đi theo ông ta, thường ăn chung và ngủ chung một lều với ông ta. Tôi cũng biết

bà tướng Phú, một người nông dân chất phát và chín người con của ông. Tướng Phú nghèo nhưng được binh sĩ của ông kính trọng. Ông không biết buôn lậu và coi rẻ tiền bạc. Ông chỉ ở ngoài mặt trận, không bao giờ nghĩ đến chánh trị và cũng ít lui tới Dinh Tổng Thống. Một buổi chiều nọ ở Huế, ông đã buồn bã tâm sự với tôi:

“Ở Điện Biên Phủ, thiếu tá Botella mà tôi thương mến như cha tôi vậy, đã có nói là tôi sẽ được tuyên dương với “Bắc Đẩu Bội Tinh”. nhưng tôi chưa bao giờ nhận được nó. Tôi đã được tuyên dương 27 lần với tất cả huy chương cao quý nhất của Việt Nam và của Hoa Kỳ. Nhưng tấm huy chương “Đỏ” đó mới là huy chương đẹp nhất thế giới!”

Một buổi sáng nào đó năm 1954, tướng Phú là người sĩ quan Việt Nam cuối cùng đã bắt đoàn quân hát bài quốc ca Marseillaise của Pháp trên một trận tuyến ở Đông Dương khi ông dẫn quân xung phong lên chiếm vị trí “Élianne I” ở Điện Biên Phủ. Hai mươi mốt năm sau, mất hết quyền chỉ huy lại bị vu khống và tuyệt vọng, ông đến tìm cái chết trong một bệnh viện của người Pháp, trước các bác sĩ quân y người Pháp, dưới bóng của lá cờ tam tài Pháp...

Để được biết chắc chắn rằng các người bạn cuối cùng, các người bạn chiến đấu của ông khi về Pháp phải được biết rõ là ông ta không hề phản bội lại hai chữ Danh Dự mà họ đã cùng nhau thề thốt trên những ngọn đồi đầm máu ở Điện Biên Phủ.

Thật là kỳ lạ và bi đát thay cho số phận của các tướng lãnh nói trên và của những chánh trị gia Miền Nam hay Cam Bốt được kết hợp với nhau không phân biệt trong chiến dịch bôi nhọ và vu khống, được phổ biến rộng rãi khắp nơi trên thế giới từ bao nhiêu năm qua. Nhất là báo chí Mỹ không ngớt nhắc đi nhắc lại là Phnom Penh và Sài Gòn “đẩy rẩy tham nhũng”. Đặc biệt tôi nghĩ tới ông

Long Boret, Thủ Tướng Cam Bốt và hoàng thân Sirik Matak, nhân vật thứ hai ở Cam Bốt. Lẽ ra họ đã đi được trên một trục thẳng Mỹ với ông Đại Sứ Hoa Kỳ khi ông này ra đi với một lương tâm thanh thỏa của một công chức cao cấp đã thi hành xong khế ước, còn bình tĩnh ôm theo trong tay lá quốc kỳ Mỹ được xếp cẩn thận, y như trong một kịch bản vậy. Nhưng hai người này lại không thêm đi, họ thích ở lại đất nước họ và có chết thì chết trên mảnh đất quê hương của họ, giữa đồng bào của họ còn hơn là đi sống lưu vong trong một đất nước mệnh mông xa lạ đã phản bội họ. Họ không phải là những người độc nhất đã chọn “ở lại”, vì sau khi cân nhắc kỹ lưỡng rồi họ mới ngã hẳn về cái chết để chứng minh phẩm cách và giá trị của niềm tin của mình. Còn nhiều người nữa, rất nhiều người nữa cả ở Phnom Penh và ở Sài Gòn. Người ta còn tiếp tục nói về những người này bằng cách gọi họ là “bọn tham nhũng”, mà vào một thời kỳ khác, khi mà Tây Phương bị những nguyên tắc vĩ đại của lịch sử La Mã chi phối, thì người ta phải gọi họ là những “vị anh hùng”!

*

* *

Hơn thế nữa, ở Sài Gòn đâu phải chỉ có những vụ tự tử. Từ ngày 30-4 đến tuần lễ thứ ba của tháng 5, hơn 60 binh sĩ Bắc Việt đã bị ám sát ngay ngoài đường phố. Một tử thi của một đại tá bộ binh Bắc Việt mình đầy vết dao được khám phá ra ở trong hẻm rạp chiếu bóng Eden, trước mặt khách sạn Continental. Ba sĩ quan Bắc Việt khác đã bị hạ sát “rất lạnh lẽ” gần sở Ba Son. Chánh quyền xác nhận can phạm là “du đảng” và “kẻ trộm”. Để làm gương họ đem ra xử bắn công khai một số “can phạm” trước mặt gia đình họ và hàng ngàn khán giả.

Ngày 24 tháng 5, lúc 7 giờ sáng, 80 người ngoại quốc rời Miền Nam Việt Nam trên một chiếc phi cơ bốn máy, Illouchine 18 sơn xanh trắng của Liên Xô. Đó là những phóng viên nhiếp ảnh, những nhà báo từ khắp nơi trên thế giới đã đến Sài Gòn và bị kẹt lại sau khi thủ đô bị Bắc Việt chiếm cứ. Trong số này có gần 50 nhà báo Pháp và một tướng lãnh Pháp đã về hưu bị trục xuất khỏi Việt Nam vì lý do “hai bàn tay của ông đã dính đầy máu của nhân dân Việt Nam”!^[4]

Trước khi được đi, các nhà báo này đã bị quá nhiều phiền nhiễu về hành chánh mới được tờ chiếu khán xuất cảnh, sau đó phải nằm chờ đợi được ghi tên vào một chuyến bay kéo dài ngày này qua ngày khác...

Trước khi lên phi cơ, tất cả đều phải qua một cuộc khám xét, một cuộc khám xét thật tỷ mỉ, thật lâu và rất là lạnh lùng. Các anh “bộ đội” nhờ một nữ tiếp viên hàng không quân sự làm thông dịch viên, đã bóc hết hành lý của họ. Có nhiều xấp thơ và phim ảnh bị tịch thu. Sau đó họ được đưa đến Vạn Tượng (Lào) và phải trả 120 đô la bằng tiền Mỹ hẳn hoi (gấp đôi giá bình thường) và được một chú “bộ đội” đội nón cối và các phi công Việt Nam đeo súng lục hộ tống. Xuyên qua cửa kính, các nhà báo nhìn Tân sơn Nhứt lần cuối. Hình ảnh sau cùng mà họ cố mang theo từ Việt Nam là cảnh tượng của một phi trường bị tàn phá: nhà kho sập, phi cơ nằm phơi bụng, chiến xa bị cháy đen...

Trong số những anh gan lỳ và đầy tình huynh đệ đi về Pháp chuyến này, vắng mặt một anh bạn hạng nặng: đó là anh Michel Laurent, bị một tràng liên thanh tự động bắn hạ trong trận chiến ở Hồ Nai. Anh là một nhà báo cuối cùng chết ở Đông Dương. Chúng tôi vẫn còn hy vọng đến giây phút cuối cùng là anh sẽ còn sống để

trở về. Nhưng bây giờ thì hết mong rồi. Chúng tôi không còn thấy bóng dáng mảnh khảnh, trẻ trung mãi của anh nữa, cũng như gương mặt thiên thần với mái tóc lòa xòa và một chiếc xi gà cắn chặt ở môi. Anh công tử có vẻ uể oải nhưng không lo lắng gì cả này thuộc nòi nhà nghề sáng giá. Có cả thầy 52 nhà báo đã chết ở Việt Nam từ năm 1945. 26 anh khác đã coi như mất tích ở Cam Bốt. Phần đông là các nhiếp ảnh viên, những tinh hoa trong nghề. Họ không tường thuật về chiến tranh, mà họ chuyển chiến trận thành hình ảnh, gay gắt, tàn bạo và lâm ly thống thiết. Những hình ảnh này các nhiếp ảnh viên thường thu nhặt trong tư thế đứng, giữa những người sắp chết mà họ thường chứng kiến được cử chỉ và cái nhìn lần cuối cùng của họ. Cho tới khi Thần chết tức giận vì bị người ta thu hình quá gần, nên đã bắt họ chết luôn vì đã đến lượt của họ rồi...

Và dùng một cái nhìn người còn sống sót mới khám phá ra là luôn luôn những anh bị tử thương y như rằng là những người rất giỏi trong nghề. Người đầu tiên mà tôi thấy chết vào ngày 28 tháng chạp năm 1946 là một anh người Bỉ ốm yếu mà tôi quá xấu hổ vì không nhớ được tên, làm việc cho một thông tấn xã Hoa Kỳ. Anh đến từ Nam Dương, một quốc gia chán chường vì chiến trận, nhưng những trận đánh trong đường phố tuy lê tẻ nhưng hung dữ đến dã man trong thành phố Hà Nội đã kích thích anh, như một cuộc đi săn kích thích con chó săn còn tơ vạy. Anh đội một nón sắt quá rộng, đeo choàng chiếc máy ảnh Rolleiflex và một cây súng lục Webley to tướng ở ngang lưng. Anh ta rất là can đảm, can đảm hết nói! Anh ta chạy trên các mái nhà để đi tìm những anh chàng bắn sê. Một anh Việt Minh bắn tia phục kích đầu đó đã cho anh một phát vào giữa mặt và anh té lộn nhào rớt xuống đất từ trên cao 10 thước.

Sau đó thì có anh chàng Kowal mà chúng tôi gọi là “siêu thiên thần”, một anh lực sĩ tóc vàng hoe, một con người yếu bóng vía và khắc khổ với một máy thu hình cộm lên đầy lịch sử hào hùng. Ba mươi tám tháng đi toàn những trận ác liệt gần hết miền Thượng Du Bắc Việt... rồi một trăng liên thanh ngăn một buổi sáng nào đó của tháng 2 năm 1952 đã kết liễu đời anh. Lúc đó anh mới vừa 27 tuổi.

Tôi cũng biết anh Péraud, to con, mập mạp, vai rộng, người rất mạnh khỏe, đã từng thoát khỏi trại tù Đức quốc xã, đã từng chứng kiến những trận đánh xáp lá cà ở Na Sản và Điện Biên Phủ... đã bị xem là mất tích trong chiến khu cộng sản sau một cố gắng vượt ngục và không bao giờ được gặp lại nữa. Anh Martinoff, bị đập phải một trái mìn...

Anh Bob Capa lúc nào cũng có một điều thuốc tòn trên miệng, là một trong những người nhiếp ảnh viên nổi tiếng và đắt giá nhất trên thế giới, già dặn trong gần 20 chiến dịch mà bị chết như một người mới bước vào nghề ngày 25 tháng 5 năm 1954 trên một con đê nhỏ ngoài ruộng, chỉ cách đồn Đội Tân vài cây số, ở Đồng Bằng Bắc Việt.

Còn nhiều người khác, rất nhiều người khác nữa...: như các anh Burrows, Huet, Shimimoto, Flynn, Arpin... và cuối cùng là anh Michel Laurent, mình đầy đạn trong một làng công giáo di cư không đầy ba ngày trước khi Sài Gòn bị thất thủ. Từ anh nhà báo nhỏ con người Bỉ đội nón sắt quá rộng bị bắn chết ở thủ đô Hà Nội đến anh Michel Laurent bị giết vì quá gan dạ gần một nhà thờ có treo cờ của Tòa Thánh Vatican, nơi mà các thanh niên tự vệ kháng cự đến viên đạn cuối cùng.... coi như cuộc chiến ở Đông Dương đã qua rồi... Khi đã trở về đến nước Pháp, các anh nhà báo bị kẹt lại gần ba tuần lễ ở Sài Gòn, cự thủ đô của Việt Nam Cộng

Hòa, đã viết lại và phổ biến tất cả những gì mà họ đã thấy và đã nghe: Bộ máy của chế độ Hà Nội đã được áp đặt. Cảnh khốn cùng của dân chúng Sài Gòn. Có các cô gái đã đề nghị trao hết gia tài sự nghiệp để chỉ được cưới và cùng đi ra ngoại quốc. Trẻ em thì van xin cho được làm con nuôi, dù là giả định. Lại còn dịch tữ tử nữa. Rồi có tin đồn là có nhiều sự nổi dậy ở các tỉnh, hay thành lập “chiến khu” ở Miền Nam...

Khi tất cả các nhà báo đã bị đưa đi hết rồi... thì một cái lồng sắt chụp ngay xuống Miền Nam Việt Nam. Muốn có được tin tức, người ta không còn có cách nào khác hơn là phải nghe những bản tin chánh thức được loan đi sau khi người ta đã kiểm duyệt cẩn thận. Phải đợi cho có người đi du lịch trong thời gian sắp tới. Rồi phối kiểm lại tin tức. Rồi phỏng vấn liên tục những người ngoại quốc, những linh mục hay một vài công chức Pháp khi họ hồi hương. Hay những người Hoa Kiều theo đường gầy buôn lậu hay theo các tàu đánh cá đến được Thái Lan (họ phải trả trên 30 lượng vàng để được đưa đi.) Từ từ các tin tức đó giúp hé mở được bức màn tre đang bao chặt nước Việt Nam, và nhờ vào những chứng cứ và những chi tiết sống, người ta mới có thể thiết lập lại được cả một mảng biến cố đã xảy ra trên đất nước này.

Đầu tháng 5, các sĩ quan, cảnh Sát, công chức, thành viên trong các đảng phái chánh trị, các kỹ thuật gia, nhân viên trong nghiệp đoàn của Miền Nam... đều nhận được lệnh phải tự kiểm kê. Người ta ấn định cho họ một thời hạn, từng loại một phải đi trình diện với chánh quyền. Phần đông các sĩ quan và cảnh Sát khi đến trình diện không bị điều tra hỏi han gì hết như họ đã nghĩ. Mà người ta chỉ ghi tên tuổi rồi họ được tự do về nhà. Một thống kê đầu tiên vào cuối tháng 5 cho thấy là khoản 25 trên 100 cán bộ của quân đội và

của Cảnh Sát là có làm thủ tục khai báo. Một buổi sáng sớm nào đó, vì chánh quyền đã nắm được địa chỉ và căn cước của từng người nên số người này bị bắt hết, cho lên xe vận tải và đưa đi đến một nơi nào không biết. Nhiều bản thông cáo được dán khắp nơi “ra lệnh cho “tất cả các anh phản động” chưa trình diện phải đến trình diện ngay “nếu không sẽ bị nghiêm trị”. Đồng thời lại có nhiều áp phích khác cảnh cáo tất cả dân chúng trong thành phố “không được chứa chấp người nào trong nhà mà không khai báo cho công an biết”. Các giáo sư, các thầy cô giáo, các hiệu trưởng và viện trưởng của tất cả các trường trung tiểu học và đại học ở Sài Gòn, tất cả đều bị gọi đến “làm việc” với các ủy viên “đại biểu đại học”, ăn mặc như các “bộ đội”, quân phục xanh lá cây, mang dép râu và đội nón cối. Các ông đại biểu này lạnh lùng thông báo với họ là:

- “Chương trình và chu kỳ học vấn sẽ được thay đổi chiếu theo nhu cầu thật sự của đất nước. Kỳ luật sẽ được áp dụng triệt để. Nhưng tất cả các sách giáo khoa cũ đều bị loại. Sẽ có những sách khác đang in sẽ được tàu chở đến từ Hà Nội. Ít nhất cũng phải từ ba đến bốn tháng nữa mới có đủ số lượng sách cần thiết trong kho. Và tất cả trường đều phải đóng cửa. Về đại học, Luật Khoa và Văn Khoa sẽ bị đóng cửa vĩnh viễn. Vì hai khoa này không có ích lợi gì cho xã hội hết, chỉ đào tạo những người “mơ mộng” và những “kỳ sinh trùng”. Thay vào đó sẽ có một trường thông dịch, dạy bốn ngoại ngữ: Nga, Tàu, Anh và Đức ngữ. Tiếng Pháp sẽ không bao giờ được dùng tới nữa. nên không cần phải có thêm người biết tiếng Pháp. Các ông giáo sư thuộc Văn khoa và Luật khoa phải tự chuyển ngành trong kỳ luật xây dựng thì hơn.” Tất cả các giáo chức đều phải trút bỏ hết “quần áo trường già”, không phải thắt cà vạt, không phải mặc áo vét nữa, và cũng không được mang giày “kiểu cò” nữa (nguyên tác: “fan-

taisie” trong dấu kép) Sẽ có nhiều giáo sư từ Hà Nội đến để điều khiển các lớp về chuyển hướng giáo dục và lớp cải tạo.

Đầu tháng 6: các sĩ quan cao cấp “dù đã về hưu”, các công chức cao cấp và các chánh trị gia, các dân biểu, nghị sĩ, các tổng bộ trưởng đều được gọi đi học một khóa “học tập cải tạo”. Thời gian học tập là 10 ngày. Khi đi phải mang theo “chăn màn, áo ấm, áo mưa, một chiếc chiếu, ba ram giấy và viết để ghi chú. Và phải đem theo 15.000 đồng để đóng tiền ăn.” Trong suốt thời gian học tập cải tạo, không ai được phép về nhà, hoặc liên lạc với gia đình. Đối với các công chức hàng thấp, các hạ sĩ quan và binh sĩ, chương trình học tập cải tạo được dạy trong ba ngày. Công chức sau đó được trở về nhiệm sở cũ, các quân nhân sau khi học tập thì được phát cho một giấy chứng nhận cho phép họ đi tìm việc làm, và được đặt dưới quyền kiểm soát của các trường khóm đã được thành lập trong mỗi khu.. Một bản báo cáo sau đó được chuyển cho trưởng “công an khu vực”, nơi người binh sĩ được kiểm kê. Về sau này, anh trưởng công an đó sẽ phát cho người quân nhân đó một giấy “phục hồi quyền công dân” nếu xét thấy người đó có hạnh kiểm tốt. Trong hiện tại thì tất cả cựu quân nhân đều được coi như “kẻ có tội” vì “các cây súng của Mỹ mà các anh đã có trong tay, không phải tự nhiên mà nó đến tay các anh.” đó là lời nói của các ủy viên chánh trị phụ trách lớp học tập cải tạo đã nói với họ như vậy. Trong khi chờ đợi được phục hồi quyền công dân thì các cựu quân nhân phải chịu đói meo, vì tờ giấy cho phép đi tìm việc làm không giúp ích gì được cho họ cả. Vì trên thực tế không một người nào được quyền thuê mướn người chưa có quyền công dân.

Sau đợt các chánh trị gia và các quân nhân thì đến lượt các thợ thuyền và các chủ cai thợ. Lớp học tập cải tạo cho các chuyên viên

ở nhà máy điện được mở ra ở Đà Lạt vào tháng 6, đã xảy ra nhiều vụ rắc rối và nhiều phản đối. Bị bắt buộc phải mang theo 15.000 đồng (ba phần tư số lương trong tháng của họ), sống xa vợ xa con, họ đã phản đối tập thể để yêu cầu Chánh Phủ phải bảo đảm đời sống của gia đình họ vì thiếu thốn và không có ai lo. Họ đe dọa là sẽ không làm việc trở lại nếu Chánh Phủ từ chối yêu sách này. Vì chánh quyền cần phải có sự làm việc của họ nên đã chấp thuận một phụ cấp cho gia đình họ. Lúc mãn khóa học tập cải tạo, các ủy viên chánh trị đã cố xác nhận với họ là “thời gian học tập cải tạo được kéo dài trong sáu tuần lễ mỗi năm”. Trong suốt thời gian học tập không thấy có một lời nào ám chỉ đến cái CPITCHMN. Chỉ có hai đề tài duy nhất được khai triển:

- Nước Việt Nam từ đây sẽ là một quốc gia duy nhất, độc lập và xã hội chủ nghĩa, gắn liền với di chúc của Bác Hồ (nguyên tác: oncle Hô) từ cửa Trung Quốc (nguyên tác: porte de Chine) ở Lạng Sơn đến mũi Cà Mau;

- “nguy quyền bù nhìn”;

- có nghĩa là những kiểu suy luận, những lối sống thừa hưởng từ chế độ cũ và của đế quốc Mỹ - là một “căn bệnh” mà đất nước phải loại bỏ. Phương thuốc duy nhất được coi là hữu hiệu là cải tạo. Lăn lăn bộ máy nặng nề và tỉ mỉ để nghiền nát các bộ não đã được đặt xong... và đã chạy đều... vì nó đã chứng minh được ở Miền Bắc rồi, ở đó nó đã được điều hành từ hơn 20 năm qua...

Công tác đóng khung dân chúng được tiến hành rất có phương pháp.

- Giai đoạn thứ nhất: áp dụng kỹ thuật công an cảnh sát mềm dẻo nhưng quyết liệt. Mỗi công dân phải điền hai văn bản in sẵn. Một số câu hỏi chánh thức: lý lịch, trình độ học vấn, nơi cư trú

trong những năm chiến tranh, việc làm. Một số câu hỏi riêng tư liên quan đến tất cả những người từ 18 đến 70 tuổi, đòi hỏi phải kê khai “tên của những người bạn tốt nhất của mình, hay tên của những người mà mình chịu ảnh hưởng”; và những tên, địa chỉ của “những mối giao lưu tình cảm cũ”. Công tác kiểm kê tất cả dân chúng ở Sài Gòn được tiến hành từng khóm một, từ khóm này sang khóm khác...

Khi đã kiểm kê xong, người nào muốn thay đổi địa chỉ thì phải xin phép cơ quan chánh quyền khu vực mình đang ở và phải có sự chấp thuận của cơ quan chánh quyền nơi mình muốn tới ở. Mỗi người xin như vậy phải có hai nhân chứng chịu trách nhiệm về lời khai không gian dối.

- Giai đoạn thứ hai: kỹ thuật gia nhập vào tập thể và đề nghị một lý thuyết mới. Nghi lễ thật chu đáo đúng mức. Một Đức Chúa nhân từ: Bác Hồ; mMột lý thuyết: Mácxit; các linh mục đọc thánh kinh: các ủy viên chánh trị; thánh ca: các bài hát cách mạng; các lời cầu nguyện: các khẩu hiệu; các đám rước lễ: các cuộc diễn hành, các cờ hiệu và biểu ngữ, thợ thuyền, sinh viên, các “bà nội trợ và trẻ con”; các cuộc “xung tội”: công khai. Hình của Hồ Chí Minh được treo dán khắp mọi nơi, trên tường, trong các nhà máy, trong thành lính và cho tới các phòng khách của các cộng đồng tôn giáo. Có lệnh cho tất cả dân chúng phải treo trước nhà lá cờ đỏ sao vàng của Cộng Hòa Miền Bắc Việt Nam (nguyên tác: République du Nord Việt Nam) bên cạnh lá cờ của CPLTCHMN. Vấn đề thi hành cũng phải lâu. Mua một lá cờ thứ hai đối với nhiều người là một sự tốn kém không nhỏ. Những người nghèo phải cắt xén vải và làm những lá cờ nhỏ hơn. Chánh quyền coi đó là một ác ý. Túc thời có những chỉ dẫn đã phổ biến về cách treo “cho đúng” hai

“lá cờ anh em” với kích thước phải bằng nhau.

Các sinh viên rảnh rang từ khi nhà trường bị đóng cửa, đã được thành lập thành “tiểu đoàn” và tham gia vào công tác làm sạch sẽ thành phố. Các học trò thì tham gia vào sinh hoạt cách mạng ở khu vực với những em từ 8 tuổi. Các “liên đoàn thanh niên giải phóng” đón nhận gái trai từ 10 tới 15 tuổi. Mỗi ngày tờ nhật báo chánh thức “Sài Gòn Giải Phóng” đưa ra những công tác của vài đại hội, của các văn sĩ, của các nhà văn tiểu luận hay nghệ sĩ “giải phóng” và đăng những kiến nghị của họ: những lời khen tán tụng cách mạng, những bài hát nhớ ơn bác Hồ và Đảng Lao Động đã dẫn dắt nhân dân đến chiến thắng.”

Phải chăng những người cộng sản Bắc Việt thật sự hy vọng rằng bằng cách áp dụng những phương thức mà họ đã dùng ở Hà Nội vào năm 1954 thì họ có thể tẩy não được dân chúng ở Miền Nam? Đầu tiên nhìn vào, thì hình như khó tin được. Hà Nội là một thành phố được ngăn ra từng khu vực thợ thuyền, công chức, và các công nhân tiểu công nghệ. Đồng bằng sông Hồng thì rất hẹp và có quá nhiều dân. Dân quê Miền Bắc còn dùng những chiếc cày tay cổ lỗ mà họ đẩy được. Chiến tranh chống Pháp đã đẩy họ lên rừng hay vào những làng mạc thu hẹp trong lũy tre xanh. Chiến tranh với người Mỹ lại đưa họ thụt lùi lại trong thời quá khứ bằng những cuộc dội bom dày đặc, bắt họ phải sống trong hang hoặc sống chui xuống đất trốn ở dưới hầm. Cầu đường bị phá, nhà ga, nhà máy, phi trường đâu đâu cũng ăn bom làm cho dân chúng gần như trở về thời kỳ đồ đá. Họ đã quen sống cách ly hẳn với thế giới bên ngoài, không có một tờ báo nào gọi là đối lập, không xa hoa không có yếu tố nào để mà biết so sánh, sống đoàn kết với nhau vì cảnh bất hạnh. họ không thể tranh cãi dễ dàng với sự tuyên truyền nhồi nhét quá so

đảng và tập thể của các cán bộ. Trong khi Sài Gòn là một thành phố của thương gia, của các chủ tiệm chủ quán, của những nhà trí thức và những chuyên viên. Đồng bằng sông Cửu Long rộng mênh mông, giàu có, mầu mỡ, mở cửa hàng mấy thế kỷ nay ra biển cả, với hàng hải, với thương thuyền, với ngoại quốc. Làng mạc ở đây trải rộng ra dưới những hàng dừa, hàng cọ, và dọc theo sông rạch đầy phù sa phì nhiêu, và là nơi dự trữ dồi dào và vô tận cho nghề đánh cá. Cuộc chiến tranh chống Pháp đã bảo vệ cho Miền Nam.

Cuộc chiến chống Mỹ dù có một số điều quá mức, nhưng đã hiện đại hóa Miền Nam với một số trang thiết bị đến dư thừa. Trong suốt thời gian 20 năm, mặc dầu có mất ít nhiều trật tự, có chiến trận, có những chuyện ám sát, kinh tế khủng hoảng thường xuyên, và nhờ những chuyện đó mà dân chúng Miền Nam đã có lối sống của người Tây Phương hoàn toàn. Họ khám phá ra được máy móc, mô tô, xe hơi, phi cơ, trực thăng, điện thoại... máy tính, trần-zi-to và truyền hình; máy cày đã thay thế chiếc cày tay, xe vận tải, thuyền máy đã thay thế chiếc tam bản. Họ biết thưởng thức phim ảnh và các sách ngoại quốc, thích nhạc jazz, và biết xài các vật dụng mới lạ, tối tân. Bất cứ anh phu xe xích lô nào cũng đọc hai tờ báo hằng ngày...

Như vậy thì làm sao tương tượng được là dân chúng Miền Nam có thể buông xuôi chịu bước theo hướng đi nhỏ hẹp duy nhất và một chiều mà Miền Bắc cố tình muốn áp đặt cho họ? Hà Nội muốn thống nhất đất nước và đưa nước Việt Nam vào con đường cộng sản dưới bàn tay sắt náu của họ. Hà Nội có ba yếu tố trong tay: sức mạnh, một ý chí chánh trị không lay chuyển, và một lý thuyết mạnh. Nhưng những trở ngại cũng không phải ít. Đưa ra một phương thức để mang ra thực hành, như thế cũng chưa đủ. Xác nhận một sự thật để biến nó trở thành một chuyện hiển nhiên, như thế cũng chưa đủ.

Đề nghị thống nhất hai Miền của Hà Nội là một sự thống nhất trái với thiên nhiên đe dọa gây xáo trộn đời sống của người dân.

Miền Bắc và Miền Nam có thể là hai Miền anh em, nhưng đó là anh em thù địch. Họ đã từng đánh nhau trong suốt 300 năm trước khi người Pháp đặt chân lên Đông Dương. Cuộc giết chóc trong 30 năm vừa qua chỉ có làm tăng thêm sự rạn nứt trong quá khứ. Mỗi bên đều có ít nhất cả triệu người bị giết và gần 2 triệu bị tàn phế. Hàng trăm ngàn trẻ mất cha... mất mẹ. Hàng triệu triệu người tàn cư bị vứt ra ngoài đường. Nhiều thành phố bị tàn phá đến điêu tàn, nhiều làng mạc bị đốt cháy... Vì tuyến 17 chỉ là một gạch ngang trên bản đồ năm 1954, được các thương thuyết gia hấp tấp gạch lên một cách vội vàng vì muốn chấm dứt cho xong. Một đường phi quân sự trùu tượng và hão huyền. Hai chục năm chiến trận khốc liệt đã biến nó thành một giới tuyến đầy máu. Hòa giải cách nào đây? Để cho có được sự kết hợp giữa hai Miền, giữa hai loại xã hội với hai trình độ khác nhau, hai nền kinh tế khác nhau, hai tâm tính và tâm trạng khác nhau? Giữa một Miền Bắc với lý thuyết cộng sản khắc khổ và quá cứng đơ vì nguyên tắc, với một Miền Nam quá tự do như vô chánh phủ, hoài nghi và thích hưởng thụ? Giữa một bên thì đang tự kiêu vì là kẻ chiến thắng, và một bên thì đang nhục nhã vì là kẻ chiến bại và mất nước? Các nhà phân tách đã đơn giản hóa những bài toán này thành một sơ đồ và nói rằng những người Bắc Việt với đầu óc cứng rắn và với kỷ luật sắt của họ, sẽ đập nhẹp Miền Nam. Tôi không tin ở sơ đồ. Con người không phải là những con số để người ta đưa vào phương trình. Miền Nam không phải nguyên một khối và hay cố chấp. Họ có niềm tin của họ và những tín ngưỡng riêng của họ. Họ không dễ mất đi một cách dễ dàng đâu. Các Phật Tử, các Tín đồ Công Giáo, Phật Giáo Hòa Hảo, và Cao Đài

Giáo đều một lòng gắn bó với các chùa chiền, với các nhà thờ và với các thánh thất của họ. Miền Bắc có thể đi tới đích mà họ muốn, nhưng còn phải mất nhiều thời gian... và thời gian đôi khi rất thuận lợi cho kẻ chiến bại....

[1] Chỉ vài tuần lễ sau đó, tướng Minh được bí mật chuyển ra Hà Nội bằng phi cơ. Ở đó ông được các nhân vật lãnh đạo cộng sản trong Chánh Trị Bộ thẩm vấn trong suốt 10 ngày về “tiến trình mưu toan với thực dân Pháp để cướp chánh quyền chống lại quyền lợi của cách mạng”. Khi được đưa trở lại Sài Gòn tướng Minh bị “quản chế tại gia”, mỗi ngày có một cán bộ của đảng cộng sản đến nhà để “cải tạo” ông

[2] Tướng Võ nguyên Giáp bị mắc một chứng bệnh nan y (không chữa được) và phải nằm ở một bệnh viện bên Mạc Tư Khoa một thời gian dài.

[3](Lời bàn của dịch giả: mảnh giấy này không cháy mà vẫn còn nằm trong tay người tỵ thiêu để cho Ban Quân Quản lấy được thì đó là cả một “phép lạ” của xã hội chủ nghĩa!)

[4] Đó là đại tướng Vanuxem.

Chương 25

SỰ HIỆN DIỆN CỦA NGƯỜI PHÁP?

Rồi đây số phận của cộng đồng người Pháp ở Miền Nam Việt Nam sẽ ra sao đây? Những người “bi quan” trong đó có tôi (tác giả) nghĩ rằng tất cả rồi sẽ giống như những gì đã từng xảy ra ở Bắc Việt năm 1954. Nghĩa là cũng phải tới kỳ hạn mà cục “bướu” ngoại quốc cuối cùng này cũng phải bị trục xuất. Những người “lạc quan” thì vẫn còn tin rằng rồi cũng có khả năng cho một giải pháp thỏa hiệp nào đó. Các sự việc xảy ra đã chấm dứt ngay cuộc tranh luận này. Những người Pháp từng được miễn mộ vào những ngày trước khi Sài Gòn bị thất thủ, không có một chút quyền lợi đặc biệt nào sau khi Bắc Việt chiếm được thành phố. Còn trái ngược hẳn lại là khác! Những người đầu tiên biết rõ được như vậy là những nhà báo đã bị kẹt lại Sài Gòn. Họ không bị ngạc nhiên gì cả khi nhận thấy là họ được xếp sau hân, sau thật xa các đồng nghiệp người Anh và người Nhật... và cả người Mỹ, trên danh sách những người được ra đi. Người Pháp được xếp vào loại “những người có quốc tịch khác”, gần như họ là nạn nhân của những nỗ lực sau cùng của Chính Phủ Pháp nhằm tìm một giải pháp chánh trị cho

Miền Nam Việt Nam. Nhưng chỉ có khoảng 50 nhà báo thôi..., và họ đeo theo chánh quyền mới với sự tò mò liên tục, với nỗi lo âu muốn biết thêm tin tức, và vì sự hoài nghi của họ. Một chiếc phi cơ thôi cũng đủ để dẹp gọn họ rồi. Khi họ đi rồi thì còn khoảng 12.000 người Pháp ở lại Việt Nam. Trong số đó có chừng 2.500 là người Pháp chánh gốc (cộng tác ở đây, thương gia, nhà trồng tía, về hưu, nhân công các hãng xưởng Pháp, v.v.), trên lý thuyết là những người có thể tùy hoàn cảnh hoặc sẽ rời khỏi đây sau khi quan hệ bình thường được tái lập, hoặc sẽ ở lại nếu xí nghiệp của họ được phép tái hoạt động. Thật ra lý thuyết và thực hành không đi đôi với nhau được: nhiều lắm là vài trăm người trong số này có thể ra đi. Những đường liên lạc hàng không thật là rất bất thường và rất kỳ lạ. Đầu thường có thông cáo dán trên một tấm bảng đen trước cửa Bộ Ngoại Giao cũ hay trước sở Di trú. Hôm đầu tuần, một ủy viên chánh trị nào đó đã lấy phấn viết lên tấm bảng đen đó rất rõ ràng như sau: “Sắp tới sẽ có chuyến bay đi Vạn Tượng... Ngày, giờ khởi hành sẽ được thông báo đúng lúc.” Thấy vậy các anh đã có hộ chiếu đều lo sửa soạn va li, nhảy lên tắc xi và chạy thẳng ra sân bay Tân Sơn Nhứt. Binh sĩ giữ an ninh ở đó đẩy họ ra. Không có một chuyến bay nào được dự trù. Họ lại trở về thành phố. Lại chờ đợi... Vào cuối tuần một anh lính gác bỏ thông cáo nói trên, và sáng thứ hai, lại cùng anh ủy viên chánh trị đó, lại viết lên bảng đen những giòng thông báo cũ với một vẻ nghiêm trọng không kém tuần trước... cho đến khi cuối cùng có một chuyến bay cất cánh. Chuyện này có nhiều lý do không giống nhau. Các chuyến bay con thoi của Lào đã ngừng bay vì chánh quyền cộng sản ở Sài Gòn lúc bán vé thì thu vào đồng đô la Mỹ, mà muốn trả cho hãng Hàng Không Lào bằng tiền đồng của Việt Nam, một loại tiền tệ gần

như chỉ có một giá trị nào đó ở Sài Gòn mà thôi.

Ngoài ra các chuyên viên của Miền Nam Việt Nam (truyền tin, ra đa, điện tử, kỹ sư thông tin liên lạc, v.v.) đều đã ra đi với người Mỹ và chánh quyền cộng sản không có lấy một người để thay thế vào đó. Có một số trở ngại khác, một phần dụng cụ của Hàng Không Pháp (Air France) tối cần thiết cho công tác điều hành khi phi cơ đến và đi (máy điện toán, máy truyền tin, tổng đài điện thoại, kho dụng cụ thay thế, xe đẩy và kéo phi cơ, xe nâng hàng và tiếp tế xăng nhớt, v.v.) đã mất hết không còn một dấu vết nào cả. Kho hàng gởi đi gồm cả tám tấn hàng quý giá (trong đó có 3 tấn ngọc thạch quý của một người buôn đồ cổ giàu có) đã không cánh mà bay mất. Không biết người nào đã cướp sạch. Ban Giám Đốc Hàng Không “Air France” của Pháp ở Ba Lê đã đề nghị với chánh quyền cộng sản để cho họ đưa sang những toán chuyên viên và một số dụng cụ thay thế. Họ nghĩ rằng như thế là họ có thể tái tục được các chuyến bay vào tuần lễ đầu của tháng 7. Ban Quản Quản Sài Gòn đã không nói là “không”, mà cho biết nhận xét của cách mạng là hãng Hàng Không “Air France” của Pháp trong nhiều năm qua đã không tỏ thiện chí trong việc tái thiết lập lại đường bay giữa Ba Lê và Hà Nội. Ngoài sự nguy hiểm mà đường bay nói trên được mở lại trong lúc Hoa Kỳ đang dội bom Bắc Việt, đường bay này cũng không có lời. Dù muốn dù không thì cả ba hãng Hàng Không “Air France” và U.T.A của Pháp đã không có một hoạt động nào từ khi Sài Gòn bị cộng sản chiếm cứ. Mà dường như là họ không thể tìm lại một đường bay nào cả. Hàng Không Dân sự được Hà Nội trực tiếp quản lý. Mặc dầu đã cố nài nỉ nhiều lần, đại diện của hãng “Air France” cũng không được phép đến phi trường để xem xét các cơ sở của hãng để thiết lập một bản kiểm kê chính xác về các

phương tiện và vật dụng đã bị bị mất hết. Và như thế là việc tái lập các đường bay đến Sài Gòn coi như bị đình hoãn vô hạn định. Chỉ có một chuyến bay duy nhất là phi cơ của Liên Hiệp Quốc. Như thế thì những người Pháp nào được bảo đảm là có quyền ra đi... trong một thời hạn nào đó, thì chỉ có kiên nhẫn nằm chờ.

Và lại, những người Pháp bất cứ gốc gác thế nào, người Pháp chính cống hay là người có quốc tịch Pháp cũng vậy, đều không chờ đợi được gì ở Lãnh Sự Quán hay Đại Sứ Quán của mình. Đại sứ Pháp, ông M. Mérillon không còn thấy ở đâu nữa cả, và ông cũng không có tiếp ai hết. Tòa đại sứ Pháp có đầy đủ tiền bạc, lương thực, nước uống... không thiếu món chi, nên đã đóng kín cửa rào. Và Đại sứ, mà bốn phận đầu tiên lẽ ra là phải đi thăm những người Pháp vốn đang ở trong cảnh khốn quẫn, để an ủi họ, để cho họ yên tâm, vững lòng, để giúp họ vượt qua được tình thế hay giải quyết những bài toán khó khăn mà họ đang gặp phải, để bênh vực quyền lợi của người Pháp đối với chánh quyền mới... nhưng ông không bao giờ bước ra khỏi nhà. Ông ta chỉ có khuyên người Pháp không nên treo cờ Pháp quá nhiều, vì theo ông, dù là chỉ treo tạm nhưng sự kiện treo quá nhiều cờ tam tài có thể được coi là một sự “khêu khích”. Thế nhưng, người Pháp đã gặp rất nhiều khó khăn...

Những người có biệt thự với đầy đủ tiện nghi hoặc nhà thường thôi mà ở khu vực ngoại ô... thì cũng bị đuổi đi hết. Lý do: không bảo đảm được an ninh đầy đủ. Tất cả các ngân hàng đều bị đóng cửa, các trương mục bị khóa lại hết, các xí nghiệp phải ngưng hoạt động, các đồn điền cao su và cơ sở kỹ nghệ của họ đều không xử dụng được vì đã bị hư hại nặng nề, các bãi đậu xe bị “trung dụng”... Ai cũng thiếu tiền. Các công chức chưa được lãnh lương từ ngày 1

tháng 5, chỉ được nhận một số tiền ứng trước nào đó thôi của lương mình. Các ông chủ xí nghiệp nhỏ, dù đã ngưng hết mọi hoạt động từ ngày có biến cố cộng sản, vẫn phải tiếp tục trả lương cho nhân viên dù họ không làm việc. Các hãng xưởng lớn thì bị “ủy ban nhân dân xí nghiệp” đòi hỏi phải bồi thường tiền phụ cấp nghỉ việc. Mỗi lần mà những chủ nhân người Pháp muốn nói chuyện dàn xếp thì lại không thấy có một người nào có đủ thẩm quyền. Các nhà trồng tía còn kẹt ở Cao Nguyên Trung Phần mà muốn xuống Sài Gòn đều phải nộp đơn xin phép với ông ủy viên quân sự của tỉnh. Những nhà trồng tía ở vùng Bảo Lộc đã bị bắt và tài sản của họ bị tạm giữ. Những nhà truyền giáo trong nước không bị phiền nhiễu gì nhưng bị quản thúc và đang lo sẽ bị trục xuất. Khách sạn Continental thì vắng hoe từ lúc các nhà báo ra đi hết. Tầng trệt của Trung tâm Văn Hóa bị ủy ban của khu vực chiếm đóng..

Bệnh viện Grall phải thay lá cờ Pháp bằng lá cờ Hồng Thập Tự và cờ của Chánh Phủ Lâm Thời. Thơ từ từ bên Pháp gửi sang được Hà Nội chuyển tiếp phải đến rất trễ, mấy tuần lễ sau mới nhận được. Tờ báo *Tin Tức Viễn Đông* một tờ nhật báo duy nhất bằng tiếng Pháp, tường thuật về tình hình tài chánh, ghi lại tin tức của thông tấn xã A.F.P. và thường mô tả đời sống ở Ba Lê... đã bị đình bản như tất cả các tờ báo cũ của chánh quyền Miền Nam. Nỗi lo âu của người Pháp đã trở thành nỗi bi quan, vì ai cũng phải hoàn toàn tự lo cho mình. Sau một loạt sự việc không hay xảy ra như:

- việc đóng cửa hãng Citroen, và Giám Đốc đã bị giam giữ vì không thể trả lương được cho nhân viên;

- như việc bắt ông Giám Đốc hãng Michelin phải “nộp phạt”, vì bị toán nhân viên có mang vũ khí đe dọa, với sự có mặt của các đại diện của ủy ban quân sự hành chánh, ông bị bắt buộc phải nộp

một khoản “bồi thường nghỉ việc rất lớn” cho tất cả nhân viên người Việt Nam ở các văn phòng và các đồn điền cao su của hãng;

- như khách sạn Continental đã bị trưng dụng để cho các cán bộ Bắc Việt đi công tác vào ở: sĩ quan cao cấp, chuyên viên kế toán vào thanh lọc các trương mục ngân hàng và thanh tra hoạt động của tất cả các xí nghiệp ngoại quốc. - như “Câu lạc bộ thể thao” mất hẳn quy chế của một câu lạc bộ tư nhân. Trước hết là một tiểu đoàn quân Bắc Việt vào chiếm đóng, và từ đó được mở cửa cho nhân dân sử dụng;

- như “gara Charner”, sau khi bị một cuộc kiểm kê vật dụng tỉ mỉ cho đến tận những con bù lon, công ty này đã nhận được một “lệnh cấm bán” dù đó là phụ tùng thay thế nhỏ;

- Có một số nhân viên người Pháp ở những đồn điền cao su còn ở lại làm việc ở các nhiệm sở nằm trong vùng đã được cộng sản kiểm soát. Có những người khác thì đã trở lại nhiệm sở sau khi Sài Gòn bị thất thủ. Nhưng tất cả hai loại người Pháp này cuối cùng đều phải chuẩn bị để rời khỏi những nơi này;

- Nổi gian truân đã đến với nhân viên của đồn điền S.I.P.H thì lại rất đặc biệt. Ngày 7 tháng 5, một tuần lễ sau khi Sài Gòn bị thất thủ, những cán bộ trồng tía thuộc đồn điền S.I.P.H trở lên những vùng mà họ đang khai thác nằm ở gần Xuân Lộc. Bộ đội chánh quy Bắc Việt đã chiếm đóng tại đây rồi. Những binh sĩ trú đóng trong những dãy nhà thuộc Phòng Nghiên Cứu Kỹ Thuật của đồn điền đã dùng các hồ sơ lưu trữ để đốt lửa nấu cơm. Giám đốc đồn điền người Pháp (nói thông thạo tiếng Việt) đã báo động với một ủy viên chánh trị Bắc Việt rằng:

- *“Các anh “bộ đội của ông đã làm một việc ngu xuẩn tày trời. Các hồ sơ mà họ xé nát hết để đốt đi có một giá trị không*

lường được. Đó là kết quả của 50 năm làm việc, tìm tòi, nghiên cứu và thực nghiệm về việc trồng tía cây cao su. Không phải tôi phản đối vì để bảo vệ quyền lợi của sở tôi, mà bởi vì nếu sau này người Việt Nam muốn tiếp tục sản xuất cao su cho đất nước mình và muốn nâng cao năng suất và sản lượng cao su, thì những hồ sơ này có một giá trị hàng đầu cho đất nước. Tôi xin lưu ý với ông là không có gì thay thế được cho các hồ sơ này.”

Ông ủy viên này đã quở trách binh sĩ của mình và cho lệnh họ không được đụng tới những tập hồ sơ này nữa. Nhưng từ ngày hôm sau đó, các chú “bộ đội” lại tiếp tục dùng các tập hồ sơ quý giá đó để nấu cơm nữa, và chỉ trong vài ngày sau họ thiêu hủy hết tất cả kết quả của công tác nghiên cứu khoa học trong nửa thế kỷ đã được cập nhật hóa rất là công phu và cẩn thận. Về phần mình, người Pháp đã khai triển trở lại mọi công việc trong đồn điền. Việc cạo mù cao su đã trở lại nhịp độ bình thường. Nhưng ngày 21 tháng 5, tất cả các công nhân người Việt, được Ủy Ban của Đồn điền hướng dẫn đã nổi lên biểu tình tập thể và ép các nhà trồng tía người Pháp phải rời ngay khỏi đồn điền, không cho họ kịp thu dọn các vật dụng cá nhân của họ nữa. Đó là tình hình của cộng đồng người Pháp khi Đại Sứ M. Mérillon được “gọi về” Ba Lê, hồi đầu tháng 6. Một thông cáo báo chí của Tổng Thống Phủ từ Ba Lê đã xác nhận:

- “Trái hẳn với những gì mà một vài thông tấn báo chí đã dự đoán từ trước, sự ra đi của Đại sứ Mérillon không phải do CPLTCHMN bắt buộc”.

Quả nhiên điều này rõ ràng là rất đúng với sự thật cũng giống như cái CPLTCHMN không bao giờ có mặt ở Sài Gòn vậy! Thói quen nổi bật nhất của các nhà ngoại giao là hay “chơi chữ”, là chuyển đổi những điều “lãng nhục” ra thành những sự “hiểu lầm” Nhưng

sự kiện là sự kiện, không thể nào biến thể nó một cách dễ dàng được. Ông đại sứ Jean Marie Mérillon đã rời khỏi nước Việt Nam mà không bao giờ được tướng Trần Văn Trà tiếp kiến. Tướng Trà là chánh quyền duy nhất tại Sài Gòn. Người ta nói là ông Mérillon đã gặp một số “cán bộ cách mạng”, trong khi người đồng nhiệm Bắc Việt của ông ở Ba Lê lại danh dự được điện Élysée tiếp kiến. Một ngày trước khi ông rời khỏi Miền Nam Việt Nam, ông được gọi tới Bộ Ngoại Giao. Ông đã gặp ba nhân vật vô danh vì đứng trước mặt ông họ không thêm xưng danh tánh, cấp bậc của họ. Họ “cảm ơn” ông về hoạt động của ông và thông báo cho ông biết là sẽ có “một người nào đó thuộc ban nghi lễ” sẽ đợi ông ở phi trường để giúp ông khỏi bị phiền phức về thủ tục khai báo với Công An và Quan Thuế. Đứng giờ, có một công chức cũng vô danh đã đợi ông Đại Sứ Pháp để đưa ông đến tận phi cơ và cho ông được ưu tiên lên phi cơ trước những hành khách khác. Đó cũng là một niềm an ủi cho một chút tự ái mỏng manh cho một người Đại diện của một quốc gia đã từng đóng góp “quá nhiều cho nền hòa bình”! Tuy nhiên đức tánh bình dân của ông Đại sứ Jean Marie Mérillon đã đặc biệt bị hạ quá thấp so với những người Pháp ở Sài Gòn. Có một số người đã nói:

- Ông Đại sứ đã thực hiện một tiết mục lớn: ông đã thúc hối cho ông Thiệu sớm rời khỏi chức vụ, và sau đó cả ông già Hương nữa để đưa cho được tướng Dương Văn Minh lên. Ông đã tưởng rằng như vậy là đã đem lại hòa bình và một sự hòa hợp. Nhưng ông ta chỉ thành công trong việc nhanh chóng làm tan rã nền chánh trị của Miền Nam và đưa Miền Nam đến một sự đầu hàng không điều kiện mà thôi. Trước ngày mất thủ đô, người ta chỉ thấy có một mình ông Đại Sứ Pháp. Nhưng sau đó thì ông đã biến thành một luồng

gió... Và giờ đây ông ra đi, để lại sau lưng ông trên mười ngàn con tin người Pháp...

Thật vậy, nước Pháp có quyền hy vọng một ân huệ nào đó trong thái độ đối xử - để tưởng thưởng những nỗ lực của mình. Nhưng trái lại nước Pháp chỉ nhận được những điều ức hiếp và lăng nhục! Ngược lại, những Đại diện của Hà Nội và của CPLTCHMN ở Ba Lê (có mặt thường hơn ở thủ đô Pháp hơn là ở thủ đô Miền Nam) lại được hưởng một sự tự do phát biểu và tự do đi lại trong toàn lãnh thổ nước Pháp. Vấn đề an ninh của họ được hoàn toàn bảo đảm. Họ được có những đoàn hộ tống chánh thức. Báo chí và đài phát thanh đã giúp họ phổ biến những bản tuyên bố và thông cáo báo chí. Họ lại được bênh vực luận cứ và quan điểm của họ trên đài truyền hình. Chánh Phủ Pháp không hề gây cho họ bất cứ một khó khăn hay phiền toái nào. Phải chăng đó là một điều không hợp lý khi phải đòi hỏi để đơn giản có được một sự đối xử tương ứng? Sự ra đi của Đại Sứ Pháp Jean-Marie Mérillon khi ông chỉ thật sự là một nhân viên thừa hành trung thành với đường lối chánh trị lệch lạc từ Bộ Ngoại Giao của ông ta, đã không giúp cải thiện được bao nhiêu những mối giao hảo giữa “chánh quyền cách mạng” và các công dân người Pháp của chúng tôi.

Trong đêm 16 rạng 17 tháng 6, bệnh viện Grall bị các “bộ đội” với súng ống đầy đủ, vây kín. Các binh sĩ Bắc Việt và các sĩ quan an ninh tràn vào lục soát khắp nơi: các phòng mổ, các tủ thuốc, phòng của các bác sĩ và của những người bệnh. Họ đã nói là họ muốn “biết chắc chắn là không có một vũ khí nào được cất dấu trong bệnh viện và không có một người nào ở phòng bệnh nhân bị coi là trong tình trạng bất hợp lệ. Đến sáng ngày 17/6 tờ “Sài Gòn Giải Phóng loan báo là kể từ nay chỉ có một ngân hàng duy nhất ở

Việt Nam. Tất cả các ngân hàng khác, của quốc gia, của tư nhân hay của ngoại quốc đều phải đem nộp hết sổ sách, trương mục, và bản kết toán cho ngân hàng quốc gia mới của Việt Nam. Các biệt thự của nhân viên ngoại quốc đều bị sung công. Các thanh tra phải vào tạm trú ở các cư xá thuộc ba ngân hàng: Ngân Hàng Á Châu của Pháp, (tên địa phương là Ngân Hàng Đông Dương), Ngân Hàng Thương Mại Pháp và Ngân Hàng B.N.P. Các ông giám đốc của ba ngân hàng này thảo một bản tuyên bố chung gởi cho Ban Quân Quản, có đoạn kết như sau:

- *“Trong hoàn cảnh hiện tại, chúng tôi không thể nghĩ tới bất cứ một hình thức hợp tác kỹ thuật nào và chúng tôi chỉ có một nguyện vọng: được trở về Pháp càng sớm càng tốt.”*

Các hãng “Chargeurs Réunis” và “Messageries Maritimes” từng phụ trách hầu hết dịch vụ chuyên chở hàng hóa bằng đường biển đến Âu Châu đã nhận được lệnh phải ngừng hoạt động để biến thành một công ty quốc doanh độc quyền của Nhà Nước. Ba ngày sau khi ông Giám Đốc hãng thuốc lá Đông Dương trở về Pháp thì hãng thuốc lá này bị chiếm giữ ngay. Hãng thuốc lá Bastos và hãng bia và nước ngọt nước đá Đông Dương (Brasseries-Glacières d’Indochine) chỉ sản xuất 30 % năng suất vì đã gặp nhiều khó khăn với các “ù ban của xí nghiệp”;

- Vì gia đình đã về Pháp từ tháng 4 nên các giáo sư sống xa gia đình, (các trường học đều bị đóng cửa), các bác sĩ quân y mất kế hoạch, các nhân viên xí nghiệp đang ngừng hoạt động, các thương gia không có khách (tiệm tũn bị đóng cửa, các khách sạn bị trưng dụng)... tất cả những người này sống thu hẹp như một xã hội bị đóng kín trong sự tuyệt vọng và buồn nản... Trong khi chờ đợi các đường hàng không có thể được cho mở lại, họ không có

việc gì làm, nên chạy đi chạy lại thăm nom nhau để giết thì giờ, rồi mang hết những gì họ còn lại như rượu và thức ăn ra ăn nhậu cho hết. Nhưng sự bức dọc của các anh “bộ đội” thường gây ra những chuyện rắc rối bức mình cho những người Pháp này (như xét căn cước liên tục, viếng nhà bất thần và thường xuyên, không cho di chuyển) vì họ cho là những người ngoại quốc này khinh thường họ khi lái xe hay khi ngồi tán gẫu trên sân thượng, nên bất cứ một vi phạm nhỏ nào họ cũng có thể bị đưa tới công an để được nghe những lời giáo huấn hằng giờ... hoặc nghe thuyết về sự cần thiết phải thay đổi “tánh phản động” của mình.

- Tất cả những đồn điền cao su lớn đặt dưới quyền chỉ đạo của một “ủy ban cao su” hiện nay do nhân viên Việt Nam quản lý, phối hợp với chánh quyền địa phương. Một số nhà trồng tía phải trở về Sài Gòn và họ tuyên bố là lúc nào cũng sẵn sàng giữ một vai trò cố vấn kỹ thuật, nếu chế độ mới đòi hỏi. Nhưng chánh quyền cộng sản đã cho họ biết là họ *“chỉ mong hợp tác với những người chưa bao giờ làm việc ở Việt Nam trước ngày chiến thắng của cách mạng”*.

Họ đã chỉ rõ ràng cho thấy ví dụ như *“những linh mục, những chuyên viên hay những nhà ngoại giao” đã từng có những quan hệ với chánh quyền bù nhìn của ông Thiệu trước khi ông này ra đi.*”

Những người Việt Nam có quốc tịch Pháp tiếp tục vây quanh văn phòng Di trú và tòa Lãnh Sự Pháp (Sài Gòn giờ đây đã xuống hàng thành phố cấp vùng nên chỉ được phép có một đại diện Lãnh sự, các tòa đại sứ đều ở Hà Nội). Không một người nào được phép hỏi hương vì là “công dân da vàng”. Ba Lê vẫn không thể làm gì được trong lúc này. Và các công chức trong lãnh sự quán chỉ biết

nói là sự di tản của tất cả người Pháp “nói chung có thể đòi hỏi 2 tháng hoặc 2 năm”. Những đồng bào Pháp nào đã ra đi được sau một thời gian chờ đợi khá lâu đều phải giao chìa khóa nhà và chìa khóa xe của họ cho chánh quyền mới để họ “quản lý giùm”. Họ chỉ được quyền mang theo “quần áo và giấy tờ cá nhân” mà thôi. Họ không được rút tiền từ trương mục ngân hàng của họ. Họ không được phép nhờ một thân nhân hay một bạn thân nào coi sóc giùm căn phòng, biệt thự hay xe cộ của họ. Các tài sản này không phải bị cưỡng đoạt mà chỉ bị di lý thôi để giao lại cho “nhân dân quản lý” trong khi chờ đợi bị sung công... Và chờ thủ tục bồi thường. Trong ngắn hạn, dù sao thì sự có mặt một trăm năm của người Pháp ở Việt Nam cũng đã được bôi xóa đi một cách quá nhanh chóng. Sau ba mươi năm cách mạng và tranh đấu, không phải chỉ để dùng tên của bao nhiêu những vị anh hùng mà kẻ chiến thắng không bao giờ thiếu, để thay thế vào tên đường như tên của ông Pasteur chẳng hạn.

*

* *

Trong tuần lễ thứ ba của tháng 7, một người Pháp từ Sài Gòn về nước đã trao cho tôi một bức thư của một ông bạn Việt Nam của tôi, giáo sư T... mà ông đã viết từ lâu không gởi được. Bức thư viết: - “Anh Pierre thân mến, có quá nhiều biến cố đã xảy ra từ sau lần chúng ta gặp nhau chỉ mới vào khoảng cuối tháng 4 đây thôi nhưng tôi có cảm tưởng là chuyện đã xảy ra cả trăm năm trước và trong một thế giới khác không bằng. Đứa con trai lớn của tôi, thằng Viên. là trung úy ở sư đoàn 18 bộ binh, đã bị tử thương trên đường Long Thành ngày 29 tháng 4. Nó được 24 tuổi. Nhưng ba đứa khác thì lại được đoàn ngũ hóa vào những hội đoàn mới. Chúng nó đi

vẽ biểu ngữ trên tường, và đi kiểm kê những người dân tỵ nạn. Nỗi buồn của chúng tôi không thể diễn tả ra bằng chữ được. Tôi đã cố gắng gạt bỏ những tư tưởng của tôi vì tôi có quá nhiều điều phải nói với anh... Nhưng trước hết tôi cố gắng cho anh biết qua một số tin tức hay hay.

- Tinh thần của quân đội Miền Bắc cả ở Sài Gòn và ở Đồng Bằng sông Cửu Long, không có quá tốt như người ta đã tưởng đâu. Họ đào ngũ quá nhiều. Đài phát thanh cộng sản và các bản thông cáo dán ở trên tường thường xuyên cảnh giác dân chúng không được chứa chấp những binh sĩ đào ngũ nếu không sẽ bị “nghiêm trị”. Lúc họ vào Sài Gòn, các “bộ đội và cán bộ có rất nhiều tiền đồng (của Miền Nam) mà họ đã thu nhặt được trong các cơ quan của chánh quyền ở các thành phố mà họ vừa chiếm được. Phần đồng đã dùng tiền này để mua đồng hồ tự động, quạt máy và rất nhiều món khác mà họ chưa từng thấy biết qua bao giờ. Hết tiền rồi họ trở lại tình trạng thật sự như trước, nghĩa là không sáng sủa gì cả. Để giữ tinh thần họ, cấp chỉ huy đã tăng gấp đôi phụ cấp gạo cho họ. Nhưng lương thì không tăng: 1200 đồng hằng tháng. Chỉ vừa đủ mua bốn bao thuốc lá. Có một số binh sĩ đã bị động viên nhiều năm rồi rất là bất mãn vì không được phép trở lại gia đình. Theo ước tính của họ thì họ nghĩ rằng họ còn sẽ bị lưu giữ lại ở Miền Nam từ hai năm tới hai năm rưỡi nữa. Nhiều đơn vị tác chiến vừa được thông báo là họ sẽ qua một khóa huấn luyện đặc biệt trong thời gian 18 tháng để được chuyển thành “lực lượng gìn giữ an ninh và trật tự”.

- Trên phương diện kinh tế, chánh quyền cộng sản chưa có một biện pháp nào thuyết phục hết. Một đội ngũ được gọi là chuyên viên tài chánh (đúng hơn phải gọi họ là nhân viên kế toán) đã từ

Hà Nội vào đây với những thùng “bàn toán” của Tàu (trong lúc tất cả ngân hàng và các công ty xí nghiệp sẽ được họ kiểm soát đã và đang xử dụng máy điện toán). Các “ông chuyên viên” này thường nhắc đi nhắc lại với những ai muốn nghe là ưu tiên hàng đầu của họ là phải “đập tan bộ máy kinh tế bù nhìn”. Theo họ thì đời sống của người dân ở thủ đô Sài Gòn quá dễ dàng là nhờ viện trợ của Hoa Kỳ. Hầu hết dân chúng Sài Gòn chỉ là những con “kỳ sinh trùng” sống ăn bám vào mưu mô thủ đoạn và sự đầu cơ. Tất cả những tích trữ trong ngân hàng sẽ bị tịch thu hết.

- Tiền lương của tất cả những công chức và chuyên viên được giữ lại trong nhiệm vụ của họ sẽ được trả phân nửa bằng gạo và phân nửa bằng tiền. Lương thấp nhất được 10.000 đồng (khoảng 120 quan Pháp) và phụ cấp gạo: 10 kí lô cho mỗi người lớn và 5 kí lô cho trẻ con. Lương cao nhất không được quá 25.000 đồng (tương đương 250 quan Pháp). Các cán bộ địa phương của Mặt Trận khuyên những nhà buôn nên mua vàng và hàng vải hơn là tích trữ tiền mặt. Có nhiều cuộc chuẩn bị cho thấy sắp sửa có đổi tiền cũ lấy tiền mới. Chánh quyền sẽ hành động bất thần, không báo trước, và thời gian đổi tiền chỉ trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Tiền mới đã được in rồi.^[1]

- Đời sống đã đổi thay khác hết. Không ai còn tìm đâu được một giọt xăng. Tất cả đều phải đi xe đạp (hãng L'U.C.I.A của người Pháp đã gặt được một mẻ to vì đã bán hết số xe đạp còn tồn kho). Chánh quyền cũng có cho mở lại vài trạm xăng, nhưng chỉ dành cho xe buýt và xe vận tải công cộng. Cho đến những ngày đầu tháng 6, các chợ còn được tiếp tế khá đầy đủ và giá cả còn được bình thường. Trừ ra cá, càng ngày càng ít đi và càng ngày càng mắc. Cũng vì không có đủ xăng, 90 % tàu đánh cá không thể ra khơi

được. Vào tháng 6, gạo đã bắt đầu khan hiếm. Các chợ không nhận được gạo. Có kêu than cũng vô ích thôi. Mà nếu như chợ có đầy đủ như trước kia... thì chúng tôi cũng không còn tiền.

- Những bạn bè từ Miền Trung vào đã nói với tôi là hầu hết tất cả vùng ngoài đó đã bị cộng sản kiểm soát khá chặt chẽ, đến độ chỉ có lá cờ đỏ sao vàng của Hà Nội được treo ở các quận lỵ của tỉnh. Cuộc thanh trừng thật là khủng khiếp. Tất cả những sĩ quan trình diện đi học tập đã được đưa đi các trại lao động khổ sai ở tận trên núi rừng. Họ phải mở những con đường xuyên qua rừng rậm, để chở những mảng gỗ to và những tảng đá nặng. Vì khí hậu ở đó quá khắc nghiệt và không được trong lành, lại thiếu thuốc men, mặc không đủ ấm, ăn không đủ no... nên họ chết rất nhiều. Phần lớn các Cảnh Sát đã bị hành quyết. Con gái hay những bà vợ góa của các quân nhân, của những người tư bản và của những công chức cao cấp, bị gả ép cho các thương phế binh Bắc Việt để vừa làm bạn vừa làm y tá cho họ.

- Trái lại, ở Vùng Đồng Bằng và ở Sài Gòn tình trạng mất an ninh và vô trật tự càng ngày càng lớn. Trộm, cướp, và ám sát ngày càng nhiều. Báo chí và đài phát thanh cộng sản quy trách cho binh sĩ của “chế độ bù nhìn cũ đã dùng vũ khí của họ để hành động phá rối trị an”. Chuyện đó còn phải chờ xem, vì từ ngày chấm dứt chiến trận, các cựu quân nhân của quân đội chúng tôi sống vất vưởng không có một lợi tức nào cả. Họ đâu còn lãnh lương, không có quyền lãnh một hột gạo và dĩ nhiên là thất nghiệp. Nhưng không phải chỉ có những anh cựu quân nhân mà thôi. Còn có những anh “chiêu hồi”, những anh Việt Cộng đã trở về với quân đội VNCH. Có khoảng 200.000 người. Cộng sản Bắc Việt đã cho lệnh họ phải trở về với những đơn vị cũ của họ trước kia. Khiếp sợ vì phải rơi trở

lại vào tay của những người mà họ đã chối bỏ và đã chống lại trước kia nên họ lẩn trốn và sống gần như ngoài pháp luật.

- Cộng sản cũng đã phạm nhiều lỗi lầm không giải thích được. Trong tuần lễ đầu của tháng 5, họ đã mở cửa các khám và đã thả ra tất cả tội phạm, kể cả những người mắc bệnh tâm thần ở bệnh viện Chợ Quán. Tất cả những tội phạm đều không phải là tù nhân chánh trị, mà có cả ngàn người trong số được thả ra là những tội phạm hình sự, phạm tội giết người và trộm cướp chuyên nghiệp. Những bệnh nhân tâm thần ở Chợ Quán phần đông là những người điên rất dữ dằn, rất nguy hiểm cho xã hội. Chuyện thả hết những tội phạm bất lương và những người điên chỉ làm cho tình hình trở nên trầm trọng thêm mà thôi.

- Ở trung tâm Sài Gòn thì sự kiểm soát có phần khá hơn, nhưng trong tất cả những khu vực đông dân và ở ngoại ô, thì ban đêm thường có những sự đụng chạm. Người ta thường nghe tiếng súng nổ. Trong những khu vắng vẻ ở Phú Nhuận và Tân Sơn Hòa, có những vụ trộm, những vụ ném lựu đạn, và ám sát có khi xảy ra cả ban ngày. Chúng tôi được biết là hiện nay có những chiến khu ở nhiều nơi trong vùng Đồng Bằng, cũng như trong rừng và vùng đầm lầy ở Miền Đông của Sài Gòn. Có một số binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến, biệt động quân và lính Dù còn đầy đủ trang bị, di chuyển gần như khắp nơi và phục kích. Ở Miền Tây thì Hòa Hảo nổi dậy chống đối công khai. Họ tấn công các đoàn xe cộng sản, bắn phá các trung tâm đô thị, và phá hoại các đường dây liên lạc. Ở Cao nguyên, có hàng chục ngàn đồng bào Thượng đốt bỏ làng rút vào rừng sâu. Về những chuyện như thế chúng tôi biết nhiều chi tiết chính xác, nhưng nếu viết ra đây thì quá dài. Bạn của anh là Paul Ph. biết rành các chuyện này. Chắc không bao lâu nữa anh ta sẽ về

Ba Lê, vì anh là công dân Pháp. Anh ta có liên lạc được nhiều nơi, và đã đi lại khá tự do. Tôi thích nói cho anh vài chi tiết về những người công giáo. Những trận đánh cuối cùng, đẫm máu nhứt và khốc liệt nhứt không phải do các đơn vị chánh quy của Miền Nam Việt Nam mà là do những anh dân vệ công giáo ở Hồ Nai. Có nhiều em chỉ mới vừa 15 tuổi đầu, do các linh mục chỉ huy, cầm thánh giá và lá cờ vàng trắng của Đức Thánh Cha, đã chiến đấu dữ như cọp. Họ đã phá hủy được 8 chiến xa T. 54 chỉ bằng lựu đạn và các chai xăng “mô lô tốp (molotov) và đốt cháy nhiều xe vận tải chở đầy lính Bắc Việt. Trận chiến đã kéo dài trong hai ngày và hai đêm.. Lúc trước, khi quân đội chánh quy Miền Nam đóng ở Hồ Nai rút đi, lực lượng dân vệ ở đây đã giữ lại được mấy khẩu pháo binh và đã xử dụng. Linh hồn của trận chiến là cha Sưu người mà anh đã từng biết rõ. Ông đã bị tử thương. Các em dân vệ đã đem được ông vào nhà và ở đó chiến đấu luôn mấy giờ. Những người sống sót, hầu hết đều bị thương, đã bị cộng sản đem ra xử bắn hết... Ở Sài Gòn, người công giáo trên nguyên tắc không có gì lo lắng hết. Các nhà thờ đều mở cửa và các linh mục được phép làm lễ. Các nhà thờ đều đầy nghẹt tín đồ. Nhưng cũng vẫn có nhiều chuyện rắc rối đã xảy ra:

- Chuyên thứ nhất nhằm vào Đức Ông Le Maitre đại diện của Tòa Thánh Vatican. Các tín đồ tiến bộ (cánh tả) đã tràn ngập vào Tòa Đại diện của Tòa Thánh. Họ lôi Đức Ông và thơ ký của ông ra ngoài đường, ở đó họ đang họp mật tình để tổ khổ. Đức Ông bị họ lên án là đã hỗ trợ cho hành động của Chánh Phủ bù nhìn của ông Thiệu. Họ xô đẩy và la ó lớn tiếng với Ông. Những người trong mật tình đã hạ lá cờ của Tòa Thánh Vatican xuống và thay vào đó lá cờ của CPLTCHMN. Cảnh Sát đã đến can thiệp bằng cách bắn chỉ thiên

vài phát súng. Đức Ông được giải tỏa và được dẫn lên phòng của ông. Nhưng sau đó Ban Quân Quản đã trao cho ông một quyết định trục xuất, với lý do: “sự hiện diện của Ông sẽ làm xáo trộn trật tự công cộng”.

Và Đức Ông đã rời khỏi nước Việt Nam.

- Một chuyện rắc rối khác, quan trọng hơn nhiều, được xảy ra vào đêm mùng 4 tháng 6, ở khu Trương Minh Giảng mà như anh đã biết đó là một địa bàn của những người công giáo cứng đầu, khó chịu nhất. Ngày 3 tháng 6, có vài trăm tin đồ cánh tả đã biểu tình đòi Đức Cha Thuận phải từ chức. Đức Giám Mục Nguyễn Văn Thuận vốn là cháu của Tổng Thống Diệm và là Giám mục của địa phận Nha Trang, mà Vatican vừa mới bổ nhiệm ông vào nhiệm vụ Phụ Tá Đức Tổng Giám Mục Địa phận Sài Gòn. Đức Cha Thuận là người được mọi người giáo dân thương mến và kính trọng, kể cả những người không phải là tin đồ cũng vậy. Hàng ngàn tin đồ công giáo thuộc giáo khu Fatima đã tổ chức một cuộc xuống đường chống-biểu tình và hô to những khẩu hiệu chống cộng sản. Vì đã quá giờ thiết quân luật, nên một đội tuần tiểu của “bộ đội” đã đến cánh cáo họ phải giải tán. Các giáo dân đã giục chuông inh ỏi ở các nhà thờ. Đám biểu tình đã giải giới mấy anh “bộ đội” và đã đánh đập họ. Quân đội đã đến can thiệp và có bắn vào đám đông. Có hai người chết và sáu người bị thương. Ngày hôm sau người ta tìm thấy xác của ba chú “bộ đội” bị cắt cổ và được treo ở thành cầu. Còn đức cha Thuận thì bị bắt buộc phải rời khỏi Tòa Giám Mục và về sống ẩn cư ở Nhà Dòng lớn. Ở Miền Trung và các tỉnh ở Miền Nam, tất cả cơ sở tôn giáo (trường học, nữ tu viện, cơ sở y tế lớn nhỏ...) đều bị sung công và xử dụng làm trại lính.

- Trong khu vực của tôi, từ năm ngày nay những sự khám xét

càng ngày càng tăng và lương thực càng ngày càng khan hiếm. Là một giáo sư về Luật, tôi không còn có việc làm nữa. Như thế là không có lợi tức. Tuy vậy mà tôi cũng phải tham gia vào các “buổi học tập của các luật gia” để tự “cải tạo” mình. Người ta chỉ bàn cãi về chánh trị. Mọi người đều tranh đua nhau tưởng tượng để sáng chế ra những khẩu hiệu mới mẻ theo chiều hướng “Pháp luật dính liền với chánh trị, đó là một công cụ đấu tranh, một phương tiện để đạt tới mục tiêu cách mạng”. Đó là một khẩu hiệu quá ngu xuẩn, nhưng khi người ta lặp đi lặp lại nhiều lần và viết đi chép lại chùng ngàn lần, người ta không còn nhớ rõ tại sao người ta đã bắt đầu phải học Luật. Thà là tôi chịu khó đi cuốc đất, xuống hàng cho các xe vận tải hay cưa củi. Có thể người ta sẽ đưa tôi đi một trại lao động. Tôi là một tín đồ Thiên Chúa giáo như anh Pierre đã biết đó. Nhưng có đôi lúc tôi thấy Đức Chúa Trời ở xa Việt Nam quá! Và tôi có cảm tưởng rằng chúng tôi còn phải ở lâu lắm trong thế giới cộng sản.”

*

* *

Đầu tháng 8. Sau 3 tháng thương lượng đầy gay go và thất vọng, cuối cùng nước Pháp cũng mở được một cầu không vận với Sài Gòn, để di tản trong thời gian hơn một tháng, 1.600 công dân Pháp. Còn những người khác thì sao?

[1] - Tiền mới đã được thực sự lưu hành trong tuần lễ thứ hai của tháng: tiền đồng (nặng) trị giá 500 đồng tiền cũ của Miền Nam hay là 3 quan Pháp. Nhưng mỗi người chỉ đổi được có 200 đồng (tiền mới), tất cả người Việt Nam và người ngoại quốc đều được lệnh phải đem nộp cho Ngân Hàng Quốc Gia số tiền còn lại mà họ đang có.

Chương 26

THẬT CHUA CHẤT THAY CHO CÁI GỌI LÀ “GIẢI PHÓNG”!

Trong tuần lễ đầu tiên của tháng 9, anh Phạm, một người bạn của tôi, cuối cùng được một chỗ trên chuyến bay về Pháp. Khi vừa đến Ba Lê, anh điện thoại cho tôi ngay tại phi trường Roissy:

- “Tôi phải đi gặp anh liền, để cho anh biết, để cho anh nói với tờ báo của anh những gì đã xảy ra ở Sài Gòn. Trăm triệu lần!”

Anh bạn tôi có vẻ bị quá căng thẳng, bị kích thích quá độ như một người vừa bị một cú sốc nặng, muốn phản đối và kêu cứu vậy. Đó không phải là thói quen của anh. Anh Phạm là một người Việt Nam, người Miền Tây, đặc biệt rất cứng cỏi và rất bình tĩnh. Anh là một sĩ quan thiết giáp, tỵ nạn chánh trị ở Pháp từ năm 1955, sau đó anh đã tiếp tục học và đã giạt được bằng kỹ sư điện toán và cử nhân hóa học một cách vẻ vang. Anh ta có một chỗ đứng vững chắc trong một công ty viễn thông lớn từ hai mươi năm nay. Vào dân Pháp năm 1958, anh chưa về Việt Nam lần nào từ hai mươi năm nay. Hôm 2 tháng 4 vừa rồi anh trở về Sài Gòn để thăm gia đình

anh, và bị kẹt lại đó trong bốn tháng. Tôi phải gấp rút đi gặp anh bạn tôi mới được. Tôi gặp lại bạn tôi, lúc này người trông quá gầy, vẻ mặt mệt mỏi, với cặp mắt lo lắng bồn chồn. Anh nắm tay tôi trong hai bàn tay của anh thật chặt và nói với tôi một hơi:

- *“Anh Pierre ơi, ở Sài Gòn chỉ còn có một sự đối rách khôn khéo, một nỗi thất vọng, một sự chống đối và một cái chết mà thôi. Con người đáng ghét nhất đáng khinh nhất ở Miền Nam ngày nay không phải là ông Thiệu, cũng không phải tướng Trần Văn Trà, mà là tướng Dương Văn Minh. Chẳng những ông ta đã bán đứng Miền Nam mà ông ta đã cúi đầu quy lụy trước những người cộng sản Bắc Việt.*

- *Hãy bình tĩnh đi ông bạn ơi, anh hãy cố gắng sắp xếp những ý của anh cho có thứ tự một chút đi...*

Anh Phạm nhìn tôi như một người mộng du, đang tập trung vào một thế giới nào đó mà chỉ có riêng một mình anh biết thôi, rồi mới nói:

- *“Anh không thể nào hiểu được cái gì đã xảy ra bên đó đâu. Anh không thể nào tưởng tượng nổi là tất cả đều đã thay đổi hết. Và cả một sự thù hận!...*

Anh ta ngưng một lúc, lấy tay dụi cặp mắt như một người ngủ vừa mới thức dậy, một người vừa mới qua một giấc mơ hãi hùng, rút từ trong túi ra một cuốn sổ tay màu đen, lật qua lật lại vài tờ rồi nói:

- *“Tôi giữ được cuốn sổ tay này qua cuộc khám xét. Tôi có ghi lại rất đầy đủ, tất cả những gì tôi đã thấy, đã nghe và đã hiểu được. Trong suốt hai mươi năm qua, tôi gác bỏ chánh trị ra ngoài tai. Đến tháng 3 năm nay, khi tôi nằm rất thoải mái ở ghế phô toi để xem truyền hình ở Ba Lê, cũng như tất cả*

những người Pháp khác, tôi tưởng người Việt Nam chạy trốn chiến tranh hoặc là họ đã bị sự tuyên truyền chống cộng đầu độc. Anh biết không, thật sự tôi đã lầm! Bây giờ tôi mới hiểu là tại sao người Việt Nam đã chạy trốn đây đường. Không phải họ chỉ chạy trốn đạn pháo và các đơn vị cộng sản Bắc Việt. Mà họ thật sự chạy trốn bộ máy ở phía đằng sau bộ đội cộng sản đó anh Pierre! Các loa phóng thanh, các sự tố giác và lên án, mọi sự chuyển đổi bắt buộc của đời sống, những trại tập trung cải tạo, những tòa án nhân dân, và những “cán bộ” vừa cuồng tín vừa cuồng nhiệt không mệt mỏi, mặt lạnh như tiền, ngoan cố và khắt khe còn hơn các thầy tu của Tòa án Dị giáo. Những tên cán bộ này khi họ nắm được anh rồi, họ không bao giờ buông tha anh ra cho đến khi nào anh phải tường thuật tìm ra được những trọng tội của mình để mà tự thú tội mới xong. Có nghĩa là cho tới khi nào anh phải tự nhận là anh có phạm tội dù đó là một tội trạng do anh tưởng tượng ra, nghĩa là cho tới khi nào anh chối bỏ tất cả, chối bỏ tín ngưỡng của anh, chối bỏ bạn bè của anh, gia đình của anh, cho tới khi nào anh bội nhập vào giáo hội của họ, vào lý thuyết của họ, vào lối sống của họ... dĩ nhiên là đi ngược lại hết với đời sống cũ...

Anh Phạm ngừng một vài giây rồi lại tiếp tục:

- “Tôi đã nhìn thấy bộ máy đó điều hành rồi, nó núp kỹ ở đằng sau các “bộ đội” ngậy ngô từ Miền Bắc đi vào Miền Nam. Nó rất là khủng khiếp. Tôi sẽ cố gắng giải thích cho anh, cố gắng kể cho anh nghe những gì tôi đã thấy. Tất cả binh sĩ vào chiếm Sài Gòn đều cầm là cờ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, mà họ gọi là “lá cờ của CPLTCHMN”.

Dân chúng Miền Nam đều nghi rằng: “giữa người Miền Nam

với nhau, cuối cùng rồi người ta cũng có thể thỏa thuận được với nhau, để có được một giải pháp”. Nhưng làm gì có người Miền Nam? Chỉ có toàn là “bộ đội” người Bắc. (nguyên tác: des Tonkinois), những chú “nhà quê” chỉ thích mua những chiếc đồng hồ có chỉ ngày tháng mà từ ngày cha sanh mẹ đẻ họ mới được thấy lần đầu tiên và họ gọi là “đồng hồ có cửa sổ”, và họ thích chụp ảnh với các anh phó nhòm chuyên chụp dạo ở ngoài đường phố. Người dân Sài Gòn bắt đầu gọi họ là “những con ếch” vì họ mặc quân phục màu xanh lá cây và thường “đi hai hàng”. Cũng không có gì quá đáng lắm đâu. Chỉ chằm biếm chơi thôi. Và các sĩ quan thì vào ở khách sạn. Họ chưa từng được thấy thang máy bao giờ. Một ngày nọ, ở khách sạn Palace, tôi được chứng kiến một cảnh đặc biệt lạ lùng. Một bà cụ già dùng thang máy đi lên lầu ba. Một cô gái còn trẻ cũng dùng chiếc thang máy đó để đi trở xuống, khi cửa mở cô gái bước ra và đi về phía trước. Một anh sĩ quan người Bắc đang đứng ở tầng trệt, bước lui lại mấy bước và kinh ngạc la lên:

- “Đây là máy móc gì đây? Kỳ lạ vậy? Một bà cụ vừa bước vào đây đi lên, bà ta rất già, nhưng lúc trở xuống thì bà ta trẻ lại gần 50 năm!”

Nghe tôi nói như vậy chắc có người cho là tôi kể chuyện lịch sử của thành phố Marseille hơi xa xưa phải không anh? Nhưng không, đây là một chuyện thực, một chuyện sống! Còn nhiều chi tiết nữa lắm. Anh có muốn tôi kể thêm cho anh nghe không? Họ cũng không bao giờ thấy biết những phòng tắm nữa. Họ lấy nước trong những cầu tiểu của mấy bà để rửa mặt. Có một buổi chiều các thương gia và mấy ông “Bang” Tàu vừa “biển” cho quân đội giải phóng một bệnh viện tư lớn nhất ở Chợ Lớn và đã

mở tiệc khoản đãi các sĩ quan cao cấp của họ. Tối đến, người Tàu cho gọi mấy nhiếp ảnh viên tới để chụp ảnh. Họ chụp ảnh bằng đèn. Khi ánh đèn chớp của máy ảnh vừa lóe lên, các sĩ quan đều đứng bật ngay dậy và cùng rút súng lục ra. Họ tưởng đó là một cuộc mưu sát. Tất cả những giai thoại này cả Sài Gòn ai cũng biết hết cả. Người dân ở thành phố cười giễu! Họ không thể nào hiểu được là những người mà họ đang khi dễ này chỉ biết có những làng mạc nghèo khổ, những trại huấn luyện, núi rừng và chiến tranh. Một thế giới mà không hề có một chiếc tủ lạnh, hoặc một máy ghi âm, cũng không có khách sạn, không có đèn chớp để thu hình ban đêm. Khi người ta cười là người ta tưởng là mình che giấu cái lo sợ của mình. Nhưng dân chúng Sài Gòn đã nhanh chóng hiểu rằng “họ cười là sai”. Đã có những chuyện rắc rối xảy ra. Các chú “bộ đội” đã bắt gặp kẻ trộm đang chuyển xăng trong nón sắt của họ, và kẻ trộm đã bị bắt buộc phải uống hết những gì họ chứa trong nón sắt của họ. Họ đã bắt được những anh móc túi, và họ đã dùng súng lục bắn vào hai bàn tay của những người này trước khi thả cho họ đi. Sau đó họ cũng sẽ cho thấy là họ cũng xử binh sĩ của họ y như vậy. Một anh tài xế xe Molotova đã cán chết một em bé ở Gia Định. Bà mẹ la lên, đám đông tụ lại đòi phải được sửa chữa. Anh trưởng xa đề nghị bồi thường ba bao gạo. người mẹ từ chối hẳn và nói lớn: “Anh ta giết chết con tôi, tôi muốn anh ta đền mạng”. Nghe vậy, người trưởng xa lập tức lấy cây súng của một “bộ đội” gần đó và cho ngay một phát đạn vào đầu anh tài xế. Và về sau đó đã có những cuộc xử tại chỗ các phạm nhân bị trói tay và được cột vào hai miếng gỗ, ngay trên đường phố, như vậy gọi là để làm gương. Kể từ đó dân chúng Sài Gòn mới thấy sợ và họ bắt

đầu nói là “Họ còn độc ác hơn bọn Nhật nhiều!”

Nghỉ một chút để hút thuốc, anh Phạm kéo một hơi dài thật ngon rồi lại tiếp tục kể:

- “Kỷ luật sắt và sự tàn ác của mấy chú “bộ đội” đã gây xúc động cho người dân Miền Nam. Nhưng họ còn chưa biết bọn “cán bộ” đảng viên của đảng cộng sản. Bọn này không có mặc quân phục xanh như “bộ đội”. Họ thường mặc quần dài màu xám hay màu sậm hơn và một áo sơ mi trắng không bao giờ ủi và bỏ ra ngoài. Đó mới thật sự là chủ nhân ông. Họ không ồn ào nhưng có mặt khắp mọi nơi. Họ quan sát, đặt câu hỏi, ghi vào sổ tay, tìm hiểu, nghiên cứu và quyết định. Họ là những người hướng dẫn các lớp học tập cải tạo. Lúc ban đầu, người dân Sài Gòn thấy mình tiến bộ nhưng còn hoài nghi. Họ đã theo các buổi học tập cải tạo này với cảm nghĩ là mình đang ở một lớp mẫu giáo dành cho những em bé chậm tiến. Họ hát theo những gì người ta bắt phải hát, họ cũng vỗ tay, cũng lặp lại những gì họ bắt phải lặp lại. Khi bước ra khỏi lớp họ cười khẩy. Và sau đó một lần nữa là họ hết cười nổi, họ hết còn cười khẩy được nữa. Bởi vì “cán bộ” bắt họ phải viết đi viết lại 10 lần, 20 lần những lời tự thú của họ. Không một người nào trong dân chúng thấy mình có phạm tội, và như thế là coi như tất cả đều thấy sai hết. Đây nè:

- các tiệm buôn đã bán thuốc ngừa cho Mỹ để họ ngủ với các cô gái: là có tội;

- người thợ ở cơ xưởng đã đóng góp vào nỗ lực chiến tranh: là có tội;

- thương gia người Tàu đã mua lại chiến cụ phế thải: là có tội;

- cô gái ăn sương đã làm mất danh dự dân tộc khi bán mình

cho người ngoại quốc: là có tội;

- anh sinh viên đã có cả một bộ sưu tập các đĩa nhạc giật gân... là có tội.

Tất cả mọi người mọi giới đều đã, đang hay sẽ là kẻ phạm tội hết. Như vậy là phải biết tội của mình, phải biết sửa mình, phải biết bắt buộc cha mẹ mình, con cháu mình, bạn bè mình phải sửa chữa, cải tạo; phải biết “vạch trần” có nghĩa là phải tố giác những người nào từ chối không chịu thay đổi. Và kế tiếp sau đó là bắt đầu có những cuộc ruồng bắt, những cuộc khám xét. Các công an mật vụ đến nhà ban đêm, lục lọi khắp mọi nơi, gõ vào tường, tháo bết bàn ghế, các vật dụng trong nhà, khám xét hết quần áo, có khi mở tung những chỗ khâu vá ra xem. Chỉ cần có một quyển sách nhỏ chống cộng nào đó, một bức tranh ảnh nào đó của Mỹ, hay một hình ảnh nào đó của ông Thiệu còn bỏ quên trong ngăn kéo, là người chủ nhà sẽ bị bắt mang đi. Buổi sáng thật sớm người ta có khi người ta gặp những hàng người tay bị trói quặt ra sau lưng, bị binh sĩ mặt lạnh như đông dẫn đi. Có đôi lúc các bà vợ chạy theo sau vừa la vừa khóc. Các anh “bộ đội” đuổi họ đi bằng bóng súng... Và như thế là người ta quay mặt đi không ai dám nhìn vào cảnh này. Không phải họ chỉ bắt người mà họ còn tịch thu, trưng dụng nhà của nữa. Tất cả những ai có nhà rộng rãi, nghĩa là có hơn hai phòng cho cả gia đình, thì phải cho một số “bộ đội” vào cư trú, phải giặt giũ cho họ, nấu cơm cho họ. Các sĩ quan thì ở biệt thự. Những anh nhà giàu nào đã bị tịch thu tương mục trong ngân hàng thì phải giao nộp tất cả đồ mỹ nghệ, sổ sách và hàng sơn mài cho các ủy viên tài chánh. Còn lại món nào thì họ đem bán lần bán hồi để mà sống. Đến khi không

còn gì để bán được nữa thì họ tự tử. Sài Gòn là một thành phố tuyệt vọng mà các tù ở đầu giường có đầy đủ hóa chất hay những viên thuốc giết người đủ màu, trắng, hồng và xanh. Người nào không có thuốc thì cao diêm sanh ở các vỏ quet để uống. Tất cả mọi chuyện đều nhằm dồn con người vào con đường cùng của thất vọng. Các cuộc điều tra thẩm vấn, các cuộc bắt bớ, nhất là tình cảnh khốn khổ và sự đói rách. Có trên một triệu người không có việc làm và không có gì để ăn, đó là chỉ mới tính riêng cho Sài Gòn mà thôi đó. Chánh quyền cộng sản đã loan báo trên đài phát thanh là họ đã phát không sáu ngàn sáu trăm (6.600) tấn gạo cho một triệu ba trăm ngàn (1.300.000) dân nghèo ở đô thành trong hai tháng 5 và tháng 6. Như vậy tính ra mỗi người chỉ có chưa tới 100 gram gạo cho một người mỗi ngày. Con đường Tự Do thì đã vắng ngắt, tất cả các tiệm đều đóng cửa. Trên vỉa hè đường Charner, người ta bày bán đủ mọi thứ trên các tấm vải dù, nào là quạt máy, dao mổ, thuốc vàng hạ cá, bán với giá thật rẻ mạt. Người bán ăn mặc rất tuốt tươm tất nhưng quá gầy. Với một nắm bạc chỉ mua được vài kí gạo. có nhiều người còn đem bán cả bàn thờ ông bà. Tôi đã chứng kiến được rất nhiều chuyện rắc rối. Ở khu vực Chợ Cũ, đằng sau Kho Bạc, một người trạc năm chục tuổi đã giết một túi xách của một bà qua đường. Bà ta la lên. Một đội tuần tiễu đã đến kịp và bắt kẻ cướp giết. Anh ta đứng thẳng người lên và cao giọng nói lớn lên với “bộ đội”:

- Đứng vậy, tôi là một kẻ trộm. Các anh hãy làm giùm tôi một việc: hãy đi tìm giùm vợ và năm đứa con tôi lại đây và hãy bắt hết chúng tôi giùm tại đây trước mặt mọi người, bởi vì chúng tôi không còn gì để ăn hết.

Cũng có những cô gái còn tiếp tục mặc quần áo kiểu Tây Phương. Lúc đầu thì cộng sản còn châm chước cho. Nhưng bây giờ thì bị cấm hẳn. Các anh “bộ đội” dùng kéo lớn cắt bớt mấy chiếc quần quá rộng. Tôi đã chứng kiến tận mắt một cô gái giận dữ vì người ta xé quần Gin của cô. Cô tức giận xé cả áo cánh và còi luôn nịt vú của cô ta ra, cầm ném vào mặt của “Bộ đội” và đưa bộ ngực trần ra nói với họ:

- “Săn các anh ở đây thôi thì hãy cắt giùm cặp vú của tôi luôn giùm đi!”

Cô này không phải là một cô gái ăn sương. Đài phát thanh đã loan báo là trong vài tuần lễ nữa, mọi người dân “nam cũng như nữ” đều phải mặc một loại quần áo như nhau: áo quần bằng vải thô nhẹ nhuộm củ nâu, màu đỏ nâu.

Anh Phạm nhăn mặt, nhíu mày có vẻ hơi buồn cười, ngưng giây lát, xong lại tiếp tục nói nữa:

- “Anh Pierre biết không? Bọn cộng sản cũng dùng nhiều trò tiểu xảo nhưng rất là đơn sơ và người ta cũng mắc bẫy như thường. Tôi sẽ kể cho anh nghe một giai thoại không quan trọng lắm, nhưng biểu lộ được cái cách của họ gạt gẫm những người chưa được cảnh giác. Một tháng sau khi Sài Gòn bị chiếm, một giờ trước khi thiết quân luật, tôi cùng một ông bạn giáo sư đi dạo cách rạp chiếu bóng Casino không bao xa. Thình lình chúng tôi nhận thấy hàng đèn trước quán rượu “Đêm Đông Phương” đã được bật cháy sáng và từ trong tiệm có tiếng nhạc xập xình vọng ra ngoài. Bạn tôi vừa cười vừa nói: “Có thể họ đã mở cửa hộp đêm trở lại. Chúng ta hãy vào đây uống một ly cho nó bớt căng thẳng. Chúng tôi đẩy cửa bước vào. Có nhiều cặp đang nhảy trên sàn và ban nhạc đang chơi một bản nhạc

giật gân. Quầy rượu cũng được thấp sáng, và có một số vũ nữ đang ngồi uống trên ghế cao trước quầy. Chúng tôi đang đi đến một cái bàn. Hai “bộ đội” đột nhiên xuất hiện từ phía sau một cây cột, chia súng vào chúng tôi và đẩy chúng tôi ra cửa, chẳng nói chẳng rằng. Ngày hôm sau chúng tôi được nghe một cô gái nhảy của tiệm Las Vegas cũ giải thích câu chuyện đó như sau:

- “Chúng tôi hơn một chục người cả nam lẫn nữ đã được gọi tới một “sân khấu”, là cái hộp đêm này, được trả cho mỗi người 1.000 đồng và được đãi một bữa cơm. Bù lại chúng tôi phải nhảy với nhau suốt hai tiếng đồng hồ, “như hồi còn chế độ bù nhìn” vậy. Có những chuyên viên quay phim chiếu bóng của những nước cộng sản ở Âu Châu đến thu hình chúng tôi, và sau đó thì các anh bộ đội đã đưa chúng tôi về nhà bằng xe quân vận. Cuốn phim đó nghe nói sẽ được dùng để tuyên truyền ở ngoại quốc, để cho người ta thấy là chế độ mới thật sự đã quá dễ dãi. Một tuần lễ sau đó, họ lại làm y như vậy một lần nữa ở nhà hàng “Arc en Ciel” trong Chợ Lớn, với những người khách ăn mặc sang trọng, với mọi thức ăn bày trên “búp phê” thịnh soạn, từ món heo quay vàng cháy, thịt heo ghim nướng, đủ thứ trái cây, rượu vang, rượu khai vị v.v. nhưng tất cả khách hàng đều là đóng trò hết, họ được đãi ăn vì nhu cầu dàn dựng để quay phim. Cảnh phim được quay để nhằm cho thấy Sài Gòn không thiếu món gì, bởi vì các nhà hàng sang trọng vẫn tiếp tục được tiếp tế đầy đủ và thường xuyên.^[1] Và cái gọi là CPLTCHMN thì ra sao rồi trong tất cả những chuyện đó?

- Các tổng bộ trưởng của cái Chánh Phủ đó đã ở Sài Gòn nhưng không có gì để điều hành. Họ được ở trong những dãy nhà thuộc Bộ Tổng Tham Mưu cũ của Miền Nam, gần sân bay

Tân Sơn Nhút. Có lính gác chung quanh doanh trại, súng ống bắn hòì. Công an chánh trị Bắc Việt không rời họ nửa bước và họ không tiếp một ông khách nào. Các thành viên của “Ủy Ban Lãnh Đạo” thì ở trong thành phố, trong những khách sạn hạng nhì mà có nơi không có nổi một cái điện thoại. Thỉnh thoảng họ cũng có mặt trên khán đài. Lâu lâu từng định kỳ đài phát thanh và báo chí cũng có loan báo những bản tuyên bố hay đăng những bài nói về các “nhân vật của Miền Nam và của Miền Bắc”, hay nói về đường lối chánh trị “không liên kết” của Miền Nam. Nhưng cũng không đối gặt được ai. Các sĩ quan Bắc Việt đồn trú đều mang phù hiệu của CPLTCHMN trên nón cối. Tôi đã có trò chuyện với một trong những sĩ quan này, một đại tá thuộc sư đoàn 320 B. Anh ta vừa nhún vai vừa nói với tôi:

- “Chỉ là một phù hiệu thôi mà, cũng như những lá cờ vậy. Những dấu hiệu tượng trưng cần thiết để tiến hành “chiến dịch Hồ Chí Minh” thôi. Phải cho có một sự tin tưởng đó là bộ đội của CPLTCHMN đang giải phóng Miền Nam. Sự thật thì chúng tôi đều là quân đội Miền Bắc và do Hà Nội chỉ huy” Những gì mà đại tá đó đã nói với tôi đều được chứng thực bằng sự kiện. Những người Bắc thì chiếm hết các biệt thự và nhà đẹp, các khách sạn hạng, các cơ quan công cộng. Chỉ có họ mới được sử dụng các xe du lịch loại lớn của người Mỹ bỏ lại. Những những lãnh đạo cách mạng Miền Nam được chia ra làm hai thành phần: thứ nhất là những người “tập kết”, những người đã chọn lựa đi ra Miền Bắc hồi năm 1954, và thứ hai là những kháng chiến quân của Mặt Trận Giải Phóng. Cả hai thành phần đều chống người Bắc (nguyên tác: anti-Tonkinois). Họ bị đối xử như những người anh em nghèo và thực sự không được có

một trách nhiệm nào rõ ràng hết, mặc dầu họ được gán cho những danh vị chánh thức. Tôi đã có trò chuyện với nhiều người trong số những anh “tập kết”. Họ nói:

“Ở ngoài Bắc, chúng tôi không phải là người ngoại quốc. Nhưng bây giờ thì chúng tôi đã về nhà chúng tôi rồi, chết sống gì chúng tôi cũng ở đây, chúng tôi không trở ra ngoài đó nữa đâu.”

Tình cảm của người dân Miền Nam mạnh hơn bao giờ hết. Cách xử sự của những người Miền Bắc trong tư thế chiếm đóng đã giúp cho người dân Miền Nam gần bó với nhau hơn. Dân chúng Miền Nam không biết cười nữa rồi mà vẫn gọi người Bắc là bọn “xâm lăng” (nguyên tác: les “xam-lang”), những kẻ xâm lược, hoặc những “cá rô cây” (nguyên tác: “caro-cay”). Danh từ khinh bỉ này muốn nói ra nhiều điều lắm. Con cá rô là loại cá mà người dân nghèo thường ăn. Vì có một số người Bắc đã làm những con cá rô bằng cây bỏ vào chén nước mắm để lúc nhìn thoáng qua cũng thấy họ có ăn cá, nhưng thực sự là họ chỉ có ăn cơm không mà thôi. Danh từ “cá rô cây” cũng đồng nghĩa với “đói nghèo mà kiêu căng”.

- Anh có nghe nói gì về kháng chiến hay là chiến khu gì không?

- Dĩ nhiên rồi. Chỉ cần đi một chút thôi, nghe đài phát thanh, đọc báo chí hay những thông cáo dán ở tường, thì thấy ngay bằng chứng. Tại Sài Gòn thiết quân luật đã được tái lập lại. Và đó không phải là chuyện đùa đâu. Về đêm “bộ đội” hề thấy cái gì nhúc nhích là họ bắn liền. Đài phát thanh kêu gọi dân chúng hãy “tố cáo những người phản động nào còn lẩn trốn”. Báo chí thường loan báo nhiều lần hàng tuần là “lực lượng an ninh đã bao vây và hạ sát những toán phản động còn ngoan cố giữ vũ khí đạn dược”. Lúc đầu thì “bộ đội” bị đâm bằng dao găm, hay

bị siết cổ. Đó là những hành động lẻ tẻ, do những phản ứng tức giận của một vài sĩ quan lạc lõng. Bấy giờ thì đã có nhiều hệ thống, bắt đầu có tổ chức và những vụ ám sát có lựa chọn. Người ta thường nhắm vào các cán bộ và công an. Người ta làm giấy căn cước giả mạo. Có truyền đơn được rải trong trường học kêu gọi sinh viên ra chiến khu. Tất cả các sinh viên đều có thẻ báo đầu. Có lần họ đã đánh một ủy viên của đại học. Vào cuối tháng 6, đã có một sự nhen nhúm biểu tình. Một cán bộ đã bị đập chết bằng búa. Người cầm đầu đã bị bắt và bị xử bắn ngay. Cái chết này đã làm cho sinh viên hoang mang. Vào tuần lễ đầu của tháng 7, lại có xảy ra một chuyện rắc rối nữa trầm trọng hơn. Sáu trăm sĩ quan thuộc QLVNCH (600) đi trình diện hồi tháng 5 đã bị đưa đi đến một trại tù khổ sai ở giữa rừng, ở vùng núi Bà Đen cách Sài Gòn khoảng hơn 100 cây số về hướng Bắc. Tình trạng sinh sống của họ rất là vô nhân đạo. Hằng ngày họ chỉ được phát có hai nắm cơm với muối và phải đốn cây to với những chiếc rìu thường, từ sáng cho đến chiều. Một buổi sáng nọ vào cuối tháng 6, các “bộ đội” giữ họ (chỉ có chừng 100 chú) đã tập họp họ lại và nói:

- “Các anh đông quá, nên vì lý do an ninh, chúng tôi sẽ cột các anh lại từng cặp hai người một”.

Các sĩ quan này phản đối:

- “Chúng tôi không có làm gì sai trái, chúng tôi làm việc như trâu rôi mà mấy anh còn muốn cột chúng lại như súc vật? Chúng tôi không thể nào làm việc cặp đôi như vậy được, cũng không thể đi vệ sinh riêng rẽ được nữa.”

Các chú “bộ đội” không cần biết và bắt đầu cột họ lại từng cặp với nhau. Bấy giờ các sĩ quan tù nhân mới chơi xả láng.

Họ ulla vào tấn công các bộ đội giữ tù. Dĩ nhiên bộ đội đã nổ súng và có hơn 100 sĩ quan bị tử thương, nhưng những người khác đã tước được khí giới của bộ đội và đã tàn sát hết toàn bộ. Cộng sản đã đưa nhiều xe binh sĩ đến tăng cường và cuộc trấn áp thật là rất tàn nhẫn. Chỉ có một nhóm sĩ quan đã chạy trốn được vào rừng có mang theo vũ khí. Vài ngày sau, Bộ Nội Vụ đã loan báo trong một bản thông cáo báo chí là: “Có vài trăm phản động đã chết trong một tai nạn trên đường Tây Ninh.” Ngay sau khi được biết tin này, hàng trăm vợ con của những sĩ quan đã tụ tập trước Bộ Nội Vụ gần Nhà thờ Chánh Tòa. Họ yêu cầu phải giải thích, họ đã xô đẩy các lính gác và chửi người phát ngôn viên của Chánh Phủ:

- “Chúng tôi không tin. Không thể nào có đến hàng trăm người chết trong một tai nạn trên quốc lộ. Hãy trả thân của chồng con của chúng tôi và chúng tôi sẽ thấy biết tại sao họ chết.”

Họ quá bị kích động gần như cuồng loạn. Nhưng một giờ sau đó, tất cả khu vực này được bộ đội đến bao vây, họ chia súng và lên cò súng liên thanh nghe rầm rầm và các bà bị giải tán bằng bóng súng. Đó là những gì đã xảy ra ở Sài Gòn, anh Pierre. Độc tài và chỉ có độc tài!

- Và đã có những gì đã xảy ra ở các tỉnh?

- Trong các thành phố ở Miền Tây, vì không có báo chí để có thể thấy được những gì đã xảy ra trong những ngày đầu của việc cưỡng chiếm, thật là đẫm máu. Công tác tái lập tình hình “đạo đức” thật là vừa tàn bạo vừa vụng về. Các cô gái và các bà còn trẻ bị buộc tội vì ăn mặc “lố lằng”. Các buổi họp có nhảy đầm bị binh sĩ “công phần” giải tán, nhạc cụ bị tịch thu vì đàn ghi ta điện và cá bình điện là của đế quốc. Tòa án “nhân

dân", cho hành quyết ngay. Cảnh Sát và cán bộ của tỉnh bị gán tội "tham nhũng". Quân đội Miền Nam không có hành động chống đối sau khi Sài Gòn bị chiếm. Nhưng các đơn vị được phân tán và mới bắt đầu có những vụ đánh úp, sau đó vài tuần. Có mấy trung đoàn thuộc sư đoàn 21 bộ binh (một trong ba sư đoàn đồn trú ở Tây Nam Sài Gòn) đã đi vào vùng ly khai của Hòa Hảo. Như anh đã biết, Phật Giáo Hòa Hảo là một giáo phái địa phương chống cộng sản dữ dội nhất và cũng được ghi nhận là không từng phục chánh quyền trung ương. Họ vẫn có một lực lượng bán quân sự. Giáo phái này có mặt khắp trong số 11 tỉnh và có gần mấy triệu tín đồ. Vùng kháng chiến mạnh nhất của họ nằm gần biên giới Cam Bốt, trong tam giác Long Xuyên - Châu Đốc - Tân Châu, một vùng giàu có với nhiều sông rạch và ruộng lúa, một vùng chằng chịt đầy đường nước, dễ dàng giăng bẫy, dính liền với vùng núi Thất Sơn. Tôi đã dùng giấy tờ của anh tôi để đi xuống được Miền Tây thăm gia đình. Các trục lộ giao thông chính và các trung tâm thành phố đều được quân đội chánh quy Bắc Việt trấn giữ. Nhưng có vẻ như họ không được nghỉ ngơi theo kiểu dưỡng quân: thường xuyên có các đội tuần tiễu bằng chiến xa và binh sĩ luôn luôn đề tay vào cò súng, còn pháo binh thì ở tư thế sẵn sàng tác xạ. Các trục giao thông phụ và các đường nước thì không được họ kiểm soát. Có rất nhiều sông rạch, với nhiều nhánh tua tủa và nhiều bờ đê. Bây giờ thì ngược lại hết, đến lượt cộng sản bị phá rối, cộng sản phải gác và giữ cầu và phải duy trì trật tự. Trong hiện tại thì họ không làm xuể. Cũng có nhiều nhóm dân quân tự xưng họ là người của Mặt Trận và họ không chịu nghe lệnh người khác. Có nhiều cuộc biểu tình và nhiều cuộc chống biểu

tình. Kiểu như tình trạng vô Chánh Phủ giống như thời kỳ khởi nghĩa hồi 1945 vậy. Lực lượng phản loạn của Miền Nam tảo bạo lắm, họ nã bách kích pháo, họ đặt mìn các cầu, kho xăng và kho đạn. Tại Cần Thơ, một trung tâm chính buôn bán lúa gạo của các tỉnh Miền Tây và là một giang cảng chính của Vùng Đồng Bằng, lệnh thiết quân luật được áp dụng rất nghiêm túc từ 6 giờ chiều đến 6 giờ sáng. Đã có nhiều đường dây vượt biên ra ngoại quốc. Nhưng phần nhiều là người Trung Hoa. Vì trước hết là các tàu đánh cá và các tàu hàng hải đã lấy tiền quá mắc: mười triệu đồng mỗi người cho một chuyến vượt biên. Và sau nữa là khi họ tới Mã Lai, Singapore, hay Thái Lan, thì ngay lập tức họ được cộng đồng người Trung Hoa ở quốc gia đó giấu kín, và có trách nhiệm làm giấy tờ hợp pháp cho họ. Trong khi người Việt Nam thì không có một tổ chức nào tiếp đón họ nên thường bị đuổi về.

- Cộng sản họ không thể ngăn chặn được chuyện đó sao?

- Đâu có dễ dàng. Họ không có bao nhiêu tàu chiến. (Hải Quân Miền Nam đã đưa được hết tất cả tàu chiến loại đi biển về hết ở đảo Guam). Bờ biển Miền Nam đã được phát triển tới đa và những người dân chài thuộc lòng hết từng chi tiết nhỏ của các sông ngòi từ những ngõ ngách cho đến các vịnh nhỏ. Tất cả những gì người cộng sản có thể làm được chỉ là tăng cường kiểm soát đường sông, bắt buộc hành khách nào đi đến các thành phố ở ven biển đều phải đi bằng các đoàn tàu có hộ tống. Ngoài ra cũng có một số chiến khu khác không phải ở Miền Tây. Thí dụ như ở vùng Đông Bắc của Sài Gòn, giữa Xuân Lộc và Phan Thiết, dọc theo Rừng Lá, có một số binh sĩ Dù thường chặn xe đồ rồi dẫn hành khách vào rừng để họ tuyên

truyền chống cộng. Các quân xa cộng sản cũng thường cán phải mìn. Một ông đại tá cựu tư lệnh lực lượng Đặc Biệt của Nha Trang và Biên Hòa đang chỉ huy hết vùng kháng chiến này. Ông đã tập trung được một lực lượng rất có kỷ luật khoảng vài ngàn người gồm có Dù, biệt động quân, Thủy Quân Lục Chiến và những người chạy thoát được của sư đoàn 18 bộ binh. Họ chỉ chiến đấu về đêm. Trên vùng Cao Nguyên thì có lực lượng Fulro (Mặt Trận Thống Nhất của các sắc tộc bị áp bức), một lực lượng đã từng không nhìn nhận chính quyền của Tổng Thống Thiệu mà cũng đã bị cộng sản làm cho thất vọng. Họ vào chiến khu với khoảng bốn tiểu đoàn chuyên tác chiến vùng rừng rậm. Đặc công của họ đã tấn công Pleiku 2 lần. Trong vùng Hồ Nai, những trận đụng độ đã tiếp tục xảy ra giữa những người công giáo và lính chính quy Bắc Việt. Đã có gần 300 chú “bộ đội” đã bị giết từ sau ngày Sài Gòn bị chiếm. Con đường đi Đà Lạt và đi Vũng Tàu bị cắt đứt nhiều lần. Ở về hướng Bắc của Sài Gòn có nhiều binh sĩ thuộc giáo phái Cao Đài đã vào rừng ở vùng Núi Bà Đen.

- Có một Bộ Tham Mưu bí mật nào khả dĩ đủ khả năng để phối hợp thành một hành động chung giữa các lực lượng đó không?

- Tôi không có một chi tiết nào khác ngoài những gì mà tôi đã nói với anh. Các truyền đơn mà các lực lượng này rải ra có mang chữ ký của tướng Lạc, cựu Giám đốc Nha Chiến Tranh Chính trị, của tướng Trưởng, cựu Tư Lệnh Vùng I, và của tướng Bùi thế Lân, cựu Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến.

- Thế mà người ta nói là cả ba tướng này đều đang ở Hoa Kỳ.

- Cũng có thể lắm. Ai cũng biết là họ rất bình dân và anh em cựu quân nhân Miền Nam không biết là họ đã được người

Mỹ bốc đi. Có thể là những sĩ quan chỉ huy các lực lượng kháng chiến đã dùng tên tuổi và uy tín của mấy tướng lãnh này để dễ kêu gọi và mộ thân binh cũng nên. Dù muốn dù không thì dân chúng ủng hộ những người kháng chiến mới này, tiếp tế cho họ và không tố giác họ. Anh Phạm lau mồ hôi trán và lại tiếp tục nói:

- “Này anh Darcourt, tôi cũng cần phải nói với anh về người bạn của anh, Đức cha Thuận đó. Ngày 14 tháng 8 vừa qua, Đức Tổng Giám Mục Bình và Đức Phó Tổng Giám Mục của ông là Đức Giám Mục Thuận được gọi tới Dinh Độc Lập, nơi làm việc của Ban Quân Quản. Khi đến nơi thì người ta cách ly hai người ra. Đức Cha Bình phải ngồi nghe một bài diễn văn dài của chánh quyền. Người ta nói nhiệm vụ của ông là giữ gìn an ninh và trật tự trong cộng đồng giáo dân và theo dõi sát cộng đồng để họ thi hành nghiêm chỉnh luật lệ cách mạng. Vào cuối buổi nói chuyện, Đức Cha Bình yêu cầu họ giao hoàn lại cho ông Đức Phó Tổng Giám Mục. Người ta đã trả lời cho ông là:

- “Đức Giám Mục Thuận đã được xe công an đưa trở về địa phận của ông ta ở Nha Trang. Sự có mặt của ông ở đây làm rối loạn trật tự công cộng”. Giờ đây Đức Cha Thuận bị quản thúc trong một ngôi làng nhỏ cách thành phố Nha Trang vài chục cây số về phía Nam. Ông sống trong một căn nhà lá, mỗi ngày được lãnh 100 đồng (tương đương với 50 xu đủ để ông mua vài món rau cải.) và 200 gram gạo (khẩu phần bằng ngày của một trẻ em 6 tuổi), và không được tiếp bất cứ ai. Và lại không phải chỉ có các linh mục công giáo là đáng cho mình lo lắng. Thượng tọa Thích Trí Quang của chùa Ấn Quang, người đã góp công trong việc hạ bệ chế độ của Tổng Thống Diệm năm 1963 với

chiến dịch tự thiêu của các sư sãi, và là người chống đối tới cùng Tổng Thống Thiệu... đã bị bắt ngày 12 tháng 8 và bị giam vào phòng tối ở khám Chí Hòa. Từ lâu rồi Thượng tọa Thích Trí Quang đã được coi như là người của cộng sản. Nhưng, từ sau ngày Sài Gòn bị chiếm, và cho tới khi ông bị bắt, ông không ngớt kêu gọi các tu sĩ của ông “thay vì tự thiêu thì hãy chết trong chiến đấu”. Ngày 6 tháng 8, ông đã có một buổi họp ở sân chùa Ấn Quang và cực lực tố cáo “Các Ban Quân Quản Bắc Việt đã cho lệnh hành quyết quá nhiều người bằng vũ khí thô sơ”. Chỉ vài ngày sau đó là công an mật đã đến bắt ông. Anh Phạm đến ngồi sát vào tôi, ôm cứng vai tôi và với một giọng gần như vừa thình nộ vừa tuyệt vọng anh nói:

- “Thật là một thảm kịch. Tất cả mọi người ai cũng đã tưởng rằng sau khi Sài Gòn bị chiếm là phải có “hòa bình” và “hòa giải”, và như thế là dân chúng Miền Nam không còn gì để mà lo sợ nữa. Thật là cả một sự điên rồ! Nỗi lo sợ của ngày hôm nay còn tệ hơn nỗi lo sợ bị bom và đạn pháo nữa. Bởi vì nó không có thuốc chữa. Đây là một chứng bệnh nan y. Những người không chịu bỏ súng xuống sẽ chịu đựng được bao lâu nữa? hai năm? ba năm? nhưng cuối cùng rồi họ cũng sẽ bị tiêu diệt, nếu không có một người nào giúp họ. Nếu Hoa Kỳ muốn...

- Không bao giờ, anh Phạm ơi! Hoa Kỳ không có muốn nữa đâu. Họ sẽ không làm gì nữa cả.

- Như vậy là sẽ có một cuộc nổi loạn. Một cuộc nổi dậy đầy tuyệt vọng của dân chúng Miền Nam. Anh cũng biết là cộng sản đã thả hết tù trong khám ra? Như thế là các khám đường sẽ không có trống lâu nữa đâu. Không bao lâu nữa nó sẽ đầy ắp tù nhân trở lại. Và chưa kể tất cả những trại cải tạo đã có trong

rừng núi... đã làm chết dần chết mòn không biết bao nhiêu người, mà không có một nhân chứng...

Tôi từ già anh Phạm, bạn tôi, với lòng se thắt lại. Tôi biết rõ hệ thống tù đầy mà anh vừa nói với tôi. Tôi đã từng là tù nhân của người Bắc Việt. Không có một sự nhân đạo nào được tách rời khỏi những mục tiêu mà người cộng sản đã nhắm vào. Phương pháp của họ, đặt trên nền tảng bí mật và tuyệt đối khắc nghiệt, là bất di bất dịch. Miền Nam Việt Nam đang bị biến đổi tận gốc rễ. Nếu cho là còn quá sớm để có thể đoán được kết quả sau cùng, thì lúc nào người ta cũng có thể dựa vào các biện pháp mà họ đang thực hiện để nhận định được đường hướng của sự biến đổi đó. Kể từ lúc Sài Gòn bị chiếm, và từ khi chế độ cũ bị sụp đổ ngày 30 tháng 4, trên phương diện hành chánh, Miền Nam Việt Nam đã bị đặt dưới quyền cai trị của các Ban Quân Quản ở trung ương Sài Gòn hay ở các tỉnh, trên thực tế không có liên lạc gì với nhau cả. Vấn đề được đặt ra là “một Chánh Phủ dân sự” trong tương lai sẽ được thành lập ở Sài Gòn; *nếu không có thực quyền thì Chánh Phủ này sẽ chỉ là một phái bộ đại diện của Chánh Phủ Hà Nội trong những lãnh thổ bị chiếm đóng mà thôi. Các cơ quan hành chánh và quân sự sẽ bị ám ảnh vì những vấn đề chánh trị và những bài toán về an ninh; nhiệm vụ chủ yếu của họ là chuyển đổi tâm trạng và tinh thần của dân chúng Miền Nam cách nào để họ có thể chấp nhận một cuộc thống nhất nhanh chóng hai Miền Nam Bắc Việt Nam.*

Nỗ lực trước tiên là phải tiến tới việc đặt một nền tảng chánh trị và một cơ cấu hành chánh mới, nhằm bảo đảm cho dân chúng có được một môi trường vững chắc hầu tránh mọi lệch lạc về tư tưởng cũng như về hành động. Đồng thời cũng phải có nỗ lực về

sự tổ chức và điều hành các trại tập trung cải tạo trong đó hầu hết các cựu cán bộ quân cán chánh phải chịu qua một thời gian tùy theo sự tiến bộ của các tù nhân theo như báo chí của Chính Phủ đã loan báo. Các vấn đề kinh tế chỉ là hàng thứ yếu và không phải là mối bận tâm của chánh quyền mới. Không có gì gấp rút phải làm cho bộ máy kinh tế chạy lại, và một sự trì hoãn như vậy ở Miền Nam được giữ cùng lúc với sự hạ thấp mức sống của người dân sẽ giúp thống nhất dễ dàng hơn với Miền Bắc vốn đã nghèo đói sẵn từ lâu rồi. Ngoài ra vì con số thất nghiệp tăng lên quá nhanh, một phần dân chúng Miền Nam bị đói; hành động phát gạo cho các gia đình không có lợi tức, và cho thợ thuyền của nhiều xí nghiệp, đã tập cho dân chúng Miền Nam thói quen nhờ vả vào chánh quyền. Một hành động quan trọng khác được tiến hành để buộc những người dân lánh nạn, những người không có công ăn việc làm và tất cả những người “vô ích” phải rời khỏi thành phố để trở về nguyên quán, hoặc đi định cư trong những vùng ít dân cư mà chánh quyền đã quyết định nâng lên hàng có giá trị. Chủ tịch Huỳnh Tấn Phát vừa tuyên bố là ba triệu rưỡi người phải rời khỏi thành phố (trong số đó chỉ riêng thành phố Sài Gòn đã có một triệu rưỡi). Mặc dầu có nhiều cố gắng trong công tác tuyên truyền và kích thích về vật chất, dân chúng chỉ trở lại ruộng rẫy của mình hết sức chậm chạp. Nền kinh tế Miền Nam đang xuống dốc vì nạn lạm phát phi mã do không có thu nhập công cộng, do vì nền hành chánh cũ đã biến mất, do vì sự ngưng trệ gần như hoàn toàn của mọi hoạt động kinh tế. Từ ngày 1 tháng 5 đến 1 tháng 8, giá cả đã tăng vọt, lên 70%. Từ những lời tuyên bố của những đại biểu đến từ Hà Nội, người ta suy ra là Miền Bắc có khuynh hướng về kỹ nghệ, và Miền Nam thì có khuynh hướng về nông nghiệp. Do đó mới có nhu cầu

chuyển số lớn dân chúng từ thành thị về thôn quê, và chuyển cơ sở kỹ nghệ từ Miền Nam ra Miền Bắc. Chương trình của CPLTCHMN đã có ghi rõ là tài sản của tư nhân sẽ được giữ lại và đời sống cũng như tài sản của người ngoại quốc sẽ được bảo vệ. Tuy nhiên có nhiều tin tức có thẩm quyền từ Hà Nội và đặc biệt là bài báo được đăng ngày 28 tháng 5 trong tờ Nhân Dân, một bộ phận của đảng cộng sản, đã cho thấy nhiều hạn chế trầm trọng trong bản tuyên bố của CPLTCHMN, như: chỉ có tài sản của tư nhân thuộc các xí nghiệp nào không có cộng tác với đế quốc hay với chánh quyền phản động cũ thì mới được bảo đảm được giữ lại. Ông Phó Chủ Tịch của “Tổng Liên Đoàn Lao Công Tự Do” vừa tuyên bố là 70 phần trăm các xí nghiệp của Miền Nam Việt Nam kể từ nay sẽ được đặt dưới sự quản lý hành chánh. Có rất nhiều quyết định đã khiến cho nền kinh tế tự do bị sụp đổ, và đẩy các xí nghiệp đến chỗ phá sản hoặc bị chánh quyền cộng sản “quản lý”:

- đóng cửa các ngân hàng ngay từ ngày 30 tháng 4 và phong tỏa các trương mục gọi tiền tiết kiệm, nhưng lại bắt buộc phải trả tiền ứng trước của ngân hàng; một hệ thống ngân hàng mới được thiết lập thật chậm chạp, nhưng chỉ có những xí nghiệp có “phép điều hành” mới xử dụng được.

- bắt buộc các xí nghiệp phải gánh chịu các chi phí quan trọng: tái thu nhận các nhân viên đã bị sa thải từ trước; phải trả lương cho thợ thuyền không làm việc (vì xí nghiệp bị đóng cửa theo lệnh của chánh quyền); phải trả tiền bồi thường cho nghỉ việc thật nặng, từ ngày 30/4 /75, cả cho nhân viên không bị sa thải hay không xin nghỉ việc.

- có biện pháp “cấm bán” mà không nghĩ gì tới nhu cầu của xí nghiệp hay các nhu cầu của thị trường.

- quyết định “quản lý” các xí nghiệp mà chủ nhân đã rời khỏi nước Việt Nam hay những xí nghiệp nào mà chánh quyền còn nghi ngờ về chủ quyền thật sự của những người chủ nhân.

- Không có một khả năng nào để nhập cảng hay xuất cảng.

- Thông tin và Liên lạc với thế giới bên ngoài bị co cụm lại chỉ còn có điện báo. Đường thơ tín chỉ được thiết lập lại vào ngày 1 tháng 9, nhưng giới hạn không quá 500 gram. Chánh quyền mới kiểm soát thật chặt chẽ và độc đoán tất cả các ngành kinh tế. Kể từ ngày 30 tháng 4, mà cộng sản gọi là “ngày giải phóng”, Ban Quân Quản nắm quyền kiểm soát hầu hết các xí nghiệp; trong hai tháng, hoạt động chính yếu của họ chỉ có thiết lập các bản kiểm kê tất cả tài sản, bất động sản và động sản và các kho tàng hiện hữu. Từ ngày 1 tháng 7, có những vị “Giám Sát Trung ương” được đặt vào các xí nghiệp. Họ là đại biểu của chánh quyền, vừa là Giám Sát, kiểm tra tài chánh, vừa là cán bộ của Chánh Phủ, có đầy đủ thẩm quyền điều tra rộng rãi. Tất cả mọi dịch vụ của xí nghiệp đều phải được “khán” qua và “chấp thuận” của những vị Giám Sát này. Tuy nhiên chủ nhân của xí nghiệp vẫn còn trách nhiệm đối với xí nghiệp, mặc dầu đã mất hết quyền hành. Có những công ty quốc doanh hay những tổ chức “bán chánh thức” được thành hình để bảo đảm việc phân phối hay bán ra hết mọi sản phẩm làm ra; các xí nghiệp không được quyền từ khước dịch vụ của những tổ chức đó. Giá cả được chánh quyền đơn phương ấn định, nhưng các nơi mua trả tiền thật chậm trễ. Có một số cơ quan quân sự hoặc hành chánh đã đem bán lại ngoài thị trường tất cả hay một phần hàng hóa mà họ đã mua được của các xí nghiệp. Kế hoạch sản xuất và những sự hướng dẫn đều được các Bộ ở Hà Nội thiết lập; không có một cơ quan hành chánh kinh tế nào thật sự có mặt ở Sài Gòn.

Hầu hết tất cả dịch vụ xuất nhập cảng đều ngừng hẳn. Tất cả những giao dịch với ngoại quốc được giới hạn trong vài chuyến hàng lật vật do những “quốc gia anh em” gởi tặng với tư cách nhân đạo (lương thực và xăng dầu của Liên Xô, đường của Cuba, v.v.) Những hiệp ước hữu nghị và hợp tác kinh tế được ký với Liên Xô, với Algérie, với Lybye và Iraq đã được chánh quyền loan báo, nhưng nội dung không bao giờ được tiết lộ. Úc Châu cũng như một số quốc gia Bắc Âu cũng có hứa sẽ viện trợ kinh tế. Có nhiều kho dự trữ hàng hóa coi như sẵn sàng để xuất khẩu, nhưng do vì chánh quyền hoàn toàn không có đủ khả năng, nên số hàng hóa đó vẫn bị phong tỏa tại chỗ. Tương lai của các xí nghiệp Pháp bị liên lụy rất trầm trọng. Không có một thể thức chánh trị tổng quát nào được ấn định. Những sự trung dụng và những sự tạm giữ đương nhiên đã làm hại các xí nghiệp Việt Nam và của Pháp không phân biệt, theo từng lãnh vực hoạt động, như những ngân hàng và những đồn điền lớn. Một số dịch vụ được dành riêng cho chánh quyền (thuê bao phương tiện hàng hải và cước phí cho tàu bè). Buôn bán qua dịch vụ nhập cảng cũng thuộc độc quyền của Nhà Nước. Không còn gì nghi ngờ là Hà Nội đã có vẻ chống đối sự duy trì những hoạt động kinh tế của người Pháp. Vị thế của Hà Nội xem ra rất là đơn giản: vào năm 1954, tất cả mọi quyền lợi của người Pháp ở Bắc Việt đều mất sạch tiếp theo sự kiện Điện Biên Phủ. Năm 1975 ngày nay quyền lợi của người Pháp chắc cũng sẽ bị mất hết ở Miền Nam Việt Nam sau ngày cộng sản chiếm được Sài Gòn. Chưa có một lời tuyên bố chánh thức nào được loan báo theo chiều hướng này, nhưng các cán bộ cách mạng đã nhiều lần khoe khoang với cử tọa Việt Nam về sự tình này. Hầu hết các xí nghiệp Pháp đang lâm vào tình trạng sắp bị phá sản, trừ một vài trường hợp ngoại lệ đặc biệt có

được hoàn cảnh may mắn (còn tồn trữ được nhiều nguyên liệu lúc mất Miền Nam, hay xử dụng nguyên liệu địa phương):

- tiền mặt trong kho đã cạn, chi thường quá cao mà thu thì không có gì, đã không nhận được tiền ứng trước của ngân hàng, mà còn phải hoàn trả các khoản cho vay của ngân hàng từ trước ngày mất Miền Nam;

- nguyên liệu tồn trữ cạn dần mà hoàn toàn không có khả năng thay thế trong tất cả mọi trường hợp;

- Trước tiên là chánh quyền quân sự, bây giờ có khi là chánh quyền dân sự, nhưng trong mọi trường hợp cả hai đều không chút quan tâm đến tương lai của các xí nghiệp;

- Nghiệp vụ bán sản phẩm đã bắt đầu được các tổ chức “Bán-Chánh Phủ” ưu ái lo lắng hết giùm;

- Tất cả các chủ nhân xí nghiệp đều mất hết quyền quyết định. Nếu vì nhờ sự khéo léo của các vị giám đốc và nhờ họ có giúp đỡ qua lại giữa họ với nhau, nên phần lớn các xí nghiệp chưa đóng cửa, một số khá lớn công ty đã quyết định cho hồi hương nhân viên người Pháp. Văn phòng và Ban Điều Hành của Phòng Thương Mãi Pháp chỉ còn có 12 trên 32 người hiện diện trước khi Sài Gòn bị chiếm đóng. Các xí nghiệp chỉ dùng tất cả những gì mà họ hiện có; hầu hết đều bị đẩy vào tình thế suy sụp mà vì họ còn cố gắng giữ cho xí nghiệp không bị phá sản nên tình trạng tài chánh của họ càng ngày càng thêm bi đát. Từ bây giờ là đã có một số xí nghiệp thấy cần phải đi đến quyết định đóng cửa. Nhưng chánh quyền quân sự đã chẳng những không cho phép mà họ còn bắt buộc họ phải tiếp tục trả lương cho nhân viên của họ; ngay như chuyện cho nghỉ việc từng phần cũng bị cấm. Và như thế là các giám đốc công ty, xí nghiệp người Pháp đang trở thành những “con tin” của thợ

thuyền. Trên bình diện nhân viên, người Pháp ở mọi đẳng cấp đều rất chán nản. Từ hơn 4 tháng nay họ không được ra khỏi Sài Gòn và không nhận được thư từ báo chí nào hết. Tình trạng sinh sống của họ thật là rất khó khăn. Thuốc men tìm không ra, và các bệnh viện thì cũng không có thuốc. Không có một quyết định nào cho ngày tựu trường. Mọi sự liên lạc với chánh quyền đôi lúc không được nhả nhận lắm, và rất là khó khăn với các Ủy Ban cách mạng. Có quá nhiều chuyện tịch thu nhà cửa. Không có một sự bảo đảm nào để tìm lại được căn nhà và bàn tủ ghế của mình lúc mình vắng mặt, mà cũng không được phép gọi hay mang theo những vật dụng cá nhân của mình, nếu có may mắn được rời khỏi Sài Gòn. Xin được một chiếu khán xuất cảnh không có nghĩa là sẽ có được một chỗ trên phi cơ. Và có được một chỗ trên chuyến bay không có nghĩa là vào được phi trường; đã có nhiều chuyến đi bị hủy bỏ vào giờ chót. Và cứ thế hầu hết người Pháp đều mong mỏi được rời khỏi Việt Nam. Do đó, giữ được quyền lợi kinh tế của người Pháp ở Việt Nam quả là một điều quá không chắc chắn, vì nó tùy thuộc hoàn toàn vào những yếu tố chánh trị. Những hoạt động quan trọng đã không còn nữa; các ngân hàng bị chiếm hữu và bị tịch thu, các hãng bảo kê đang nằm chờ để “tự giải tán”, chuyện ký gởi tàu thuyền và môi giới hàng hải đã bị cấm; nghiệp vụ nhập cảng thì cũng bị cấm, hàng xuất khẩu của các đồn điền lớn bị “quản lý” (tạm giữ). Nói một cách tổng quát thì tất cả những xí nghiệp (lớn nhỏ, hay trung bình) được xem như bị tiêu tan trong một thời gian quá ngắn. Những người đại diện cho quyền lợi kinh tế của người Pháp ở Việt Nam đã mất hết hy vọng đã rời khỏi Việt Nam hay đang cố gắng để rời khỏi nơi đây. Những biện pháp mới liên quan đến sự ra đi của những người có trách nhiệm trong xí nghiệp đã biến

họ thành những con tin trong tay chánh quyền và những Ủy Ban Cách mạng ở địa phương. Xí nghiệp thì bị cấm không cho đóng cửa, mà nhân viên thì phải được tiếp tục trả lương! Một sự tranh chấp rất nặng nề đang sắp được diễn ra...

[1] Có một cuốn phim loại được anh Phạm vừa kể cho tôi nghe đã được chiếu thật sự ở Tây Đức, cách đây hai tháng.

Chương 27

“30 NĂM CHIẾN TRANH: KHÔNG GIẢI QUYẾT ĐƯỢC GÌ CẢ!”

Lúc tôi rời khỏi Miền Nam Việt Nam (lần cuối cùng) vài giờ trước khi mất Sài Gòn, tôi đã tưởng rằng mọi việc đều đã được chấm dứt. Miền Nam đã thất trận. Khi đã thua rồi thì Miền Nam chỉ còn có phục tùng theo luật lệ của kẻ chiến thắng mà thôi. Không còn nghi ngờ gì nữa là Sài Gòn sẽ sống dài dài, sống mãi thật là lâu dài với giờ Hà Nội. Một trang sử đẫm máu hình như đã được vĩnh viễn lật qua. Sự hãi và chết chóc đã được gạt bỏ ra khỏi quốc gia này rồi, một đất nước quá đói nghèo và quá đau khổ. Nhiều tháng đã trôi qua và tất cả hình như không quá đơn giản như tôi đã tưởng như vậy. Những tiếng vang cuối cùng đến tai chúng tôi từ Miền Nam Việt Nam đã cho thấy là mọi việc đã không được tốt lắm. Sài Gòn và Đồng Bằng sông Cửu Long đầy rẫy các trung đoàn quân chánh quy Bắc Việt quá bức bối vì dân chúng có vẻ như không phục tùng. Các cựu chiến binh Miền Nam còn chưa chịu buông súng xuống hết. Có những chiến khu đang được hình thành, một số sinh viên đã vào đó. Dân chúng yểm trợ họ. Tình trạng mất an

ninh đang lan rộng. Cuộc trấn áp được coi là quá khắt khe. Tình trạng thiết quân luật chưa bao giờ được bãi bỏ. Các cuộc bắt bớ càng ngày càng tăng. Tiếng đại bác vẫn còn nổ rền trên đồng ruộng và đêm đêm người ta vẫn còn nghe nhiều tràng súng liên thanh tự động. Đã có nhiều người ngoại quốc ra đi. Các giáo sĩ thì bị trục xuất. Cái được gọi là CPITCHMN thì không có thực quyền.

Ngày 2 tháng 9 vừa qua trong một cuộc diễn binh vĩ đại được tổ chức để kỷ niệm ngày lễ độc lập lần thứ 30, tất cả các “xe chỉ huy” đi trước các đơn vị chỉ mang có một lá cờ duy nhất - lá cờ đỏ sao vàng -, lá quốc kỳ của Miền Bắc Việt Nam. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, người Miền Nam, đã từng là một nhân vật thuộc giai cấp tư sản của thành phố Sài Gòn trước khi gia nhập vào lực lượng cách mạng và trở thành Chủ tịch của “Mặt Trận quốc gia Giải Phóng”, đã lên khán đài để đọc một bài diễn văn dài để nói lên “sự vui mừng vì nước Việt Nam đã không còn bị chia cắt và đã hoàn toàn tự do, độc lập và thống nhất từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau”. Không còn một ám chỉ nào đến những chủ đề trong quá khứ về “hai chữ Miền Nam” hay về sự tôn trọng “đur luận của số đông quần chúng”. Báo chí chánh thức ở Sài Gòn trình bày ngày này qua ngày khác những chiến thắng của quân đội giải phóng Bắc Việt, của Khờ Me Đồ, của Pa Thet Lào như là một chiến thắng chung của một Mặt Trận Cách Mạng duy nhất bao gồm cả Đông Dương, xem như một Liên Bang mà Hà Nội sẽ là người lãnh đạo. Các đồng hồ của Sài Gòn được kéo lùi lại 60 phút, để theo đúng với giờ Hà Nội, mà theo lời xác nhận của người nữ xướng ngôn viên của Đài Phát Thanh Giải Phóng đọc trước mỗi bản tin tức, kể từ nay sẽ là “giờ chánh thức của Đông Dương”. Ca tụng một chiến thắng đã từng được mong đợi từ lâu, đã đưa những người lãnh đạo Miền Bắc Việt Nam

đến chỗ hết lời tán dương sự hình thành của một khối đấu tranh chống đế quốc gồm có những chế độ tiên tiến hiện hữu và tương lai, bành trướng xuống hết miền Đông Nam Á Châu.

Nhưng trong khi Hoa Kỳ rút lui, họ đã để lại trên đất nước Việt Nam hai cường quốc xã hội chủ nghĩa là Liên Xô và Trung Quốc chia rẽ nhau vì một sự tranh giành ảnh hưởng ý thức hệ và vì một sự đối đầu truyền kiếp. Đã thấy có nhiều sự rạn nứt giữa hai nhóm thân Nga và thân Tàu. - Bên Lào, nhóm Thân Nga đã thắng thế vì có Hà Nội đỡ đầu. Nhưng Trung Quốc thì nắm chặt Bắc Lào và hai con đường chiến lược được ba sư đoàn và một lực lượng phòng không hùng hậu bảo vệ. Quân đội hoàng gia Lào, hùng hậu với 60.000 người đã bị giải tán. 3.000 sĩ quan của lực lượng này bị lưu đầy lên Sầm Nứa (vùng Cao Nguyên Bắc Việt) để “học tập cải tạo”, và tất cả binh sĩ của họ đều bị nhốt trong các trại lao động khổ sai. 1.500 chuyên viên Liên Xô và 400 chiếc phi cơ của hãng Aéroflot đã đến thay thế các chuyên viên Mỹ và các phi cơ của hãng Air América (hãng hàng không riêng của Trung ương Tình Báo CIA). Họ đảm trách công tác tiếp vận và tất cả mọi liên lạc của Pathet Lào (quân đội cộng sản Lào). Hoàng thân Souvanna Phouma, vị Chủ Tịch được chỉ định của Chánh Phủ Liên Hiệp Lào chỉ giữ một vai trò tượng trưng, và sẽ rút lui vĩnh viễn sau những cuộc bầu cử vào tháng 4 năm 1976.

- Tại Cam Bốt, các nhà ngoại giao Liên Xô đều bị trục xuất và cộng sản Tàu đang ở trong thế mạnh. Nhưng các phi cơ nào muốn đáp xuống phi trường Phnom Penh đều phải đánh một vòng chùng 1.500 cây số để tránh không bay ngang qua lãnh thổ Việt Nam, ở đó sự có mặt của Liên Xô càng ngày càng mạnh. Những chiếc tàu đầu tiên cập bến vào các cảng Sài Gòn và Đà Nẵng là những chiếc

tàu chở dầu và chở hàng của Liên Xô. Mạc Tư Khoa đã bí mật và cứng rắn cho Bắc Việt biết là họ đặt quyền lợi của họ vào việc sử dụng căn cứ Không quân và Hải quân ở Cam Ranh, một vị trí chiến lược hàng đầu ở nửa đường giữa Hong Kong và Tân Gia Ba, một căn cứ mà Hoa Kỳ đã bỏ ra mấy trăm triệu mỹ kim để thiết lập và sử dụng. Bộ chỉ huy tối cao của Liên Xô coi việc nhượng cho họ được quyền sử dụng căn cứ Cam Ranh chỉ là một sự bồi hoàn hợp lý đối với một số lượng phương tiện khổng lồ mà Liên Xô đã từng giúp và viện trợ cho Bắc Việt trong suốt thời gian cuộc chiến tranh giành độc lập. Với sự tái mở lại sự lưu thông trên kinh đào Suez, việc sử dụng được căn cứ Cam Ranh sẽ là một trạm chủ yếu giữa các căn cứ của Liên Xô từ Ấn độ Dương ở phía Nam (đảo Socotra, Berbara ở Somalie) đến mũi Vladivostock ở mạn Bắc. Các hạm đội của Liên Xô do đó sẽ có thể mở rộng phạm vi hoạt động trên Biển Đông của Trung Quốc hết sức an toàn. Tuy vậy nhưng muốn đi đến một Hiệp định cũng sẽ không dễ dàng lắm đâu. Bắc Kinh không bao giờ muốn thấy sự bố trí của một kẻ địch lảng vảng ở ngoài khơi cách bờ lục địa của mình không xa, để có thể đe dọa mình, sau sự lui binh của Hoa Kỳ.

Chánh Trị Bộ của Hà Nội tuy phần lớn đều “thân Liên Xô”, nhưng cũng có một số “thân Tàu” mà vị thế chánh trị cũng nặng ký lắm như Nguyễn Lương Bằng, Phó Chủ tịch nước, Trường Chinh, Chủ tịch Quốc Hội, và Hoàng Văn Hoan, Tổng trưởng Nội Vụ. Một vấn đề khác làm cho Bắc Kinh nổi giận: đó là số phận của trên một triệu rưỡi người dân Trung Hoa đang ở Miền Nam Việt Nam. Khi bộ đội chánh quy Bắc Việt vào Sài Gòn, tất cả thương gia người Tàu ở Chợ Lớn đều đã treo trước cửa tiệm của họ lá cờ của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc. Nhưng họ được lệnh phải tháo xuống

ngay. Những người Tàu này quá đông và sống rất có tổ chức, đã kiểm soát tất cả nền kinh tế và hệ thống phân phối ở Miền Nam, và như thế là họ siết chặt quá nặng nề hành động của Hà Nội. Nếu họ được Bắc Kinh bảo vệ, họ sẽ thoát khỏi gọng kềm của Hà Nội ngay. Qua nghị định của Tổng Thống Diệm từ năm 1956, họ được nhập quốc tịch Việt Nam, và giờ này họ vẫn tiếp tục còn mang quốc tịch Việt Nam và vẫn được coi là “dân Việt Nam”. Một chiến dịch hung bạo đang được tiến hành để đánh vào những người đầu não của những người Tàu này mà họ gán cho một danh từ xấu xa là “tư sản mại bản”, được người ngoại quốc trả lương. Đài phát thanh cộng sản đổ hết trách nhiệm cho họ về chuyện giá cả thị trường đang tăng vọt, do họ đầu cơ tích trữ làm cho hàng hóa khan hiếm. Ngoài ra chánh quyền cộng sản còn buộc tội họ là đã phá hoại cuộc cải cách tiền tệ vừa rồi. Đài phát thanh còn loan báo tên tuổi của họ, loan báo đã bắt được nào là ông “vua gạo”, ông “vua thuốc lá”, “vua cà phê”, “vua vận tải”, “vua ngư trường”, “vua thuốc tây”, v.v. Một nhân vật cộng sản vừa thay thế Trần Văn Trà trong chức vụ Trưởng Ban Quân Quản Sài Gòn Chợ Lớn là Mai chí Thọ, một người lai Tàu, là người đang có trọng trách điều hành chiến dịch đánh “tư sản mại bản” đã nói:

- *“Chúng tôi phải ngăn chặn bọn tôi tớ của đế quốc, không cho họ tiếp tục làm đội quân thứ năm nhằm làm hại nền kinh tế của đất nước”.*

Người Tàu phản ứng lại với mối đe dọa này bằng cách làm nhiều bản kiến nghị ủng hộ đường lối chánh trị của Chủ Tịch Mao Trạch Đông. Thống nhất đất nước bằng võ lực không giải quyết được gì cả. Nước Việt Nam vẫn là miếng mồi ngon để cho các thế lực ngoại bang tranh nhau giành giật. Cũng như việc ký kết Hiệp Định Ba Lê

không thể đi tới chấm dứt được chiến tranh, chuyện áp dụng biện pháp quân sự để chiếm thủ đô Sài Gòn và xâm chiếm cả Miền Nam Việt Nam... đã không chấm dứt được những nỗi đau khổ của một dân tộc vốn đã rách nát. Cách mạng Miền Bắc quá hung hăng và háo chiến đã dựa trên nguyên tắc “chánh quyền ở đầu lưỡi lê hòng súng” để thiết lập đường lối hành động của mình. Hà Nội đã lựa chọn con đường khur khur quá cứng rắn. Miền Bắc chẳng những muốn thống trị Miền Nam, mà còn muốn hài tội họ, ép buộc và thuyết phục họ phải đi theo ý thức hệ của mình, một sự thật mà Hà Nội nghĩ rằng chỉ có Hà Nội mới là người duy nhất được nắm giữ. Con đường quá dài đó có đầy chướng ngại, đầy áp bức, đầy chết chóc, nhục nhã... không thể dẫn tới hòa bình được, một nền hòa bình mà cả dân tộc đang mong đợi từ 30 năm qua, trong tình trạng chia rẽ vì bị đổ quá nhiều máu, có quá nhiều tang tóc, và quá nhiều đau khổ.

Có một cách duy nhất để cho những người chiến thắng hàn gắn lại tất cả các vết thương còn đang rướm máu và quá nhức nhối này, đó là họ phải cố gắng đè nén lòng kiêu căng qua chiến thắng của họ xuống, để công bố ngừng tranh luận về ý thức hệ, để chứng minh cho người ta thấy tấm lòng độ lượng của mình. Sự thống nhất thật sự phải đi qua con đường “hòa bình của con tim”, trở lại những truyền thống cũ của đạo lý và sự khoan dung. Đó là con đường xoa dịu nhân tâm. Chỉ có như vậy thì cả hai Miền Nam Bắc mới hợp nhau lại thành “Một Đất Nước Duy Nhất” của một “Dân Tộc Duy Nhất” trên 50 triệu người dân tự do trong tình anh em được. Một đất nước giàu có và phồn thịnh, có nhiều tài nguyên thiên nhiên gần như vô tận với những cánh rừng nguyên thủy, với nhiều con sông lớn đầy phù sa, với ruộng đồng bao la bát ngát, với

những mỏ than lộ thiên, với những mỏ dầu, với những bãi cát trắng và những hải cảng kín gió mùa... Một dân tộc có tay nghề khéo léo, đảm đang và siêng năng cần cù rất hãnh diện để được nhận lấy một chỗ đứng xứng đáng trong cộng đồng thế giới... Đây có phải là một giấc mơ không hiện thực? Để cuối cùng hé mở được bức màn đầy máu đỏ, đang đè nặng trên mảnh đất đang bị dày vò này, để nhìn thấy được một đất nước không còn hận thù và không còn chiến tranh, ở đó những người cùng một giống nòi đang cố tìm lại con đường hạnh phúc của họ?

Pierre Darcourt

mục lục

5	Lời giới thiệu của nhà xuất bản Albatros
7	Thay lời tựa
12	Chương 1 MỘT NĂM SỬU THUẬN LỢI
23	Chương 2 HÀ NỘI ĐÁNH PHÁ UY TÍN CỦA SÀI GÒN
52	Chương 3 CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH
70	Chương 4 TỔNG THỐNG THIỆU CỐ GẮNG GIỮ THỂ CHỨC ĐỘNG CHÁNH TRỊ
76	Chương 5 CÁC TUỐNG LÃNH TỨC GIẬN VÌ THẤY MÌNH BỊ NHỤC
93	Chương 6 DINH TỔNG THỐNG BỊ DỘI BOM
107	LINH MỤC THANH: ĐỘI QUÂN THANH LỘC
118	Chương 8 ĐỪNG BAO GIỜ TIN TƯỚNG HOA KỲ NHƯ MỘT ĐỒNG MINH
126	Chương 9 CHIẾN TRẬN ĐẮM MÁU Ở XUÂN LỘC
139	Chương 10 “CHÚNG TÔI KHÔNG HỀ NHẤT CHÚNG TÔI KHÔNG SỢ CHẾT”
148	Chương 11 VỚI ĐOÀN NGƯỜI CHẠY LOẠN
159	Chương 12 VỚI NGƯỜI PHÁP LỚN TUỔI Ở SÀI GÒN

- 169 Chương 13 QUỐC HỘI HOA KỲ BÀN CẢI VÊ NGÂN KHOẢN,
TRONG LÚC NGƯỜI DÂN MIỀN NAM LO CHÔN CON MÌNH
- 175 Chương 14 “PHNOM PENH THẤT THỦ”,
“MỘT TRIỆU CHÚNG ĐÁNG BUỒN CHO SÀI GÒN”
- 184 Chương 15 THỜI KỲ CỦA NHỮNG TRÁI BOM “THÍ NGHIỆM”
- 201 Chương 16 TỔNG THỐNG THIỆU TỪ CHÚC
- 216 Chương 17 ĐẾN LUẬT ĐẠI SỨ M. MÉRILLON
LÊN SÂN KHẤU
- 230 Chương 18 NGỌN ĐỎI CUỐI CÙNG
- 242 Chương 19 TUỐNG DƯƠNG VĂN MINH XUẤT HIỆN
- 249 Chương 20 NHỮNG TRÒ CHƠI VÔ VỊ CUỐI CÙNG
- 268 Chương 21 ÔNG DƯƠNG VĂN MINH LÀ AI?
- 303 Chương 22 MỘT BUỔI LỄ TRAO QUYỀN ĐẦY SÓNG GIÓ
- 327 CHƯƠNG 23 SỰ GIẤY CHẾT CỦA MỘT THÀNH PHỐ
- 352 CHƯƠNG 24 “BỘ ĐỘI” TRÀN VÀO THỦ ĐÔ
- 396 Chương 25 SỰ HIỆN DIỆN CỦA NGƯỜI PHÁP?
- 415 Chương 26 THẬT CHUA CHÁT THAY
CHO CÁI GỌI LÀ “GIẢI PHÓNG”!
- 442 Chương 27 “30 NĂM CHIẾN TRANH:
KHÔNG GIẢI QUYẾT ĐƯỢC GÌ CẢ!” GÌ CẢ!”

